Library
HoangSa.Org

sử địa

DO MỘT NHÓM GIÁO-SƯ, SINH-VIÊN ĐẠI-HỌC SƯ-PHẠM SÀI-GÒN CHỦ-TRƯƠNG

NHÀ SÁCH KHAI-TRÍ BẢO-TRỢ_1974

27 & 28

Library HoangSa.Org

sử địa

TẠP SAN • SƯU TẦM • KHẢO CỨU • GIÁO KHOA

BAN CHỦ BIÊN :

NGUYỄN THẾ ANH — BỬU CẦM — LÂM THANH LIÊM — PHẠM VĂN SƠN — THÁI VIỆT ĐIỂU — PHẠM CAO DƯƠNG — PHỪ LANG — NHỤT THANH — ĐẶNG PHƯƠNG NGHI — QUÁCH THANH TÂM — TRẦN ĐĂNG ĐẠI — PHẠM ĐÌNH TIẾU — NGUYỄN KHẮC NGỮ — NGUYỄN HUY — TRẦN QUANG HUY — TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG — PHẠM LONG ĐIỀN — TRẦN ANH TUẤN TRẦN QUỐC GIÁM — NGUYỄN SAO MAI — MAI CHƯỞNG ĐỨC THÁI CÔNG TỤNG.

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA :

HOÀNG XUÂN HÃN — CHEN CHING HO — THÍCH THIỆN ÂN — LÊ VĂN HẢO — NGUYỄN VĂN HẦU — TẠ TRỌNG HIỆP — NGUYỄN TRẦN HUÂN — NGUYỄN NGỌC CƯ — PHẠM VĂN DIÊU — BỬU KẾ — NGUYỄN KHẮC KHAM — TRƯƠNG BỬU LÂM — LÊ HỮU MỤC — NGUYỄN PHƯƠNG — HỒ HỮU TƯỜNG — LÊ THỌ XUÂN — ƯNG TRÌNH — NGHIÊM THẨM — TÔ NAM — BÙI QUANG TUNG.

BAN TRỊ SỰ :

nguyễn nhã * nguyễn nhựt tấn * phạm thị hồng liên * nguyễn ngọc trác * trần đình thọ * nguyễn hữu phước * phạm thị kim cúc * trần ngọc ban * phạm văn quảng * phạm đức liên * làm vĩnh thế.

Liên lạc : Thư từ bài vở, ngân phiếu, xin đề : NGUYỄN NHÃ
Trình bày : NGUYỄN NHẬT TẤN và NGUYỄN ĐỒNG
Trương mục : TẬP SAN SỬ ĐỊA Sài-gòn TM 2763
Chanh Trung Khu chi phiếu — Sài-gòn
Tòa soạn : 221, Cộng-Hòa, Sài-gòn. B.P : 380 ĐT. : 45.464

Library HoangSa.Org

lá thư tòa soạn

Chín năm đã qua. Sử Địa đã trải qua những giai-đoạn đầy chông-gai thử-thách. Từ năm thứ ba, cũng trong mục này, chúng tôi xác-nhận Sử-địa đã bước sang giai-đoạn trưởng thành và đến-nay, chắc không ai chối cãi giá-trị thực sự của Sử-Địa, một nỗ-lực lớn đem đến những tài-liệu qui giá cho sử-địa nước nhà. Tuy nhiên, công việc làm thật bạc-bẽo, nếu không nói chỉ đem lại những phần-thưởng tinh thần rất hạn-chế, không một lợi lộc vật-chất. Thế nên, hoàn-cảnh kinh-tế chật-vật hiện nay đã khiến cho việc ấn-hành trễ-nải, Sử-Địa đã không được ấn-hành đều-đặn như ý muốn trong vài năm qua.

Đến nay, vì sự thúc-bách thời thế, cần thiết phải phát-huy mạnh nền văn-hóa dân-tộc, những người chủ-trương chúng tôi nhận thấy, lại một lần nữa, phải đem hết tâm-huyết đóng góp việc phát huy những truyền-thống dân-tộc, và cũng vì thế, kể từ số này Sử-Địa sẽ là nơi diễn-đàn của NHÓM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VIỆTNAM. Một giai-đoạn mới thực sự được mở ra. Giai-đoạn mở rộng phạm-vi hoạt-động về văn-hóa dân-tộc, cùng với những người chuyên-môn khác góp phần xây dựng một nền quốc học vững-chắc. Như mọi người đã biết, quốc sử, địa chí là phần cốt yếu của Quốc học; nhưng còn Quốc văn, Quốc nhạc...cũng quan-trọng không kém. Ngoài phần chuyên-môn của mình, Sử Địa từ nay sẽ dành một phần phụ trương làm diễn-đàn cho các hoạt-động văn-hóa dân-tộc cũng như của nhóm văn-hóa trên. Không phải chỉ làm phận sự tường thuật, nhóm còn có ước nguyện sẽ dấn-thân vào những sinh-hoạt, phải tạo ra những sinh-hoạt, cố gắng góp phần đem lại một luồng sinh-khí, sinh-phong mới, đem đến lòng tin-yêu cho những người làm văn-hóa dân-tộc, với một chủ-trương dứt-khoát một quá-khứ triền-miên quá nệ-lệ vào văn-hóa ngoại-lai, hết Tàu đến Tây...

Quá khứ, Sử-Địa đã được lòng tin yêu của quí bạn đọc, của các bậc trưởng-thượng, thân-hữu tích-cực hợp-tác với Sử-Địa. Tương-lai, chúng tôi cũng mong được các nhà văn-hóa chân-chính Việt-Nam bất cứ ở đâu, bên này cũng như bên kia thương mến, hỗ-trợ, tiếp tay việc làm góp phần xây-dựng nền Quốc học. Một TRUNG TÂM QUỐC HỌC đang được chuẩn-bị thành-hình với những công-trình nghiên cứu, huấn-luyện, cùng những sinh-hoạt văn-hóa của Nhóm Nghiên Cứu và Phát Hny Truyền Thống Việt Nam, mà sơ khởi quí bạn đọc có thể theo dõi trong Phần Sinh Hoạt Văn Hóa kể từ số này.

Library HoangSa.Org

Chúng tôi tha-thiết kêu gọi sự hỗ-trợ tiếp tay của mọi người trong việc làm nghiên cứu và phát huy văn-hóa dân-tộc.

Với sự tiếp-tay, hỗ trợ của các bậc trưởng thượng, các nhà văn-hóa chân-chính, của quí bạn đọc, với sự hào-hiệp nhất là lòng hào hiệp của Ông Giám đốc nhà sách Khai-Trí, chúng tôi tin-tưởng rằng từ nay Sử-Địa sẽ được ấn-hành đều đặn và thực-sự dấn thân vào các sinh-hoạt văn-hóa dân-tộc. Hiện nay, Sử Địa đã gần như hoàn tất việc sửa soạn các số chủ-đề : Hoàng Sa, 900 năm khoa cử Việt Nam và đang sửa soạn số đặc biệt về « Nghiên Cứu và Phát Huy Truyền Thống Việt Nam » tức bàn về Quốc học,

Bởi những số Sử Địa sắp tới là những số đặc-khảo, nên chúng tôi đã cố-gắng đăng trọn trong số báo này những bài võ dịch thuật thật dài, không để tiếp nối ở kỳ báo sau, để quí bạn đọc dễ dàng theo dõi.

Phần Sinh Hoạt Văn Hóa không những có mục-đích phổ-biến tin-tức sinh-hoạt mà còn được coi như những tài-liệu lịch-sử sống-động, từ đó các nhà nghiên cứu sau này có những dữ kiện chính xác về văn-học nghệ-thuật... để mà kê-cứu. Trong phần này, cũng sẽ được giới-thiệu các công-trình sáng-tác về văn-học nghệ-thuật để khuyến khích tinh-thần sáng-tạo cũng như tinh-thần tự-lập văn-hóa dân-tộc. Tuy vậy, phần sinh-hoạt văn-hóa cũng sẽ chỉ chiếm một tỷ lệ số trang nhỏ, vì dù sao Sử Địa cũng chỉ là một tạp-chí chuyên-môn, đặc biệt về Quốc sử. Tiện đây, chúng tôi cũng xin quí bạn đọc và thân hữu hiểu cho lý-do tại sao Sử Địa không chịu đăng tải nhiều những sử-liệu thế giới hay địa lý, tại sao chúng tôi đã từ chối những bài vở sử địa thế giới dù có giá-trị, bởi rõ-ràng, chủ trương cố-hữu của Sử-Địa là muốn chuyên khảo Quốc sử trước và cũng là chủ-trương phát huy quốc học. Sau này, khi phần nghiên cứu quốc sử đã phần nào được thỏa-mãn, Sử-Địa sẽ được quân bình luôn về sử cũng như về địa, quốc sử cũng như thế giới sử.

Gần 1 tuần-lễ sau ngày ra đời của Tập San Sử Địa, ông Trần Thúc Linh đã viết bài « MẶT TRẬN VĂN HÓA » trên nhật báo Thần Chung số 36, ngày 7-3-1966 tại Saigòn tường thuật buổi ra mắt Sử Địa tại câu lạc bộ báo chí với những kỳ vọng lớn lao vào Tập San Sử Địa.

Đến nay, Sử Địa mới thực sự tham gia mạnh mẽ, sát cánh cùng những người làm văn-hóa dân-tộc để một phần nào đáp lại những kỳ vọng ấy. Nhưng cho đến nay, chúng tôi vẫn không chủ-trương kết-thúc thành bại giữa anh em với nhau mà chúng tôi chỉ mong cùng đóng góp vào thế đứng chung của văn-hóa dân-tộc để chúng ta cùng ý thức, cùng hành-động, cùng tiến bộ có lợi cho trường-kỳ dân-tộc, chống lại mọi sự nô-lệ văn-hóa ngoại-lai từ hàng ngàn năm đến nay.

Tất cả vẫn còn trông chờ vào sự khuyến khích của quốc dân, sự tiếp tay của những người làm văn-hóa chân-chính.

TẬP SAN SỬ ĐỊA

Library HoangSa.Org

ĐÚNG BA TRĂM NĂM TRƯỚC

(Tiếp theo Sử-Địa số 26)

★ HOÀNG-XUÂN-HÃN

TRẬN QUÂN TRỊNH TẤN-CÔNG LŨY TRẤN-NINH NĂM NHÂM-TÝ 1672

(Dịch nguyên văn quyển 7 và 8 sách
Nam-triều Công-nghiệp diễn-chí)

Sau đây, những lời chú hoặc đặt riêng, hoặc đặt trong dấu ngoặc đơn, là của dịch-giả. Những tiểu-mục thêm vào để dễ lĩnh-hội toàn cuộc chiến-dịch. Các bản-đồ trỏ những vị-trí quan trọng. Phụ-trương Hán-văn cho hay các tên người và tên đất bằng Hán-văn. Nối lời dịch có phụ vài ý-nghĩ và thời-sự quần đảo Hoàng-sa.

H.X.H.

1.— CẢNH THÁI-BÌNH

Lại kể năm *Cảnh-trị* thứ 10, Nhâm-tí, tháng 2 (vua Lê Huyền-tông, từ 28/2 đến 28/3 1672), *Chúa Hiền* (Nguyễn Phúc-Tần) nhàn-hạ, triệu trai gái xã *Hạ-lang* tới trước gác *Quyền-bồng*, bày cuộc chơi đùa làm vui : đánh cờ người, đá cầu (kiệu), xít đu. Có thể nói là một thắng-hội. Khi ấy, các quan-liêu, dân bách tính, trai gái già trẻ, dắt con ôm cháu cùng tới xem chơi, không thể đếm xiết.

Chúa Hiền bãi các cuộc chơi đùa, ra lệnh truyền cho các quân *Nội-bộ*, *Ngoại-thủy*, chia làm hai nhóm tả hữu : quân Nội-bộ bên hữu, quân Ngoại-thủy bên trái, mỗi bên ngồi một chiếc thuyền và cầm một đầu cái dây thừng. Nghe trống đánh ba hồi xong thì hai bên ra sức kéo dây (có lẽ vừa chèo vừa kéo). Nếu thuyền nào thắng được thì thưởng 5 quan tiền. Từ đó, ai nấy ráng sức kéo ; không bên nào được thua.

Thình-lình nghe nói bắt đầu trò tranh đấu : người ta bỏ dây. Hơn hai mươi người ôm nhau mà vật lộn. Chúa thấy vậy, rất vui, cười to, bèn truyền lệnh bảo bỏ trò kéo dây, cho phép mặc sáu người vật nhau. Lúc ấy có tên lính Nội-bộ thuộc thuyền *Hoàng-kiếm* (đội quân) là *Đăng-Kiếm* đứng bậc nhất, không ai dám địch. Chúa bèn thưởng tiền 10 quan, vải quyến thuế (dân nộp) một tấm, để biểu-dương tiếng-tăm.

Library HoangSa.Org

Từ đó, chúng mục-đồng ở các xứ họp nhau thành bầy, kéo dây, đánh vật. Lại sắm ngựa gỗ, dao, gươm ; may cờ, xí ; chia thành bầy, bày quân, dàn trận, đánh nhau mà chơi. Nghiệm biết đó là mệnh trời (báo sắp có binh-đao).

Đến ngày mồng 1 tháng 4 (27/4/1672), có nhật-thực từ giờ Tị (9-11 giờ) đến giờ Mùi (13-15 giờ) mới tròn trở lại. Lại đến ngày 16, có nguyệt-thực : trăng bị xâm hết, sắc nửa đỏ nửa đen từ giờ Tuất (19-21 giờ) đến giờ Sửu (1-3 giờ) mới sáng rạng.

2.— CẢNH-BÁO VÀ RA QUÂN

Đến ngày 12 tháng 5 (7/6/1672), trấn thủ *dinh Bố-chính* (ở Yên-náu) *Triều-tín*, trước đó đã sai thám-tử đi dò tin-tức ở cõi Bắc. Nay thám-tử trở về báo trấn-thủ Triều-tín rằng :

« Tiều-tốt vâng lệnh đi Trung-đô (Thăng-long) ; đã nghe biết rằng *chúa Tây-đình* (Trịnh Tạc) vì việc năm trước quân ta mắng sứ, giận lắm, muốn phát binh đánh miền Nam. Văn-thần là *quận Thông* (1) hiến mưu, bèn sai người sang các nước *Ô-lan* (Hòa-lan ở Batavia tại Java), *Nhật-bản* làm hòa-thân, xin mượn quân về bày tập chiến-pháp. Quân ấy đã đến Trung-đô, thường thường luyện-tập.

« Tháng 3, đã sai quân chuyên-chở lương cỏ chứa ở một nơi là

---

(1) *Lê-sử Tục-biên*, quyển 19 trang 25b, năm Canh tuất 1670 : Sai tham chính Sơn-nam Nhan-giang-tử Lê Đắc-Tuyền, Hinh-khoa cấp sự-trung Trần Xuân-Bảng đem dụ-văn đi dỗ họ Nguyễn ở Thuận-Quảng. Bấy giờ, bọn Đắc-Tuyền vâng mệnh tới cửa bể Nhật-lệ thuộc Bố-chánh. Sai hành-nhân đưa thư thông-báo. Lại có lời trao đổi vài bốn phen. Họ Nguyễn cự mệnh không nhận. Bọn Đắc-Tuyền bèn về Kinh. Lê Đắc-Tuyền sinh năm 1620, đậu tiến-sĩ khoa 1652. Còn có đền thờ ở sinh-quán là làng Bình-hồ, sau gọi là Yên-hồ, cũng là sinh-quán tôi. Tôi còn thấy trong đền có bai thơ khắc ở biển gỗ, có vẻ « Nam cừ cống-khoản thông » trở sự đi sứ này chăng ?

Đại-Nam Thật-lục tiền-biên, quyển 5 trang 6b cũng chép việc « mắng sứ » như sau : Ở triều Lê, Trịnh Tạc sai Lê Đắc-Đồng (Chữ Tuyền 全 hủy vua Thiệu-trị, nên bỏ một nét ngang thành chữ Đồng 仝), Trần Xuân-Bảng mang thư đến cửa Nhật-lệ, nói là vàng mệnh vua Lê đòi nộp thuế cống. Trấn-thủ Bố-chánh là Triều-tín đem việc ấy báo lên. Chúa bảo các tướng rằng : « Những việc lễ nhạc, chinh phạt không phải tự vua Lê mà ra. Việc này chắc tự họ Trịnh giả danh vua mà ban mệnh. » Chống không nhận. Bọn Đắc-Tuyền trở về. Trịnh Tạc bàn muốn phát binh. Có bầy tôi là đô-đốc Thông can rằng : « Sách Binh-pháp nói : Biết người biết ta thì trăm trận không nguy. Tôi trộm nghe ở Nam-hà, trên dưới hoà-mục, binh giáp tinh mạnh. Ta chưa thể khinh động được. » Tạc bèn thôi.

Library HoangSa.Org

Dinh Cầu (tại Kì-anh thuộc Hà-tĩnh), và một nơi khác là điện Phù-lộ ở phía bắc sông Gianh thuộc Bố-chánh (hành-cung ở xã Phù-yên (16)). Lại sai đào sâu *sông Ròn* để thông thủy-đạo. Lại sai quân đến xã *Kim-linh-thượng* ở núi *Cù-lao*, đẵn gỗ xốp và nứa, chất đống thành như núi ở hai xã *Yên-bài* và *Thổ-ngọa*, phòng-bị làm cầu phao để quân bên kia qua sông *Đại-linh* cho chóng.

« Sai điểm 18 vạn binh. Hoàng-đế thân-chinh. Chúa Tây-định làm nguyên-soái các quân thủy bộ. Thiếu-phó *quận Phú* (郡, phải đọc *Ngài* 艾 tức là Trịnh Căn) là nguyên-soái thủy-quân. Dốc hết quân trong nước, trở đường đi xâm cõi miền Nam ».

Triều-Tín nghe báo, truyền cho tướng sĩ dinh mình tu-chỉnh quân-nhu, voi, ngựa để đề phòng cự-địch. Phi báo cho các dinh khác biết. Lại sai người về triều bái-bẩm sự Bắc-triều chuẩn-bị như thế.

Hiền Chúa nghe bẩm, bèn phất tay áo, cười mà nói rằng :

« Thằng Tây-định không nhớ cái thua năm trước (1662). Nay dám xúc-động xui vua, khoe-khoang nói dấy binh, trở lại quấy cõi ta chăng ? »

Nói xong, truyền lệnh cho triều-thần văn võ thương-nghị. Chúa bảo :

« Nay bọn nhỏ-mọn Tây-định ép đem vua dấy quân xâm cõi ta. Các tướng hợp-đồng bàn chung nên chọn tướng nào giữ quyền nguyên-soái cầm quân cự-địch, để bắt họ Trịnh, giết lũ chuột kia ở Trung-đô. »

Lúc ấy, chưởng-dinh (võ-chức vào bậc đại-tá ngày nay) *Yến-vũ* và bọn các tướng bẩm rằng :

« Hễ chinh-phạt là việc lớn nhà nước. Đến như quyền nguyên-soái, thì nên chọn người có toàn tài, rạng-rệt về ân và uy, một là được các tướng dốc lòng tin, hai là được ba quân ái-mộ. Muốn vậy thì chắc rằng không phải thân-nhân Chúa thì không thể ủy dùng. Chúng tôi thấy công-tử thứ nhì *Hiệp-đức* tuy tuổi trẻ nhưng tài đức kiêm toàn, có tài ngang trời dọc đất, có mưu yên nước cứu đời ; người người kính-trọng, kẻ kẻ thân yêu. Ắt nên ủy cho giữ trọng-chức, thì có thể phá được quân Bắc. »

Chúa nghe bẩm, mừng lắm. Bèn ra lệnh sai công-tử thứ hai *Hiệp-đức* làm nguyên-soái, vệ-úy *Phú-lĩnh* (Mai Nhuận), kí-lục *Xuân-đài* (Vũ Phi-Thừa) làm tham mưu, tướng-thần-lại (chức văn) là bọn *Minh-Tiến, Văn-Cảnh, Văn-Vinh, Văn-Học, Vũ-Lược, Cường* đi theo để mật sai điều-khiển. Lại sai phò-mã chưởng-cơ *Đức kiêm* và *Tiến đức* làm tả hữu tiên-phong (*Thật-lục* Q5/8b chép : chưởng-cơ *Trương Phúc-Cương* và *Nguyễn Đức-Bảo* làm tả hữu tiên-phong), bảo rằng :

Library HoangSa.Org

« Chọn ngày lĩnh quân phát hành cự địch. Ta sẽ đem đại quân tiếp ứng ».

Chúa lại sai tướng-thần-lại là cai-hạp Tường-lộc-tử đi đến kho Lại-cách và cai-hạp Văn-giang-tử đi đến hai kho Yên-trạch và Trường dục chuyển vận và áp sắm lương và cỏ, chiếu số mà phát cho ba quân, theo chuyện Tiêu Hà (làm đời Hán).

Rồi thì, bọn công-tử Hiệp-đức vọng bái, nhận mệnh, ra khỏi triều : cùng các tướng chọn ngày 22 tháng 7 (14-8-1672) ra quân.

Những thấy :

Binh-uy dẫy-dẫy — nhuệ-khí bừng bừng.

Kiếm kích như đùn mây đọng móc — kì xí như ngưng tuyết tuôn sương.

Voi ngựa có đầy non chật ruộng — Chiếu thuyền có khắp bề đầy sông.

Người người hùng-tráng — Kẻ kẻ oai-cường.

Ấy đề :

Giữ gìn Nam-giới — dẹp hết Bắc-phương.

3.— *HIỆP-ĐỨC PHẢN TRÁCH*

Chẳng mấy ngày, quân đến phủ *Tân-thắng* ở *Thạch-xá* thuộc Quảng-bình. Chia quấn đóng trại dựng đồn. Hôm sau, nguyên-soái *Hiệp-đức* lên trướng (chỗ tướng làm việc). Bèn mời tiết-chế *Chiêu-vũ* (Nguyễn Hữu-Dật), trấn-thủ *Mĩ-thắng* (Nguyễn Mĩ-Đức trấn-thủ Quảng-bình), *Thuần-đức* (không rõ họ tên, trấn-thủ Cựu-dinh, tức là Dinh-cát gần Quảng-trị ngày sau), tham-tướng *Tài-lễ* và những tướng cầm các đạo quân, cùng nhau hội-nghị.

Nguyên-soái Hiệp-đức bèn đứng dậy, chắp tay, nói rằng :

« Tiểu-sinh (công-tử mới 20 tuổi) tài sơ học cạn, ít trí non mưu. May nhờ Thánh-thượng mà trộm được ủy trọng-quyền. Những sợ không cáng nổi trách-nhiệm. Tất cả mọi sự, nhờ các ông đồng tâm hiệp lực, trừ ác giúp Vua. Nay nhân có mống họ Trịnh (tiếng khinh trỏ con cháu kẻ thù) đem quân xâm cõi. Các ông nên sớm bày mưu định kế đánh dẹp quân địch ; may thành công bình-định, tỏ hào-kiệt nước Nam. Đó là lời gan ruột của tiểu-sinh. Mong các ông đừng có giấu ý. »

Rồi thì tiết-chế Chiêu-vũ và các tướng đều đứng dậy vái mà nói rằng :

« Bầy tôi đội ơn Chúa bao-dung. Nếu có một mảy tài-năng, thì cũng phải ra sức chó ngựa mà báo ơn Chúa. Sao có dám giấu kín điều gì ? Nhưng bầy tôi trộm nghe rằng chúa Trịnh nay tự cầm đạo quân

Library HoangSa.Org

phải dốc nước mới có, mà đem đến đây. Thế giặc to lớn. Không phải bọn quân của Phú (quận Phú, Trịnh Căn) và Đương (quận Đương, Đào Quang-Nhiêu ; trở chiến-dịch 1655-56) ngày trước có thể sánh kịp. Mà Nguyên-soái thân nhận mệnh Thánh-vương đã trù-tính sai cầm quân đến đây cùng bầy tôi góp sức phòng chống giặc. Bầy tôi chưa biết chủ-ý Nguyên-soái đánh giữ ra sao ; khiến bầy tôi khó hiểu mà tính liệu. Xin Nguyên-soái xét rõ, sớm phát hiệu-lệnh, chỉ-thị để bầy tôi đều có sở-cứ tuân lệnh mà làm, khỏi có chỗ lầm. »

Nguyên-soái Hiệp-đức nghe xong, tự khiêm, nói rằng :

« Tiểu sinh tuy là nguyên-soái, nhưng tuổi còn vào hạng trẻ bé ; chưa từng trải qua chiến-trận. Các ông đã ở trong binh-đao từ lâu. Tình-hình giặc hư thật vốn biết. Huống tuổi-tác lại là lão-thành ; liệu địch, đặt kì (tìm cách phá, đặt phục-binh) ắt là giỏi hơn tiểu-sinh. Các ông hãy cởi hết lòng đến tận đáy sâu. Tiểu-sinh sẽ theo đó mà châm-chước. May chi giải-quyết được việc lớn của nhà nước. Chớ có cố-từ »

Các tướng nói :

« Không dám ! Không dám ! Xin Minh-công (tiếng xưng-hô tôn-trọng : ông sáng-suốt) chóng ra hiệu-lệnh. Bầy tôi vâng tìi-hành để làm rạng-rệt phép quân. »

Rồi đó, nguyên-soái bèn hạ lệnh điều-khiển :

« Sai tiết-chế *Chiêu-vũ* lĩnh quân bày tại *Lũy-Cát* và giữ bãi *Tràng-sa* dọc bể, trấn-thủ Quảng-bình *Mĩ-thắng* đem quân giữ *Chính-lũy* từ khe *Cự-hạ* đến chỗ *Hói-tráng*, trấn-thủ Cựu-dinh *Thuần-đức* lĩnh quân giữ lũy *Đòn-vồng* ; các tướng tiên-phong chưởng-cơ *Đức-kiêm* và *Tiến-đức*, cai-đội *Hoằng-tìn*, tham-mưu *Xuân-đài* đem quân giữ thành *Trấn-ninh*, cai cơ *Thuận-trung* lĩnh quân giữ cầu *Mũi-nậy* và đài *Mũi-thốc* ; tham-tướng *Tài-lễ* đem chiến-thuyền từ *Hãn-nội* bày ra hai bên tả hữu để giữ *cửa Nhật-lệ* (2).

---

(2) *Thật-lục* quyển 5 chép đoạn này tuy sơ-lược hơn, nhưng cũng đúng như trên. Về các tên người thì chép rõ tên họ chứ không phải chép tước như trên. Về công tử làm nguyên-soái thì chép tên HIỆP có chức chưởng-cơ, tước Hiệp-đức-hầu. So với *Thật lục*, ta có thể biết rõ tên họ của một vài sĩ-quan cầm quân bấy giờ : Chiêu-vũ là *Nguyễn Hữu-Dật*, Mĩ-thắng là *Nguyễn Mĩ-Đức*, Đức-kiêm là *Trương Phúc-Cương*. Về các tên lũy, tên địa-điểm, thì khá phù-hợp với các bản-đồ xưa vẽ vào đời cuối Lê, nhưng những tên nôm có chỗ khác nhau chắc bởi sao chép sai. Tôi đã phiên-âm sau khi so sánh nhiều bản-đồ và sau khi lí-luận về ngữ-học và chữ nôm. Ví như tiếng *Mũi* xưa trỏ chỗ đất, bãi hình nhọn nhô ra ngoài nước : ở Quảng-bình có *Mũi-đao*, *Mũi-giùi*, *Mũi-nậy*. Chữ cuối →

Library HoangSa.Org

« Lại sai người truyền cho trấn-thủ Bố-chánh, Triệu-tín, gấp sai quân đi hộ-vệ dân châu mình, tất cả trai gái già trẻ, đưa vào sau lũy trong ; chớ để một dân phu nào ở sót lại, rồi sau đó đưa quân vào giữ lũy Động-hồi tại chỗ núi Đâu-mâu.

« Ai nấy hãy chia quân giữ cẩn-thận, tuân lệnh mà làm. Chớ có lười biếng. Nếu ai trái lệnh thì phép quân không dung. »

Các tướng nhận lệnh, ra khỏi trướng, đều khen thầm rằng :

« Hiệu-lệnh nghiêm minh, pháp chế chỉnh-túc. Thật có tướng-tài ! »

Ai nấy đều đưa quân đóng chỗ đã sai đóng, giữ cẩn-thận ; chỉnh-sức binh-nhu để phòng công-kích.

4.— *CHÚA TRỊNH RA QUÂN CHIẾM NAM BỐ CHÁNH*

Lại nói : ở Bắc-triều, chúa Tây-định (Trịnh-Tạc) từ khi giận Nam-triều lăng-mạ sứ-mình (1) (năm 1670, xem S. Đ. 244), tu-chỉnh binh-mã, sai đô-đốc *Hào-man* (quận Hào Lê Thì-Hiến) làm tiên-phong. Tự làm nguyên-soái, đem Hoàng-đế (vua *Dương-đức* Lê Gia-tông) đi làm tiếp-ứng. Lại sai thiếu-bảo quận *Phú* (Trịnh Căn, con chúa Tây) làm nguyên-soái thủy-quân. Lĩnh tất cả quân thủy và bộ có 10 vạn người, nói phao ra là 18 vạn.

Chọn ngày 28 tháng 6 (22-7-1672) phát quân, ngóng miền Nam mà đều tiến.

---

(1) này tôi đọc *Nậy*, nghĩa là lớn — viết bằng chữ Nại 奈 hoặc 耐 — Có sông nhánh sông Gianh mang tên *Rào-nậy*. *Lũy-Cát* trên đây không phải là dinh Ái-tử ở Quảng-trị, mà bấy giờ cũng gọi là dinh Cát hoặc Cựu-dinh, hoặc Dinh-cũ. Lũy-Cát đây là lũy *Sa-đôi* ở bản-đồ cuối đời Lê. Trên bản-đồ ấy, lũy *Sa-đôi* ở phía tây lũy *Chinh-thủy*. Nhưng tựa vào một số lẽ khác, tôi nghĩ rằng lũy ấy ở về phía đông, gần Mũi-nậy ; một lẽ là Nguyễn Hữu-Dật đóng đó phải coi cả lũy *Trường-sa* dọc bờ bể ; lẽ thứ hai là, như ta sẽ thấy sau, Hữu-Dật từ đó có thể quan-sát trận-đánh ở lũy Trấn-ninh ở trên cửa bể Nhật-lệ. Trong các tên đất kể trên, có ba tên bắt đầu hoặc bằng chữ Mũi (Mũi-giùi, viết bằng chữ gồm Tị là mũi và *Mỗi* 每) hoặc bằng chữ Mỗi mà thôi (Lối nôm xưa ít dùng phần-tử hội-ý). Tên *Mũi-thốc* 鼻秃 thì không biết trỏ chỗ nào, có lẽ là một doi đất ở ngã ba sông nhánh sông Lệ-kì. Còn *Mũi-nậy* thì theo bản-đồ xưa (*Sử-địa* số 6, trang 245) là doi đất ở chỗ sông Lệ-kì chảy vào sông Nhật-lệ. Trên sông Lệ kì ở chỗ ấy có cầu gọi là cầu Mũi-nậy, nó có chức-vụ quan-trọng là nối hai phòng-tuyến Nhựt-lệ và Trấn-ninh. Chữ Mỗi cũng là phần nửa chữ *Hải*. Vì vậy trong bản-đồ xưa kia đã viết làm ra Hải-nại. Chữ Mỗi cũng là phần nửa chữ Hối 晦 mà tôi đã phiên-âm ra *hói* (Hói-trang), nghĩa là rãnh nước nhân-tạo để dẫn thủy.)

Library HoangSa.Org

Những thấy :

Xe loan Thiên-tử — Dời khỏi đền Vua.

Quân Hồ-bôn tiền hô hậu ủng, phất-phơ cờ vẽ beo hùm — Đội Long-nhương tả dực hữu phù, giăng dựng xí thêu rồng rắn.

Tiếng còi truyền vang trời đất — Chiêng khánh rậy trỗi non sông.

Gươm mác đọng sương — Ngựa voi đầy nội.

Cuồn-cuộn lướt sông cưỡi bể — Rầm-rầm mưa táp mây tuôn.

Đó là Hoàng-đế hành quân rất là chỉnh-túc.

Trung-tuần tháng 7 binh đến *Bố-chánh*, bên bờ bắc sông (Gianh, tên chữ là Linh-giang chắc vì tên xưa là TLANH, phiên ra Hán-tự LINH và biến ra Việt-ngữ ra TRANH rồi GIANH), bày đồn hạ trại.

Đến trung-tuần tháng 8, chúa Tây-định hạ lệnh phát quân qua sông *Đại-Linh*, sang bờ nam. Quân tiên-phong bày đóng ở xã *Đông-cao*. Chính-binh đóng đồn dọc sông *Thanh-hà* (3).

Lúc ấy, thám-tử về báo (việc ấy). Trấn-thủ *Triều-tín* (trấn-thủ Bố-chánh đóng ở Dinh-ngói cách Đông-cao 10 cây-số về nam) nghe tin ; một mặt gấp sai cai-đội *Hoằng-lộc* lĩnh quân đi từ đầu núi đến cửa bể, tìm dân châu mình, hộ-vệ tất cả trai gái già trẻ, đưa vào trong lũy (lũy Động-hồi, theo *Đại-nam Thật-lục Tiền-biên*, 5/9b), để khỏi bị quân giặc quấy hại. Một mặt, sai người vào triều bẩm báo. Lại trình Nguyên-soái biết rõ chuyện. Bấy giờ trấn-thủ Triều-tín chia quân giữ cẩn-thận thành trì, phòng-bị chống địch.

Đến ngày mồng 3 tháng 9 (23-10-1672), chúa Tây-định vâng mệnh Hoàng-đế đem quân qua sông (4), thẳng tiến tới trước mặt lũy dinh Bố-chánh. Hai quân bày trại đối nhau.

Bấy giờ tướng bên Nam, trấn-thủ *Triều-tín* chia quân cự địch, đại-chiến một trận. Nhưng ít không thể địch nhiều, bèn đưa quân lui về

---

(3) Sông Đại-linh hẳn trỏ sông Gianh, nhưng chữ Đại có chỗ viết Cửu là chín, tự-dạng gần chữ Đại. Mà chữ Cửu tự-dạng lại rất gần chữ Kẻ là xứ — tiếng Việt cổ — Những sự-kiện trên khiến tôi tự hỏi sông Giang có tên xưa là sông *Kẻ Tlanh* không. Xã *Thanh-hà* ở kề bờ nam cửa sông Gianh có tên cửa Bố-chánh. Sông Thanh-hà là khúc sông Gianh ở chỗ ấy. Xã Đông-cao ở trên đường cái 10 cây số cách phía nam Thanh-hà (Xem bản đồ phụ-trương)

(4) *Sông* đây chắc cũng trỏ sông Gianh. Nhưng trên kia đã cho hay rằng chúa Tây đã phát quân qua sông ấy vào trung-tuần tháng 8. Có lẽ khi ấy chỉ một phần qua sông. Còn đại-quân vẫn ở bờ bắc với vua Dương-đức và chúa Tây, vì ở bắc sông có hành-điện ở xã *Phù-lộ*, nay là Phù-kinh (16). Dinh *Bố-chánh* tức là Dinh-Ngoi ở xã Yên-náu.)

Library HoangSa.Org

Chính-lũy, đóng lại ở núi *Động-hồi*. Bắc-quân thừa-thế, Tướng tiên-phong *Hào-man* tiến thẳng tới, đóng đồn ở xã *Chính-thủy* (5) cho đến xã *Sơn-đầu*; sai quân đắp lũy, khai hào, bày trại. Chúa Tây-định vào dinh *Bố-chính*, đóng đồn quân liền nhau từ bờ bể qua các xã *Phú-xá*, *Trấn-ninh*. Chia quân giữ cẩn-thận các đường quan trọng. Thả quân tìm bắt lương-dân, cướp lấy của-cải. Hễ bắt được người Nam-hà thì bất-kì trai gái già trẻ, đều lấy *sàng Thái bình* khoét phần giữa thành lỗ, đem lồng vào cổ mà sai quân quay. Vì vậy, cổ dân chảy máu đầy đất, tiếng kêu khóc chấn-động xa gần. Tra khảo của-cải như vậy thật là thảm-khốc.

(Chúa Tây) lại sai quân các đạo đắp lũy, bồi thành từ núi đến bể để làm kế-sách lâu dài. Ra lệnh truyền cho nguyên-soái thủy-quân là *quận Phú* đem hơn 800 thuyền *trường-đà* (bánh lái dài) và chiến-thuyền bày trên sông *Đại-linh* để dự-bị tiến vào đánh bãi bể *Tràng-sa*, rồi từ cửa *Nhật-lệ* bỏ thuyền và sai quân lên bộ để đánh vào sau lưng lũy Nhật-lệ. Lại sai thảm-đốc là *quận Thắng* đem 30 chiếc thuyền bày ở nơi *Miếu* (6) tại cửa bể Nhật-lệ, để tiếp viện cho bộ-binh. Lại sai phò-mã là quận *Hương* đắp ụ súng ở chỗ *Cồn-Mắm* (Hàm-khư) ở Trấn-ninh, đặt *súng đại-bình* (cán dài) bắn phá *cầu Mũi-Nậy*, để cắt đường.

Rồi thì nguyên-soái Nam-triều, *Hiệp-đức*, thám biết sự ấy; bèn chia quân ghìn giữ thành-trì. Lại sai tham-tướng *Tài-lễ* lĩnh thủy-quân, đắp ụ-súng trong thành *Trấn-ninh*. Ở cầu *Mũi-Nậy* thì đặt đại-bác để bắn đối lại.

Từ đó, quân Nam và quân Bắc đều giữ thế cố-thủ.

---

(5) *Chính-lũy* có lẽ trỏ chung lũy Nhật-lệ đối với các lũy phụ thuộc chung quanh; nhưng cũng có thể trỏ phần giữa lũy ấy. Lũy *Động-hồi* là phần phía tây gần núi cùng tên ấy. Xã *Chính-thủy* nay là *Trung-nghĩa*. Hai chữ Sơn-đầu nghĩa là đầu núi cũng có thể là tên một xã ở gần núi Động-hồi. Trong sách KQ, câu văn là *Chính-thủy xã chí sơn đầu*, theo ý thì nghĩa là: từ xã Chính-thủy đến đầu núi. Trong sách THE thì không có chữ *xã*; vậy nghĩa có thể từ xã Chính-thủy đến xã Sơn-đầu. Sách KQ đã chép sót một chữ *xã* chăng? Xã *Phú-xá* nay còn tên ấy, ở cách Đồng-hới về phía bắc chừng 6 cây số. Xã *Trấn-ninh* nay là Phú-ninh ở kề bờ bắc cửa sông Nhật-lệ.

Sàng Thái-bình là dịch hán-ngữ *Thái-bình-cơ*. Tôi không rõ gốc hai tiếng *thái-bình*, đó là tên làng đan sàng ấy chăng?

(6) *Quận Phú* là Trịnh Căn; *Quận Thắng* và *Quận Hương* đều không biết là ai. *Miếu* ở cửa Nhật-lệ chắc là miếu thờ Nguyễn Hoàng gọi là *Đoan-công miếu* trong bản đồ xưa, trang 141/8E sách *Hồng-đức bản-đồ*.)

Library HoangSa.Org

5.— *CHÚA HIỀN BÀN CHIẾN-LƯỢC VỚI TRIỀU-THẦN*

Lại nói nguyên-soái Hiệp-đức, từ khi vâng mệnh đem quân đánh dẹp, đã qua hơn hai tháng, trong trướng, tại phòng ngủ, đêm ngày dùng con trai hầu-hạ, chứ không thị-nữ. Ở xứ nầy, cai-đội *Bật-nghĩa* có một con gái nhan sắc lộng-lẫy, hình-dung mĩ-lệ. Y thám biết sự ấy, bèn sai người đem con gái mình vào trong trướng để hầu khăn lược.

Hiệp-đức trông thấy, bùng lên cả giận, nói :

« Ta vốn muốn dẹp yên loạn cướp để rạng vẻ anh-hùng. Sao mày lại đem sắc đẹp lại câu ta ? Ta vốn không có lòng (nghĩ sự) ấy. Lẽ ra đáng quyết mổ bụng mầy để cảnh-cáo kẻ khác. Nhưng ta thương mầy nghèo đói, đã vì muốn nuôi sống thân mầy nên đến nỗi làm vậy. »

Nói rồi, cho mười quan tiền, rồi đuổi người con gái ấy ra ngoài, xua đi cho xa. Con gái ấy sợ hãi, thẹn-thùng, trốn về. Bật-nghĩa sợ không xiết. Ai nghe câu chuyện cũng đều khen lao.

Lại nói chuyện ngày mồng 5 tháng 9 năm ấy (25-10-1672), tại Nam-triều, *chúa Hiền* ngự chính-điện ; triệu-tập quần-thần hội bàn việc giặc Bắc. Sai-nhân của dinh Bố-chánh kính bẩm rằng :

« Hoàng-đế Bắc-triều và chúa Tây-định đem 18 vạn quân xâm cõi ; đóng dinh ở Bố-chánh, thả quân cướp-bóc như thế... »

Lúc đó, chúa Hiền bèn hỏi triều-thần văn vũ rằng :

« Nay Tây-định cầm đại-binh, 18 vạn người, xâm vào quấy bờ cõi. Rày chúng đông ta tẻ. Các khanh sẽ dùng kế gì mà ngăn chúng ? »

Cai-cơ đội Nội-tả, *Minh lễ* (Tống Đức-Minh, theo THL, quyển 5 trang 10a), bẩm rằng :

« Quân nó tuy đông, nhưng là đàn quạ bầy sẻ. Quân ta tuy tẻ, nhưng đều tinh-nhuệ, hùng-tráng ; một người có thể địch mười. Huống chi ở bờ cõi ta, sông thì sâu, lũy thì cao. Nước giàu, lương đủ, thì sợ gì quân nó nhiều. Người xưa đã nói : « Một người giữ hiểm, nghìn người khôn địch. » Huống chi sách Binh-pháp nói : « Đánh thành là cái vạ cho nhà binh ».

« Nay họ Trịnh gặp tiết thu đông phát quân vào cõi ta. Những xứ Khê-cự của ta là nơi độc lắm. Nếu có mưa gió, nước lụt, thì trong cao ngoài thấp, khí độc ắt chảy đến chỗ quân nó. Hoặc chúng ăn uống (nước ấy), thì trúng độc ắt chết. Như vậy ta sẽ không phí công một mũi tên hòn đạn mà được toàn thắng.

« Ấy vì nhà Trịnh không hiểu thiên-thời, không hay địa-thế. Nay quân ta nên giữ cẩn-thận ; chớ cho đánh nhau với nó. Đợi sau vài

Library HoangSa.Org

tháng, thì quân nó tuyệt lương. Nếu tuyệt lương thì lính ắt tự bỏ chạy. Quân ta sẽ thừa-thế đuổi theo, chỉ một trống canh mà thành công lớn đó ! »

Các tướng đều ứng-thanh nói :

« Kế ấy rất hay. Mong Thánh-thượng truyền xuống cho các đạo binh ở mặt trận, để theo đó mà hành. »

Chúa nghe xong, trầm ngâm một lúc, nói :

« Kế ấy rất hay. Nhưng lòng quân ta tự biết rằng quân mình ít mà tai nghe nói quân nó rất đông, thì lòng chúng không khỏi sợ hãi. »

Ấy rồi, thủ-bộ *Đông-triều* (Trần Đình-Ân, theo THL TB 5/10b ; nhạc-phụ Nguyễn Khoa-Chiêm) bẩm rằng :

« Quân Bắc-triều, phao ra số 18 vạn, tới xâm phạm vào cõi ta. Tôi liệu rằng quân của Trung-đô chỉ có từ 10 vạn sắp xuống, chứ không quá số ấy. Huống chi quân ở Bốn-trấn (Kinh-bắc, Sơn-nam, Sơn-tây, Hải-dương) đều chống lại. Nay Tây-định cầm quân vào cướp, phỏng có chừng 9 vạn sấp xuống, 7 vạn trở lên. Quân tinh nhuệ để lại giữ Trung-đô không quá 2 vạn, và hương-binh thêm vào cũng không quá 1 vạn. Chỉ bảo-thủ mà thôi. Sao nó có dám bỏ trọng nước trống không mà vào cõi ta ? Đến điều bảo rằng số quân 18 vạn, thì ngỡ đó là ngoa truyền ; chắc không phải thật-số. Tôi có một kế là phép *(dĩ hư phá hư)* lấy rỗng phá rỗng ».

Chúa nghe bẩm, mừng lắm, hỏi : « Kế ấy sẽ làm thế nào ? Khanh sẽ chóng bày ra ».

Thủ-bộ *Đông-triều* bẩm rằng :

« Số lính ta đã trưng được 16 vạn. Tôi xin lại tuyển thêm 10 vạn hương-binh ; cộng thành 26 vạn. Như thế thì có thể chận được quân Bắc. Có gì mà lo ! »

Chúa nghe rồi, trong lòng nghi-hoặc, nhưng không nói ra. Thủ-bộ *Đông-triều* gẫm hiểu ý chúa ; bèn tiến tới cạnh chúa, bẩm nhỏ rằng :

« Hai nước tranh nhau thì ắt có mật-thám. Như số quân 16 vạn kia, là tôi nói dối. Xin Thánh-đức hãy dương-ngôn rằng sai tôi tuyển thêm 10 vạn quân ; nói ra rằng sẽ số quân lên 26 vạn, rằng Vương-thượng cầm 20 vạn quân đi đánh và sai 6 vạn giữ các cửa dọc bãi bể Tràng-sa. Lại hãy viết tờ chỉ-thị truyền cho các cai-cơ, cai-đội, đội-trưởng : nhận truyền thì lĩnh quân để tiễu-trừ Bắc-địch.

« Dương-ngôn như vậy để lừa quân Bắc, thì khi chúng nghe tin

Library HoangSa.Org

ấy, sẽ kinh lòng vỡ mật. Ta không đánh mà nó tự tan. Đó là lời ngu của tôi. Mong Thánh-đức thẩm lường sáng-suốt. »

Chúa nghe xong, mừng lắm, vỗ chiếu cười rằng :

« Kế này rất diệu ! Nên hành cho chóng ! »

Thủ-bộ *Đông-triều* vọng-bái nhận mệnh. Chúa bèn bãi triều.

Đến ngày hôm sau, sáng sớm, chúa ngự gác Quyên-bồng. Bầy tôi chầu mừng. Chúa bèn ra lệnh truyền cho thủ-bộ Đông-triều sai tướng-thần-lại (viên-chức giúp các tướng về việc văn) tới nơi dân các phủ huyện trong hai xứ Thuận-hóa, Quảng-nam tuyển thêm 10 vạn quân hùng-binh, cho đủ số 26 vạn, và viết tờ chỉ-thị bảo các cai-cơ, cai-đội, đội-trưởng đem quân cự-địch ; Nếu ai lười biếng làm sai lệnh, thì phép nước không dong.

Thủ-hạ Đông-triều vọng bái, nhận mệnh ; bèn sai tướng-thần-lại tuyển binh ở hai xứ và lấy 500 tờ giấy trắng viết một chữ THỊ, rồi truyền cho nội-đội-trưởng (cầm đầu đội quân đóng trong phủ chúa) và các thuyền (phần-tử đội) đến mồng 9 hãy đến gác Quyền-bồng chầu chực nhận chỉ-thị và nghe lệnh đem quân ngăn địch.

Sáng ngày mồng 9 (tháng 9, 29-10-1672) đã đến. Chúa ngự ở gác Quyền-bồng. Thủ-bộ Đông-triều bèn truyền bảo các viên nhận « thị ». Bấy giờ, các tướng đứng đầy trước sân. Nhận thị xong, tất cả vọng-bái, rồi ra khỏi triều, chỉnh-sức quân nhu để lo tiến đánh. Chúa lại ra lệnh truyền cho các tướng chỉnh-điểm binh mã, thủy bộ thuộc ba quân và chọn ngày 23 tháng này ra quân. Lại sai 6 vạn hùng-binh giữ các cửa bể và bãi Tràng-sa.

Các tướng vâng mệnh về dinh mình, tu-chỉnh khí-giới, voi ngựa, thuyền mành, đạn dược, đợi mệnh tiến-phát.

Bấy giờ thám-tử của giặc Bắc nghe biết sự này ; đêm trốn về *Bố-chánh* bẩm báo với *Tây-định* rằng :

« Chúa miền Nam phát đại-binh 20 vạn tới chống quân ta. Còn lại 6 vạn hùng-binh thì sai phục ở các cửa bể và bãi Tràng-sa để phòng đánh úp khi quân thủy ta đồ bộ. Lại cắt đặt các quan như thế này, như thế này... »

Chúa Tây-định nghe biết, sợ lắm, truyền lệnh cho các tướng rằng :

« Nay quân miền Nam đông hơn quân ta rất nhiều. Nên phải quan-phòng cẩn-thận ; chớ để sơ hở, kẻo trái lại sẽ bị mắc kế chúng ».

Lại truyền cho nguyên-soái thủy-quân là quận Phú rằng :

« Nếu có đem thủy-quân đánh các chỗ cửa bể ở bãi Tràng-sa thì

Library HoangSa.Org

phải coi chừng. Nên dự-bị đò xem tường-tế, chớ cho quân ta đổ bộ, kẻo sẽ bị đánh úp. »

Ấy rồi, quận Phú vâng mệnh đóng thủy-quân ở sông Linh-giang, không dám khinh phát.

Người bấy giờ có thơ khen thủ-bộ *Đông-triều* như sau : (thơ thất-ngôn bát cú, có một số chữ không đọc hiểu được).

Bắc-quân mười vạn dẫy hùng uy
Thẳng trỏ miền Nam kéo lướt đi
Đạo-tế biện gai, quân thế mạnh
Ngu-công thêm bếp, địch lòng nghi
Quân kia mới thấy lòng liền khiếp
Nước Chúa lo chi trứng bị đè
Trời vị triều ta khi gặp nạn
Đã sai Thủ-bộ có mưu kì

(Tích Đạo-tế, tôi không rõ. Tích Ngu-công là Ngu Hũ, tướng đời Hậu Hán, từng tăng suất ăn để địch tưởng rằng viện binh sắp tới).

6.— *CHÚA HIỀN CẦM QUÂN ĐI TỚI PHỦ TOÀN-THẮNG*

Lại nói chuyện chúa miền Nam, *chúa Hiền*, chọn ngày 23 tháng 9 (12-11-1672) tế cờ, ra quân. Sai cai-cơ *Quyền-tín* lĩnh chiến-thuyền thuộc cơ *Tam-thủy*, và đội *Hữu-binh* đóng giữ cửa bể Tư-dung (Tư-hiền cực-nam Thuận-hòa), cai-đội *Tín-nghĩa* đem chiến-thuyền đội *Hậu-thủy* giữ *cửa Eo* (cửa Thuận), cai-đội *Nghĩa-tài* đem chiến-thuyền cơ *Hậu-thủy* đóng giữ cửa *Tùng-luật* (cửa Tùng ở phần bắc Quảng-trị), các hương-quan thuộc năm huyện (có lẽ là các huyện thuộc Quảng-bình và Quảng-trị ngày nay : Hải-lăng, Vũ-xương, Minh-linh, Khang-lộc và Lệ-thủy) đem hương-binh bày giữ các cửa bể dọc *bãi Tràng-sa*.

Đến ngày 25 (14-11-1672), chúa ngự giá, cầm đại-binh thủy bộ tiến-phát.

Chỉ thấy :

Xe loan chói-lọi, cờ rồng xí báo trang-nghiêm
Tán lọng rỡ-ràng, khải bạc châu vàng xán-lạn.
Gươm mác lòa Tinh Đẩu — Thuyền dạ sáng non sông.
Thủy bộ tựa mây tuôn mù tỏa — Voi ngựa giàn chật đất đầy non.
Quân-thế rất là hùng-tráng — Hiệu-lệnh thật là oai nghiêm.
Một đội ì hưu giong đất Bắc — Muôn năm phượng-chỉ vững trời Nam.

Library HoangSa.Org

Hôm ấy thủy-quân thẳng đến *xứ Cồn-cát* (K.Q. chép *Sa-đôi* nghĩa là ĐồngCát. Chắc đây là chỗ đầu phía nam phá Tam-giang mà trong các bản đồ xưa đều có ghi tên Chợ Sa-đôi) trước bể cạn (phá Tam-giang). Thình-lình gió to từ Tây-nam nổi lên, tung cát, lăn đá. Sóng dậy đến trời. Các chiến thuyền đều theo gió mà tiến.

Có một chiếc thuyền đánh cá bị (gió) đưa đến giữa quân-đội tiên-phong. Quân tiên-phong bắt hỏi :

« Mầy là làng thuyền xứ nào ? Sao dám đường-đột như thế ? »

Người chài đáp rằng :

« Tôi là người Nghệ-an. Chỉ vì nhà nghèo đói, phải làm nghề chài để sinh nhai. Bất-ý vì gió to thổi đứt mất neo thuyền cho đến đỗi thuyền trôi đến đây. Tôi há dám đâu xung-phạm. Ngóng xin tha tội ! »

Quân-nhân tới bẩm lên Chúa. Chúa nói rằng :

« Nó là (điềm) giặc Bắc, họ Trịnh đến nộp đầu đó ! »

Rồi sai chém đầu, bêu lên để lấy làm điềm sẽ đại-thắng (7).

Ra lệnh cho quân hét lớn (để tỏ mừng điềm tốt !), rồi giong thuyền tiến thẳng. Không bao lâu, binh đến phủ *Toàn-thắng ở Cựu-dinh* (8), dừng lại. Chia quân đóng trại thật là oai-nghiêm.

Chúa sai Đông-cung thế-tử *Phúc-mĩ hầu* (tên *Diễn* hay Hán, mất vào tháng 10 năm Giáp-tí 1684) đem quân dinh *Trung-thủy* và chiến-thuyền đội *Tam-thủy* bày ở cửa *An-việt* (cửa Việt ở Quảng-trị) để giữ cẩn-thận. Lại sai cai-cơ *Thái-sơn* cầm cơ Ngũ-dực, cai-cơ *Thuận-trung*

---

(7) Đời xưa rất tin vào các điềm tốt hay gỡ, nhất là tướng mới xuất quân. Sự mê-tín và lòng tàn-nhẫn của chúa Hiền Nguyễn Phúc-Tần đã xui giết một người dân lao-công vô tội ! Sách THL TB quyển 5 chép việc chiến-dịch này khá tường, nhưng không nói đến chuyện nầy. Nhưng có nhiều chứng khiến ta tin lời sách KHQ. Sách THL tóm-tắt những chi-tiết đúng với những sự-kiện mà sách KHQ chép tường-tận, nhưng đối với một số nhân-vật mà KHQ chỉ chép tước dùng làm tên, thì THL lại chỉ chép tên. So sánh hai bên thì thấy tước và tên phù-hợp. Một thí-dụ khác là cái ngày phát quân đi. THL chỉ chếp là ngày *Ất-mùi* (quyển 5/10b). Lấy phép tính lịch *Đại-thống* thì đúng là ngày 23 tháng 9 như sách KQ chép).

(8) *Cựu-dinh* hoặc *Dinh-cũ* trỏ *Dinh-Cát* là nơi Nguyễn Hoàng định-cư khi mới tới Thuận-hóa, nay ở vào xã *Trà-liên* kề sông Quảng-trị cách tỉnh-lỵ về phía bắc chừng 8 cây số. Đây Cựu-đinh trỏ phần đất thuộc trấn thủ đóng ở đó. Phủ *Toàn-thắng* trỏ hành-cung chúa dựng ở làng *Trung-chỉ* ngày nay, cách Dinh-cát chừng 3 cây-số về phía bắc. Tên Toàn-thắng được đặt sau khi quân Nguyễn đại-thắng quân Trịnh ở *Võ-xá* trong chiến-dịch 1648.

Library HoangSa.Org

đem cơ *Tiền-nội-bộ* cùng các thuyền (đội quân) *Phụ-thủy* đi tiếp giữ thành *Trấn-ninh*.

Các người đều chỉnh-sức binh-cơ để mưu tiến-đánh.

7.— *TRẬN NÚI MẬT-CẬT*

Lại nói chuyện bên Bắc-triều, chúa Tây-định, từ khi đem quân đóng ở châu Bố-chánh, không đánh trận nào. Sai quân đào đường hầm quanh-co (9), mở lối đi hình hang rắn, sâu năm, sáu thước, từ dinh chúng thẳng đến trước mặt lũy Trấn-ninh. Quân qua lại đi dưới hầm để tránh vết thương gây bởi tên đạn ; như thế để làm kế giằng-co lâu dài.

Đến trung-tuần tháng mười (từ 28/11 đến 7-12-1672), trong cánh quân thượng-đạo của Bắc-triều có viên tham-đốc *Văn-lộc* thường sai quân dò lũy *Động-hồi*, qua lại trên núi *Mật-cật* để dùng làm nơi đứng ngóng rình. Bấy-giờ, trấn-thủ Bố-chánh, *Triều-tín*, ngồi trong lũy, nhìn thấy quân Bắc ra vào như vậy, bèn triệu tập các tướng dinh mình mà bàn rằng :

« Bọn nhỏ Văn-lộc dám sai quân từ xa ngóng rình ta đó chăng ? Ta quyết ra quân bắt mà chém đầu, thị-uy để ngừa giận. »

Thình-lình có tên tì-tướng người bản-xứ, là cai-đội *Vân-trường* (cai-cơ Trương Văn-Vân theo THL TB 5/11b) ứng lời rằng :

« Giết gà sao lại dùng dao mổ trâu ? Lượng xem Văn-lộc là một tiểu-tốt, không phải là địch-thủ của Đại-tướng. Tôi xin lĩnh một chi quân tới đóng trên núi Mật-cật, giấu quân nấp rình. Nếu quân Văn-lộc có đến thì trong một trống canh có thể bắt được. Không đủ lo ! Nếu ta không giữ, thì thảng-hoặc nó sẽ chiếm lấy núi nầy. Vả núi nầy gần mặt lũy ta. Nếu nó từ trên núi dòm ngó vào lũy, thì những điều nhỏ kín, nó sẽ đều rõ. Như vậy thì nó biết quân ta nhiều hay ít. Thảng-hoặc nó thêm nhiều quân, vượt vào, thì ta làm chước gì mà cản lại. Tôi nguyện đem hết sức trâu ngựa ra liều chết để báo ơn. Sao phải làm nhọc Chủ-tướng đi đánh ? » .

Cai-đội *Hoằng-phương* nghe nói, ngăn cản lại rằng :

« Không nên ! Không nên ! Nay Mật-cật là chỗ núi đứng lẻ-loi, bốn bề bằng-phẳng, không cây cối ; không phải là đặt để đặt phục-binh. Nên tựa theo khe nước bên cạnh núi, có thể ẩn tăm giấu tích, khiến

(9) Gần ba trăm năm sau, trong tháng ba, tư năm 1954, quân ta cũng dùng chiến thuật « công-kiên » ấy để đánh hệ-thống phòng-thủ của quân-đội viễn-chinh Pháp trên các đồi tại Điện-biên-phủ).

Library HoangSa.Org

nó không nghe tiếng động, không thấy khói lửa. Ấy gọi là thế « giấu dưới chín từng đất, chỗi lên chín từng trời ». Có thể bắt nó được. Nay Vân-trường muốn đem quân đóng trên núi. Sẽ bị quân nó trông biết là quân tẻ, thì như là trói một tay mà trêu hổ. Chỉ sợ kế ấy không thành công. Trái lại, nó dứt uy-phong của mình và thêm chí-khí cho người. Nếu muốn dùng kế phục-binh thì chẳng bằng đóng ở trước mặt lũy, chỗ rừng rậm, chia quân mai-phục để đợi. Hoặc nó có cho binh tới : đầu động thì đuôi ứng, đuôi động thì đầu ứng. Như thế có thể lập được công đầu tiên. Cớ sao lại buộc mình mà ở trong chuồng ? »

Vân-trường nghe nói, hét lớn tiếng lên rằng :

« Ta bình-sinh là con nhà tướng, hiểu biết binh-pháp : lục thao tam lược, bố trận bài binh. Trên thì thông thiên-văn, dưới thì đạt địa-lí. Nếu như đại-binh của Tây-định có đến, ta có sợ gì đâu. Huống chi Văn-lộc là sất-phu, hèn mọn, ít trí, không mưu. Ta chắc sẽ bắt được nó để tỏ là kẻ anh-hùng hào-kiệt. Há lại như bọn bây, ra bộ đàn bà, tham sống sợ chết ; như thế thì đời nào được nổi tiếng với đời sau »

Trấn-thủ *Triều-tín* nghe hai tướng tranh nhau, bèn hòa-giải rằng :

« Vả sự đánh giặc là việc lớn của nước nhà. Nên nghĩ cho chín, chớ tranh cãi lẫn nhau đến dỗi mất hòa-khí, như thế không phải là đạo làm tôi ».

Bèn sai Vân-trường lĩnh quân đi giữ núi Mật-cật. Vân-trường được lệnh, bèn đem quân lên trên núi Mật-cật đóng đồn, chia quân thủ-ngự. Sai người đẵn cây-cối, cắm ở bốn mặt trên đỉnh núi để làm lũy. Ngày thì bày tinh kì, đêm thì đốt lửa sáng để gây thanh-thế chế ngự quân giặc.

Vài ngày sau, cai-đội *Hoằng-phương* thấy vậy, bèn trình trấn-thủ Triều-tín rằng :

« Vân-trường là kẻ không mưu, không thông binh-pháp, không hiểu địa-hình. Cậy mạnh không mưu. Sớm chậm gì cũng sẽ không khỏi người ta làm khốn và làm lỡ việc nước. Tôi xin lĩnh một toán quân ra ngoài lũy mai-phục để phòng ứng cứu ».

Bấy giờ tướng miền Bắc, *Văn-lộc*, dò biết Vân-trường đã đem quân chiếm núi Mật-cật để làm thế chẹn binh, giận lắm, nói rằng :

« Thằng điên Vân-trường không biết binh-pháp, không hiểu trận-đồ, đem quân đóng một mình giữ núi lẻ-loi. Ta chắc bắt được nó ».

Library HoangSa.Org

Bèn sai thự-vệ *Mẫn-trung*, cai-đội *Vân-dương* lĩnh 200 lính đi. Bảo rằng :

« Tối nầy, vào canh hai, người thì ngậm tăm, cờ thì cuốn lại ; hãy lần theo chỗ tối, ngầm tới núi Mật-cật. Bỏ hết đèn đuốc, chia quân làm bốn mặt mà vây chặt. Thình-lình trèo lên đỉnh núi, đốt lửa đánh gấp. Bắt sống Vân-trường đem về nộp. Nếu sơ-hở để nó chạy thoát thì phải chịu phép quân. Ta cũng sẽ cầm đại-quân tiếp ứng ».

Bọn Mẫn-trung chịu mệnh mà đi.

Đêm ấy, vào canh hai, các tướng miền Bắc, Mẫn-trung, Vân-dương đem 200 quân, thừa lúc đêm tối đen, ngầm tới núi Mật-cật, theo kế vây kín như thùng sắt, nước rịn không qua. Mẫn-trung ra lệnh cho các quân thình-lình lên đến đỉnh núi, cùng đốt đuốc, thét lớn và xông vào. Bấy giờ, tướng miền Nam, Vân trường đang ngồi trong trại, nhìn thấy đầu núi bốn bề lửa đốt, tiếng thét liền liền ; biết rằng Bắc-quân vây nguy, sợ lắm, lật-đật xua quân đại-chiến. Lúc ấy, bọn lính vì bị đánh bất-ngờ đều sợ, bỏ trốn, vứt khí-giới. Khó lòng ngăn cấm. Quân có một đội mà mất quá nửa.

Vân-trường ráng sức cự-chiến, chém được hơn mười người. Sức mình mỏi-mệt, không thể gượng đấu. Lại nghe Bắc-quân ai ai cũng kêu rằng phải bắt sống Vân-trường giải nộp hiến công, lĩnh thưởng, không được giết nó. Vân-trường nghe biết vậy, sợ lắm ; bèn ngửng mặt trông trời, than rằng :

« Tôi thờ chúa Nguyễn, muốn bày hết tiết bầy tôi để tỏ là anh-hùng, để làm rạng công-danh với muôn đời. Há có ngờ đâu mệnh trời đến thế nầy. Sống có ích gì ! »

Bèn rút gươm muốn cắt cổ. Có người tâm-phúc giật lấy gươm can rằng :

« Tướng-quân ăn lộc hậu của chúa, phải đền ơn nước. Nay việc ra thế nầy, thì cũng là sự thường đối với nhà binh. Hãy mau tìm đường sống trốn về. Sau sẽ lo kế khác. Cớ gì làm cái việc chết uổng ấy ? »

Vân-trường nghe nói, bèn cởi áo gấm, nón trận, đổi lấy áo mạo quân-nhân, rồi mặc giả làm lính mà chạy ẩn vào sau tảng đá. Lúc ấy, Bắc-quân ai nấy đều tranh nhau đi tìm, nhưng không thấy.

Lại nói chuyện, đêm ấy tướng miền Nam, cai-đội Hoằng-phương phục ở chỗ rừng rậm trước lũy (Động-hồi) nhìn thấy ánh lửa trên đầu núi Mật-cật, lại nghe tiếng người hò-hét, biết rằng Bắc-quân đã đánh

Library HoangSa.Org

úp, phá Vân-trường trên núi. Bèn gấp dẫn quân đến cứu. Tới thẳng đến dưới núi, xua quân đại-chiến. Bắc-quân thấy viện-binh thình-lình tới, chưa biết nhiều ít, phất cờ xuống núi lật-đật chạy. Thấy Vân-trường ngồi bên tảng đá, mặc áo mạo quân-nhân, Bắc-quân bảo đó là lính, bèn cắt lấy đầu mũi mà chạy.

Hoằng-phương xua quân đuổi theo một quãng, thình-lình gặp đại-binh của Văn-lộc đến tiếp-ứng. Hoằng-phương thấy quân kia rất đông, bèn rút quân, cứu Vân-trường, đưa về trong lũy, tới yết-kiến trấn-thủ Triều-tín.

Trấn-thủ *Triều-tín* giận lắm, trách Vân-trường rằng :

« Trước mặt quân thì mày khua môi đánh lưỡi xỉ-mắng quan-liêu. Nay thì làm chết quân, mình chịu nhục. Như thế còn nói gì nữa không ? »

Vân-trường cúi đầu, kêu rằng :

« Tướng của bại-binh còn có dám nói gì. Tôi chỉ có chết mà thôi. Không dám hối-hận gì ».

Trấn-thủ Triều-tín nói :

« Đầu mày hãy tạm gởi trên cổ mày, đợi bẩm lên Thánh-đức biết rõ đã ».

Rồi sai người vào triều báo bẩm chuyện Vân-trường bị thua như thế ấy. Chúa Hiền nghe bẩm xong hồi lâu bèn bảo triều-thần rằng :

« Tội Vân-trường thì phép không thể dung, nhưng năm trước ở xứ Nghệ-an, Vân-trường đã ứng nghĩa làm tôi, tham chiến lao-khổ trong năm sáu năm, lập công nhiều lần. Vả người nầy cũng có khá dũng-lược, ví như đã bàn sự tranh-thủ núi Mật-cật rất có lí. Vì dũng mà không mưu, muốn tỏ là anh-hùng đến đỗi như thế nầy. Hợp suy công trước để chuộc tội sau. Tha cho cũng là phải đó ».

Chúa bèn ra lệnh xá Vân-trường, cho giữ chức cai-đội ; hàng năm cấp lộc tiền một trăm quan để dưỡng già, cho về *Phước-tuy* dưỡng bệnh. Các tướng nghe chuyện, đều khen ngợi không dứt, bảo rằng :

« Thánh-thượng thầm xét công của bầy tôi như thế là một vị vua nhân-từ ».

Người bấy giờ có ngâm thơ rằng :

Miền Nam Thánh-đức dựng riêng trời
Võ trị đòi phương ức vạn đời
Nhân tựa Thuấn Nghiêu ban mọi chốn

Library HoangSa.Org

Đức bằng Thang Võ rải đời nơi
Cho công chuộc tội ơn ban xuống
Xét cổ suy nay trí tuyệt vời
Lịch-đại minh-quân là thế đó
Cả triều chúc tụng họp đầy cươi (sân)

8.— *SỨ NHÂN ĐẤU KHẨU*

Bấy giờ, tướng miền Bắc, Văn-lộc, đã phá quân Vân-trường, có công thắng trận ; sai người báo bầm Tây-định, tự khoe đó là sự đánh đâu mà đại-thắng. Tây-định nghe bầm, mừng không kể xiết, bảo triều-đình gấp thêm khen thưởng. Lại sai mang sắc phong làm đô-đốc đồng-trì, và cấp vàng bạc thưởng cho rất hậu.

Từ đó hai quân Nam và Bắc đều cố-thủ thành lũy, chưa từng ra trận.

Đến ngày 20 tháng 11 (7-1-1673), Bắc-quân sai người tới ngoài thành *Trấn-ninh* kêu lớn rằng :

« Xin mời tướng bên Nam ra thành nghe (ta) nói một lời ».

Ấy rồi, chưởng-cơ *Tiến-đức*, phò-mã *Đức-kiêm* nghe rõ tiếng kêu thét, sai người phi-báo cho tiết-chế *Chiêu-vũ*, bảo chạy gấp báo nguyên-súy như thế ấy. Nguyên-súy *Hiệp-đức* bèn sai người truyền bảo tiết-chế Chiêu-vũ chọn một người miệng lưỡi biện-bác khéo, thông kim bác cổ, sẽ ra thành bảo bên kia đối-ngự, kẻo nó bảo ta không có người giỏi.

Rồi đó, tiết-chế Chiêu-vũ họp các tướng ở *Lũy-Cát* để bàn định. Bèn sai cai-hạp *Tú-minh*, đội-trưởng *Mĩ*, xá-sai đô *Quỳnh* ra ngoài thành Trấn-ninh bảo sứ bên Bắc đối đáp. Lại truyền cho cai-đội *Văn-giáp* mở cửa thành cho Tú-minh ra ; sai Văn-giáp đem quân nấp ở trong thành, để thảng-hoặc bên địch có ý bất-trắc thì gấp đem quân ra thành cứu-viện, để khỏi sơ-hở.

Bọn Tú-minh vâng-lệnh. Ngày 23, giờ Thìn (tháng 11, 10-1-1673. khoảng 7 đến 9 giờ sáng), ba người chỉnh-sức áo mạo, dần-dà cầm tay nhau ra ngoài lũy. Thấy sứ bộ bên Bắc gồm một văn-thần, hai vũ-tướng đã đứng sẵn ở lũy bên kia mà đợi. Hai sứ-bộ Nam và Bắc ra gặp nhau, thi lễ xong, mỗi bên ngồi một nơi, gần nhau.

Sứ bên Bắc hỏi rằng :

« Sứ bên Nam ra ngoài thành có việc gì đó ? »

Library HoangSa.Org

Tú-minh đáp rằng :

« Có mời thì phải tới, kẻo ra thất-tín. Vả các quan bên Bắc vào cõi Nam đã hơn năm sáu tháng nay, mà chúng tôi bận vì việc nước chưa được một phen ra tiếp. Vì chưng vừa rồi nghe báo có mời ra gặp nhau. Vậy các thầy lại lần này có công-tác gì, xin cho nghe rõ-ràng. »

Sứ bên Bắc nói :

« Nguyên năm trước, Hoàng-đế đặc-sai sứ vào hỏi Nam-chúa việc trong nước ngày trước. Khi sứ tới *Thanh-hà*, Nam-chúa thả tụi tiểu-bối ra sỉ-nhục lăng-mạ mệnh-sứ của Hoàng-đế, rồi lại xua đuổi sứ về (1). Ấy là Nam-chúa trên không tôn-trọng Thiên-tử, dưới khinh-mạn triều-đình, để đến đỗi Hoàng-đế nổi giận uy trời, bèn ngự-giá thân-chinh, đem mười tám vạn hùng-binh vào cõi Nam để nghiêm trách việc ấy.

« Chúng ta báo cho hay việc nầy, chứ có điều gì đâu. »

Tú-minh nghe nói, cười to, đáp rằng :

« Lời các thầy nói sai rồi ! Ta có câu này, xin các thầy lặng nghe. Năm trước Bắc-sứ đến Thanh-hà. Viên tuần-lí (người liệu-lí việc tuần-phòng ở tuần Thanh-hà gần cửa sông Gianh) đáng phải truyền tin rằng có sắc-mệnh Hoàng-đế ban tới Nam-chúa, rồi đợi chúa ra nghinh-tiếp rồi mới nói đến lý-do công-tác. Cớ sao lại đem sắc-mệnh Thiên-tử ra nói với kẻ tiểu-tốt ? Từ xưa, kẻ trí-giả đi sứ các nước, thì giữ ngôn-hạnh thẳng-thắn, ứng-đối theo lúc, không làm nhục mệnh vua. Đáng là sứ-giả phải cẩn-thận như thế. Cớ sao Bắc-sứ lại đem lệnh Thiên-tử báo cho tiểu-tốt đi tuần. Ấy là Bắc-sứ đã lỗi trong khi tiến thoái, đến đỗi quân tuần ta đã tưởng là kẻ điên cuồng giả đưa lệnh, cho nên trong chốc lát đã nổi cơn giận của kẻ sất-phu làm đôi bên hỗn-loạn mắng nhau, khiến đã không mau chóng ruổi về báo bẩm. Đến sau, trấn-tướng nghe chuyện mới dâng khải bẩm lên Chúa. Chúa xuống lệnh cho sai-nhân đi tiếp sứ, thì sứ đã trở về rồi. Sứ-nhân có mệnh lệnh mà đã sơ suất như thế, thảng-hoặc sau có sai sứ đi, thì người ấy sao mà lại dùng được !

« Vả chăng, nay Hoàng-đế thể lượng Trời Đất bao-hàm thế giới, sao có nghe lời những kẻ nịnh hèn mà vội quên kẻ bầy tôi con cháu các người có công xưa ! Vả chăng Hoàng-đế ngự-giá thân chinh đem triều-đình thiên-hạ vào cõi Nam. Như vậy, há lại chẳng ra là tha sự tiếm, phạt lòng trung, bỏ cái gần, lo cái xa vậy vay ! Thảng-hoặc hùng-

Library HoangSa.Org

binh có một trăm vạn, cũng còn chống-chỏi được, huống chi chỉ mười tám vạn thôi, thì có việc gì ? Nước ta lượng chừng không lo.

« Đời xưa Hàn Tín nhà Hán có sách *Chiến-thư* nói : « Giặc tới dưới thành thì không kể quí tiện hiền ngu đều phải chém đầu ». Nay binh đến đây, không biết sự có Hoàng-đế, sự có chúa Trịnh. Muốn đánh thì đánh, muốn về thì về. Mặc tùy theo ý. Bất tất nói đi nói lại.»

Sứ bên Bắc nghe rồi, rất giận, nói rằng :

« Năm trước, Nam-quân đã sỉ-nhục, mắng chửi mệnh-sứ Thiên-tử. Nay lại phát lời rằng không biết Thiên-tử là ai, không hiểu vua Lê chúa Trịnh là gì. Đó là lời gì ? Ấy là Nam-chúa của các thầy cậy quân mạnh nước giàu, khinh-hiếp mệnh vua, khinh nhờn lời chúa. Rất là trái đạo nhân-thần ! »

Tú-minh nghe nói, cả cười, đáp rằng :

« Lời các thầy tựa hồ không trách, mà cũng như trách người ta. Kẻ lăng-hiếp Thiên-tử, lừa dối triều-đình là cha con nhà Trịnh. Nay trái lại lấy các tội-lệ ấy đem cay trách cay đắng Chúa ta, thật là không biết thẹn !

« Này ! Chúa Nguyễn ta và chúa Trịnh xưa kia đều có công-huân nâng-đỡ nhà Lê, có sự-nghiệp dẹp Mạc dứt loạn. Nhưng chỉ có chúa *Nguyễn Chiêu-huân Tĩnh-vương* (Nguyễn Kim) tôn-phù hoàng-đế Nguyên-hòa (Lê Trang-tông) nhất-thống non sông, kính-cẩn giữ đạo làm tôi ; từ đó về sau, (các chúa) tôn-phụng Hoàng-đế ban chính-sóc (lịch là dấu-hiệu Thiên-tử), không dám làm càn tự tôn, tự đại. Bốn bể đều nghe chuyện ấy. Đến như họ Trịnh thì các chúa *Khang* (Minh-khang vương Trịnh Kiểm), Triết (Trịnh Tùng) đã có công nhỏ trong sự diệt Mạc, mà mang tội lớn giết vua (Lê Anh-tông, Lê Trung-tông có lẽ bị Kiểm giết năm 1556), đầu độc hai vua : Chính-trị (bị Tùng giết năm 1573) và Hoằng-định (Lê Kính-tông bị Tùng giết năm 1619) ; tự chọn lập vài vua : Vĩnh-thọ, Vạn-khánh (hai niên-hiệu Lê Thần-tông được lập năm 13 tuổi). Lại nói dối rằng Thiên-triều cho ngôi cao, ban ấn vàng, gia phong họ Trịnh làm chúa : Cha con nó đã nhảm-nhí tự tôn-đại, ngụy xưng là Thái-thượng-chúa. Kim-thượng-chúa Tây-định-vương. Thiên-triều sắc ban vào ngày nào ? Nam-chúa ta không biết sự kia. Họ Trịnh đã ép Thiên-tử ra lệnh cho chư-hầu, mà lại phát lời bảo rằng chúa ta trên hiếp Hoàng-đế, dưới khinh Triều-đình. Lời ấy có thể nghe được không ? Huống chi đời xưa, từ Hán, Đường, Tùy, Tống, đến Đinh, Lê, Lí, Trần, từng nghe xưng Thái-thượng-hoàng, Kim-thượng hoàng-đế. Còn như Thái-

Library HoangSa.Org

thượng-chúa, Kim-thượng-chúa thì tai ta không nghe, mắt ta không thấy bao giờ (10).

« Đem chúa Nguyễn và chúa Trịnh so-sánh thì ai trung thần, ai gian-thần ? Xin các thầy nói để cho rõ chính lí. »

Ấy rồi sứ bên Bắc cúi mặt không đáp lời. *Tú-minh* lại nói rằng :

« Ôi ! Trị, loạn, là tại số Trời. Khi trị thì dân mạnh của nhiều ; khi loạn thì trời gieo nạn, người bị tai. Nay chúa Trịnh kia đã cầm quân đến đây, quyết đánh thì đánh, không đánh thì về. Cớ gì mà kéo dai-dẳng, làm hao-phí ngày tháng. Từ rày, hãy hẹn định giờ nào một phen giao-chiến, để quyết ra công trống mái hơn thua. Chớ có do-dự ! »

Sứ bên Bắc nghe nói, không biết đáp lại gì. Bèn nói rằng :

« Ngày nay đã tối. Sáng mai sẽ biết ».

Hai sứ chắp tay vái từ giã nhau. Mỗi sứ trở về cõi mình.

Bấy giờ, Tú-minh vào thành *Trấn-ninh*, trở về *Lũy-Cát*, bẩm trình nguyên-soái Hiệp-đức và các tướng, kể lại với lời đối-đáp như thế ấy, như thế ấy.

Nguyên-soái Hiệp-đức nghe nói, cả cười, nói rằng :

« Mầy có thể gọi là Trương Nghi, Tô Tần (hai thuyết-khách nổi tiếng đời Chiến-quốc lấy lí-luận mà phá kế-hoạch chính-trị liên-minh của nhau) sống lại. Không làm nhục mệnh vua ; ắt đáng ưu-thưởng ».

Bèn lấy hai mươi lạng bạc thưởng cho Tú-minh. Tú-minh vái tạ rồi lui.

---

(10) Trong lời cãi và sách-vấn trên đây có hỏi đến sự « Thiên-triều ban sắc ». Nguyên-do sự ấy có thật. Trong khi vua cuối nhà Minh là Quế-vương, niên-hiệu Vĩnh-lịch, trốn-tránh quân Thanh ở vùng Quảng-tây, Trịnh Tráng có giúp. Tháng 10 năm Tân-mão 1651, sứ Minh mang sắc tới phong cho Tráng làm *An-nam phó-quốc-vương*, ban cho sắc, ấn. Sách SK quyển 18 trang 41b cho chép văn sắc ấy. Vậy sự nghi-ngờ của Nam-sứ không căn-cứ. Còn các danh-hiệu Thái-thượng, Kim-thượng dẫn trên, thì tuy các sử không chép, nhưng chắc phần có thật. Sách SK cho hay rằng tháng 8 năm sau, Nhâm-thìn 1652, tiến-phong Trịnh Tộ, con *Thanh-đô-vương* Trịnh Tráng, là *nguyên-soái chưởng quốc-chính* tước *Tây-định-vương*. Như vậy là Tráng nhường quyền văn vũ cho con, và thành Thái-thượng-vương. Muốn phân-biệt hai chúa giữ ngôi một lúc, người ta gọi Tây-định-vương là Kim-thượng-vương. Bấy giờ Tráng 75 tuổi, Tộ 46 tuổi).

Library HoangSa.Org

Bấy giờ Tiết-chế *Chiêu-vũ* (Nguyễn Hữu-Dật) trình rằng :

« Tôi liệu chừng khi Tây-định nghe người về báo những lời ấy thì chắc xua quân tới đánh to. Minh-công Nguyên-soái hãy ban lệnh truyền cho tướng các đạo nên chuẩn-bị để đợi ».

Nguyên-soái Hiệp-đức nói : « Phải ! ». Bèn sai người mang lệnh truyền cho các đạo thủy bộ : mọi người tự chuẩn-bị binh-mã để đợi công-kích.

Lại nói đến người sứ bên Bắc trở về đến trong trướng chúa Tây-định bẩm chuyện người bên Nam đã sỉ-nhục như thế ấy, như thế ấy... Tây-định cả giận, nghiến răng mắng rằng :

« Bọn chuột nhắt nầy khinh ta quá ! Ta phải đem quân cả nước tới diệt nó, thề không cùng đứng (sống) với nhau. »

Nói xong nguôi cơn giận, sai đem sứ-nhân tới trước lũy chém ; bảo rằng nó đã tự đem lời riêng mà đối-đáp, làm nhục mệnh vua. Bèn ra lệnh truyền rằng :

« Các đạo chỉnh-điểm binh mã, thẳng tiến đến trước mặt thành Trấn-ninh gấp đánh. Nếu ai vào thành trước thì kể là công thứ nhất. Nếu ai giật lùi thì sẽ chém đầu để làm gương cho quân. »

Các tướng vâng lệnh chuẩn-bị tiến binh (11).

---

(11) Về các trận Trịnh-Nguyễn, sử họ Trịnh, SK, không để lại một chi-tiết gì. Vậy về trận *Mật-cật* và cuộc đấu-khẩu vừa kể trên, trong SK tất-nhiên không thấy chép. Trái lại, trong sử họ Nguyễn, THL, có chép tóm-tắt đại-cương phù hợp với những câu chuyện chép trên đây — Sk Tiền-biên quyển 5, trang 11 và 12. Mới đọc qua, ta có cảm-tưởng rằng THL hoàn-toàn lấy nguồn ở sách KQ. Nhưng xét kỹ thì THL có cho biết thêm một vài chi-tiết, ví-dụ : Văn-trường là cai-cơ Trương Văn-Vân, Minh-lễ là Tống Đức-Minh, Tú-minh có chức cai-hạp. Như vậy thì các tác-giả THL có tư-liệu khác. Sự ấy khiến ta không thể coi những đoạn văn tự-sự tường-tận của KQ chỉ là tiểu-thuyết lịch-sử mà thôi. Vả chăng khi những sự-kiện kể trên xảy ra, Nguyễn Khoa-Chiêm đã 11 tuổi. Ba bốn mươi năm sau đó, viết sách nầy, chắc tác-giả đã lượm-lặt được nhiều điều người ta kể lại. Tuy tác-giả có thêm-thắt, bịa đặt những lời nói chuyện dộng-dài, nhưng căn-bản câu chuyện có thật. Một thí-dụ khác là chuyện Văn-trường trá hình làm một tên lính để trốn rồi bị một quân địch *cắt mũi*. Việc ấy rất có thể thật, vì đời xưa trong trận, khi không muốn bắt tù-binh nhưng muốn có chứng là có thể giết hoặc bắt được một tên địch, thì thường cắt tai hay mũi địch-nhân chứ không nỡ giết).

Library HoangSa.Org

9.— TẤN-CÔNG LŨY TRẤN-NINH LẦN THỨ NHẤT

Ngày 25 (tháng 11, 12-1-1673), giờ Thìn (7 giờ — 9 giờ) quân bên Bắc thẳng tới dưới thành *Trấn-ninh*. Tiếng hét rầm-rột. Chiêng trống huyên-thiên. Lúc ấy, hai bên Nam và Bắc giục quân đại chiến. Tiếng súng chấn-động. Quân bên Nam cố bám vào trốc thành, đánh mạnh. Quân bên Bắc ẩn-nấp dưới hầm đánh gấp. Hai quân cầm-cự nhau từ giờ Thìn đến giờ Dậu (phỏng từ 8 giờ sáng đến 6 giờ chiều) không rõ được thua. Cả hai bên đều đánh chiêng thu quân về nghỉ-ngơi.

Bấy giờ, tướng bên Nam, nguyên-soái Hiệp-đức nghe tin quân bên Bắc đã vào đánh thành Trấn-ninh, bèn cầm đại-binh (từ Thạch-xả, phủ Tân-thắng) đến *Cừ-thôn*, chỗ cách sông (đối bờ với xã Trấn-ninh), chia quân đóng đồn, cùng các tướng lo công-kích.

Đêm ấy, tiết-chế *Chiêu-vũ* ngồi tại *Lũy-Cát*, xa trông thấy tướng bên Bắc, quận *Thắng* đem hơn ba mươi chiến-thuyền bày ở bờ bể, đối với *Bàu-Trổ*, áp thành Trấn-ninh, làm thủy-quân ta ra vào khó. Bèn sai cai-đội *Kiên-lễ*, *Đình-nghị*, *Thiêm-vinh* dẫn binh, thừa lúc đêm tối đen, thẳng tới *Ụ-Cát*, ở lũy *Mũi-giùi*, đặt súng đại-bác, nhắm ngang hông thuyền thủy-quân quận Thắng mà bắn gấp. Lại sai tham tướng *Tài-lễ* đem chiến-thuyền ở *cửa bể Nhật-lệ* bắn vào để chia thế của quận Thắng. Bấy giờ trong quân quận Thắng không phòng-bị. Bị chết rất nhiều, binh tự-nhiên chạy, bỏ lại năm, sáu chiếc thuyền. Còn dư vượt bể chạy về sông Đại-linh hết.

10.— XUNG KÍCH LŨY TRẤN-NINH LẦN THỨ HAI

Đến ngày 26 (tháng 11, 13-1-1673), chúa Tây-định hạ lệnh bảo sai chọn quân hùng-tráng, cho uống rượu *cấp-nộ* (chóng say dữ), thình-lình tới thành Trấn-ninh, nhằm chỗ lũy có thế thấp mà trèo vào, quyết tử-chiến. Rồi thì, quân bên Bắc nhân có sức rượu trèo thành mà lên. Những quân ẩn-núp dưới hầm cũng phát súng để giúp uy.

Lúc ấy, tướng bên Nam là các chưởng-cơ *Tiến-đức* và *Đức-kiêm*, cả hai tướng đều sai quân cự-địch. Quân bên Bắc nhảy lên mặt lũy. Quân bên Nam cầm giáo dài đâm ra. Người chết rất nhiều ; thây đầy ao, hầm. Quân bên Bắc lấy thây chất đống làm thang mà trèo. Quân bên Nam hết sức đâm. Thây chất như núi.

Những kẻ đâm đã mỏi tay, bèn đẩy *súng đại-binh* (cán dài) bắn gấp. Quân bên Bắc lấy dây gai (ném) buộc vào súng mà kéo ra ; lấy đất đá và cỏi cỏ, các vật khác nhét đầy nòng súng, làm súng không

Library HoangSa.Org

bắn được. Quân ta lấy thương dài đâm ra ; bên kia lại đâm vào, hỗn chiến không dứt.

Rồi thì, quân bên Bắc lấy sào dài đưa lửa ném vào đốt *Ụ-Mây*. Lửa cháy rực trời. Tướng bên Nam, cai-cơ *Thái-sơn* và tham-tướng *Tài-lễ* dẫn quân chở cát thấp nước mà chữa cháy. Lửa ấy liền tắt.

Quân bên Bắc lại lấy trái phá ném vào trong thành. Trái phá thì một mẹ sinh năm con, theo lửa mà nổ tung. Tiếng nghe như sấm động. Đồ gang sắt cũng vỡ. Quân bên Nam chết rất nhiều. Nhiều người bị trọng-thương, khó lòng trốn-tránh được. Bấy-giờ có một người quân bên Bắc đứng ngoài thành kêu bảo quân bên Nam rằng :

« Tao và mầy đều là loài người cả, sao lại nhẫn tâm hại nhau. Chỉ vì các chúa tranh nhau, đến đỗi tao mầy phải chết ngoài số-mệnh. Nầy ! Hãy nghe tao bảo : hễ thấy trái phá bay vào thì kẻ ở xa hãy kíp chạy, kẻ ở gần thì nằm xuống sát mặt đất, tự-nhiên vô-sự ».

Quân ta nghe đó đều y theo ; nằm ẩn, đều được khỏi bị thương.

Hai quân đấu nhau một mạch đến canh khuya. Nó và ta đều mệt nhoài, không thể cự-cựa. Bèn kéo đèn gọi thu quân. Cả hai bên đều tự bãi chiến về trại nghỉ-ngơi.

Người bấy-giờ có kẻ ngâm bài thơ rằng :

Lửa trận tung lên sáng cả lầu
Mặt sông sóng dợn đến trời cao
Rồng hăng đêm đấu giờ cao vút
Hổ mạnh khi tranh vểnh ngược râu
Ngoài lũy tơi bời ba trăm đứa
Trong thành chồi dậy mấy nghìn phu *
Lạ thay địch có ai kêu bảo
Mới biết lòng Trời hộ Chúa ru !

Đêm ấy, chúa *Tây-định* đánh thành không hạ được, cả giận triệu các tướng, ban rằng :

« Thành Trấn-ninh thật là vững-chắc. Lính bên Nam tuy ít, nhưng hùng-tráng. Quân ta tuy nhiều, nhưng mỏi-mệt. Nay đã đánh thành vài ngày rồi mà thua được chưa rõ. Nhưng quân ta chết và bị thương rất nhiều. Các khanh có cao-kiến gì, nên mau bày tỏ. »

---

* (Các câu năm và sáu tôi không hiểu ý. Tôi chỉ phỏng dịch mà thôi).

Library HoangSa.Org

Đô-đốc quận *Dĩnh* (12) bẩm rằng :

« Thành bại bởi trời. Há phải người có thể định liệu. Huống chi người xưa đã có câu sấm rằng « Bắc vững thế kim thang, Nam bền thành bích ngọc ». Lấy sự nầy mà suy thì tin là thật không ngoa đó. Sách *Binh-pháp* nói : « Đánh thành là tai-vạ cho quân ». Chính đó là sự mà khi hành-quân nên kiêng.

« Huống bây giờ đã đến mùa đông lâu rồi. Quân lính không quen thủy-thổ, voi ngựa không chịu nổi gió rét. Một đàng thì ba quân ốm yếu, đã không lòng chiến-đấu ; một đàng thì đi xa nghìn dặm, về mặt lương-thướng lại có thể đến chết đói. Chi bằng triệt quân về nước ta để lo kế khác. »

Tây-định nghe nói, cả giận mắng rằng :

« Mầy là cái đồ nhu-nhược, bàn-bạc như kẻ nhà nho, xa với sự-tình ; yêu vợ con, nhớ nhà cửa, lo tìm lợi, chơi-bời làm vui, mà không tận tâm để rửa nhục, báo thù cho nước, và chỉ nghĩ đến mình mà thôi. Dùng mầy có ích gì ! »

Bèn bãi quyền của quận Dĩnh, biếm làm dân thường.

Xong rồi, thái-tể, *quận Lan* bẩm rằng :

« Lời quận Dĩnh nói có lí. Tuy biết ý trời, nhưng chưa hiểu vận-cơ. Ôi ! dấy quân đi đánh dẹp thì một cử một động, làm hoặc thôi là rất khó. Từ khi Vương-thượng cầm các đạo binh đến nay, đã qua hơn sáu tháng. Mới đánh mấy trận, được thua chưa rõ. Xưa có câu nói : « Đã đến núi ngọc, không lẽ về tay không ». Tôi xét thấy trong trận đánh hôm qua, có rán sức hết lòng đánh giặc, nhưng không thắng. Xin Vương-thượng ban lệnh-chỉ truyền cho các tướng đồng tâm phá vào tận mặt thành Trấn-ninh, đào đổ tường. Rồi quân ta như kiến nối nhau mà bò vào. Bên kia khó chế lại. Huống chi « muốn bắt con hổ mà không vào hang hổ » thì sao bắt được ? Sách Binh-pháp nói : « Đặt vào chỗ chết rồi sau sống ». Như thế thì cử-hành một lần mà thành công vạn toàn ».

Tây-định nghe, rất mừng, vỗ tay cười to, nói :

« Lời khanh nói rất hợp ý ta ».

---

(12) Sử miền Bắc còn để lại hai tên mang tước Dĩnh *quận-công* sống thời nầy : một là *Nguyễn Đệ* bồi-tụng binh-bộ thượng-thư về trí-sĩ và mất vào cuối năm Qui-sửu, đầu năm 1674. Hai là *Ngô Hữu-Dụng*, một thái-giám, mất năm 1685 lúc 83 tuổi. Quận Dĩnh trong câu chuyện trên có thể là một trong hai người nầy, tuy rằng Nguyễn Khoa-Chiêm nói y bị biếm làm thường dân).

Library HoangSa.Org

Bèn ra lệnh cho chư-tướng các đạo theo đó chuẩn-bị mà làm.

11.— *XUNG KÍCH THÀNH TRẤN-NINH LẦN THỨ BA*

Đến ngày 27, rất sớm (tháng 11, 14-1-1672), đại-tướng Bắc-quân là *quận Hào* (Lê Thì-Hiến) đặt súng tại *đài Cồn Mắm* (Khư hàm đài) bắn gãy *cầu Mũi-nậy*. Tướng bên Nam, cai-cơ *Thuận-trung* ở đài *Mũi-thóc* giục quân bắn trả. Thình-lình, đạn súng *đại-bnih* (cán lớn) của bên Nam bắn trúng nòng súng bên Bắc và bịt súng không thể bắn trả lại. Rồi thì quân bên Nam qua lại trên cầu phao Mũi-nậy mà không lo sợ.

Đến giờ Thìn (từ 7 đến 9 giờ sáng), các đạo quân bên Bắc chỉnh-sức chiến-cụ. Lại sai ba nghìn quân chuẩn-bị cuốc xuổng và các vật dùng để đào thành... Thình-lình nghe tiếng súng hiệu, Bắc-quân nhắm thành *Trấn-ninh* thoắt tiến, như gió lốc cuốn lá mà tới. Nam-quân thấy vậy, chia binh cự-địch. Ấy rồi hai quân đại-chiến. Súng nổ cùng bắn tung xuống như mưa.

Bấy giờ, ba nghìn quân bên Bắc đào thành. Đều uống rượu *cấp-nộ* (làm chóng nổi cơn giận), không quản sống chết, thoắt sấn vào trước *Đài-mây* thuộc lũy Trấn-ninh, tung lửa đốt hết chông, tiêm, gai-gốc. Ra sức đào lũy Trấn-ninh. Thành toan vỡ. Bây giờ các tướng bên Nam là chưởng-cơ *Tiến-đức*, *Đức-kiêm*, tham-mưu là kí-lục *Xuân-đài* chia quân ứng cứu. Thấy thế giặc lớn, liệu chừng không địch xuể, cả sợ bèn nghĩ rằng :

« Quân giặc hung tợn như thế nầy, quân ta khó lòng chống được. Chẳng bằng bỏ thành Trấn-ninh dẫn quân lui về Mũi-nậy, giữ Đại-lũy (lũy Nhật-lệ), cùng với các đạo cự-ch ến, mới có thể chế nổi ».

Các tướng bàn luận phân-vân, chưa quyết-định. Có kẻ nói : cũng được ; có kẻ bảo : không được. Bèn sai người đến doanh Nguyên-soái Hiệp-đức (ở cừ-thôn Võ-thạch), vào trướng trình chuyện ấy. Nguyên-soái Hiệp-đức nghe nói, cả kinh, sai tướng-thần-lại *Văn-cảnh* tới thành Trấn-ninh truyền cho chưởng-cơ Tiến-đức, Đức-kiêm và các tướng làm như thế nầy, như thế nầy...

12.— *CỨU-VIỆN LŨY TRẤN-NINH*

Lại sai *Vũ-lược* tới *lũy Cát* (lũy Sa-đôi hay là Đồng-cát) báo với tiết-chế *Chiêu-vũ* rằng :

« Thành Trấn-ninh bị Bắc-quân đào sắp vỡ. Chưởng-cơ *Tiến-đức*, *Đức-kiêm* đã phi báo xin bỏ thành Trấn-ninh, rút quân về giữ Mũi-

Library HoangSa.Org

nậy. Quan Nguyên-soái đặc truyền cho quan Tiết-chế đem quân gấp tới ứng cứu thành Trấn-ninh để khỏi lo trận-tuyến bị hở ».

Tiết-chế *Chiêu-vũ* nghe nói bảo rằng :

« Vũ-lược hãy gấp về bẩm trình minh-công Nguyên-soái rằng ta vốn đã chia các lũy cho các tướng giữ. Nếu chia không cân thì ta đáng chịu tội nặng. Huống chi thành Trấn-ninh là phần người khác phải giữ. Họ đều ăn lộc vua, thì đáng phải tận tâm báo ơn vua. Ta không dám quá bên ấy ».

Vũ-lược nghe nói xong trở về. Rồi thì tiết-chế Chiêu-vũ bàn kín rằng :

« Nếu vũ-lược về trình lời ta như vậy, thì Nguyên-soái sẽ cầm quân qua Trấn-ninh ứng cứu. Chi bằng ta đi tới thành Trấn-ninh cứu trước, để Nguyên-soái khỏi nhọc lòng ».

Bèn sai quận *Hiệp* giữ vững lũy Cát ; tự mình đem quân đi gấp cứu thành Trấn-ninh. Rồi lấy ván làm bảng lớn dựng bên đường. Trên bảng đề những chữ sau : « *Chiêu-vũ đã cầm binh qua cứu ; mong Nguyên-soái thay giữ lũy Cát* ». Nếu Nguyên-soái nhìn thấy bảng, thì sẽ rút quân.

Lại nói đến chuyện *Văn-Cảnh* về tới thành Trấn-ninh, trình với các chưởng-cơ *Tiến-đức, Đức-kiêm* và các tướng rằng :

« Nguyên-soái đề ý nhiều về các ông. Các ông đã cùng hưởng lộc nặng của nước nhà, vậy nên báo ơn dày Thánh-thượng, để làm trọn đạo nhân-thần. Huống chi, kẻ dùng binh, tiến thì dễ, lui thì khó. Nay các ông muốn lui quân về *lũy Mũi-nậy*. Hoặc-giả quân bên kia thừa thế tiến tới, thì quân ta bấy giờ đàng trước có sông cả, đàng sau có giặc đuổi, sẽ cuống lòng vỡ mật. Ví có Khổng-minh sống lại, cũng khó lòng kiềm lại được. Các ông hãy nghỉ-ngơi chừng một giờ, đợi Nguyên-soái dẫn quân đến thế, rồi nếu các ông muốn lui, sẽ tùy ý. Nguyên-soái sẽ không cố nài lưu lại. Các ông hãy nên hết sức cố-thủ mà đợi, chớ có hấp tấp ».

Lúc ấy, các chưởng-cơ *Tiến-đức, Đức-kiêm* nghe truyền xong, cả kinh, bảo *Văn-Cảnh* rằng :

« Xin sai-quan hãy về bẩm trình Nguyên-soái, mong lượng xét hiểu cho chúng tôi đã trong một lúc nghĩ nông, mưu toan không hợp lẽ. Mong Nguyên-soái bằng lòng tha thứ. Huống nay giặc tới dưới thành, một bước khó dời ; sao dám lui về *Đại-lũy* (Nhật-lệ). Chúng tôi đều quyết tử đánh để giữ lấy thành-trì. Xin Nguyên-soái chớ tự thân đi đánh. »

Library HoangSa.Org

Văn-Cảnh từ giã, về chào Nguyên-soái, thuật hết lời các chưởng-cơ Tiến-đức, Đức-kiêm nói như thế. Nguyên-soái *Hiệp-đức* mừng lắm, nhưng trong lòng còn ngờ lo. Thình-lình thấy Vũ-lược về báo rằng tiết-chế Chiêu-vũ không chịu đem quân cứu-viện. Nguyên-soái Hiệp-đức cả kinh, bèn truyền lịnh rằng tự mình cầm đại-binh đi cứu thành Trấn-ninh.

Quân vừa đi được nửa đường thì lính tiên-phong thấy bên đường có bảng gỗ to, trên viết chữ như thế ấy... sai người về báo Nguyên-soái. Rồi đó, Nguyên-soái Hiệp-đức bèn chọn người tâm-phúc sai đem lính cường-tráng đi bảo-vệ thành Trấn-ninh ; chỉ lưu lại một con ngựa thiên-lí, một cây kim-thương đặt cạnh chỗ ngồi để đợi.

Tướng-thần-lại *Văn-sùng* thấy vậy, trình rằng :

« Giặc đến dưới thành, thua được chưa rõ. Mà Minh-công đã sai hết quân hộ-vệ đi xa. Hoặc-giả xảy việc bất ngờ, thì ai bảo-hộ ? »

Nguyên-soái Hiệp-đức cười, nói rằng :

« Quân vệ ta được điều ấy là hơn gấp mười ta, Thảng-như đại thắng thành công thì ta làm bầy tôi được trọn đạo báo nước. Nếu sơ-hở thì ta sẽ cưỡi con ngựa nầy, vác cái thương nầy, cùng chủng nó quyết-tử đánh. Hết sức có thể bắt được hơn vài mươi người. Nếu có cố lâm-sự (*bị chết ; tiếng nói kiêng điềm gở*) thì sẽ làm thần thiêng ở chốn nầy để hưởng cúng tế bốn mùa suốt muôn đời. Ta có sợ gì ! »

Nói xong, trừng mắt, cả giận. Quân đều sợ, phục, cảm-thán không ngớt. Người bấy-giờ có thơ khen rằng :

Khí nhả cầu vồng vượt thấu trời
Trung-trinh ôm dạ bật dương oai
Thương vàng đã hẹn trừ hôi ác
Ngựa sắt sâu thề đạp cỏ gai
Đánh giặc mưu kì người ít kịp
Lâm cơ ứng biến kế thêm tài
Anh-hùng phấn-phát lời oanh-liệt
Vạn thuở thanh-danh rậy mọi nơi

Lại nói chuyện tiết-chế *Chiêu-vũ* đem quân đi vào buổi hoàng-hôn, thẳng đến thành Trấn-ninh, chỗ *Đài-mây*. Thấy thành sắp đổ. Nghĩ thầm hồi lâu, tìm được một kế. Bèn sai người tìm lấy củi, cỏ, bó lại thành đình-liệu (đuốc lớn) cắm ngoài nhà ; đắt ở hai bên sân trong lũy. Lấy lửa nhen lên, ánh lửa chiếu sáng rạng như ban ngày. Bấy giờ binh tướng trong thành thấy vậy, sợ hỏi rằng :

Library HoangSa.Org

« Quân giặc áp ngoài thành như thế. Thành toan vỡ. Ông Tiết-chế lại phóng hỏa cháy sáng. Ấy là lẽ gì ? »

Chiêu-vũ cười, nói rằng :

« Nếu quân kia vào thành thì công ta sẽ rất lớn. Chúng bây đừng lo ».

Ai ai nghe xong đều run sợ kinh hoàng, chẳng hiểu ý ông ra sao. Quân bên Bắc thấy trong thành nhen lửa, lại nghe tin Chiêu-vũ tiếp binh đến, nghi có ngụy-kế mai-phục ; không dám lại gần lũy, lui ra ngoài xa xa. Trong thành, các quân thấy vậy, cả mừng.

Tiết-chế *Chiêu-vũ* gấp sai quân tìm trong dân làng ở ven sông, lấy thuyền *tràng-đà* (có bánh lái dài), tháo lấy ván, dựng vào hai mặt chỗ thành bị vỡ, lấy cát trắng lấp vào giữa những ván ấy. Lại lấy bồ trữ cát vào mà bồi đắp. Lũy trở lại nguyên vẹn như cũ. Quân giặc không thể làm di-chuyển.

Quân bên Bắc thấy vậy, đều cả sợ, nói rằng :

» Đó là Trời giúp ; chứ sức người không làm được thế. Tuy đời xưa Hác Chiêu giữ thành giỏi, cũng không hơn thế nầy ».

Bắc-quân bèn sai kẻ bắn giỏi trèo lên mặt lũy, làm dồ sọt cát, ngồi trốn vào trong, lấy súng bắn xuyên qua lũy. Quân ta không biết xoay chiều nào, bị hại rất nhiều. Bấy giờ có người bản xứ, cai-đội *Bá-Dương*, dẫn hơn ba trăm lĩnh-binh đến, tuần-tiễu trong lũy. Hoặc nơi nào có điều bất-lợi thì giúp sức cùng đánh gấp. Khi đến chỗ lũy mới bồi ở *Đài-mây*, thình-lình nghe một tiếng súng nổ, bị trúng chết mất năm sáu người. Bá-Dương tay cầm dao lớn, nhảy lên mặt thành. Tên giặc trông thấy, liền chạy, bị Bá-Dương hai tay cầm dao chém xuống. Tên giặc bị bổ làm hai từ đầu đến vai. Bá-Dương bèn nắm đầu nó giơ cho ngoài lũy thấy, và kêu lớn lên rằng :

« Họ Trịnh chúng bây ơi ! Tao đã chém đầu nó rồi. Chóng chóng bó tay lại hàng, kẻo ta không để mống nào lại ».

Bên địch thấy vậy, sợ lắm, nói rằng :

« Ấy là Vân-trường, Dực-đức đời xưa (tức là Quan Vũ và Trương Phi đời Tam-quốc), chứ không phải là tướng đời nay ».

Chúng bèn rụt cổ, nấp dưới lũy, không dám ngửng nhìn. Bá-Dương gọi quân đánh gấp.

13.— *CHIẾN-CỤ MỚI : DIỀU PHÓNG HỎA VÀ VÁN CÂU NGƯỜI*

Rồi đó, Tây-định bày binh mã ở dinh *Cây-ủng* ở *Phúc-địa*, giục

Library HoangSa.Org

quân đại-chiến. Sai người đem diều giấy thả lên đến trời xanh ; nhân có gió thuận, cho bay chiếu vào trong lũy. Dưới bụng các diều giấy ấy có mang thuốc súng. Khi (diều) rơi xuống, hoặc gặp nhà cửa, ụ súng. thì lửa bốc, đốt cháy. Ấy rồi, trong thành, ngọn lửa nổi xa gần.

Cai-cơ Thái-sơn đem quân dẹp lửa. Lửa diều nầy nếu rơi vào đám quân-nhân, mà quân-nhân lấy nước tưới vào thì tự-nhiên lửa bùng cháy, và liền cháy bén đầy người. Nam-quân không biết làm thế nào.

Bấy giờ, lính giặc có kẻ ở ngoài thành kêu lớn bảo quân ta rằng :

« Lửa diều có chất mỡ rái-cá chuyền đi. Nếu nó có rơi vào mình ai, thì lấy cát trắng mà rập vào thì tự-nhiên được vô-sự. Chớ lấy nước tưới, vì lửa liền nhân đó mà đốt cháy ».

Quân ta theo đó mà làm, đều không lo nữa.

Bấy giờ, Tiết-chế *Chiêu-vũ* thấy quân giặc chiếm đóng dưới lũy. Nó và ta hỗn chiến, tranh mác, giành kích, níu tóc, cướp dao. Đó không phải là phép đánh trận. Bèn nghĩ ra một kế. Sai quân đẵn gỗ, làm hơn ba trăm tấm ván dài sáu thước, rộng ba tấc. Lấy đanh sắt nhọn đóng vào dưới ván, trông như móng rồng, răng hổ (đánh cong như lưỡi câu). Dùng cây gỗ lớn dài ba mươi thước, dựng trên mặt lũy, cho nghiêng về phía ngoài, để buộc dây thừng treo ván lên đầu cột gỗ. Nếu binh giặc thình-lình tới chiếm chân thành hỗn-chiến, thì sai lính cầm dây thả ván xuống, rồi kéo lên dầu cột liền. Mỗi lần thả xuống cũng câu lên được năm sáu tên lính bị đinh đâm mắc dưới ván.

Ấy rồi, lính giặc bị câu kéo lên, tay chân run rẩy, kêu khóc một lúc rồi chết. Bấy giờ Bắc-quân ngửng mặt trông thấy, đều lòng kinh, mắt nhắm. Đều bảo nhau rằng :

« Quân bên Nam hành phép nầy thật là rất độc. Thà chết chóng, không nên chịu đâm đau ».

Chúng bèn nấp sâu dưới hầm không dám tới gần sát mặt lũy, chỉ đứng xa xa mà công kích. Hai quân cầm-cự nhau đến canh ba. Cả hai bên đều dừng đánh, trở về trại nghỉ-ngơi.

Người bấy-giờ có thơ khen rằng :

Đầy lòng thao lược suốt bình-sinh
Một chước làm vui trăm vạn binh
Chỉ dụng ván gai chùn giặc mỏi
Không cần gươm lớn diệt địch kinh
Chớ rằng Gia-cát nay khôn thấy

Library HoangSa.Org

Mới biết Lưu Cơ đã tái-sanh
Trỗi dậy anh-hùng phò tá chúa
Chông gai quét sạch, nước nhà vinh

14.— TẤN-CÔNG THÀNH TRẤN-NINH LẦN THỨ NĂM

Lại nói chuyện ngày 28 tháng ấy (tháng 11, 15-1-1672), giờ Dậu (từ 5 đến 7 giờ chiều), chúa *Tây-định* thấy đánh thành nhiều ngày không hạ được, trong lòng giận lắm. Bèn sai quân thình-lình đến thành *Trấn-ninh* đánh mạnh, dùng *trái phá* bắn gấp. Nam-quân ở các thuyền (đội) đã cảnh-bị, cho nên đạn lửa từ đó không thể dùng được hay nữa. Hai quân Nam và Bắc kịch-chiến bằng cách thường. Hai bên đều thắp đèn đuốc chiếu rạng trời đất, làm sáng như ban ngày. Đại-chiến một mạch đến khi trời sáng, không phân được thua. Hai bên tự dừng đánh, trở về trại, chia quân cố-thủ.

Bấy giờ, Bắc-quân khổ về chinh-chiến, ai ai cũng kêu oán, đều nói thầm rằng :

« Đời trước, phò nhà Lê, chỉ một mình chúa Nguyễn Chiêu-huân (Nguyễn Kim) có công đầu. Mà chúa Nguyễn được có một góc đất này thì chưa xứng công kia. Nay chúa Trịnh ta một mình coi bốn trấn. Thiên-hạ đều nắm trong tay, mà còn tham được thêm không chán, cho nên đem quân đi tranh-hành, đến đỗi chúng ta chết không đúng số, mất cha mẹ, bỏ vợ con. Đó là cái lẽ gì ? »

Nói rồi, đều lớn tiếng cả giận. Từ đó Bắc-quân đều sinh oán ngầm.

15.— NGUYỄN HỮU-DẬT THỀ GIỮ VỮNG TRẬN-TUYẾN

Lại nói chuyện ngày ấy ở Nam-triều *chúa Hiền* ngự tại phủ *Toàn-thắng* (ở xã Trung-chỉ thuộc Quảng-trị), nghe tiếng súng nổ lớn như ở bên tai. Sai quân tuần thám các cửa bể thì đều không có tin gì lạ. Mới biết có đại-chiến ở thành Trấn-ninh. Trong lòng lo-lắng. Bèn sai tướng-thần-lại *Tài-trí* phi ngựa tới trong dinh Nguyên-soái và đồn tiết-chế Chiêu-vũ dò và lượng chừng ta có thể chế lại sự công-kích ấy không :

« Xem thế nào thì trở về sớm sớm báo bẩm ».

Tài-trí vâng mệnh, thẳng tới thôn *Cừ-hà* trình bẩm Nguyên-soái Hiệp-đức, thuật lại hết lệnh chúa bảo dò như thế ấy. Rồi lại đi tới thành Trấn-ninh, đến trong trướng Chiêu-vũ để gặp mặt. Vào trướng, ngồi yên xong, Tài-trí trình Chiêu-vũ rằng :

« Vương-thượng để ý đến Tiết-chế. Tướng-quân biết rằng nay thế

Library HoangSa.Org

Bắc-quân mạnh như vậy. Hãy lượng chừng sức ta đánh và giữ thua được thế nào. Xin ngài Tiết-chế quyết gấp cho một lời để tôi rõ ý, về triều báo bẩm Thánh-đức được biết rõ ».

Chiêu-vũ nghe nói, bèn phất tay áo, lớn tiếng nói rằng :

« Lính bên Bắc tuy nhiều, nhưng đều là quân quạ họp, sẻ bầy ; là tụi sâu kiến, giun dế, theo gió mà nhóm, bị mưa thì tan, không đủ làm sợ. Năm xưa ở Nghệ-an, đánh nhau trong bảy tám năm, tôi đã rõ phồi ruột họ Trịnh, mật gan tướng bên Bắc. Lúc ấy, quân ta đã vào sâu trong đất quan-trọng (dễ) như vào chỗ không người. Huống chi ngày nay, nước ta có hào sâu, lũy chắc, tướng dũng, binh cường, thích chiến-đấu. Thế tất không phải lo. Bây nên sớm về bẩm lại, xin Thánh-thượng gối cao ngồi yên, bất-tất phải lo-lường ».

Tài-trí nghe lời *Chiêu-vũ* nói, trong lòng do-dự, chưa khứng trở về. Tiết-chế Chiêu-vũ biết ý, bèn lấy giấy bút viết thành *quân-lệnh-trạng* (tuyên ngôn về phép nhà binh) rằng :

« Ta nguyền ra sức cố-thủ, quyết chắc sẽ thắng, tiêu-diệt lũ giặc để báo ơn nước. Ấy là nhiệm-vụ lớn của nhân-thần. Nếu có sơ-hở, xin giết sạch ba họ tôi để làm chính pháp quân ».

Viết xong, giao cho *Tài-trí* đem về triều báo bẩm. Tài-trí lĩnh lấy quân-lệnh-trạng, ra khỏi dinh. Đang đêm, trở về phủ *Toàn-thắng*.

Bấy giờ có các con trai Chiêu-vũ, năm sáu người là bọn *Hào-lương* (con cả Hữu-Dật tên là *Nguyễn-Hữu-Hào*, tác-giả chuyện *Song-tinh Bất-dạ*), người nào người nấy đều nhìn mặt nhau. Duy có con thứ ba là *Nguyễn Thành* chỉ ngồi yên mà trông, hơi hơi cười mát. Rồi thì Hào-lương và *Trung-thắng* tiến lên trình với Chiêu-vũ rằng :

« Theo các con thấy, thì thế địch lớn-lao, quân ta mỏi-mệt. Huống chi thành-trì sắp vỡ. Như thế ấy mà Cha lập quân-lệnh-trạng kia. Thảng-hoặc ta chống địch không nổi, thì cả ba họ ta sẽ bị hại. Sẽ biết cậy vào đâu ? »

Tiết-chế *Chiêu-vũ* nghe Hào-lương nói, vỗ bàn cả cười, nói rằng :

« Con ta ít trí khôn ! Chưa hiểu quân-cơ. Sách xưa bảo rằng về việc binh cốt làm nguỵ-kế. Nay nó và ta chính đang lúc cả hai bên ở thế thấp mà giằng-co nhau. Nếu ta đem sự không địch nổi nói ra thì ba quân rụng mật mà tan-tác, ta sẽ không kềm lại được. Giả-thử sự-thế không thể chống nổi, thì « ở phía nam núi phương nam, ở phía bắc núi phương bắc », ai biết tìm đâu ba họ ta mà tru-di ! (ý nói rằng bấy giờ sự thế lung-tung, cả triều-đình với tư-nhân đều trốn-tránh tan-tác). Bây nên cùng nhau lặng nghe, chớ nói lung-tung ».

Library HoangSa.Org

Bọn *Hào-lương* nghe nói, đều vái đến đất, chịu phục là cha tính nghĩ cao. Cha con cùng hội-đồng bàn định mưu-kế để phá giặc Bắc.

Lại nói chuyện *Tài-trí* không đầy một ngày đã về đến phủ Toàn-thắng, vào chầu, trình cái quân-lệnh-trạng của Tiết-chế như thế ấy, như thế ấy... Chúa *Hiền* nghe vậy, mừng lắm, vuốt râu, bảo các tướng rằng :

« Từ khi Chiêu-vũ làm tướng hành binh tới giờ, bày mưu đều ứng, định kế không sai, đánh đâu ắt được, giữ đâu ắt vững. Có thể so với các danh-tướng đời xưa. Nay theo lời Chiêu-vũ cam-đoan, ta liệu không phải lo nữa ».

Vua tôi vui-vẻ đàm-luận một lúc về các việc bên ta và bên kia chiến-đấu nhau.

Người bấy-giờ có thơ khen Chiêu-vũ rằng :

Tột bậc anh-hùng chối một thời
Thần-cơ mưu mẹo vượt mây trời
Thỏa tình tướng sĩ cùng vui-vẻ
Nặng bụng quân thân chẳng nghỉ-ngơi
Sâu kiến kể gì sao trốn khỏi
Kì-lân âu hẳn hiện trên đời
Nếu không lệnh-trạng làm khi ấy
Sao có ba quân được mạnh hơi

Lại nói chuyện chúa *Hiền* ở Nam-triều cùng các tướng đàm-luận về sự hai quân đánh nhau. Thình-lình nghe nói rằng nguyên-soái *Hiệp-đức* sai tướng-thần-lại *Văn-học* về triều báo-bẩm rằng quân ta đại-chiến với quân bên Bắc, cố-thủ trong mấy ngày như thế, như thế... Bắc-quân không dám lại gần lũy. Chúa nghe bẩm, mừng lắm, xắn áo, cười, nói rằng :

« Quân của Tây-định chóng chầy gì cũng thua. Ta sẽ cầm đại-binh đuổi dài đến Trung-đô, bắt cổ giặc Trịnh, để tỏ rõ là kẻ anh-hùng Nam-Việt ».

Bèn truyền cho *Văn-học* trở về nói với chư-tướng rằng :

« Ta cậy vào Chư tướng như thể chân tay. Chư tướng giúp ta như là lòng bụng. Vậy hãy đồng tâm hiệp lực để cứu sinh-dân. Sau khi thành công, cùng nhau hưởng phú quí. Đó là đạo quân thần. Ta không cần nói hết lời, Chư tướng đều rõ độ. »

Văn-học vâng mệnh trở về thành Trấn-ninh, truyền lệnh-chỉ lời như thế ấy. Các tướng mừng lắm, vọng bái mà vâng mệnh. Ai nấy đều nghiến răng tức bụng vì lòng dạ họ Trịnh. Rồi thì ai nấy đều chuẩn-bị binh mã để đợi công-kích.

Library HoangSa.Org

16.— LÊ THÌ-HIẾN ĐỊNH TẤN-CÔNG CHÍNH-LŨY BỊ THUA TRỊNH CĂN BỊ BỆNH TRỞ VỀ

Lại nói chuyện tướng bên Bắc, thái-bảo *Hào-man*, lập đồn ở xã *Chính-thủy*. Ngày 30 (tháng 11, 17-1-1673) bèn dẫn binh ra ngoài lũy, đến chỗ *Cây Gạo* (Thung-ba) trương tám cái lọng xanh. Trống còi rầm-rột. Hành binh rất chỉnh-túc, kì xí họp từng chùm. Quân kia khoe hùng-tráng để nhát Nam-quân. Đi tới trước thành Nam-quân rồi dừng lại.

Bấy giờ tướng miền Nam, trấn-thủ Mĩ-thắng, đóng quân ở *Chính-lũy*, trông thấy Hào-man khoe quân như vậy ; giận lắm. Bèn sai đô-đốc là *quận Lân* cho người giục ụ súng Chính-đài quay ngang súng đại-bính nhắm quận Hào (tức là Hào-man, cũng là Lê Thì-Hiến) mà bắn. Đạn bay xuyên ngang thân cây gạo. Đạn rơi vào chỗ Hào-man. Y sợ lắm, nên gấp chạy vào trong lũy (Chính-thủy).

Bắc-quân luống-cuống, bỏ giáp, vứt qua mà chạy. Quan trấn-thủ *Mĩ-thắng* thúc quân gióng trống, hò-hét để dương uy ; bắn gấp, đại-chiến một trận. Bắc-quân bị chết hơn năm trăm người. Rồi thì *Hào-man* đóng quân trong lũy làm kế cố-thủ, không dám ra coi trận.

Lại nói chuyện nguyên-soái thủy-sư của Bắc-triều, thái-tể *Phú quốc-công* (13) (Trịnh Căn) đã đem chiến-thuyền đóng ở bờ bắc sông *Đại-linh*, tính toan ra bể, vượt vào *cửa Nhật-lệ* để đánh cướp. Thình-linh y bị trúng phong, phải nằm trong trướng, đầu nhức, mắt hoa, miệng cóng, tâm loạn, bỏ ăn, bỏ uống, tay chân đều không chuyển động được. Lương-y điều-trị không bớt. Càng ngày bệnh càng thêm trầm trọng. Chúa Tây-định nghe tin, sợ lắm ; thầm sai người đưa về Trung-đô dưỡng bệnh, cho uống thuốc một cách thầm giấu, không để quân-sĩ biết, sợ động lòng quân. Lại sai *quận Lan* thay quản thủy-quân, để phòng-bị việc đánh.

17.— TRỊNH TẠC LUI QUÂN VỀ PHỦ-LỘ

Ngày mồng 2 tháng chạp (19-1-1673), chúa *Tây-định* thấy đánh thành (Trấn-ninh) trong nhiều ngày không hạ được, trong lòng lo, giận, không kế gì dùng. Kịp có một cống-sĩ người Thanh-hoa, tên *Hiền-Minh* đem ba sách-lược hay dâng lên Tây-định xem thấy bàn rằng :

« Thượng-sách là : hễ dùng binh, quí tại chóng như thần. Ra quân khi bất ngờ, đánh vào chỗ không chuẩn-bị ; đó là phép dùng binh để được thắng. Nay thì đại-binh ta đã đến cõi đất giặc. Phải một phen

(13) Phải đọc *Nghi quốc-công*. Toàn sách đều viết chữ Phú, cho nên tôi cứ để vậy.

Library HoangSa.Org

đại-cử, san phẳng hào lũy, quyết ao-chiến một lần với nhau, làm cho thế quân giặc yếu đi, đầu đuôi không thể đoái nhau. Như thế mới là được thắng.

« Trung-sách là : Không gì biến-hóa bằng thói đời. Không gì tham lợi bằng lòng người. Kẻ được lợi nhiều thì tuy là vua cha mà cũng có lúc không đoái đến. Bây giờ ta thật không nên hạ-tiện vàng lụa, của báu. Nên kín sai người cẩn-thận mang vào các huyện thuộc Thuận-hóa, tìm các kẻ hào-trưởng, chiêu-kết bằng ơn nặng, ban cho vàng lụa, dỗ với họa phúc, khiến chúng nó thấy lợi quên nghĩa, phản bỏ họ Nguyễn, theo về với ta. Lại nên ngầm tới các binh-trường nó, phao lời, trở lẽ bên nầy, bên kia đâu mạnh, yếu, thuận, nghịch ; khiến nó nghe rồi phải tái lòng. Hễ lòng người một khi đã bị nao-núng thì không đợi đánh cũng tự vỡ.

« Hạ-sách là : Người xưa, khi đi đánh, không thắng thì lui về tu đức. Mà quân ta từ xa tới đây. Sau khi hạ trại, thường cùng quân địch giao chiến mà không thấy thắng. Nắng rét biến-thiên, trải năm, sáu, bảy tháng. Tướng không lòng tiến đến nơi địch, quân có bụng nghĩ đến về. Nếu như không có địch đánh mình thì cũng không lòng muốn đánh. Huống chi nay, Trung-đô trống không (quân). Nếu ở *Bốn-trấn* có kẻ nhân nhịp mà nổi trộm, thì quan sơn xa cách, sao mà về chống đỡ chống ngự. Chẳng bằng nay triệt quân về nước, giữ lấy căn-bản ; đợi khi thiên-hạ khá êm, nhân-tình yên-ổn, rồi sẽ bàn lại. »

Chúa Tây-định xem kế-sách ấy rồi, bèn triệu quần thần văn võ, bàn luận xét các kế sách ấy ra sao. Thái-bảo *Hào-man* bẩm rằng :

« Vương-thượng cầm đại-binh từ xa đến cõi Nam, chỉ là bạt thành, phá trận, tiễu-trừ tiếm loạn. Mà nay ra sức đã tột, đánh thành không hạ được. Ấy là nhọc mà không nên công. Huống chi, đánh thành là tai-vạ của nhà binh. Sách *Binh-pháp* bảo : « chóng thì có lợi, chậm thì bị hại ». Quân ta đóng ở đây hơn sáu bảy tháng. Tướng sĩ đã không quen thủy thổ, tật bệnh thường sinh. Mà kẻ vì chiến-tranh bị chết rất nhiều. Lòng dân than oán. Tôi nghĩ rằng nếu lưu lại đây lâu nữa thì đại-sự chung-qui cũng không thành. Tôi liệu chừng rằng dân Bốn-trấn thường có lòng phản. Mà trong nước lại có nhiều người ngấp-nghé ngôi thần. Chi bằng Vương-thượng theo kế-sách của Cống Hiến, tâu xin Hoàng-đế dời xa-giá trở về điện *Phù-lộ* thuộc Bố-chánh ở phía bắc Sông (sông Gianh), nghỉ-ngơi để đợi. Tôi xin lĩnh một đạo quân trở vào đại chiến một trận với Nam-quân. Nếu thắng thì Vương-thượng đem đại-binh ứng-tiếp, tiến thẳng đuổi dài. Nếu đánh không lợi, thì tôi cầm quân trở về bờ Bắc, hộ giá trở lại Trung-đô, rồi sẽ tính kế khác. Đó là kế-sách vạn toàn. »

Library HoangSa.Org

Chúa *Tây-định* nghe *Hào-man* xong, gật đầu nói rằng :

« Lời Khanh cũng khá có lí »

Nói xong, nhưng trong lòng còn do-dự. Thình-lình có em chúa, là thái-bảo *quận Kiêm* sai người tâm-phúc từ Trung-đô tới phi báo rằng ở Kinh-đô phò-mã *quận Tiến* manh tâm làm phản (14). Chúa Tây-định nghe báo, cả sợ, bèn ngầm ra lệnh đem quân về. Lúc đó lưu lại Hào-man, cho lĩnh một vạn quân đóng ở *lũy Phúc-địa* (15) để phòng Nam-quân đánh cắt đuôi.

Chúa Tây-định xin *Hoàng-đế* ngự về điện *Phù-lộ* (16) để đợi.

Lại nói chuyện tiết-chế *Chiêu-vũ* hội các tướng, bàn rằng :

« Bắc-quân cùng ta giáp-công ở thành *Trấn-ninh*, đánh luôn bốn năm ngày, thấy không di-chuyển. Từ đó đến giờ, quân kia im lặng không động. Không biết bọn nó lại ngầm mưu công-kích chỗ nào ? Các ông hãy nên bàn luận sự ấy ».

Văn-chức *Cống Giác* nói :

« Đồ điên, quân bên Bắc ! đánh thành thì sức đã kiệt. Nay nó mưu cùng, trí hết, không có chước gì làm. Tôi liệu chừng tướng-sĩ bên Bắc đã không có lòng đánh. Không quá khoảng mươi ngày, ắt tự rút quân

---

(14) Việc mưu loạn ở Bắc-triều vào năm 1673 có thật. Theo SK, quyển 19 trang 35a có chép chuyện tháng 9 năm Quí-sửu ấy phò-mã *Đào Quang-Huy* bị tội chết. Huy là con đại-tướng Đào Quang-Nhiêu, nhờ công cha được chức tước, lấy quận-chúa, nhưng kiêu lộng, làm nhiều việc trái đạo, lại ngầm dựng doanh vào chỗ cấm-địa. Có người tố-giác. Đình-nghị tội chém bêu đầu. Nhưng chúa nhớ công cha nó, chỉ xử tội thắt cổ và chém đẳng-nhân là *Kim-lộc hầu Trịnh Khuê*. Chính đó là chuyện quận Tiến mưu loạn mà KQ mách lại. Xem cuối bài, chú thích (23) sẽ rõ.

(15) *Lũy Phúc-địa* có lẽ trỏ lũy *Yên-náu*, tức là *Dinh Ngói*, trấn-sở phủ Bố-chính. Xã Phúc-tự ở kề. Sau đây ta sẽ thấy Thì-Hiến đóng quân ở Bố-chính.

(16) Điện Phù-lộ ở trên đường thông-lỗ ở bờ bắc sông Gianh. Lê Quí-Đôn chép rằng điện ở *xã Phù-an* (Phủ Biên Tạp-lục). Trong đoạn sau (số 18) Nguyễn Khoa-Chiêm nói rõ rằng Chúa rút về xã *Vĩnh-giao* đóng đinh ở *Phù-lộ*. Xét bản đồ đời Lê (Hồng-đức bản đồ) thì thấy rằng xã Vĩnh-giao nay là *Lạc-giao*, Phù-lỗ nay là *Phù-kinh*, ở trên bờ bắc sông Gianh, cách La-hà 13 cây số về phía Tây (xem bản đồ phụ trương). Ở châu Bố-chính còn có một « Hành-điện » khác, ở trên một núi mang tên núi Hành-điện. *La-sơn Phu-tử* khi ở Bố-chánh có câu thơ « Hành-điện non cao mây nửa lấp ». Sách *Đại-nam nhất thống chí* tỉnh Quảng-bình chép rằng trên núi có nền đá một cung-điện tương truyền là của vua Chiêm-thành.

Library HoangSa.Org

mà chạy, không dám nhìn thẳng quân ta, huống chi là dám công-kích chỗ nào nữa ! »

Tiết-chế Chiêu-vũ bèn sai Cống Giác bấm độn bói một quẻ xem quân giặc đánh hay giữ ra thế nào. Cống Giác bói rồi, nói rằng :

« Quẻ *Trung-thiếu* có sao Vượng nhưng lại gặp sao *Không-vong*, thì quyết rằng không đánh trở lại. Chủ-tướng đã chạy trước rồi. Hoặc-giả chỉ lưu lại quân thừa. Vào khoảng trung-tuần (tháng chạp) sẽ động trở lại ít ít ».

Tiết-chế Chiêu-vũ và các tướng nghe Cống Giác đoán xong, cả cười, nói rằng :

« Nếu quả thật như lời đoán thì ta sẽ trọng thưởng ».

Người bấy giờ có thơ khen *Cống Giác* rằng :

Chớ bảo không tướng tài
Tể-tướng giữa trần-ai
Mưu cơ theo dĩ-vãng
Trù toán biết tương-lai
Tay vạch số âm dương
Lòng theo vận đất trời
Huyền-vi ai đoán được
Thi-thố chẳng hề sai

18.— LÊ THÌ-HIẾN TẤN CÔNG LẦN THỨ BẢY RỒI GIẢ NÓI LUI BINH

Lại nói chuyện chúa *Tây-định* bên Bắc-triều, từ khi dẫn quân về xã *Vĩnh-giao*, (16) đặt doanh ở *Phù-lỗ*, (15) trong lòng vẫn giận chúa bên Nam không chịu làm bầy tôi. Ngày mồng 9 (tháng chạp, 26-1-1673) sai người đến *Bố-chánh*, truyền cho *Hào-man* và các tướng rằng :

« Ai là kẻ sinh ở Nam-Việt mang tiếng anh-hùng, cầm chiêng quảy trống vào đánh trấn miền Nam, mà lần-lữa, trù-trừ, sợ hãi chúa miền Nam, không hết lòng hết sức, để mất cơ-hội ấy thì nên về Kinh-sư làm bạn với kẻ mặc quần áo đàn bà, chứ không được mặc áo mạo đàn ông mà đứng đầu Triều-đình, xưng mình là tể-tướng ».

Hào-man nghe vậy, sợ lắm. Đến ngày mồng 10, giờ Dậu (từ 5 giờ đến 7 giờ), hội-tập các tướng, sai quân tới thành *Trấn-ninh*, nán sức đại-chiến. Ấy rồi Bắc-quân nấp dưới hầm trước lũy bắn gấp. Tướng bên Nam nghe tiếng súng, lật-đật bày quân trên trốc thành đánh mạnh xuống. Hai bên Nam Bắc bắn tiếng súng không dứt. Đến giờ Hợi (từ 9 đến 11 giờ) mới dừng. Mọi bên tự thu quân.

Library HoangSa.Org

Đến ngày 11 (tháng 12, 18-1-1673), tướng bên Nam, nguyên-soái *Hiệp-đức* thấy Bắc-quân hay lại phá lũy, nghĩ đi nghĩ lại. Thình-lình nảy ra một kế. Bèn sai cai-đội *Thắng-lâm* dẫn hơn 60 thớt voi đực, tu-chỉnh chiến-cụ uy-nghiêm, dàn bày trong *lũy Cát* (lũy Sa-đôi) ; chia thành đồ-thứ mà kéo ra cửa *Đông-bắc*, từ-từ đi đến bãi bể *Trường-sa* rồi lại trở về vào cửa *Tây-nam*. Nối nhau từ giờ Thìn (từ 7 đến 9 giờ) đến giờ Ngọ (từ 11 đến 13 giờ) mà voi đi chưa hết (17).

Lại sai đội *Thủy-sai* lấy bốn chiếc thuyền nhỏ, buổi sáng chèo ra phía ngoài *cửa bể Ròn*, đến tối lại trở về cửa Nhật-lệ, như vậy để dò tình-hình giặc. Ấy là kế *hư hư thật thật*. Bấy giờ Bắc-quân đóng cách sông (sông Lệ-kì và sông nhánh gần Mũi-Nậy) tranh nhau xem. Trông thấy vậy thì ngơ-ngác, kinh lòng vỡ mật, đều nói với nhau rằng :

« Trấn bên Nam có voi đực rất nhiều, có thể hơn năm sáu nghìn thớt. Hùng-cường như vậy thì ai dám đương, Huống chi tướng bên Nam điệu mưu-kế. Nếu họ sai những voi đực cùng một lúc đến chỗ ta, sức voi ấy ví bằng sức trời, đuổi dài một trận thì Bắc-quân ta thành ma không xác ! »

Lại lấy thuyền nhỏ chèo lơ-lửng ngoài khơi, sáng ra mà tối vào, hoặc tối tới mà sáng về. Như vậy, chưa biết hình-tượng mưu-kế ra sao. *Hào-man* trong lòng rất nghi-ngờ, lo-lắng ; bèn nghĩ ra một kế : nói dối là lui về, dỗ Nam-quân đuổi theo ; như thế để đánh úp Nam-quân. Bèn sai *quận Hoãng, quận Cống, quận Kiêm, quận Đường* lĩnh quân mai-phục ở các chỗ hiểm để phòng bị đánh úp Nam-quân.

Lại sai người biện-bác khéo tới ngoài thành *Trấn-ninh* gọi Nam-

---

(17) *Lũy Cát* tức lũy *Sa-đôi* trong bản-đồ trang 245 số báo S.Đ 26. Trong bản-đồ ấy đã lầm đặt nó ở phía tây *Chính-thủy*. Theo những chuyện kể mà xét thì *Lũy Cát* ở phía đông Chính-thủy, kề *Mũi-Nậy*. Dẫu thế nào nữa thì lũy ấy cũng cách bãi bể bởi sông *Lệ-kì* ở phía bắc, và bởi sông *Nhật-lệ* ở phía nam. Vậy voi đi từ lũy ấy đến bãi bể phải qua một con sông khá rộng. Qua sông nào ? Mục-đích cho voi diễu là để làm cho Bắc-quân thấy mà sợ. Vậy voi phải đi trước các lũy Động-hải và Trấn-ninh, nghĩa là ra cửa đông-bắc lũy Cát, theo bờ nam sông Lệ-kì đến Mũi-Nậy, qua sông Lệ-kì rồi đi vòng lên trước lũy Động-hải và lũy Trấn-ninh. Đến bãi biển ở phía bắc cửa Nhật-lệ, rồi lộn vòng về phương nam, rồi đi dọc theo bờ bắc sông Nhật-lệ, qua trở lại sông Lệ-kì để vào lũy Cát bằng cửa Tây-nam. Khoảng đi như vậy có chừng 10 cây-số. Trong độ bốn năm giờ ngày nay có thể cho voi đi chừng vài vòng. Đoán đường đi như vậy không trái với sự hiện-diện của quân Trịnh ở phía bắc lũy Cát, vì bấy giờ quân Trịnh đã rút lui nhiều, chỉ có hậu-quân đóng đồn chính ở Dinh Ngói).

Library HoangSa.Org

quân mà hỏi tin-tức. Bấy giờ vài người quân bên Bắc tới ngoài thành Trấn-ninh, lớn gọi Nam-quân ra lũy để nói chuyện. Rồi thì cai-cơ *Triều-ngan* (nguyên viết Triều-bảng, xem chú-thích 18) sai quân-nhân lên trốc thành hỏi rằng :

« Bọn bây kêu tới nói chuyện, thì từng có công việc chi ? Hay là thuốc đạn toan hết rồi, mà tới gọi ta để xin chăng ? Nếu còn thuốc đạn thì muốn đánh thì đánh, không đánh thì về. Phải gọi làm gì ! »

Bắc-quân nói :

« Việc chinh-chiến là việc lớn của nhà nước. Há là bọn quân-nhân ta đã khởi-hấn đâu... Nhưng mà tướng bên Nam cho voi đực ra vào ở bãi bể Tràng-sa lại cho chèo thuyền con ngoài khơi. Ấy là toan muốn làm việc gì ? Bọn ta không hiểu, cho nên lại đây hỏi thăm để rõ ý mà thôi ».

Nam-quân bảo rằng :

« Những voi ấy là một phần voi đi theo Nguyên-soái để hộ-giá. Đó là một phần ít ít mà thôi. Trong tuần trước, trời hay mưa, bùn lấm các khí-cụ của voi. Hôm nay, gặp trời ráo, cho voi đi dạo một tao, để phơi lấy khí nắng, để cho nó mạnh-khoẻ, chứ có sự gì đâu ! Còn như thuyền con ra khơi, ấy là dân mọn thường vì sinh-nghiệp, đi câu, đánh tôm cá, chứ có lẽ gì khác. Nếu chúng bây muốn đánh thì nên đem quân tới mà đánh, đừng hỏi lôi-thôi ».

Bắc-quân nói :

« Chúng ta tới hỏi. Đã bày tỏ tình-do. Rày chào giã từ anh em Nam-trấn. Chúng ta về đây ».

Nói xong, từ giã về.

Bấy giờ, cai-cơ *Triều-ngan* (18) trình với tiết-chế *Chiêu-vũ* rằng Bắc quân đã nói chuyện như thế ấy. Tiết-chế Chiêu-vũ đến trong trướng Nguyên-soái nói rõ chuyện nầy. Nguyên-soái *Hiệp-đức* bèn mời chư tướng hội bàn. Trong khi nghị-luận, có kẻ bàn nên sai quân đuổi theo Bắc-quân, đánh úp trên đường cạn mà phá ; có kẻ bàn nên đem chiến-thuyền chẹn cắt sông *Đại-linh* mà tóm tắt. Các người tranh-luận phân-vân chưa nhất định. Tiết-chế Chiêu-vũ nói :

« Sự nên thận-trọng, chớ nên vội quá. Binh-pháp nói : « Thật thì giả hư, hư thì giả thật ». Cốt phải tính xa kẻo trúng kế của chúng ».

---

(18) Trên kia chép Triều-bằng cũng là người nầy. Hai chữ *Bằng* và *Ngan* gần tự-dạng, có lẽ chữ Ngan đúng hơn, vì nó hiếm dùng, mà sự lẫn mặt chữ thì khi nào cũng lầm chữ khó ra chữ dễ.

Library HoangSa.Org

Vệ-úy *Phú-lĩnh* nói rằng :

« Quả là quan Tiết-chế bàn cao. Huống chi lời của chúng nó khó lòng biết là hư hay thật. Nếu nghe lời nó mà không xét, thì không khỏi mắc cái mưu chúng làm ta sao-lãng mà lừa ta ra binh chỗ hiểm rồi thả quân đánh úp ta. Nó nhiều, ta ít, khó mà tranh-hành. Vả chăng quân thủy nó đóng ở sông Linh-giang. Thuyền ta khá ít chèo ngoài khơi, mà không quân bộ tiếp-ứng, thì khó lòng công-kích. Người ta bảo thế là xua dê ra đấu với hổ. Chẳng bằng, ta đóng quân lại, sai người dò xem nó hư hay thật ; rồi sẽ phát quân ra đánh úp. Thế có thể được toàn thắng ».

Nguyên-soái *Hiệp-đức* nghe nói, bèn truyền lệnh cho các tướng chia quân ngày đêm giữ-gìn cẩn-thận, phòng khi bên kia thừa hư đến đánh.

19.— *LÊ THÌ-HIẾN TẤN-CÔNG LŨY TRẤN-NINH LẦN CUỐI, THẤT-BẠI RÚT LUI*

Lại nói chuyện *Hào-man* ở Bắc-quân, từ khi đặt kế cho người nói dối với Nam-quân rằng từ-giã chào mà về, trong lòng cho là đắc-kế. Chia quân mai-phục ở các nơi hiểm để đợi Nam-quân đuổi theo đánh úp thì sẽ phát phục-binh đánh trả. Vài ngày sau, không thấy tăm-tích gì Nam-binh, y biết rằng kế mình không thành.

Đến ngày 13 (tháng chạp, 20-1-1673), Hào-man truyền lệnh cho ba quân đem hết đại-bác đến trước thành *Trấn-ninh*. Một mặt bắn gấp lung-tung đạn trái phá. Một mặt giục quân đánh gấp, không cho phép lui. Nếu ai lui một bước thì sẽ bị chém bêu đầu để làm gương cho quân. Đến giờ Thân (từ 3 đến 5 giờ chiều), Bắc-quân đột-nhập vào áp thành Trấn-ninh, treo cờ trên mặt hầm, xong ; đặt súng lớn dưới hầm, bắn đạn trái-phá vào trong lũy. Những đạn súng ấy một mẹ sinh mười con. Tiếng nổ như sấm lớn, chuyển-động trời đất... Bấy giờ Nam-quân làm theo ngày trước : hễ thấy trái phá bay vào thì liền nằm xuống sát đất ; được hoàn-toàn vô-sự.

Hai bên đánh nhau to hơn gấp mươi lần trước. Nam-quân bám vào trốc thành mà đánh hăng. Bắc-quân giữ hầm ở chân thành mà đánh gấp. Bên ta và bên kia cầm-cự nhau, chưa rõ thua được.

Hào-man ở Bắc-quân thấy đánh thành khó được, không có kế gì làm, lường sức thấy không chế nổi. Vả lại quân mình đều nấp dưới hầm, nhiều lần bị Nam-quân bắn vào liền liền không ngớt. Ý không dám đến gần hiệu-triệu. Đến nửa canh một (8 giờ tối), bèn đem quân tâm-phúc đi trước, trốn về *Bắc-hà* (nghĩa rộng là bờ bắc sông Gianh,

Library HoangSa.Org

ở bờ bắc sông Ròn, kề cửa Ròn, có làng Bắc-hà), Quân-chúng không được biết. Đến canh tư (từ 1 giờ đến 3 giờ), quân dưới hầm lui ra, dò biết rằng chủ-tướng đã chạy trước rồi. Bèn vứt kì, xí, khí-giới, súng đạn mà tự chạy trốn hết. Bối-rối, chửi rủa Hào-man không dứt ; tự tranh nhau đường chạy, giẫm đạp nhau. Kẻ chết vô-số. Tiếng kêu khóc dọc đường không dứt.

Bấy giờ Nam-quân thấy ngoài thành tiếng súng đã im, bèn sai người đi lén tắt tới dò, mới biết rằng Bắc-quân đã trốn đi hết rồi, lập-tức phi báo cho Nguyên-soái biết rõ. Nguyên-soái *Hiệp-đức* bèn sai chư tướng các đạo đem quân ra thành đuổi theo đánh úp. Các tướng được lệnh, lật-đật dẫn quân, mở cửa thành, nhào ra đuổi theo. Đến núi *Lệ-đệ* thì Bắc-quân đã qua sông *Linh-giang* đi khỏi rồi.

20.— *MỪNG THẮNG TRẬN VÀ TẾ VONG-LINH TỬ-SĨ NAM VÀ BẮC*

Thình-linh thấy ở một cây gạo bày một câu viết bằng chữ lớn rằng : *Ngũ thập niên vi mặc thủy vị càn* 五十年為墨水未乾 (Năm mươi năm rồi mà nước mực chưa khô). Không hiểu ý nghĩa ra sao. Bèn lượm khí-giới đạn dược trở về, lấy được không biết bao nhiêu mà kể. Trong lúc ấy, có bắt được lính sót lại, hỏi ra mới biết chuyện *Hoàng-thượng* và chúa *Tây-định* đã đi về trước, và *Hào-man* chạy sau.

Bây giờ tướng các đạo dẫn quân về, vào trong trướng Nguyên-soái hiến nộp khí-giới và các vật đã bắt được, và kể rõ chuyện Bắc-quân đã rút về hết và quân ta đã thắng lớn. Nguyên-soái *Hiệp-đức* cả mừng, bái-tạ các Thần-linh. Bèn sai *Minh-tiến* về triều tâu thắng trận như thế ấy.

Nguyên-soái Hiệp-đức sai đặt yến hậu-đãi các tướng, mừng đã lập công. Rượu đến vài tuần, trong khi nói cười, nguyên-soái Hiệp-đức đứng dậy nâng chén rượu, đi tới trước chỗ các tướng ngồi, kính-cẩn mừng khen.

Nhân thấy cán cờ của Bắc-quân (đã bắt được) có nhiều dấu đạn bắn xuyên qua, thành lỗ-rỗ như tổ ong, thì lâm-dâm rơi nước mắt mà than rằng :

« Vật còn như vậy, huống chi là người ; than ôi ! »

Yến xong, bèn truyền lệnh lập đàn tế kính-cẩn các tướng-sĩ Nam-quân lâm trận đã bị tổn thương và các Bắc-quân tử-trận, để cho u-hồn được thỏa. Các tướng nghe nói đều khen là tướng-quân có nhân đức. Bèn lập một đàn ở trong thành *Trấn-ninh* để tế Nam-quân, và một

Library HoangSa.Org

đàn ở ngoài thành để tế Bắc-quân. Đều dùng lễ *thái-lao* (dùng con bò lớn) mà tế.

Văn tế Nam-quân rằng :

« Xót thay ! Hỡi ơi các tướng sĩ đã mất trong trận !

Chúng ngươi :

Chí nức tang bồng ; — Uy trương mạnh-liệt.

Hằng lo nán sức để tòng quân — Luôn quyết dốc lòng mà báo Chúa.

Hết hò hồ thét, muốn nuốt sống lũ giặc kia — Nhảy-nhót ưng bay, sao sõ trời đành ngắn-ngủi.

Giữa chiến-trường chết ấy nên danh — Xông giáo mác công lưu chẳng hủ.

« Nghĩ tình nghĩa đau xót không kham — Đặt đàn tế khoa nghi đã đủ.

Hỡi các ngươi !

Họp nghe lời mời — Ai ai xúm tới.

Hưởng rượu thịt chung dự tiệc buồn — Lĩnh vàng bạc trở về Âm-phủ.

Khuây lòng tướng sĩ nghìn sầu — Tỏ rõ ân-tình vạn thuở.

Phách có linh nên về giúp vợ con — Hồn có thiêng hãy tìm về xứ sở.

Hưởng cúng tế vô cùng — Hộ cháu con mãi mãi.

Ô hô ! Xót thay !

Cúi mời tới hưởng. »

Lại có văn tế Bắc-quân rằng :

« Xót thay ! Các ngươi !

Chí dốc rán cung dâu — Danh muốn ghi thẻ lụa.

Vì Chúa không ngại bác đòng — Ra sức liều mình tên đạn.

Bởi Chúa ngươi không lượng sức mạnh hèn — Khiến chúng ngươi phải xông pha sắc nhọn.

Nào quân binh chưa có phẩm hàm — Nào tướng sĩ đã là hầu bá.

Thình lình lửa phát Côn-cương — Thoạt chốc thân về Âm-phủ.

Hoặc lênh-đênh chết chóc trên sa-trường — Hoặc chạy-vạy lấp vùi nơi hiểm-hóc.

Hoặc vì súng đạn làm thương — Hoặc bị đao thương đâm chết.

Hoặc không quen thủy thổ bị đau — Hoặc rơi xuống hố hầm mà thác.

Hoặc đắm chìm trong sông suối bay hồn — Hoặc đói khát giữa bụi rừng mất xác.

Than ôi ! Sống chửa thành công — Tiếc nhẽ ! chết mà không ích.

Nay vâng lời Đại-đức dủ thương — Sắm sửa đặt lễ-nghi đàn-pháp.

Mời thì cảm thông — Tế thì lại hưởng.

Từ nay thì vạn thảm tiêu-tan — Sau lại nghìn sầu cởi bỏ.

Hỡi các ngươi !

Library HoangSa.Org

Tìm về nước cũ, sẵn người ruột thịt nối chưng-thường — Nhận đúng làng mình, đừng ở xa xôi làm lữ-khách.

Ô hô ! Xót thay !

Cúi mời tới hưởng.

Tế xong, Nguyên-soái Hiệp-đức trong lòng xót-xa không dứt. Bèn cho người tìm xác Bắc-quân chôn cất khỏi bị phơi-phanh. Rồi liền hạ lệnh cho quân các đạo sửa lại thành-trì cho kiên-cố kín-đáo như cũ. Bèn đem quân về phủ *Thạch-xá* đóng trại.

Lại nói chuyện tướng-thần-lại *Minh-tiến* về đến phủ *Toàn-thắng* báo bẩm đầu đuôi việc Bắc-quân đã trốn về và quân ta toàn thắng. Chúa *Hiền* nghe bẩm, mừng lắm ; bảo các tướng rằng :

« Ta đã liệu biết rằng *Tây-định* sẽ chạy. Nhưng ta giận tức đã không bắt được Tây-định để hỏi tội họ Trịnh đã giết vua, để rửa giận của vua Lê ở Chín-suối, để làm sáng rạng danh của đời trước (các chúa Nguyễn) ».

Nói xong cười lớn. Ấy rồi, các quan văn võ, các tướng lạy mừng. Xong, Chúa bèn sai *Tài-trí* đem vàng bạc, của, lụa tới trong trướng Nguyên-soái, trọng thưởng các tướng và khao ba quân. Lại truyền cho nguyên-soái *Hiệp-đức* đợi đến tháng hai năm sau sẽ khải-hoàn triều-yết.

Rồi thì Chúa ra lệnh trở về phủ *Lương-phúc* đóng quân để ăn tết (19).

Bấy giờ *Tài-trí* mang các vật thưởng tới phủ *Thạch-xá* ở Quảng-bình, ban thưởng các tướng và ba quân. Các tướng vọng bái, nhận các vật thưởng. Xong rồi Tài-trí lại truyền lệnh Chúa cho ông Nguyên-soái đến tháng 2 năm sau sẽ đem quân về triều bái yết. Chư tướng các đạo đều về trấn mình. Ai nấy đều tu-chỉnh thành-trì. Dân trăm họ đều được yên ổn như cũ. Chỉ thấy hoa đơm nhả nhụy, âm giúp dương sinh. Đã đến đầu mùa xuân rồi.

Năm *Dương-đức* thứ 2, Quí-sửu, tháng 2, vào thượng-tuần (từ 26-3 đến 4-4-1673), nguyên-soái Hiệp-đức vâng lệnh đem quân về Kinh. Chính là :

Một chuyến quét trơn quân lấn cõi
Ba quân đều hát khải-hoàn ca.

Chẳng bao lâu, quân về đến phủ *Lương-phúc*, vào triều bái yết. Chúa rất mừng, bảo rằng :

---

(19) Ở bờ bắc sông Mĩ-chánh, khoảng giữa thành Huế và thành Quảng-trị nay có các xã *Lương-điền*, *Phúc-tích*. Theo bản đồ trong *Giao-châu-chi*, *Lương-phúc-huyện* — có lẽ phải đọc *phủ* — ở vào chỗ ấy.

Library HoangSa.Org

« Con ta, oai rấy ở cõi Bắc như vậy ; họ Trịnh chắc sợ tái lòng ! Từ nay đến sau, chắc nó chẳng dám nữa. Chính thật là tướng tài của nhà Nguyễn ở triều Nam. Người xưa có câu : « Giống rồng đẻ ra rồng, hổ chia sinh hổ con », tin là không ngoa ».

Bèn lấy vàng một trăm lạng, bạc một nghìn lạng, the, là gấm vóc năm mươi tấm, đem trọng thưởng cho. Công-tử nguyên-soái Hiệp-đức lạy, bẩm rằng :

« Tôi trên đội ơn Trời phù-hộ, đức Thánh ban ơn ; dưới nhờ tướng sĩ mạnh hăng, mới lập nên công như ngày nay. Tôi vốn tài sơ, học kém, thì đã có công-cán gì. Các vật thưởng này thì mong Chúa giữ lại để thưởng khắp chư-tướng để khuyến-khích họ. Còn tôi thì, ngoài là vua tôi, trong là cha con. Hà-tất phải thưởng ! »

Chúa cười, nói rằng :

« Công đánh trận của con ta, người ta đều tai nghe mắt thấy. Phải đâu nói không. Hễ công thành thì được thưởng để nêu danh. Không được khiêm mà từ chối ».

Công tử Hiệp-đức (20) từ nhường như vậy hai ba lần không được, bèn nhận. Lạy bái tạ ơn. Rồi từ trong triều bước ra. Các quan văn võ, chư-tướng, quan-liêu đều tới dinh chào mừng.

Xong rồi, chúa sai đặt đàn tế tạ Trời Đất và các Thần-linh để cảm ơn cái công giữ nước, hộ dân.

21. — BÀI PHÚ TRẬN TRẤN-NINH

(xem phụ-trương Hán-văn)

Vua Lê suy nhược — Họ Trịnh hung cường.

---

(20) Trong LTR *tiền-biên*, quyển 2, trang 11a có chép chuyện vương-tử Hiệp, tóm tắt những điều chép trên. Trong đoạn cuối có kể chuyện sau khi Bắc-quân đã rút, phạm những Bắc-quân bị bắt đều sai cấp tiền lương, quần áo mà thả về, chứ không giết một ai. Lại lập một đàn trong thành Trấn-ninh, khao-tế trận vong tướng sĩ, và đặt ngoài thành một đàn để ủy-tế trận vong tướng sĩ của Bắc-quân. Sách *Việt-sử tục-biên*, quyển 19 trang 31a chép rất sơ-lược về trận này. Có ghi rằng : Tháng chạp (năm Nhâm-tí) Chúa (Tây) nghĩ rằng đất Thuận Quảng ẩm-thấp, vả gặp mùa đông rét giá, sĩ tốt ở đó đã lâu, bèn tâu Vua xin đem quân trở về, phàm những tù-nhân giặc đã bị bắt, trai gái già trẻ đều được cấp tiền gạo thả về. Rồi sai thiếu-úy quận Hào trấn-thủ xứ Nghệ-an, kiêm coi châu Bố-chính. Theo LTR, công-tử *Hiệp* « lui về, tránh đàn bà, dựng am nhỏ, để thờ Phật, bàn đạo-lí để làm vui. Năm Ất-mẹo 1675, bị bệnh đậu, mất, mới 23 tuổi ». Còn *Nguyễn Hữu Dật*, sau một đời lầm tướng nổi danh mất năm Tân-dậu 1681, thọ 78 tuổi, theo LTR *tiền-biên* quyển 3 trang 40b.

Library HoangSa.Org

Đem đảng ngụy lấn miền Bắc-giới — Dất quân tôi vượt đến Nam-bang.

Khoe rằng phát mười tám vạn hùng-binh — Phao dối cầm một trăm viên chiến-tướng.

Rỡ-ràng gươm giáo, trước hồ-trướng giàn bày — Chói-lọi tinh kì, trên núi đồi giấp-giới.

Vua Lê-hoàng dừng xe loan ở Phù-lộ-điện — Chúa Tây-định dẫn lũ chuột qua Đại-linh giang.

1. Xem thấy :

Quân đến Trấn-ninh — Lính dừng Chính-thủy.

Khơi rãnh ruột dê, người người qua lại tiệm-tàng — Đào hầm lưng rắn, kẻ kẻ tới lui ẩn tránh.

Xây đài đắp lũy, dương oai hùng mà thế yếu đã bày — Khiến tướng điều binh, hăng khoe mạnh mà vẻ hèn đã rõ.

Tây-định đóng đồn chính-đạo, thả quân cướp bóc, trăm họ kinh-hoàng, — Hào-man giữ chức tiên-phong, buông lính tung hoành, dân-gian khiếp sợ.

2. Thình-lình :

Nam-triều nổi giận — Chúa Nguyễn ra uy.

Đem voi ngựa hùng-binh thẳng tiến — Dẫn gấu beo hổ-tướng băng đi.

Nguyên-soái gấp tới Lưu-đồn (Võ-xá) điều-khiển — Tiết-chế Chiêu-vũ vội đi Cát-lũy thúc quân.

Tiến-đức, Đức-kiêm bám lũy Trấn-ninh mà cự-chiến — Thuận-trung Trung-lộc giữ thành Mũi-nậy để đôi co.

Thái-sơn chở nước cứu Đài-Mây bị cháy — Hoằng-phương lăn đá trên Mật-cật tranh-giành.

3. Thoạt chốc :

Họ Trịnh bày mưu — Quận Lan định kế.

Buông diều lửa, bắn trái phá để tấn công — Sai đào lũy, thúc xuyên thành mà nán đánh.

Nó, ta đều trống đánh cờ tranh — Nam Bắc cùng thương đâm đao múa.

Chiêu-vũ bày diệu-kế, thả vàn gai câu móc thây thù — Bá-dương trò hùng-cường, cầm mã-tấu chém đầu địch-khấu.

Đình-nghị cầm quân tình-nguyện ra đánh liều — Triều-ngạn dẫn đoàn cảm-chiến xông chống cự.

Triều-tín Thuần-đức dương oai mà Văn-lộc mất hồn — Toàn-thắng Lân-công hăng máu mà Hào-man tan vía.

4. Chợt thấy :

Tướng khoe dũng-cảm — Binh tỏ tài-ba.

Library HoangSa.Org

Súng bắn như sấm ra chớp giật — Đạn bay như gió táp mưa sa.
Ai cũng say-sưa chiến-đấu — Thảy đều tranh-cạnh xông-pha.
Kiếm múa như tuyết bay mây cuốn — Cờ bay ngờ chớp nhoáng sao băng.
Cơn sấm động ấy là còi thổi — Tiếng xe rầm hưởng với chiêng rền.

5. Bèn có

Công Giác bói xăm — Nhà-thuần hiến kế.
Phục thần lừa chúng lấy tâm làm — Quyết kế vận-trù nhờ miệng biện (21).
Tham-tướng Tài-lễ bày chiến-thuyền đánh chẹn cửa sông — Nguyên-soái Hiệp công giữa Cát-lũy, giàn quân mặt lũy.
Thằng-lâm dắt voi đực, theo bờ bể để diễu quanh — Hào-mĩ đem xe xông, ra Trấn-ninh mà đuổi đánh.
Thật như núi đổ đời tan — Chẳng khác non san bể tát.

6. Đang lúc ấy :

Bắc-binh lòng khiếp — Quân Trịnh sức suy.
Kẻ bắn súng không còn vai vững — Kẻ múa gươm không dám vẫy-vùng.
Táng đảm kinh-hoàng, rụt cổ nấp nằm đáy lỗ — Kinh tâm run sợ, cúi đầu trốn ẩn bờ hào.
Bị tên đạn làm thân nguy mệnh tuyệt — Phải đao thương bèn phách lạc hồn bay.
Nát thịt nghiền xương xin để sống — Cháy đầu sém mặt lạy cầu thương.

7. Ô-hô !

Thây chất đầy đồng — Máu tràn bãi cát.
Nghe quỉ khốc thần kêu — Tưởng núi tan đất nứt.
Tây-định chạy về Phù-lộ, sợ bị tóm cầm — Chúa Nam đuổi đến Linh-giang, quyết bề tiêu-diệt.

8. Những muốn :

Phò Lê-đế để thăng-bình — Diệt Trịnh-gia tiêu mầm ác.
Dựng cơ-đồ, nước vững vô-cùng — Lưu thẻ lụa, danh thơm không dứt.
Chia đôi hai cõi non sông — Tiếng nổi một thời hào-kiệt.

(Xem tiếp trang 209)

(21) Vế trên không rõ nghĩa: có lẽ muốn nói dùng bói toán để làm cho quân lính thêm tin.

Library HoangSa.Org

THƯỢNG KINH KÝ SỰ

(Tiếp theo Sử-Địa số 26)

Nguyên tác : LÃN ÔNG
Dịch giả : ỨNG-NHẠC VŨ VĂN ĐĨNH

Nguyên văn

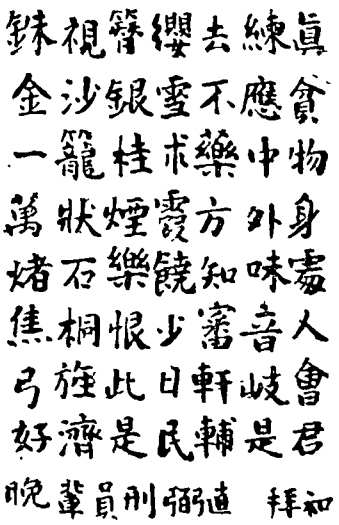

Phiên âm :

Thù thị (1) trâm-anh khứ luyện chân,
Kim-sa ngân-tuyết bất ưng bần.
Nhất lung quế-truật dược trung vật,
Vạn trạng yên-hà phương ngoại thân.
Chử thạch (2) lạc nhiêu tri vị xứ,
Tiêu đồng (3) hận thiểu thẩm âm nhân (4)

(1) Thù thị : coi là nhỏ-mọn.

(2) Chử thạch : nấu đá. Người đạo-sĩ nấu vàng đá làm thuốc, uống thuốc ấy thì thành tiên, đó là kim đan. Ý nói thuốc hay.

(3) Tiêu đồng : người ta dùng gỗ đồng làm đàn cầm, nên đàn cầm cũng gọi tiêu đồng.

(4) Thẩm âm nhân : người nhận biết những âm thanh của đàn phát ra. Cả câu thơ có nghĩa : giận ít kẻ tri-âm, ít kẻ biết bụng mình, có ý nhắc đến chuyện Bá-Nha và Chung-tử-Kỳ ngày xưa.

Library HoangSa.Org

Cung-tinh (1) thử nhật Hiên-Kỳ (2) hội,
Hảo tế thị dân phụ thị quân.

Văn-bối Viên-hình Bật-Trực bái họa

THƠ HỌA CỦA NỘN-LIỄU GIÁM-SINH VỚI LỜI DẪN

Nhà lan quyền vàng, giữa hạ gió mát, đó là cái lạc-thú của ông vậy. Ông nay tuổi hạc đã cao mà cái chí cũng cao. Bữa nọ hân-hạnh được ngồi hầu chuyện, ông cho coi bài thơ *Thuật-hoài lúc đi đường*, đọc đi đọc lại, nhận thấy ý thơ mạnh-mẽ, cốt-cách cao-quí, tỏ nỗi lưu-luyến non xưa với đá trắng mây hồng. Nay trộm nối điêu mà họa lại:

Cây rừng củ núi dưỡng thiên-chân,
Đất tốt rong chơi há chịu bằn!
Sơn-dã cầm-kỳ vui dật-khách,
Tri-nhân non-nước được nhàn thân.
Liêm-ngoan cải tục phô tâm-tích,
Cao-tễ linh-đan cứu thế-nhân.
Đã sẵn sâm-linh đem bổ-trợ,
Còn điều ngũ vị giúp minh-quân!

Văn-bối Nộn-liễu xã (3) — Lê-Hằng bái

Nguyên văn

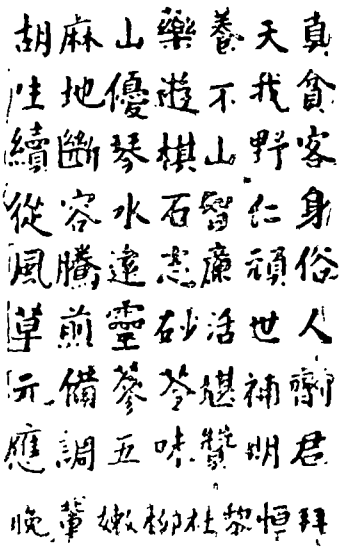

(1) Cung-tinh : lễ-vật đem tặng để chiêu-đụ người tài-đức.
(2) Hiên-Kỳ : vua Hiên-viên Hoàng-đế đời cổ và ông Kỳ-Bá, hai người có công trong y-học Trung-Hoa.
(3) Nộn-Liễu : tên xã thuộc huyện Nam-đàn tỉnh Nghệ-An.

Library HoangSa.Org

Phiên âm :

Hồ-ma (1) sơn-dược dưỡng thiền-chân,
Sinh-địa (2) ưu-du bất ngã bần.
Tục-đoạn cầm-kỳ sơn-dã khách,
Thong-dong thủy-thạch trí-nhân (3) thân,
Phong đăng viễn chí liêm ngoan-tục, (4)
Thảo tiễn linh-sa hoạt thế-nhân,
Nguyên bị sâm-linh kham bổ tễ,
Ưng điều ngũ vị tán (5) minh-quân !

Vãn-bối Nộn-liễu xã — Lê-Hằng bái

THƠ HỌA CỦA QUAN HUẤN-ĐẠO

(Thơ của người anh)

Chẳng đến Hương-sơn hỏi giả-chân,
Hãy coi phu-tử chỉ vui bần.
Núi rừng học đạo thanh-nhàn thú,
Đất nước nghe danh đạo đức thân.
Người hám lợi-danh quen thế-tục,
Ta đâu xu-hướng giống thời-nhân.
Già gây sự-nghiệp nhờ tài lớn,
Mới rõ tôi hiền gặp thánh-quân !

Huấn-đạo Đình-Dự bái họa

---

(1) Hồ-ma : cây vừng.

(2) Sinh địa : đất sống, — ở đây dùng lóng tiếng sinh-địa để chỉ chỗ ở của Lãn-Ông, vì sinh địa là tên một vị thuốc Bắc.

(3) Trí-nhân : trích câu *Trí giả nhạo-thủy, nhân-giả nhạo sơn* trong sách Luận-Ngữ, có nghĩa : kẻ trí ưa-thích chơi với nước, kẻ nhân ưa-thích chơi với núi.

(4) Liêm ngoan tục : Liêm là trong sạch, trái với ngoan là tham. Liêm ngoan tục : làm cho thói tham hóa liêm.

(5) Tán : giúp-đỡ.

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

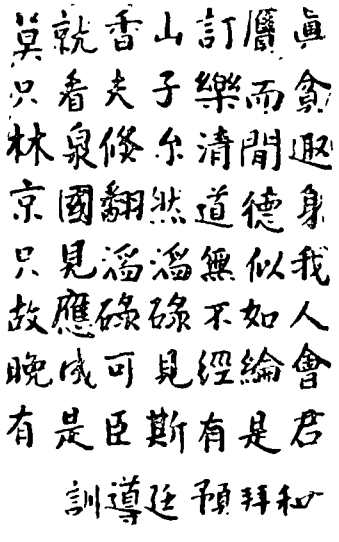

Phiên âm :

Mạc tựu Hương-sơn đính nhạn chân (1)
Chỉ khan phu-tử (2) lạc nhi bần (3)
Lâm-tuyền thúc-nhĩ (4) thanh nhàn thú,
Kinh-quốc phiên-nhiên (5) đạo-đức thân,
Chỉ kiến thao-thao (6) vô tự ngã,
Cố ưng lục-lục (7) bất như nhân !
Vãn-thành (8) khả kiến kinh-luân hội.
Hữu thị thần tư hữu thị quân. (9) !

Huấn-đạo Đình-Dự bái họa

---

(1) Nhạn : đồ vật, vật giả.

(2) Phu-tử : tiếng học-trò gọi thày dạy mình — đây tiếng tôn bậc xứng là thày dạy mình.

(3) Lạc nhi bần : theo câu bần nhi lạc, nghèo mà vui.

(4) Thúc-nhĩ : nhanh-chóng — ở đây có nghĩa sớm đã...

(5) Phiên-nhiên : rỡ-ràng.

(6) Thao-thao : cuồn-cuộn (ý nói một mực một chiều như nước chảy).

(7) Lục-lục : hèn-hạ, — cũng có nghĩa là tùy-tòng, lệ-thuộc vào người khác. Hai câu 5 và 6 có nghĩa : chỉ thấy người mải-miết mà không giống ta, có đâu ta hèn-hạ cũng như người.

(8) Vãn-thành : lúc tuổi già mới làm nên sự-nghiệp.

(9) Thị thần, thị quân : tôi ấy, vua ấy. Câu chót bài thơ có nghĩa là có vua giỏi ấy thì cũng có tôi hay ấy.

Library HoangSa.Org

THƠ HỌA CỦA QUAN HUẤN-ĐẠO

(Thơ của người em)

Cung-đàn lý-thú dưỡng thiên-chân (1)
Hồ dễ giàu-sang bức được bằn.
Hoa động bay hương vui dật-khách
Trăng song (2) vô sắc được nhàn thân.
Đón-nghênh lễ ấy trưng long-điển,
Cầm-hạc (3) tình này tựa cồ-nhân.
Thành-thị lâm-tuyền qua lại khắp,
Giữ tròn hành-chỉ (4) đạo thần-quân (5)

Huấn-đạo Đình-vụ bái họa

Nguyên văn

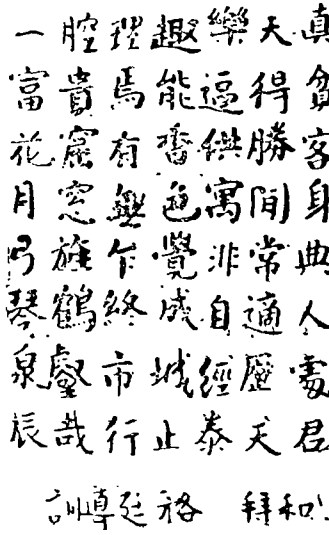

(1) Thiên-chân : sự chân-thành rất mực bởi trời phú cho, — cái bản tính thiên-nhiên.

(2) Trăng song : Trăng chiếu ... cửa sổ.

(3) Cầm-hạc : Điều Triệu-Biện người Tây-An đời Tống, đỗ tiến-sĩ, từng giữ chức Điện-trung Thị-ngự-sử, tính người cương-chính, khi đi chịu chức ở Thành-đô, chỉ đem theo một cây đàn và một con hạc, việc cai-trị dân rất giản dị.

(4) Hành-chỉ : làm quan và thôi việc quan, ý nói người làm quan phải tùy thời mà tiến-thoái để bảo-toàn danh-phận của mình. Bài hát vịnh Hàn-Tín đời Hán của Nguyễn-công-Trứ có câu : *Nếu biết chữ khả hành khả chỉ, thì Năm Hồ một lá cho xong !*

(5) Thần-quân : bề tôi và nhà vua (không có tiếng quốc-âm dịch được hai chữ thiên-quân có nghĩa là lòng người, nên tạm dung hai chữ thần-quân, có sai nghĩa, nhưng để họa nguyên vận).

Library HoangSa.Org

Phiên âm :

Nhất khương (1) lý-thú lạc thiên chân,
Phú-quí yên năng bức đắc bần
Hoa-quật (2) hữu hương cung thắng khách,
Nguyệt-song vô sắc ngụ nhàn thân.
Cung-tinh (3) sa giác phi thường điển,
Cầm-hạc chung thành sự thích nhân.
Tuyền-hác thị-thành kinh-lịch xứ,
Thời tai hành-chỉ thái thiên-quân (4).

Huấn-đạo Đình-vụ bái họa

THƠ HỌA CỦA GIÁM-SINH SƠN-TÂY

Hạo-nhiên khí ấy bởi thiên-chân,
Ngày tháng tiêu-dao xá kể bần.
Bát trận xưa nay am thể-chế,
Tam tài trời đất thấu tâm-thần.
Tài không Khương-Phó hay yên nước,
Vọng sánh Kỳ-Hoàng từng cứu nhân.
Ta muốn thay lời Sào-Hứa nói :
Ba vua bốn thánh buổi minh-quân,

Sơn-tây Giám-sinh hiệu Thanh-hồ bái họa

Phiên âm :

Hạo-nhiên chính-khí (5) đắc thiên-chân,
Tuế-nguyệt tiêu-dao bất kể bần.

---

(1) Khương : cung hát, điệu đàn hát, cũng đọc xoang.

(2) Hoa-quật : hoa trong hang, nói rộng hoa trong núi, nơi ở ẩn của bậc cao-sĩ.

(3) Cung-tinh : coi chú-thích ở phần trên, nơi bài thơ họa của Bùi-bật-Trực.

(4) Thái thiên-quân : do câu *Thiên-quân thái-nhiên* có nghĩa : Tâm được yên-vui tự-nhiên (thiên-quân là tâm người ta).

(5) Hạo-nhiên chính-khí : cái khí-tiết ngay-thẳng, cứng-rắn của những bậc anh-hùng liệt-sĩ.

Library HoangSa.Org

Bát trận (1) cổ kim minh thể-chế (2)
Tam tài (3) thi thiên địa hội tâm-thân.
Tài phi Khương-Phó (4) năng y quốc,
Vọng thiếp Kỳ-Hoàng (5) lũ hoạt nhân.
Vị ngã đương vi Sào-Hứa (6) ngữ,
Tam hoàng (7) Tứ-thánh (8) thái-bình quân.

Sơn-tây Giám-sinh hiệu Thanh-hồ bái họa

Nguyên văn

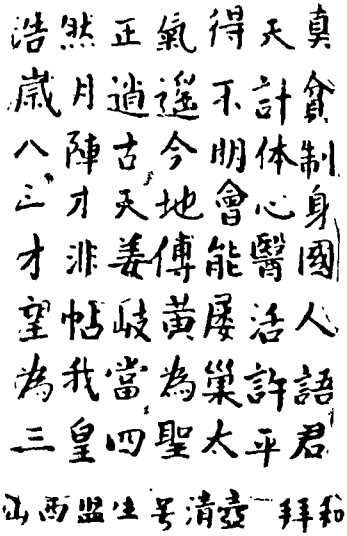

(1) Bát trận: Tám môn của những phương thuốc trị bệnh đã được chia ra trong sách thuốc Cảnh Nhạc.

(2) Thể-chế: cách-thức chế ra, cốt-cách xây-dựng lên.

(3) Tam tài: ba ngôi là trời, đất và người.

(4) Khương-Phó: Khương-tử-Nha và Phó-Duyệt. Tử-Nha tuổi già ở ẩn, đi câu. Vua Văn-vương nhà Chu đi săn, gặp Tử-Nha ở sông Vị, cùng nhau chuyện-trò đắc-ý, cho lên xe cùng về, tôn làm thày, gọi là sư thượng-phụ. Vũ-vương diệt Trụ mà có thiên-hạ là nhờ mưu-chước của Tử-Nha. Nguyên tổ-tiên của ông được phong ở đất Lữ, nên Tử-Nha cũng được gọi là Lữ-thượng. — Phó Duyệt: hiền-tướng đời nhà Ân: vua Cao-tông mộng thấy Duyệt, tìm về cất lên làm tướng, nước được thịnh-trị.

(5) Kỳ-Hoàng: đã chú-thích ở phần trên.

(6) Sào-Hứa: đã chú-thích ở phần trên.

(7) Tam-hoàng: Có nhiều thuyết khác nhau. Theo sách Đế-vương Thế-kỷ thì Phục-Hy, Thần-Nông, Hoàng-Đế là tam-hoàng.

(8) Tứ-thánh: bốn vị thánh trong y-học xưa tức là Hoàng-đế, Kỳ-Bá, Tần-việt-Nhân và Trương-Cơ.

Library HoangSa.Org

THƠ CỦA CỰU THI-XÃ

Thuở thiếu-thời tôi từng kết bạn với hàng chục người ở kinh-đô, lập thành một thi-xã. Nay tôi trở lại đây thì người người đã phân-tán, chỉ còn lại vài ba kẻ mà thôi.

Đã sẵn lòng chay dưỡng tính chân,
Không cần giầu Khải, (1) học Nhan bần (2).
Ba nghi sơn thủy ta tìm thú.
Trăm trận biên thùy kẻ dấn thân.
Trên lộ trần ai cam lữ khách (3)
Trước sân phong nguyệt họp thân nhân.
Dù ai có hỏi ta sinh-kế,
Cười trỏ linh-đan (4) cõ Lão-quân (5)

Đặng huy Trai đạo-hiệu Thúy-Anh bái họa

Nguyên văn

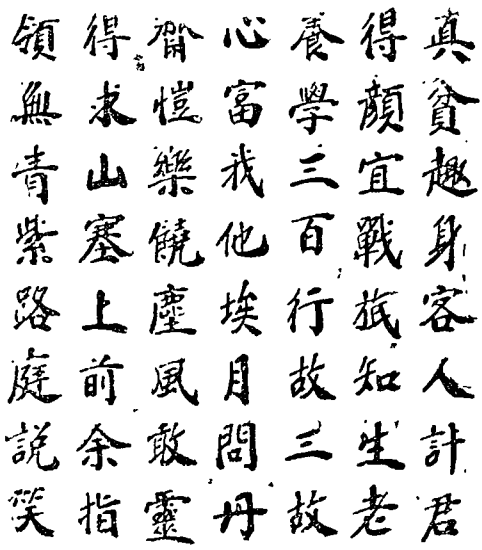

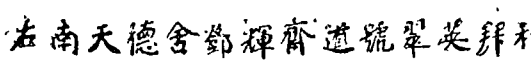

(1) Khải : Vương Khải, nhà cự-phú đời Tấn, cùng với một nhà cự-phú khác là Thạch-Sùng ganh đua nhau ăn chơi xa xỉ.

(2) Nhan : Nhan-Hồi tên một vị trong tứ-phối, thường gọi là Nhan-tử, học-trò giỏi của Khổng-tử, nhà rất nghèo chỉ ham học đạo.

(3) Lữ-Khách : Khách đi xa.

(4) Linh đan : Thuốc luyện của thần tiên, theo nghĩa rộng, chỉ liều thuốc hay.

(5) Lão-quân : Lý-Nhĩ đời nhà Chu, gọi là Lão-tử, tổ Đạo-giáo.

Library HoangSa.Org

Phiếu âm :

Lãnh đắc trai tâm dưỡng đắc chân,
Vô cầu Khải phú học Nhan bần.
Thanh sơn lạc ngã tam nghi thú,
Tử tái nhiêu tha bách chiến thân.
Lộ thượng trần ai hành lữ khách,
Đình tiền phong nguyệt cố tri nhân.
Thuyết dư cảm vấn tam sinh kế,
Tiếu chỉ linh đan cố Lão-quân.

Hữu Nam-thiên Đức-hợp Đặng huy Trai đạo hiệu
Thúy Anh bái họa.

Sau khi đọc những bài thơ ấy giờ lâu, tôi nói : « Viên-Hình công có phong vị nhà thơ. Còn giám-sinh ở Nộn-liễu, giám-sinh ở Sơn-tây cùng với hai viên Huấn-đạo đều có khí vị của nhà nho mà chưa thoát tục. Đến như thơ của Thúy-Anh thì tư-tưởng bay bổng tận trời cao, viển vông không đâu, thật đáng nực cười. Tôi biên chép tất cả để coi cho vui.

Từ đó bài thơ *Vâng chiếu ra đi* được chuyền tay nhau sao chép. Cứ ba ngày hoặc năm ngày lại thấy có người đệ-nạp thơ của mình. Những kẻ ngày thường chưa từng biết mặt cũng nhiều, đều có thơ họa đưa đến. Có nhiều bài lắm, chỉ giữ lại một số bài nghe được, đem ghi chép ra đây :

THƠ HỌA CỦA QUAN HUYỆN-TRI CẦM-GIANG
(Ông là quan Tả-binh về trí-sĩ, con của Mai-sĩ-Uông)

Ân Thi đình Lễ luyện thiên-chân.
Tai mắt trời cho há phải bần.
Đã chẳng công danh thường cứu thế,
Vẫn sùng đạo-đức khéo tàng thân.
Hải-đông Việt-điện đều trung địa,
Song bắc Hy-Hoàng tựa cồ-nhân.
Y dược tiếng hay lừng đất nước,
Dày công gắng-gỏi dưỡng thiên-quân.

Văn-sinh Lan-nghị Ái-liên-tử Tăng bái cảo.

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

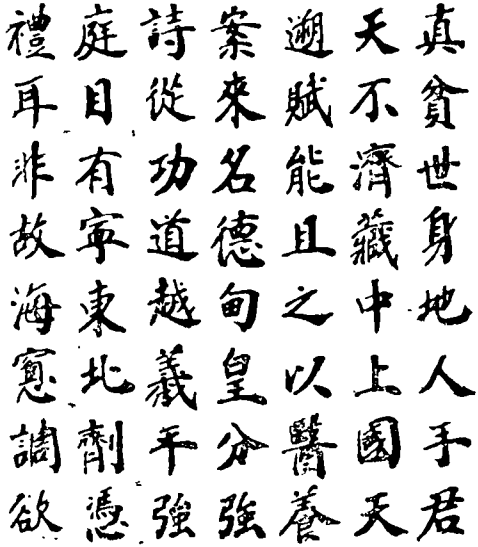

禮庭詩案遡天真
耳目從來賦不貧
非有功名能濟世
故寧道德且藏身
海東越甸之中地
窻北羲皇以上人
調劑平分醫國手
欲憑強強養天君

古晚生蘭毅受運子鏞拜稿

Phiên âm :

Lễ-đình Thi-án (1) tố thiên-chân,
Nhĩ-mục tòng lai phú bất bần
Phi hữu công-danh năng tế thế,
Cố minh đạo-đức thả tàng thân.
Hải-Đông (2) Việt-điện (3) chi trung địa,
Song-bắc Hy-Hoàng (4) dĩ thượng nhân.

---

(1) Lễ đình Thi-án : Sân Lễ án thi. Cũng nói Thi-lễ đình, có nghĩa là sân Thi-Lễ, nơi học-hành.

Tố : tìm-tòi.

(2) Hải-Đông : tỉnh Hải-Dương.

(3) Việt-điện : nói chung đất nước Việt-Nam (điện là khu đất chung, quanh thành nhà vua).

(4) Song bắc Hy-Hoàng : do câu Bắc-song cao-ngọa như Hy-Hoàng thượng nhân có nghĩa là nằm dài trước cửa sổ phía bắc như người ở trên đời vua Hy-Hoàng. Ý nói hưởng cảnh thái-bình nhân-nhã như ở đời thượng-cổ.

Library HoangSa.Org

Điều tễ (1) bình-phân (2) y quốc-thủ,
Dục bằng cưỡng-cưỡng dưỡng thiên-quân (3).

Văn-sinh Lan-nghị Ái-liên-tử Tăng bái cảo

THƠ HỌA CỦA NAM-SƠN GIÁM-SINH

Chán đường danh-lợi giữ lòng chân,
Thuốc nghĩa thang nhân đủ chữa bần.
Hiên-Biền thánh-hiền noi diệu-thuật,
Đường-Ngu trời-đất được nhàn-thân.
Trăm ban sẵn có ngàn phương được,
Một lý soi cùng vạn cổ nhân.
Lang-miếu giang-hồ từng có mặt,
Ra tay độ thế tá minh-quân.

Trần-nguyễn-Thuyên Ôn-Như bái cảo

Nguyên văn

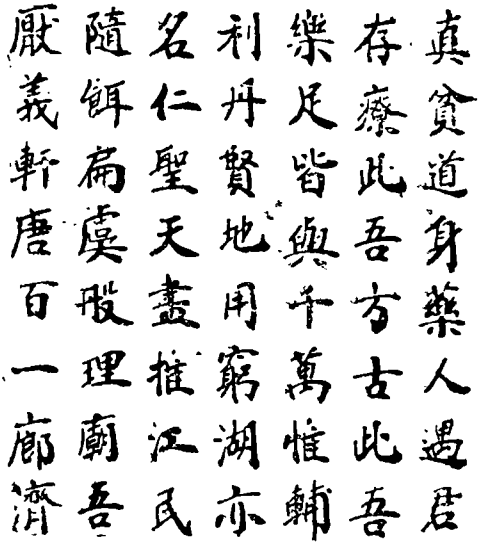

右晚生堂中蓮亭子陳阮佺温和拜稿

(1) Điều tễ: Thang-thuốc được gia-giảm thích-nghi.
(2) Bình-phân: chia thành mấy phần đều nhau.
(3) Thiên-quân: cái tâm của người ta. Tâm-tính con người.

Library HoangSa.Org

Phiên âm :

Yếm tùy danh-lợi (1) lạc tồn chân,
Nghĩa-nhĩ nhân-đan (2) túc liệu bần.
Hiên-Biển (3) thánh-hiền giai thử đạo,
Đường-Ngu thiên-địa dữ ngô thân.
Bách ban tận dụng thiên phương dược,
Nhất lý suy cùng vạn cổ nhân.
Lang-miếu (4) giang-hồ duy sở ngộ,
Tế ngô dân diệc phụ Ngô quân.

Văn-sinh Ái Trung Liên-đình Tử Trần-nguyễn Thuyện bái-cảo

THƠ HỌA CỦA QUAN CỰU THIÊM-BINH

Hạnh rừng cam giếng dưỡng thiên-chân,
Đạo học xâu-sa há phải bần !
Tai mắt dường kia nguyên diệu-thủ,
Tóc da không sót quản nhận-thân.
Đã từng nồng-đạm phô thần-sắc,
Chi khác Hy-Hòa tựa cổ nhân.
Tao-ngộ phong-vân mừng hội ấy,
Cao-quỳ buổi Thuấn xứng minh-quân.

Thiên-phúc thị Thuật-trai bái cảo

---

(1) Yếm tùy danh-lợi : chán theo đuổi danh lợi.

(2) Nghĩa-nhĩ : nhĩ là đồ ăn có chất-bổ đem nuôi người ốm. Ý nói nuôi người ốm là làm điều nghĩa — Nhân-đan : Đan là tễ thuốc, nhà tu tiên dùng thuốc gì cũng có đan-sa, cho nên tễ thuốc gọi là đan. Ý nói chữa bệnh cho người là làm điều nhân.

(3) Hiên-Biển : hai người có công trong y-học thời xưa. Hiên chỉ Hiên-viên hoàng-đế, vua đời thượng-cổ ở Trung-quốc — Biển tức Biển-Thước thầy thuốc có danh-tiếng đời Xuân-Thu.

(4) Lang-miếu : đền đài nhà vua, nói rộng là chốn triều-đình.

Phụ chú : Về bài dịch ở trên, lòng chân-ca nghĩa như chân-tâm, tức là cái tâm sáng-láng, linh-thông không cần học-hỏi mới biết...

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

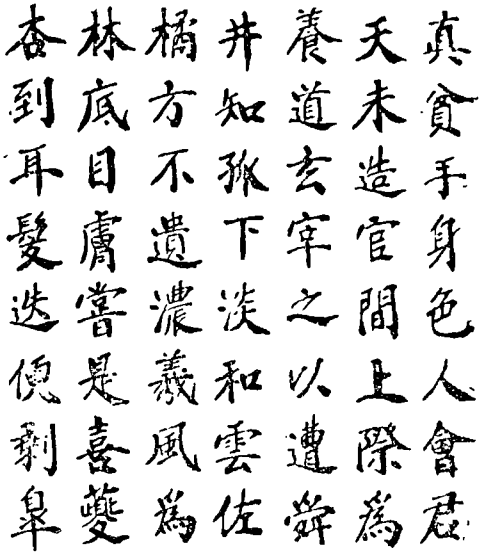

在天福氏述贊拜稿

Phiên âm :

Hạnh-lâm (1) quất tỉnh (2) dưỡng thiên-chân,
Đáo-đề phương tri đạo vị bần.
Nhĩ-mục bất cô huyền tạo thủ,
Phát phu di hạ tể quan thân.
Diệt phường nùng-đạm chi gian sắc,
Tiện thị Hy-Hòa (3) dĩ thượng nhân.

---

(1) Hạnh-lâm : rừng hạnh. Lời khen thầy thuốc giỏi, chữa bệnh không lấy tiền-bạc, chỉ đòi bệnh-nhân trồng hạnh trong vườn cho ông, sau hạnh mọc thành rừng. Sự-tích trích trong « Thần-tiên truyện » nói về Đổng-Phụng đời Tam-quốc, và vườn trồng hạnh được gọi là Đổng-tiên hạnh-lâm.

(2) Quất-tỉnh : giếng quít. Có thành-ngữ : quất-tỉnh tuyền hương (giếng quít suối thơm) tức là lời khen vị lương-y, ông Tô-tiên-công đời Hán, nổi danh thầy thuốc giỏi, đã thành tiên dưới đời Vũ-đế. Ông chỉ dùng nước trong giếng và lá cam giữa sàn mà chữa khỏi bệnh dịch cho người trong nước.

(3) Hy-Hòa : họ Hy, họ Hòa về thời Đường Ngu là quan coi giữ việc bốn mùa trong trời đất.

Library HoangSa.Org

Thặng hỉ phong-vân tao-tế hội,
Cao-quỳ (1) vi tá Thuấn vi quân.
Thiên-phúc thị Thuật-trai bái cảo

THƠ HỌA CỦA HUẤN-ĐẠO TAM-ĐỚI PHỦ VỚI LỜI DẪN

Bữa họ nhân đi thăm một người bạn, may được thấy cái ánh sáng thừa-thãi, kính-cẩn dò hỏi, mới hay ngài là dòng-dõi trâm-anh, lại là tiên-ông nơi suối rừng, có nghề thuốc linh-diệu, nay vâng chỉ trưng-triệu. Thơ ngài tự thuật trong lúc đi đường cho thấy cái thái-độ nhã-đạm, cao-cả, khiến người đời đều tán-thưởng ; lời thơ thanh-đạm mà lại ý-vị, văn-vẻ ; tao-ông mặc-khách cũng khó mà theo kịp. Kẻ văn-sinh này vô cùng hâm-phục, kính theo nguyên-đề mà họa lại, cũng biết rằng múa rìu qua mắt thợ là mua cười :

Nuôi-dưỡng thong-dong giữ tính chân,
Cho hay thiên-phú há đâu bằn.
Xuân hồi non nước vui đôi mắt,
Tuổi thọ sâm-kỳ sẵn một thân.
Chân gấu tiếng đồn thông sứ-điệp,
Vó câu hương quyện tiễn cao-nhân.
Quan-thân đất cũ nay vui thưởng,
Phỉ chí bình-sinh gặp thánh-quân !

Văn-bối Huấn-đạo Tam-Đới phủ bái họa

Phiên âm :

Di-dưỡng thong-dong kiến tính chân,
Dự tri thiên-phú bất vị bằn.
Hồi xuân thủy-thạch thư song nhãn, (2)
Thọ thế (3) sâm-kỳ (4) nhiệm nhất thân (5).
Hùng-chưởng (6) phong truyền môi-phóng sứ,
Mã đề (7) hương tống phác chiêm nhân.

---

(1) Cao-Quỳ tên hai hiền-thần đời vua Thuấn.
(2) Thư song nhãn : hai mắt nhìn thoải-mái.
(3) Thọ thế : sống lâu.
(4) Kỳ : tức hoàng-kỳ, tên một vị thuốc (tục-ngữ : có tiền hoàng-cầm hoàng-kỳ, không tiền trần-bì chỉ-xác).
(5) Nhiệm nhất thân : tùy mình muốn, tùy mình liệu-định.
(6) Hùng-chưởng : bàn chân con gấu dùng làm món ăn quí.
(7) Mã-đề : móng chân ngựa.

Library HoangSa.Org

Quan-thân (1) cổ địa kim trùng thưởng,
Cam toại sinh-bình hỉ đắc quân (2)

Văn-bối Tam-Đái phủ Huấn-đạo thời bái-họa

Nguyên văn

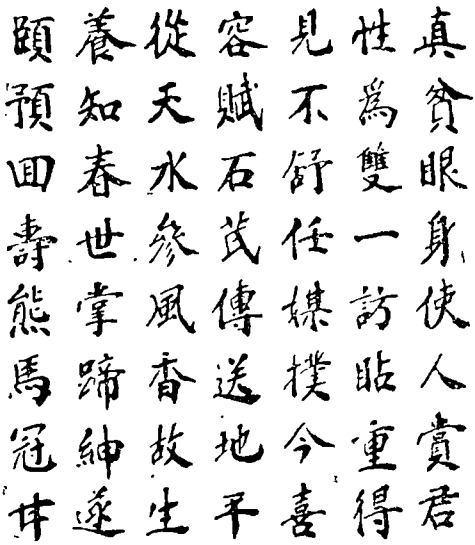

右晚輩三帶府訓導展拜和

THƠ HỌA CỦA NGƯỜI HẠT THỔ-KHỐI (3) VỚI LỜI DẪN

(Chẳng được tiếp chuyện, có Thị-Nội Tả-quan mang bài họa đến)

Buổi sớm khách được đọc lên bài thơ quí báu, đủ thấy rõ cái phong-vận ; hà-tất phải thấy người rồi mới biết cái cao-chí của người. — Ô-hô ! hận chẳng được tiếp kiến, chẳng qua tạo-vật vô tình. Tuy-nhiên chưa được cái ánh sáng tươi đẹp soi-rọi mà đã được nghe tiếng châu-ngọc cũng đủ là một điều hân-hạnh vậy. Là kẻ có tính mến tài, niềm hâm-mộ lại sâu-xa, nên dám theo nguyên-vận mà họa lại để nói lên lời tán-thưởng. Nhưng chợt nhận ra rằng chỉ là bôi đen, chẳng thể

(1) Quan-thân : cái mũ và cái giải áo, chỉ giới quan-lại, hoặc giới văn-học.

(2) Đắc quân ; được vua tin dùng.

(3) Thổ-Khối : tên làng thuộc huyện Gia-Lâm, tỉnh Bắc-Ninh.

Library HoangSa.Org

làm giống như bình ngọc tranh xuân (1), khỏn nỗi một khi thành tâm tưởng-vọng thì sao có thể im tiếng đi được. Cho nên chẳng suy-tính hay hèn bày ra trước mắt, chỉ nguyện lấy tình mà ngầm hiểu tình, đừng lấy điều thơ khéo vụng mà chối từ.

Tinh mắt anh-hùng dễ nhận chân,
Ông nay bảo đạo chẳng lo bần.
Thiếu-thời nghiên-cứu Hiên-kỳ học,
Tế thế ân-cần Xã-tắc thần.
Khổng-Mạnh gia-đình nêu trọng vọng,
Sào-Do tâm-sự tỏ cao-nhân,
Non xưa tùng-trúc đừng ganh-tị,
Long-Đỗ tin dùng gặp ấu-quân.

Thể-Khối Tôn-khiêm-Tử, Lâm-cao-Phảng phỏng bút ảnh họa.

Nguyên văn

一眼英雄認得真
如公抱道不宜貧
少年甫鵲軒岐學
今日朝廷社稷身
孔孟家庭陶阮閾
巢由心迹白元人
故山松竹無相妬
龍肚鬚黃始得君

右土塊人氏年諫子臨高駒筆影和

(1) Bình ngọc tranh xuân : dịch câu Ngọc-hồ xuân-họa, bình bằng ngọc bức tranh mùa xuân, ý nói hai đồ vật đẹp đẽ được người ưa-chuộng.

Library HoangSa.Org

Phiên âm :

Nhất nhãn anh-hùng nhận đắc-chân,
Như công bão đạo bất nghi bần.
Thiếu-niên Biển-Thước (1) Hiên-Kỳ học,
Kim-nhật triều-đình Xã-tắc thần.
Khổng-Mạnh gia-đình Đào-Nguyễn (2) phiệt,
Sào-Do tâm-tích Bạch-Nguyên nhân (3)
Cố-sơn tùng-trúc vô tương đố,
Long-Đỗ thiều-hoàng (4) thủy đắc quân (5).

Thổ-Khối Tồn-Khiêm-tử Lâm-cao-Phảng bút ảnh-họa.

THƠ HỌA CỦA QUAN CHÂU VẠN-NINH

(Tôi soạn sách *Châu-ngọc cách-ngôn* gồm ba quyển, không rõ người này đã đọc sách ấy ở đâu, nay thấy có nói đến trong bài thơ).

Trộm đọc sách *Châu-ngọc cách-ngôn*, sớm đã thông-cảm, tuy chỉ trên giấy và lấy làm ngưỡng-mộ. Nghĩ mình lại hổ mình, chỉ tại tấm thân bị ràng-buộc trong công-vụ, nên chưa thể thân đến chiêm-ngưỡng cái mô-phạm ; chỉ được xa nghe lời dạy bảo cũng tạm làm cho thư-thái khối tình hâm-mộ. Nay xin đem những lời quê-kịch để tả nỗi lòng chứa-chất bấy nay, dám mong không từ-bỏ mà dạy-bảo cho, thật là may-mắn.

Thanh-khiết an-nhàn khéo dưỡng chân,
Cảnh nhà bờ biển thú quên bần.

---

(1) Biển-Thước, Hiên-Kỳ : coi chú-thích trang 60. Kỳ tức Kỳ-Bá người có công trong y-học thời cổ.

(2) Đào Nguyễn : Đào-Tiềm và Nguyễn-Tịch — Đào-Tiềm hiệu là Uyên-Minh ở về đời Đông-Tấn, tính người cao thượng. Ông làm quan lệnh ở Bành-Trạch, bỏ quan mà về, vui cảnh nghèo, say mùi đạo, thường uống rượu chơi cúc.

Nguyễn-Tịch : người đời Tam-Quốc, tính phóng-túng, ưa đạo Lão và đạo Trang, làm quan đến Bộ-binh hiệu-úy.

(3) Bạch Nguyên nhân : Người như Bạch-Nguyên. Thường nói là Nguyên-Bạch, tức đời Đường, Nguyên-Chẩn và Bạch-cư-Dị là hai người giỏi thơ, thường làm thơ gửi cho nhau ; mỗi người, về thơ, giữ phẩm-cách riêng ; người đương-thời gọi là Nguyên-Bạch.

(4) Thiều-hoàng : tuổi thơ ấu, chỉ thế-tử Cán, con Trịnh-Sâm.

(5) Đắc quân : được vua tin dùng.

Library HoangSa.Org

Ngải chiều hẹ sớm thường vô sự,
Gió mát trăng trong hưởng một thân.
Học dõi Hiên-Kỳ nêu bí-quyết,
Sách tàng Châu-Ngọc đợi truyền nhân.
Cách-ngôn đọc tới nghiêng Sơn-Đầu,
Hồ-thẹn không duyên hầu cận quân !

Ninh-dương Phan-lương-Như bái thư.

Nguyên văn

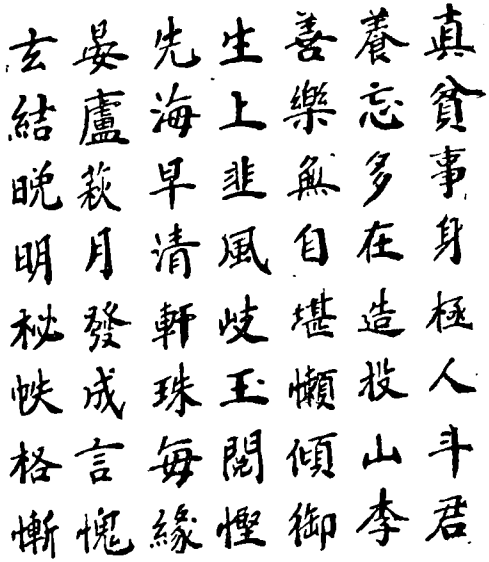

右安陽潘良孺拜書

Phiên âm :

Huyền-yến (1) tiên-sinh thiện dưỡng chân,
Kết lư (2) hải-thượng lạc vong bần.
Vãn thu tảo cửu (3) vô đa sự,
Minh nguyệt thanh phong tự tại thân.

(1) Huyền yến : trong-sạch và yên-ổn.
(2) Kết lư : làm nhà (lư là cái lều, cái nhà nhỏ).
(3) Vãn-thu : buổi chiều cây ngải ; tảo cửu : buổi sớm cây hẹ. Ý nói sáng thì săn-sóc cây hẹ, chiều thì trông nom cây ngải, sống trong cảnh nhàn-hạ.

Library HoangSa.Org

Bí phát Hiên-Kỳ (1) kham tạo cực,
Trật (2) thành Châu-ngọc (3) lãn đầu nhân.
Cách ngôn mỗi duyệt kinh sơn-đẩu, (4)
Tàm-quí (5) duyên khiên (6) ngự Lý-quân. (7)

Ninh-dương Phan-lương-Nhụ bái thư.

Một ngày kia viên Thị-nội Tả-quan ở triều về, đến chỗ tôi ở nói chuyện phiếm. Ông ta bảo tôi rằng : « Danh-tiếng Lão-sư vang-dậy chốn kinh-sư, chẳng cứ kẻ xin chữa bệnh, xin thuốc, cả những thân-hào, đệ-tử danh-gia hiện nay, ai cũng ngưỡng-mộ thái-độ cao quí của lão-sư, mến-phục lão-sư mà muốn cầu được yết-kiến. Gần đây tại dinh Tiền-hùng Tả-quan còn nghe nói : « Những tác-phẩm của lão-sư đều rất được tán-thưởng ». Tôi tuy là quan võ ít học, cũng nhảy-nhót vui-sướng, xin họa một bài, đệ trình để mua vui :

Bầm-phú cho hay giữ tính chân,
Đạo vui ấy phú há đâu bằn !
Nghênh-ngang trời đất dương đôi mắt,
Yên-khốn nhân-dân cậy một thân.
Cũng bởi chiếu thư tăng dã-sắc,
Nỡ đâu lãnh-nhãn ngó thời-nhân,
Hành-tàng dụng-xả nên như thế,
Mới biết là ta cũng thể quân.

Hàm-xuyên-hầu bái họa.

---

(1) Hiên-Kỳ : Tên hai người đời cổ bên Tàu có công trong nghề thuốc, tức là Hiên-viên hoàng-đế và ông Kỳ-Bá.

(2) Trật : cái bao đựng sách — sách đong thành nhiều tập và được bọc kỹ-lưỡng.

(3) Châu ngọc : tức là bộ sách mang tên *Châu-ngọc cách-ngôn* của Lãn-ông.

(4) Sơn-đẩu : do chữ Thái-sơn Bắc-đẩu nói tắt, dùng để ví ông thày học có đức-vọng cao-cả như núi Thái-sơn, như sao Bắc-đẩu.

(5) Tàm-quí : hổ-thẹn.

(6) Duyên khiên : duyên hiếm-có, ít duyên may.

(7) Ngự Lý-quân : Đời Đông-Hán, Lý-Ưng có tiếng là người tài-giỏi. Tuân-Sảng đến thăm và nhân đó, được hầu cận. Khi ra về, Tuân Sảng mừng-rỡ mà nói rằng : « Ngày nay ta đã được hầu cận Lý quân ». Đời sau nhân đó lấy hai chữ « Ngự-Lý » làm lời được thân hiền-giả.

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

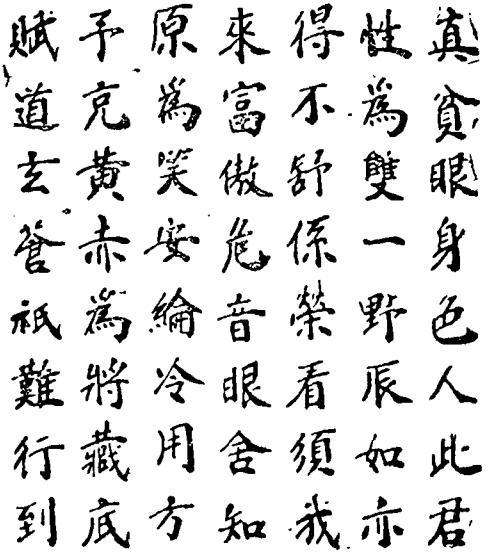

賦予原來得性真
道充爲富不爲貧
玄黃笑傲舒雙眼
蒼赤安危係一身
祇爲綸音榮野色
難將冷眼看辰人
行藏用舍須如此
到底方知我亦君

右邯川侯升和

Phiên âm :

Phú dữ (1) nguyên lai đắc tính chân,
Đạo sung (2) vi phú bất vi bần.
Huyền-hoàng (3) tiếu-ngạo (4) thư song nhãn,
Thương-xích (5) an-nguy hệ nhất thân.
Chỉ vị luân-âm (6) vinh dã-sắc,
Nan tương lãnh-nhãn (7) khán thời-nhân.

---

(1) Phú dữ : nói cái tính của trời cho.

(2) Đạo sung : đạo đầy-đủ.

(3) Huyền-hoàng : đen lẫn vàng, nói trời đất chưa phân-biệt. Có câu « thiên-địa huyền-hoàng, vũ-trụ hồng-hoang » trời sắc đen, đất sắc vàng, vũ-trụ rộng-lớn mờ-mịt.

(4) Tiếu-ngạo : cười ngạo-nghễ.

(5) Thương-xích : do chữ thương-sinh và xích-tử nói tắt. Thương-sinh là dân-chúng, xích-tử là con đỏ.

(6) Luân-âm : mệnh-lệnh nhà vua, tức là chiếu-thư.

(7) Lãnh-nhãn : mắt coi thờ-ơ, lạnh-nhạt.

Library HoangSa.Org

Hành-tàng (1) dụng-xả (2) tu như thử,
Đáo để phương tri ngã diệc quân (3)

Hàm-xuyên-hầu (4) bái họa

Bài thơ này tôi ngâm đi ngâm lại, nói rằng : « Biết đâu thi-tình của quan lớn lại xảo-diệu (5) đến thế ! từ nay về sau, tôi lại có thêm một bài thơ phong-nguyệt ». Trong lúc nói chuyện thấy Hùng-Tả quan đẩy cửa vào, cười mà rằng : « Hai ông cao giọng ngâm-nga thật là thích-thú ! Tôi cũng có một bài với lời lẽ vụng-về mang lại đây để góp vui ». Rồi ông lấy bài thơ ở trong tay áo đưa ra. Hàm-xuyên-hầu tiếp lấy coi trước. Nguyên Hùng-Tả quan là con nuôi của Ngô hoàng-giáp (6), người đất Lai-Thạch xưa, làm quan trấn-thủ (7) Lạng-Sơn. Trước kia tại Hoan-châu, Hùng-Tả-quan cùng tôi từng đã có thư-trát qua lại, nhưng chưa được họp mặt lần nào. Trước có ứng-cử vào học trường Quốc-tử-giám ; sau nhờ có bài trần-ngôn (8) được đặc-chỉ ban cho làm quản Hùng-Tả-quân. Hồi tôi tới kinh, ông có đến thăm tôi, vì việc công ông phải đi xa vắng, đến nay mới trở về. Hàm-hầu xem thơ xong, luôn miệng khen-ngợi. Tôi đón coi bài thơ, đọc từ lời dẫn đến lời thơ, lấy làm kinh-ngạc mà rằng : « Vì đâu quan lớn biết được bài thơ của tôi ? » Hùng-Tả-quan cười, nói rằng : « Đại-thúc (tôi cùng với vị Thám-hoa (9) xưa giao-hữu tựa một nhà, cho nên ông ấy gọi tôi là thúc) thịnh-danh trong triều ngoài chợ đều nghe biết, lại trong kinh

---

(1) Hành-tàng : đem dùng và đem cất đi.

(2) Dụng-xả : dùng và bỏ đi.

(3) Ngã diệc quân : tôi cũng như anh.

(4) Hàm-xuyên-hầu tức Đinh-nhạ-Hành, bỏ chúa Yến-Đô, phò vua Lê, được làm quản Binh-hiệu thị-trung, từng vâng lệnh vua đem quân xuống Sơn-Nam-hạ chống quân Tây-sơn (Vũ-văn-Nhậm). Cuối đời Chiêu-thống, Nhạ-Hành làm đến Chẩn-khấu Đại tướng-quân, tước Hàm quận-công. Năm Kỷ-dậu 1789 Nhạ-Hành đem gia-quyến theo vua chạy sang Tàu.

(5) Xảo-diệu : khéo-léo và mầu-nhiệm.

(6) Ngô hoàng-giáp : ông nghè họ Ngô (hoàng-giáp là đỗ Tiến-sĩ đệ nhị giáp xuất thân), không rõ là ai.

(7) Trấn-thủ : chức quan đời trước coi một đồn hay một quan-ải

(8) Trần-ngôn : bản văn tâu-bày với vua những điều lợi-hại về một hay nhiều vấn-đề trong nước. Đại thúc : tức là chú, em trai của cha.

(9) Thám-hoa : Thời-đại Khoa-cử, đỗ tiến-sĩ đệ nhất giáp cập đệ về hàng ba, dưới bảng-nhãn, ở trên thấy nói Ngô hoàng-giáp, ở đây lại nói vì Thám-hoa. Không rõ nghĩa.

Library HoangSa.Org

đứa tre nhỏ cũng thuộc thơ mà ngâm lên, tôi há lại không nghe thấy sao ? ». Tôi cười đáp rằng : « Quan lớn làm cho người phải thẹn thùng ». Tôi lại thầm nghĩ người này có tiếng giỏi thơ, lời thơ trong-trẻo mới-mẻ, thực là có cái phong-vị thi-gia. Nói chuyện xong thì trà cạn, hương tàn, cùng nhau giải-tán. Tôi nhân chép lại để nhớ lấy một việc tốt đẹp.

THƠ HỌA CỦA HÙNG-TẢ QUAN VỚI LỜI DẪN

Bên trời nước chia tay đã hơn hai mươi năm. Từng muốn cùng nhau ngồi nói chuyện tâm-sự chốc lát để thỏa lòng khao-khát mà chưa được. Từ lúc cách-biệt nhau đến nay, gặp phải nhiều việc phức-tạp bận-rộn, chỉ ngóng trông từ xa cái tung-tích của người. Kính-cẩn tiếp lời thơ theo nguyên vận :

Nguyên văn

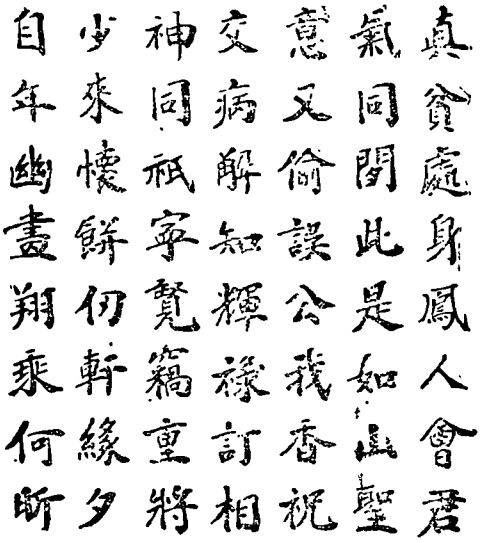

左舊屐人双南佳亭阮晏登于岸_拜稿

(1)此言余與他皆被召赴京

Từ nhỏ tâm-giao ý-khí chân,
Nay đây cùng bệnh lại cùng bần.

Library HoangSa.Org

Ngày nhàn nhẹ giải tình u-uất,
Bánh vẽ sui nên bận xác-thân.
Như phượng tung mình người trọng bác,
Ngồi xe ăn lộc khách như nhân.
Hương-sơn ước cũ duyên may nối,
Sớm tối vui chơi chúc thánh-quân.

Người thời trước Song-Nam Giai-đình Nguyễn-Ngô Đăng Vu ngạn bái soạn.

Câu 2 : Lãn-Ông chú-thích : câu này ý nói : Tôi cùng ông ta đều bị triệu về kinh.

Phiên âm :

Tự thiếu thần-giao (1) ý-khí chân,
Niên lai đồng bệnh hựu đồng bần.
U-hoài chỉ giải thâu nhàn xứ (2),
Họa-bính ninh tri ngộ thử thân. (3)
Tường nhận quan huy công thị phượng,
Thừa hiên (4) thiết lộc (5) ngã như nhân.
Hà duyên trùng đính Hương-sơn hội,
Hân-tịch (6) tương tương (7) chúc thánh-quân.

Cựu thời nhân (8) Song-nam Giai-đình Nguyễn-Ngô-Đăng vu ngạn bái cảo.

Một ngày kia có người đồng-hương được bổ-nhiệm Huấn-đạo (9) ở Hà-Hoa (10) đến từ-biệt tôi để về Hương-sơn. Nhân tiện tôi gửi

---

(1) Thần-giao : sự giao-du trọng đường tinh-thần.
(2) Thâu nhàn xứ : nơi được nhàn-nhã.
(3) Ngộ thử thân : để lỡ thân này.
(4) Thừa hiên : đi xe (hiên là xe hai bên có màn che).
(5) Thiết lộc : ăn lộc một cách không xứng đáng.
(6) Hân-tịch : sáng chiều (hân là rạng đông).
(7) Tương-tương : cùng nhau nhởn-nhơ chơi giỡn.
(8) Cựu thời nhân : người thuộc cựu thời, người thời trước, có nghĩa là người cũ.
(9) Huấn-đạo : một chức quan coi việc học trong một huyện hay một phủ.
(10) Hà-Hoa : tên một phủ. Đời vua Lê thánh-Tông, phủ Hà-Hoa thuộc tỉnh Nghệ-an. Đời vua Minh-Mệnh, hai phủ Hà-Hoa và Đức-Thọ được đặt làm tỉnh Hà-Tĩnh, cho lệ-thuộc vào tỉnh Nghệ-An, đặt chức An-Tĩnh Tổng-đốc cùng một Bố-chánh, một Án-sát để cai-trị.

Library HoangSa.Org

thư-từ cùng vài ba thứ phẩm-vật ở Kinh-thành nhờ đưa về quê. Viên Huấn-đạo nói là ở kinh làm chức quan nhỏ, ngày tháng kéo dài, tiền đi đường cũng không có. Tôi cho ông ta mượn vài mươi quan tiền. Ông ta lấy làm mừng-rỡ, từ-tạ tôi mà ra đi.

Đêm hôm đó, tôi ngồi ngơ-ngẩn một mình lại nhớ tới quê xưa. Trăng trong chiếu cửa sổ, mối tình thao-thức, chẳng chớp mắt được. Canh khuya mỏi-mệt nằm trong cửa sổ mà ngủ. Nhưng tâm-hồn sầu-muộn cứ quần-quít bên gối, chợp chờn nghe tiếng chim vừa bay vừa kêu, bỗng tỉnh giấc. Một điểm sáng đèn tàn còn nguyên trên vách tôi gọi tiểu-đồng mang đàn lại, chuyển điệu giờ lâu, chỉ vang lên những âm-điệu ảo-não, vì thế thôi gảy đàn, lại sai pha trà, uống chừng vài ba chén, trà cũng vô vị. Tôi ra trước sân đi tản-bộ, miễn-cưỡng ngâm vài bài thơ nhỏ để tự an-ủi.

Bài thứ nhất :

Tỉnh giấc quê đâu tá ?
Trước thềm nguyệt ló ra.
Kêu đàn chim độc nọ,
Ngắm cảnh hồ thu xa.
Chơi núi thường nằm mộng,
Ở Kinh vẫn thế mà !
Dẫu khôn mà hóa dại,
Danh nọ cứ ham a ?

Nguyên văn

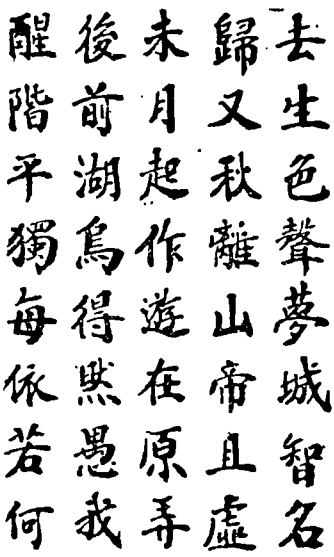

Library HoangSa.Org

Phiên âm :

Tỉnh hậu vị qui khứ (1)
Giai tiền (2) nguyệt hựu sinh
Bình hồ (3) khởi thu sắc
Độc điểu tác li-thanh (4)
Mỗi đắc du sơn mộng (5)
Y nhiên (6) tại đế-thành
Nhược ngu (7) nguyên thả trí
Hà ngã lộng hư-danh (8)

Nguyên văn

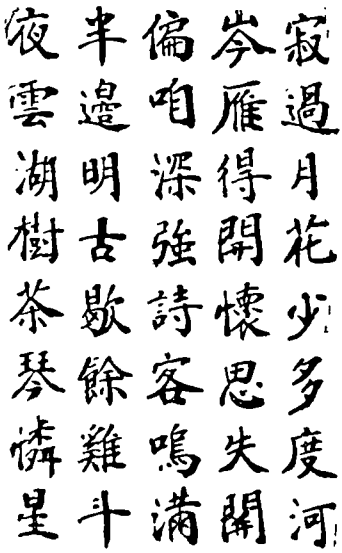

(1) Vị qui khứ : chưa đi về.
(2) Giai-tiền : trước thềm nhà.
(3) Bình hồ : hồ nước phẳng-lặng.
(4) Tác li-thanh : kêu lên tiếng kêu lìa đàn, lạc đàn.
(5) Du sơn mộng : nằm mộng đi chơi núi. Ý nói mình nằm mộng đi chơi núi ở quê-hương.
(6) Y-nhiên : vẫn là thế.
(7) Nhược ngu : như là ngu-ngốc.
(8) Lộng hư danh : quá vui giỡn cái tiếng-tăm không thiết-thực.

Library HoangSa.Org

Bài thứ hai :

Cảnh tối ngồi nơi vắng,
Từng mây lẳng nhạn bay.
Hồ trong trăng chiếu sáng,
Cây cỗi hoa nở chầy.
Trà cạn lòng thơ cạn,
Đàn đây nỗi khách đây !
Thương gà kêu nhớn-nhác,
Tinh-tú quan-hà đầy.

Phiên âm :

Dạ tọa thiên sầm-tịch,
Vân biên thính nhạn qua.
Hồ minh thâm đắc nguyệt
Thụ cổ cưỡng khai hoa.
Trà hiết (1) thi-hoài thiểu,
Cầm dư khách tứ đa. (2)
Liên (3) kê minh thất độ,
Tinh-đầu (4) mãn quan-hà.

Có một ngày, đang đêm giữa canh hai, tôi đi nằm thì lính hầu vào báo : « Ngoài cửa một cái cáng rất lộng-lẫy đang tiến đến, có hai cái đèn lồng dẫn đường, không biết của viên nha nào. » Tôi hoảng lên trở dậy đứng đợi thì thấy là quận-hầu. Tôi mời vào, hai người cùng ngồi. Tôi kinh-ngạc hỏi rằng : « Đang đêm quận-hầu đến, tất phải có việc gì ? » — Ông nói : Tôi vâng mệnh cha tôi đến hỏi về dược-phẩm, nguyên trong ngày có người tiến-dâng đơn thuốc, trong đơn có kê vị thần-thảo, chẳng biết khí-vị nó như thế nào, đã lục tìm quyển « bản-thảo », nhưng không thấy đâu, cho nên tôi phải đến thỉnh-vấn để biết cho rõ mà chế thuốc. Tôi lấy giấy bút tả kỹ-càng rồi đưa nạp. Ông hỏi được rồi, chẳng kịp uống trà, chào tôi rồi đi ra. Tôi nhân nghĩ rằng : « Từ ngày đến kinh tới nay, mỗi lần vào gặp quan Chính-đường thì ngài lấy lễ đãi mình rất hậu ; còn hỏi thuốc là việc nhỏ mọn cũng sai

(1) Hiết cũng đọc yết : hết.
(2) Khách-tứ : nỗi lòng của kẻ xa nhà.
(3) Liên : thương.
(4) Tinh đầu : Sao đầu.

Library HoangSa.Org

đến con. Kính-đãi như vậy thì ngày trở về của mình chắc là không ấn-định được ». Tôi đem những bài thơ của tôi gửi đến quận-hầu, để tỏ nỗi lòng nhớ quê-hương của tôi mà mong được đạo-đạt. Nguyên từ lúc tôi xin được ra ở ngoài để chờ mệnh-lệnh, nhiều lần tôi xin quận-hầu nói với quan Chính-đường để ông dùng quyền-lực mà cứu-giải cho ; tuy đã dùng vạn kế, lại đã xin nghìn lần, rốt cuộc chẳng ăn thua gì cả. Quận-hầu mới đem những tác-phẩm về thơ của tôi đệ-trình ông thân-sinh và ra sức xin hộ một phen. Quan Chính-đường đem thơ xem đi xem lại, coi kỹ-càng chỉ mỉm cười mà thôi. Lúc này đã là tháng năm, tôi có húy (1) gia-tiên, tôi làm tờ khải xin trở về làng cũ, nhưng không được phép. Nguyên là lúc ấy tuy chẳng dùng hẳn phương-sách chữa thuốc của tôi, nhưng mỗi khi đem dùng cái đơn thuốc nào, lại cho tôi được coi. Khi này Thế-tử (2) bệnh kịch, tôi biết là không được rời chỗ ngụ, mới sắm-sửa đèn nhang bày lễ ngay ở chỗ trọ. Một ngày nọ có quận chúa (3) mang thai bị băng huyết, chồng bà là phò-mã cung (phò-mã là con Quán quận-công, cũng ở một huyện với tôi) sai người đến mời tôi, còn nói rõ là đôi bên có tình lân-lý. Tôi tới chẩn bệnh. Phò-mã có ý lưu tôi ở lại đó vài ba ngày, nên điều-đình với tôi. Tôi nói là quan Chính-đường dặn tôi không được rời chỗ ở mà đi đâu, đợi có thánh-chỉ tuyên-triệu. Nghe xong ông cũng không nói gì cả. Có biết đâu quận-chúa ngầm sai thị-tỳ vào phủ tâu xin được giữ tôi lại để chữa-chạy. Ngài ngự phán rằng : « Người này già lão bệnh-tật không làm được việc », lại sai riêng thủ-phiên Hữu-viện đến (tên là Tán). Phò-mã đem sự thực bảo tôi. Từ lúc hiểu rõ việc này tôi mới biết quan Chính-đường quả đã trình Thánh-thượng cái ý của tôi. Chỉ vì vị này nhất sinh lắm bệnh nên không chịu buông tôi ra mà dùng kế, đồ cho là việc công cần đến tôi. Tôi đến ngay nhà quận-hầu, nói rõ cái ý ấy. Quận-hầu nói rằng : « Cha tôi lấy sự thành-thực mà đãi người, vốn không có ý gì khác, thấy lão-sư thì mười phần kính-yêu, chẳng muốn xa nhau đó thôi. Lão-sư đã không có bụng ở lại lâu, có lý nào lại không theo ý lão-sư. Gần đây về những bài thơ của lão-sư, tuy cha tôi không nói rõ, nhưng có ý than-vãn ngầm. Như vậy việc trở về bất nhật sẽ đến vậy ». Tôi mừng rỡ nghĩ rằng : Cồ-nhân ngâm thơ có thể làm kinh-

(1) Húy gia-tiên : giỗ tổ-tiên trong nhà.

(2) Thế-tử : con nối ngôi của các vua chư-hầu (như thời Xuân-Thu con các vua Tống, Tề, Tấn, Lỗ v.v... đều gọi là thế-tử), đây chỉ Trịnh-Cán con Trịnh-Sâm.

(3) Quận-chúa : Tiếng gọi con gái các vị có tước vương, thuộc dòng tôn-thất.

Library HoangSa.Org

động cả quỷ-thần, thơ của tôi cũng có thể làm cảm-động Vương-hầu. Cái ích-lợi của thơ hẳn là có, chẳng sai vậy. Tôi đọc bài thơ « Ở nhà trọ gặp mưa cảm-hoài ». Với đề-tài này, người bạn của tôi là quan Viên-Hình (1) cũng làm một bài. Tôi cũng đọc bài : « Trông trăng tả nỗi lòng ». Hai người lại ngâm cho Quận-hầu nghe, ai nấy đều nói lên cái chí của mình. Thơ có chứa-chất điều gì ở trong ắt hiện ra bên ngoài. Tôi nay như say như mê, quân hầu (2) há lại không nghĩ thương sao ?

THƠ « Ở NHÀ TRỌ GẶP MƯA — CẢM-HOÀI »

Bỗng đâu gió táp lại mưa sa !
Trăm mối u-tình kẻ trọ xa.
Mây cách hàng cây làn khói ám,
Nước rung đợt sóng mặt hồ đưa.
Chim chiều tìm tổ chia bầy tẽ,
Chuông sớm ngờ nơi báo sáng mà.
Trà đắng ai rằng không chợp mắt ?
Đêm nay mộng-mị dở-dang a !

Nguyên văn

其客舍遇雨感懷詩云

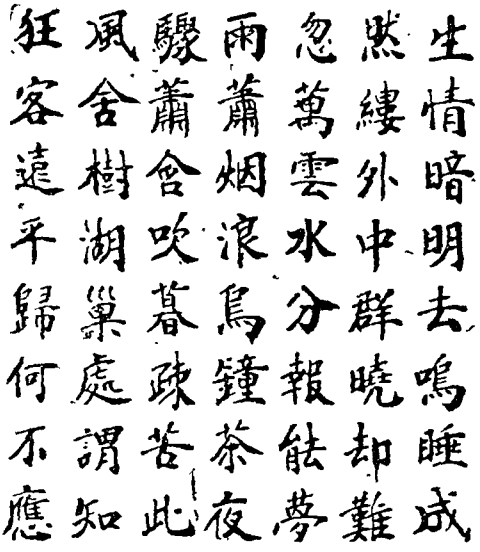

(1) Quan viên-hình : quan coi về việc hình, tên viên quan này là Bùi-bật-Trực.

(2) Quân-hầu : tiếng tôn xưng người có quan-tước lớn, đây chỉ quan Chính-đường Hoàng đình Bảo.

Library HoangSa.Org

Phiên âm :

Kỳ khách-xá ngộ vũ cảm-hoài thi vân :

Cuồng phong sậu-vũ hốt nhiên sinh !
Khách-xá tiêu-tiêu vạn lũ tình.
Viễn-thụ hàm yên vân-ngoại ám,
Bình-hồ suy lãng thủy trung minh.
Qui sào mộ-điểu phân quần khứ,
Hà xứ sơ-chung báo hiểu minh.
Bất vị khổ trà năng khước thụy,
Ưng tri thử dạ mộng nan thành.

THƠ « TRÔNG TRĂNG TẢ NỖI LÒNG »

Hương-sơn vẫn một mảnh trăng thanh,
Tối tối thường soi khắp đế-kinh.
Ca-quản tựa lầu say túy-lý,
Đình-đài gần nước ánh long-lanh.
Thanh-cao khúc nhạc người trong tiệc,
Lạnh-nhạt tình ai buổi lữ hành.
Nhà mát Di-chân đêm tại đó,
Đàn kia ai-oán gảy sao đành !

Nguyên văn

Library HoangSa.Org

Phiên âm :

Kỳ đối nguyệt thư hoài thi vân :

Nhận đắc Hương-sơn nhất phiến nguyệt,
Như hà dạ dạ chiếu thần-kinh !
Ỷ lâu ca-quản thiên hồi túy,
Cận-thủy đình-đài vạn sắc sinh.
Đãn giác thanh thiêm diên thượng khúc.
Ưng tri đạm bức lữ trung tình.
Di-chân đường thượng kim tiêu hội,
Mạc cổ dao-cầm tác oán-thanh.

Quận hầu hỏi rằng : « Di-chân đường ở đâu vậy ? » Tôi đáp : « Đó là cái nhà giữa của tôi ở quê, cây-cối um-tùm, thật là mát-mẻ và yên-lặng. Mỗi khi có trăng trong thì họp con cháu lại, uống rượu mua vui ». Quận hầu cười mà rằng : « Người xưa nhớ đến rau rút cá mè (1) bỏ quan mà về ; lão-sư thanh-dật lạc thú hơn cả chuyện rau rút cá mè nữa ; sao mà chẳng khẳn-khoản đòi về làng ! » Lại nói tiếp : « Lão-sư nên viết rõ hai bài thơ kia, rồi cho người nhà mang đến cho tôi, đợi dịp để trình ». Tôi cáo-biệt trở về nhà trọ, vội mang bút giấy chép, xong cho người nhà đem những bài thơ đó đến nhà quận-hầu.

Anh tôi làm trấn-thủ Lạng-sơn, em họ tôi làm Đốc-đồng Lạng-sơn, cả hai có ước-hẹn với tôi là sẽ cùng nhau hội-họp tại quê nhà, đã lâu rồi mà cũng chưa thấy quay trở lại. (Trở về quê sửa-sang nhà cửa cho nên chưa tới kinh) — Nay họ tới kinh hỏi thăm tôi cùng với anh em họ, cháu gọi bằng chú, cháu ruột. Anh tôi thấy trên án có khá nhiều tập thơ, mới cùng ông Đốc-đồng cùng xem-xét ; giờ lâu ông nói rằng : « Thật là dịp tốt, bọn chúng tôi há không có lời lẽ gì sao ? » Lúc ấy cháu ruột, cháu gọi bằng chú, ai cũng xin họa nguyên-vận. Rồi ai nấy về nhà trọ ; vài ba ngày sau, họ đều biên thành bản thảo đưa tới. Tôi cầm lấy đọc giờ lâu, vô cùng vui sướng, mới chép ra đây để ghi lấy sự việc.

---

(1) Rau rút cá mè : chữ Hán là thuần-lư. Trương-Hàn đời Tấn, đến mùa thu, nhớ canh rau rút và gỏi cá mè ở quê mình, liền từ quan mà về.

(2) Đợi dịp để trình : Đệ-trình quan Chính-đường, tức là Hoàng-đình-Bảo.

Library HoangSa.Org

THƠ HỌA CỦA QUAN TRẤN-THỦ LẠNG-SƠN

Thuốc đan long-hổ luyện thành chân,
Bầu-nip Hiên-Kỳ chẳng ngại bàn.
Nhã-nhạc mây-khe thường hưởng thú,
Nhàn-di chi-truật góp bên thân.
Núi hang bỗng thấy truyền tân mệnh,
Non nước còn đây luyến cố-nhân.
Rừng thuốc kỳ tài từ trước sẵn,
Ngày nay quốc-thủ có Lê-quân.

Ngân-hồ cư-sĩ kính họa nguyên-vận

Nguyên văn

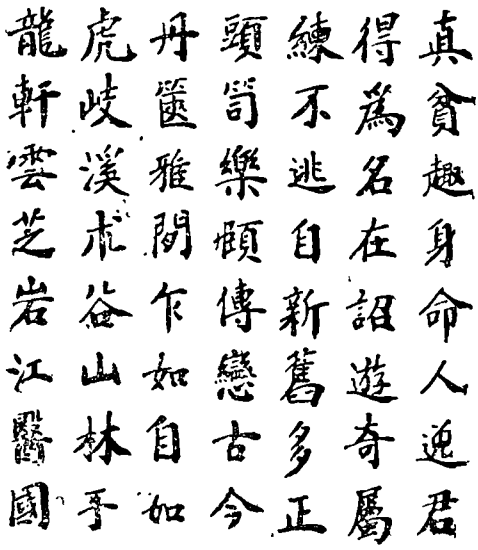

銀壺居士莊訂原韻

Phiên âm :

Lạng-sơn Trấn-thủ quan họa thi
Long-hổ (1) ban đầu luyện đắc chân,

(1) Long-hổ : người đạo-gia gọi nước lửa là long-hổ.

Library HoangSa.Org

Hiên-Kỳ (1) khiếp-tứ (2) bất vi bần.
Vân-khê nhã-nhạc đào danh thú, (3)
Chi-truật nhàn-di tự tại thân. (4)
Nham-cốc (5) sạ truyền tân chiếu-mệnh,
Giang-san như luyến cựu du-nhân.
Y-lâm tự cổ đa kỳ dật, (6)
Quốc-thủ (7) như kim chính thuộc quân. (8)

Ngân-Hồ cư-sĩ trang đính nguyên-vận

THƠ HỌA CỦA QUAN ĐỐC-ĐỒNG LẠNG-SƠN

Lợi-danh cuồn-cuộn giữ lòng chân,
Ẩn-náu như anh chửa phải bần.
Chì son chế thuốc Hòa-Biển thuật,
Núi khe vô sự Lữ-Chung thân.
Một châu già trẻ nghênh tân sủng,
Vạn dặm tân-bằng mến cố nhân.
Thuốc chữa vua dân trung-ái tỏ,
Mấy ai phúc hưởng được như quân !

Đường-đệ Hào-khê cung họa

---

(1) Hiên Kỳ : coi chú-thích dưới phần phiên âm các bài thơ trên.
(2) Khiếp-tứ : cái tráp và cái thùng vuông, đồ dùng của các y-sĩ.
(3) Đào danh thú : cái thú trốn danh, ẩn danh.
(4) Tự tại thân : cái thân được yên-ổn.
(5) Nham cốc : núi và hang.
(6) Kỳ-dật : nói các người đi ở ẩn (dật-sĩ) có tính-cách kỳ lạ.
(7) Quốc-thủ : tay có tài trị nước. Tác-giả có ý-nghĩ là Lãn-ông sẽ giữ một chức-vụ lớn trong triều nên mới dùng hai chữ ấy.
(8) Chính thuộc quân : đúng là thuộc về ông, hoặc đúng là ngài. Trong Việt-ngữ thông-thường không có tiếng quân được dùng với nghĩa ông, ngài, nên trong bản dịch mới dùng chữ Lê quân, có nghĩa là ông họ Lê, ngài họ Lê để họa vần theo nguyên-xướng.

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

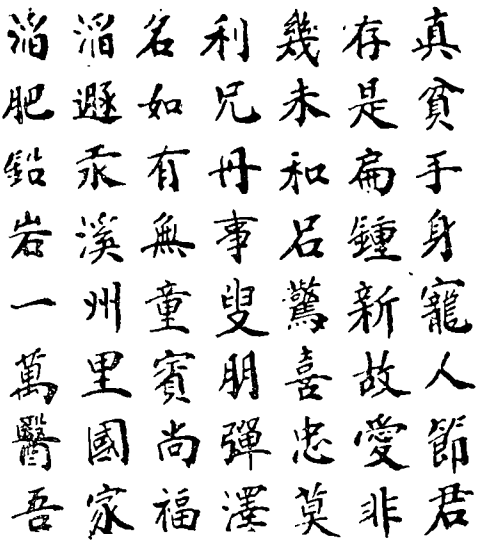

右壹第蒙漢恭和拜

Phiên âm :

Thao-thao danh-lợi kỷ tồn chân,
Phì-độn (1) như huynh vị thị bần.
Duyên-hồng (2) hữu đan Hòa-Biển (3) thủ,
Nham-khê vô sự Lữ-chung (4) thân.
Nhất châu đồng tẩu kỉnh tân sủng (5),
Vạn lý tân bằng hỉ cố-nhân.

---

(1) Phì-độn : ẩn-náu mà được béo-tốt, đầy-đủ (phì là béo tốt, đầy-đủ ; — độn : ẩn-náu, trốn-tránh.)

(2) Duyên hồng : chỉ và son.

(3) Hòa-Biển : hai y-sĩ đời cổ là Hòa và Biển-Thước. Phạm-thành-Đại trong bài Vấn Thiên y phú có câu : « Phỏng Hòa-Biển dĩ chế-độ » có nghĩa tìm hỏi Hòa và Biển để dựng lên chế-độ.

(4) Lữ-Chung : tức là Lữ-Nham, tên chữ là Động-Tân và Hàn-chung-Ly, tên chữ là Vân-phòng. Hai người này thuộc nhóm tám người trần tu Thành tiên ; tám người này từng cưỡi mây vượt qua bể Nhược-Thủy, đến dự tiệc ở Dao-trì.

(5) Tân sủng : cái ơn mới được vua yêu.

Library HoangSa.Org

Y quốc thượng đàn trung-ái tiết,
Ngô gia phúc-trạch (1) mạc phi quân (2).

Đường-đệ Hào-khê cung họa bái

THƠ HỌA CỦA VIÊN-HÌNH CÔNG

Người tài đều giả chỉ ông chân,
Đàn sách ngồi nhàn chẳng ngại bần.
Hoa-cỏ hương đưa tờ chiếu-mệnh,
Non-sông sắc thắm buổi nhàn-thân.
Mừng ông biếng-nhác mà thành sự,
Cười đệ cuồng-si thực dị-nhân.
Muốn học Song-Nam, đồng bệnh ấy,
Chỉ hiềm tài học chẳng như quân.

Nguyên văn

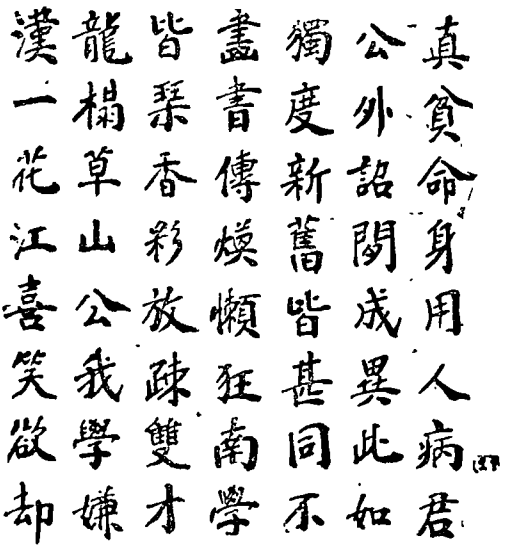

漢龍皆盡獨公真
一榻琴書度外貧
花草香傳新詔命
江山彩煥舊閒身
喜公放懶皆成用
笑我疎狂甚異人
欲學雙南同此病(1)
却嫌才學不如君

右弟員刑蔡淡如拜上

(1) 双南乃雄左官號本與員刑官為心支故有是句

(1) Phúc-trạch : phúc-đức của tổ-tiên để lại cho con cháu.

(2) Không có tiếng Việt, thông-thường là quân có nghĩa là anh, nhà ngươi để dịch thành câu xuôi tai, tạm dịch là như quân, để họa vần theo nguyên xướng (coi bản dịch ở trên).

Library HoangSa.Org

Song-Nam là hiệu của Hùng-Tả-quan, vốn là bạn tâm-giao của Viên-Hình-quan, cho nên mới có câu này :

Em Viên-Hình Lê-đạm-Như bái thướng

Phiên âm :

Hán long (1) giai họa độc công chân,
Nhất tháp (2) cầm-thư độ ngoại bần.
Hoa-thảo hương truyền tân chiếu-mệnh,
Giang-sơn thái hoán (4) cựu nhàn thân.
Hỉ công phóng-lãn giai thành dụng,
Tiếu ngã sơ-cuồng (4) thậm dị nhân
Dục học Song-Nam đồng thử bệnh,
Khước hiềm (5) tài-học bất như quân (6).

Song-Nam nãi Hùng-Tả-quan hiệu, bản dữ Viên-Hình-quan vi đàm-hữu, cố hữu thị cú :

Đệ Viên-Hình Lê-Đạm-Như bái thưởng

THƠ HỌA CỦA EM HỌ LÀ THẬP CÔNG-TỬ

Bài thứ nhất :

Hương-sơn ẩn-náu thỏa thiên-chân
Bồ táo đem lê chẳng thẹ bần.
Từng có chì sơn xuân mát mặt,
Còn vui nhàn-tản đức tôn thân.
Chiếu-thư chẳng đợi vào cao-các,
Linh-dược đem dùng cứu thế-nhân.
Rượu tiễn ngoài thành lời lẽ kể :
Rằng anh nay báo-đáp minh-quân.

(1) Hán-long : kẻ giỏi-giang hơn người.
(2) Tháp : cái giường thấp và nhỏ.
(3) Thái-hoán : vẻ rực-rỡ, sáng-láng.
(4) Sơ-cuồng : sơ-suất và cuồng-dại.
(5) Khước hiềm : còn e-ngại.
(6) Bất như quân : chẳng bằng anh.

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

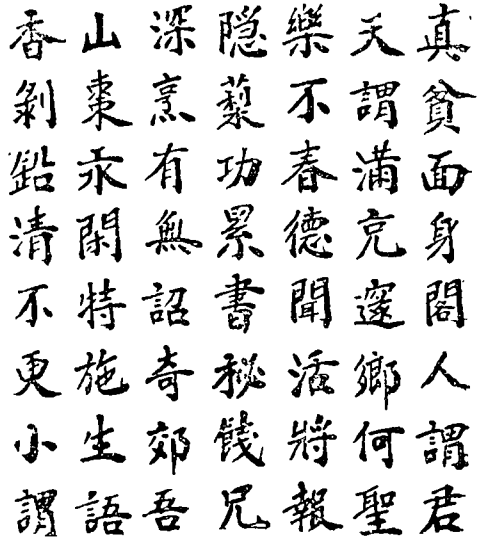

Phiên âm :

Hương-sơn thâm-ẩn lạc thiên-chân,
Bác táo phanh lê bất vị bần !
Diên-hồng (1) hữu công xuân mãn diện,
Thanh-nhàn vô lụy đức sung thân.
Bất đặc chiếu-thư văn thúy-các (2)
Cánh thi kỳ-bí (3) hoạt (4) hương nhân.
Tiều-sinh giao-tiễn tương hà vị,
Vị ngữ ngô huynh báo thánh-quân.

Bài thứ hai :

Hồ-lô cõi ấy đất tàng chân,
Tỉnh sẵn thông-minh há ngại bần ?
Hòa-Biển níp bầu từng nổi tiếng,
Lữ-y thuốc vạc sẵn kề than.

(1) Duyên-hồng : coi chú-thích trang 81.
(2) Thúy-các : gác sáu.
(3) Kỳ-bí : cái bí-quyết lạ-kỳ.
(4) Hoạt : cứu-giúp làm cho khỏi chết.

Library HoangSa.Org

Cac-sang ngôi cả nhờ minh-chiếu,
Y-dược danh cao cậy dị-nhân.
Long-phượng uy-nghi nay hiện rõ,
Dân vui cõi thọ hưởng minh-quân !

Ngọc-Hồ cư-sĩ kính trình.

Nguyên văn

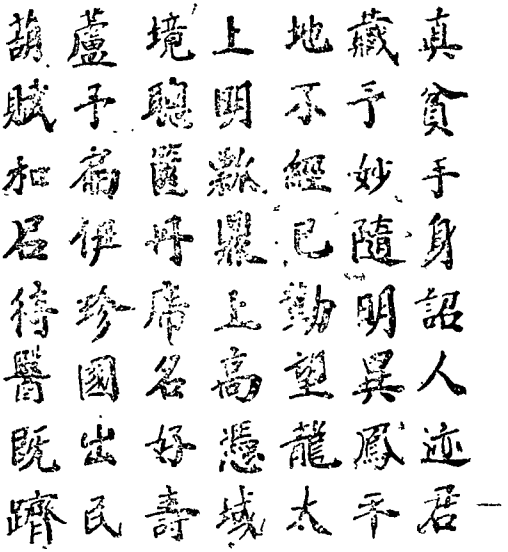

Phiên âm :

Hồ-lô (1) cảnh thượng địa tàng chân,
Phú dữ thông-minh bất dữ bần.
Hòa-Biển khiếp-biều (2) kinh diệu-thủ,
Lữ-y đan-đỉnh (3) dĩ tùy thân.
Đãi chân tịch thượng cần minh chiếu,
Y quốc danh cao vọng dị nhân.

(1) Hồ-lô : quả bầu.

(2) Khiếp-biều : khiếp là cái tráp, cái rương nhỏ; biều là vỏ quả bầu chế ra đồ đựng rượu, đựng nước.

(3) Đan-đỉnh : lễ thuốc của người tu tiên (đan) và cái vạc (dùng để luyện thuốc).

Library HoangSa.Org

Ký xuất hảo bằng long-phượng tích,
Tễ (1) dân thọ-vực (2) thái-bình quân.

Ngọc-hồ cư-sĩ bái thượng.

THƠ HỌA CỦA TRI NGỰ-THIÊN HUYỆN (3)

Hoan-châu phong-cảnh đẹp-đẽ. Bác tôi chọn đất làm nhà ở Tình-diễm, Hương-sơn, làm nghề thuốc để cứu-giúp người, ở ẩn với nghề này để nuôi-dưỡng mạng sống, tăng vẻ phong-quang nơi gò vực. Chốn phần-tử (4) nặng tình quê-quán, nghĩa bạn-bè họp mặt vui chơi. Nay bác tôi qua nơi đây, hẳn cảnh rừng núi không thể lưu-giữ bác được nữa. Nhờ ân-đức nhà vua bác được khen thưởng. Ngày trở về an-dưỡng ở núi non xưa cũng sẽ tới vậy. Cháu làm quan ấp nhỏ ở xa, bỗng nhiên bị bệnh, bữa nọ mong ơn điều-trị với lương-phương (5), bí-quyết của Thanh-Nang (6), nên chỉ trong một ngày đã lành bệnh, cái hân-hạnh đó cháu còn nhớ mãi. Lúc được trưng-triệu, bác có bài « Thơ vịnh đi đường », cháu xin họa lại, mong được huệ-tứ chỉ-giáo, sửa-chữa, lấy làm cảm-tạ.

Lánh trần vốn dĩ dưỡng thiên-chân,
Chẳng bận tâm-tình kẻ phú-bần.
Thăm-thẳm đường dài vâng chiếu-mệnh,
Yên-hà tóc dãi dám thương thân.

---

(1) Tễ : leo, leo lên.

(2) Thọ-vực : cõi thọ, khu-vực ở đó người ta sống lâu.

(3) Ngự-thiên : tên huyện thuộc tỉnh Thái-bình.

(4) Phần-tử : hai thứ cây thường được trồng ở đầu làng, người ta dùng hai tiếng đó để chỉ quê-hương.

(5) Lương phương : bài thuốc hay.

(6) Thanh-Nang : tên sách thuốc của Hoa-Đà. Hoa-Đà bị giam trong ngục ; Ngô áp ngục thường đem cơm rượu đãi. Đà cảm ơn ấy nói rằng : « Ta chết phi mệnh, có sách Thanh-Nang chưa truyền cho ai, ta muốn cho nhà ngươi sách ấy, nên đi lấy về ». Ngô đến Kim-Thành, lấy sách đem về cất đi. Đã biết không thoát chết, uống thật nhiều rượu rồi chết. Ngô bỏ công việc trở về nhà, hỏi vợ sách đâu. Vợ đáp : « Nếu có học được thần-thuật, rốt cuộc cũng chết trong ngục, nên tôi đã đốt nó đi rồi ! » Ngô than-thở mãi. Người đời nhân thế cũng gọi y-thuật là Thanh-Nang.

— Đời Tần, Quách Phác cũng có sách tên Thanh-Nang nói về Ngũ hành, thiên-văn và bói-toán.

— Đời Đường, Dương-quân-Tùng cũng có sách tên Thanh-Nang nói về kham-dư-học (phép địa-lý).

Library HoangSa.Org

Phù-trì kinh-quốc nhờ y-sĩ,
Nguồn-gốc Hương-sơn nhớ chủ-nhân,
Hết bệnh duyên may ơn cứu-chữa.
Mừng thay phương thuốc sánh Đồng-quân.

Cháu họ Tri-Ngự-Thiên doãn họ Lê kính trình.

Nguyên văn

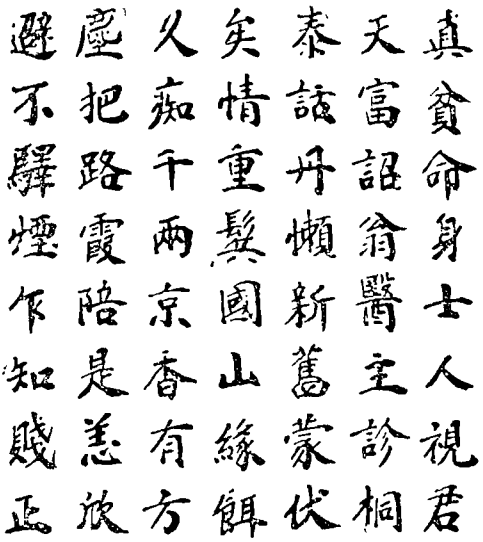

Phiên âm :

Tị thần cửu hĩ thái thiên chân,
Bất bả si-tình (1) thoại phú bần.
Dịch-mã thiên trùng đan-chiếu mệnh,
Yên-hà lưỡng mấn (2) Lãn-ông thân.
Sạ bồi (3) kinh-quốc tân y-sĩ,
Tri thị Hương-sơn cựu chủ-nhân.

(1) Si : u-mê — Si tình là tình u-mê.
(2) Mấn : tóc mọc hai bên thái-dương.
(3) Sạ bồi : vụt chốc giúp đỡ.

Library HoangSa.Org

Tiện-dạng (1) hữu duyên mông chẩn thị, (2)
Chính hận phương-nhĩ (3) phục Đồng-quân. (4)
Tiểu-diệt Tri-Ngự-Thiên doãn Lê thị kính chi bái cụ.

THƠ HỌA CỦA CHÁU NGOẠI LÀ TRẦN GIÁM-SINH

Bài thứ 1 :

Bài thuốc trong tay biện giả chân,
Hồi xuân hiền-hiện có đâu bằn !
Đan-khê ham đạo quen đôi mắt,
Hoàng-Lão theo gương gắng một thân.
Trị bệnh còn noi hiền-triết đạo,
Phò vua càng tỏ lạ-kỳ nhân.
Việc này hội ấy ngoài mong-ước,
Móng phúc nền nhân cậy thánh-quân.

Nguyên văn

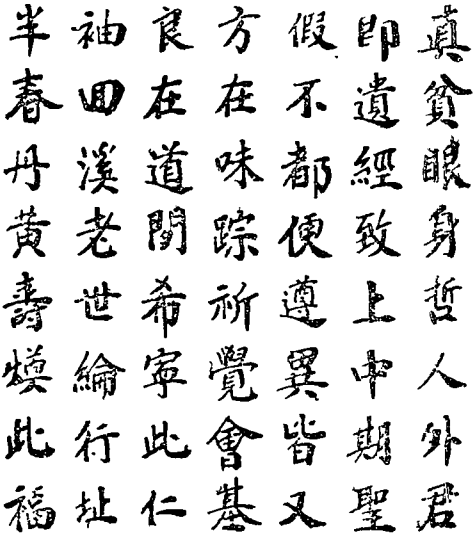

(1) Tiện-dạng : bệnh nhẹ.
(2) Chẩn-thị : thăm bệnh.
(3) Phương nhĩ : Phương-pháp nuôi dưỡng người ốm.
(4) Đồng-quân : tên người, không rõ về triều-đại nào, cũng như họ tên, thường hái thuốc, cầu đạo, có người nói Đồng-quân là người ở thời Hoàng-đế.

Library HoangSa.Org

Phiên âm :

Bán tụ lương-phương giả tức chân, (1)
Xuân hồi tại tại bất di bần.
Đan-khê (2) đạo-vị đô kinh-nhãn,
Hoàng-Lão (3) nhân tung tiện trí thân.
Thọ thế hi kỳ tuân thượng triết, (4)
Hoán luân ninh giác dị trung nhân.
Thử hành thử hội giai kỳ ngoại,
Phú-chỉ nhân-cơ hựu thánh-quân.

Bài thứ 2 :

Nguyên văn

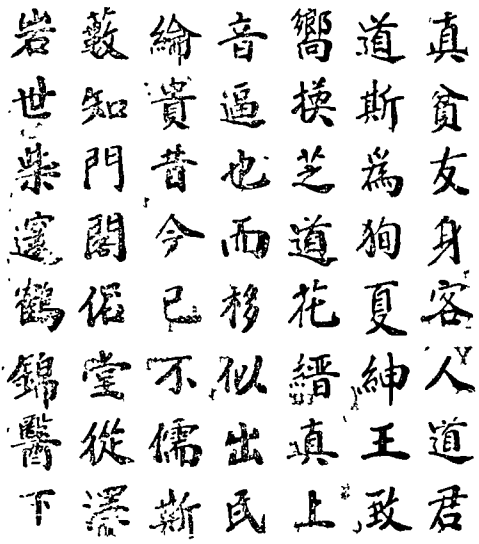

岩藪綸音嚮道真
世知貴逼換斯貧
柴門昔也芝爲友
邃閣今而道狗身
鶴侶已移花夏客
錦堂不似縉紳人
醫從儒出眞王道
下澤斯民上致君

右上唐士拜和原韻

(1) Giả tức chân : đơn thuốc của Lãn-ông được Hoàng-đình Bảo giữ trong tay áo, rồi đưa trình chúa Trịnh để chữa bệnh cho Trịnh-Cán, đã bị ban ngự-y bác-bỏ, nhưng sau này cách trị-liệu vẫn cần đến Lãn-ông, phải tái triệu ông vào cung. Trước phương thuốc của ông bị coi là giả, sau được lấy làm chân.

(2) Đan-khê : khe đá, Đan là cái tinh của đá, cho nên vật dùng làm thuốc mà tinh-túy cũng gọi là đan. Đây ý nói bóng đến nghề thuốc nghiên-cứu nơi núi khe.

(3) Hoàng-Lão : Hoàng-đế và Lão-tử, hai người là tổ đạo-gia. Người đời nhân thế, gọi đạo gia là Hoàng-Lão.

(4) Thượng triết : người hiền-trí hơn cả mọi người.

Library HoangSa.Org

Rừng núi vua vời bởi đạo chân,
Quí thường bận-rộn đổi ưa bần.
Cửa sài xưa cỏ-hoa làm bạn,
Gác tía nay đạo-học dấn thân.
Hạc-lữ chuyển thành hoa-hạ khách,
Cầm-đường chẳng giống hốt-bào nhân.
Y nhờ nho thịnh tôn vương-đạo,
Hạ giúp dân mà thượng báo quân.

Thượng-Đường Sĩ bái họa nguyên-vận

Phiên âm :

Nham-tẩu (1) luân-âm tưởng đạo chân,
Thế tri quí bức hoán tư-bần.
Sài-môn (2) tích dã chi vi hữu,
Thúy các kim nhi đạo tuẫn thân. (3)
Hạc-lữ dĩ di Hoa-hạ (4) khách,
Câm-đường (5) bất tự tấn-thân nhân. (6)
Y tòng nho xuất chân vương-đạo, (7)
Hạ trạch (8) tư dân thượng trí quân.

Thượng-Đường Sĩ bái họa nguyên-vận.

---

(1) Nham-tẩu : Núi cao và đầm rậm : ý nói nơi ở ẩn — Hướng : hướng về.

(2) Sài-môn : cửa bằng cỏ tết lại, ken lại.

(3) Đạo tuẫn thân : Đạo dính liền với người. Ý nói dốc lòng vì đạo (tuẫn có nghĩa đem thân theo với vật).

(4) Hoa-hạ : giữa nước Trung Hoa. (hạ là giữa nước). Ý nói nước Tầu là nước văn-minh ở giữa thiên-hạ, ngoài ra là các dân man-rợ. Ở đây muốn nói kinh-đô là đất văn-vật, tóm-họp các tinh-hoa trong nước.

(5) Cầm-đường : nhà quan to.

(6) Tấn-thân : Nói chung về các quan văn (tấn là lụa đỏ dùng để may phẩm-phục. — Thân là cái dải mũ của quan văn).

(7) Vương-đạo : đạo chân-chính theo như lời đam-vương.

(8) Trạch : ơn tẩm-nhuần, đây là làm ơn.

Phụ chú : Trong bài thơ thứ nhất chữ Hán câu 4, chữ tung (nhân-tung) không nom rõ.

Library HoangSa.Org

Hãy nói người vợ Quận-hầu bị bệnh, cho tìm tôi vào chẩn bệnh. Tôi được biết bà mang thai con trai đã ba tháng, tôi cho uống vài ba thang thuốc, thế là yên. Sau này tất cả nhà Quan Chính-Đường đều đến tôi cầu chữa thuốc, trong số này có quan trấn Quảng-yên vốn cùng tôi có tình-nghĩa sâu-đậm ; bà mẹ và cô em ông ta mà bị đau bệnh gì thì tôi hết lòng điều-trị, cả nhà đều được yên-lành. Cả đến Tiền-Ninh, Hậu-Dũng, Nhương-Trung cũng qua lại, lấy làm hợp ý nhau lắm, được như vậy phần lớn nhờ việc thuốc-men, đó là chuyện thường.

Một ngày kia tôi hỏi Quận-hầu rằng : « Ngày nào thì tôi được trở về ? ». Quận-hầu đáp : « Sắp có cơ đó ». Tôi lại hỏi : « Trước kia tôi đã đệ-trình hai bài thơ, không biết tôn-ý (1) có thương cho không ? » Quận-hầu nói rằng : « Cha tôi đọc đi đọc lại mấy lần, khen-ngợi mãi không thôi, cha tôi bảo rằng ý ông một mực chẳng muốn lỗi ước cũ với rừng núi vậy, cái tình ấy chẳng nên cưỡng-ép, để rồi ta liệu mưu-đồ cho ! » — Tôi nghe lời nói đó, chẳng khác chi được của báu, lòng vui mừng xiết kể. Tôi sai pha trà cùng Quận-hầu đối ẩm. Bỗng thấy một người, áo mũ hẳn-hoi, đứng ở cạnh tôi, dương mắt nhìn. Quận-hầu cả cười, lấy tay trỏ người nọ, lại lấy tay trỏ tôi, rồi lại lấy tay trỏ lên mồm. Người nọ lấy tay trỏ tôi, lại đưa tay sờ trên trán, rồi hai tay đập phành-phạch như chim bay, hai chân nhún-nhẩy như ngựa chạy. Tôi sợ-hãi mà rằng : « Sao người này chẳng chút gì khác kẻ si kẻ ngốc (2) là có gì vậy ? »

Quận-hầu nói rằng : « Hắn là người vừa điếc vừa câm, sấm vang chẳng nghe thấy, nửa tiếng cũng chẳng nói được, lại không biết chữ, không biết sao hắn lại có lệnh triệu mang đến đây ». Tôi nói : « Tay chân hắn đều vùng-vẫy, là có gì ? » — Quận-hầu đáp : « Hắn vạch lên trán là nói nhà vua đó, trỏ tay vào miệng là có chỉ triệu đó, tay vẫy là lại, chân nhảy là đi đó ». Tôi nghe vậy thì cũng cả cười. Lúc đó có viên tri-huyện cũ huyện Cẩm-Giang cũng ngồi đó. Quận-hầu bảo tôi làm một bài thơ và bảo viên tri-huyện cùng vịnh để ghi lấy cái sự lạ-lùng kể trên. Lúc đó lòng tôi hân-hoan, không nghĩ-ngợi tìm-tòi gì. Thơ rằng :

Tạo-vật sinh người vốn vẹn-tuyền,
Anh này tính-khí có sao thiên ?
Khác chi Dự-Nhượng toàn trung-tiết,
Cũng tựa Hàn-hầu chúc thọ-niên.

(1) Tôn-ý : ý kiến của quan Chính-đường, chữ tôn tỏ lòng kính-cẩn.
(2) Si-ngốc : ngây-dại ngốc-nghếch.

Library HoangSa.Org

Vạn dặm lôi-đình chi đáng kể,
Trăm chiều thế-sự cũng không sờn.
Mắt coi mọi việc không vương-vấn,
Tay chỉ đầu nghiêng mỗi lệnh truyền !

Nguyên văn

全偏日年若然事宣
以其君壽自仍餘旨
賦得忠引心意無杜
人輩讓侯霆事目傳
物何此豫韓雷世一頤
造如可何異里嘏生指
手

Tạo-Vật dữ nhân phú dĩ tuyền,
Như hà thử bối đắc kỳ thiên ! (1)
Khả đồng Dự-Nhượng (2) trung-quân nhật,
Hà dị Hàn-hầu (3) dẫn thọ-niên.

---

(1) Thiên : thiên-lệch, không đồng-đều với kẻ khác.

(2) Dự-Nhượng : người nước Tấn đời Chiến-quốc, làm tôi Trí-Bá. Sau Trí-Bá bị Triệu-tương-Tử diệt. Nhượng bôi đen mình, lại nuốt than, để thay-đổi hình-trạng, muốn giết Tương-Tử, báo-thù cho Trí-Bá, bị Tương-Tử bắt được. Dự-Nhượng kêu rằng : « Tội tôi đáng chết, chỉ xin ngài cái áo để cho tôi đâm, dẫu chết cũng không hận gì ». Tương-Tử bằng lòng, đưa áo cho Nhượng. Nhượng bạt kiếm, nhảy ba lần mà đâm vào áo, rồi tự đâm mình mà chết.

(3) Hàn-hầu : không rõ nghĩa. Đời Hán Cao-Tổ có Hàn-Tín được phong Hoài-âm-hầu. Đời Xuân-Thu vua nước Hàn cũng gọi là Hàn-hầu.

Library HoangSa.Org

Vạn lý lôi-đình tâm tự nhược,
Bách ban thế-sự ý nhưng nhiên.
Thử sinh nhất mục vô dư sự,
Thủ chỉ hi truyền bi-chỉ tuyên.

Viên tri-huyện Cẩm-Giang (1) đọc thơ, nói : « Tài thơ của lão-sư mẫn-tiệp, người ta không theo kịp ; tôi không dám múa rìu để mua cười. Quân-hầu cũng mặc-nhiên đồng-ý, hai người chỉ khen-ngợi mà thôi. Lát sau có đứa tiểu-đồng của tôi tới nói sẽ với tôi là có một ông đến chỗ tôi trọ, đầy tớ theo hầu hơn mười người, ông ta nói là có quan tri-phủ chờ-đợi đã lâu. Tôi xin cáo-từ mà về. Mới gặp tưởng là người lạ ; lâu lâu nhận ra là người cũ, kéo nhau vào nhà cùng ngồi. Chúng tôi kể lể với nhau cái tâm-tình xa-cách. Người đó nói là đã từ-lâu bị bệnh, muốn xin thuốc-thang cứu-chữa. Tôi hỏi tường-tận căn-bệnh, hứa cho mấy tễ thuốc. Tôi nói rằng : « Bệnh-tình còn rắc-rối, hãy thử dùng vài ba tễ, sau xem sai-giảm ra sao đã, rồi mới tìm phương bồi-bổ ». Cười nói mãi tới lúc trời sắp tối, ông ấy mới ra về.

Nguyên ông ấy là người họ vợ tôi, tôi gọi bằng cậu, ở Hoài-An, Nguyễn-xá, giữ chức tri-phủ Tiên-Hưng (2). Thường-nhật chúng tôi kính-yêu nhau lắm. Hôm sau ông sai người nhà đến trao cho tôi một bài thơ ngắn và nói là thuốc tễ đã dùng hết ; các chứng-bệnh giảm-bớt đến tám, chín phần, chỉ có ăn uống là chưa được, và còn xin thêm thuốc dùng. Tôi chế cho thuốc cao và thuốc hoàn. Thơ như sau :

Nguyên văn

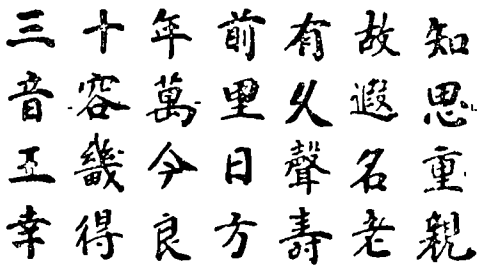

(1) Cẩm-giang : tên một huyện thuộc tỉnh Hải-Dương (Bắc phần).
(2) Tiên-hưng : tên một phủ thuộc tỉnh Hưng-yên nay thuộc tỉnh Thái-Bình (Bắc-phần).

Library HoangSa.Org

Ba mươi năm gắn-bó từ xưa,
Vạn dặm âm-dung những tưởng mơ
Danh-tiếng kinh-kỳ nay đã khắp,
Lương-phương thọ-lão để người nhờ...

Phiên âm :

Tam thập niên tiền hữu cố-tri,
Âm-dung (1) vạn lý Cửu hà tư. (2)
Vương-kỳ (3) kim-nhật thanh-danh trọng,
Hạnh đắc lương-phương (4) thọ-lão quy. (5)

Ngày kia có hai tên lính đến chỗ tôi ngụ, đứng ở nhà ngoài, hỏi những lính hầu của tôi rằng : « Nghe nói có thày thuốc ở Nghệ-An vâng chiếu đến kinh, không biết cư-trú ở đâu ? » — Tôi nghe hỏi vậy, gọi chúng lại hỏi : « Các ngươi thuộc cánh quân nào ? — hỏi thày thuốc có việc gì ? » — Chúng đáp : « Chúng tôi là Cẩm-y vệ-quân vâng lệnh quan chúng tôi đi tìm thày thuốc ấy, chưa rõ vì mục-dích gì, hoặc xin thuốc, hoặc muốn biết chỗ trú-ngụ, bọn tôi quả thật chẳng hiểu gì hơn. » — Tôi cười mà rằng : « Thày thuốc ấy là tôi đây, chẳng biết vị quan ấy cho tìm đã bao ngày rồi ? » — Đáp : « Đã năm ngày rồi ». Tôi bảo : « Các ông hãy trở về báo tin là thày thuốc ấy mời quan lớn lại đây ngay ! » — Chúng được tin-tức rồi thì ra về.

Nhưng viên quan ấy cùng tôi lúc thiếu-thời là bạn tâm-giao. Tôi xa-cách ông ta đã ba mươi năm mà chưa được gặp lại. Lúc tôi đến kinh đã sai người dò-hỏi, nhưng vì ông ấy có công-vụ ở nơi khác, nên chưa kịp báo cho biết tin về tôi. Bởi vậy khi ông ta trở về kinh, biết tôi cũng ở đây, mới cho đi tìm hỏi tôi khắp nơi. Lại nói chuyện bọn lính đi rồi, chẳng được bao lâu quả thấy viên quan ấy đến. Tôi ra cửa nghênh-tiếp, cùng cầm tay dắt nhau vào nhà. Ông ấy hơn tôi một tuổi.

---

(1) Âm-dung : tiếng nói và hình-dáng.
(2) Hà-tư : nghĩ ngợi xa-xôi.
(3) Vương-kỳ : chỗ đất nhà vua đóng đô.
(4) Lương-phương : bài thuốc hay.
(5) Thọ-lão qui : Phép-tắc về việc di-dưỡng để được sống lâu (qui là phép-tắc, mẫu-mực).

Library HoangSa.Org

Tuy đầu tóc đã một nửa bạc, răng đã rụng hết, nhưng thần-khí (1) còn tráng-kiện. Trong lúc ngồi với nhau, chúng tôi kể nỗi hàn-huyên (2), lúc buồn lúc vui, khỏi phải nói. Lại hỏi đến những việc cũ thì vật đổi sao dời, mười phần đến tám, chín. Người xưa có nói : Người anh-hùng trong lúc li-biệt không rỏ lệ (3). Còn như kẻ khuất người còn (thân-bằng) thì biết làm sao được bây giờ ? — Trông nhau cầm lệ, chỉ những buồn-thảm. Tôi đem những bài đề-vịnh trong lúc đi đường và những bài xướng-họa của khách-khứa bạn-bè ra để phê-bình cứu xét cốt để giải mượn. Đêm ấy viên quan này nằm ngủ chung với tôi. Nửa vách đèn tàn và ba chén trà đặc, cùng nhau luận cổ đàm kim, gà gáy mới nhắm mắt. Trời vừa sáng, viên quan này trở dậy và nói : « Quan-quân của vệ tôi có lệ phải trực ở trong triều » rồi từ-biệt ra đi. Buổi tối viên quan ấy cho đem những thực-phẩm ngon đến biếu kèm một lá thư. Tôi mở ra coi thì thấy bài thơ họa nguyên-vận bài thơ tôi soạn lúc về kinh :

Nguyên văn

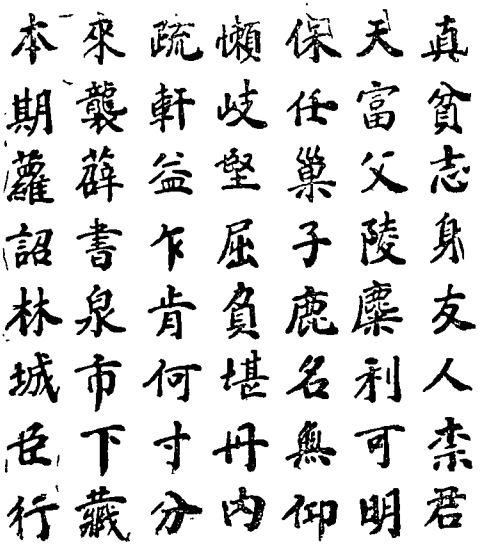

Buồng-tuồng từ trước giữ thiên-chân,
Chỉ tập Hiên-kỳ mặc phú bần !

(1) Thần-khí : tinh-thần và khí-lực.

(2) Hàn-huyên : Lạnh ấm. Nói hai người xa-cách nhau, trong khi được gặp lại, trò-chuyện hỏi thăm nhau.

(3) Nguyên-văn : anh-hùng bất lệ li-biệt gian.

Library HoangSa.Org

Hoa cỏ thêm bền Sào-Phủ chí,
Chiếu-thư bỗng ép Tử-Lăng thân.
Hươu nai rừng núi vui giai-hứng,
Danh-lợi phồn hoa ngán thế-nhân.
Tôi mọn tấc sơn khôn dãi-tỏ,
Hành-tàng giữ phận cậy minh-quân.

Phiên âm :

Bản lai sơ-lãn (1) bảo thiên-chân,
Kỳ tập Hiên-Kỳ nhiệm phú-bần.
La-bệ (2) ích kiên Sào-Phủ chí,
Chiếu-thư sạ khuất Tử-Lăng (3) thân.
Lâm-tuyền khẳng phụ lộc-mi (4) hữu,
Thành-thị hà kham danh-lợi nhân.
Thần hạ thốn đan vô khả nại, (5)
Hành-tàng phận nội ngưỡng minh-quân. (6)

Từ đó hoặc viên quan ấy đến chỗ tôi ngụ, hoặc tôi đến dinh ông ấy, thêm việc người nhà đưa biếu thực-phẩm, ngày ngày qua lại, khỏi phải nói.

Một ngày kia, vào sáng sớm, quân lính huyện Cẩm-Giang mang nhiều người đi theo đến chỗ tôi ngụ thưa rằng : Có quan Hiến-sứ Kinh-Bắc (người Hoan-Châu là ông Huy-Khiêm) nhân dịp trở lại kinh-thành, nghe danh quí-sư muốn đến yết kiến, sợ rằng quấy-nhiễu nơi nhà trọ, trước hết giao cho kẻ hầu cùng tòng-nhận đến đón chờ, có soạn một bài cổ-thi. Bài ấy do viên quan gửi đệ-trình như sau :

Lương-y với lương-tướng,
Chưa dễ đến cùng nhau.

---

(1) Sơ-lãn : sơ-khoáng và biếng-nhác.

(2) Bệ la : thứ cỏ thơm leo vào các vật mà sống và thứ cây ngải thơm. — Hai chữ bệ-la được dùng để tả cảnh sơn-trại, trú-cư của người ở ẩn.

(3) Tử lăng : chỉ Nghiêm-Quang ở Đông-Hán, mặc áo tơi đi cày ở núi Phú-Xuân, cũng là một cao-sĩ.

(4) Lộc-mi : con hươu và con nai.

(5) Vô khả nại : Không sao được, không làm gì hơn được.

(6) Minh-quân : Vua sáng — có câu « quân minh thần lương », vua sáng tôi hiền

Library HoangSa.Org

Đã nhắc tình cố-cựu,
Ai ngờ ý ấy đâu.
Non sông có ông Vụng,
Cửa đóng đã từ lâu.
Hải-thượng ông Lười đó,
Giầy loan xe hạc chờ.
Lười qua do Vụng thỉnh,
Ẩm-trác cũng nhiệm-mầu.

Giang-Sơn Chuyết-Ông Dưỡng-Hiên Hiếu-Đức thị kính trình.

Phiên âm :

Lương-y đối lương tướng, (1)
Dong-dị khởi tu lai.
Dĩ chúc (2) cố-cựu thỉnh,
Thử ý khởi tương sai ? (3)
Giang-san hữu Chuyết-ông,
Sài-phi (4) bất hư khai, (5)
Hải-thượng hữu Lãn-ông,
Hạc-giá dữ loan-hài. (6)
Lãn lai diệc Chuyết thỉnh,
Ẩm-trác đô an-bài...

Giang-san Chuyết-ông (7) Dưỡng-Hiên Hiếu đức thị bái thượng.

(1) Lương-y : thầy thuốc giỏi ; — lương tướng : quan văn điều-khiển giỏi-giang việc nước.

(2) Chúc : dặn bảo. — cố cựu thỉnh : tình xưa.

(3) Sai : ngờ.

(4) Sài-phi : cửa kết bằng cỏ.

(5) Bất hư khai : chẳng mở khi không duyên-cớ — ý nói không tiếp khách (thái-độ của người ở ẩn, hoặc của người không muốn tiếp khách tạp-nhạp).

(6) Hạc-giá loan hài : Xe do hạc chở, giầy hình chim loan, ý tả hành-tung của một tiên ông.

(7) Chuyết ông : tức Phạm-Nguyễn-Du, tự Hiếu-Đức, hiệu Dưỡng-Hiên, trước tên là Phạm-hay-Khiêm, người làng Đặng điền, huyện Châu-thúc, Nghệ-an. Ông nổi tiếng văn-tài lúc thiếu-thời, được tiến-dẫn vào triều trước khi đi thi. Ông đỗ tiến-sĩ khoa kỷ-hợi (1779) năm Cảnh-Hưng thứ 40, khi ông 40 tuổi, làm quan học-sĩ ở viện Hàn-lâm và chép quốc-sử. Lúc Tây-sơn tràn tới Nghệ-an, ông đang giữ chức Đốc-đồng tỉnh ấy. Theo sách *Nghệ-an-Ký*, ông lánh sang huyện Thanh-Chương, chiêu-mộ hương-binh để chống lại Tây-sơn, sức không địch nổi phẫn-uất mà chết. Ông có viết sách *Luận-ngữ-ngu-án*, soạn thơ, phú như *Thạch-động thi-văn sao*,

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

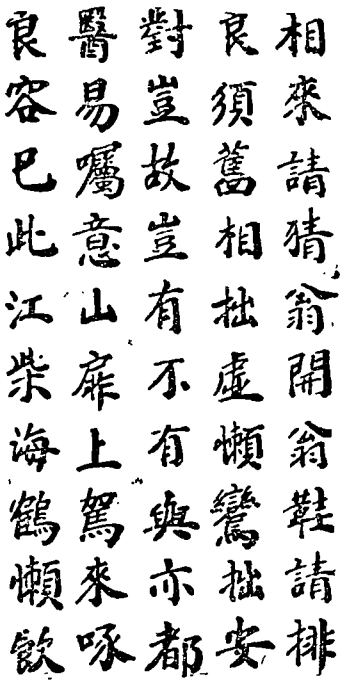

右江山拙翁養軒好德氏拜上

Ông Cầm-Giang lại nói : Vị quan ấy có lời thỉnh cầu quí-sư nghĩ tình đồng-quận, đừng hẹp-hòi gì và đến với ông ta. Tôi đáp : « Đại quan vốn đồng-quận, chỗ ở cũng chẳng xa ; trước kia tôi vẫn mong được đến yết-kiến, chỉ hiềm không duyên-cớ. Nay đã lạ-cố, sao dám chẳng vâng mệnh ! » Tôi mới cùng ông Cầm-giang cùng lên đường. Khi đến cổng ngoài thấy vị quan ấy chắp tay đứng ở trước sân nghênh-tiếp. Tôi thấy vậy hoảng-hốt xuống cáng, đến gần cúi mình chào rồi vào nhà. Vị quan ngồi ghế chủ, tôi cùng ông Cầm-giang ngồi phía tả và phía hữu. Vị quan nói : « Tôi có cố-tật, chữa thuốc khắp nơi mà không khỏi bệnh. Tuy cùng lão-sư đồng-quận, nghe danh lớn đã lâu, nhưng không duyên gặp-gỡ. Ngờ đâu nay trời cho được dễ-dàng gặp nhau. Há chẳng phải việc ầm-trác đều có tiền-định sao ? » — Tôi thưa : « Kẻ ốm-yếu ngu-dại nơi quê-mùa, biết sơ-sài cái thuật nhỏ-

Library HoangSa.Org

mọn, sao đương nỗi lời quá khen ấy ». Trong chốc lát, người nhà bếp dâng cơm, trẻ nhỏ bưng nước, thật là xa-hoa trang-trọng. Uống trà xong, vị quan xin được coi bệnh. Tôi thấy sáu đường mạch như tơ, hai đường mạch ở hai tay tựa như không có, tôi giật mình thốt lên : « Tiếc thay ! ngài khó mà hưởng được tuổi thọ. » Tôi chỉ bằng ở mạch mà gọi bệnh, cũng may được phù-hợp. Vị quan ấy than rằng : « quả-nhiên danh đồn không sai ! giận rằng gặp nhau thì đã muộn. » Rồi ông xin đơn thuốc. Tôi nói rằng : « Cho đơn thuốc phải suy-nghĩ cặn-kẽ mới được ổn-đáng. Nay ngồi đây, vội-vã sao nên, xin đến sáng mai sẽ đệ-trình. » Ông Cầm-giang nói rằng : « Vì thế khi tôi đến xin đơn thuốc, lão-sư chẩn bệnh, xem đi xét lại đôi ba lần mới cho thuốc ; cẩn-thận như thế sao mà chẳng linh-nghiệm. » Sau đó một lát quan Cai-đạo (1) Nam-sơn là Đỗ hoàng-giáp đi đến (2). Mọi người đứng dậy chào, mời ngồi cùng chiếu. Ông hoàng-giáp họ Đỗ hỏi quan Hiến-sứ rằng : « Đây là ông nào ? » — Quan Hiến-sứ nói đùa rằng : « Người ở ẩn ở Hương-Sơn là ông này đó. » — Ông họ Đỗ cười rằng : « Có phải Hải-thượng Lãn-Ông chăng ? » — Quan Hiến-sứ đáp : « Chính phải đó ». Đỗ hoàng-giáp nói rằng : « Tôi cũng nghe đại-danh từ lâu mà chưa từng gặp mặt, nay nhà tôi bỗng mắc bệnh hiểm-nghèo, muốn sai người lại đón, chỉn e lão-sư chẳng chiếu-cố. Trong lúc phân-vân may-mắn được gặp gỡ, nay xin cho một bài thuốc để điều-bổ. » Tôi đáp : « Kẻ làm thuốc phải lo tính-mệnh người, bổn phận là phải chịu khó-nhọc, không từ nan điều gì, dám biếng-nhác buông-tuồng được sao ! ». Đỗ hoàng-giáp mới kể bệnh từ đầu đến cuối. Tôi cho hai tễ thuốc thang và thuốc hoàn. Cầm-Giang công nói : « Cha tôi cũng khó ở đã lâu, vốn chẳng dám phiền-nhiễu nhau, nay nhân chỗ ở của tôi ở bên tả (tả-biên), mời lão-sư đến nhà, được như vậy, hân-hạnh cho tôi chẳng ít. » Thế rồi mọi người từ biệt nhau, tôi đi đến nhà ông Cầm-Giang. Thân-sinh ông này là quan Tả-Binh Sĩ-Đoan, lúc này đã về trí-sĩ, mà còn lưu lại ở kinh-thành. Khi đã chẩn mạch, cho đơn rồi, thì các công-tử mời tôi đến nhà thủy-tạ (3) bên hồ, pha trà uống, cùng nhau nói chuyện. Đây là một cái hồ bằng-phẳng, rộng ước-chừng nghìn mẫu. Qua lại thủy-điểu (4) giỡn làn sóng nhẹ ; nhẩy-nhót du-ngư tranh chiếc lá rơi. Giữa hồ sóng cỏ (5)

(1) Cai đạo : quan đứng đầu một trấn.

(2) Đỗ hoàng-giáp : chưa rõ ông nghè họ Đỗ nào (hoàng-giáp là tiến-sĩ đệ nhị giáp, cũng gọi tiến-sĩ xuất thân).

(3) Thủy-tạ : nhà nhỏ chung quanh không có tường, làm ở giữa hồ hay ở giữa vườn.

(4) Thủy-điểu : chim nước.

(5) Sóng cỏ : sóng mang theo cỏ.

Library HoangSa.Org

trước gió dâng lên ; bên hồ hoa sen thâu đêm vẫn nở. Trước hồ có đắp một con đê nhỏ hình bán-nguyệt. Phía trong đê đều trồng sen trắng, cạnh đê những cồ-thụ rủ bóng mát, những hoa quí phô sắc sinh. Trước sân vài gốc mai già nghiêng mình trên ghế đá ; ngoài song mấy khóm trúc xanh tỏa bóng bên án thư. Hạc nội đứng co-ro một mình, ý chừng sợ khí trời lạnh-lẽo, trăm hoa như đối thoại, mắt coi thấy sáng-tươi. Nói chẳng hết được cái phong-vị u-nhàn (1). Lúc đó mọi người đòi làm thơ. Tôi nói : « Các ông xướng trước, tôi xin họa sau. » Nhưng chẳng ai chịu mở đầu cả. Tôi mới cầm bút đề một tiểu-luật (2) như sau :

Lão-tướng ưa u-nhã,
Đình-đài hướng nước mây.
Song thưa trăng chiếu sáng,
Thu vãn sen còn đây.
Lá rụng cá vùng nhảy,
Hoa dày hạc ngủ say.
Trà ngon mời khách cạn,
Cười nói ngát hương bay !

Bản-y Lê thị biệt-hiệu Hải-thượng Lãn-Ông đề.

Nguyên văn

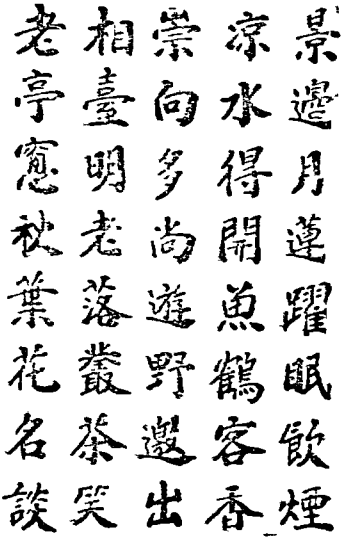

右貢醫參民別號海上懶翁題

(1) U-nhàn : u-nhã và an-nhàn.

(2) Một tiểu-luật : một bài thơ nhỏ, soạn theo Đường-luật, đây là một bài ngũ-ngôn luật-thi.

Library HoangSa.Org

Phiên âm :

Lão-tướng sùng (1) lương cảnh,
Đình-đài hướng thủy biên.
Song minh đa đắc nguyệt,
Thu lão (2) thượng Khai liên. (3)
Diệp lạc du-ngư (4) dược,
Hoa tùng dã-hạc miên. (5)
Danh trà yêu khách ẩm, (6)
Đàm-tiếu xuất hương yên.

Bần y Lê-thị biệt hiệu Hải-thượng Lãn-Ông đề.

Tôi đề xong, quan trí-sĩ sai người mang thơ đến cho ông xem xét. Ông nói rằng : « Thật là thanh-tân (7) đáng yêu », rồi ông bảo đem dán lên vách. Ông Cầm-giang cũng có thơ họa, có lời kê rằng : « Tiên-sinh đức trọng tuổi cao, có thủ-đoạn Hiên-Kỳ, có thi-tài Lý-Đỗ (8); với thái-độ nhã-đạm, tình-tứ cao-dật, lâng-lâng thành cao-sĩ (9). Văn-nhân tài-tử đều mong được cùng người giao-du. « *Tăng* » tôi làm quan một ấp xa, được gặp tiên-sinh sau hết, may được người rủ tình làm ơn cho linh-đan, còn tặng giai-cú. Mối tình thân-thiết sâu-dày, ân-đức ấy không quên. Kính cẩn thuật lời tạp-nhạp để nối thơ. »

Mời-mọc bạn vân-hạc,
Nhởn-nhơ thú nước mây.
Mắt xanh tình khách thỏa,
Sen trắng nước trong đầy.
Thuốc lạ trừ tật dễ,
Câu thần ngủ giấc say.

---

(1) Sùng : mến-chuộng.
(2) Thu lão : thu già, tức cuối thu.
(3) Khai liên : sen nở hoa.
(4) Du-ngư : cá nhởn-nhơ bơi-lội.
(5) Hoa tùng : hoa nở thành khóm rậm rạp (tùng : rậm-rạp) ; — **Dã-hạc** : hạc ngoài nội.
(6) Yêu khách : mời khách.
(7) Thanh-tân : thanh-nhã và mới-mẻ.
(8) Lý Đỗ : Lý-Bạch và Đỗ-Phủ, hai thi-sĩ nổi danh đời Đường.
(9) Cao-sĩ : cũng như cao-nhân, tức là người có chí-thú tiêu-việt.

Library HoangSa.Org

Gió xuân ngồi cùng hưởng,
Năm sắc khói tuôn bay.

Văn-sinh Tăng bái phúc.

Nguyên văn

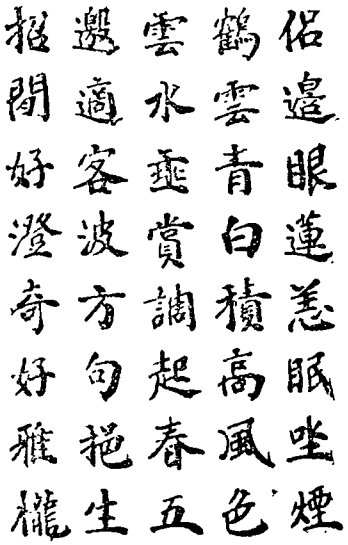

右晚生鐘 拜復

Phiên âm :

Chiêu-yêu vân-hạc lữ, (1)
Nhàn thích thủy-vân biên.
Hảo-khách thùy thanh-nhãn, (2)
Trừng ba (3) thưởng bạch-liên.
Kỳ-phương (4) điều tích-dạng, (5)
Hảo-cú khởi cao miên.

---

(1) Vân-hạc lữ : bạn với mây hạc, do câu Cỏ-Vân dã-hạc, có nghĩa mây đơn hạc nội, chỉ người lánh đời ở ẩn.

(2) Thanh-nhãn : mắt xanh. Đời Tấn Nguyễn-Tịch tiếp khách, gặp ai vừa lòng mình thì mắt xanh, không vừa lòng mình thì mắt trắng.

(3) Trừng-ba : làn sóng trong-trẻo.

(4) Kỳ-phương : phương dược kỳ lạ, phép chữa bệnh và dùng thuốc kỳ-lạ.

(5) Tích-dạng : bệnh đau đã lâu.

Library HoangSa.Org

Nhã ấp (1) xuân-phong tọa,
Lung sinh ngũ-sắc yên. (2)
Hữu văn-sinh Tăng bái phúc.

Chiều đến tôi từ-biệt trở về nhà trọ. Các công-tử tiễn đưa ra khỏi cổng, trèo-kéo đùa-giỡn, ý chưa muốn chia tay.

Một ngày kia quan Trung-hùng sai người đến xin tôi làm cho một bài thơ, nói rõ là : « Quan tôi có một cái thuyền bồng : mỗi khi thuyền lướt trên nước thì vùn-vụt như ngựa chạy, mỗi khi người bước lên thuyền thì nghiêng-ngửa như người say. Quan tôi ưa nó nhẹ bồng, mới gọi nó là : « Túy-ông thuyền ». Thuyền này đã được tao-ông đề-vịnh, xin quí-ông cũng cho một bài ». Người ấy đưa trình bài thơ với nguyên-vận :

Mặc nhà trên rạch đảo cùng điên,
Say cũng không say khoái chiếc thuyền !
Chợ-búa thời nhân chen hội-họp,
Kênh-ngòi tục-vật phải di-thiên.
Dưới trăng thưởng-ngoạn trăng bao thú,
Lúc khách cuồng ngâm khách tưởng tiên.
Dẫu có ngang-tàng mà tự-chế,
Chẳng lo mưa gió vững niên-niên.

Phiên âm :

Nhiệm thị cừ-gia đảo dữ điên. (1)
Túy nhi bất túy ái ngô thuyền.
Thị gian khẳng hứa thời nhân hội,
Thủy thượng tằng linh tục vật (2) thiên.
Mỗi đắc thú thời kham tải nguyệt, (3)
U cuồng ngâm nhật khả vi tiên.
Ngang-tàng tự hữu thao-trì xứ, (4)
Hà phạ (5) phong cuồng xậu vũ niên ?

(1) Nhã-ấp : thâu-nạp một cách nhàn-nhã.
(2) Yên : khói.
Khu (?) sinh ngũ sắc yên : Bản khắc đã khắc sứt nét chữ đầu câu, trông tựa chữ khu, nên không thể định nghĩa về chữ này.

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

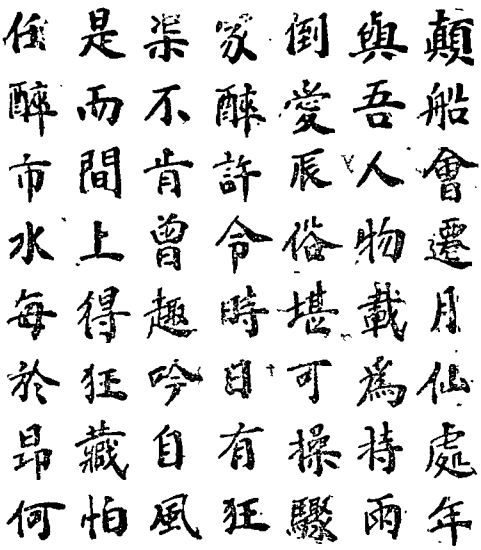

Tôi xem thơ hỏi người ấy rằng : « Thơ này của ai làm ra vậy ? » — Đáp : « Kinh-Bắc Đỗ Giám-sinh » — Tôi nói : « Thơ này chưa nói lên ý-nghĩa cái thuyền ». Vị quan nọ cũng bảo rằng không nói đến tên thuyền thật là lạc hẳn cái ý của đầu đề. Trong lúc ấy tôi chẳng có chút hứng nào cả, tôi bảo : Ông hãy trở lại trả lời cho rằng đợi ngày nhàn-hạ, tôi sẽ tự mang đến đệ nạp. Được vài ba ngày thơ làm xong, sai gia-đồng trình lên. Thơ như sau :

Há gặp ba-đào phải đảo-điên,
Ta cho tên gọi « Túy-Ông-thuyền »
Rót đầy ăm-ắp bầu vơi hụt,
Đứng múa lao-chao gót lệch-thiên.
Chở nặng trăng trong vui ý khách,
Ngâm dài rượu sẵn thỏa lòng tiên.
Ngang-tàng giữ nết từ xưa ấy,
Trụ đá rồi ra tại vãn-niên.

(1) Đảo dữ điên : nghiêng-ngửa.
(2) Tục-vật : Những vật tầm-thường mắt hằng nom thấy.
(3) Tải nguyệt : chở trăng : ý nói trăng sáng đầy thuyền.
(4) Thao-trì : tự giữ-gìn, tự kiềm-chế.
(5) Phạ : sợ hãi trong lòng.

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

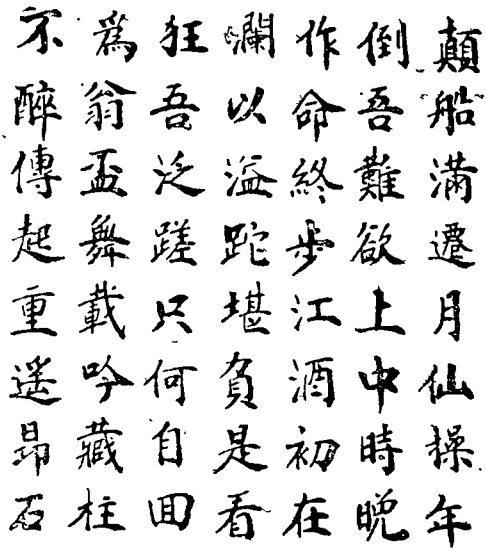

Phiên âm :

Bất vị cuồng-lan (1) tác đảo-điên,
Túy-ông ngô dĩ mệnh (2) ngô thuyền.
Truyền bôi (3) phiếm-dật (4) chung nan mãn,
Khởi vũ tha-đà (5) bộ dục thiên.
Trọng tải (6) chỉ kham giang-thượng nguyệt,
Dao-ngâm hà phụ tửu-trung tiên.
Ngang-tàng tự thị sơ thời tháo. (7)
Thạch-trụ (8) hồi khan tại văn-niên. (9)

---

(1) Lan : sóng cả. Cuồng lan : sóng cả dữ-dội.
(2) Mệnh : gọi là, đặt tên là.
(3) Truyền bôi ; chén rượu chuyền tay cho nhau.
(4) Phiếm-dật : đầy-dẫy, tràn-trề.
(5) Tha đà : lỡ bước.
(6) Trọng-tải : chở nặng.
(7) Thao : cầm, giữ, giữ-gìn. Ở đây đọc là tháo, có nghĩa là chí, ý.
(8) Thạch-trụ : cột đá. Nghĩa bóng chỉ người bày tôi giỏi được nhà nước trông cậy.
(9) Văn-niên : tuổi già.

Library HoangSa.Org

Vài ba ngày sau, Đặng tiểu-thư lại chơi, thấy trên kỷ hai bài thơ, nói rằng : « Thơ của tôn-bá tả rõ đề-ý, lời thì thanh-tân phiêu-dật, không gì sánh kịp. Duy có điều thuyền và nhà là những đồ dùng che-chở cho người mà cứ nói điên-đảo để so-đọ, e rằng chưa được hay. Tiểu-diệt muốn họa một bài được chăng ? » Tôi nói : « hiền-diệt hãy thử xem ». — Trong nháy mắt đã thấy thơ làm xong, đem trình tôi coi, thơ rằng :

Bông liễu nghênh người múa đảo-điên,
Túy-ông nhân hứng bước lên thuyền.
Bạn cùng tùng cúc chén thù-tạc,
Vui với gió trăng mái chuyền-thiên.
Non-nước tùy tình lều ẩn khách,
Yên-hà dưỡng tính rượu chờ tiên.
Bến sông hỏi cá khi buồm cuốn,
Ngờ gặp kim-đồng buổi triệu niên !

Nguyên văn

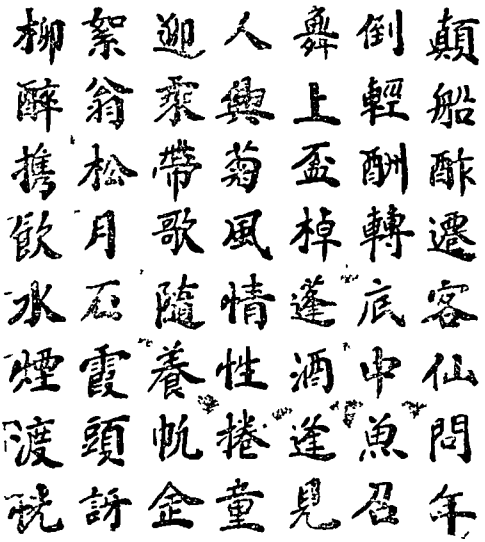

Library HoangSa.Org

Phiên âm :

Liễu nhứ (1) nghinh nhân vũ đảo-điên,
Túy-ông thừa hứng (2) thượng khinh-thuyền.
Huề tùng đới cúc bồi thù-tạc (3)
Âm nguyệt ca phong trạo chuyền-thiên (4).
Thủy-trạch tùy tình bồng đề khách, (5)
Yên-hà dưỡng tính tửu trung tiên
Độ đầu (6) phàm quyền phùng ngư vấn
Hoảng nhạ (7) Kim-đồng (8) kiến triệu-niên (9)
Ngày ngày qua lại thăm hỏi, lòng rất thành-thực.

Một ngày kia, Hàm-xuyên-hầu đến chỗ tôi ngụ. Trong lúc cùng nhau trò-chuyện, sắc mặt ông ta đổi khác, hai ba lần miệng muốn nói lại thôi. Tôi hoảng-sợ nói rằng : « Quân-hầu cùng tôi ngày ngày có thân-mật, tình-nghĩa trọn-vẹn, có việc gì đều cho nhau biết, không giấu-giếm gì. Hôm nay quân-hầu ra chiều bối-rối ngại-ngùng, hoặc-giả tôi có điều chi lỗi đạo mà chẳng nỡ nói ra chăng ? » Quân-hầu đáp : « Đâu có lẽ ấy ! Tôi may được giao-du cùng lão-sư, thường giữ lễ đệ-tử, đạo-nghĩa không sứt-mẻ. Chỉ vì nhà này là biệt-thất của anh tôi ; nhân có việc về quê anh tôi bỏ không cái dinh này, tôi mới mời lão-sư ở tạm tại đó, cũng là tiện đường vào chầu. Nay lão-sư vạn phần không chắc được hồi hương, bất-nhật ắt được ban cấp binh-dân ; chừng ấy sẽ xin đất lập dinh cho tiện. Trong hơn một tháng nay, tôi còn được ở nhà, mặt trước cạnh hồ có một miếng đất bỏ không có thể ở được, thường tôi muốn xây một cái nhà riêng, mời lão-sư đến yên-nghỉ, bấy giờ mới tìm anh tôi trở về ở nhà cũ, chẳng ngờ tôi vâng mệnh làm giám-khảo cuộc thi bắn giữa các quân-binh, công việc của tôi bề-bộn,

---

(1) Liễu-nhứ : bông liễu.
(2) Thừa hứng : nhân hứng, gặp hứng.
(3) Bồi thù-tạc : chén rượu chủ khách mời đãi nhau.
(4) Trạo chuyền-thiên : mái chèo di-chuyền, chuyền động.
(5) Bồng-đề khách : khách di-chuyền đây đó tựa cỏ bồng (bồng là thứ cỏ nhẹ theo gió đưa đi).
(6) Độ đầu : đầu bến nước.
(7) Hoảng-nhạ : Hốt-hoảng nghi-ngờ.
(8) Kim-đồng : lời đạo-gia nói rằng chỗ tiên ở có đồng nam nữ chầu-chực, gọi là kim-đồng ngọc-nữ.
(9) Triệu niên : năm có lệnh triệu (gọi).

Library HoangSa.Org

không lúc rảnh-rang, cho nên chưa làm xong nhà. Hiện nay nhà ngoài chỗ tôi ở cũng khá rộng-rãi, vậy xin lão-sư đợi vài ba ngày nữa cái nhà ở bên hồ làm xong thì dọn đến ở. Bằng không, sang dinh quan An-Quảng cũng được nhàn tĩnh. Chẳng biết ý tôn-sư như thế nào ? » — Tôi nghe vậy thì cười mà đáp : « Đại trượng-phu cùng nhau gặp-gỡ, sao lại câu-nệ như thế. Việc này tôi sẽ lo xong, xin đừng bận-tâm làm gì. » Ông ấy nghe nói vậy, dường như có vẻ vui-mừng. Tôi thầm nghĩ : « Nhà ngoài của viên quan này binh-lính lai vãng tụ-tập, không thể ở được. Còn dinh quan An-Quảng trong ngoài là nhà cửa cả đấy, nhưng dinh ấy bốn bề không tường vách, nơi ấy lại lắm trộm cướp, hẳn chẳng yên-ổn. Mình mới được biết quan Hậu-Trạch ở cạnh hồ, có vài ba ngôi nhà tiếp-giáp với nhau, đất cao nước sạch, nên báo ngay cho ông ta chỉnh-đốn riêng một sở, rồi dời ngụ đi mới được hẳn-hoi. » — Tôi biên thư cho Hàn-xuyên-hầu để cáo-biệt ; nghe đâu « hầu » thấy vậy thì trong lòng áy-náy, phúc đáp thư tôi, kèm thêm một bài thơ gửi đến. Thư viết như sau :

« Đã từ lâu nghe đại danh như sét đánh bên tai, cứ hận rằng không được biết họ *Hàn* (1). Tiện-sinh ruổi xe vào cửa khuyết ; tôi được trộm nghe lời giáo-hối, tự biết là hân-hạnh rất nhiều. Thường sớm tối muốn được thừa tiếp xuân phong (2), không phụ cuộc giải-cấu vong niên này (3). Ngày trước tôi có dành riêng cái nhà tranh ở ở đây làm chỗ « phượng » đậu, được tiên-sinh chẳng bỏ qua mà dành trọn cho cái ơn thắm-thiết ấy. Hiện tại anh tôi trở lại kinh, tôi chẳng biết nói làm sao. Tiên-sinh muốn lo dời gót, bản-tâm tôi đâu có muốn thế, mà lòng còn canh-cánh chẳng nỡ xa nhau. Nếu ở dinh quan An-Quảng rộng-rãi trống-trải không tiện thì nên dời đến tệ-xá sảnh ngoài, cũng yên sở, chẳng cần phải đi xa-xôi, qua bên kia cái hồ sen làm gì, khiến tôi bâng-khuâng như bị mất mát gì đây. Đó là tình thật, tiên-sinh nên nghĩ lại một chút. Có hai điều, xin chọn lấy một là nên tạm trú, sớm muộn tôi sẽ xây riêng biệt một ngôi nhà, tuần nhật sẽ làm

---

(1) Nguyên-văn : Mỗi dĩ bất thức Hàn vi hận : lấy điều chẳng biết họ Hàn làm hận. Trong bức thư gửi Hàn-triều-Tông, trưởng-sử Kinh-châu, Lý-Bạch có câu : *Sinh bất dụng vạn hộ hầu, dãn nguyện nhất thức Hàn kinh-châu* (Sống không cần làm vạn hộ hầu, chỉ mong một lần được biết Hàn Kinh-Châu).

(2) Xuân phong : gió xuân.— Nghĩa bóng, dáng-dấp vui-tươi hòa-nhã.

(3) Giải-cấu vong niên : cuộc tình cờ gặp gỡ mà không kể tuổi. Ý nói chơi-bời kết bạn cùng nhau mà không kể là già hay trẻ.

Library HoangSa.Org

xong, tiên-sinh sẽ nằm thành-thơi bên cửa sổ vậy. Nói chẳng hết lời, nên phải có thơ, ngõ hầu tả rõ cái chân tình mà thôi. » Thơ rằng :

(Theo vần bài thơ *Đi về Kinh*)

Thương-sơn (1) kiệm-bạc (2) giả mà chân,
Đức lớn niên cao đạo chẳng bằn.
Lời trọng như vàng không ẩn-ý,
Duyên ghi trên đá nỗi tiền thân (3).
Ngựa trâu thành bạn nguyên đồng quận (4)
Gầy béo điều thang (5) khó kén nhân.
Đeo hận ngày nay tình xiết kể,
Nỗi lòng cam để gửi thiên-quân (6).

Hàm-xuyên-hầu lên đường thuật hoài nguyên vận, tự tình, kính gửi Hải-thượng ông.

(Lại thêm rằng : lấy lòng mà hiểu cho lòng, cái đó cũng là bất dắc dĩ vậy).

Phiên âm :

Thương-sơn sắc hạ nhạn trung-chân,
Đức thiệu niên tôn đạo bất bằn.
Cốt lận trân-ngôn vô ẩn nhĩ,
Định tri thạch thượng hữu tiền thân.
Mã-ngưu tương cập giai Hồng-quận,
Phì-tích nan năng liệu biệt-nhân.
Kim nhật thử tình vô hạn hận,
Nhất tràng tâm-sự phó thiên-quân.

---

(1) Thương-sơn : tên núi ở tỉnh Thiểm-Tây. Cuối đời nhà Tần, tử Hạo tỵ loạn ở ẩn tại đó, hiệu là *Thương-sơn Tử Hạo*. Núi này rừng sâu vực thẳm, hình-thế u-thắng.

(2) Kiệm-bạc : ít ỏi, nhỏ-mọn. Ý nói tuy vui cảnh núi-non đẹp-đẽ, nhưng sống trong cảnh thanh-bần.

(3) Tiền-thân : cái thân kiếp trước.

(4) Hầu nầy cùng tôi đều là người phủ Thượng-Hồng (lời chú của tác-giả Lãn-Ông).

(5) Điều thang : biến-chế gia-giảm các vị thuốc để pha lẫn thành thang.

(6) Thiên-quân : cái tâm của người ta.

Library HoangSa.Org

Hàm-xuyên-hầu đăng trình thuật hoài-nguyên-vận tự tình bái thượng Hải-thượng ông tọa-hạ. Hậu tả vân dĩ tâm tri tâm cái diệc bất đắc dĩ dã.

Nguyên văn

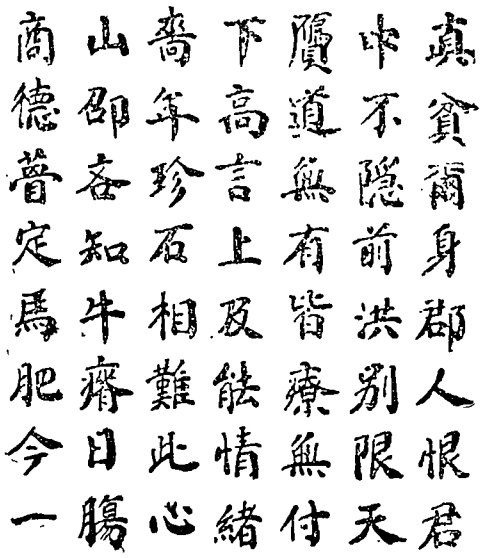

右 坳川侯登程述懷原韻敘情拜上
海上翁座下
又寫云以心知心益亦不得已也
山-伯侯與余皆上洪府人

Tôi coi rồi lấy làm cảm-động, dường khó mà cáo-biệt được. Đây là việc bất đắc dĩ, chắc lòng ông ấy chẳng muốn thế. Tôi phúc thư nói rằng :

« Lãn tôi bị vời về kinh, nửa gánh hành-trang, ở nhờ bên đông, tạm trú bên tây, may được tôn-hầu thành-tâm đối-đãi, đã hơn mười tuần nay tránh gió che mưa. Lãn tôi tưởng thế nào cũng có ngày việc sẽ gỡ ra xong, gươm-đàn trở về núi, có nghĩ đâu vẫn bị ràng-buộc ở đây thế này. Thế rồi tuy trong gang-tấc mà lại là cách-biệt, khiến lòng tôn-hầu băn-khoăn biểu-lộ ở lời thơ. Lãn tôi lòng càng xúc-động, có bài thơ luật Đường kính đáp như sau :

Library HoangSa.Org

Tình này bạn ấy ngẫm thiên chân,
Uất-ức vì đâu để chí bần !
Trống sớm chuông chiều nông-nỗi khách,
Đông kiều tây ngụ nước-bèo thân.
Non xanh cựu ước sao vô phận,
Gác tía tiền-trình để não nhân.
Bốn bể bạn-bè đầy-dẫy đó,
Mấy ai biết bụng được như quân !

Bần-y Lãn bái họa

Nguyên văn

右貧醫懶拜和

Phiên âm :

Thâm-tình cao-nghị (1) xuất thiên-chân,
Hàm kết (2) vô do chí dũ bần.

(1) Cao-nghị: tình-nghĩa cao-cả.
(2) Ham kết : nói những điều chứa-chất trong lòng mà không giải-tỏa được.

Library HoangSa.Org

Mộ-cổ thần-chung suy lữ mộng, (1)
Đông kiều (2) tây ngụ lụy nhàn-thân.
Thanh-sơn cựu-ước hà vô phận ?
Tử-các (3) tiền-trình (4) khổ cáo nhân.
Tứ hải tận-bằng tuy mãn tọa,
Tâm tri hoàn hữu kỷ như quân !

Bần-y Lãn bái họa

Khi ấy sát vách chỗ tôi ngụ là dinh quan Trạch-Ưu-Hữu. Viên quan này thường đau bệnh lạnh bụng. Tôi cho thuốc, bệnh đỡ được phần nửa. Bà vợ ông mắc cố tật đã mười năm cũng xin chữa trị ; sau hai tháng dùng thuốc thì bà hết đau. Hai ông bà nghe tôi muốn tìm chỗ trọ mới, hỏi lại Hàm-xuyên-hầu cho biết rõ, rồi chẳng bảo cho biết trước, đem ngay giường chiếu kê-đặt chỉnh-tề ở các nhà giữa, gồm ba gian, nhà này mái ngói vách vôi. Trước sân có cây lạ đá chồng, hoa cỏ thơm-tho. Ngoài ba gian dùng làm nơi tiếp khách, có một gian dùng làm nhà bếp, quét dọn sạch-sẽ, bốn bề chia ra trong ngoài, lại mở cửa trong cửa ngoài để tiện xuất nhập. Tất cả đều được xếp-đặt ổn-thỏa xong xuôi, ông bà mới đến mời tôi lại ở. Tôi chẳng hiểu duyên-cớ gì, sợ có điều phiền-nhiễu người, nên chỉ biết thâm-tạ hậu-tình, chẳng chịu dọn đến. Hai vợ chồng mời đi mời lại mãi, nói rằng : « Lão sư không xét lòng thành của chúng tôi, xin tạm sang coi qua một lượt ». Tôi đến nơi thì thấy trong ngoài phòng-ốc đều được thiết lập chỉnh-tề, nghĩ thầm rằng : « Vợ chồng người ta cư-xử như thế mà mình cự-tuyệt được chăng ? ». Tôi bằng lòng di-ngụ tới. Hàm-xuyên-hầu nghe biết vậy mừng lắm, ông vội đến gặp tôi.

Nguyên quan Trạch-Ưu (5) là tổ-thúc (6) Hàm-xuyên-hầu, tiên-triều có ban cho một khu quan-thổ. Vì thế hộ-hàng được ở chung hai dinh tiếp-giáp nhau. Quan Trạch-Ưu còn cho mở một cái cửa nhỏ để Hàm-

(1) Lữ mộng : giấc mộng nơi lữ-thứ.
(2) Đông kiều : ở nhờ nơi phía đông.
(3) Tử các : gác tía.
(4) Tiền trình : đường đi trước mặt. Nghĩa bóng chỉ sự việc sẽ tới trong tương-lai.
(5) Trạch-Ưu : tên riêng chỉ thứ quân tru-binh được kén làm quân túc-vệ canh giữ đền vua phủ chúa ; thứ quân này lấy ở ba phủ đất Thanh-hóa và bốn phủ đất Nghệ-an.
(6) Tổ-thúc : em trai của cha mình là thúc, tức là chú, tổ-thúc là ông chú, tức là em trai của ông mình.

Library HoangSa.Org

xuyên-hầu qua lại cho tiện. Tôi cùng hai ông ăn ở với nhau, sớm đào tối mận, tình ngày càng thắm-thiết. Quan Trạch-Ưu cũng cấm ngặt người nhà không cho lui-tới chỗ tôi ở, dù biết ông kính-đãi tôi thế nào.

Từ lúc tôi đến ở nơi này thì lòng ưa ý thích. Một đêm kia trăng chiếu vào hiên, nhận thấy trúc thưa gió lọt, tiết trời êm dịu, hình-bóng u-nhã, móc đọng trên hoa, hương bay nhè-nhẹ. Thật là đẹp-đẽ thú-vị. Trà-đồng pha trà, tôi ngồi tựa lan-can uống một mình. Bỗng có ông Viên-Hình là em rể tôi đến kể lể chút việc riêng. Tôi vui mừng xiết kể, cùng ông uống trà. Ông Viên-Hình nói rằng : « đêm đẹp thế này, trăng trong gió mát, thật không phụ ta, ta lại nỡ phụ sao ? ». Tôi đáp rằng : « Ông nói phải lắm, ông nên cùng tôi làm một bài thơ, lấy đề-tài « Đêm trăng uống trà nói chuyện cũ » mà dùng các vần canh, thanh, phanh, kình » — Tôi đọc trước rằng :

Chén trà lồng bóng nguyệt,
Sắc trắng tựa băng thanh.
Mộng tỉnh người thiên lý,
Ca tàn lúc nhị canh.
Lời đường tai thích-thú,
Trà cạn áo phong-phanh. (1)
Sao chuyện câu thần cảm,
Ngâm xong muốn cưỡi kình !

Ông Viên-Hình họa rằng :

Ngâm-xướng giục lòng khách,
Hộ-song chiếu nguyệt thanh.
Mải bàn thơ vạn cuốn,
Bỗng đã đêm tam canh.
Kẻ trọ lòng lửa đốt,
Trà pha trẻ áo phanh. (2)
Điểm canh đâu gõ gấp,
Ngờ đó tiếng chuông kình.

---

(1) Khổ minh bất tu phanh ; trà đắng chẳng nên nấu (phanh : nấu) — trong quốc âm không gieo được vần phanh để diễn-dịch cho đúng nghĩa câu. Ở đây gieo đúng vần thì sai nghĩa.

(2) Cũng một nhận xét như trên.

Nguyên-văn : trà đồng thủ quyện phanh : trẻ pha trà mỏi tay nấu.

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

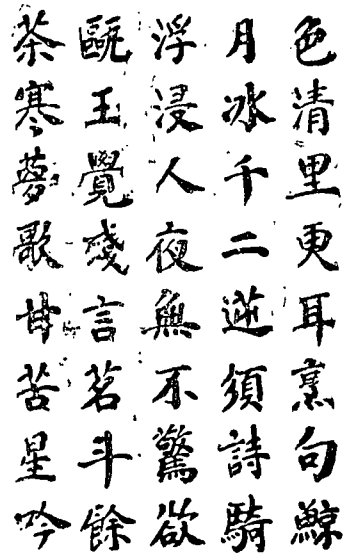

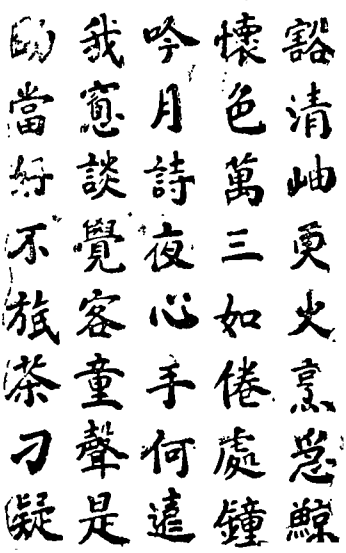

Library HoangSa.Org

Phiên âm :

Trà âu phù nguyệt-sắc, (1)
Hàn ngọc tẩm băng thanh.
Mộng giác nhân thiên lý,
Ca tàn dạ nhị canh.
Cam-ngôn vô nghịch-nhĩ,
Khổ-mính bất tu phanh.
Tinh-đầu kinh thi-cú, (2)
Ngâm dư dục ky kình (3)

Trợ ngã ngâm hoài khoát, (4)
Đương song nguyệt-sắc thanh.
Hảo đàm thi vạn trục,
Bất giác dạ tam canh.
Lữ-khách tâm như hỏa,
Trà-đồng thủ quyện phanh.
Điêu-thanh (5) hà xứ cấp,
Nghi thị viễn chung kình.

Ngâm xong, hai người đều lần-lượt đọc những bài cổ-thi, cùng nhau bình-duyệt, (6) canh khuya mới đi nằm. Ngày hôm sau ông Viên-Hình có việc phải cáo-biệt. Giữa lúc ấy Nộn-Liễu Giám-sinh nhân dịp về Hoan-Châu, đến từ-biệt tôi. Tôi nói : « Tôi cùng ông đều là khách Trường-yên. Ông thì đi Nam đi Bắc, còn tôi như chim trong lồng, không tự-do mà đi hay ở được. Kẻ ở người về đều buồn-bã cả, biết làm sao được. Tôi mới ngâm một bài thơ ngắn để tặng ông, kèm theo lời giải như sau :

(1) Trà âu : cái ang nhỏ đựng trà.

(2) Ý nói thơ mình hay, nhắc đến câu thơ của Lý-Bạch :

Dạ tĩnh bất kham đề tuyệt-cú,
Chỉ kinh tinh-đầu lạc giang hàn.
Câu tỉ ẩn không dám ngâm đêm vắng,
Sông lạnh còn lo sao đầu rơi !

(3) Ky kình : cưỡi cá Kình-Đương, Lý-Bạch tự xưng là khách cưỡi cá kình ngoài biển.

(4) Ngâm hoài khoát : tình thơ sâu-xa (ngâm-hoài là bụng chứa những tình-tứ về thi-ca ; — khoát là sâu-xa).

(5) Điêu-thanh : tiếng trống cầm canh. Điêu là dụng-cụ hành quân thời cổ, ban đêm đánh vào nó để báo thời-giờ, cũng tựa trống cầm canh.

(6) Bình-duyệt : phê-bình và xem-xét.

Library HoangSa.Org

Giao-tình tuy thiển, chân-nghĩa ắt sâu (1) : Đồng loại thì tìm đến nhau, đồng đạo thì tin-cậy lẫn nhau. Một ngày chẳng nom thấy nhau thì dài ghê. Huống nay đường trở về « Hoan » xe đi vạn dặm, Lãn tội há không tưởng nhớ sao ? — Từ nay tôi ở nhà trọ, gió sớm trăng đêm buồn-bã. Sau ba chén trà biết cùng ai nói chuyện thơ. Còn như ông trên đường đi, mỗi khi gặp danh-thắng, muốn xướng muốn ngâm dễ quên tôi được chăng ? — Tình khôn xiết kể, có thơ để dãi lòng :

Chia tay cùng lẳng-lặng,
Khó nói bởi tình dài.
Ngàn liễu màu vàng ánh,
Non Hương bóng nguyệt-soi.
Lầu canh chuông-mõ tối,
Nỗi khách tiễn đưa ai.
Cùng hẹn đông tiền hậu,
Ba thu tưởng nhớ hoài !

Nguyên văn

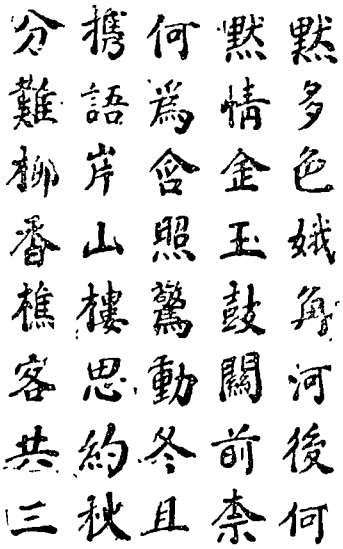

(1) Giao-tình tuy thiển : tình giao-du với nhau tuy không sâu-xa ; Chân nghĩa : cái nghĩa ở chân-chính với nhau.

Library HoangSa.Org

Phiên âm :

Phân huề hà mặc-mặc,
Nan ngữ vị tình đa,
Liễu-ngạn hàm kim-sắc
Hương-sơn chiếu ngọc nga.
Tiều-lâu (1) kinh cổ-giốc, (2)
Khách-tứ động quan-hà
Cộng ước đông tiền hậu,
Tam thu (3) thả nại hà ? (4)

Ông Nộn-Liễu đang khi ngồi tại đó, đòi lấy giấy bút để đáp lại. Có lời mở đầu rằng : « Cổ-nhân nói một đêm chuyện-trò còn hơn cả một bụng thơ. Hằng tôi được bái-yết phong-quang và ghi-tác những lời đạo-đức, nhất là thường được họa thơ thì lấy làm vui-mừng lắm. Nay xin thuật lời quê mùa để phụng họa » :

Hương bồi ngày chửa mấy,
Liễu tặng ý nên dài.
Trịnh-trọng neo thuyền lại,
Ngẫn-ngơ ngó trăng soi.
Vãng-lai đều nỗi khách,
Xướng-họa cảm lòng ai.
Gặp lại tuy giao-ước,
Buổi nay bịn-rịn hoài !

Hà-Ái văn-bối Lệ-Hằng kính soạn.

Phiên âm :

Hương bồi (5) vi nhật thiêu,
Liễu tặng (6) ký hoài đa.

(1) Tiều-lâu : cái chòi cao ở trên thành để coi ngó địch quân.
(2) Cổ-giốc : cái trống và cái tù-và.
(3) Tam thu : ba thu, tức là ba năm, do câu *Nhất nhật bất kiến như tam thu hề !* trong kinh thi, có nghĩa một ngày chẳng thấy nhau dài bằng ba năm.
(4) Nại hà : biết làm sao ? làm sao được ?
(5) Hương bồi : bồi-tiếp chầu-chực chốn thơm tho, ý nói được gần-gũi người có đức thơm, có phẩm-cách quí.
(6) Liễu tặng : bẻ cành liễu mà tặng nhau trước khi từ-biệt. Nguyên ở phía đông thành Trường-yên có cái cầu tên gọi Bái-kiều. Người Hán đưa tiễn khách ở cái cầu ấy thì bẻ cành dương-liễu mà tặng biệt.

Library HoangSa.Org

Trịnh-trọng duy thanh đĩnh (1)
Trù-trừ vọng tố-nga.
Vãng-lai giai lữ-khách,
Thù-xướng (2) chỉ quan-hà. (3)
Tuy hữu trùng-phùng ước,
Kim chiêu (4)thả nại hà ?

Hà-Ái văn-bối Lê-Hằng bái thướng.

Nguyên văn

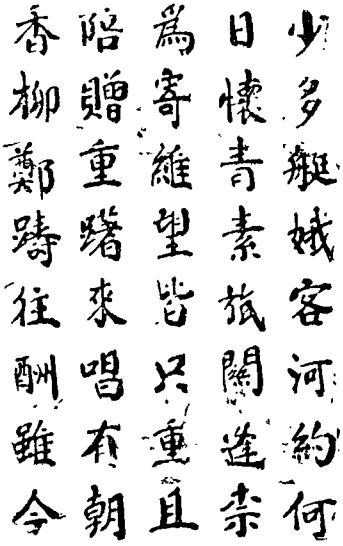

右荷愛晚鞏恭恒拜上

Ai nấy cầm bài thơ tặng mình xem-xét đến ba, bốn lượt, mối tình vương-vấn khôn xiết kể. Trong lúc cười nói, tuy nét mặt cố giữ vẻ bình-thường, nhưng lời nói và dáng-vẻ đều khó giấu nỗi thắc-mắc buồn-rầu. Uống xong vài ba chén trà thì cùng nhau cáo-biệt.

---

(3) Đĩnh : chiếc thuyền ván nhẹ.
(4) Thù xướng : Người xướng kẻ đáp, như người làm thơ kẻ họa lại.
(5) Quan-hà : cửa ải và sông lớn, chỉ cảnh đi đường hay ở cảnh xa.
(6) Kim chiêu : buổi sáng nay.

Library HoangSa.Org

Một ngày kia ông Viên-hình đến chỗ tôi ngụ nói chuyện về một phương-dược. Được một lát ông nói rằng : « Trước đây, trong lúc có bệnh, lại không có hứng, bài thơ tôi họa quả là lạo-thảo cho xong, xin lão-sư đừng cười ». Tôi đáp : « Thơ của bác như liên-sơn đoạn-lĩnh, (1) mạch-lạc chẳng dứt, mịn-màng mới-mẻ như vầng trăng giữa trời, thật là có cái ý-chỉ (2) sâu-xa của nhà thơ, há còn phải bàn-nói gì nữa sao ? » Ông ta nói rằng : « Lão-sư đừng quá khen, xin hãy làm cho một bài nữa ». Tôi nói : Dùng đề tài gì được ? Tôi xin lấy ý bài thơ hay của bác để làm đề. Và tôi xướng rằng :

Vượt dương tìm bến học cầu chân,
Tuổi khoẻ còn lo đạo-lý bần.
My-lộc vẫn mê lười quen tính,
Công-danh chẳng chuộng được nhàn thân.
Chín lần chiếu mệnh thiên sơn tuyết,
Năm chữ anh-tài tứ hải nhân.
Mới rõ trong thơ đầy ý-khí,
Hoan-châu hào-kiệt ngẫm Lê-quân !

Ông Viên-Hình xem xong nói rằng : Lão-sư ôm-chứa cái khí-vị chốn lâm-tuyền, hô-hấp vạn trượng khói mây, mỗi lần lộ ra là mỗi lần thấy kỳ-lạ.

Phiên âm :

Thiệp hải cầu tân thức vị chân,
Niên phú (3) thiên ưu đạo-lý bần.
My-lộc (4) dũ mê cuồng-lãn tính,
Công-danh bất thượng tản-nhàn thân.
Cửu-trùng tiên-chiếu thiên-sơn tuyết,
Ngũ tự anh-tài tứ hải nhân.
Bồng độc giai-thiên (5) kinh vĩ-khí, (6)
Hoan-châu hào-kiệt bán suy quân.

(1) Liên-sơn đoạn-lĩnh : núi mọc liền nhau và núi mọc cách quãng. Ý nói tư-tưởng trong thơ phô-diễn liên-tục và cùng phân-chia thành từng phần, từng đoạn rõ-rệt.
(2) Ý-chỉ : Nghĩa như tôn-chỉ, hoặc phương-thức nhất định.
(3) niên phú : tuổi khoẻ.
(4) My-lộc : con nai và còn hươu.
(5) Giai-thiên : bài thơ hay.
(6) Vĩ-khí : khí mạnh và lạ tức là khí-phách của bậc hào-kiệt.

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

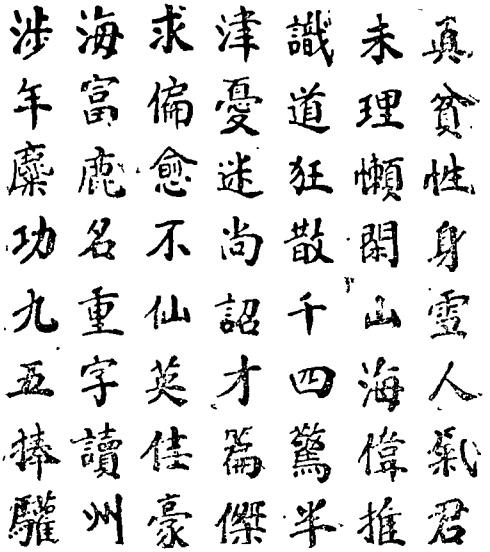

Ngay khi đó tôi thấy một nho-sinh mặt đẹp như ngọc, quần-áo sạch-sẽ mang theo một tiểu-đồng, bưng một hộp thời-vật và một bài thơ đến dâng lên. Tôi hỏi có việc gì ? — nho-sinh đáp : « Tôi là con quan tri-phủ Hạ-Hồng, người Đông-Ngạn, phủ Từ-sơn, Kinh-Bắc. Cha tôi vì có bệnh phải bỏ quan học thuốc ; nhờ một vài tập « Tâm-Lĩnh » của cụ mà biết được gốc-nguồn đạo-lý, thường muốn được nhòm-ngó cung-tường (1), nhưng không có đường nào đi tới được. Nay nghe Cụ đến Kinh, cha tôi rất mừng-rỡ, đã vài ba phen định đến bái-kiến, chẳng ngờ tổ-mẫu tôi nhuốm bệnh phải nằm giường. Cha tôi không dám rời xa, sai đem dâng chút thời-nghi làm lễ thay mặt, sau này thư-thả cha tôi sẽ xin diện-kiến. » Tôi giật mình, nghĩ thầm rằng : « Mình với người kia tuyệt-nhiên không quen biết, lại xa-cách nhau ngàn vạn dặm, chẳng hiểu sách mình soạn ra đã theo ngả nào mà đến tay người ; như thế phải đợi gặp mặt mới hay biết được. » — Tôi mở phong thư ra coi rồi đưa ông Viên-Hình xem xét. Trong thư lời ý cũng giống như thư sinh đã nói. Duy lại mừng tôi « ngộ thời đắc quân » (2) cho nên không thể không ghi-chép ra đây. Bài thơ như sau :

(1) Coi chú-thích nơi bài tựa.

(2) Ngộ thời đắc quân : gặp thời và được vua tin dùng.

Library HoangSa.Org

Hương-sơn tiếng dậy thế-gian tri,
Kỳ-Bá đời nay đã hiện kia.
Quyền chửa tối hoàng sớm quế phụ,
Kinh do bồ bạch cồ quy-kỳ.
Trống da hồ dễ so lôi cồ,
Lửa đóm cam đành ngắm nguyệt huy.
Dạng chữ tiên nhân sơn ghép lại,
Non Thương Tứ Hạo dám ai bì !

Bắc-Từ Cam-bạch tử bái thướng

Phiên âm :

Hương-sơn nhất xuất nhĩ hà (1) tri,
Cánh giác đương kim phục hữu kỳ (2)
Quyền (3) vị mộ hoàng chiêu quế-phụ (4)
Kinh (5) do bồ bạch (6) cồ qui-kỳ. (7)
Đà-bì (8) lãn bả tranh lôi-cồ, (9)
Huỳnh-hỏa (10) tu tương bái nguyệt-huy (11)
Sơn đắc nhân thành tiên tự dạng, (12)
Ngũ Thương Tứ Hạo (13) trạch hà thì.

Bắc-Từ Cam-bạch tử bái thướng

---

(1) Nhĩ hà : gần xa.
(2) Kỳ : tức Kỳ-Bá (coi chú-thích ở những bài thơ trên).
(3) Quyền : lề-lối mưu-mẹo dùng trong lúc biến, như nói quyền biến.
(4) Mộ hoàng chiêu quế-phụ : tối dùng hoàng-cầm, chiều quế-phụ.
(5) Kinh : Đạo thường, lề-lối thường mà không thể đổi được.
(6) Bạch : tức là bạch-truật, tên một vị thuốc Bắc.
(7) Qui kỳ : quị-vỹ và hoàng-kỳ, tên hai vị thuốc Bắc.
Về hai câu thực, đại ý nói trong lúc quyền-biến chưa phải dùng khi tối hoàng-cầm khi sớm quế-phụ và việc trị bệnh cứ theo phép thường mà ưa dùng bạch-truật với quì-kỳ. Tác giả dùng các tên vị thuốc để mô-tả những hoạt-động của một ý-sĩ.
(8) Đà-bì : da cá sấu (đà là cá sấu).
(9) Lôi-cổ : tiếng sấm.
(10) Huỳnh-hỏa : lửa đom-đóm.
(11) Nguyệt-huy : ánh sáng mặt trăng.
(12) Tiên-tự dạng : hình-dạng chữ « Tiên ». Tiên chỉ nhà đạo-sĩ luyện thuốc, tịch-cốc, tu-hành cầu cho mình sống lâu không chết.
(13) Tứ Hạo : Bốn người ẩn-sĩ đời Hán sơ, tức là Đông-Viên-Công, Ỷ-lý-Quý, Hạ-hoàng-Công, Giác-lý tiên-sinh, cũng gọi là Thương-sơn Tứ Hạo.

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

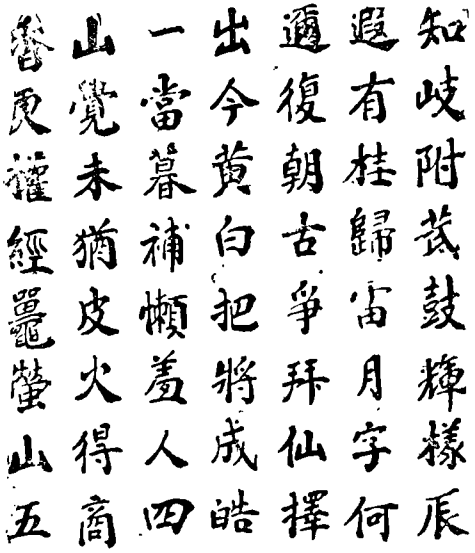

知岐附茲鼓輝樣辰
遐有桂歸雷月字何
邇復朝古爭拜仙擇
出今黃白把將成皓
一當暮補懶羞人四
山覺未猶皮火得商
魯更權經鼉螢山五

北慈甘白子拜上

Ông Viên-Hình xem xong, cười mà không nói gì. Tôi nói : « Thơ này nói lên được cái ý-tứ cao-xa, bác cho là thế-nào ? » Ông Viên-Hình đáp rằng : « Trăng dưới nước, hoa trong gương (1), trong-sáng đáng yêu ». Tôi hiểu là ông giễu-cợt cái thứ hư-ngữ nên cũng cười. Tôi nói rằng : « Xin quan bác thay tôi trả lời có được chăng ? » — Ông đáp rằng : « Múa rìu qua mắt thợ để tự bêu xấu mình mà làm chi ? » — Tôi nói rằng : « nho-sinh hãy về chỗ trọ, ngày mai trở lại đây tôi sẽ có lời gửi lại » — Nho-sinh đi rồi, ông Viên-Hình nói rằng : « Tục-vật (2) như thế sao gọi là thơ được ! » — Tôi đáp rằng : « Nhân-phẩm cao-hạ khác nhau, sao có thể khiến ai ai cũng đều như thể bọn ta sao ? » — Ông Viên-hình cáo-biệt. Ngày hôm sau nho-sinh trở lại. Tôi gửi y một bài thơ họa lại và tôi lấy lời-lẽ khiêm-tốn mà phúc-đáp. Thơ như sau :

---

(1) Nguyên-văn : Thủy-kinh nguyệt-hoa do thành-ngữ : Kính-hoa thủy nguyệt : nói cảnh huyễn-ảo không có sự thực như trăng dưới nước như hoa trong gương.

(2) Tục-vật : vật tầm-thường, thô-bỉ.

Library HoangSa.Org

Tiếng-tăm xá kể chẳng cầu tri
Xuất-xử do « trung » chẳng khác kia.
Dịch vốn tinh-thần mà biến-hoán
Y nhiều hiệu-nghiệm chẳng sâm-kỳ.
Người khuyên mỗi lúc nêu cao-tiết,
Ta muốn cùng người dãi tịch-huy.
Thấy lợi thì tham là thói-tục,
Thề non còn đó chẳng so-bì.

Bần-y biệt-hiệu Hải-Thượng Lãn-Ông bái họa

Phiên âm :

Nhân-sinh hà-tất khổ cầu tri, (1)
Xuất-xử do trung (3) khởi lưỡng kỳ
Dịch dĩ hồn-thuần (3) tri bác-hoán (4)
Y năng yếu-diệu (5) khởi sâm-kỳ
Quân đa khuyến ngã trì cao-tiết (6)
Ngã dục huề quân (7) thoại tịch-huy (8)
Thế-tục hảo-khan duy lợi đạt,
Chỉ tàm (9) hữu thệ (10) nhập sơn thì.

Bần-y (11) biệt-hiệu Hải-thượng Lãn-Ông bái họa

---

(1) Khổ cầu tri : cầu được người biết đến mình bằng một cách cực-nhọc, tức là cầu danh.

(2) Trung : ở giữa, cùng nghĩa với trung-chính, tức là ở giữa và ngay-thẳng.

(3) Hồn-thuần : tinh-thuần, không pha-trộn.

(4) Bác-hoán : biến-đổi, trút bỏ cái hình-thái cũ.

(5) Yếu-diệu : kỳ-lạ.

(6) Trì cao-tiết : giữ cái tiết-tháo cao-cả.

(7) Huề quân : cùng với ngươi, cùng với anh (huề có nghĩa cầm tay).

(8) Thoại tịch-huy : nói chuyện dưới trăng. Tịch-huy là ánh-sáng trong buổi tối.

(9) Chỉ tàm : chỉ e-thẹn.

(10) Hữu-thệ : có lời thề—ý nói lời đính-ước cũ đánh bạn cùng núi-non.

(11) Bần-y : Tiếng khiêm-tốn, có nghĩa người thày thuốc nghèo.

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

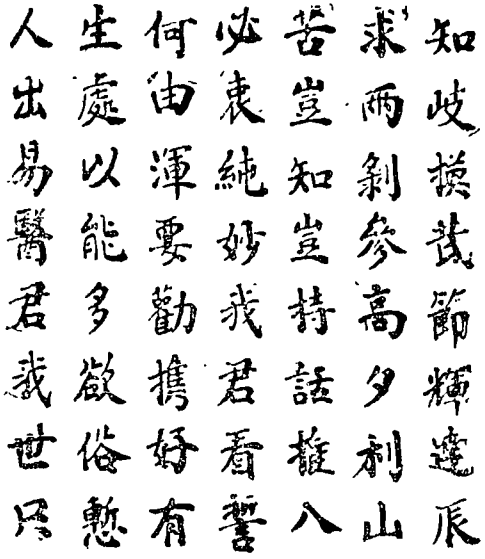

人生何必苦求知
出處由衷豈兩岐
易以渾純知剝摸
醫能要妙豈參茂
君多勸我持高節
我欲携君話夕輝
世俗好看推利達
只慙有誓入山辰

貧醫別號海上懶翁 拜和

Chưa được tuần-nhật, thấy nho-sinh nọ quay trở lại, nói rõ cái lòng hoài-vọng của thân-phụ y : Nếu việc nhà được thư-khoan một chút, thân-phụ y sẽ đến diện-hội. Y chuyển giao một bài thơ với lời biện-bạch rằng : « Đã một lần cuồng-dại rồi, có nên tái-diễn nữa chăng ? — Duy ở cuối thư của ngài, tôi hoảng-sợ thấy có lời ngài phủ-chính, đắn-đo tự biết là chẳng nên múa rìu qua mắt thợ. Nhưng gặp thơ hay thuần-túy khiến hứng-khởi trong lòng, nên tôi lại có bài nữa, mong ngài sửa-chữa, tôi rất cảm ơn. »

Chửa am ngũ tạng chửa tường tri,
Há sánh ông Kỳ thuở trước kia !
Thanh-đạm còn mang thêm khí-vị,
Cam-ôn ít dụng bổ sâm-kỳ.
Sen kia vẫn chảng lây ô-vật,
Cỏ nọ riêng đâu hưởng lạc-huy.
Tột phẩm gồm ba ai cũng một,
Không thiên không lệch thánh đương thì.

Bắc-Từ Cam-Bạch tử bái họa

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

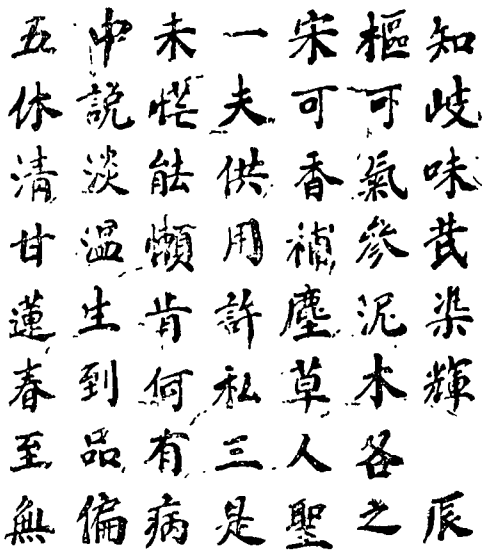

和拜子白甘惹北

Phiên âm :

Ngũ trung (1) vị nhất (2) Tống-khu tri (3)
Hưu thuyết (4) mang phu (5) khả khả Kỳ (6)
Thanh-đạm năng cung hương khí-vị,
Cam-ôn (7) lãn-dụng (8) bồ sâm-kỳ.
Liên sinh khẳng hứa (9) trần-nê nhiễm (10)
Xuân đáo hà tư (11) thảo-mộc huy.

(1) Ngũ trung : ngũ tạng, tức là năm bộ-phận trong thân-thể (tâm, can, tì, phế, thận).
(2) Vị nhất : chưa chuyên-nhất, chưa tinh-thuần.
(3) Tống-khu : chưa rõ nghĩa.
(4) Hưu thuyết : đừng nói đến.
(5) Mang-phu : kẻ bận-rộn, hấp-tấp.
(6) Khả khả Kỳ : có thể sánh với Kỳ-Bá, danh-y thời cổ.
(7) Cam-ôn : ngọt-ngào và ấm-áp.
(8) Lãn-dụng : lười dùng, có nghĩa là ít dùng.
(9) Khẳng hứa : không chịu để, không ưng.
(10) Trần-nê nhiễm : bụi và bùn làm dơ-bẩn.
(11) Hà tư : sao có riêng, không riêng gì. Không rõ có phải ý nói là xuân đến, không riêng gì cỏ cây tươi-sáng mà vạn vật đều tươi-sáng : Lãn-ông như mùa xuân đem lại vui tươi cho mọi người.

Library HoangSa.Org

Chí phẩm (1) hữu tam nhất các nhất,
Vô thiến bệnh thị thánh chi thì (2).

Tôi lại họa lại như sau :

Tri túc đã đành khó bắt tri,
Mất dê ngờ tại ngả đường kia.
Có thông lý-số xem là Dịch,
Biết giữ hình-hài khỏi dụng kỳ,
Lỡ vận rồng thiêng còn thất thế.
Gặp thời mắt cá cũng tranh huy,
Nếu như trở lại cùng Hương-lĩnh,
Chén rượu cung đàn ít thú bì !

Bản-y biệt-hiệu Hải-thượng Lãn-Ông bái họa

Nguyên văn

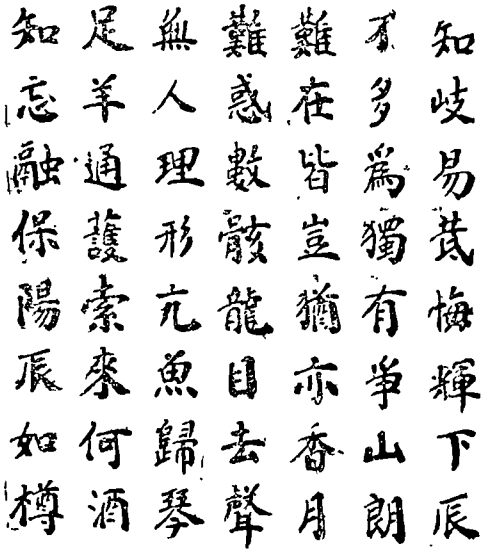

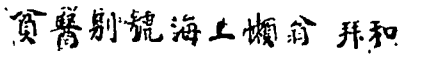

(1) Chí phẩm : tột phẩm (chỉ là rất đối).
(2) Thánh chi thì : ông thánh của thời-buổi hiện đương sống.

Library HoangSa.Org

Phiên âm :

Tri túc vô nan nan bất tri, (1)
Vong dương (2) nhân hoặc tại đa kỳ.
Dung-thông lý-số giai vi Dịch,
Bảo-hộ hình-hài khởi độc kỳ.
Dương-tác (3) cang-long do hữu hối, (4)
Thời lai ngư-mục (5) diệc tranh huy (6).
Như hà qui khứ Hương-sơn hạ,
Tôn-tửu cầm-thanh nguyệt lãng thì.

Bản-y biệt-hiệu Hải-thượng Lãn-Ông bái họa.

Một ngày kia, có hai người mang nhiều binh-lính đi theo, đến hỏi tôi. Một người là Trợ-giáo ở Quốc-tử-giám, một người là quan tri phủ cũ phủ Tiên-Hưng. Hai ông nói rằng : « Thừa lệnh quan Tham-tụng Tả-binh, chúng tôi đến mời quí-sư. Tôi đón vào, mọi người cùng ngồi. Hai ông nói : « Quan lớn chúng tôi mắc trọng-bệnh, đã hơn tháng nay dùng thuốc khắp nơi mà không khỏe. Nay bệnh nguy-kịch lắm, xin quí-sư niệm tình niên hữu (viên quan này cùng với quan Trấn Lạng-sơn có tình bạn cùng thi đỗ một năm) chẳng tiếc gì mà đến một phen ». — Tôi đáp : « Đại-quan cùng với anh tôi có tình-nghĩa đồng-khoa (7), tôi đâu dám biếng-nhác. » — Tôi mặc áo lên cáng ra đi, đến phà ngoài thì quan Tham-nghị Hải-Dương bước ra đón mời vào nhà trong cùng ngồi, kể cho nghe nguồn-gốc bệnh. Giấy lát sau, ông mời tôi vào phòng coi bệnh. Người ốm nằm trên võng, được nâng dậy đặt xuống giường,

---

(1) Câu thơ đầu có nghĩa : Biết cho làm đủ là điều không khó, chỉ khó là tại không biết như vậy.

(2) Vong dương : đánh mất dê. Xưa có người nước Châu đánh mất dê, chạy đi tìm thì không thấy, nói rằng : đường có nhiều ngả, đến ngả đường này lại có thêm ngả đường nữa, nên đành để mất dê. Tâm-Thiệu-Tử nói rằng : « Đường lớn có nhiều ngả thì để mất dê, kẻ học-giả có nhiều phương nên tán sinh » — ý nói cái gốc thì chung mà ngọn thì khác ; kẻ cầu đạo chỉ lầm-lẫn vì xu hướng khác.

(3) Dương tác : dương tận.

(4) Hữu hối : có sự khinh-khi, bị coi rẻ-rúng.

(5) Ngư-mục : mắt cọ cá. Mắt cá tựa hạt châu mà chẳng phải hạt châu, nhân đó giả làm hạt châu. Lại có thành-ngữ : Ngư-mục hỗn châu. Mắt cá lẫn hạt châu.

(6) Tranh huy : đua ánh sáng.

(7) Đồng khoa : cùng thi đỗ một khoa, một năm.

Library HoangSa.Org

đợi chẩn-bệnh. Tôi thấy mạch bên tả ba bộ thật yếu-ớt, mạch bên hữu như không còn, nhưng ba bộ còn vượng. Chỉ biết đè nhẹ xuống thì mạch tản-mác, đè hơn nữa thì không còn thấy gì. Đến sát gần người ốm thì thấy khí nóng bốc ra, sờ vào người thì thấy âm-ấm, chân lạnh, hơi ợ ra. Hỏi thì đáp rằng như ngồi trong đám khói dầy-đặc, mắt cay lắm, phải nhắm lại ; trong ngực nghe nóng lắm và ợ hơi ra ; đại-tiện táo-kết, tiểu-tiện đỏ và rít, không nuốt đồ ăn được. Bệnh nhân nói rằng : « Tôi với bác có tình-nghĩa niên-gia (1). Mệnh này chỉ còn trong sớm tối. Tôi từ-tạ nói rằng : « Đây cũng là bệnh thường, quyết không có gì phải lo, xin yên-tâm đừng lo-nghĩ. Trong tuần nhật (2) bệnh sẽ thuyên-giảm ». Ông ta nghe nói vậy thì mừng lắm. Tôi kiếu từ xin ra ngoài. Quan Tham-nghị hỏi nhỏ tôi chứng-bệnh ra sao. Tôi nói : « Cái chân-âm ở bên trong đã kiệt, dương không tựa vào đâu mà muốn thoát-thể đến nơi rồi ». — Tôi hỏi trước kia chữa bệnh ra sao. Quan Tham-nghị đem quyển ký-bạ cho tôi coi. Tôi xem xét thấy các vị thuốc đã dùng đều là thanh hỏa hóa đàm, trừ thấp. Viên quan ấy tuổi cao, hầu-thiếp đầy-đẫy trước mặt, người già thì chân-âm đã hao, lại luyến-ái sắc đẹp để cải tinh-khí sút-giảm, cho nên âm phải kiệt. Thuốc chữa đã không biết bồi-bổ, trái lại còn làm tiêu-bại đi, chẳng nguy sao được. Tôi nghĩ mạch còn hòa-hoãn, thế là cái vị-khí (3) chưa tuyệt, nhưng con bệnh đã bị thuốc làm tổn-hại, chứ riêng bệnh cũng không đến nỗi thế. Tôi có gắng sức thì mới nên việc được. Tôi nói rằng : « Cơ-nguy đã đến, chưa dám đoan chắc, xin bốc một thang, khó-dễ sẽ phân-định ngay. Tôi có điều tâm-sự chưa biết đại-quan có ưng cho không, sau đó mới dám bốc thuốc ». Vị hầu ấy đáp rằng : « Lão-sư có việc bảo cho biết, lẽ nào chẳng nghe theo ». Tôi nói : « Tôi vì già-yếu không thể vào chầu, nhiều lần làm tờ khải xin kiếu-từ mới được tại-ngoại mà phụng-thị (4) thuốc thang. Những quí-quan các nhà có việc tìm đến thì tôi lấy cớ là già-yếu mà chối-từ. Còn quan lớn đây có tình-nghĩa niên-nghị với anh tôi, tôi chẳng dám trái lời. Chỉ vì Thánh-Thượng không ngày nào là không sai quan đến đây vấn-an ngài, nếu như có hỏi về việc dùng thuốc, xin nói trá ra là người khác mà giấu danh-tính cho ». Quan Tham-nghị vào nhà trong cáo-trình. Đại quan sai ông Trợ-giáo đến trả lời rằng : « Chỉ mong Lão-sư hết lòng điều-trị, tôi

(1) Niên-gia : Trong thời đại khoa-cử hai người cùng thi đỗ một năm thì gọi nhau là niên-gia.

(2) Tuần-nhật : thời-gian mười ngày.

(3) Vị-khí : cái khí trong dạ-dầy.

(4) Phụng-thị : vâng mệnh mà hầu-hạ.

Library HoangSa.Org

đã điều-đình, bất-tất e-ngại ». — Tôi mới chế một thang thuốc tư-âm (1) thật lớn, dùng thục-địa, ban-long, tất cả đến vài ba lạng, bảo đun lửa to rồi đem dùng. Tôi từ-biệt về nhà. Ngày hôm sau, trời còn thật sớm đã thấy ông Trợ-giáo, mặt mày hớn-hở, nói rằng : « Thật là thần-dược ! Uống một nước thuốc thì mát như đã uống hai ba nước, các chứng-bệnh mười phần đã giảm đi ba bốn, cả nhà đều hết sức mừng-rỡ. Quan tôi sai tôi đến xin thuốc. Tôi cứ đơn thuốc nọ thêm nhân-sâm mà chế thang bội lên. Ngày hôm sau lại cho mời tôi đến. Tôi bắt mạch, hỏi bệnh-nhân thì mười phần đỡ đau bảy, tám. Trong lúc ăn uống viên quan ấy cung-phụng không thiếu thứ gì, tận-tình xiết kể. Ông cầm tay tôi nói rằng : « Giận rằng tôi vô duyên, bị bọn thày thuốc bất tài làm cho khốn-đốn, xuýt nữa toi mạng. Giận rằng bác Lạng-sơn từng đến vấn-an tôi, lại không cho biết là có bác ở đây ». — Tôi nói : « Xin đại-quan đừng trách, anh em với nhau càng khó nói ». Viên quan nói rằng : « Cất nhắc cha hiền, con không hiềm-nghi, huống-hồ là anh em ». Tôi nói : « Chỉ vì tị-hiềm mà thôi ». — Mọi người đều cả cười. Tôi xin phép ra ngoài biên đơn thuốc. Tôi thấy hư-hỏa còn mạnh, nên tiếp-tục dùng thang thuốc bổ hỏa, dẫn hỏa và thuốc bổ vị-khí. Viên quan đưa tặng-vật thật nhiều. Tôi từ-tạ rồi ra về. Từ ngày đó, vật-thực thời-nghị (2) đưa đến làm quà tặng luôn luôn, chẳng cần nói đến. Mới được hơn một tuần, bệnh lại tái phát, lại vội-vã cho người đến mời tôi. Tôi nghe vậy chẳng đoán biết được là việc gì mới dò hỏi. Người đến mời nói rằng : « Đích thị là ngộ-phòng (3) » — Tôi đến bảo vị quan rằng : « Phàm bệnh nặng dai-dẳng thì khí-huyết hư nhược, bất cần một chút thì bệnh khó mà chữa được ; đại-quan thân trọng vạn kim, xin nên vạn-lự (4) — Vị quan ấy đáp rằng : « Từ nay một lòng nghe theo lời dạy, chẳng dám cưỡng lại ». — Tôi lại nghiên-cứu cho thuốc điều-bổ các bệnh rồi cáo lui. Tôi trở lại nhà thì có một người bảo tôi rằng : « Ông quan ấy, cụ đầu có gắng sức điều-trị cũng chẳng được. Nếu bệnh có chữa được tạm yên thì trong thời-gian bốn, năm ngày tất có vài ba bận âm-cữu (5). Ai ai cũng nói như vậy ». Tôi cho là vị quan ấy cầm quyền-binh trong tay thì những việc ân-oán hẳn là có, nhưng không hay biết là những lầm-lỗi của mình đã thành thói

(1) Tư âm : vun nhuần khí âm.

(2) Vật-thực thời-nghị : những thực-phẩm mùa nào thức ấy.

(3) Ngộ phòng : thứ bệnh do sự giao-cấu mà sinh ra, cũng nói là phạm-phòng.

(4) Vạn lự : lo lắng vạn điều — ý nói phải lo giữ-gìn mọi điều.

(5) Âm-cữu : tái lỗi về việc gần đàn bà (âm là giống cái, cữu là tội-lỗi).

Library HoangSa.Org

quen vậy, nên tôi chỉ mỉm cười thôi. Rồi nửa tháng sau, bệnh tái phát như trước, cho người đến mời tôi. Tôi tới hỏi chuyện kỹ-lưỡng thì được trả lời vì ăn cơm nếp mà ra vậy. Ông Trợ-giáo nói riêng với tôi rằng : « Vị-tất lại ăn cơm nếp mà bệnh tái-phát, nếu có như vậy đã chẳng vội-vã cầu đến lão-sư làm gì, chỉ vì hoặc nghe nói bên đông có thày thuốc thần-diệu là thử dùng một lần, hoặc nghe nói đằng tây có thày thuốc giỏi lại dùng một thang, trong một ngày một đêm đã thay đổi đến bốn, năm thày, ý-chừng bị ngộ thuốc, xin lão-sư để tâm điều-trị. Được vài ba ngày bệnh tuy thuyên-giảm một vài phần, lại thấy đi la chảy. Sợ rằng không cầm-giữ được tôi vội cho thuốc giữ vị-khí mới yên, rồi lại biến ra chứng táo-bón, tôi lại dùng thang tư-âm (1) để cho thông-hoạt, tạm được hòa-dịu. Tôi ra về. Năm, sáu ngày qua đi mà không thấy người đến hỏi thuốc. Tôi hỏi chuyện thì người ở cạnh tôi nói rằng : « Vâng chịu ngự-y lo việc chữa bệnh đã vài ba ngày rồi mà không công-hiệu, nay mời chư-y họp lại để cùng chạy-chữa. Tôi nghĩ đi nghĩ lại, than rằng : « Vị quan này đem thân ra thử thuốc ; thày thuốc lập dị tranh công, tính-mạng hẳn chẳng còn nữa ! Có điều bất cần là việc của con người lại cho là mệnh trời không cải được ư ? » — Ngày hôm sau ông Trợ-giáo đến tìm tôi, tôi thấy con quan Tham-nghị cũng đến mời nữa và còn tạ lỗi. Nghe các ông ấy tìm mọi lẽ kêu nài thảm-thiết, tôi nghĩ thầm : « Nếu ngày hôm nay bệnh bớt, ngày mai sẽ lại thay tay khác. Vả lại vị-khí đã bại, cái thế thực khó mà duy-trì được. » Tôi không chịu đi nữa. Họ khẩn-cầu, tôi mới chế cho một thang cửu dương (2). Vài ba ngày sau quả nghe nói vị quan kia đau không trở dậy được. Tôi than-thở không thôi. Nhân tập cổ-thi làm thành một bài đoản-luật để ghi lại sự việc :

Khanh-tướng thôi đành không thuốc chữa,
Lòng này thực có quỷ-thần hay.
Thế-gian chỉ có danh thơm quí,
Phú-quí mây bay giả-dối thay !

Phiên âm :

Vô dược khả ý khanh-tướng mệnh, (3)
Hữu tâm ưng đối quỷ-thần tri,

(1) Tư-âm : xem trang trên.
(2) Cửu-dương : bổ cửu chân dương.
(3) Khanh-tướng : nói chung về các quan có chức-vụ cao-cả trong triều, Quan khanh giúp vua trong các việc lớn, quan tướng chủ-trương việc chinh-trị trong nước, tỉ-dụ tể-tướng, tướng-quốc, tướng-công.

Library HoangSa.Org

Thế-gian duy hữu phương-danh tại, (1)
Phú-quí phù-vân bản tự khi. (2)

Nguyên văn

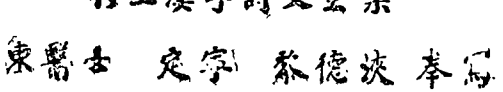

Lại như quan án trấn Thái-nguyên (tên Hầu-Tạo-Tịnh) bị bệnh ung-nhọt không ngồi dậy được. Máu đã kiệt, chẳng làm mủ nữa, mà thày thuốc còn cố trừ-khử. Cái thoát thế đã sẵn-sàng. Tôi cho thuốc bổ thật mạnh, tinh-huyết bấy giờ mới hồi sinh. Lại trước đấy, bụng thì lạnh, ngực-cách bị đầy nghẹt, đầu nóng như lửa bốc, mắt đỏ, tai ù, gân cốt run-rẩy. Hỏi ra thì vì sợ nóng bốc lên, nên chẳng dám dùng quế-phụ. Tôi đem thuốc thủy hỏa kèm thêm các thứ liễm-nạp mà cho uống. Sau vài ba năm ốm-đau dai-dẳng, chỉ một tháng chữa-trị là thành công.

Lại còn em vợ quan Trung-Hãn cũng bị đau, toàn thân giá lạnh, sợ gió, chân bị tê-liệt, tai điếc, thêm cái bệnh táo-bón, cứ hay uống nước. Hỏi ra thì sợ ngực trướng, một ly thục-địa chẳng dám dùng. Tôi cho dùng bát-vị gia-giảm thêm mấy vị bổ âm cho lá-lách. Vài ba tháng sau là chữa khỏi cái cố-tật từng mang mười năm kia.

Rồi lại bà vợ quan huyện Cẩm-Giang đau chứng hỏa hư, mỗi lần phát bệnh thì ngực tức, mặt đỏ, nước dãi trào ra, đàm xuyễn, chân lạnh, tai ù, hơi ngắn như muốn đứt, nói không ra tiếng, như thế trong một ngày hay nửa ngày mới tỉnh. Thày thuốc cho là bệnh thấp-đàm

(1) Phương-danh: tiếng thơm, danh thơm.
(2) Tự khi: tự dối mình.

Library HoangSa.Org

hoặc phong-hỏa, chữa trị đã hai năm rồi mà bệnh càng tăng. Tôi dùng bát-vị cho thêm thuốc giáng hỏa mà chữa, chỉ hết bốn, năm tễ là yên. Còn nhiều trường-hợp khác nữa, chẳng kể xiết.

Hồi tôi ở trong núi cứ tưởng rằng ở đế-đô có các danh-y, học-thuật giỏi-giang, tinh-diệu nhập thần (1). Tôi thường than là mình vô duyên nên không được cùng nhau gặp-gỡ. Khi đến kinh thì thấy thày thuốc trị bệnh không nói là bệnh phong-hỏa thì cũng bảo là bệnh thấp-đàm. Nếu cho là bệnh hư mà chịu dùng thuốc bổ thì chỉ phô-diễn khí-huyết mà thôi (2). Còn như chân thủy, chân hỏa là cái gốc để giữ cái mệnh, cái cốt-yếu để cầu sống thì tuyệt-nhiên không một chút nào coi làm trọng. Sao cái nghề thuốc lại khó đến như vậy ! Nhớ xưa Tiên-Chính có nói : « Người nước ta học-tập nghề y mà không tinh là vì mắc phải hai cái bệnh : một là người trong đám nho-học đọc sách thuốc từ đầu đến cuối, một lượt là xong, tuyệt-nhiên không nghi-ngờ nghĩa sách, tự cho là không có gì khó, đến khi dùng thuốc thì lại hấp-tấp bất cẩn ; hai là văn-lý tự-hoạch (3) chỉ mới được nửa thôi, nếu có tập nghề-thuốc thì cũng không khỏi tưởng-tượng mơ-hồ, nghi-hoặc, như thể kẻ kéo dây cung, sức chẳng đủ thì cho là cung cứng ». Thật là lời nói đích đáng vậy. Than ôi ! Kẻ bất túc là kẻ có bệnh sẵn, kẻ có dư cũng là kẻ có bệnh. Há chẳng phải là khó ru ? — Nhân đây tôi ngâm mấy câu rằng :

Từ xưa dùng thuốc tựa dùng binh,
Sinh-sát ai người dám rẻ khinh (4)
Đầu-sỏ nghề y còn yếu-kém,
Quê-mùa ta thẹn lý chưa minh (5)

Phiên âm :

Cổ vân dụng dược như dụng binh,
Sinh sát quan đầu hệ mị khinh (6)

---

(1) Tinh-diệu nhập-thần : cái tinh-vi màu-nhiệm đã thấu-đáo đến cùng như đã nhập vào thần-trí mình.

(2) Phô-diễn khí-huyết : ý nói chỉ bổ khí-huyết để bày tỏ cái hiệu-nghiệm của thuốc bổ mà không biết điều gì khác.

(3) Văn-lý tự-hoạch : ý nghĩa câu văn và các nét của mỗi chữ sách.

(4) Sinh-sát : Để sống hoặc giết chết.

(5) Chưa minh : chưa biết rõ.

(6) Mị khinh : chẳng nhẹ, chẳng thể coi thường.

Library HoangSa.Org

Quốc-thủ (1) do đa khuy-phạp xứ, (2)
Tam dư cô-lậu (3) lý nan minh.

Nguyên văn

古云用藥如用兵
生殺關頭係匪輕
國手猶多虛乏處
慚余孤陋理難明

Một ngày kia, trời sắp tối, thấy tân-khoa Vũ tạo-sĩ (4) (người Hà-hoàng, họ Vũ) đến chỗ tôi ngụ. Nguyên phụ-thân ông ta là ông Hiến-phó cùng đến kinh với tôi. Vũ tạo-sĩ thường lui-tới với tính-cách nghĩa-điệt (5). Tôi hỏi rằng : « Quí-hầu đến có việc gì lúc trời tối này ? » — Đáp rằng : « Quốc-sư Tào quận-công bị bệnh kiết-lị, sai đến mời ». Tôi toan hỏi chuyện ông ta thì lại thấy bà vợ quan phủ Duy-Tiên (6) cũ là người cố-hương và cũng là người ngoại-tộc (7) của tôi đến đón tôi đi. Bà nói : « Phu-nhân quốc-sư thượng-thư họ Nguyễn bị bệnh đã lâu, sai tôi đến mời ». Tôi cười bảo hai người rằng : « Ngôi có tôn-ti mà lễ có cấp-bậc. Các quan đều lại đại-thần trong nước hiện nay, một lúc cùng cho vời tôi, chẳng biết phải đến nơi nào trước, nơi nào sau, xin quí-hầu, quí bà xử-định. » — Tôi cùng hai người ấy luận-bàn thì hai người ai cũng vì tình chủ-nhân mà kêu nài. Tôi nói : « Không phải thế ! Người thày-thuốc lấy điều hoãn-cấp (8) làm trước sau. Nay thấy Tào quận-công bệnh-thế trầm-trọng, lẽ tất-nhiên là việc cấp. Phu nhân Văn quốc-sư bị đau liên miên từ lâu, có cơ hoãn. Tôi xin ngày mai

(1) Quốc thủ : tay giỏi-giang nhất trong nước.
(2) Khuy-phạp : thiếu sót.
(3) Cô-lậu : hẹp-hòi.
(4) Tạo-sĩ : người đỗ khoa thi võ.
(5) Nghĩa-điệt : cháu nuôi đối với chú.
(6) Duy-Tiên : một huyện thuộc tỉnh Hà-nam.
(7) Ngoại-tộc : họ mẹ.
(8) Hoãn-cấp : thư thả và vội-vã.

Library HoangSa.Org

trước hết đến với Tào Quận-công, (1) ngày hôm sau sẽ đến thăm Văn Quốc-sư.» (2) Tôi bảo bà vợ Tri-phủ rằng : «Quí-bà nên về bẩm lại như vậy, chẳng phải tôi dám lơ-là biếng-nhác. » — Bà ta nói : « Nếu vậy thì ngày kế-tiếp sẽ sai người đến đón. » — Bà cáo-biệt, đi khỏi. Tôi nói với ông Tạo-sĩ rằng : « Dinh quan Quốc-sư cách đây rất xa, ban ngày nóng bức, lúc gà gáy sáng nên dậy khởi hành. Đêm hôm ấy tôi dặn năm tên người nhà đến đón.» Vừa nói xong đã thấy thuộc-viên đem năm người lính khoẻ-mạnh đeo quân-phù đi đêm đến đợi. Tôi lên thuyền, đến Trấn-Vũ (3) thì noi bờ trái Tây-Hồ mà đi, gần đến ngọ thì tới nơi. Kẻ hầu vào bẩm; rồi mời tôi vào phòng ngủ. Tôi bắt mạch. Tôi biết Quốc-sư bị đau vì ăn phải đồ lạnh. Tôi mới biện-chứng (4) và viết đơn thuốc. Quốc-sư coi xong than rằng : « Lão-sư nói lên bệnh-tình thật là mảy-may không sai, đơn thuốc rất thích-đáng (vị quan này cũng học-tập nghề thuốc) ». Nhân đây ông khen quan Điển-quận có trí sáng-suốt biết người, thật chẳng phải phụ cái công tiến-cử vậy, khen tôi thông-hiểu y-lý, một sớm được Cửu-Trùng biết đến, cũng chẳng phụ cái công học-tập của mình. — Tôi từ-tạ chẳng dám nhận là đúng. Ông sai con là quan Kiệu-hữu (5) mời tôi vào nhà riêng hậu-đãi và bằng lòng để tôi ra về. Lúc tôi xin vào chào biệt thì ông cho chước-miễn. Em ruột quan Quốc-sư là Bàn Quận-công (6) lại đón mời tôi hỏi thăm bệnh-tình người ốm. Tôi nói : « Mạch không có vị-khí, cái thế không còn xa nữa ». — Ông nghe nói vậy thì chỉ thở dài.

Hãy nói khi tôi đến nơi này thì thấy ở cửa dinh mấy chiếc quan-thuyền (7) buộc ở góc Tây-Hồ. Tôi mới nói với Bàn Quận-công rằng : « Ngày hôm nay nắng lắm, nếu theo đường bộ mà trở về thì rất mệt-nhọc, xin cho một chiếc quan-thuyền để dùng cho tiện ». Ông ra lệnh cho sáu người thủy-thủ sẵn-sàng chèo thuyền để tiễn hồi (8).

---

(1) Tào Quận-công : không rõ là ai.

(2) Văn Quốc-sư : Thời loạn kiêu-binh có Quốc-sư Nguyễn-Hoãn. Ông quán làng Lan-Khê, huyện Nông-Cống, tỉnh Thanh-Hóa, đỗ Tiến-sĩ khoa Quý-hợi (1743) làm Thái-phó, tước Viện quận-công. Ông có trông coi việc làm quốc-sử.

(3) Trấn-vũ : Tên đền thờ đức thánh Huyền-vũ ở phía bắc thành Thang-Long và trông ra Tây-Hồ.

(4) Biện-chứng : biện-luận và phân-tích chứng bệnh.

(5) Kiệu hữu : quân Kiệu thuộc cánh hữu. Kiệu và Nhương là tên hai cơ binh trong hàng ngũ kiêu-binh, tức là quân tam-phủ.

(6) Bàn Quận-công : chưa rõ Bàn Quận-công em Văn Quốc-sư là ai.

(7) Quan-thuyền : thuyền thuộc công-quyền.

(8) Tiễn hồi : đưa trở về.

Library HoangSa.Org

Tôi được lệnh ra khỏi dinh, lên thuyền mà về. Một lúc sau thuyền đến giữa hồ, lướt qua mặt một hòn núi đá. Màu trời sắc nước long-lanh trên mặt hồ ; cò dám le đàn bay-nhảy nơi góc bến. Cạnh đê tại mấy nơi Ly-cung, thụ-sắc âm-u hoặc ẩn hoặc hiện ; trong vùng là một dãy lâu-đài, hoa-cỏ tốt-tươi phô lục khoe hồng. Gác chuông chùa nọ, tiếng vang như giục mặt trời lặn ; thuyền đánh cá kia, câu hát dường tiễn bóng chiều tà. Tôi ở trong thuyền, khoái-ý khôn xiết kể, bỗng thấy ở đằng xa một nơi điện-các (1) nguy-nga, tùng-bách rợp đất, chèo thuyền thẳng tới mới biết đó là chùa Trấn-quốc (2).

Tôi sai chèo vào. Tôi bước lên bờ, ngồi trên ghế đá một mình, cạnh một cổ-thụ. Tôi đưa mắt coi đó đây một cách nhàn-nhã, bỗng thấy thổn-thức trong lòng, hai hàng giọt lệ từ từ tuôn rơi... Bọn người nhà tôi kinh-ngạc hỏi duyên-cớ. Tôi nói : « Thuở thiếu-thời tại Kinh, tôi cùng với mấy người bạn kết làm thi-xã (3), có ước với nhau là cứ về mùa xuân và mùa thu thì cùng đến Hồ-Tây tìm thú-vui. Mỗi khi đến lại chuẩn-bị rượu uống và đồ nhắm, thuê ba, bốn chiếc thuyền đánh cá bơi ra giữa hồ mà du-ngoạn, tiếng sáo tiếng ca vang dội tứ phía. Đêm khuya anh em vào chùa Trấn-Vũ ngủ lại, có khi năm ba ngày mới ra về. Đau lòng thay ! khách và bạn nay chẳng còn thấy ai nữa, cho nên ngày hôm nay thấy cảnh động lòng, như về phía tây mấy gốc cây già, bên nước hồ một dải rừng trúc, trước mặt là nước hồ, sau lưng là gác chuông, tất cả còn như xưa. Nay trông thấy vật lại tưởng-nhớ người ; nếu ruột-gan là sắt đá cũng phải mềm đi vậy ». Tôi gạt nước mắt, xuống thuyền để về nhà. Nhưng trong dạ trăm mối u-sầu vương-vấn, không tự cầm được, tôi mới ngâm một bài thơ để tả nỗi lòng :

Ba mươi năm cách-biệt Hồ Tây,
Cưỡi sóng đề thuyền trở lại đây.
Bờ nọ lâu-đài trên núi dựng,
Người đâu cười nói dưới hồ này.

---

(1) Điện-các : đền thờ thánh có nhà lầu.

(2) Chùa Trấn-quốc : nguyên chùa tên gọi Trấn-Bắc, thuộc phường Yên-Phụ, huyện Vĩnh-thuận, được dựng lên từ đời Trần. Đến đời Hậu-Lê, niên-hiệu Vĩnh-Tộ (1628) đời Lê thần-Tông chùa được tu-sửa lại, đổi tên là Trấn-quốc. Năm 1639, chúa Trịnh-Tráng trùng-tu lại chùa và đổi lại tên là Trấn-Bắc.

(3) Thi-xã : hội người làm thơ.

Library HoangSa.Org

Chuông rền Trấn-vũ vang làm cỏ,
Bóng ngả Ly-cung hằng sắc cây.
Phong-cảnh vẫn là phong-cảnh cũ,
Người xưa nào thấy buổi hôm nay !

Nguyên văn

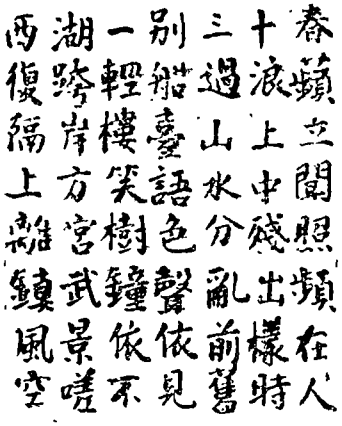

Phiên âm :

Tây-hồ nhất biệt tam thập xuân,
Phục khóa (1) khinh-chu quá lãng tần (2)
Cách ngạn lâu-đài sơn thượng lập,
Thượng phương (3) tiếu-ngữ thủy trung văn.
Ly-cung (4) thụ-sắc phân tàn chiếu
Trấn-vũ (5) chung-thanh loạn xuất tần.
Phong cảnh y-y tiền dạng (6) tại,
Không ta (7) bất kiến cựu-thời nhân...

(1) Phục khóa : lại cười.
(2) Lãng tần : Sóng rau tần. Trong làn sóng có rau tần. (tần là một thứ rau mọc dưới nước).
(3) Thượng-phương : trên trời (thiên-giới), ý nói nơi nào đó trong không gian, để tả tiếng cười nói từ chốn cao-xa đưa lại.
(4) Ly-cung : tên một cái cung của nhà vua.
(5) Trấn-vũ : coi chú-thích trang 131.
(6) Tiền dạng : dáng vẻ thuở xưa.
(7) Không ta : than vãn.

Library HoangSa.Org

Khi đi đến quán Trấn-vũ thì lên bộ mà về. Sáng sớm hôm sau, thấy người của quan Văn Quốc-sư đến mời đi. Tôi bảo người ấy đi trước, rồi bước theo sau. Tôi đến nơi kia, thấy cái dinh xưa của cha tôi và chú tôi thì tâm-tình buồn-bã, xuống cáng ngó trông. Hồ núi như xưa, nhưng cỏ hoa thuở trước nay đã thuộc về người khác. Tôi mới ngâm câu tứ tuyệt hoài cổ như sau :

Phú-quí đều là ảo,
Công-danh mới thực chân.
Trăm năm lưu tính-tự,
Miệng thế đề bia văn.

Nguyên văn

富貴皆為幻
勳名本自眞
百年留姓字
惟有口碑文

Phiên âm :

Phú-quí giai vi ảo, (1)
Huân-danh (2) bản tự chân.
Bách niên lưu tính-tự, (3)
Duy hữu khẩu-bi văn. (4)

Lại đi một cung đường nữa thì đến dinh quan Quốc-sư. Người đi hầu vào bẩm. Người con quan Quốc-sư là quan Thiêm-binh bước ra nghênh-tiếp, đưa tôi vào tư-thất, rồi lại mời tôi vào phòng phu-nhân nằm để bắt mạch. Coi bệnh xong, tôi đi ra nhà ngoài, thăm quan Quốc-sư. Tôi biện-luận về gốc bệnh, trình lên ngài xét, nhất nhất đều được như ý ngài. Tôi được quà tặng hậu-hĩ trước khi ra về.

(1) Ảo : mập-mờ, không thật. Chính âm đọc là huyễn, ta quen đọc ảo.
(2) Huân-danh : công-nghiệp và tiếng-tăm.
(3) Tính-tự : họ và tên.
(4) Khẩu-bi : bia miệng.

Library HoangSa.Org

Một ngày kia quan trấn An-Quảng (1) đến chỗ tôi ngụ, mời tôi về làng thăm bệnh cho mẹ. Nguyên vị quan này cùng tôi có tình-nghĩa đậm-đà với nhau. Ông có cố-bệnh (2), chẳng thể tới Kinh, đã nhiều lần mời-đón tôi. Nhân vì vợ người cháu tôi ở Kinh bị bệnh hộ-sản nguy-kịch, tôi phải dốc lực chữa trị, tôi đã thưa thực cả với ông, cái đó chẳng nói làm gì. Đến đây bệnh tạm bớt, tôi mới giao cho người học-trò của tôi coi-sóc thuốc-thang, rồi báo cho tôi biết bệnh-tình. Vị quan biết được như vậy thì mừng rỡ vì trông-cậy được vào tôi, ông vội đến trú-sở của tôi để mời tôi. Tôi nói : « Đã đành rằng đi thì đi, nhưng còn có việc khác nữa, không biết có đi được không ? » Ông ta kinh-ngạc, hỏi có việc gì. — Tôi đáp : « Tôi đến kinh-thành đã năm tháng nay, đường về làng cũ (3) cũng chỉ mất nửa ngày thôi mà không được đi, huống chi lần này vừa đi vừa về phải mất đến bốn, năm ngày ! » — Ông ta nói là sẽ đến dinh quan Chính-đường, nói thác là có việc gấp, khẩn-khoản xin thương tình, xem có được không. Rồi ông ta cáo-biệt mà ra đi. Một hồi lâu, tôi thấy ông quay trở lại, sắc mặt vui-mừng, bảo với tôi rằng : : Việc xong rồi, đại-quan có hứa cho vãng-phản trong bốn ngày ». Vì thế tôi vội-vã thu-xếp hành-trang (4). Tôi đã khiến người em họ đem lính bản-dinh đi theo, chờ tại ngoài cửa. Tôi lại sai gia-nhân và học trò giữ nhà. Tôi cáo-biệt vị quan này, ra đi, qua đò sông Nhị-Hà. Khi đến bến sông Bát-Tràng (5) thì trời đã tối đen, rất khó đi. Tôi thấy binh-lính mệt nhọc, mới đi ngủ. Sớm hôm sau lại khởi hành, vào khoảng giờ ngọ thì đến Nha-Thôn. Tôi trông ra xa, bỗng nghĩ rằng xứ này coi sao như quen-thuộc. Tôi cho bọn hành-nhân nghỉ-ngơi, rồi chống gậy đi du-lãm quanh bốn phía, thấy trong thôn-dân có cái chòi canh giống như xưa. Trước chòi là khoảnh đất cao, nơi đây xưa có đại-quân đóng đồn. Đi qua cái núi đá cao, chỗ cái cầu nhỏ bắc qua khe thì có một con đường lớn tiếp giáp một bên cầu mà tẽ ngang. Đó là dấu-vết đổ-nát của cái lũy thuở trước. Tôi lại còn hỏi các bô-lão thì đều nói như thế. Nguyên thuở xưa, giặc Bắc cuồng-bạo, người bạn thân của tôi phụng mệnh đi đôn-đốc việc binh, đóng quân tại đó. Đêm đến giặc kéo đến bổ vây. Giặc thì đông-đảo quã mà quân ta vừa ít vừa yếu. Nhưng giặc từ xa đến, thế chưa ổn-định. Vả lại cái thế lao-dật (6) đã rõ, phải đánh gấp ; nếu chậm-trễ thì tình-hình bên nhiều

(1) An-Quảng : vùng đất Quảng-Yên, thuộc miền trung-du Bắc-phần.
(2) Cố-bệnh : bệnh lâu năm.
(3) Làng cũ : làng Liêu-xá, tỉnh Hải-dương, quê cũ của Lãn-Ông.
(4) Hành-trang : những đồ dùng trong lúc đi đường.
(5) Bát-tràng : tên làng thuộc tỉnh Bắc-ninh, gần Hà-nội.
(6) Lao-dật : mệt-mỏi và nhàn-hạ ; ý nói đem quân nhàn-hạ đánh quân mệt-mỏi, theo câu chữ Hán thường nói là « dĩ dật đãi lao ».

Library HoangSa.Org

bên ít phơi bày ra, quân mình ắt rối-loạn mà không địch nổi. Bên ta mới chia quân noi bốn đường thừa lúc đêm tối xung-kích. Hai quân hỗn-chiến, đều tử-thương rất nhiều. Nhớ xưa nơi đây chỉ là đồng ruộng mà nay thì chùa miếu xây-cất huy-hoàng. Trong làng gà gáy chó cắn, bốn-bề nông-phu ca-hát. Sao mà hồi-phục chóng vậy ! Lại nhớ xưa quê-hương tôi đã trải hai mươi năm binh-lửa, vật tán nhân li, thế mà ngày nay trù mật hơn xưa. Thạn ôi ! Chỉ có một mình tôi đây là lòng phấp-phỏng không vui, khôn tự cầm-giữ, mới ngâm một bài thơ tả khúc nhôi rằng :

Nhớ xưa binh-lửa ngất Hồng-châu,
Dòng nước Kim-đồi máu một màu.
Thuở trước xương tàn mồ đã lắm,
Bây giờ lũy cũ cát vùi sâu.
Đêm nghe quỉ-khốc ai cùng oán,
Ngày lắng nông-ca chậm lại mau.
Đoàn-tụ cố-hương như thế đó,
Văn-thôn nhà cũ dựng từ lâu.

(Quê hương tôi có hai thôn : thôn Văn và thôn Vũ)

Nguyên văn

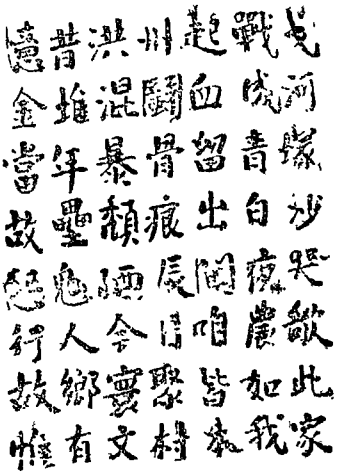

Library HoangSa.Org

Phiên âm :

Ức tích Hồng-châu (1) khởi chiến-qua,
Kim-đôi (2) hỗn-đấu huyết thành hà.
Đương niên bộc-cốt (3) lưu thanh-chủng, (4)
Cố-lũy đồi-ngồn (5) xuất bạch sa. (6)
Oán quỉ nãi thời văn dạ khốc,
Hành-nhân kim nhật thính nông-ca. (7)
Cố-hương hoàn-tụ (8) giai như thử,
Duy hữu văn-thôn bản ngã gia,
(Dư gia-hương hữu Văn Vũ nhị thôn.)

Ngày hôm ấy đi gấp, canh tư đến dinh quan trấn Hàm-giang (9) Tôi ngừng ở ven bên ngoài nghỉ-ngơi. Ngày hôm sau tôi vào dinh coi bệnh. Vì giao-tình (10) sâu-đậm, nên khi cáo-biệt, tôi cung-kính làm bái-lễ tôn phu-nhân. (Phu-nhân là vợ quan trấn Hưng-Hóa (11). Phu-nhân khước-từ, chẳng nhận, lại còn muốn giữ tôi ở lại. Tôi nói : « Chuyến đi này có hạn ngày, chẳng dám lưu lại ». Phu-nhân hậu-tặng tôi. Tôi từ-biệt ra đi. Xảy gặp em họ quan trấn Hưng-Hóa. Ông này trước kia tại Vĩnh-Dinh cùng tôi giao-tình thân-thiết, dắt tôi về nhà, một mực không cho ra đi ; tôi ngủ lại một đêm, cùng nhau kể-lể tình xưa, đến sáng hôm sau, tôi từ-giã ông mà về kinh. Tôi bảo bọn người đi theo rằng : « Trước đây tôi phải đi gấp là sợ có lệnh triệu, ngày nay trên đường về, tôi cho phép nghỉ-ngơi » — Họ được lệnh rất vui-mừng, thủng-thẳng mà tiến bước. Phải mất hơn hai ngày mới về tới nhà trọ. Quan An-Quảng nghe biết sự-việc. Tôi nói : « Tôn

(1) Hồng-châu : tên đất thuộc tỉnh Hải-dương.
(2) Kim-đôi : địa-danh.
(3) Bộc-cốt : xương phơi ra — Bộc cũng đọc bạo.
(4) Thanh-chủng : mồ xanh, tức là mộ có cỏ mọc.
(5) Đồi-ngồn : dấu vết đổ nát (ngồn là dấu-vết, ta hay đọc ngần).
(6) Bạch-sa : bãi cát trắng.
(7) Nông-ca : Tiếng ca hát của nông-dân.
(8) Hoàn-tụ : quây-quần với nhau.
(9) Hàm-giang : tên trấn thuộc tỉnh Hải-dương, que quận-công Đinh-văn-Tả và cháu xa đời của ông là Đinh-nhạ-Hành.
(10) Giao-tình : tình bè-bạn.
(11) Hưng-Hóa : một khu-vực thuộc tỉnh Phú-Thọ, ở hữu-ngạn Đà-Giang. Năm 1930 Nguyễn-khắc Nhu tục gọi Sử Nhu, đảng-viên Việt-Nam quốc-dân đảng đánh Pháp ở đồn Hưng-Hóa, tức là nơi đây.

Library HoangSa.Org

phu-nhân mạch hòa-bình, điều-trị chẳng khó, quân-hầu chẳng nên lo-sợ điều gì ». Ông ta mừng-rỡ khôn xiết, nói rằng : « Cả nhà tôi trông-cậy Bác. Mẹ tôi sớm được yên-lành thì dẫu có ngàn vàng đền-đáp cũng chưa xứng. Tôi sẽ gắng sức báo cái ơn tri-ngộ (1) này.» — Hai người cười nói một lúc rồi cùng nhau từ-biệt (khi này quan An-Quảng có việc công về kinh đã mấy tháng rồi, nay mới về trấn).

Ngày kia tôi thấy trong tráp Đặng tiểu-thư có một tập thơ Quốc-âm. Xem ra là ba mươi bài thơ Cung-oán. Tôi hỏi : « Người nào đã sáng-tác những bài ấy ? » — Đáp : « Quan Tiền-ninh soạn ». — Tôi hỏi : « Hiền-điệt thấy thế nào ? » — Tiểu-thư đáp : « Lời thơ thanh-tân nhưng khổ-tứ (2), thiếu thành-thực, thơ chưa được khéo-léo ». — Tôi nói rằng : « Hiền-điệt nói lên được cái quí-ý (3) của thơ, ý quí do người nghĩ-ngợi mà có được, chẳng hoàn-toàn tại lời. Đó là thượng-cách của thơ ». Tiểu-thư nói rằng : « Trong kinh-thành truyền nhau ghi chép rất nhiều và cũng đã chọn cho vào nhạc-phủ (4). Xin tôn-bá (5) nghĩ kỹ một bài, chẳng để kẻ khác tranh tiên có được không ? » — Tôi cười, nói rằng : « Nói dễ làm khó, chưa chắc đã được đâu, hiền-điệt hãy soạn trước, ta sẽ họa lại ».

Tiểu-thư theo lời, xướng trước (đáng tiếc là bài thơ bị thất-lạc, nên không chép lại được). Tôi nói rằng : « Hiền-điệt có tứ thơ thiên-nhiên, thật chẳng thẹn là con nhà thơ ». Tôi họa như sau :

Sáu cung thăm-thẳm trọn ngày nhàn,
Một tiếng cầm ve nhặt lại khoan.
Mây ruổi chẳng kinh vầng nhật xế,
Xuân về thêm tiếc cánh hoa tàn.
Xiêm nghê lồng vóc quên đường nhạc,
Khúc phượng ngừng tay lẫn nhịp đàn.
Từ nhớ Thượng-dương (6) mai với tuyết,
Dáng còn mường-tượng vẻ long-nhan.

---

(1) Tri ngộ : biết mình mà hậu-đãi mình.

(2) Khổ-tứ : nói những tư-tưởng gò bó, ép-buộc.

(3) Quí-ý : ý-nghĩ qui-giá.

(4) Nhạc-phủ : Hán vũ-đế định lễ tế giao, mới lập ra nhạc-phủ, cho Lý-diên-Niên làm Đô-úy Hiệp-luật ; nhạc-phủ bắt đầu từ đó. Về sau ở triều-miếu mà dùng đến nhạc (nhạc-chương) đều gọi là nhạc-phủ. Rồi sau nữa các ca-khúc đều gọi là nhạc-phủ. Phàm có đàn và sáo thì cũng là nhạc-phủ cả.

(5) Tôn bá : bác, tức là anh cha mình.

(6) Thượng-dương : tên một cái cung vua. Cung xây đời vua Đường Cao-Tông, nay còn nền cũ ở huyện Lạc-dương, tỉnh Hà Nam.

Library HoangSa.Org

Tiểu-thư nói rằng : « Thơ của tôn-bá ý tại ngôn ngoại, có thể dùng làm khuôn-mẫu cho kẻ học làm thơ. Cha tôi xưa đã có nói về điểm này rồi. » — Tôi nói : « Tuy chẳng được thấy cha cháu mà được cùng cháu xướng-họa, lòng này được an-ủi về sự vĩnh-biệt kia. » Tôi lại tiếp : « Cha cháu xưa chán sự thịnh-mãn (1), muốn bỏ quan về làm ruộng, ngao-du chốn rừng núi, nhàn-dưỡng tuổi trời, với ý ấy có đòi ta làm thơ. Bác đọc cho cháu nghe, cháu hãy bình-duyệt một lượt xem. ». Tôi mới đem thơ ra cùng với tiểu-thư xem-xét ; có bài bảy chữ rằng :

Tạm bỏ ô-cân dận thảo-hài,
Cố-sơn đàn-kiếm trở về thôi !
Trồng rau đóng cửa anh-hùng thú,
Câu nguyệt bừa mây khoáng-dật đời.
Sẵn rượu bên đầm vầng nguyệt chiếu,
Ôm đàn dưới cửa rặng hoa khai.
Cười lừa bóng xế ngang đầu núi,
Sáo vắng mục-đồng khúc Lạc-mai.

Phiên âm

Tạm khước ô-cân (1) lí thảo-hài (2)
Mang huề (3) cầm-kiếm cố-sơn lai.
Bế môn (4) chủng thái (5) anh-hùng thủ.
Điếu nguyệt (6) canh vân (7) khoáng-dật hoài (8)
Chước tửu trì-biên (9) song nguyệt (10) khuyến,
Phủ cầm song-hạ bách hoa khai,
Kỵ lư mỗi quá tà-dương lĩnh,
Mục-địch (11) thời văn xướng Lạc-mai (12)

(1) Ô-cân : khăn đen, thứ khăn bịt đầu của các quan xưa dùng.
(2) Thảo-hài : giày cỏ, thứ giày của kẻ bình dân hoặc của kẻ tu-hành dùng.
(3) Mang huề : vội-vã ôm và dắt.
(4) Bế môn : đóng cửa.
(5) Chủng thái : trồng rau.
(6) Điếu nguyệt : đi câu ở dưới bóng trăng.
(7) Canh vân : cày mây, cày ruộng ở dưới bóng mây.
(8) Khoáng-dật hoài : bụng được thong-dong, nhàn-hạ (hoài là bụng).
(9) Trì biên : bên ao.
(10) Song nguyệt : hai mặt trăng, một trên trời, một dưới nước.
(11) Mục-địch : sáo của đứa chăn trâu (địch là sáo).
(12) Lạc-mai : hoa mai rụng, đây chỉ tên một khúc hát.

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

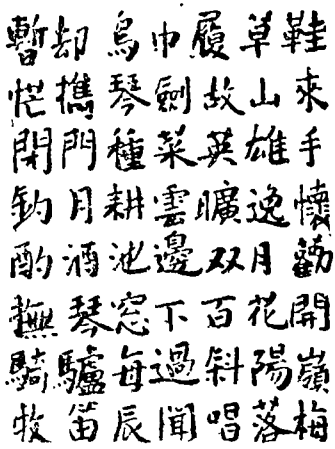

Bài năm chữ như sau :

Bài 1 :

Hễ được nhàn là ổn,
Cần chi đến thạch-lâm !
Dịch soi tường tồn-ích,
Lý hội rõ thân-tâm.
Vườn rộng chim tìm đậu,
Ao sâu cá nỏi tăm.
Khách thăm khôn lẽ nói :
Thỏi sáo hỏi tri-âm !

Phiên âm :

Đặn đắc nhàn vi ổn, (1)
Hà tu nham-hác thậm.
Dịch cùng (2) tri tồn-ích,
Lý hội (3) kiến thân-tâm.
Trì tình khan ngư dược,
Viên u (4) hứa điểu tầm.

(1) Vi ổn : làm yên-ổn (nói điều được vừa ý).
(2) Dịch cùng : thông suốt ý nghĩa của Dịch-học.
(3) Lý hội : xem kết đạo-lý để hiểu rõ.
(4) Viên u : vườn thích-mịch và yên-ổn.

Library HoangSa.Org

Khách lai vô khả thuyết,
Suy địch vấn tri-âm.

Nguyên văn

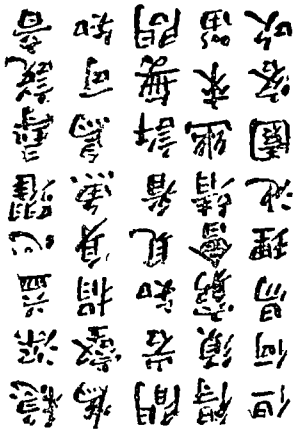

Bài 2 :

Nay dẫu cao-minh sĩ
Lạt-cay ít kẻ mong.
Cúc Bành-Trạch rượu sẵn,
Cờ Tạ-an hứng nồng.
Việc trước người như thế,
Tình đời nay hẳn không.
Cò âu vui kiếm bạn,
Vạn sự cười là xong !

Phiên âm :

Cận đại cao-minh sĩ, (1)
Cam tâm cam-đạm hi. (2)
Tửu tàn Bành-Trạch cúc, (3)
Cục biến Tạ-An kỳ. (4)

(1) Cao minh sĩ : kẻ giỏi-giang và sáng-suốt.
(2) Hi : hiếm có.
(3) Bành-Trạch : coi chú-thích ở phía trên.
(4) Tạ-an : Người ở Dương-hạ, về đời Tấn; nổi tiếng từ nhỏ là người tài-giỏi, ẩn cư ở Đông-sơn thuộc Cối-Kê, sau được Hoàn-Ôn trưng-dụng cho làm quan Tư-mã, thăng chức thị-trung. Khi Phù-Kiên tiến đánh Hoài, Phì, ông làm Đại Đô-đốc, phá tan quân địch được thăng Thái-bảo, lúc mất được tặng Thái-phó.

Library HoangSa.Org

Văng-sự đa như thị,
Nhân-tình cánh giác phi.
Nhàn tầm âu-lộ tích,
Nhất tiếu thả vong cơ ! (1)

Nguyên văn

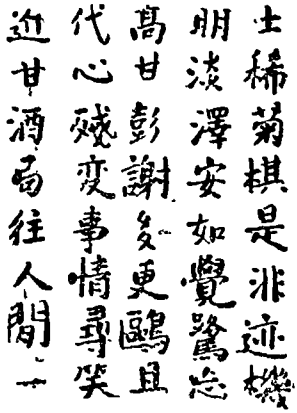

Bài 3 :

Kẻ sĩ ai chị nấy,
Thân nhàn thế cũng vinh.
Văn-chương muôn thuở trọng,
Lưu-khứ một thân khinh.
Hồ rượu bên hoa quí,
Tiếng đàn dưới nguyệt thanh.
Mới hay tình khoáng-đạt,
Cõi thế chẳng cầu danh !

Phiên âm :

Phàm sĩ các hữu chí.
Tâm nhàn thân tự vinh.

(1) Vong cơ : quên cái cơ-xảo của người đời.

Library HoangSa.Org

Văn-chương thiên cổ trọng,
Khứ-tựu (1) nhất thân khinh. (2)
Tửu mỹ hoa tiên sắc,
Cầm tặng nguyệt hạ thanh.
Ưng tri u-dật thú,
Năng tạ (3) thế-gian danh.

Nguyên văn

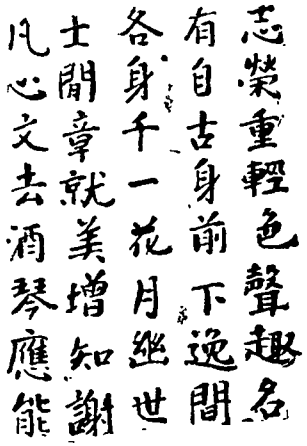

Bài 4 :

Bốn mùa nhiều cảnh đẹp,
Thơ rượu mảng say-sưa.
Mai khóm trăng vừa ló,
Sen ao gió thổi qua.
Bách-tùng vang sáo thổi,
Lan-cúc thoảng hương đưa.
Đây thú u-nhàn hưởng,
Bọn chài hát bóng tà...

(1) Khứ-tựu : cũng như khứ-lưu, có nghĩa là bỏ đi hay ở lại. Ý nói không có điều gì ràng buộc mình.
(2) Thân khinh : thân nhẹ, ý nói không vướng-víu gì.
(3) Năng tạ : Hay từ-tạ, từ-bỏ được.

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

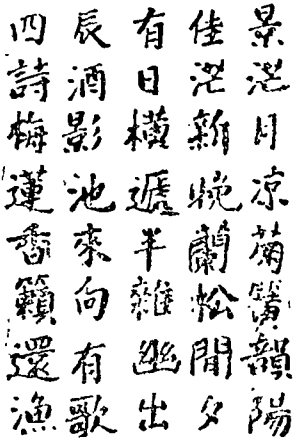

Phiên âm :

Tứ thời hữu giai-cảnh,
Thi-tửu nhật mang-mang. (1)
Mai-ảnh hoành tân-nguyệt,
Liên-trì đệ văn-lương.
Hương lai bán lan-cúc, (2)
Lại hướng tạp tùng-hoàng (3)
Hoàn hữu u-nhàn vận,
Ngư-ca xuất tịch-dương

Tiều-thư xem xong nói rằng : « Từ lâu bác ở Vân-Hương, cái khí-vị của yên-hà đã được chứa-chất trong người bác, cho nên phát-tiết cái thanh-dật, phô-bày cái sắc đẹp vậy. Thương thay ! Cha cháu ở chín suối có biết lúc nầy bác cùng cháu đang phẩm-bình thi-chương

(1) Mang-mang : mờ-mịt, ý nói mỗi-miết ngày ngày với thơ rượu.

(2) Lan-cúc : cỏ lan và cây cúc. Lan là thứ cỏ có hoa thơm ; — cúc là thứ cây nhỏ, hoa cánh nhỏ và nhiều nở về mùa thu.

(3) Tùng-hoàng : Tiếng nhạc trong cây thông, ý nói thông reo nghe như tiếng nhạc.

Library HoangSa.Org

chăng ? » — Chúng tôi đang bình-duyệt thì thấy gia-đồng báo có người nhà quan Vũ Hiến-phó (1) gửi giấy đến. Tôi sai người đem giấy lại coi thì là một bài thơ gửi đến. Tôi trao thơ cho tiểu-thư mà bảo rằng : « Thử coi xem ra sao ». — Tiểu-thư xem xong nói rằng : «Phóng-đật (2) mà êm-ái, cái tài thật là lão-luyện ». — Tôi nói : « Vị quan này là danh-nho ở Hoan-châu, ngâm-vịnh rất hay. »

Nguyên người con thứ tư của Vũ Hiến-phó mới đỗ tạo-sĩ (3). Ông Hiến-phó tới kinh, thì còn chưa kịp vinh-qui (4). Ông vốn cùng quan Chính-Đường có giao-tình từ trước, mỗi lần tới thăm, thường trò-chuyện với Quận-hầu. Nhân đó ông mới gửi bài thơ này cho tôi. Tôi nói với tiểu-thư rằng : « Cái việc xin về núi đã nhiều lần cậy Quận-hầu ra sức giúp-đỡ mà vẫn chưa xong, nhân có bài thơ này hãy họa lại để gửi hứng vào đó ». Tôi mới ngâm rằng :

Thôn cũ ngày về vẫn đợi chờ,
Đô-môn gậy chống bước chân ra,
Dưới trăng tự vịnh ba canh vắng,
Trong mộng truyền ngôn vạn dặm đưa.

Ngâm được bốn câu rồi, tôi bảo tiểu-thư rằng : « Nhất thời tôi tưởng nhớ cái vui-thú yên-hà, nay trong cảnh lữ-thứ lần lữa, tình và lời không phát ra được, vậy hiền-điệt hãy theo nguyên-vận tiếp thêm cho bốn câu nữa để hoàn-tất bài thơ. » — Lúc đầu tiểu-thư giữ lễ còn chối-từ, sau tiếp rằng :

Phương-tiện cứu nhân thuyền đã sẵn,
Đảm-đang trọng-trách đức truyền xa.
Ngậm vành kết cỏ, còn mong báo,
Trời đất dài-lâu nghĩa đậm-đà.

---

(1) Không rõ ông Hiến-phó họ Vũ này là ai, được coi là danh nho ở Hoan-châu. Hiến-phó tức là Hiến-sát phó sứ coi về việc hình cùng với Hiến-sát chánh sứ trong một đạo.

(2) Phóng-đật : buông-thả và nhàn-hạ.

(3) Tạo sĩ : Thời Lê năm tân-hợi (1731) định lại thể lệ thi võ : Thi sơ cử ba kì, trúng hai kì gọi là sinh-viên, trúng cả ba kì gọi là *biền-sinh* (biền là quan võ). Thi bác cử cho các biền-sinh, các viên xuất thân do quân binh ; trúng cả ba kì gọi là *tạo-sĩ*, trúng hai kì cũng được chiếu lệ bổ dụng. Kỳ đệ tam ngoài các môn võ-nghệ, thi một đạo văn sách hỏi sơ lược về sách Thất thư để học lực, và hỏi tường tận về phương lược để xem tài năng. Sơ-cử mở những năm Tí Ngọ Mão Dậu, Bác cử mở những năm Thìn Tuất Sửu Mùi, cùng như thi Hương thi Hội vậy.

(4) Thời đại khoa cử xưa, những người thi đỗ lúc trở về được dân làng hay dân tổng đón rước về vang.

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

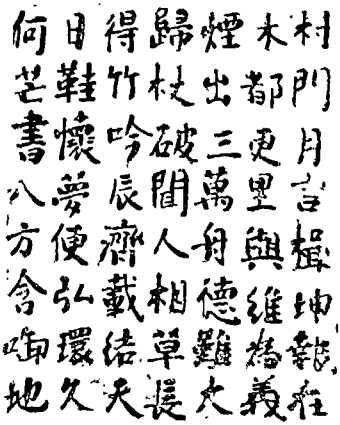

Phiên âm :

Hà nhật đắc qui yên-mộc thôn,
Mang hài (1) trúc-trượng (2) xuất đô-môn (3).
Thư hoài ngâm phá (4) tam canh nguyệt,
Nhập mộng thời văn vạn lý ngôn.
Phương-tiện tế nhân chu dữ tiếp (5),
Hàm hoằng (6) tái tướng (7) đức duy khôn.

(1) Mang hài : giầy cỏ.
(2) Trúc-trượng : gậy trúc.
(3) Đô-môn : cửa kinh-thành.
(4) Ngâm-phá : ngâm vang.
(5) Tiếp : mái chèo.
(6) Hàm hoằng : ngậm rộng.
(7) Tái tướng : giúp đỡ. Trong *Dịch khôn* có câu : « Quân-tử dĩ hậu đức tái vật » tức là người quân-tử đem cái đức dày của mình mà sanh sóc mọi vật. Ý nói mong người trên thi ân cho mình.

Library HoangSa.Org

Hàm hoàn (1) kết thảo (2) nan vi báo,
Địa cửu thiên trường (3) đại nghĩa tồn.

Tôi nói rằng : « Lời và nghĩa nối liền với phần trên rất gắn-bó. » Tôi bao bài thơ lại mà gửi đến Quận-hầu, Việc này khỏi nói nữa.

Một ngày kia, hai lão-ni (4) đến chỗ tôi ngụ nói rằng : « Chùa Huê-cầu (5) đúc chuông lớn, công-quả (6) chưa thành, chúng tôi đến đây khuyến-hóa (7). Một ni nói : « Tôi trú-trì (8) ở chùa núi An-tử » (9). Một ni kia nói : «Tôi là con gái quan Tả-thừa ti Sơn-nam (10), quê ở Huê-cầu. » — Tôi nghe nói giật mình như tỉnh giấc mơ, mời họ vào nhà ngoài, hỏi nhỏ một tiểu-cô trong bọn tòng-hành, mới biết đích đây

---

(1) Hàm hoàn : ngậm vành. Ý nói trả ơn. Dương-Bảo đời Hán, khi chín tuổi, đi chơi thấy một con chim hoàng-anh bị thương nằm ở gốc cây, đem về nhà nuôi trong hơn ba tháng. Khi chim đủ lông cánh, Bảo thả nó ra cho bay đi. Đêm đến, một gã thiếu-niên mặc áo vàng đến lạy Dương-Bảo và nói : « Tôi là sứ-giả của bà Tây-Vương-mẫu, ông đã cứu tôi được toàn tính-mệnh, tôi cám ơn ông ». Rồi đưa cho Dương-Bảo bốn cái vòng ngọc trắng.

(2) Kết thảo : kết cỏ. Ý nói trả ơn. Thời xuân-thu, người nước Tấn là Ngụy-Thù có người thiếp yêu là Tổ-Cơ. Mỗi khi Ngụy-Thù đi đánh giặc, lại dặn con là Ngụy-Khỏa : « Nếu ta ra trận mày chết, mày nên gả Tổ-Cơ cho một người nào tử-tế ». Đến lúc Ngụy-Thù ốm nặng lại dặn Ngụy-Khỏa : « Khi ta chết rồi, mày đem Tổ-Cơ chôn theo ta ! » Ngụy-Thù chết. Ngụy-Khỏa gả chồng cho Tổ-Cơ và nói : « Người hiếu-tử theo trị-mệnh, chẳng theo loạn-mệnh ». Đến khi Ngụy-Khỏa đánh quân Tần ở Phụ-Chí, thấy một ông già kết cỏ lại làm vướng chân tướng Tần là Đỗ-Hồi. Đỗ-Hồi mỗi bước lại ngã một cái, nên bị quân Tấn bắt sống. Đêm ông già báo mộng cho Ngụy-Khỏa biết : « Ta là cha Tổ-Cơ, nhà ngươi biết dùng trị-mệnh của tiên-nhân nên ta kết cỏ để báo ơn ».

(3) Địa cửu thiên trường : đất lâu trời dài. Có nghĩa là lâu dài (cái đại-nghĩa cứu-giúp người sẽ còn lưu-truyền mãi-mãi). Mấy chữ này trích trong bài *Trường hận ca* của Bạch-cư-Dị đời Đường : « Thiên trường địa cửu hữu thời tận » có nghĩa : trời dài đất lâu có khi hết. Câu tiếp và là câu chót : « Thử hận miên-miên vô tuyệt kỳ » có nghĩa : Hận này dằng-dặc biết đâu cùng.

(4) Lão-ni : người đàn bà đi tu đạo phật, tuổi đã già.

(5) Huê-cầu : tên làng thuộc huyện Văn-giang, Bắc-Ninh.

(6) Công-quả : hiệu-quả của một việc đã thành.

(7) Khuyến-hóa : quyên-trợ.

(8) Trú-trì : nói về sư làm chủ coi một ngôi chùa.

(9) An-tử sơn : Tên quả núi ở huyện Đông-Triều, tỉnh Hải-dương. Tục truyền rằng An-Kỳ-Sinh xưa tu ở đấy, nên gọi là An-tử. An-Kỳ-Sinh là một vị tiên người đời Chiến-quốc bên Tau.

(10) Sơn-nam : vùng tỉnh Nam-định.

Library HoangSa.Org

là « tiểu-nhân » (1) của tôi vậy. Tôi nghĩ thầm : người này không biết mình mà lại đây, thật là một việc lạ. Mình nên nói tính-danh ra để xem ý-tứ thế nào khắc hiểu rõ ». Tôi nói : « Tôi là người xã Liêu-xá, lánh nạn di-cư đến Hoan-châu, ở Hương-sơn là quê mẹ, chẳng dè phải triệu về kinh. Nhà trọ tiêu-điều tuy có hằng-tâm nhưng biết làm sao được ». Khi ấy chỉ thấy ni-cô chùa Huê-cầu, mặt đỏ bừng, vẻ thẹn-thùng, bảo ni-cô chùa An-Tử rằng : « Chúng ta nên đi đi thôi ! » Tôi lưu họ lại không được, mới mang ra một số hương-tiền để cúng nhà chùa. Tôi hỏi : « Hai lão-ni trọ tại nơi nào ? ». Họ đáp rằng : « Chưa có nơi nào » rồi từ-biệt đi khỏi. Tôi vội gọi một tên người nhà linh-lợi bảo đi theo sau họ, tại dặn không được để họ biết. Khi đến chỗ trú-ngụ của họ thì hỏi dò xem họ đến đây từ bao lâu rồi, còn lưu-trú bao nhiêu ngày nữa. Tên người nhà được lệnh ra đi, ước hơn hai giờ sau thì trở về. Y nói : « Hai ni-cô trú tại chùa Liên-Tông, mới đến đây được vài ba ngày, còn ở kinh nhiều ngày nữa để khuyến-hóa. Ngày hôm sau tôi gọi học-trò tôi tên Tài đến mà bảo rằng : « Ta có một việc khá đặc-biệt, nhờ anh vì ta hết lòng lo-liệu ». — Anh ta nói : « Nếu đệ-tử phải khó-nhọc thì cũng là phận-sự của mình, đâu dám chối-từ ». — Tôi nói : « Thuở nhỏ ta cầu thân với con gái quan Tham-Chính Thừa-Ty Sơn-Nam xưa ở xã Huê-Cầu, đã nạp đủ lễ vấn-danh (2) và lễ nạp-thái (3). Vì việc bị cản-trở, ta mới phải từ hôn (4), hồi-cư Hương-Sơn. Mãi sáu bảy năm sau ta về kinh, nghe nói vị quan ấy đã từ trần. Còn người đàn bà làm cho ta chú-ý hôm nay, ta có dò hỏi, người ta nói rằng người đó rất kỳ-quái : Nghe nói năm xưa có một công-tử đến cầu-thân và đã nạp trọn sáu hôn lễ mà việc cũng không xong. Người con gái nói rằng : « Đã có người hỏi mình làm vợ thì mình đã có chồng rồi, chẳng qua vô phận mà chồng bỏ, nay còn mặt-mũi nào mà lấy chồng khác ! » Cô ta thề chung-thân ở vậy thôi. Tôi nghe biết vậy thì tâm-thần kinh-loạn (5), than rằng : Vì ta đã bất cẩn trong việc này, có thủy mà không có chung, khiến cho người mang hận mà ta lại có tội là người bạc-bẽo. Ta bối-rối không biết làm cách nào để gỡ cái mối ra, mới vội-vã đến xã Huê-cầu mà tìm hiểu sự việc.

---

(1) Tiểu-nhân : tiếng dùng riêng để chỉ người đàn bà đối với mình đã có quan-hệ về tình-cảm.

(2) Vấn danh : một lễ trong việc hôn-nhân, hai bên trao-đổi cho nhau tờ biên tên trai gái.

(3) Nạp thái : lễ đưa đồ dẫn cưới.

(4) Từ hôn : từ bỏ việc hôn-nhân.

(5) Kinh-loạn : kinh-ngạc và rối-loạn.

Library HoangSa.Org

Người làng, như trên đã nói, trong số mười người thì bảy, tám người nói là ngày phụ-thân cô ta tạ-thế, người anh ép gả bà cho một sinh-đồ (1) trong làng để lấy tiền lo việc tang. Bà ta không thuận. Có kẻ nói rằng nhà quan khi đã sa-sút, kẻ cao-sang không tìm đến, kẻ thấp-hèn không dám cầu xin, vì thế ở góa đến giờ. Ta nghe nói lòng cũng tạm yên, rồi trở về Hoan-châu. Đến nay ta gặp lại người ấy, thấy cảnh cô-khổ (2) như vậy, chẳng kể hữu tình hay vô tình, việc há chẳng có mầm-mối ở ta sao ? — Cái kế-sách ngày nay là bảo-dưỡng (3) người ấy đến hết đời mới có thể chuộc cái lỗi trước. Ta còn ở kinh đợi lệnh sai bảo thì việc chu-cấp không khó gì, thảng-hoặc trở về núi thì giúp-đỡ sao được, vì đường-xá cách-trở. Nếu bà ta thuận về Hoan-châu thì chỗ ta ở có cái vườn là nơi vắng-vẻ ; ở đó anh ta đã sáng-tạo một cái chùa nhỏ, có thể cung cấp đèn nhang, mùa đông cũng như mùa hè, lạnh-ấm đều sẽ do ta lo-liệu, một là để báo-đáp cái cao-tiết (4) của bà ta, một nữa là để chuộc cái lỗi của ta. Cần hỏi kỹ để biết cái tình-tiết (5) về trước, rồi trình-bày dự-định của mình một lượt để xem bà ấy có ưng-thuận không, để rồi ta trù-liệu công việc ». Tôi sai mua một ít thời-vật (6) đem tặng làm tin. Người được giao-phó công việc, y lời ra đi, đến chiều tối thì trở về. Y nói : « Tôi đến chùa Liên-tông, thừa lúc vắng-vẻ mà nói chuyện. Bà ấy cố cầm giọt lệ, đáp rằng : « Quan-nhân có hậu-tình, còn tôi chẳng gặp chồng, cái thân cô-khổ cũng là do số-mệnh vậy, đâu có dám oán-trách ai, một đời sống tàn sao đáng tiếc. Có điều làm cho suy-nghĩ là nhìn quanh không người thân-thích, phần mộ tiên-nhân không người cúng-tế quét-tước, há chỉ lo cho thân mình mà đến quê người độ-sinh hay sao ? — Ông hãy trở về trả lời với quan-nhân là tôi tuy chưa được nhờ ơn-đức quan-nhân mà nay được biết tấm lòng tốt này cũng an-ủi cảnh linh-lạc vậy ». Tôi lấy làm thương tình, mới đãi lòng trong một bài thơ như sau :

Việc đã hại người chẳng tính ra,
Nhìn nhau buồi ấy xót lòng ta !
Một cười tình bạn mà rơi lệ,
Hai mắt xuân tàn mới ngó hoa.

---

(1) Sinh-đồ : người thi đỗ khoa thi hương xưa, nhưng vào bậc dưới.
(2) Cô-khổ : cô-đơn và khổ-hạnh.
(3) Bảo-dưỡng : giữ-gìn và nuôi-nấng.
(4) Cao-tiết : cái khí-tiết cao-quí.
(5) Tình-tiết : sự-tình đầy-đủ.
(6) Thời-vật : phẩm-vật trong mùa.

Library HoangSa.Org

Cuộc sống anh em lo giữ nghĩa,
Kiếp sau ao-ước sống chung nhà.
Ta không phụ-bạc dù ai phụ,
Nào biết làm sao nỗi ấy a ?

Nguyên văn

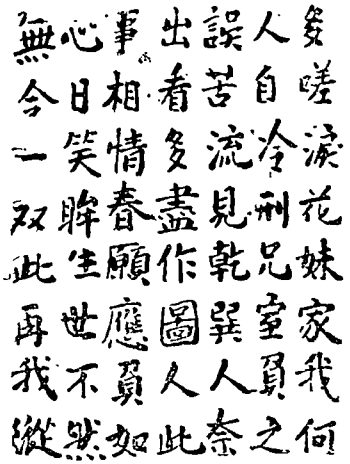

Phiên âm :

Vô tâm sự xuất ngộ nhân (1) đa,
Kim nhật tương khan (2) khổ tự ta (3).
Nhất tiếu tình đa lưu lãnh-lệ, (4)
Song mầu (5) xuân tận kiến hình-hoa (6).
Thử sinh nguyện tác can huynh-muội (7),
Tái thế ưng đồ tốn thất-gia (8).

(1) Ngộ nhân : làm cho người khác bị phiền-lụy.
(2) Tương khan : cùng trông nhau.
(3) Tự ta : than-văn, than-phiền.
(4) Lãnh-lệ : giọt lệ lạnh-lẽo.
(5) Song mầu : hai con người.
(6) Hình-hoa : hình-bóng của cái hoa. Ý nói không nom rõ được chân-dung của cái hoa. Vì hoa nay đã tàn, chỉ còn là hình-bóng cái hoa xưa mà thôi. (Hoa chỉ « tiều-nhàn » của Lãn-Ông).
(7) Can huynh-muội : được coi như anh trai em gái, chứ không phải anh em ruột thịt. Can là hở, không có sự thực.
(8) Tốn thất-gia : vợ chồng thuận-hòa. Tốn là thuận-hòa. Tác-giả dùng chữ tốn đối với chữ can, cũng đọc Càn là hai quẻ trong bát quái, (bát cung quái-tượng).

Library HoangSa.Org

Ngã bất phụ nhân nhân phụ ngã,
Túng-nhiên (1) như thử nại chi hà ?

Từ đó thời-thường qua-lại thăm hỏi nhau. Bà ấy nói là ở Nghệ-An có nhiều gỗ đóng quan-tài (2), bà xin mua cho bà một cỗ. Tôi sai người đi kiếm, nhưng chưa được. Ngày tôi được thả cho về, tôi trao cho người lo việc ấy năm quan tiền cổ để tìm mua bán mà tặng bà ta. Đó thuộc về việc sau, không nói đến.

Hãy nói một đêm kia, tôi được nhàn-hạ, mới bày một tiệc rượu để cùng học-trò cùng uống. Giữa trời một vầng trăng sáng như bạc, trong sân hoa cỏ đều ngậm móc trong, tỏa ra một mùi thơm mát dịu. Tuy tửu-lượng (3) rất kém, tôi cũng gắng uống vài ba chén để gây hứng. Rượu chuếnh-choáng, tôi xướng lên chủ-đề bài thơ là « Thuật-hoài đêm trăng thu uống rượu », lấy chữ *ngân* làm vần. Tôi cùng với bọn học-trò cùng nghĩ thơ. Tôi đọc trước rằng :

Vằng-vặc vầng trăng sáng,
Bầu trời sắc tựa ngân.
Chén đầy bóng quế ẩn,
Rượu tỉnh mùi hương gần.
Trước mặt một hồ rượu,
Xa quê vạn dặm thân.
Lữ-hoài lời góp nhặt,
Hứng dậy vịnh thơ thần !

Phiên âm :

Phiến nguyệt bạch như ngân,
Phù không (4) sắc sắc tân.
Bôi trung hàm quế-ảnh (5),
Túy hậu hãn-hương (6) văn.

---

(1) Túng-nhiên : nếu mà, ví phỏng.
(2) Quan-tài : hòm đựng xác người chết.
(3) Tửu-lượng : sức uống được nhiều hay ít rượu.
(4) Phù không : nổi ở trên không.
(5) Quế ảnh : bóng cây quế, ý nói bóng trăng, cũng như nói cung quế, cây quế trên mặt trăng.
(6) Hãn-hương : mùi thơm tan-biến đi (hãn là tan rã).

Library HoangSa.Org

Tương đối nhất tôn-tửu (1),
Tương khan thiên lý thân.
Lữ-hoài (2) tuy lão thảo,
Giai-hứng (3) động thi thần (4)

Nguyên văn

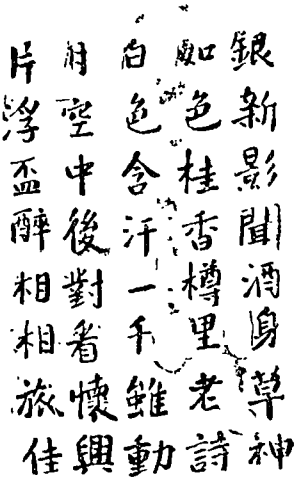

THƠ HỌA CỦA MÔN-NHÂN

(Cũng còn vài ba bài nữa mà chẳng muốn sao lục). *Câu này do Lãn-ông ghi-chú.*

Đời người thích chí lúc quây-quần,
Dưới nguyệt nâng bôi sắc tựa ngân.
Bóng quế chén đầy soi bạch-nguyệt,
Cõi người gió thổi sạch hồng-trần.
Chém xà nhờ đó phô tài thánh,
Giúp Hán xem ra cũng sức thần.
Gặp được đêm thanh thêm ngẫu-hứng,
Đầy-vơi qua lại rượu bao tuần !

---

(1) Tôn tửu : chén rượu.
(2) Lữ-hoài : tình kẻ xa nhà, — Lão thảo tức lạo-thảo.
(3) Giai-hứng : cái hứng-thú tốt-đẹp (khiến thành thơ).
(4) Thi thần : thơ thần, tức là thơ hay như thơ của thần-tiên.

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

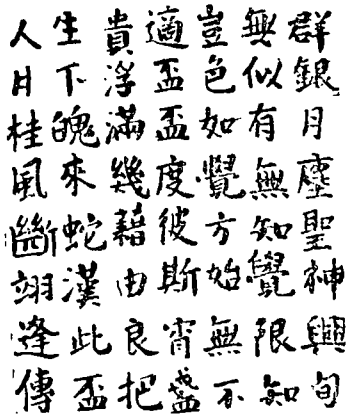

Phiên âm :

Nhân-sinh quí thích khởi vô quần,
Nguyệt hạ phù bôi sắc tựa ngân.
Quế phách (1) mãn bôi trí hữu nguyệt,
Phong lai kỷ độ giác vô trần.
Đoạn xà (2) tạ bỉ phượng tri thánh,
Dực Hán (3) dơ tư thủy giác thần.
Phùng thử lương-tiêu vô hạn hứng,
Bôi truyền bả trản bất tri tuần.

Tôi làm thơ trong lúc ấy với cảnh ấy, thơ lại có rượu, nên cái nhã-hứng còn bồng-bột, tôi lại ngâm rằng :

Gió mát như là nước,
Trăng trong thể tựa ngân.
Chén vàng gây nhã-hứng,
Chiếc thỏ hại đồng quần.

---

(1) Quế-phách : tiếng văn-chương dùng chỉ mặt trăng.

(2) Đoạn xà : chém rắn, Lưu-Bang chém rắn trắng, khởi nghĩa đánh nhà Tần, sau lên làm vua, tức là Hán Cao-Tổ.

(3) Dực Hán : giúp Hán, tức là giúp Lưu-Bang.

Library HoangSa.Org

Rượu tỉnh quên lời trước,
Thơ xong rạng bút thần.
Lâm-tuyền thành-thị khắp,
Xứ xứ những là xuân !

Nguyên văn

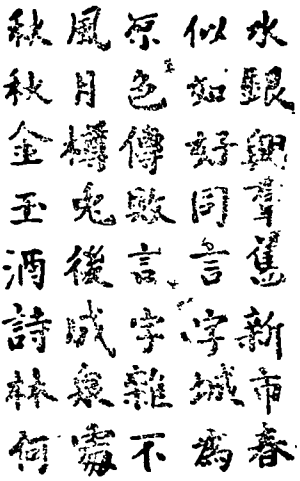

Phiên âm :

Thu-phong lương tự thủy,
Thu-nguyệt sắc như ngân.
Kim-tôn truyền hảo-hứng, (1)
Ngọc-thố bại đồng-quần. (2)
Tửu hậu ngôn ngôn cựu, (3)
Thi thành tự tự tân. (4)
Lâm-tuyền tạp (5) thành-thị,
Hà xứ bất vi xuân !

Tôi bảo gia-nhân rằng : « Chỉ ưng cho nói những việc ở kinh, còn cảnh-vật nơi quê nhà chẳng được tơ-hào hé răng để làm trở-ngại cái cao-hứng của tôi ». Mãi khi canh tàn tôi mới đi ngủ.

(1) Hảo-hứng : cái hứng tốt, hứng làm thơ.
(2) Đồng-quần : cùng bọn, cũng như đồng-loại.
(3) Ngôn-ngôn cựu : lời lời qua đi, không nhắc lại nữa.
(4) Tự-tự tân : chữ chữ đều mới-mẻ.
(5) Tạp : xen lẫn vào.

Library HoangSa.Org

Một ngày kia quan Hiến-phó họ Vũ, vị có con đỗ tân-khoa tạo-sĩ, mới ở kinh nấn-ná chờ-đợi lệnh trên cho con về vinh-qui, ông nhớ nhà, sai người chỉnh-bị hành-trang để về trước, và gửi cho tôi hai bài thơ, kèm mấy lời như sau :

« Đệ định tháng sau, ngày mồng hai, đem đầy-tớ về tư-thất. Trong đêm lá vàng lay-động, tầu tiêu xào-xạc. Đệ nghe thu-thanh (1) mà bỗng nhớ tới canh rau rút cá mè (2), nghĩ xa-xôi không biết lấy ai cùng mình chung tấm u-tình (3). Nhân đó có bài thơ lưu-tặng (4). Thơ rằng :

Tôi với bác giao-tình,
Trái phải tìm điều vi.
Đào-Chu chẳng đáng khen,
Quản-Bão lầm nên nghĩ.
Chẳng tiếc lão-luyện tài,
Còn học thiếu-niên khí.
Quách-Lý trước cùng thuyền,
Xuất-xử đạo biệt-dị.
Đồng đạo tâm chẳng đồng,
Khiến người dễ khinh-bỉ.
Có trà bác đem uống,
Có đàn bác gẩy thử,
Cuộc đời quên bẵng hết.
Thế-sự cũng vô can,
Tiếng chim kêu quanh mình.
Tiếng sáo chậm lại nhanh,
Mây ráng coi vui mắt.
Rượu đàn dễ thỏa tình,
Chẳng để Đào-nguyên-Lượng.
Một mình đẹp mãi danh !

Mi-nam dật-tẩu tự Dĩ-Phác kính đệ (5).

---

(1) Thu-thanh : tiếng thu. Tiếng nghe lắm-chiều người ta cảm-động chỉ có tiếng thu (tiếng nghe trong mùa trong). Ban đêm ngồi nghe tiếng thu mới thấy thê-lương ảo-não. Thu-thanh đồng nghĩa với thu-phong (gió thu). Gió thu lay-động cây-cối cùng mọi vật khác ở quanh mình mà gây nên tiếng. Âu-dương-Tu có làm bài phú *Thu-thanh-phú* truyền ở đời.

(2) Rau rút cá mè : chuyện Trương-Hàn đời Tấn, đã chú-thích ở phần trên.

(3) U-tình : tình sầu-não chứa-chất trong lòng.

(4) Lưu-tặng : để thơ-từ lại trong khi từ-biệt nhau.

(5) Chưa rõ tên thực là gì.

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

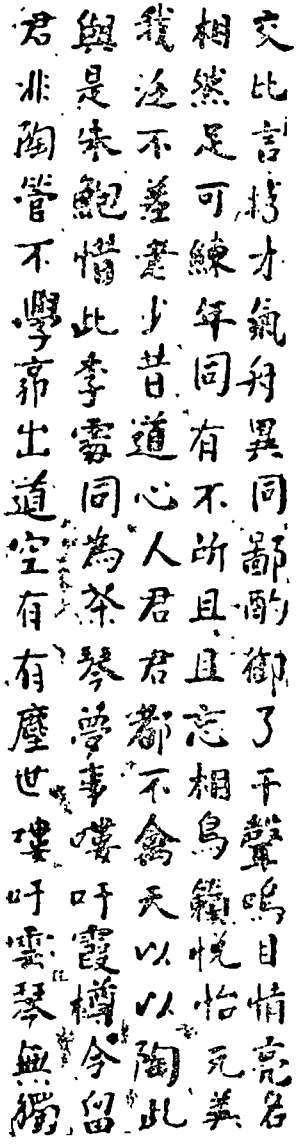

Library HoangSa.Org

Phiên âm :

Quân dữ ngã tương giao,
Phi thị (1) phiếm-nhiên tỉ.
Đào-Chu (2) bất túc ngôn,
Quản-Bão (3) sai khả nghĩ.
Bất tích lão-luyện tài,
Học thử thiếu-niên khí.
Quách-Lý (4) tích đồng chu,
Xuất xử đạo hữu dị.
Đạo đồng tâm bất đồng,
Không vi nhân sở bỉ.
Hữu trà quân thả chước,
Hữu cầm quân thả ngự.
Trần-mộng (5) đô vong liễu,
Thế-sự bất tương can.
Lâu-lâu (6) cầm-điểu thanh,
Hu hu (7) thiên-lại minh.
Vân-hà dĩ duyệt mục, (8)
Cầm-tôn dĩ di tình. (9)

---

(1) Phi thị : trái phải, thường nói thị-phi.

(2) Đào-Chu : tức là Đào-chu-Công, tên thật là Phạm-Lãi, giúp Việt phá Ngô, đổi họ tên, đi chơi giang-hồ, đến nước Tề lấy tên là Xi-Di-Tử-Bì, đến đất Đào (thuộc tỉnh Sơn-Đông) xưng là Chu-Công, ở đó 19 năm, giàu có thiên kim, con cháu tu-nghiệp sinh lợi, mới thành cự-vạn, cho nên nói đến người giầu-có đều gọi là Đào-chu-Công.

(3) Quản-Bão : Quản-Trọng và Bão-thúc-Nha về đời xuân-thu, là hai người bạn chơi thân với nhau. Bão-thúc-Nha tiến-dẫn Quản-Trọng cho Tề-hoàn-Công. Hai người giúp Tề-hoàn-Công làm nên nghiệp-bá.

(4) Quách-Lý : không rõ hẳn là ai, hoặc giả là Quách-Dĩ là Lý-Thôi, hai người đem quân Phạm Tràng-An, làm loạn đời Tam-quốc. Sau hai người hiềm-khích nhau đem quân bản-bộ đánh lẫn nhau và đều bị thất-bại.

(5) Trần-mộng : cuộc đời.

(6) Lâu-lâu : tiếng chim kêu.

(7) Hu-hu : tiếng sáo diều.

(8) Duyệt mục : đẹp mắt.

(9) Di tình : thỏa tình, đẹp lòng.

Library HoangSa.Org

Vô lịnh Đào-nguyên-Lượng. (1)
Độc lưu thử mỹ-danh ! (2)

Lại có thơ rằng :

Anh ta đánh bạn với hươu xưa,
Một sớm cần-lao há có ngờ !
Nhà-cửa trúc xưa thêm mọc đậm,
Núi-khe mây cũ biến đầu xa.
Danh dàm lợi khóa là ai nhỉ ?
Núi thẹn rừng e để khách trơ.
Sớm sớm quay roi về biệt-ngụ,
Hoa thơm cỏ nội chửa xuân già !

Em kết nghĩa Mi-Nam dật-tẩu tự Dĩ-Phác kính đệ.

Nguyên văn

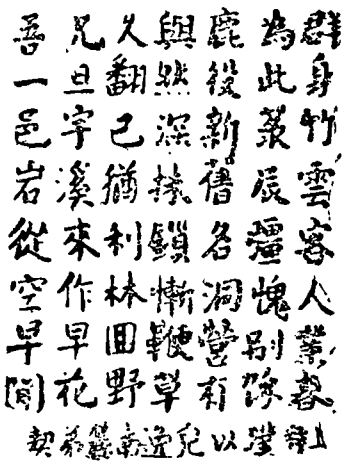

(1) Đào-nguyên-Lượng : tức Đào-Tiềm, tự Uyên-Minh danh Nguyên-Lượng, người đời Tấn, ở đất Tầm-Dương Tử-Tang, bỏ quan về vui việc điền-viên, không thiết gì danh-lợi.

(2) Mỹ-danh : tiếng-tăm đẹp-đẽ, tiếng thơm.

Phụ-chú.— Bài thơ này chứa-đựng cái triết-lý *nhàn-thân*, không can-dự vào việc đời, lại quên đi hết cuộc sống. Hãy uống trà, hãy gảy đàn, nghe chim hót, nghe sáo thổi, lấy trời mây làm cảnh vui mắt, lấy chén rượu cung đàn làm thỏa tình, chẳng riêng để Đào-Tiềm cái tiếng khen là không ham danh, không xu lợi. Vì thế thi-nhân chê Đào-Chu là chẳng đáng nói, Quách-Lý là đáng khinh-bỉ, lại chưa cho Quản-di-Ngô và Bão-thúc-Nha, hai người bạn từng giúp-đỡ nhau hết lòng, từng nhường-nhịn nhau rất mực là những người đã hành-động hợp với cái quan-niệm nhân-sinh khác-biệt ấy mà theo tác-giả bài thơ là thích-đáng hơn hết.

Library HoangSa.Org

( ) *Phiên âm :*

Ngô huynh cửu dữ lộc vi quần,
Nhất đán (1) phiên-nhiên dịch (2) thử thân.
Ấp-vũ (3) dĩ thâm tân lộc trúc (4),
Nham-khê do mạt (5) cựu thời vân.
Tòng lại lợi tỏa (6) danh cương (7) khách,
Không tác lâm tàm (8) động quí (9) nhân.
Tảo tảo hồi tiên doanh biệt-nghiệp (10),
Nhàn hoa dã thảo hữu dư xuân.

Tôi được thơ ngâm đi ngâm lại, sầu-não không nguôi, tự nghĩ rằng lòng mình đã không ham danh-lợi mà lại vướng vào cương-tỏa để cho người bạn chê-cười cuộc gặp-gỡ mình mà lấy làm bất bình sao ? — Tôi mới đưa hai bài thơ đó cho quận-hầu xem để hiểu cho rằng tôi đang ở trong cái cảnh linh-lạc vậy.

Hãy nói quang-âm như tên bắn, đã đến tiết trung-thu. Trong thành nhà nhà đều sửa-soạn mâm bàn làm cỗ, người người đều hồng tía thắng bộ đi chơi. Tôi nghĩ rằng ở chỗ trọ người nhà có sắm được rượu chè thanh-đạm chăng nữa thì cũng không phải là cái nơi để cúng lễ, tôi mới sai người cháu là Hộ Hào thay tôi làm đồ nấu-nướng. Nhà y ở bên cạnh chùa Quan-Sứ ; đến tối tôi tới nhà y bày-biện nhang-đèn rồi khấn-vái lễ gia-tiên. Tôi mời thân-nhân cùng những học trò mới nhập học là hơn 20 người ngồi vào chiếu rượu. Mọi người đều uống rượu. Tôi cũng phóng tầm đánh chén, không biết là hứng thơ đang dào-dạt. Tôi dùng mệnh-đề : « Uống rượu đêm trung-thu thuật hoài ». Tôi đọc trước rằng :

Đèn sáng trăng trong chiếu đế-thành,
« Kim ngô » không cấm khách du-hành.

---

(1) Nhất đán : một sớm.
(2) Dịch : lao-dịch, làm cho phải nhọc-nhằn.
(3) Ấp-vũ : làng ở và nhà-cửa.
(4) Lộc-trúc : thứ tre nhỏ.
(5) Mạt : lau đi, xóa bỏ.
(6) Lợi tỏa : cái lợi khóa.
(7) Danh cương : cái danh buộc.
(8) Lâm tàm : rừng e thẹn (e-thẹn với rừng).
(9) Động quí : hang động xấu-hổ (xấu-hổ cùng hang-động).
(10) Biệt-nghiệp : nhà làm riêng-biệt để nghỉ-ngơi.

Library HoangSa.Org

Từng đoàn trai gái vui du-ngoạn,
Khắp chốn lâu-đài nỗi quản-sênh.
Lữ-thứ cỗ-bàn chi đáng kể,
Thân-bằng yến-ẩm cũng là vinh.
Gió đừng đề sáo đêm vang tiếng,
Vạn dặm người xa vạn dặm tình.

Nguyên văn

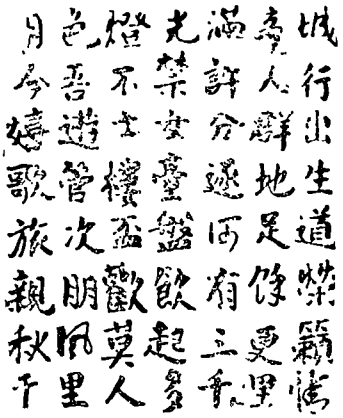

Phiên âm :

Nguyệt-sắc đăng-quang mãn đế-thành,
Kim-ngô (1) bất cấm hứa nhân hành.
Hi-du (2) sĩ-nữ phân quần xuất,
Ca-quản (3) lâu-đài trục địa sinh.
Lữ thứ bôi-bàn hà túc đạo,
Thân-bằng hoan-ẩm (4) hữu dư vinh.
Thu-phong mạc khởi tam canh lại, (5)
Thiên lý nhân đa thiên lý tình !

(1) Kim-Ngô : vệ-binh tức là quân canh trong thành. Khắc sai chữ kim, chính là chữ kim có nghĩa là vàng mới đúng.
(2) Hi-du : chơi đùa.
(3) Ca-quản : tiếng ca và tiếng sáo.
(4) Hoan-ẩm : vui-vẻ uống rượu.
(5) Lại : thứ sáo diều.

Library HoangSa.Org

Tôi ngâm xong, bảo người trong tiệc ai có văn-từ thì họa lại. Mọi người đều vâng theo, cầm bút miệng lầm-bầm thì-thào. Chẳng bao lâu trăng đã tà mà nửa chữ chẳng tìm ra, tôi hỏi thơ thì đem việc khác ra nói hoặc hô-hào xuông mà thôi. Tôi thấy vậy cả cười, lại tả một bài ngắn rằng :

Tha-hương chưa thoát bước,
Cố-quốc vẫn là xa.
Trăng đẹp đêm nay ngắm,
Rượu vui bạn cũ ta.
Lửa treo nghìn vạn điểm,
Đèn chiếu mấy hàng thơ.
Say ấy không cầu tỉnh,
Tỉnh rồi luống ngẩn-ngơ...

Nguyên văn

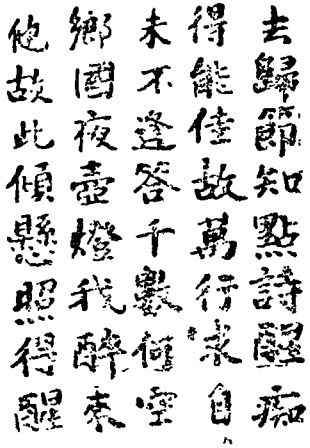

Phiên âm :

Thạ hương vị đắc khứ,
Cố quốc (1) bất năng qui.
Thử dạ phùng giai-tiết (2),
Khuynh hồ (3) đáp cố-tri (4).

(1) **Cố quốc** : nước cũ, đây chỉ quê-hương của tác-giả.
(2) **Giai-tiết** : thời-tiết tốt-đẹp.
(3) **Khuynh hồ** : nghiêng hồ rượu — ý nói uống rượu.
(4) **Cố-tri** : bạn cũ.

Library HoangSa.Org

Huyền-đăng (1) thiên vạn điểm,
Chiếu ngã sổ hàng thi.
Đắc túy hà cầu tỉnh ?
Tỉnh lai (2) không tự si (3).

Canh tàn, tiệc tan, mọi người say-sưa đều ngủ cả. Riêng tôi không ngủ được, trong lòng nghĩ-ngợi, tản-bộ trước chùa, nghĩ xong ba bài thơ để tự an-ủi :

Bài 1 :

Trăng lặn đèn tàn người đã ngủ,
Ta còn say rượu mắt chong-chong.
Bạn bè mách kể về quê cũ,
Lý ấy ta nghe chẳng thuận cùng.

Bài 2 :

Chòi canh trống Cấm đêm hầu hết,
Tản-bộ bồi-hồi chẳng đuốc Chong.
Khách cũng khuyên ta vui cảnh-ngộ,
Mỗi nghe đầu cuối xót-thương cùng.

Bài 3 :

Đứng trước sân chùa tinh-tú sáng,
Đi nằm chẳng ngủ mắt chong-chong.
Khuyên ta người bảo nhàn vô ích,
Có thấy Vân-Hương biết bụng cùng.

Phiên âm :

Nguyệt lạc (4) đăng tàn nhân dĩ tịch,
Ngã dó đối túy hà nan miên (5) !
Lương-bằng (6) tiếu vị tư qui kế (7) -
Ý dĩ thâm tri lý vị nhiên. (8)

(1) Huyền-đang : đèn treo.
(2) Tỉnh lai : lúc tỉnh rượu.
(3) Si : ngẩn-ngơ, ngây-dại. (Khi tỉnh rượu rồi thì lại tưởng-nhớ quê-hương, khiến người như ngây như dại).
(4) Nguyệt lạc : trăng lặn.
(5) Nan miên : không ngủ được.
(6) Lương-bằng : Người bạn thân.
(7) Tư qui kế : kế tìm trở về làng.
(8) Lý vị nhiên : lý chưa phải, chưa đúng lý-lẽ.

Library HoangSa.Org

Tiêu-lâu (1) Cấm-cổ thôi tàn-lậu (2)
Tản bộ bồi-hồi thượng vị miên,
Hữu khách khuyến dư (3) an sở-ngộ, (4)
Cập văn điên-mạt (5) hựu thảng-nhiên (6)
Cửu lập thiền-đình (7) khan tinh-nguyệt
Cưỡng lai tựu-tẩm (8) bất thành miên.
Hữu nhân khuyến ngã nhàn hà ích,
Nhược kiến Vân-hương bỉ diệc nhiên. (9)

Nguyên văn

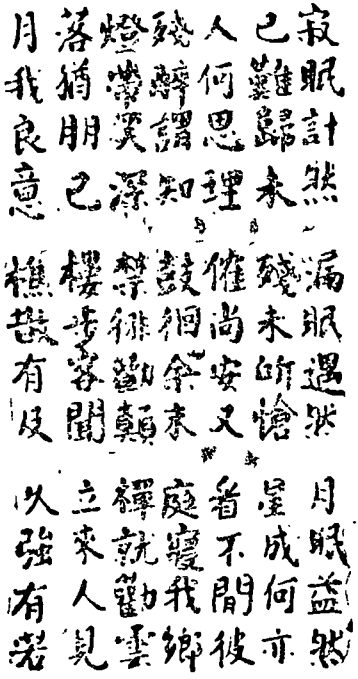

(1) Tiêu-lâu: vòm canh.

(2) Tàn-lậu: lậu đã tàn, ý nói trời sắp sáng. Lậu cũng gọi là lậu-khắc, chỉ đồ dùng đo thời-giờ về thời cổ, lấy cái hồ bằng đồng đổ đầy nước, đáy hồ có lỗ hổng, trong hồ cắm cái que, trên cái que khắc độ-số, nước trong hồ chảy nhỏ giọt, giảm đi dần-dần, điểm khắc trên cái que lộ ra, mà biết được thời-giờ.

(3) Khuyến dư: khuyên ta.

(4) An sở-ngộ: ở yên trong cảnh-ngộ của mình.

(5) Điên-mạt: đầu cuối.

(6) Sảng-nhiên: bi-thương trong lòng.

(7) Thiền-đình: sân chùa.

(8) Tựu tẩm: đi nằm.

(9) Bỉ diệc nhiên: kẻ kia cũng thê thôi.

Library HoangSa.Org

Khi trời sáng, tôi trở về chỗ trọ, chép lại mấy bài thơ, đem đệ-trình Quận-hầu, muốn rằng ông ta thấy cái tình-huống (1) ấy sẽ biết xót thương, chẳng để tôi khổ công cầu xin người cha làm tờ khải tâu chúa thả tôi về núi. Lúc ấy có người bạn khuyên tôi bỏ trốn mà về, sao lại chịu khổ-sở xin người thương mình. Tôi chẳng dám nghe theo. Kẻ kia là đại-thần trong nước hiện nay. Nếu có về được chăng nữa, người ta chỉ gửi một lá thư sai quan bản-trấn truy vấn thì cái khốn-khó còn lớn-lao nữa. Cho nên tôi phải dằn lòng cầu xin người. Người bạn này cũng tự vỗ trán mà cho là phải.

Một ngày kia, Quận hầu xây-dựng xong ở cạnh hồ cái đình-tạ (2) mới, bên ngoài có một nhà khách. Ông xin tôi làm câu đối, ý muốn tả cái đẹp phồn-hoa mà tôi thì đã quen tập-nhiễm cái khí-vị thanh-dật của yên-hà (3). Sẵn có quan Trấn Lạng-sơn (4) nhân vâng mệnh dụ-tế đi về kinh, tiện đường đến kinh, ông lại chơi. Tôi nhờ ông làm hộ câu đối. Ông bằng lòng giúp, vài ba ngày sau, sai người mang lại :

CÂU ĐỐI ĐỀ NHÀ THỦY-TẠ

— *Vầng nguyệt mới ló ra, cá rỡn gốc sen lửng-lơ thêm đá nhảy.*

— *Ánh sáng vừa soi đến, chim ngậm phấn mỏ quanh-quất mái nhà bay.*

— *Ngồi bậc đá thả câu, khỏi tới núi xuân tìm dật-khách.*

— *Tựa nhịp cầu mở sách, không lên cầu Bí hẹn tiên-ông.*

— *Dưới mái nhìn sóng lăn-tăn, trăng sáng nhấp-nhô làn nước biếc.*

— *Bên song ngắm cảnh bát-ngát, gió gào vi-vút buổi trời quang.*

---

(1) Tình-huống : tình-trạng, nông-nỗi.

(2) Đình-tạ : cái nhà chơi mát.

(3) Yên-hà : khói và ráng, nói cái cảnh thiên-nhiên.

(4) Lạng-sơn : tên tỉnh thuộc miền trung-du Bắc-phần, về phía đông giáp giới tỉnh Quảng-Tây (Trung-Hoa), về phía bắc giáp giới tỉnh Cao-Bằng. Quan Trấn đây là anh họ Lãn-ông.

Library HoangSa.Org

Nguyên văn :

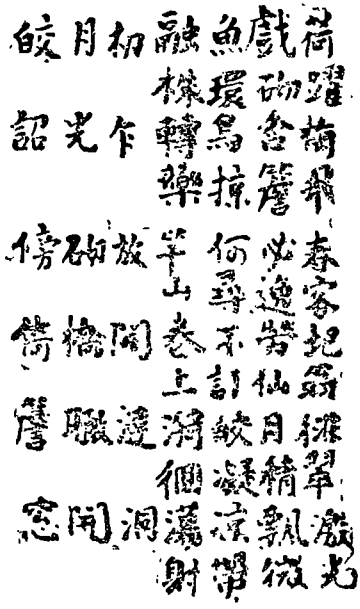

— *Trời đêm thả câu, thơm ngát bốn bề, vầng trăng cây quế đỏ.*

— *Bên hoa nâng chén, say-sưa một nhóm, cơn gió rặng dương xanh.*

— *Cây ao chỗ rợp dày, bóng ngả phất phơ, vẻ đạm ham thâu-nhặt.*

— *Mái nhà nắng chiếu khắp, ánh dương lóng-lánh, màu xanh nổi rõ-ràng.*

— *Một làn sóng lăn-tăn, bóng hoa lẫn bóng đầm tỏ hiện.*

— *Nửa vùng nước bát-ngát, sắc trắng lồng sắc nước long-lanh.*

Phiên âm :

— Hiệu-nguyệt (1) sơ dung (2) ngư hí hà-chu hoàn thế (3) dược.

(1) Hiệu-nguyệt : trăng sáng.
(2) Sơ dung : mới sáng rực.
(3) Thế : bậc đá.

Library HoangSa.Org

— Thiều-quang (4) sạ-chuyển (5) điểu hàm mai-dược lược diêm (6) phi.

— Bạng thế phóng can (7) hà tất xuân-sơn tầm dật-khách (8).

— Ỷ kiều khai quyển bất lao Bỉ-thượng (9) đính tiên-ông.

— Diêm khám (10) liên-y (11) hiệu-nguyệt bồi-hồi ngưng tích-thủy (12).

— Song khai đỗng-đãng (13) lương phiêu (14) kích-sạ đới vi-quang.

— Tuyết-tịch (15) thùy điếu, tứ tọa thanh-hương đan-quế nguyệt (16).

— Hoa-chiêu (17) bả trản (18) nhất đoàn mính đính (19) lục-dương phong (20).

— Trì-thụ (21) lưu âm (22) đảo ảnh hữu vô thanh khả cúc (23).

— Diêm-phiêu sạ nhật phù-quang dao-duệ (24) bích tương huy (25).

---

(4) Thiều-quang : ánh sáng đẹp, chỉ ngày mùa xuân.
(5) Sạ-chuyển : vụt lưu-động.
(6) Diêm : mái nhà (cũng đọc thiềm).
(7) Phóng can : thả câu.
(8) Dật-khách : kẻ ở ẩn.
(9) Bỉ-thượng : trên cầu Bỉ. Trương-Lương gặp tiên-ông ở đó, được tiên-ông trao cho binh-thư gọi là Thái-công binh-pháp. Sau Trương-Lương giúp Lưu-Bang làm nên nghiệp đế. Bỉ-Kiều ở huyện Hạ-Bì đất Từ-châu. Tiên-ông là Hoàng-trạch-Công.
(10) Khám : nhìn.
(11) Liên-y : làn nước lăn-tăn.
(12) Tích-thủy : ngưng đọng mầu xanh (màu cây cỏ).
(13) Đỗng-đãng : bát ngát.
(14) Phiêu : gió thổi, — lương-phiêu là gió mát.
(15) Tuyết-tịch : đêm trắng như tuyết (đêm trăng trong).
(16) Đan-quế nguyệt : cây quế đỏ trong trăng — ý nói đêm trăng sáng.
(17) Hoa-chiêu : buổi sáng bên hoa — ý nói lúc hoa nở.
(18) Bả trản : cầm chén rượu.
(19) Mính-đính : say-sưa, say mèm.
(20) Lục-dương phong : gió thổi vào cây liễu xanh.
(21) Trì-thụ : cây bên ao.
(22) Lưu âm : để bóng mát.
(23) Cúc : vốc, lấy trong lòng bàn tay.
(24) Dao-duệ : lay-động, la-đà.
(25) Tương huy : sắp sáng.

Library HoangSa.Org

— Nhất tầm (26) liên-y hoa-ảnh khước tùy đàm-ảnh (27) hiện.

— Bán hoằng (28) đãng-dạng (29) nguyệt-quang thiên cộng thủy quang phù.

Nguyên văn :

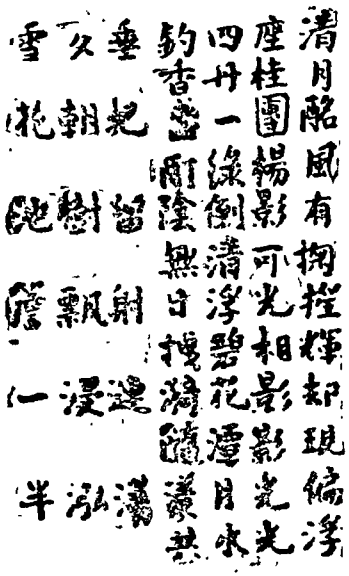

CÂU ĐỐI ĐỀ NHÀ KHÁCH

— *Một nhà thênh-thang, nâng chén gảy đàn đều thú nhã*

— *Bốn mùa nhàn-hạ, rót bầu dầm bút tả tình dài.*

— *Ngoài cửa nâng ly, ngó dấu gốc xanh phô lá trắng,*

— *Trước thềm câu cá, sen xoè tán biếc lẫn hoa hồng.*

— *Mũ áo đầy nhà cung kiếm cầm thư là bạn tốt,*

— *Sử thư đụng nóc điền-mố thao-lược cũng nền xưa.*

— *Trời sáng bao-la liễu lục đào hồng thêu gấm-vóc.*

---

(26) Nhất tầm : một đám nước.
(27) Đàm-ảnh : bóng chiếu trong cái đầm.
(28) Bán-hoằng : nửa vũng nước.
(29) Đãng-dạng : mênh-mông, bát-ngát.

Library HoangSa.Org

— *Gió đưa hây-hẩy oanh vàng yến tía rộn âm-thanh.*

— *Ngắm biển tựa hiên thoạt tưởng ngân-hà ngoài mây rớt,*

— *Giả-sơn quanh cửa còn ngờ bồng-đảo giữa làn nhô.*

— *Bút-mực tung-hoành nhân-nghĩa noi theo vốn nho-tướng-lược,*

— *Kinh-thư sành-sỏi hiếu-trung gắng-gỏi học cổ-nhân tâm.*

— *Cảnh-vật chiều người, ngày ngắm xuân-quang mong trẻ mãi,*

— *Phong-lưu là chốn, nơi đây đồ-họa tưởng sao cùng.*

— *Tiệc hát êm-đềm đàn sáo nghênh phong thanh lẫn sắc, (1)*

— *Vũ-tràng rộn-rịp lụa nhung tỏa ánh ngọc phô hình.*

— *Cảnh-vật thiên-nhiên gió mát trăng trong không vạch cõi,*

— *Nhân-tâm tự tại hoa thơm cỏ lạ những là xuân.*

— *Một cảnh thanh-u riêng hưởng trong thành thú rừng suối,*

— *Bốn mùa thích-thú những vui đồng tọa khách văn-chương.*

---

(1) Thanh lẫn sắc : tạm dùng chữ sắc đối với chữ hình ở vế dưới. Nguyên văn là « thanh tự ngữ », có nghĩa là cái thanh-nhã tựa như nói nên lời. Không dịch đúng nghĩa được, bởi dịch đúng thì nghe không xuôi tai.

Phụ chú.— câu đối đề nhà khách (khách-đường) gồm 20 liên. Nguyên-văn do một nhà khoa-hoạn biên-soạn hẳn không phải tầm-thường. Riêng cho một nhà khách mà soạn đến 20 đôi câu đối thì kẻ học-lực bình-thường không kham nổi. Nguyên-văn dẫu hay dẫu đẹp mà dịch ra quốc-âm hầu như giảm-sút rất nhiều cái hay cái đẹp ấy. Người cầm bút lựa chọn 10 đối liên dễ dịch mà chép lời dịch ra đây. Còn 10 đối liên nữa thì bỏ lại. Nhưng giả thử khách văn-chương có bước vào căn nhà khách này đọc 10 liên đã phiên-dịch ấy cũng đủ vừa ý rồi. Hơn nữa những đối liên này không do Lãn-ông biên-soạn, nên dịch-giả tự ý tước-bỏ bớt mà không nghĩ là một thiếu-sót đáng kể trong bản dịch toàn thiên, tuy không theo đúng qui-tắc của sự phiên-dịch.

Nguyên văn

一室清虛把盞攜琴都是雅
四辰豫暇掠瓢染翰更何如
檻外流觴荷撒綠株翻葉白
堦前放餌蓮擎翠傘帶花紅
冠帶𨗨門弓劍琴書皆益友
簡編充棟典謨韜畧是前徽
旭日舒長柳綠桃紅彫綿繡
條風淡蕩鶯黃燕紫弄笙簧
測海當軒初訝銀河雲外落
假山遶檻却疑蓬島水中生
翰墨縱橫仁義擬窮儒將畧
經書涉獵孝忠勉勗古人心

景物可人比日春光應不老
風流隨盡簡中圖畫想難窮
綽約徹筵弦管迎風清似語
翻翻舞度綺羅暎日玉儀文
景物天然明月清風無盡藏
閑心自在琪花瑤草不辰春
一徑濾繼城中別占林泉趣
四辰勝賞座上偏多筆墨人

Library HoangSa.Org

Phiên âm :

Nhất thất thanh-hư (1) bả trần huề cầm đồ thị nhã.

Tứ thời dự-hạ lược biều (2) nhiễm hãn cánh hà như.

Hạm ngoại (3) lưu chàng (4) hà triệt lục châu (5) phiên diệp bạch.

Giai tiền phóng nhĩ (6) liên kình thúy-tản đới hoa hồng.

Quan-đới chủng môn cung kiếm cầm thư giai ích hữu.

Giản-biên (7) sung đống (8) điền-mô thao-lược thị tiền huy.

Húc-nhật (9) thư trường liễu lục đào hồng điêu cầm-tú.

Điều-phong (10) đạm-đãng oanh hoàng yến tử lộng sênh-hoàng.

Trắc hải đương hiên sơ nhạ (11) Ngân-hà vân-ngoại lạc.

Giả sơn (12) nhiễu hạm khước nghi bồng-đảo (13) thủy trung sinh.

Hãn-mặc tung-hoành nhân-nghĩa nghĩ cùng nho tướng lược.

Kinh-thư (14) thiệp-liệp hiếu-trung miễn-hiệu (15) cổ-nhân tâm.

Cảnh-vật khả nhân tị-nhật (16) xuân-quang ưng bất lão.

Phong-lưu tùy xứ cả trung đồ-họa tưởng nan cùng.

Sước-ước (17) ca-diên huyền-quản (18) nghênh phong thanh tự ngữ.

---

(1) Thanh-hư : trong sạch và trống-rỗng.
(2) Lược biều : rót bầu (lược là rót, biều là cái bầu).
(3) Hạm ngoại : Ngoài song (hạm là trấn-song, cửa chớp).
(4) Chàng : cốc rượu.
(5) Lục-châu : gốc xanh.
(6) Phóng nhĩ : thả mồi câu.
(7) Giản-biên : sách-vở, nói rộng là sử-sách.
(8) Sung đống : đầy đến nóc nhà.
(9) Húc-nhật : mặt trời mọc.
(10) Điều-phong : gió thuận.
(11) Sơ nhạ : bỗng nghi-ngờ.
(12) Giả-sơn : núi non bộ.
(13) Bồng-đảo : núi tiên ở ngoài biển.
(14) Kinh-thư : ngũ kinh và tứ thư, nói chung về văn-tự.
(15) Miễn-hiệu : gắng sức.
(16) Tị-nhật : hiền ngày, ngày nọ qua ngày kia.
(17) Sước-ước : mềm-mại, — đây có nghĩa là êm-đềm, dịu-dàng.
(18) Huyền-quản : Đàn và sáo.

Library HoangSa.Org

Phiên-phiên vũ-tịch ỷ-la (1) ánh nhật ngọc thành văn.

— Cảnh-vật thiên-nhiên minh nguyệt thanh phong vô tận xứ.

— Nhàn-tâm tự tại kỳ-hoa dao thảo bất thời xuân.

— Nhất kính (2) thanh-u thành-trung biệt chiếm lâm-tuyền thư.

— Tứ thời thắng-thưởng tọa-thượng thiên đa bút-mặc nhân.

Tôi nhận được những câu đối thì mừng-rỡ, tức khắc cho vào tay áo, đến nhà quận-hầu. Quận-hầu coi rồi, khen-ngợi mãi, nói rằng : «Chữ chữ thanh-tân, đúng là phun châu nhả ngọc ; cái miệng vàng dạ gấm của lão-sư ít ai sánh kịp.» — Tôi cười mà rằng : «Chẳng phải tôi đã soạn ra, nên phê-bình lời văn và mạch văn, trắng đen cho rõ, tránh nhận-xét lầm-lẫn. » Quận-hầu kinh-ngạc nói rằng : « Người ấy là ai vậy ? » — Tôi đáp : « Chính là người anh họ tôi vậy ». Quận-hầu hỏi : « Hiện nay giữ chức gì ? » — Tôi đáp : « Phụng trấn đất Lạng-sơn, sau này được gọi về đợi mệnh, trong lúc nhàn-tản dạy học-trò mà thôi. » — Quận-hầu nói : « Anh-hoa (3) nhường ấy thì tài-bộ (4) hẳn đã hiển-nhiên rồi. Nay Thánh-thượng cần dùng người. Cha tôi từng phụng-chỉ cử người có tài-năng, như vậy việc thật là dễ». — Tôi nói : « Anh tôi vì tuổi già muốn được nghỉ-ngơi, nên không muốn giữ chức gì. Đó là điều nguyện-ước, há dám lừng-khừng. ».

Mãi sau anh tôi lại nhà hỏi chuyện về đối-liên. Tôi đem sự thực kể lại. Anh tôi nghe nói thì lấy làm hối-hận, bảo tôi rằng : « Nhà ta đời đời khoa-giáp (5), vâng theo gia-huấn, lấy điều chạy theo quyền-thế làm nhục. Lúc ấy nhân hứng mà làm văn thay ông, có biết đâu muốn khéo mà hóa vụng, thành ra cậu người nghe biết mình. Ai mà chẳng bảo là mình phô-trương tài-danh để mưu-cầu tiến-dụng (6) ». Lúc đó tôi nghĩ kỹ lại cũng thấy là một lầm-lẫn. Tôi chỉ biết xin lỗi anh tôi, nhận là đã thô-suất (7) mà thôi, chứ biết làm sao được.

---

(1) Ỷ-la : đồ tơ lụa có hoa.

(2) Kính : lối đi.

(3) Anh-hoa : nói sự gì rực-rỡ sáng đẹp — gần đồng nghĩa với tinh-túy.

(4) Tài bộ : cái tài-giỏi lộ ra bề ngoài.

(5) Khoa-giáp : nói chung về thi-cử, thường dùng để nói người đỗ đại-khoa tức là người đỗ phó bảng hoặc tiến-sĩ.

(6) Mưu cầu tiến-dụng : mưu toan việc được bổ vào chức quan này hay chức quan khác.

(7) Thô-suất : không tế-nhị và không cẩn-thận.

Library HoangSa.Org

Một ngày kia, anh tôi cùng với những người trong họ ở kinh-thành bàn-định muốn cải-táng (1) phần-mộ tổ, định ngày và báo cho biết. Tôi đến dinh quan Chính-Đường xin phép về quê. Vị quan này cho rằng tôi xin cáo-biệt là ý muốn về Hoan-Châu chăng, cho nên mấy lần đến mà vẫn chẳng cho vào giáp mặt. Tôi chán nản chẳng biết làm cách nào. Quận-hầu bảo tôi rằng : « Phải vào trong phủ mà yết-kiến ». Tôi vào phủ, đến trú-sở Hậu-Mã ngồi đợi. Nửa ngày trôi qua mới thấy quan Chính-Đường ở trong cung cấm đi ra. Tôi đem việc ra nói ; lúc mới đầu ông không ưng-thuận. Tôi nói rằng : « Tôi bỏ nhà ra đi, xa phần-mộ đã hai mươi năm nay, nghèo túng không về thăm được. Ngày nay vâng chiếu-chỉ, may được về kinh đã quá nửa năm mà vẫn chưa được trở về thăm lấy một lần. Cái tình làm con như vậy, chịu đựng làm sao nổi. Xin đại-nhân thương cho. » Lúc đó lời nói và sắc mặt của tôi đều tỏ ra cương-quyết. Quan Chính-Đường nói rằng : « Hiện nay về thuốc-thang cần luôn-luôn có cố-vấn. Nếu có lệnh triệu thì làm sao ? » Tôi nói : «Từ nhà tôi tới kinh đường đi hết nửa ngày. Thảng hoặc có việc khẩn-cấp thì đi về bất quá một ngày có khó gì. » Ông nói rằng : « Ông nên làm tờ khải xin một hạn dài để hồi-hương, nói rõ việc cải-táng, xin nghỉ mười lăm ngày, sau sẽ trở lại kinh, trông coi việc thuốc-thang. » — Tôi xin một tháng, ông nói rằng : « Nếu cần lo-liệu xếp-đặt việc nhà, thăm-hỏi cố-cựu thì bấy nhiêu cũng đủ rồi ». Tôi lại nài xin thêm, ông bằng lòng tăng năm ngày nữa. Tôi biết là cái thế chẳng cưỡng lại được, mới làm tờ khải đệ-nạp, cám ơn mà cáo-biệt, quay về nhà trọ, vui mừng khôn xiết. Tôi thu-xếp hành-trang, mượn vài ba người đi theo, cắt năm người lính Tiền-Dũng giữ nhà. Ngày mồng mười tháng chín, nhân đêm trăng, lên đường sớm. Khi đi đến cửa Ông Mạc (2) thì cửa thành chưa mở, quân giữ cửa thấy có phù-hiệu hành-quân (3) mới mở cửa và cho đi qua. Tôi tới đò Thanh-trì, (4) trời mới bình-minh. Tôi lên thuyền qua sông. Lúc này ở trong thuyền, lòng tôi lâng-lâng nhẹ. Tôi ngâm một bài thơ để tả khúc nhôi rằng :

---

(1) Cải táng : thu góp xương cốt người chết đã được táng năm ba năm, lau chùi cho sạch, bỏ vào một cái tiểu bằng sành mà đi đi, chôn lại một nơi khác.

(2) Ông Mạc : thường gọi là Ô Đống-Mác.

(3) Phù-hiệu hành-quân : cái dấu để nhận đúng cho phép binh-lính đi-chuyển.

(4) Thanh-Trì : tên một huyện, huyện-lỵ cách Hà-nội chừng 12 cây số, thuộc tỉnh Hà-đông.

Library HoangSa.Org

Ba chục năm lưu-lạc đất người,
Lại qua sông Nhị một thuyền bơi !
Nghìn dòng hợp nước dàng trong cõi,
Tam-đảo gần mây đứng giữa trời.
Cảm cũ hứng nay dường chẳng vợi,
Tình quê nỗi khách luống khôn nguôi.
Dịp may vâng chiếu vào kinh ấy,
Được gặp thân-bằng thỏa nói cười !

Nguyên văn

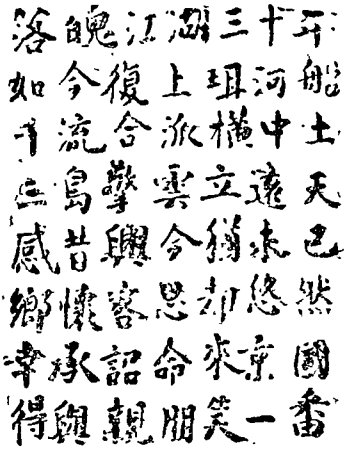

Phiên âm :

Lạc phách giang-hồ tam thập niên,
Như kim phục thướng Nhị-hà thuyền.
Thiên lưu (1) hợp phái (2) hoành trung thổ,
Tam-đảo (3) kình vân (4) lập viễn thiên.
Cảm tích hứng kim do vị dĩ,
Hương-hoài khách-tứ khước du-nhiên (5).
Hạnh thừa chiếu mệnh lai kinh-quốc,
Đắc dữ thân-bằng tiếu nhất phiên !

(1) Thiên lưu : nghìn dòng nước.
(2) Hợp phái : hợp lại mà thành sông (phái là nhánh sông).
(3) Tam-đảo : tên ngọn núi cao thuộc tỉnh Vĩnh-yên, Bắc-phần.
(4) Kình vân : chọc mây, ý nói cao chót-vót.
(5) Du-nhiên : man-mác.

Library HoangSa.Org

Đến bến sông Bát-tràng, bỏ thuyền lên bộ mà đi. Hai bên đường hương-thôn trù-thịnh, thần-đình phật-tự đều lợp ngói, điếm rượu phòng trà nối liền nhau. Mỗi lần đi được hơn một dặm đường thì tôi dừng chân nghỉ-ngơi. Người hầu mang gậy trúc đi theo. Tôi vui ngắm phong-cảnh, mỗi bước chân lại thấy cây liễu cây bưởi. Khi sắp tới nhà ở Liêu-xá thì noi theo cái cầu ngói mà đi vào (trước thôn có cầu ngói bắc qua sông) dinh cũ của cha tôi, xưa để nghỉ-ngơi. Lúc này người anh làm quan trấn Lạng-sơn đã có dinh riêng biệt trong làng. Bà chị dâu trưởng tức là vợ quan Thống-nhất xưa (1) ở đó trông coi việc thờ-phụng tổ-tiên, tuổi đã ngoài bảy mươi, tóc bạc như tơ, mà tinh-thần còn sảng-kiện. Bà thấy tôi thì vừa đau-khổ vừa mừng-rỡ, cầm nước mắt mà cất tiếng nói. Trong cảnh lữ-thứ này lòng tôi cũng xót-xa.

Ngày hôm sau, tôi đi ngoạn cảnh trong vườn, coi kỹ cái nền-móng thuở xưa. Khi bước tới dưới một cây lớn, tôi nhận ra là phòng ngủ của cha tôi xưa ở đấy. Ở giữa vườn cạu là nhà khách ; ở về một bên phía sau công-đường, bên tả là nhà trong, bên hữu là nhà bếp. Ngói vỡ và bậc đá là vết-tích còn lại của nhà học, nom thấy khá rõ-ràng. Mỗi khi đi đến một nơi nào đó thì lại một phen trù-trừ. Việc đời biến-cải, thời-gian đổi-dời, cái cảnh thử-li (2) khiến cảm-động khôn xiết, trong dạ bồi-hồi chẳng nỡ bỏ đi. Khoảng nửa giờ sau mới lại nhà, cùng thân-thuộc gặp-gỡ, bày-biện đủ sanh-lễ, tế từ-đường. Người trong làng sắm lễ-vật đến yết hạ (3), già trẻ có đến vài mươi người, trong số đó biết tên biết mặt chừng vài ba người. Tôi đem rượu tiền đáp lại và vội-vã dọn mâm chén cùng bọn ấy uống rượu. Từ đó nếu có ai đến thăm tôi thì lại nói chuyện về chi-phái của tổ-phụ, về nhũ-danh của mọi người. Có để ý kỹ-càng mới phân-biệt được những điều ấy. Nghĩ cái tình-huống xa-cách nhớ-nhung, bất giác tôi khóc lên mà rằng : « Tôi từ-bỏ quê hương ra đi đã ba mươi năm nay, đến nay trở về thì vật đổi sao dời, thân-thuộc đầy-dẫy trước mắt mà không rõ tính-tự, thật là

(1) Quan Thống-nhất : chưa rõ vị nào. Hoàng-giáp Lê-hữu-Danh là thân-phụ Lê-hữu Hỉ, Lê hữu-Mưu và Lê hữu Kiều. Không rõ đây có phải là Hữu-Hỉ không.

(2) Thử-li : Kinh Thi thiên Vương-phong nói về điều thương-xót nhà Chu. Quan đại-phu nhà Chu đi hành-dịch (công-tác) đến chỗ nhà Chu, đi qua cung-thất xưa chỉ thấy đầy-dẫy cây lúa và cây kê, thương-xót cái cảnh nghiêng-đổ của nhà Chu, bàng-hoàng chẳng nỡ bỏ đi, nhân đó mới làm ra thơ ấy, khi này nhà Chu đã dời về phương đông: nhà Chu tức là Tây-Chu trước vậy. Ở đây mượn tích « Thử-li » để tả cảnh tang-thương trước mắt.

(3) Yết hạ: đến hầu chuyện và đưa lễ mừng.

Library HoangSa.Org

ra người Lạn-kha vậy (1). Tôi mới nhân cảm-hứng có mấy vần thơ rằng :

Một chuyến thăm làng cũ,
Sầu này dễ kẻ không !
Chơi-bời xưa đất ấy,
Cảm-động nay tình nồng.
Chùa mới trúc-tùng rậm,
Dinh xưa hoa-cỏ lồng.
Nhi-đồng cùng lứa gặp,
Tên cũ nhớ lung-tung !

Nguyên văn

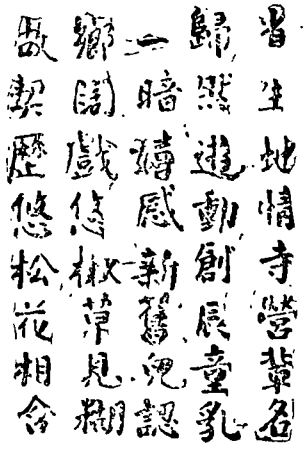

Phiên âm :

Cố-hương nhất qui tỉnh, (2)
Khế-khoát ám-nhiên (3) sinh.
Lịch hí (4) hi-du địa,
Du-du cảm-động tình.

(1) Lạn-Kha : Tên núi Lạn-Kha ở Triết-Giang. Đời Tấn, Vương-Chất vào núi kiếm củi, thấy hai đồng-tử ngồi chơi cờ. Đồng-tử cho Chất một vật như hột táo, ăn vào hết đói. Xong cuộc cờ, đồng-tử trỏ tay mà bảo rằng : « Cán búa nhà ngươi hư nát rồi ». Chất quay trở về làng thì đã được một trăm năm rồi. Vì thế mới có tên núi là Lạn-Kha (lạn là hư nát, kha là cán búa).

(2) Qui tỉnh : về thăm.

(3) Ám-nhiên : lờ-mờ.

(4) Lịch hí : từng chơi đùa.

Library HoangSa.Org

Tùng-thu tân sáng tự,
Hoa-thảo cựu thời đình.
Tương kiến nhi-đồng bối (1)
Hàm-hồ nhận nhũ-danh. (2)

Ngày hôm sau, tôi sắm đủ nhang-đèn, tiền giấy, mang theo đi lễ phần-mộ tổ-tiên cùng các từ-đường, lại còn đến miếu trong làng lễ yết bản-cảnh thần-linh. (3) Xong việc rồi, nhân đến cái cầu trong làng chơi ngắm cảnh, Tôi cùng các công-tử em họ trò-chuyện.

Nguyên trong làng tôi có một cái khe nước nhỏ giống hình quả bầu. Làng chia làm hai thôn, một thôn ở giữa quả bầu, thôn kia ở phía ngoài. Một cái cầu gỗ nối hai thôn lại để tiện qua lại. Trên cầu có cột và dầm (4) lợp ngói, hai bên dựng ván cao, phía ngoài lại dựng lan-can (5) bằng gỗ để tiện cho du-khách nghỉ-ngơi. Trong thôn đàn-bà hàng ngày đến ngồi ở đây bán trà, rượu và những đồ chứa-đựng trà rượu. Thuở thiếu-thời tôi rất thích-mến nơi này, chẳng ngày nào không đến chơi. Mỗi năm về đầu mùa hạ, hai dòng nước dâng lên đầy dẫy, nước sông chảy cuồn-cuộn. Tôi thường cùng anh tôi là quan trấn Lạng-sơn nhảy xuống nước tắm, lúc bơi lúc lặn, cùng nhau đùa giỡn, canh khuya mới về nhà. Tôi nhớ lời anh tôi bảo tôi rằng : « Bọn ta còn nhỏ tuổi, nên tùy-ý du ngoạn, nữa một mai trưởng-thành đi làm quan, xa gót chốn giang-hồ, làm sao ngày ngày lại có thể chơi-đùa ở chốn này được ! ». Rồi sau này quả-nhiên anh tôi thi đỗ còn tôi đi xa đó đây, há chẳng phải là lời sấm của trẻ con sao ? — Lúc đó tôi kể chuyện cũ cho các công-tử cùng nghe, bỗng thấy tấm lòng hoài-cổ (6) như bị khêu-gợi, tôi mới ngâm lên một bài thơ ngắn rằng :

Chốn ấy xưa du-ngoạn,
Mắt trông than-thở phiền.
Lá vàng bao độ rụng,
Nước bạc một dòng tuôn.
Cầu bắc như xưa đứng,
Cây cằn tựa trước xiên.
Tháng ngày người cách-biệt,
Lắm kẻ vắng gia-môn.

(1) Nhi-đồng bối : bọn nhi-đồng (thuở trước).
(2) Nhũ-danh : tên lúc thơ-ấu.
(3) Bản-cảnh thần-linh : vị thần cai-quản địa-phương.
(4) Dầm : phiến gỗ bắc ngang để đỡ xà nhà hay sàn gác.
(5) Lan-can : bao-lơn ngoài hiên.
(6) Hoài cổ : nhớ những dấu vết xưa.

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

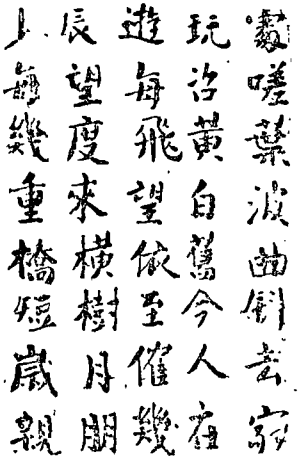

Phiên âm :

Thiếu thời du-ngoạn xứ,
Mỗi vọng mỗi tư-ta !
Kỷ độ phi hoàng-diệp (2)
Trùng lai (3) vọng bạch-ba.
Kiều hoành y-cựu khúc. (4)
Đoản thụ chí kim tà
Tuế-nguyệt thôi nhân khứ, (5)
Thân-bằng kỷ tại gia ?

Các công-tử bảo tôi rằng : « Trong thôn ta chùa Từ-vân do quan Đốc-đồng Lạng-sơn tự xuất của nhà ra hưng công sáng-tạo, cực kỳ tráng-lệ ; trước chùa có hồ phẳng-lặng. Năm ngoái không biết từ đâu bay đến mà trong hồ thấy có vài ba thân cây sen hồng ; năm nay đầy khắp mặt hồ nào hoa nào lá tốt-tươi, mùi thơm bay khắp ấp, thực là cái điềm tốt hiếm có, nghĩ rằng trong làng ắt có cái triệu ứng vào

(1) Tư-ta : than-thở.
(2) Hoàng-diệp : lá vàng. Cả câu có nghĩa là đã trải nhiều mùa thu (mỗi thu đến thì lá vàng rụng).
(3) Trùng lai : quay trở lại.
(4) Khúc : cong.
(5) Thôi nhân khứ : giục người ra đi (người đi vì sinh-nhai, vì chức-nghiệp).

Library HoangSa.Org

việc danh cao vọng lớn, nay thấy đại-huynh phụng chiếu mà đến, ý giả cái điềm lành ở đó chăng ? » Tôi cười mà rằng : « Phàm « xử » thời giữ đạo, « xuất » thì thi ân, thế mới là làm được việc lớn, ta là người bỏ đi, nay lại cầu may thì hổ-thẹn biết bao, sao có xứng cái điềm tốt được ! » — Các công-tử nói rằng : Anh đừng coi nhẹ mà phụ cái điều thần-ứng. Rồi chúng tôi dắt tay nhau trèo lên gác chuông mà ngắm cảnh. Các công-tử còn đòi phải có thơ. Tình và hứng của tôi đang dạo-dạt, tôi ngâm rằng :

Buổi trước loạn xơ-xác,
Cảnh nay sáng tựa gương.
Giếng xưa soi bóng nguyệt,
Sen nở thoảng mùi hương.
Chuông gác nghe âm vẳng,
Rặng tùng nỗi nhạc vang.
Chim bay dường đã mỏi,
Vỡ tổ lạc tha-hương !

Phiên âm :

Tiêu-điều loạn hậu cảnh,
Kim-nhật thủy trùng-quang, (1)
Cổ-tỉnh trừng (2) lưu nguyệt,
Phi liên thụy-thổ-hương. (3)
Lâu cao ưởng (4) chung-cổ,
Tùng tĩnh vận (5) sinh-hoàng.
Phi điểu ưng tri quyện, (6)
Khuynh sào (7) tại dị-hương. (8)

(1) Trùng quang: lại sáng-sủa lại rực-rỡ.
(2) Trừng: trong-trẻo.
(3) Thụy: tốt lành. Thổ hương: nhà mùi thơm.
(4) Ưởng: cũng đọc hưởng, tiếng vang.
(5) Vận: tiếng nghe êm-ái.
(6) Quyện: mỏi-mệt.
(7) Khuynh sào: Nghiêng tổ, ý nói chỗ ở không yên-ổn.
(8) Dị-hương: làng khác, nơi khác.

Library HoangSa.Org

Nguyên văn

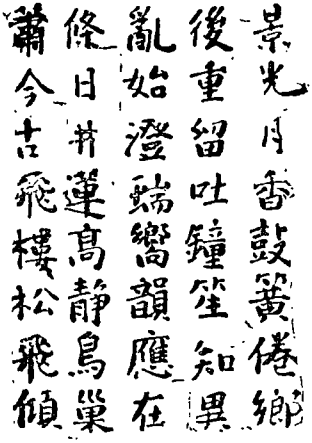

Các công-tử cười mà nói rằng : « Chim bay đã biết mỏi-mệt rồi vậy. » — Tôi nói : Kẻ du-tử thương-xót quê cũ (1), ai chẳng một bụng ấy, huống chi cái niềm vui sống trong tử-lý (2) cũng đã muộn-màng rồi. Thơ Đường có câu :

Lối cũ tìm về không sản-nghiệp,
Bên thành chết trận có thân-nhân. (3)

Thơ ấy thật tả trúng cái bệnh của ngu-huynh.

Trong lúc chuyện-trò, bỗng nghe lanh-lảnh tiếng chuông xa vang lại. Tôi nói : « Không biết tiếng chuông ở xứ nào mà khêu-gợi người như vậy ? » Các công-tử đáp rằng : « Chùa Liêu-xuyên » — Tôi nói : « Người nào trụ-trì ? » Đáp rằng : « Tính-Thủy thiền-sư » — Tôi mừng-rỡ mà rằng : « Xưa kia ngu-huynh cùng với người ấy có chút giao-tình. » Tôi mới cùng mọi người đến chơi nơi đó. Khi tới cửa chùa thì thiền-sư chống trượng, đứng ở bên sân Đàm-hoa (4) trông thấy tôi nhà sư mừng-rỡ vô cùng, dắt tay đi vào thiền-phòng (5) cùng ngồi, pha trà,

(1) Sử-ký : Hán Cao-tổ nói với phụ-huynh đất Bái : « Du-tử bi cố-hương ».

(2) Tử-lý : quê cũ (tử là cây thị, — lý là làng). Cây tử thường được trồng ở đầu làng, dùng để chỉ quê-hương. Nhị-độ-Mai có câu : « Kẻ về Tử-lý người vào Ngọc-kinh ».

(3) Nguyên-văn : *Mạch-thượng qui-tâm vô sản-nghiệp.*
Thành-biên chiến-cốt hữu thân tri.

(4) Đàm-hoa : tên cái sân. Đàm-hoa là một thứ cây ba nghìn năm mới trổ hoa một lượt thì có phật xuất thế.

(5) Thiền-phòng : phòng ốc nhà sư ở.

Library HoangSa.Org

cùng nhau đàm-đạo. Nhà sư mở đầu nói trước rằng : « Từng nghe đại-nhân nằm mát một nơi : sơn thanh thủy tĩnh, cảnh-trí tịch-mịch mát-mẻ, vượn hạc từng bầy, yên-hà đầy cửa, bần-tăng muốn đến nương-nhờ, chỉ giận không có cách nào cả. » Tôi đáp : « Người gặp cảnh mà nên sang cảnh gặp người mới nên đẹp. Giữa cái vườn trong núi của tôi lại có người đức-hạnh nữa. Anh tôi mến cái cảnh nhàn-tịch (1) mới dựng lên một nơi thờ phật dưới gốc cây, trong đám rậm-rạp ; phía ngoài xây gác chuông, sớm tối đánh mấy hồi chuông để quên trần-niệm (2) » — Nhà sư nghe vậy thì chắp hai tay lại mà nói to rằng : « Thanh-nhàn và thích-thú như vậy, thì dẫu có đỉnh-chung (3) cũng không đổi lấy được ».

Lúc đó mặt trời về tây sắp lặn, tôi muốn cáo-biệt. Các công-tử nói rằng : « Nhà chùa tuy ở chốn thôn-dã, nhưng có hoa cỏ u-nhã cũng đủ cung hứng thơ, sao anh lại lặng thinh được ư ? » — Tôi nói : « Xin đề thiền-phòng một bài thơ ngắn để lưu-biệt mà thôi. » — Nhà sư nói : « Nếu ban cho như thế thì còn có cái gì hay hơn ! » rồi đưa ngay tứ-bảo (4) lại. Tôi đề rằng :

Sông thôn dâng khói nước,
Hoa cỏ phủ thiền-phòng.
Sạch bụi chèo qua bến,
Bén mùi tu gắng công.
Gió tùng vang đạo nhạc,
Trăng biển chiếu thiền tông. (5)
Hương-khói thờ khuya sớm,
Trống chuông âm-điệu đồng...

Phiên âm :

Yên-thủy giang-thôn tịch, (6)
Thiền-phòng (7) hoa-thảo thâm.

(1) Nhàn-tịch : an-nhàn và tĩnh-mịch.
(2) Trần-niệm : những mối tư-lự của người đời.
(3) Đỉnh-chung : cái vạc và cái chuông. Ý nói nhà quyền-quí, mỗi bữa ăn, đánh chuông gọi người về ăn, bày vạc ra cho ăn (nhàn-gia đỉnh-đảo). Đỉnh-chung do câu « chung minh đỉnh thực » của Vương-Bột.
(4) Tứ bảo : Bốn thứ là bút, nghiên, giấy và mực.
(5) Thiền-tông : tên tông-phái Phật-giáo, cũng có tên là Phật Tâm-tông
(6) Tịch : yên-lặng.
(7) Thiền-phòng : coi trang trên.

Library HoangSa.Org

Vô trần đăng bỉ ngạn (1)
Hữu vị giác từ-tâm.
Hải-nguyệt khuy (2) Kim-tướng (3)
Tùng-phong cổ (4) đạo cầm.
Hương-đăng cung thần-tịch (5)
Chung-cổ hữu hòa-âm.

Nguyên văn

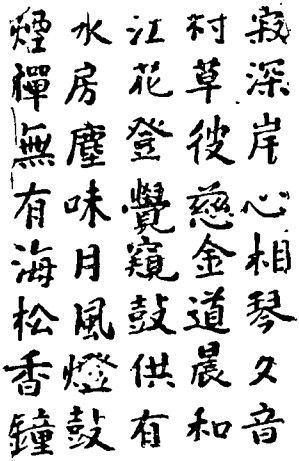

Đề xong tôi từ-giã nhà sư ra về. Lúc này gặp ngày húy chú tôi, xưa làm thượng-thư. Quan Đốc-đồng tuy làm quan nơi xa-xôi đến ngày giỗ cũng về. Cúng lễ xong, ngày hôm sau, ông đến chùa Từ-Vân, rủ tôi cùng đi chơi với các công-tử, lại bày yến-tiệc thịnh-soạn cùng nhau hoan-hội. Tối đến, các công-tử đem mấy bài thơ đề-vịnh của tôi ra cùng nhau bình-phẩm. Quan Đốc-đồng chọn hai bài « Qui tỉnh » và « Đề kiều » mà ông cho là trội hơn cả.

— Họa « Qui tỉnh »

Cổ-Liêu nơi thắng địa,
Hào-kiệt chẳng thời không !

(1) Bỉ-ngạn: bờ bên kia, chỉ cái bờ của Niết-bàn.
(2) Khuy: ngó, dòm. Đây có nghĩa là chiếu sáng.
(3) Kim-tướng: đạo phật.
(4) Cổ: khuyên-giục, giống-giả cho người ta theo.
(5) Thần-tịch: sáng tối.

Library HoangSa.Org

Ba đấng (1) đền u-nhã,
Một dòng thư mặn-nồng.
Nhân-dân kiệm-phác ấy. (2)
Nhà-cửa trước sau lồng.
Kẻ chi cao tìm thú,
Cần chi phải ẩn tung! (3)

— Họa « Đề kiều »

Cây cầu xây đất ấy,
Du-ngoạn luống than-phiền.
Đường võ nghề văn sẵn,
Dòng tiền sóng hậu tuôn,
Lan kề thơ vịnh khoái,
Bờ trước trúc cành xiên.
Bốn phía say-sưa ngắm:
Văn-chương thi-lễ môn. (4)

Nguyên văn

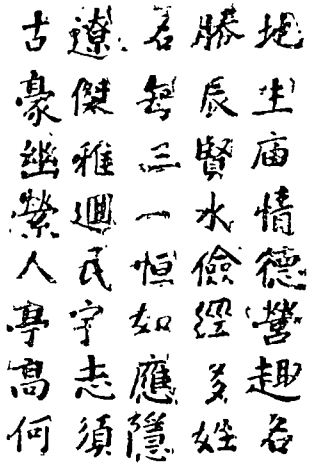

(1) Ba đấng: dịch chữ tam hiền, ba nhân-vật tài-giỏi được thờ-phụng trong đền làng.
(2) Kiệm phác: cần-kiệm và chất-phác.
(3) Ẩn tung: giấu tung-tích.
(4) Thi-lễ môn: Nhà có học Thi học Lễ, ý nói là nhà văn-học.
(coi hai bài xướng của Lãn-ông ở trên).

Library HoangSa.Org

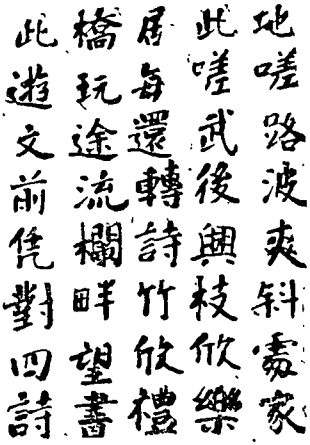

Phiên âm :

Cổ-Liêu (1) danh thắng-địa (2)
Hào-Kiệt mỗi thời sinh.
U-nhã tam hiền (3) miếu,
Oanh-hồi (4) nhất thủy tinh
Nhân-dân hằng kiệm đức
Đình-vũ thủy kinh-doanh (5)
Cao chí (6) ưng đa thú,
Hà tu (7) ẩn tính-danh

Thử kiều cư thử địa,
Du-ngoạn mỗi ta-ta
Văn-đồ (8) hoàn vũ-lộ (9)
Tiền-lưu (10) chuyển hậu-ba. (11)

---

(1) Cổ-Liêu : làng Liêu-xá thuộc tỉnh Hải-dương.
(2) Thắng-địa : đất có cảnh đẹp.
(3) Tam hiền : coi bài thơ dịch ở trên. Không rõ thờ ba vị là những vị nào.
(4) Oanh-hồi : quanh-co quấn-quít.
(5) Kinh-doanh : xếp-đặt, đây là xây-dựng lên.
(6) Cao-chí : kẻ có chí lớn.
(7) Hà tu : cần gì.
(8) Văn-đồ : Đường văn.
(9) Vũ-lộ : đường võ.
(10) Tiền-lưu : dòng nước trước, dòng ở thượng-lưu.
(11) Hậu-ba : sóng sau. Câu này nói các bước công danh về văn cũng như về võ là do tổ-tiên truyền cho con cháu sau.

Library HoangSa.Org

Bằng lan (1) thi-hứng sảng.
Đối bạn (2) trúc-chi tà.
Tứ vọng hân-hân xứ
Thi-thư lễ-nhạc gia.

Anh Trần Lạng nói rằng: Nghề văn đường vũ, dòng trước sóng sau, những câu ấy chứa-đựng cái khí-tượng xa-rộng, thơ họa như thế thật hay. Lúc ấy người cháu họ cũng có mặt tại đó. Quan Đốc-đồng bảo rằng: « Bọn các ngươi khi nhỏ chưa thấy mặt cụ tổ thượng-thư, nên coi mặt bác đây sẽ rõ. Tôi cười mà rằng: cứ nghĩ đến mi rậm tóc dày thì sao có tương-tự được với tôn-thúc ». Các công-tử đều nói rằng: Coi cho kỹ, quả mười phần không sai. Chúng tôi ngồi chuyện-trò ăn uống thỏa-thuê, mãi đến canh khuya, mọi người mới giải-tán ra về. Các ông vui mừng thấy tôi về làng, chưa có cách gì để cùng vui với nhau. Quan Đốc-đồng đưa giấy báo em rể là quan Viên-hình, khiến chỉnh bị một chiếc thuyền, ước hẹn với Quan trấn Lạng-Sơn, quan Viên-lễ, (cũng là em họ tôi) đem rượu và đồ nhắm đến cùng tôi xuống thuyền, phóng chèo trên sông Hồ-Lô, ngắm trăng, làm thơ, thuận giòng mà xuôi, như vậy trong hạn mười ngày. Lại có người làng đến nói là hiện đình-đài mới xây-dựng lên, sẽ có lễ lạc-thành (3) có tổ-chức một chầu ca-xướng, mời tôi định ngày đến dự lễ. Tôi cúng hương-tiền ba quan. Lúc này có quan doãn Thừa-Thiên (4) đến xin chẩn-bệnh. Nguyên lúc tôi ở Kinh thì ông ta mắc bệnh đã lâu, có sai người đến lấy thuốc. Đến khi nghe tin tôi trở về làng thì bệnh của ông ta vốn vẫn là hư-kiệt; tôi chế-tạo một tễ cao-dược cho ông ta. Trong lúc dùng thuốc ông ta thấy tôi về làng mà vẫn để tâm nghiên-cứu chữa bệnh, mới gửi cho tôi một bài thơ để tạ ơn (nói về lúc bị triệu, trên đường đi tả nỗi lòng, dùng vần của bài thơ ấy). Thơ rằng:

Ngửa trong chiếu-cố cảm lòng chân,
Trọng nghĩa không coi nặng phú-bần.
Trước cậy điều thang trừ sạch bệnh,
Nay nhờ chế tễ giữ yên thân.

---

(1) Bằng lan: tựa lan-can.
(2) Đối bạn: Đối bờ trước mặt.
(3) Lạc-thành: Lễ mừng mới làm xong, đền-đài, nhà ở — lễ khánh-thành nhà-cửa.
(4) Quan-doãn Thừa-thiên: quan đầu phủ Thừa-thiên. Doãn tức là chức quan phủ, huyện cũ (phủ-doãn, huyện-doãn).

Library HoangSa.Org

Chẳng cần cản trục mà lưu khách;
Chỉ đợi cho cao để cứu nhân.
Tạ-đáp lấy chi làm tặng-vật,
Dãi lòng mấy vận nhớ ơn quân.

Nguyên văn

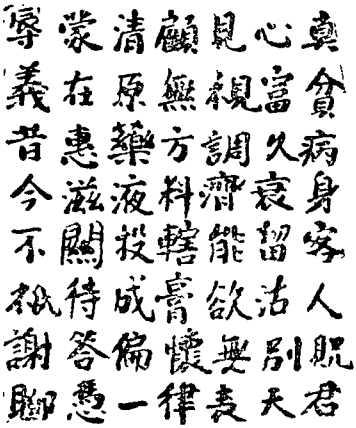

Phiên âm :

Nhục mông thanh cố kiến tâm chân,
Nghĩa tại nguyên vô thị phú-bần.
Tích huệ dược-phương điều cửu bệnh,
Kim tư dịch-liệu (1) tế suy-thân.
Bất quan đầu hạt (2) năng lưu khách,
Chỉ đãi thành cao dục hoạt nhân.
Tạ-đáp thiên hoài vô biệt huống,
Liêu bằng nhất luật biểu thiên-quân. (3)

(1) Dịch-liệu : thuốc chất lỏng.
(2) Hạt : chốt sắt giữa bánh xe. Đầu hạt : quảng chốt trục xe (để lưu khách lại).
(3) Thiên-quân : tấm lòng.

Library HoangSa.Org

Đến ngày ước-hẹn, quan Viên-hình đã sai người nhà chèo hai chiếc thuyền đến. Quan Đốc-đồng (1) sai chuẩn-bị bếp-núc, đợi lúc mặt trời sắp lặn thì lên thuyền mà đi. Sau giờ ngọ, thấy kẻ dịch-mục (2) của quan Chính-đường đem sáu người lính bản-dinh đến. Tôi kinh ngạc hỏi duyên-cớ. Y nói : « Vâng Thánh-chỉ tuyên-triệu quí-sư. Lúc nửa đêm được lệnh đại-quan (3) diện-truyền (4), gà gáy qua sông, một mạch đi thẳng tới đây, mời quí-sư về kinh, việc chẳng thể để chậm được ! » Tôi nghe vậy, than rằng : « Mình là kẻ tôi-mọi vậy ! Chỉ tiếc rằng cái cao-hứng của mình bị cản-trở, biết làm sao dây ? ».

Lúc ấy chẳng kịp gặp mặt chào-biệt các công-tử, chỉ vái chào chị dâu, ngậm đắng ra đi, gấp bước mà tiến. Chiều tối đến quán trọ thổi cơm ăn, xong rồi rong đuốc mà đi. Canh hai đêm ấy, đến bến Bát-tràng (5). Khi này gió giục đùng-đùng, sóng dâng cuồn-cuộn. Tôi bảo người dịch-mục rằng : « Dùng thuyền ngang nhỏ qua bến thì khó mà sang sông được, nếu có dùng thuyền buôn chăng nữa, cũng chẳng có thể vào phủ được, bọn ta hãy tạm trú lại ; sáng sớm hôm sau lại ra đi cũng không muộn đâu. » Chúng tôi quay lại quán nghỉ-ngơi. Lúc gà gáy quân sĩ qua sông, sau đó đến dinh quan Chính-đường. Áo mũ chỉnh-tề rồi tôi vào cửa phủ (6).

Lúc này Thánh-thượng ngủ tại Đông-cung. Quan Chính-đường trú ở cung Thập-tự phía ngoài. Tôi vào yết-kiến. Quan Chính-đường trông thấy tôi thì mừng-rỡ, cười mà bảo rằng : « Sao trở về nhanh được thế ? » — Tôi đáp : « Đi suốt đêm ». Ông đuổi các người tả hữu đi, bảo tôi đến trước mặt, ghé vào tai mà nói rằng : « Trước tuần nhật này, Thánh-thượng đến cung Vọng-hà, xem thủy-quân bơi đua, rồi cảm gió. Sáu, bảy năm nay vẫn đau sẵn rồi, nguyên-khí suy-tổn (7), cho nên chỉ bị cảm mà bệnh đã trầm-trọng ngay. Ông nên ở đây đợi lệnh. » — Nói xong, ông đi vào cung. Tôi ngồi đợi đến gần tối mới thấy ông đi ra, bảo nhỏ tôi rằng : « Lúc này Thánh-thượng bị sốt âm,

(1) Đốc-đồng : Chức quan phó trấn dưới chức đốc-trấn ; đây là người anh họ của Lãn-Ông làm đốc-đồng tỉnh Lạng-sơn.

(2) Dịch-mục . coi chú-thích nơi phần trên sách.

(3) Đại-quan : chỉ quan Chính-đường.

(4) Diện-truyền : truyền lệnh ngay trước mặt mình. — Ý nói sai-bảo thẳng mình.

(5) Bát-tràng : coi chú-thích ở phía trên.

(6) Cửa phủ : cửa Phủ-liêu. — Từ khi họ Trịnh cầm quyền thì bên nhà vua gọi là Triều-đình, bên phủ chúa gọi là Phủ-liêu.

(7) Suy-tổn : suy-bại và mất-mát.

Library HoangSa.Org

nên không vào được, ông hãy ngủ tại đây, đợi sáng hôm sau vào chầu ! » Tôi đáp : « Đi đêm bị gió sương, xin được về chỗ ngụ điều-dưỡng, sáng hôm sau xin đến thật sớm ». Tôi được phép rồi thì trở về chỗ ngụ.

Sáng sớm hôm sau, từ tám phương đi tới, đã thấy người đến triệu thôi-thúc ba lần rồi. Lúc ấy binh-lính theo hầu dùng cáng trở tôi đi, ra sức chạy nhanh ; trên đường đi bất luận sang hèn đều bị đánh đuổi. Đến cửa phủ, cáng hạ xuống, tôi bước vào đã thấy quan Chính-Đường đứng chờ ở dưới thềm. Ông bảo tôi theo sau ông mà đi, khi đến cửa Cấm, bảo tôi đứng lại đợi lệnh, còn ông đi vào. Chẳng bao lâu quan Nội-sai là Trạch-trung-hầu (1) đến truyền lệnh dắt tôi vào. Đi qua dãy nhà ngang mười bước thì trèo lên một cái nhà cao, phía sau nhà này là một căn nhà rộng-rãi, tức ngự-tầm ở đó. Quan Nội-sai cầm tay áo tôi mà dắt, mở trường gấm, qua vài ba lần trướng màn nữa thì thấy ở giữa nhà, Thánh-thượng nằm trên cái võng mắc nơi ngự-tọa dát vàng. Ngự-tọa có đệm gấm. Bên hữu là giường ngài ngự, trên giường gấm vóc sắc vàng mấy lượt bỏ rủ xuống, lại có màn che muỗi. Quan Chính-Đường cùng với quan Tham-đồng (vị quan này là người Việt-An, ngự-y được tin dùng) ngồi hầu ở bên tả ; thị-thần chỉ có Trạch-trung-hầu đứng tại đấy. Ngự-tọa có một bức trướng che ngang, đằng sau bức trướng có tiếng người nói, ý-giả các cung-tần ở đó, vì khách đến nên lánh đi. Trước chỗ chúa ngự có đốt một cây nến cắm vào cái giá bằng đồng. Lúc ấy tôi đứng thẳng ở trước ngự-tọa, cách xa độ hơn mười bước. Tôi cất tay ngang trán muốn làm lễ lạy chào. Quan Chính-đường truyền cho tôi được miễn làm cái lễ ấy. Thánh-thượng trông thấy tôi, quay bảo quan Chính-đường rằng : «Rất giống mặt Liêu-sư. » — Liêu-sư tức là chú tôi.

Quan Chính-đường bảo tôi đến bên Ngài ngự coi mạch. Tôi khom mình đi tới. Quan Tham-đường bảo tôi ngồi ; quan Chính-đường lại bảo tôi ngồi vào giữa, tôi mới nghiêng mình mà lách vào. Quan Chính-đường, quan Tham-đồng tại tả hữu, tôi ở giữa, ba người ngồi chạm vai nhau. Sau lưng có bức vách phấn, bức vách chỉ cách ngự-tọa hơn hai thước, mình tôi như dính liền vào bên ngự-tọa. Thánh-thượng xuống võng, ngồi trên nệm gấm, quay sang phía tả mà thở, đặt

(1) Trạch-trung-hầu : người xã yên-thường, huyện Đông-ngạn (nay là phủ Từ-sơn, Bắc-ninh) họ Phạm, làm quan nội-sai, được phong tước Trạch-trung-hầu. Sau khi Tây-sơn dứt nhà Lê, ông khởi binh chống lại, nhưng bị thua. Ông là thân-phụ của Phạm-Thái, hiệu Chiêu-Lý, tác giả bài *Chiến tụng Tây-Hồ phú*.

Library HoangSa.Org

tay trên gối gấm cho quan Chính-đường coi mạch, rồi cho tôi coi, sau hết cho quan Tham-đồng coi. Lúc ấy mặt trước, ngự tọa cách tôi chỉ vài ba thước, tôi chỉ cúi đầu, chẳng dám trông lên. Quan Chính-đường bảo tôi rằng : « Ý-kiến thế nào, cho cứ thực nói ra ». Tôi thưa rằng : « Thần kính xét các mạch tả hữu quan thốn đều chạy rất mau ; mạch tả chạy mau mà chìm, mạch hữu chạy mau mà nhỏ. Lại ấn tay lên mạch thì thấy đều vô lực. » (1)

Thánh-thượng hỏi : « Hai ông có thấy gì khác không ? » Hai ông đều tâu là cùng nhận thấy như thế, riêng không thấy mạch chạy găng ở tay tả. Rồi cho tôi ra ngoài, bảo tôi biên đơn tiến-nạp. Tôi ra ngoài cửa cung đến điếm Thị-Kỵ, cùng ngồi với quan Chính-đường. Ông nói nhỏ về nguồn bệnh, thấy chứng bệnh thế nào nhất-nhất kể cho tôi hay và hỏi kín tôi : « bệnh-chứng ra sao ? » — Tôi nghĩ : thân-thể gầy-gò, da-thịt khô-khan, nước tiểu vàng đục, đại-tiện táo-bón, bụng đầy thời thường thở dốc, lại toát khí nhiệt, miệng khát, lưỡi nổi mụn, ho mất tiếng, mọi thứ đều là triệu-chứng tinh khô huyết kiệt (2). Tình-thế lại rất gấp, sợ rằng cái khí của dạ dầy đã suy-bại đến cùng-cực, mà ý chừng trước kia trong lúc điều-trị chưa từng bồi-bổ. Có thể là chính căn-bệnh không đến nỗi thế mà vãn-hồi được chăng ? — Tôi đáp : « Khó hay dễ thực chẳng dám quyết. Xin dâng thuốc một lần, nếu sáu đường mạch trở lại hòa-hoãn (3) mới khỏi lo-ngại ». Hai ông thúc tôi kê đơn.

Đơn thuốc như sau :

Tiểu-thần Lê-hữu-Trác kính-cẩn kê :

(Xin phỏng theo bát vị, có tăng giảm để chế cao).

Thục-địa	:	5 lạng	
Sơn-dược	:	3 —	(cơm rang, sao 3 lần)
Sơn-chu	:	2 —	(dùng rượu nấu, bỏ hạt)

(1) *Nguyên-văn.*— Thần cẩn án mạch : Tả hữu quan thốn thậm đắc hồng-sác nhi huyền, tả-xích trầm-sác, hữu-xích tế-sác ; trùng án giai vô lực. (Quan tức là mạch quan, nơi cổ tay có ba bộ mạch, mạch quan ở giữa, căn-cứ vào hai cái xương chồi sau cổ tay. — Thốn tức là thốn-khẩu nói tắt, tấc động-mạch sau hai bàn tay. — Hồng-sác : nói mạch chạy dùn lên tựa nước dâng và chạy mau. — Huyền : nói mạch chạy căng-thẳng như cái cung đã dương lên. — Trầm-sác : nói mạch chìm và chạy mau. — Tế-xác : nói mạch nhỏ và mau.— Trùng án : lại đè trên mạch một lần nữa).

(2) Tinh khô huyết kiệt : Tinh-khí khô cạn, huyết mạch tàn-lụi.

(3) Hòa-hoãn : đều-hòa và thư-thái.

Library HoangSa.Org

Mẫu-đơn	: 1 lạng.	5 đồng cận		
Bạch-phục-linh	: 1 —	5	—	(ngâm sữa)
Mạch-môn	: 1 —	2	—	
Ngũ-vị	:	8	—	(dùng sống)
Chế-phụ	:	5	—	
Nhục-quế	:	5	—	(ky lửa)

Cho tất cả vào một cái nồi đất, đun thành cao, đoạn thêm vào :

Cao lộc-nhung : 2 lạng. (1)
Cao câu-kỷ : 1 lạng.

Đun lửa và quấy đều. Đem cao ấy ra, bỏ nhục-quế đã tán nhỏ vào, đậy nắp giữ kín.

Mỗi lần dâng một chén trà nhỏ, sau khi đã đun to lửa, dùng thần-thảo (2) làm thang. (3)

Nay kính trình

Đến tối thấy quan Nội-sai là Trạch-trung-hầu đến tuyên-triệu quan Chính-đường, quan Tham-đồng cùng tôi vào chầu, coi mạch như lần trước, lại xem xét bệnh một lần nữa. Chẩn bệnh xong, Thánh-thượng hỏi : « Mạch đã nổi lên và chạy nhanh, sao lại dùng quế-phụ ? » Tôi thưa rằng : « Thần trộm xét mạch vô lực, nếu có nhiệt lắm cũng là nhiệt giả, nay lại được chẩn bệnh một lần nữa, quả thấy mạch-tình thượng thực hạ hư, phương thuốc tiến-nạp thật là đích-đáng ». — Thánh-thượng lại hỏi : « Đã bị sốt, sao bụng lại đầy, cơm không tiêu ? » Tôi thưa rằng : « Thần trộm thấy trong sách thuốc có nói : « Xét mạch thấy vô thần, chính là phù-du, cái nóng phát ra ở da thịt thì ngoài nóng mà trong lạnh, thượng thực hạ hư, cho nên bụng đầy không tiêu ». Ngài ngự lại hỏi : « Trong đã lạnh sao nước tiểu lại vàng đục ? » — Tôi thưa rằng : « Thần thấy trong sách nói bên trong khí không đủ thì nước đái phải biến sắc, chẳng phải ở trong thực có nóng. » — Thánh-thượng nói rằng : « Người này nói quả-quyết ắt có định-kiến (4). Vậy theo đơn chế một tễ nhỏ dùng thử. » — Hai ông thưa rằng : « Cái đơn thuốc tiến nạp ấy thật thích-đáng. » Rồi mọi người đều bước ra đến điếm Thị-Kỵ cùng ngồi. Quan Chính-đường sắc mặt tỏ ra ngại-ngùng, bảo tôi rằng : « Mạch hồng-sác mà dùng quế-phụ để cho nóng, sợ chẳng phải là hư-hỏa mà ông quả-quyết như vậy, thật là đáng sợ ! » Quan Tham-đồng nói : « Lửa đỏ thêm dầu, nếu chẳng phải là điều chân-kiến (5) há chẳng dám làm liều. »

(1) Lộc nhung : gạc hươu non mới mọc.
(2) Thần-thảo : không rõ vị gì.
(3) Thang : vị thuốc thêm ngoài để dẫn những thứ thuốc chính.
(4) Định-kiến : cái ý-kiến đã liệu rõ mà không thay-đổi.
(5) Chân-kiến : cái điều hiểu-biết thấu-đáo không sai-lạc.

Library HoangSa.Org

— Tôi nói : « Búa rìu (1) ngay tại trước mặt, tôi há lại không biết điều họa phúc sao ? Chỉ biết đem hết cái kiến-thức của mình ra cho hết lòng. Vả lại trước đây đã dùng thuốc mát mà nhiệt chẳng giảm, bụng lại đầy thêm, đó là cái cớ trong thì lạnh chẳng còn hồ-nghi nữa ». Quan Thạm-Đồng khen rằng : « Như thế là có bằng-cứ rồi. » Quan Chính-đường cười nói rằng : « Phải gấp chế thuốc ».— Rồi ông sai thủ-phiên Hữu-Viện mang cái rương thuốc ngự đến để mọi người cùng cân lường, trao thuốc cho quan thị-dược để đem đun lên. Hại ông đều quay về trụ-sở. Tôi cùng với quan coi thuốc hữu-viện chuyện trò. Tôi thấy một viên hoạn gác cửa, đứng ở chỗ giả-sơn nhà quảng-đường, cách tôi vài ba chục bước đưa tay ra vẫy tôi. Tôi đứng ngay dậy mà đến với y. Vị quan này nói rằng : « Vâng chỉ-truyền của Thánh-mẫu đến vời lão-sư coi mạch, khó dễ ra sao, cho được cứ sự thực mà thưa ». Tôi nghĩ một lúc khá lâu mới nói rằng : « Tôi là người chốn sơn-dã, một sớm triều-kiến mặt trời, lấy làm sợ hãi, mười phần chẳng nói lên được một. Tuy có xem mạch, còn sợ biện nhận chẳng đúng, nay đang bận coi thuốc-thang, sau đó mới biết hay dở, xin quí-hầu (2) xét cái tình thực của tôi mà tâu lên cho. » — Vị quan này trở vào trong cung Cấm. Tôi quay lại trụ-sở, hỏi viên trực-nhật-y vị quan ấy là ai. Y nói : đó là Thản-trung-hầu, quan nội-sai tại Công-phiên Quản-thị Cán-quân (3).— Tôi đi đến cung Thập-Tự xin phép trở về nhà. Quan Chính-đường bảo : « Sáng sớm thì quay lại ». Tôi được phép rồi ra đi. Đêm ấy vào giữa canh năm tôi đến cửa phủ, cửa chưa mở, ngồi đợi cửa mở rồi vào. Tôi thấy quan Chính-đường mặt mũi vui-tươi, thì cũng mừng thầm, như vậy quả quế-phụ không nóng. Quan Chính-đường nói rằng : « Thuốc ấy dâng ngài ngự lần thứ nhất được hòa-bình, ho giảm-bớt, đến gà gáy theo đơn chế một tễ dâng lên, thì tiểu-tiện dễ-dàng mà ít vàng, ắt là nhiệt đã giảm rồi. Ông bảo tôi đi theo vào cửa Cấm, đến ngoài cửa đứng đợi, còn ông vào trong trước. Một nháy mắt sau đã thấy có lệnh truyền cho tôi vào, và cho thăm mạch. Thánh-thượng nói rằng : « Uống thuốc ấy vào cũng được thanh-thái (4), hơi có ý muốn ăn, nay nên làm thế nào ? » Tôi tiến lên thưa rằng : «Sức thuốc còn kém-cỏi, chưa được thành công, xin cho chế cao-dược, khí khí thuần, lực toàn (5) mới dùng đến thuốc bổ ». —

(1) Búa rìu : hai thứ đồ dùng bằng sắt có lưỡi để bổ và để đẽo gỗ, bởi chữ phủ-việt dịch ra. Đây là nói chung về hình-pháp.

(2) Quí hầu : tiếng tôn-xưng người có chức-tước.

(3) Nguyên-văn : Thử quan nãi Nội-Sai Công-phiên quản-thị Cán-quân Thản-trung-hầu.

(4) Thanh-thái : cũng như thư-thái, nhẹ-nhõm và dễ chịu.

(5) Khí thuần lực toàn : khí-huyết điều-hòa, sức-lực đầy-đủ.

Library HoangSa.Org

Ngài ngự truyền quan Chính-đường gấp-rút chế cao-dược. Ông được lệnh cùng tôi rảo bước đi ra đến điếm Thị-Kỵ. Ông đến trụ-sở ăn sáng, bảo tôi ở đó đợi cơm bữa. Chẳng bao lâu nhà bếp bưng mâm cơm đến. Đồ ăn ngon-lành chẳng cần phải kể. Từ đó mỗi ngày ba bữa tôi ăn cơm tại đó. Quan Chính-đường chiều tối thì đến điếm Thị-Ngự bảo tôi cân, chọn và chế thuốc cao. Tôi mới chọn những thứ rất tốt để làm thuốc, về lộc-nhung chỉ chọn Bắc-nhung, lấy mầm non nơi có huyết ngưng 10 lạng, nấu thành cao 2 lạng để hòa-hợp với thuốc cao khác, lại chọn nhân-sâm thứ to béo (1 cân) 45 chỉ, giá tiền là một ngàn một trăm quan tiền, nấu mọi thứ mà chế thành thang thuốc. Quan Chính-đường giao cho quan thị trà coi giữ và đun nấu (1), chẳng nói đến việc này.

Tôi lại thấy Thản-trung-hầu thuở nọ bảo tôi rằng : « Vâng chỉ-truyền của Thánh-mẫu đến cho quí-sư hay là nay thấy Thánh-thượng ngự trà (2) rất được thanh-thái, Thánh-mẫu rất vui-mừng và truyền hỏi lão-sư là Thánh-mẫu thường bị đau ở hông nơi cạnh sườn đã hơn một năm nay, nay điều-trị có chóng khỏi không ? » — Tôi nói : « Cứ như bệnh ấy, chữa không khó, còn chóng hay chậm khỏi, phải xin đợi thăm mạch mới dám có định-kiến. » Thản-trung-hầu bỏ đi ra rồi, lại thấy Trạch-trung-hầu từ trong cung Cấm tới điếm Thị-Kỵ nói là vâng chỉ đến ban-thưởng lão-sư. Quan Chính-đường bảo tôi quỳ xuống. Trạch-trung hầu đứng xướng lên rằng : « Cung hỉ, Thánh-chỉ ban khen lão-sư vào chầu tấu-đối minh-bạch, lại am-tường việc xem mạch, vậy ban thưởng một chiếc thái-ngưu lại còn dự ban áo mát và áo ấm để trở lại vào chầu. Quan Chính-đường truyền tôi đứng dậy và bảo Trạch-trung-hầu rằng : « Xin ông anh chiếu lệ cho ! » — Trạch-trung-hầu quay-về cung Cấm. Vì chẳng biết duyên-cớ gì, tôi mới hỏi dò một quan thủ-phiên ở Nội-viên về việc này. Ông ta cho biết chiếu lệ là mỗi khi có ban thưởng thì lệ phải có làm lễ bái. Tôi lại hỏi : « Thái-ngưu là vật gì vậy ? » Ông ta nói : « Một chiếc thái-ngưu là chuẩn cho số tiền mười quan ». Tôi hỏi tường-tận, chẳng am thời-sự thật rất tức cười. Câu chuyện đầu đuôi đang muốn tiếp-tục thì có người Bắc-khách (3) tên Chú Bầy thấy tôi chế thuốc thì nói rằng : « Thánh-thượng giầu có gồm bốn bể, thuốc dùng sáu, bảy năm nay mỗi lần ước định giá tiền không quá

(1) Nguyên-văn : chử-tạo nấu và làm ra.

(2) Ngự-trà : uống thuốc, kiêng tiếng thuốc, nên mới dùng tiếng trà thay vào.

(3) Bắc-khách : người khách phương Bắc, chỉ người Trung-Hoa sang ở nước ta.

Library HoangSa.Org

ba, bốn trăm gián (1) nay một tễ thuốc lớn đáng tiền tới mười ngàn quan, có dùng thế mới xứng với bậc vương-giả ! » — Nguyên y rất được sủng-hạnh nên mới nói bừa-bãi mà không sợ-sệt gì. Từ đó tôi quen biết chơi-bời với y. Lúc ấy trong cung cũng có cái khẩu-hiệu là « mười bốn » (tôi là con đứng hàng thứ bảy mà y là chú Bảy, cho nên gọi là mười bốn). — Y với tôi khi ngồi thì cùng chiếu, ăn thì cùng mâm. Giao-tình thật là khăng-khít. Nguyên do y có biết thuốc, học Vương-đạo (2). Trước đây mỗi khi thấy Thánh-thượng hay dùng thuốc lạnh, cùng các thứ tiêu-đạo, y nhiều lần cố khuyên dùng phương thuốc bồi-bổ, nhưng vì khác biệt với các ngự-y nên chẳng ai chịu nghe theo. Y uất-ức trong lòng mà không nói ra được. Khi này thấy tôi dùng thuốc bổ thật mạnh thì đạo đồng, ý hợp, nên giao-du cùng nhau thật là bền-chặt, điều đó miễn nói đến.

Quan Chính-Đường bảo tôi rằng : « Ông nên gấp trở về nhà chuẩn-bị áo-mũ ; sáng hôm sau vào chầu sớm để nhận ban-thưởng ; việc hệ-trọng chẳng phải tầm-thường, chẳng nên coi là việc nhỏ. Nếu ngày mai vào chầu lại ăn mặc như cũ, ấy là coi thường ơn vua, tội đáng chết ! » — Tôi sắp ra đi còn tái tam dặn-dò. Tôi cám ơn mà rằng : « Đâu có dám trái lệnh. » — Tôi mới từ biệt ra về. Ý quan Chính-đường biết rõ lòng tôi vốn không lấy việc được ban lộc làm vinh-hạnh, lại chính ông đã tiến-cử tôi, nên ông để tâm che-chở. Tôi nghĩ : Mình tuy không có chí may áo lá sen lá ấu (3) mà đem treo vật tại cửa đông thì sao lại không được ? — Tôi mới sai người đến chỗ thân-bằng mượn áo mũ. Tối hôm ấy thấy dịch-mục của quan Chính-đường mang mười quan tiền đến chỗ tôi ngụ đến đêm vào canh hai, lại thấy lính thị-trù (4) mang ngự-soạn (5) ban cho đến nhà. Bọn này có vẻ hoảng-sợ, nói rằng ; « Bọn chúng tôi đi tìm hỏi chỗ ngụ khắp nơi, cho nên đến chậm, xin quí-sư tha-thứ cho. » Tôi theo lệ thường cho chúng tiền, chúng từ-tạ chẳng dám nhận (chỉ vì có lỗi nên chẳng dám nhận thưởng) mà ra đi.

(1) Tam, tứ mạch : mạch là chữ dùng thay cho chữ bách ; sáu mươi hoặc bảy mươi đồng tiền là một mạch, cũng gọi một năm gián — Tam, tứ mạch : ba, bốn trăm gián.

(2) Vương-đạo : đạo chính theo như đời tam vương. — Nghĩa rộng đạo làm chân-chính, ngay-thẳng.

(3) May áo lá sen lá ấu : nguyên-văn ; phần hà liệt kỵ-sử-tử có câu : liệt kỵ-hà dĩ vi y, có nghĩa cắt lá ấu lá sen để may áo (lời nói thác về y-phục của kẻ ở ẩn). — Kỵ là cây thuộc loài thảo, lá nổi trên mặt nước, quả (trái) chia ra bốn góc, gọi là quả ấu.

(4) Lính thị trù ; bọn lính trông coi việc bếp núc.

(5) Ngự-soạn : Đồ ăn của vua chúa.

Library HoangSa.Org

Sáng hôm sau, tôi đội mũ mặc áo vào phủ. Quan Chính-đường thấy tôi có cái quan-dạng (1) ấy thì như có vẻ mừng, bảo tôi rằng : « Vào khoảng tối đêm, cơn nóng của Thánh-thượng đã hết, nước giải đã hơi trong, bụng bớt đầy nhiều, tiểu-tiện vàng đục tạm ngưng. Đêm qua đã dâng ba lần thuốc cao. » Tôi nghe vậy cũng mừng thầm, rồi cùng ông vào chầu xem mạch. Lúc ấy Thánh-thượng ngự trên võng, ngồi lên nệm gấm, cười bảo quan Chính-đường và quan Tham-đồng rằng : « Hôm nay cử-động thấy nhẹ-nhõm, có lẽ nhờ sức quế-phụ (2) mới vận-động được mạnh-mẽ, và bụng thấy đói. Nếu đúng thế thì từ trước đến giờ dùng bừa-bãi thuốc lạnh, chẳng hóa ra lầm-lẫn sao ? » Quan Chính-đường trình rằng : « Bọn thần thấy dùng quế-phụ là lấy làm sợ-hãi, có biết đâu giả-nhiệt (3) gặp quế-phụ là hết ». Thánh-thượng nói : « Người này dùng thuốc có kinh-nghiệm mới dám dùng những thứ ấy ». Quan Chính-đường lại thưa rằng : « Thần vốn có nhiều bệnh, tự dùng thuốc của nhà, sau lại tìm thày khắp nơi để trị bệnh. Mãi đến khi thần phụng-mệnh vào Hoan-châu mới được biết nhau. Người thôn-dã (4) nói năng thô-suất, nhưng về ý-lý (5) thì uyên-áo ; thày thuốc hiện nay trong thiên hạ không ai hơn được. » Lúc ấy tôi nghe vị quan này nói vậy thì lông-tóc dựng ngược, thầm kêu khổ rằng : « Ta quả như dầu tầm bột gạo vậy, không có kỳ-hạn nào ra khỏi nữa. » Tâu xong mọi người đều đi ra, đến dinh Thị-Kỵ. Quan Tri-binh là hầu Cầu (6) chắp hai tay nói rằng : « Ngày hôm nay lòng tôi được thư-thái vậy. » Quan Tri-hộ là hầu Diệm (7) trách quan Chính-đường rằng : « Có người như thế, sao nay mới tiến-cử ? » Quan Chính-đường cười mà đáp rằng : « Đã hai tháng nay tiến-cử vào hầu Thế-tử, nhưng chẳng dùng mà thôi ! » Nói xong, mọi người đều vào điếm Thị-Kỵ cùng ngồi. Lúc ấy trong phủ ai cũng nghe danh tôi. Trong lúc ngồi luôn-luôn có người dòm-ngó tôi. Quá giờ ngọ thấy quan Nội-sai truyền chỉ cho tôi vào hầu thuốc Thế-tử, lại truyền cho quan Chính-đường rằng : « Từ nay chỉ cho lão-y hầu thuốc, không được cho đem vào dùng một hào-li (8) thuốc nào khác ! » Quan Chính-đường được lệnh mới đưa tôi vào cung, đến tầm-

(1) Quan-dạng : dáng-vẻ một ông quan.
(2) Quế-phụ : hai dược-phẩm có tính-chất tăng nhiệt-độ.
(3) Giả-nhiệt : thấy nóng mà không phải đau vì nóng : — nóng giả.
(4) Thôn-dã : nơi thôn-xóm đồng ruộng.
(5) Ý-lý : sự hiểu-biết về nghề thuốc.
(6) Hầu Cầu : người được phong tước hầu, tên Cầu (không rõ là ai).
(7) Hầu Diệm : không rõ là ai.
(8) Hào-li : hào là một phần mười trong một li. — Li là một phần mười trong một phân. Nghĩa rộng, hào-li là một tí, một chút.

Library HoangSa.Org

thất của Thế-tử. Tôi thấy lầu-gác liên-lu, tầm-thất của Thế-tử cũng gần ngự-tầm mà ở về phía tả. Tôi đi theo quan Chính-đường vào coi mạch. Lúc đó tôi thấy thân-hình Thế-tử rất là gầy-ốm, bụng lớn, da mỏng, gân xanh, rốn lồi hơn tấc, khí xuyễn muốn thoát, mạch chìm mà chạy nhanh, lại vô thần. Tôi nghĩ mình xưa coi Thế-tử còn có da thịt, mạch còn hồng-huyền (1), nay đến như thế này thì hẳn không còn làm gì được nữa. Người xưa coi bốn chứng làm khó chữa, chính là đây vậy. Nhưng tôi chỉ nói là bịnh cam, cái tiếng « cổ » thì kiêng chẳng dám nói đến. Tôi xem xét xong bái tạ đi ra (lệ nhập kiến cũng có bái). Quan Chính-đường truyền bảo tôi đến sở Thập-Tự, ghé vào tai tôi nói nhỏ rằng: « Ông thấy thế nào? » Tôi đáp: « Thể-chất và tinh-thần suy-kiệt, mệt-mỏi quá rồi, thế không thể trồi-dậy được nữa! » — Quan Chính-đường nghe nói thế thì buồn thiu, thở dài một tiếng, nằm vật xuống giường. Tôi biết Thánh-thượng tin dùng ông, lấy ông làm người tâm-phúc, nhờ ông làm vây cánh, vốn muốn thác cô (3) vào ông; bỗng nghe lời tôi nói như vậy nên mới có quang-cảnh ấy. Ông lại hỏi tôi rằng: « Đem hết cái sức của ông ra mà chữa-trị, liệu có hi-vọng gì không? » — Tôi thưa: « Đã từ lâu dùng thuốc công-phạt đe đến nỗi tinh-huyết khô-kiệt, đó là bị thuốc làm hại, chứ không phải bệnh khiến đến nỗi ấy. Nay dùng thuốc bổ thì khác nào khô nắng từ lâu mà gặp mưa rào; sau vài ba ngày, cát hung mới có thể biết được. » Quan Chính-đường nói rằng: « Nếu vậy nên gấp rút chế thuốc! »

Tôi đem cái đơn thuốc ngày trước ra, tăng bội lên, thêm chút trầm-hương (4).

Bạch-truật	4 lạng (tẩm mật sao)
Thục-địa	1 — (nướng khô)
Can-khương	6 đồng cân (sao đen)
Ngũ vị	4 — —
Sinh trầm hương	2 — —

(1) Hồng-huyền: coi chú-thích ở phía trên.

(2) Bốn chứng: bốn thứ bệnh. Theo thuyết y-học xưa có bốn thứ bệnh không chữa được là phong (bệnh điên), lao (lao-phổi), cổ (bệnh nhiễm độc-vật), lại (bệnh hủi). Chữ cổ ở đây mà chúa Trịnh-Cán mắc phải được viết ra với ba chữ trùng (trùng là con sâu) trên chữ hức.

(3) Thác cô: Gửi trẻ mồ-côi. Khi nhà vua có con còn nhỏ tuổi thì thường gửi-gắm cho một hoặc nhiều đại-thần tín-cẩn, để sau ngày vua băng, các người này phù-tá con vua mà giữ vững ngôi báu.

(4) Trầm-hương: thứ gỗ ngâm lâu ngày dưới nước, chỉ còn lõi, sắc đen, thường dùng để làm thuốc.

Library HoangSa.Org

Tất cả nấu thành keo, đun to lửa, dùng Bắc-sâm làm thang (1).

Đơn thuốc viết xong, quan Chính-đường trao cho quan Tri-hộ phó A-bảo theo phép nấu cao. Tối đến, tôi xin về nhà. Quan A-bảo nói rằng : « Lão sư am-thục việc chế-tạo thuốc, nên ở lại đây giúp việc. » Tôi nói thác là có bệnh ở lá lách, ở đây mà đi ra ngoài chẳng tiện. Ông ta đáp rằng : « Thày thuốc thì biết lo bệnh, ai mà tin được ; hiện có nơi đi giải ở cuối thành rất rộng-rãi lại tịch-mịch ; đằng trước có một cái ao, cứ đến đó thật là tiện ». Tôi chỉ muốn về nhà, mới xin cho người học-trò của tôi là Hồ-Tuy thay tôi mà coi việc chế thuốc. Vị quan này ưng-thuận như vậy. Tôi trở về chỗ ngụ, ngày hôm sau lại đến.

Từ đó, mỗi lần vào xem mạch ở ngự-tầm cho Thánh-thượng, lại đến xem mạch cho Thế-tử. Tôi nhận thấy thuốc cao đã nấu xong, mà sao chưa thấy dùng. Nguyên có người nói với Chính-cung (tức là bà sinh ra Thế-tử) rằng : « Từ trước đến nay thuốc của Thế-tử dùng, tuyệt-nhiên chẳng dám cho bạch-truật, thục-địa, chẳng qua truật làm cho bế khí, thục làm trệ tì, nay dùng tới ba, bốn lạng thật là kinh-hoàng. Nếu dùng như vậy thì đại tiểu tiện đều bí.»— Chính-cung mới cho vời Bắc-nhẫn (tên chú Bảy) đến mà hỏi ý kiến. Nguyên người Trung-Hoa này là gia-thần của Chính-Cung, vợ y ra vào nơi Chính-cung mà không bị ngăn-cấm gì, vì là thị-tì (2) yêu-dấu của người. Bởi lẽ đó mà Chính-cung vời người chồng lại hỏi. Người này thưa rằng : « Lâu nay dùng thuốc tiêu-lợi mà bệnh trướng tăng, bụng đã trướng thấy rõ rồi, nay dùng thuốc bồi-bổ chính là phương-pháp làm cho hết bệnh trướng. Ý thần cũng giống thế, xin đem thuốc tiến ngự, không còn phải nghi-ngờ, nếu vạn nhất có làm sao, thần xin đem toàn gia chịu tội. » Chính-Cung nghe vậy mới dám cho dùng thuốc. Người Trung-Hoa đến điếm Thị-Dược, kể lại đầu đuôi câu chuyện cho tôi nghe. Tôi lấy làm bất bình mới cất to tiếng mà nói với các thày thuốc trong Viện rằng : « Thế-tử thật là người nhà trời vậy, ruột gan bằng sắt đá, tưởng một năm nay, các thứ thuốc dùng nhiều biết là bao, mà thần-sắc còn giữ được, nếu là con nhà tầm-thường thì sau một ngày ắt là chẳng lưu lại được. Điều cốt yếu là bệnh có chứng thực nếu không thì là chứng hư ; phép chữa bệnh không công (3) thì bổ. Khắc phạt đã không thành công mà bồi-bổ cũng chẳng muốn. Vậy dùng phương-pháp gì đây ! Vả lại từ một năm nay, đã gắng sức đến cùng mà cũng không làm gì được để

(1) Thang : coi chú-thích nói phía trên.
(2) Thị-tì : đầy tớ gái.
(3) Công : nói dùng các vị thuốc có năng hiệu mạnh-mẽ để chữa bệnh.

Library HoangSa.Org

cứu-chữa, sao lại có thể ghen tài ganh công, lại còn phỉ báng nữa ? Người làm thuốc lấy việc cứu người làm điều tâm-niệm ; trong cái nhân-thuật (1) cũng vốn sẵn có cái tấm lòng trung của bọn thần-tử, tấm lòng đó ở đâu ? » — Các y-sĩ nghe nói đều cười nhạt. Nguyên kẻ xàm-báng tôi, cậy mình đắc sủng (2) khinh-miệt lời tôi nói, đều bị mọi người oán-giận, lại ngày thường kẻ ấy coi thiên-hạ là không ai bằng mình, đến khi thấy tội có chút công-lao, cho nên không tránh được điều ghen-tị. Người Trung-Hoa nói rằng : « Tôi được nghe Thánh-thượng lấy làm hối-tiếc đã dùng thuốc lạnh-mát, nếu thuốc của lão-sư thành công thì kẻ đã dùng thuốc khắc-phạt, tội đáng phải chết. Tôi cùng y đều nói : « Ý chừng cũng đến thế. ». Y còn nói trong vài ba ngày gần đây, Thế-tử dùng Cao-dược, tiểu và đại tiện được thông lợi, bụng mềm, biết đói, cho nên những lời nói vui-mừng truyền ra tận bên ngoài. Lúc ấy người Bắc-quốc dương-dương đắc ý (3), ngôn-ngữ rặt một mùi châm-chích. Kẻ kia sắc mặt bẽ-bàng, cáo bệnh, không đến nữa. Người Bắc-quốc nói kín với tôi rằng : « Chính-Cung rất vui-mừng, ý muốn ban trọng-thưởng. » — Tôi sợ bệnh chữa chưa được giảm nhiều, chưa hẳn đã thành công, mới khẩn-khoản nói với Bắc-nhân rằng : « Mong anh hết lòng bẩm xin, đợi lúc đã lập công vạn toàn, mới dám nhận trọng thưởng. » Việc này khỏi phải nói.

Lúc này Thánh-thượng (4) dùng thuốc cao đã được sáu, bảy ngày, các bệnh dường như đã hết, chỉ có điều không ăn uống gì, tứ chi mỏi-mệt, ít muốn nói-năng. Quan Chính-đường hỏi kín tôi rằng : « Bệnh đã lui mà tinh-thần lại mỏi-mệt hơn, thế là duyên-cớ gì ? » Tôi ú-ớ chẳng dám nói thật. Ông hỏi lại tôi hai ba lượt, tôi thưa : « Hết bảy ngày thì ngũ-tạng chuyển-biến, một khi gặp những thuận-lợi thì phải khá lên dần-dần. Nay thấy bệnh suy, có lẽ thuốc dùng công-phạt quá nhiều, nguyên-khí (5) đã bại rồi. Lời sách nói rằng : « Cái khí ở dạ dầy đã bại rồi thì trăm thứ thuốc cũng khó đem dùng » (6). Ông nghe nói vậy thì sợ-hãi rụng-rời chân tay, bảo tôi rằng : « Làm sao được

---

(1) Nhân-thuật : nghề làm thầy thuốc.

(2) Đắc sủng : được yêu-thương.

(3) Dương dương đắc ý : nghênh-ngang thích chí.

(4) Thánh-thượng : chỉ chúa Trịnh-Sâm. Lắp lại chữ dùng của Lãn-ông, khó có chữ khác đem thay vào. Nếu dùng chữ chúa thượng thì cũng không khác gì, bởi chữ Hán chúa-thượng có nghĩa là vua. Tác-giả dùng hai chữ Thánh-thượng hẳn đã cân-nhắc kỹ rồi.

(5) Nguyên-khí : cái khí đầu tiên của con người, cái khí vốn có sẵn.

(6) Nguyên-văn : nguyên-khí nhất bại, bách dược nan thi.

Library HoangSa.Org

bây giờ ? » Tôi đáp : « Cái việc ngày nay là tạm hoãn thuốc cao, mà cứu gấp cái vị-khí. » Ông bảo tôi biên đơn thuốc, tôi kê ra như sau :

Bắc-sâm	2 lạng	
Bạch-truật	1 lạng	5 đồng cân
Đại-phụ		8 đồng cân

Đun lửa to, thỉnh-thoảng cho uống.

Được vài ba ngày, bệnh-thế không chuyển. Được hai ngày nữa, tức là ngày mười một tháng chín, Thánh-thượng yến-giá. (1)

Tôi cứ như trước ngày ngày đến Đông-cung trông nom thuốc thang. Ngày hôm sau Thế-tử kế vị, ra ngự tại phủ-đường để cho các quan-liêu chào mừng. Lúc ấy cũng cho tôi đi theo hầu giữ việc điều-trị. Trong lúc còn mang bệnh, Thế-tử phải kiêng gió, nắng ; nhất thời ra ngoài, bị cảm phong hàn, khi về cung thì hơi phát rét, vời tôi vào coi mạch. Tôi dùng bát vị, bỏ mẫu-đơn, giảm trạch-tả, cho thêm mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất, mà tiến ngự. Các chứng đều giảm bớt, mà hơi thở gấp tựa mắc xuyễn, còn tăng hơn khi bệnh đã lùi trước kia. Các chứng lại nổi lên. Tôi thấy thế nguy chẳng làm gì hơn được, mới kêu có bệnh chẳng vào hầu. Ba ngày sau lại sai người hỏi đơn thuốc. Lúc ấy may có thày thuốc người Sơn-Tây mới được tiến-cử, vào hầu. Tôi mới được chút nhàn-hạ, tự nghĩ rằng nên thừa dịp mà ra đi. Tôi đến gặp quan Chính-đường, nói dối là trong nhà có bệnh kịch, nhiều lần được thư nhà thôi-thúc, nhưng chưa dám hé răng, nay sự thế đã quá gấp, mong đại-nhân thương tình. Quan Chính-đường có ý ngần-ngại. Tôi lại nói rằng : « Xin tạm cho về thăm, coi việc hay dở ra sao, rồi sẽ trở lại. » Quan Chính-đường nói rằng : « Ngày nay sự-thế đã khác, ông nên vào phủ thỉnh cầu các quan thụ mệnh (2), rồi vào bái-tạ mới có thể ra đi. » Tôi y lời mà làm. Các quan thụ mệnh người thì thuận, người thì chẳng thuận. Tôi nghĩ rằng : « Số người ưng-thuận đã quá bán, vậy tôi cứ bỏ đi ». Tôi đến cung Cấm bái tạ thì gặp người Bắc-quốc. Y cầm tay tôi mà nói rằng : « Lão-sư đi xa để cho tôi ngày đêm lòng buồn-bã ». — Y lại nói : « Bọn thày thuốc dốt nát có cứu-giúp ai được, bọn chúng ta nên tự mình xuất lực, ngõ-hầu vãn-hồi ». Tôi nói : « Tôi ra đi bất nhật (3) sẽ quay lại ». Bắc-khách cười đáp : « Đã

---

(1) Yến-giá : băng. (Yên có nghĩa là yên-nghỉ, giá là được chở đi bằng xe hay thuyền). Đây nói về chúa Trịnh-Sâm mất.

(2) Thụ mệnh : chịu mệnh-lệnh, ý nói các quan được ủy-quyền thi-hành các mệnh-lệnh.

(3) Bất nhật : thế nào cũng có ngày mà không biết định ngày nào.

Library HoangSa.Org

đi rồi thì lẽ nào còn trở lại ». Tôi cười nói rằng : « Sao anh lại nói -mơhồ vậy ? » — Rồi cùng dắt tay nhau đi vào. Khi ấy quan Phó a-bảo ẩm tiểu-chúa trong lòng. Tôi lạy bốn lạy. Tiểu-vương (1) nói rằng : « Trà của lão-sư thật ngọt dễ uống, ta thích uống lắm ! » — Tôi nghe nói thì than thầm rằng : « Đã bị thuốc lạnh làm hại nhiều rồi ! » Đoạn tôi đi ra, đến bái-biệt quan Chính-đường. Ông đưa cho năm mươi quan tiền để làm hành-lý. Tôi từ-chối, chỉ lĩnh mười quan. Tôi đến từ-giã quận-hầu. Hai người đều tỏ ra buồn-bã. Quận-hầu đem thuốc, tiền cùng những phẩm vật trong mùa ra tặng. Cùng nhau nói chuyện một lát, uống trà xong, tôi đứng dậy tạ-biệt. Quận-hầu đi bộ, bước trong nước bùn mà tiễn chân tôi ra khỏi cửa dinh. Quận-hầu biết là tôi ra đi sẽ không trở lại nữa, mới cầm tay tôi mà rằng : « Tôi cùng lão-sư bao giờ mới lại gặp nhau ! » Hai người nhìn nhau, đều muốn ứa nước mắt.

Tôi sợ chuyến đi này có sự ngáng-trở, mới quay về ngụ-sở (2), từ-biệt chủ-nhân là quan Trạch-ưu (3), rồi ngầm rời đến nhà người cháu họ là Hộ-Hào, chỉnh-bị hành-trang, lại mượn lính của thân-bằng đi hộ-vệ. Phàm những bạn thân trong kinh-thành mà không đến từ-biệt được, tôi đều viết thư gửi đến tạ lỗi. Tôi lại nói phao lên rằng tôi dùng đường bộ mà đi, ngầm sai người thuê đò dọc chờ sẵn tại bến Trường-tín (4). Sau đó những bạn bè trong thành biết tôi đã ngầm rời nhà trọ, các quan-viên như Trạch-trung Kiệu-hữu, Trạch-ưu tả-nhuệ đều thân đến tiễn chân.

Ngày mười hai tháng mười, sáng sớm tôi đi bộ đến Hoành-đình, có binh-lính ra đứng gác. Quan quân thuộc Thị-nội tả đóng tại Hoành-đình. Tôi đến từ-biệt viên quan ở đây, nỗi lòng băn-khoăn, bối-rối hiện ra sắc mặt. Lúc tôi ra đi vị quan ấy đưa tặng một bao danh-trà, với một bài thơ tiễn có lời dẫn như sau : Canh-gác Cấm-thành đã từ lâu, vẫn chưa có vật gì để tặng, bất-giác (5) thấy lòng buồn-bã. Nay có trà Bạch-hào (một cân) xin đem đệ-nạp.

Thơ rằng :

Sương dãi đêm đông lạnh-lẽo hoài,
Nhớ nhau nên nỗi dạ khôn nguôi.
Đường chia nghìn dặm nên buồn-bã,
Bóng xế mây đoài quặn ruột ai...

Phiên âm :

Ngạo tận hàn sương đông ngũ dạ,
Tương tư huống hựu ức-hoài nhân !

(1) Tiểu-vương : chúa còn bé dại, chỉ Trịnh-Cán mới lên làm chúa.
(2) Ngụ-sở : nơi trú-ngụ.
(3) Trạch-ưu : coi chú-thích ở phía trên.
(4) Trường-tín : không rõ bến sông nào.
(5) Bất giác : bỗng-nhiên cảm thấy.

Library HoangSa.Org

Phân kỳ (1) vạn lý kham trù-trướng, (2)
Tràng đoạn (3) tây-sơn nhật mộ vân. (4)

Nguyên văn :

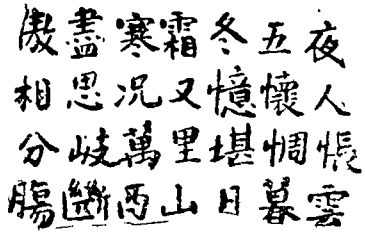

Tôi đi đến bến chùa Trường-tín, lên thuyền thuận dòng xuôi. Tôi ở trong thuyền, thong-thả trông ra xa, pha trà mà uống, lấy làm khoan-khoái, chuyện-trò giòn-giã khác nào như cá thoát lưới, như chim sổ lồng. Lòng muốn về cho nhanh ví như tên bắn. Trông về Tây, hàng nghìn trái núi xa thẳm hiện ra. Hễ thấy nơi nào cách-xa và sâu-kín thì ngờ là nhà mình ở đó. Tôi mới ngâm một bài thơ tả nỗi lòng rằng :

Giã-từ cửu-bệ với long-lâu,
Đàn kiếm ra thành dạ ngẩn-ngơ.
Đường cũ ngựa quen nên bước dễ,
Dòng sâu thuyền đẩy khỏ bơi mau.
Mây kia có ý như xua nắng,
Núi nọ đa tình bỗng đượm màu.
Vạn trái non tây phô sắc lục,
Song phong mải ngắm núi nhà đâu ?

Phiên âm :

Bái biệt long-lâu (5) cửu bệ (6) hàn,
Mang huề cầm kiếm xuất đô-quan (7).

---

(1) Phân kỳ : chỗ đường rẽ đôi — Ý nói cảnh ly-biệt.

(2) Trù-trướng : buồn-bã.

(3) Tràng đoạn : ruột đứt.

(4) Mộ-vân : đám mây buổi tối. Trong bài thơ «*Xuân-nhật hoài Lý-Bạch*» của Đỗ-Phủ có câu « Vị-bắc xuân-thiên thụ, Giang-đông nhật-mộ vân ». Nguyên Đỗ-Phủ ở Trường-yên nên mới nói Vị-bắc, trong lúc ấy Lý-Bạch đi chơi ở Giang-đông, nên Đỗ-Phủ mới nhắc đến Giang-đông. Ý nói Đỗ-Phủ trông cây cối trời xuân ở Vị-bắc, thì nhớ Lý-Bạch, biết đâu Lý-Bạch trông đám mây buổi tối lại không nhớ Đỗ-Phủ sao ! — Người đời sau hay « mượn khéo » bốn chữ xuân-thụ mộ-vân để nói lên cái tình bè-bạn.

(5) Long-lâu : cái lầu trên cửa ra vào có gắn con rồng bằng đồng.

(6) Cửu bệ : chín bậc thềm, ý nói bậc cao, chỗ vua ngồi, cũng chỉ nhà vua.

(7) Đô-quan : cửa kinh-thành.

Library HoangSa.Org

Mã am cựu lộ hồi-trình (1) dị,
Chu khứ trung-lưu phản-trạo (2) nan.
Vân nhược đa tình lai khử thự,
Sơn như hữu ý vị khai nhan.
Tây biên vạn tựu (3) giai thương-thúy,
Duy hữu song phong tự ngã loan (4).

Nguyên văn

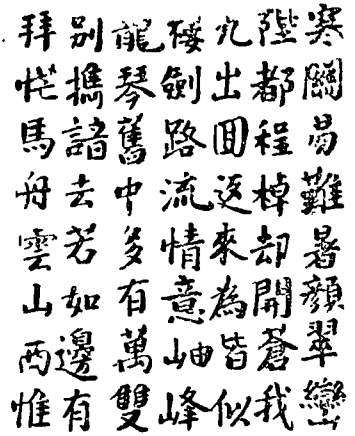

Lúc này nước sông chảy mạnh, thuyền nhẹ, thuận buồm, sau giờ ngọ thì đến Lãnh-Tuần. Tôi bỏ thuyền lên bộ, đến chơi chùa Nguyệt-Đường. Chùa ấy ở trên núi có cửa mở ra đường lớn ; một bên đằng sau cửa này là một cái ao hình bán-nguyệt. Ở bờ ao cây cối rủ bóng liên-lu, tùng-bách che mặt đất. Phía trước có một bức tường gấm, tường có cửa thông ra một con đường thẳng. Về phía đông và phía tây sân chùa, có hai hòn núi đất ; trên núi đều có xây gác chuông. Ở giữa xây một cái cung, điện rộng, nhà cao, nhà chơi mát sáng sủa, nhà gác tranh-vanh, bốn phương tám mặt đều có tường vẽ tranh huy-hoàng, những trấn-song quanh-co, thông nhau ngang dọc. Hoa lạ đua nở, ngáng-quải mắc-míu nơi thềm đá trắng. Nghìn cửa thông nhau, một lối nối liền. Tôi du-ngoạn giờ lâu, than rằng : « Thật là tiếng đồn không sai, đất thần-tiên cũng không hơn được vậy ! Chỉ còn hiềm sức người không làm sao đi đến chỗ hoàn-toàn như thiên-nhiên được, cho nên tao-nhân mặc-khách say-mê cái khí-vị của chốn lâm-tuyền từ lâu là vì thế ». Tôi mới làm một bài thơ đề trên vách, rồi ra đi :

(1) Hồi-trình : đường lúc trở về.
(2) Phản-trạo : mái chèo bơi trên dường về.
(3) Tựu : núi có hang.
(4) Loan : núi nhỏ.

Library HoangSa.Org

Băn-nguyệt ao kia một lối vào,
Trước thôn lầu-gác dựng xây cao.
Nhà ngang khắp nẻo hoa bay rụng,
Cửa-rậu quanh hiên trúc mọc bao.
Chín bậc đèn hương soi cửa bụt,
Hai lầu chuông trống động trời chiều.
Bách-tùng đây đó tăng u-tịch,
Dâng quả ngoài sân thiếu vượn trao.

Nói tuy u-nhàn mà không có ý-vị của lâm-tuyền.

Phiên âm :

Bán nguyệt trì-đường bất nhị môn,
Trùng-trùng lâu-các ủng (1) tiền thôn.
Hồi lang điệp xuất (2) phi hoa lộ,
Khúc hạm tà phân (3) chủng trúc hiên.
Cửu phẩm (4) hương-đăng nghi bạch trú (5),
Song lâu chung cổ động hoàng-hôn,
Tùng-thu mãn địa lưu u-tịch,
Đãn hận đình vô hiến quả viên (6).

Ngôn tuy u-nhàn nhi vô lâm-tuyền ý-vị.

Nguyên văn

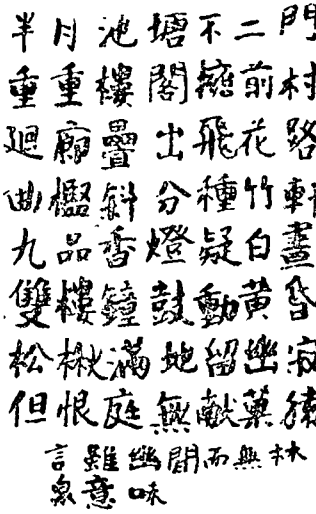

(1) Ủng : vây bọc.

(2) Hồi lang : nhà ngang quanh-co. Ý nói nhiều nhà ngang tiếp-giáp nhau mà bao lại. — Điệp xuất : cũng xuất-hiện một lần.

(3) Tà phân : đi xéo, đi xuyên ngang (tà là nghiêng lệch, phân là chia ra).

(4) Cửu phẩm : chín từng, do chữ cửu-phẩm liên-hoa. Bài *Hương-sơn nhật-trình* của Chu-mạnh-Trinh có câu : « Cửa rồng năm sắc đài sen chia từng ».

(5) Bạch trú : ban ngày.

(6) Hiến quả viên : con vượn dâng trái cây (viên là con vượn).

Library HoangSa.Org

Đề xong, tôi đến dinh Hiến-nam gặp quan Thư-ký. Nguyên ông này là người Hoan-châu, cùng tôi quen biết từ trước ; ông từng làm việc với quan Chính-đường tại trấn. Tôi ở lại đây vài ba ngày, mua một số thuốc Bắc, lại mượn lính trấn sáu người đi theo hộ-vệ. Ngày mười sáu tôi đến huyện Hoài-An, xã Nguyễn-Xá thăm hỏi nhà vợ tôi và họ-hàng nhà vợ.

Sáng ngày mười tám, tôi đến Nguyễn-xá, (1) sắm-sửa sinh-lễ (2) cáo-yết nhà thờ bên vợ, rồi cùng với những người thân-thuộc tỏ nỗi cách-biệt bấy lâu. Lúc ấy quan Tri-phủ Tiên-Hưng (3) cũng ở nhà, thấy tôi thì mừng-rỡ, kể các chứng-bệnh của mình ra. Tôi viết cho ông một đơn thuốc bổ và cho ông một nửa lạng quế. Ông ấy cảm-tạ mãi.

Lúc này gia-nhân của tôi và lính theo hầu cộng là hai mươi người. Từ kinh đến đây, noi đường thẳng mà đi thì chỉ mất một ngày. Chỉ vì sợ trên đường về gặp trở-ngại, nên đã phải đi hết bảy, tám ngày, lương-thực mang theo sắp cạn, nên không thể ở lại lâu được.

Ngày mười chín, tôi từ-biệt mọi người lên đường. Nguyên con đường này ở giữa miền sông núi, thuở nhỏ tôi ở nhà dưỡng-phụ tôi tại đó, ngày ngày tôi từng đi du-ngoạn : về phía nam là một giải động như Hương-sơn (4), Giải-oan (5), Tiên-am, Tuyết-sơn ; về phía tây có Hương-đài, Hương-trản, Vân-mộng và Tiên-san (6). Các chùa trên núi đều có phong-cảnh tuyệt đẹp. Chùa nào cũng có vết chân của tôi. Dùng đường thủy mà đi thì dễ ngắm phong-cảnh. Tôi mới mượn thuyền của quan tri-phủ, từ bến sông Nguyễn-xá thuận dòng mà xuôi, đến đình Hà-xá là đến nhà bên mẹ của cha tôi xưa ; con cháu nay suy-bại, không để dấu-vết, tôi có đến tìm cũng không cùng ai trò chuyện được. Tôi sai buộc thuyền ở bên đình làng, hướng trông phần-mộ tổ, vọng bái mấy bái, rồi lại xuống thuyền ra đi.

Từ Trinh-Tiết (tên xã) đến Phù-viên (tên xã) ước bốn, năm dặm, hai bên bờ sông toàn là danh-lam thắng tích, nơi nơi đều nom thấy rõ. Phàm những chốn tôi qua chơi thuở nhỏ đều hoặc ẩn hoặc hiện, tưởng-tượng kỹ lại cũng tự thấy rõ rồi. Cảnh ấy tình này đã vậy, lại

(1) Nguyễn-xá : một xã thuộc phủ Ứng-hòa tỉnh Hà-đông bây giờ.

(2) Sinh-lễ : đồ cúng-tế có con vật sống.

(3) Tiên-hưng : tên một phủ nay thuộc tỉnh Thái-bình.

(4) Hương-sơn : tên núi có chùa thờ phật, thuộc huyện Mỹ-đức, tỉnh Hà-đông.

(5) Giải-oan : tên chùa ở lưng-chừng núi, cách chùa Tiên-san độ hai cây số, nơi đây có giếng nước, múc nước mà uống thì oan-khổ sẽ được rũ sạch, vì thế mới có tên chùa. Từ đây qua núi Trấn-song là đến chùa Hương-tích.

(6) Tiên-san : tên động, nơi đây có chùa nên cũng gọi chùa Tiên-sản. Đương đi Hương-sơn phải qua chùa Tiên-san.

Library HoangSa.Org

nhớ đến những người thuở trước, kẻ còn người mất, luống những thở-than. Bỗng nghe chuông chùa Mãn-nguyệt vang lên mấy tiếng, đã buồn-bã thêm, tôi mới ngâm một bài thơ để tỏ nỗi lòng :

Sông cách làng xa trải mấy đồng,
Ngày nay trở lại chốn xưa trông,
Đình Hà bến cũ hoa trong bụi,
Xã Đặng thôn chài bãi giữa đồng.
Hương-tích nam nhô ngưng sắc biếc,
Tuyết-sơn tây hiện ngất triền sông.
Sơn-tăng vì biết tâm-tình khách,
Đừng để thuyền vang động tiếng chuông !

Nguyên văn

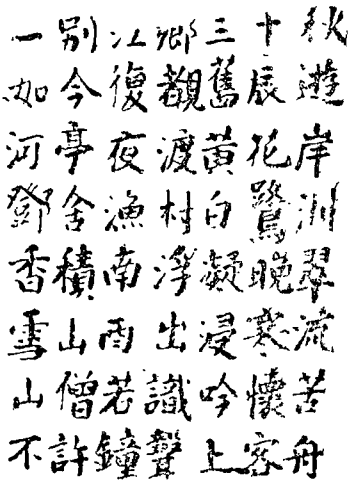

Phiên âm :

Nhất biệt giang-hương (1) tam thập thu,
Như kim phục đỗ (2) cựu-thời du.
Hà-đình (3) dạ độ hoàng-hoa ngạn,
Đặng-xá (4) ngư-thôn bạch-lộ châu. (5)
Hương-tích (6) nam phù ngưng vãn thúy (7)
Tuyết-sơn (8) tây xuất tầm hàn-lưu. (9)

(1) Giang-hương : làng bên sông.
(2) Phục đỗ : lại thấy.
(3) Hà-đình : đình làng Hà-xá thuộc huyện Mỹ-đức tỉnh Hà-đông.
(4) Đặng-xá : tên một làng gần phủ Ứng-Hòa, tỉnh Hà-đông.
(5) Bạch-lộ châu : bãi cò trắng (lộ là con cò).
(6) Hương-tích : coi chú-thích ở phía trên.
(7) Ngưng vãn-thúy : ngừng-đọng sắc biếc trong chiều tà.
(8) Tuyết-sơn : núi có chùa gọi là chùa Tuyết, lại có động gọi là động Tuyết-quynh.
(9) Tầm hàn-lưu : dầm trong dòng nước lạnh.

Library HoangSa.Org

Sơn-tăng nhược thức ngâm-hoài khổ,
Bất hứa chung-thanh thưởng khách-chu.

Buổi tối hôm ấy tôi đến Châu-cầu (1), lên bờ ngủ trọ, sáng hôm sau khởi hành. Từ đó đêm ngủ ngày đi, chẳng cần phải nói. Vài ba ngày sau đến Vĩnh-dinh tôi vào yết-kiến quan Thự-trấn, giãi-bày tấm lòng xa-cách bấy lâu. Vì quân lính theo hầu mỏi-mệt, tôi phải mượn vài ba người lính ở đây theo về.

Ngày mồng hai tháng mười một, tôi về đến nhà, cùng vợ con kể-lể mọi việc. Ngày hôm sau tôi cho binh-lính theo hầu tùy-tiện, kẻ trở về nhà, kẻ lại kinh. Tôi sắm sinh-lễ cúng tổ-tiên. Hương-lý thân-bằng đều đến hỏi thăm và có lễ mừng. Nỗi xa-cách nhớ-nhung cũng là thường-tình, chẳng phải dài lời.

Sau vài ba ngày nữa, quan Chính-đường bị hại, toàn gia bị giết (2). Tôi nghe vậy, than rằng: « Giầu sang khác chi mây nổi (3), ca-nhạc lâu-đài một sớm thành hoang-phế vậy. » Tôi lại mừng thầm: « Ta ẩn tung-tích nơi lâm-tuyền, chẳng phải lo-nghĩ gì đến lẽ cùng-thông (4), một sớm bị triệu, chống gậy về kinh, một năm trời trôi qua, đã phải trăm thỉnh nghìn cầu mới được ra khỏi. Ví-phỏng ý-nguyện lúc đầu là chẳng muốn được một quan-chức gì mà ngày nay danh chửa thành, thân đã bị nhục, thì dẫu có hối-hận cũng là muộn mà thôi. » May còn giữ được lời thề với non xưa. Tuy ở chốn danh-lợi mà chẳng để danh-lợi mê-hoặc, bẽ-bàng mà đến, nghênh-ngang mà đi, lại gặp non xưa, tựa vào đá, ngủ trước hoa, mơ-màng trong mộng, nghe có lời nói văng-vẳng, bỗng sực tỉnh, thầm nghĩ: « Ta chẳng bị người chê cười, chẳng qua lòng không tham mà thôi. »

Sau này nhân lúc cung đàn chén rượu được nhàn-hạ, tôi mới cầm bút đem đầu đuôi câu chuyện ghi lại, để về mai sau, con cháu xử thế nên tùy duyên, thủ phận, biết tự mãn, biết tự ngừng, tránh sự tham-lam làm vinh, noi cái gương sáng này vậy.

Hoàng-triều Cảnh-Hưng năm thứ bốn mươi tư.
Cuối mùa đông Quí-mão ghi-chép.

Phụ-chú.— Coi *bài bạt* của dịch giả ở trang sau.

(1) Châu-Cầu: tên một làng thuộc huyện Thanh-Liêm, tỉnh Hà-nam, quê của danh-sĩ Bùi-ân-Niên tức Bùi-Dị.

(2) Quân Tam-phủ nổi loạn (loạn kiêu-binh). Năm 1674 quân Tam-phủ giết Thanh-tụng Nguyễn-quốc-Trịnh và phá nhà Phạm-công-Trứ; năm 1741 chúng lại phá nhà và toan giết Thanh-tụng Nguyễn-qui-Cảnh. Sau khi chúa Trịnh-Sâm mất được ít lâu, chúng nổi lên giết quận Huy tức quan Chính-đường, phò Trịnh-Khải lên làm chúa, tức là Đoan-nam-vương. Năm sau Nguyễn Điều đem quân từ trấn về dẹp tan.

(3) Khổng-Tử có nói: « Phú-quí ư ngã như phù-vân ».

(4) Cùng-thông: lúc khốn-quẫn và lúc hanh-thông.

Library HoangSa.Org

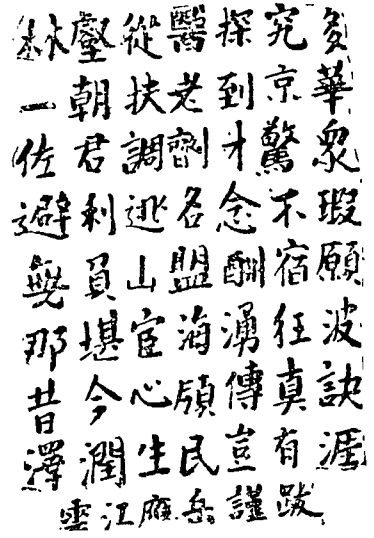

ĐỀ BẠT

Phiên âm :

Lâm-hác tòng y thám-cứu đa,
Nhất chiêu phù-lão đáo kinh-hoa.
Tá quân điều tễ tài kinh chúng,
Tị lợi đào danh niệm bất hà.
Vô phụ sơn-minh thù túc-nguyện,
Na kham hoạn-hải dững cuồng-ba.
Tích kim Tâm-Lĩnh truyền chân-quyết,
Trạch nhuận sinh-dân khởi hữu nha !

Vân-giang Vũ-văn Đĩnh cẩn-bạt.

Dịch quốc âm

Rừng suối nghề y khảo-cứu dày,
Đến kinh một sớm gậy cầm tay.
Thờ vua chế thuốc tài vô địch,
Tránh lợi xa danh chí chẳng lay.
Ước-nguyện non thề vui đạ nọ,
Ba-đào bể hoạn lánh thân này.
Sách kia Tâm-Lĩnh truyền chân-quyết,
Còn để công-ơn mãi đến-nay !

Library HoangSa.Org

ĐÚNG BA TRĂM NĂM TRƯỚC

(tiếp theo trang 48)

★ HOÀNG-XUÂN-HÃN

Trị, loạn, hưng, suy — Trời đã định quyết (22).

Hạ-tuần tháng 2 năm Quí-sửu, đời *Dương-đức* thứ 2 (từ 18 đến 27-3-1673), *chúa Hiền* hạ lệnh đem quân trở về *phủ Chánh* (23) ở *Phú-xuân*, thết yến khoản-đãi quần thần.

Chưa biết việc sau ra sao, sẽ nghe hồi sau phân-giải (công-thức tiểu-thuyết xưa).

QUYỂN THỨ TÁM

Thơ rằng :

Trời sinh Thánh-chúa dậy oai cường
Rầm-rột đem quân dẹp bốn phương
Một trận quét tan quân Bắc-ngụy
Muôn năm gây vững nghiệp Nam-bang
Cơ đồ củng-cố điềm rồng tốt
Nhà nước hưng-long dấu phượng-hoàng
Suy thấy triều ta rày sắp tới
Hào sâu thành chắc mãi vô-cương.

---

(22) Trên đây là một thể phú *Bát-cổ*, gồm một tiết nhập-đề và tám tiết khai-trương, bắt đầu bằng hai tiếng « đưa đẩy ». Tám tiết sau mỗi tiết một vần, trắc bằng lần-lữa. Phần nhập-đề có hai vần. Tôi đã dịch theo thể ấy, nhưng không thể theo phép vần. Lời văn bài phú này khá bình-dị và chỉ có tính-cách tự-sự. Về nội-dung, nó tóm-tắt toàn chuyện trận Trấn-ninh, với nhiều chi-tiết. Giọng văn thì cũng khoe-khoang và chủ-quan như văn tự-sự.

(23) Phủ chính bấy giờ còn ở *Kim-long* kề phía tây thành Huế ngày nay, tức là thành Phú-xuân. Trấn-sở Thuận-hóa của các chúa Nguyễn bắt đầu ở *Dinh cát* tại làng *Ái-tử*, nay còn tên ấy, ở phía tây-bắc thành Quảng-trị, cách chừng ba, bốn cây-số. Trong khoảng đầu đời chúa *Sãi* (sau 1613), phủ chính dời về phía đông-nam, tại làng *Phúc-an* (Phước-an), có phần chắc đó là phủ Lương-phúc đã dẫn ở chú-thích (19) trên. Phủ *Lương-phúc* này cách dinh Ái-tử hay Dinh Cát (sau gọi là *Dinh Cũ* hoặc *Cựu-dinh*). Vào đầu đời chúa *Thượng*, 1635, phủ chính mới dời vào xã *Kim-long*, cách phủ Lương-phúc chừng hơn 30 cây số về phía đông-nam. Đầu đời chúa *Ngãi* (tháng 7 năm Đinh-mão 1687 mới dời dựng phủ ở *Phú-xuân* (THL t.b. quyển 6/4b). KQ chép phủ Chính ở Phú-xuân là không hợp thời. Đó là một chứng sự Nguyễn Khoa-Chiêm soạn sách này khá lâu sau năm 1687.

Library HoangSa.Org

Lại nói chuyện vào hạ-tuần tháng hai đời Dương-đức, năm Quí-sửu, quân chúa Hiền về đến phủ chính Phú-xuân. Bầy tôi tới mừng xong, chúa truyền lịnh lập đàn tế tạ ơn Trời Đất, và tế bài-vị các chúa trước ở Tông-miếu. Lại tôn phong các vị thần thiêng đã nhiều lần giúp nước hộ dân. Lại sai đặt yến mừng dẹp giặc để thết tướng sĩ.

22.— *QUẬN TẤN MƯU LOẠN Ở BẮC-TRIỀU*

Đến tháng 7, có người do-thám của dinh Bố-chính, tên *Phù-lộc*, mà năm Nhâm-tí (1672-1673) khi chúa Tây-định của Bắc-triều lui quân, trấn-thủ *Triều-tín* đã sai giả mặc y-phục của Bắc-quân và lẫn vào trong quân Bắc để dò tin-tức, nay mới về, vào triều báo bẩm. *Chúa Hiền* hỏi :

« Từ khi đi đến nay, mày dò được chuyện gì ? »

Phù-lộc bẩm rằng :

« Hồi tháng 9 năm Nhâm-tí, khi Tây-định cầm quân phạm bờ cõi miền Nam, thì có con trai viên thống-tướng Dinh Cầu *quận Đương* (Đào Quang-Nhiêu), là *quận Tiến* phò-mã thứ hai của Tây-định, được Tây-định rất yêu mến và đã cho cầm quân giữ nước (Kinh-đô Thăng-long). Mà quận Tiến gia-tư rất giàu, thường mua chuộc lòng người, hoặc biếu người nầy người nọ ngọc, châu, vàng, bạc, tiền lụa, rồi khắc tên họ vào một bản đồng để làm khoán « *đồng khởi nghĩa* ». Ý nó là muốn dòm-ngó ngôi báu. Thiên-hạ chia ba thì đã chiếm được một phần. Thấy Tây-định dốc hết quân đi cướp miền Nam, trong nước bỏ trống, bèn mống lòng gây loạn, chực cướp ngôi chúa. Thiên-hạ hoặc có kẻ theo, cùng mưu phản, thì y thưởng cho vàng, châu ; hoặc có người do-dự, thì y vu cho tội làm trái phép rồi tìm kế giết ngầm đi, như thế có đến mười viên. Các tướng không dám nói-năng gì, đều theo hiệu-lịnh quận Tiến.

« Ấy rồi, quận Tiến lưu em, là *quận Thắng*, thế mình giữ Trung-đô ; tự dẫn quân đến *Dinh Cầu* đóng để đợi xem thời-biến. Hoặc chúa Tây-định đánh có lợi, thì sẽ đem binh đánh úp đàng sau, rồi cùng nước Nam ta chia nhau thiên-hạ. Hoặc là Tây-định bại trận chạy về, thì sẽ lập-tức chẹn đường ở *Hoành-sơn*, khiến (Tây-định) không thể tới lui, cho quân miền Nam đuổi theo mặc lòng chém giết. Quận Tiến sẽ giữ chặt Hoành-sơn để cướp Trung-đô mà lên ngôi chúa.

Nhưng không dè rằng em chúa Tây-định, là *quận Kiêm* dò biết ý ấy, sai người phi báo cho Tây-định. Tây-định nghe báo bèn triệt quân về đến Dinh Cầu. Quận Tiến nghe chừng mưu mình không xong, bèn sợ

Library HoangSa.Org

hũi. Bèn tới trước mặt chúa Tây-định vái bẩm. Chúa Tây-định trách rằng: « Ta sai mầy cầm quân giữ nước. Cớ sao lại bỏ thành đem quân đến đây. Muốn làm loạn chăng ? »

« Quận Tiến quì xuống bẩm rằng: « Tôi là đạo tôi con, nỉ lấy trung hiếu làm đầu. Nay Vương-thượng đem quân đi đánh phương Nam, lâu ngày không được tin-tức, lòng tôi lo sợ, cho nên dẫn quân vào đợi đón. Có dám đâu làm loạn ».

« Tây-định thấy quận Tiến miệng tuy bẩm những lời ngoan, nhưng mặt mày thì ra vẻ sợ-sệt. Trong lòng chúa nghi-hoặc, bèn sai quân bắt quận Tiến, đem về Trung-đô xét hỏi. Về đến Trung-đô rồi, liền triệu-tập bầy tôi để xét. Quận Tiến không khai gì, chỉ kêu oan-tình mà thôi.

« Bấy giờ có thái-bảo *quận Kiêm* ở Kinh, vốn đã biết rõ sự nầy, bèn tố-cáo rõ ràng. Phò-mã quận Tiến không thể chối cãi được, bèn đem đầu đuôi ra khai quả có sự manh tâm làm loạn. Thái-bảo quận Kiêm bèn ruỗi đi đến trong nhà quận Tiến, phá chỗ kín, lấy được bản đồng có khắc tên các tướng đồng tâm mưu phản, đem dâng lên chúa. Chúa Tây-định xem qua, thấy có chừng bảy tám mươi viên. Bèn trầm ngâm hồi lâu và nghĩ thầm rằng « Nếu theo bản đồng mà dẹp giết các tướng thì chúng ắt đều sinh lòng loạn nhiều ; chi bằng giấu đi để làm yên tình các người dưới ».

« Chúa bèn bảo rằng: « Đây là giặc Tiến đã trộm lấy danh hiệu các tướng, chứ không phải thật tình. Vả chăng ta cùng các tướng như cha con anh em, hiệp lực đồng tâm cùng hưởng phú quí. Ai lại khứng có lòng khác như vầy ».

« Các tướng nghe lời nói, đều cúi đầu lạy tạ, nói rằng: « Thật quả như lời Chúa. Vả chúng tôi phẩm được dự tước, lộc ở Triều, đó là nhờ Vương-thượng đoái thương đến. Ngày đêm những nghĩ lo báo ơn mà chưa được mảy-may, dám đâu có manh tâm như đã ghi trong sổ ở bản kia. Xin Vương-thượng đem lòng Trời Đất bao-dung vạn vật, để chúng tôi được may-mắn bảo-toàn ».

Xong rồi, chúa Tây-định bỏ bản đồng có chép tên vào trong lò đúc đồng mà hủy đốt, không tra hỏi họ tên ai. Bèn hạ lệnh đem *quận Tiến* và em là *quận Thắng* xử hình lăng-trì, phanh thây đem đặt ở bốn cửa để cảnh-cáo những loạn-thần tặc-tử làm loạn. Còn công-chúa thì thu về nhà Trịnh, gia-sản đều nộp vào kho quan. Còn các người họ quận Tiến thì bị lột binh-quyền và biếm về làm dân, suốt đời không được lục-dụng. (24)

(24) Như trong chú-thích số đã nói ở trên, chuyện con Đào Quang Nhiêu bị kết án bội-nghịch và xử tử chắc-chắn có thật, vì sử Lê-Trịnh là *Việt-sử* →

Library HoangSa.Org

« Đó là những điều tôi đã dò biết, tôi đành về báo bầm ».

Chúa Hiền nghe bầm, cười lớn nói rằng :

« Nhà Trịnh tiếm-đoạt từ trước đã lâu. Nếu Tây-định không lui quân, thì đã bị lọt vào tay quận Tiến ! »

Bèn trọng thưởng cho *Phù-lộc*, cho thăng làm đội-trưởng, Rồi thì chúa (Hiền) ban chỉ truyền miễn thuế trong ba năm cho dân ở ngoài lũy (phía bắc lũy Nhật-lệ, Trấn-ninh) thuộc châu *Bố-chính* và huyện *Khang-lộc*, để dân được trở lại an cư lạc-nghiệp. Còn như dân ở trong lũy (phía Nam các lũy) thuộc hai huyện *Lệ-thủy* và *Khang-lộc*, thì tha cho thuế *thường-tân* (thuế gạo và nếp đầu mùa gặt). Dân-gian trăm họ vui mừng gấp bội, cảm hưởng ân-đức của Chúa.

Từ đó, binh-cách dừng im, thiên-hạ thái-bình. Lúa ruộng được mùa, trong nước thịnh-vượng. Ngoài đường người ta không lượm của đánh rơi. Cửa ngoài không đóng. Có thể ví với cảnh thịnh đời Đường (Nghiêu), Ngu (Thuấn)...

Tục-biên có chép. Nhưng về tiểu-tiết thì Tục-biên không khẳng-định tất cả thoại Nguyễn Khoa-Chiêm. Trước hết vào năm 1670, hai năm trước trận Trấn-ninh, *Tục-biên* quyển 9 trang 26a có chép : « tháng 6, lấy đề-đốc *Tấn quận-công Trịnh Cơ* làm đô-đốc thiêm sự Tả-hiệu-điểm » và chú-thích : « Cơ là con Đào Quang-Nhiêu, được ban họ Trịnh ». Những kẻ được chúa thân yêu không những được ban họ Trịnh mà ban cả tên với bộ Mộc như dòng-giống chúa. Chữ *Tấn* ở trước đây là chữ Tấn 晉 là *nhà Tấn*, còn KHQ thì chép *Tiến* quận công, với chữ Tiến 進 trong từ-ngữ *tiến-sĩ tiến-tới*, chữ mà ở miền Nam, vì kiêng tên Nguyễn Hữu-Tiến, đọc trại ra *Tấn*. Vì vậy ta đoán chắc rằng *quận Tiến tức là quận Tấn*. Ba năm sau, *Tục-biên* quyển 9 trang 35a lại có chép rằng : « Tháng 9 — năm Quí-sửu 1673 — *Đào Quang-Huy* có tội bị xử chết. Quang-Huy là con Quang-Nhiêu, nhờ công huân của cha nên được ban chức tước, quyền lộc, cưới quận-chúa. Nhưng tính kiêu-lộng, buông-tuồng làm nhiều điều bội-nghịch trái với đạo. Lại ngầm làm nhà ở nơi cấm-địa. Có kẻ tố-cáo. Chuyện biết ra, giao cho đình nghị, xét rõ hết tình-trạng. Kết án chém bêu đầu để cho đúng điều-luật. Chúa nghĩ rằng cha nó có nhiều công-lao với nước, giảm cho thắt cổ chết, và giết người đẳng nó là *Kiêm-lộc-hầu Trịnh Khuê* ». Tuy sách *Tục-biên* không chép rõ, ta chắc rằng hai chuyện được ghi chiếu vào một người. Vậy *tên thật quận Tấn là Đào Quang-Huy*. Vì là tội-nhân trong chuyến sau sử gia không nhắc lại những vinh-dự mà y được hưởng : quốc-tính, quốc-danh, tước, chức, vân vân.

Còn chuyện y muốn cướp ngôi chúa, thật có chăng ? chuyện y được giao giữ Kinh-đô mà kéo quân vào Dinh Cầu để hòng chèn chúa Tây, cũng thật có không ? Trước hết, kẻ được « lưu thủ Kinh-thành » là thiếu-phó *Diện quận-công Trịnh Ốc*, theo *Tục-biên* chép ở trang 31b. Còn quận

Library HoangSa.Org

Bấy giờ công-tử *Hiệp-đức* thình-linh phát lòng Bồ-đề, bắt đầu mộ đạo Từ-bi. Bèn dựng một ngôi am nhỏ ở xã *Khách-quán*. Thường thường đốt hương lễ Phật, hỏi đạo, tham thiền, đặt Pháp, cầm-kinh, đọc huyện, tụng chú. Từ đó lánh xa sắc đẹp, sơ với của-cải, vui cùng hạt thiện sĩ nhân, có thể vì với tinh-hạnh Mộc-công (một vị Tiên đời Hán).

Bấy giờ Đông-cung thế-tử *Phúc-mĩ-hầu* (tên *Diễn* hay *Hán* mat năm 1684 trước khi chúa Hiền mất) thấy vậy, trong lòng hoài nghi, giận bảo rằng :

« Hiệp-đức lo việc cầu huyền-bí để mưu-đồ việc lớn tranh ngôi anh »,

Muốn phá Tĩnh-am mà không dám tự tiện làm. Bèn ôm giận mà để im...

(Hết văn dịch)

→

Tấn không phải vương-thân và chức bé, chắc chỉ làm phụ-thuộc trong công-vụ giữ Kinh mà thôi. Tuy sử chỉ chép một tội chính-xác là làm nhà nơi cấm-địa mà thôi, nhưng ta cũng ngẫm thấy có những tội nặng nhưng không tiện nói ra. Nếu không thì sao phải kết án cực-hình đến thế. Vả « cấm-địa » xưa trỏ những nơi dành riêng cho vua, chúa, thần, thánh, nhất là nơi mà thuật « phong-thủy » cho là phát đế vương. Vậy cái án chiếm cấm-địa hàm-súc sự muốn tiếm-loạn. Vả lại có đồng đảng bị giết. Nếu chỉ có tội chiếm đất thì cần có đảng trong Vương-thất làm gì.

Một nhân-vật thứ hai mà KQ đã ghi lại là quận *Kiêm em chúa Tàng-dinh*. Không biết em chúa có ai là quận Kiêm chăng. Theo tôi thì có thể là quận *Điện*, kẻ được lưu giữ Kinh-thành đã nói trên. Hai chữ ĐIỆN 奠 và KIỂM 儉 rất có thể lẫn nhau, cũng như ta đã thấy, KQ lẫn chữ NGHI 宜 và chữ PHÚ 富 cho nên chép Trịnh Căn là Phú quận-công, mà chính thật là Nghi quận-công. Nhưng sách *Sử ký Tục-biên* có ghi tên *Trịnh Thụ* trước Kiêm quận công năm 1674 được tặng hàm thái phó cùng các thân-nhân chúa. Y có thể là em chúa và hoặc giả KQ đã trọ người này.

Sự cuối là hình-phạt, KQ chép là xử lăng-trì, mà *Tục-biên* cho hay là chúa giảm cho thắt cổ. Sự này cũng không mâu-thuẫn. Viên đo-thám về Phú-xuân vào tháng 7 theo KQ, mà quận Tấn bị giết vào tháng 9 theo *Tục-biên*. Vậy những điều Phủ-lộc mách là đã nghe kể lại mà thôi. Có lẽ người ta cho rằng tội ấy đáng bị lăng-trì.

Tuy sự kiện quận Tấn làm loạn này không can-trọng trong lịch-sử Nguyễn Trịnh phân-tranh, nhưng tôi cố tra-cứu biện-bạch tỉ-mỉ để tỏ giá-trị thật của sách *Nam-triều công-nghiệp diễn chí*. Đối với chiến-dịch 1672 này, Nguyễn Khoa Chiêm có thể quen biết tất-cả những người đã dự chiến. Sau khi tôi đã phỏng đoán năm sinh và năm mất của ông là 1655, và 1732, thì tôi đã tìm được bài bằng Pháp-ngữ dịch *gia-phả* họ

→

Library HoangSa.Org

CẢM NGHĨ CỦA DỊCH-GIẢ

Đúng ba trăm năm sau khi trận Trấn-ninh kết-liễu và cuộc hòa-bình vũ-trang Nguyễn Trịnh bắt đầu, cũng đã có một cuộc hợp-đồng cam-kết chấm-dứt binh-đao khói lửa nó đã giày-vò đất Việt ngót ba mươi năm. Thế-sự xưa nay trông bề ngoài tương-tự nhưng lịch-sử không bao giờ quay trở lại. Nếu ai có cố-nài so ví, thì chẳng hóa ra ngày nay Trịnh Mạc ở Đàng Trong mà Nguyễn ở Đàng Ngoài.

Tuy rằng vậy, nhưng đối với vận-mệnh một quốc-gia, có những điều-kiện vật-chất và tinh-thần bất di-dịch nó thường gây lại những biến-cố tương-đương. Những người yêu nước, những kẻ mang trách-nhiệm lo việc nước, không thể không ngẫm-nghĩ sâu xa để tìm kế duy-trì cái *gia-sản vẻ-vang chung* của tiền-nhân để lại.

Nhờ sinh-lực mạnh, văn-hóa bền, dân Việt đã bành-trướng từ triền sông Hồng đến triền sông Cửu-long, dọc theo bờ biển. Dãy núi Trường-sơn sát bể đã tạo nước ta ra *thế thắt cổ-bồng*, hay là thế « *một đòn đôi thúng* ». Đó là cái *nhược-điểm cơ-bản của nước ta*. Hai thúng càng xa nhau thì nó càng đè nặng vào đòn. Về sinh-lí, một tế-bào khi sắp chia đôi cũng thắt cổ-bồng. Về vật-lí, một hạt nguyên-tử nặng trước khi phân-tách cũng thắt ngang mình mà dao-động cho đến lúc vỡ. Một nước có địa-hình « một đòn hai thúng » cũng vậy. Hai thúng mà không cho dịch lại gần vai gánh thì sẽ dao-động cho đến khi đòn gãy thúng rơi.

Chứng-cứ lịch-sử còn sờ-sờ. Mỗi khi quyền-lực ngoại-lai muốn chi-phối dân ta, thì mục-tiêu trước nhất là tách rời hai thúng. Thế đấy, ấy là thuận-lợi nhất cho biểu-ngữ của các thực-dân : *chia để trị*.

→

Nguyễn Khoa (Bulletin du Vieux Huế số 3 năm 1915 trang 287) Gia-phả cho biết rõ rằng Khoa-Chiêm sinh năm 1659 và mất 1736. Lại cho hay rằng là rể *Trần Đình-Ân*, tức *Đông-triều* một vị tham-mưu giúp chúa Hiền trong chiến-dịch nầy (xem tiết 5). Xem vậy đủ biết rằng ông không thiếu nguồn tin trong khi viết chuyện trận Trấn-ninh, và ta có thể coi rằng đó không phải là tiểu-thuyết. Tất nhiên rằng những việc xảy ra ở bên Bắc thì nguồn tin không chắc bằng.

Trong bản dịch ra Pháp-ngữ (giáo-sư Nguyễn Khoa-Đam dịch chữ Hán ra Việt-ngữ, rồi Nguyễn Khoa-Kì giúp giáo-sư G.Rivière dịch ra Pháp-ngữ) có chép « Il est l'auteur des *Mémoires et commentaires des actions d'éclat* de la Cour des Seigneurs du Sud (Nam triều công nghiệp diễn chí) parus en la 28ième année (Kỉ-hợi) de Minh-vương » nghĩa là : ông là tác giả sách Nam-triều Công-nghiệp Diễn-chí phát-hành vào năm thứ 28 đời chúa Minh, là năm Kỉ-hợi 1719. Tôi không biết rằng chữ *parus* dịch nguyên Hán-văn chữ gì và ý là *ấn-hành* hay *hành* mà thôi. Tôi tự hỏi : sách nầy có được khắc ra không ? Đến như năm soạn, gần trước năm 1719 đúng vào khoảng 1710-1732 mà tôi đã phỏng-đoán (Sử Địa số 26, trang 7).

Library HoangSa.Org

Tiền-nhân ta không phải là đã không thấy nguy-cơ ấy, cho nên các vua chúa trước đã tìm cách kết-thúc các dân-tộc thiểu-số sống sau dãy núi Trường-sơn, để phòng khi phải tăng cường cái đòn ở giữa. Đây cũng là một phương-châm trường-tại mà ta phải theo. Ngày nay sự quan-hệ giữa các nhóm thị-tộc không phải là sự lệ-thuộc như xưa. *Lấy tình thân tương-trợ đối với các nhân-dân trên Cửu-long*, hẳn là châm-ngôn bực nhất cho dân Việt.

Chắc ai cũng nhận sự ấy là phải. Thế thì sao nỡ đề cốt nhục tương tàn ?

Vả ngày rày, cái quan-niệm quốc-gia, tổ-quốc cũng phải nới rộng thêm. Những khẩu-hiệu « con rồng cháu tiên » không hợp thời nữa. Dân Việt đã trở nên, như hầu hết dân-tộc khác, một dân-tộc phức-tạp : vốn gốc Văn-lang, nhưng trải qua gần nghìn năm Bắc-thuộc, đã thành có lai Hán, lai Đường, rồi sáp nhập nhóm Thái, nhóm Chàm, nhóm Khờ-me, nhóm Nam-dương, nhóm Minh-hương, nhóm Khách-trú, và ngày nay lại thêm lai Âu, lai Mỹ, lai Ấn, lai Phi. Nói tóm lại dân Việt-nam là dân sinh và sống trên một giải đất chung, chịu chung một văn-hóa dần-dần tạo nên và tiếp-tục tiến-bộ. Lịch-sử Việt là gộp lịch-sử của mọi phần-tử sống trên « đất nước » ấy, từ đời Cựu-thạch còn ăn lông ở lỗ cho đến ngày nay. Tất-nhiên rằng lịch-sử ấy gồm nhiều cuộc tranh-giành chiến-đấu, nhưng *chính-trị phải nhằm tương-lai và thực-tế mà làm* ; tôn-chỉ và tấm gương lịch-sử giữ phần dẫn-đạo đại-cương.

Một gương sáng lịch-sử là mỗi khi thế nước suy hèn vì chia rẽ và nội-loạn thì mỗi khi bị lân-bang lấn cõi : *Hồ* chịu mất đất *Cổ-lâu* (thuộc Lạng-sơn 1405), *Mạc* dâng đất *La-phù* (Quảng-ninh 1540), *Trịnh* mất đất nhiều động ở biên-giới *Tây-bắc* và triều *Nguyễn* khi bị quân Pháp đặt chế-độ bảo-hộ, ta đã mất nhiều đất, nhất là mỏ đồng *Tụ-long*.

Ngày nay vụ *quần đảo Hoàng-sa* bị chiếm là triệu-chứng cụ-thể của những thiệt hại gây nên bởi sự bất hòa giữa dân ta. Hoàng-sa là đất Việt-nam, là đất của nước Việt-nam thống-nhất. Khi nước Việt-nam còn chia đôi thì khó lòng điều-đình để Hoàng-sa trở lại đất ta, tuy rằng nhiều chứng xưa nay, trong ngoài bảo rằng đó là đất Việt (25).

Dân-tộc ta sống trên giải đất thắt eo, bắc có hơn bảy trăm triệu người Trung, tây có hơn bốn trăm triệu người Ấn, nam có hơn trăm triệu người Nam-dương, đông có các hạm-đội liệt-cường. Nếu còn chia đôi, chia ba, thì tương-lai hẳn là u-ám. Ba trăm năm trước, hai phe Nam Bắc đã mê-hồn chỉ nghĩ đến tương-tranh. Cho nên có những hậu-quả đau thương : Quân Thanh can-thiệp, quân Pháp xâm-lăng. Mất còn, ai ai cũng mang trách-nhiệm. Chúng ta hãy hồi tâm nghĩ lại.

Viết tại Paris mùa Xuân năm 1974
Hoàng Xuân-Hãn

---

(25) Xem phần phụ sau : — Chú thích của Tòa soạn : Hoàng Tiên sinh có giành một số trang phụ đính viết về Hoàng Sa và một số bản đồ. Sử-Địa xin để lại đăng vàoso tới, đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa.

Library HoangSa.Org

MỤC-LỤC VÀ THỜI-ĐIỂM

1. Cảnh thái-bình (tháng 4 năm Nhâm-tí 1672)
2. Cảnh-báo và ra quân (12/5 cảnh-báo ; 22/7 Hiệp-đức ra quân)
3. Hiệp-đức chia trách (tháng 8)
4. Chúa Trịnh Tây-định ra quân chiếm Nam Bố-chánh (tháng 3 sửa soạn ; 28/6 ra quân ; tháng 8 nhuận (*) đến Bắc Bố-chánh ; 3/9 qua sông Gianh)
5. Chúa Nguyễn Hiền-vương bàn chiến-lược với triều-thần (5/9)
6. Chúa Hiền cầm quân đi tới phủ Toàn-thắng (23/9)
7. Trận núi Mật-cật, quân Trịnh thắng (cuối tháng 10)
8. Sứ-nhân đấu khẩu (20/11)
9. Tấn-công lũy Trấn-ninh lần thứ nhất (25/11)
10. Tấn-công lũy Trấn-ninh lần thứ hai (26/11)
11. Tấn-công lũy Trấn-ninh lần thứ ba (27/11)
12. Nguyễn Hữu-Dật cứu-viện lũy Trấn-ninh
13. Chiến-cụ tấn-công và phòng-thủ mới
14. Tấn-công lũy Trấn-ninh lần thứ năm (28/11)
15. Nguyễn Hữu-Dật giữ vững trận-tuyến (... thứ sáu)
16. Lê Thì-Hiến định tấn-công Chính-lũy bị thua
17. Chúa Tây-định lui quân về Phù-lộ (2/12)
18. Lê Thì-Hiến tấn-công lũy Trấn-ninh lần thứ bảy rồi giả nói lui binh. Hiệp-đức cho voi diễu để thị-uy (11/12)
19. Lê Thì-Hiến tấn-công lũy Trấn-ninh lần cuối (13/12)
20. Hiệp-đức mừng thắng trận và sai tế trận-vong tướng-sĩ Nam và Bắc (tháng chạp). Hiệp-đức đem quân về triều (tháng 2 năm Quí-sửu (1673)
21. Bài phú Trận Trấn-ninh
22. Chuyện quận Tấn mưu loạn ở Bắc-triều
23. Cảm-nghĩ của dịch-giả
24. Phụ-trương : (xem chú 25)
    1) Bản-đồ chung về chiến-dịch 1672-1673
    2) Bản-đồ về chiến-tuyến Nhật-lệ Trấn-ninh
    3) Nguyên Hán-văn bài Trấn-ninh trận phú

(*) Cả hai sách *Sử-ký Tục-biên* (19/31b) và *Đại-nam Thực-lục* (tiền-biên 5/9a) đều chép « Nhuận bát nguyệt ». Lịch Trung-quốc năm Nhâm-tí ấy có tháng 7 nhuận (P. Hoàng, Variétés sinologiques số 29 trang 316). Đó là vì nước ta không theo phép cải-lịch đời Thanh, mà vẫn giữ phép lịch Đại-thống đến hết năm Nhâm thân 1812-1813. Tôi đã tính lịch Đại-thống, thì đúng năm này luận tháng 8. Tôi cũng đã theo phép lịch Đại-thống mà đối-chiếu những thời điểm với Tây-lịch.

Library HoangSa.Org

鎮寧陣賦

黎皇衰弱鄭氏亢強將偽黨雄於北界乘單徒越過南邦說發十八萬之雄兵詐號一百
員之戰將輝煌劍戟森排虎帳之前燦爛旌旗燿耀山頭之上黎皇帝駐鑾舉於扶路鉞
而定王提寇輩過大灵江○觀其兵王鎮寧卒臨正始闇羊騰整路人人往返而潛藏摇
蛇脫坑程亇亇去來而避隱培臺築壘揚形強而號勞已形命將遣兵奮亦勇而怯情先
亦西定屯正道縱兵由捸而百姓驚慳豪壘據先鋒放家縱橫而黎民怖畏○忽然南朝
奮怒阮主揚咸率纔象雄兵直進統鷹揚勇將令施元帥協公早至留屯調遣節制昭武
先來萬壘推師進德德蕭據鎮寧城而拒戰順忠忠祿守每耐壘以相持太山運水兮救
臺莪之火弘芳推石兮崋密牿之時○餓而借鄭潛謀偽蘭定策放火鳶破碑而急攻令
捉壘穿城而弩擊坡哉皆鼓擊旗爭南北共飯揮鎗刺昭武妙計造棘黎鉤劉賊屍播揚
雄強捉月鈥斬剝冠戯延誡率忘顧而实征朝挌統敢戰而拒敵朝信純德威施而丈祿
亡魂算勝麟公力奮而豪鑾喪魄○忽見將誇勇捍兵奮銳精鋭發似雷轟霹靂碑飛如
雨打風鳴各自附征閉力咸其釁戰爭衛劍舞似捲雲飛雲旗拂如掣電流星雷動聲聞
鼓角乘表饗震金鉦○乃有貢覺課占衙絕計獻伏神惑衆之心旋決策運籌之口辯參
將才檣到戰船冲擊捍門元帥協分駐萬壘力排城面勝林率雄豪從沙渚以旋圖豪莫
將衝卑出鎮寧而囊戰正如岳倒峯攤恰似山崩海澱○此時也北兵心秋鄭率力哀射
銃者莫能壤贊拔劍安敢揚揮喪膽惶惶縮頸潛纖于底塹驚心急急依頭道隱於邊池
被箭碑兮軀亡命喪遇刀鎗兮魄喪塊飛粉骨碎身而僵仰燋頭爛額以號悲○鳴呼遙
野橫屍盈沙流血闇鬼哭而神號似山崩而地裂西定走田抉蹈兮情敵拿於南主驅至
灵江兮篤其勤滅○但欲扶黎室以昇平剬鄭徒之亞孽創基圖國奠無疆留竹帛名垂
不絕兇分兩界山河名播一時豪傑治亂興衰天已剖决

阮主時阮科占著　由南親功榮流志　黃春瀚手抄

Phú trận Trấn-ninh.

Library HoangSa.Org

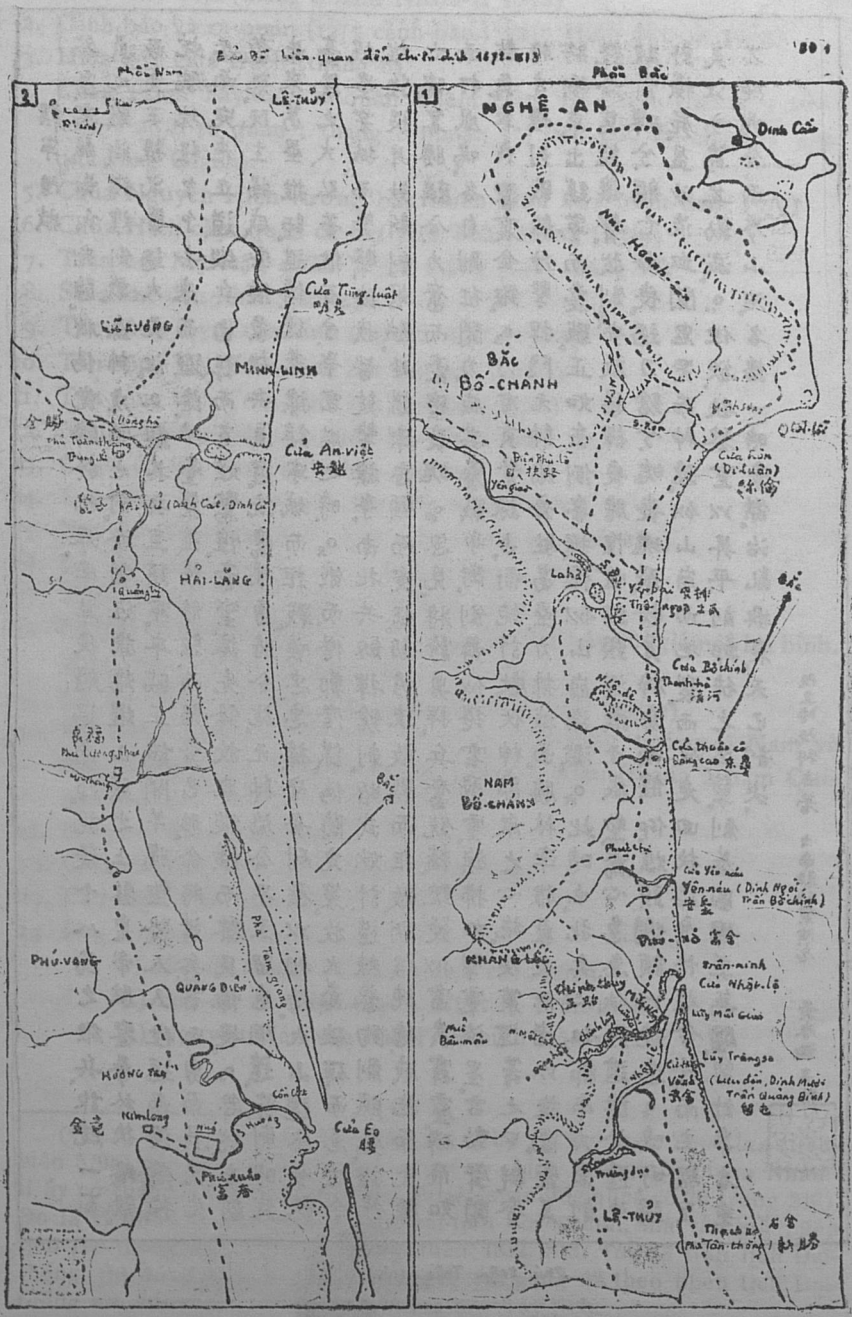

Library
HoangSa.Org

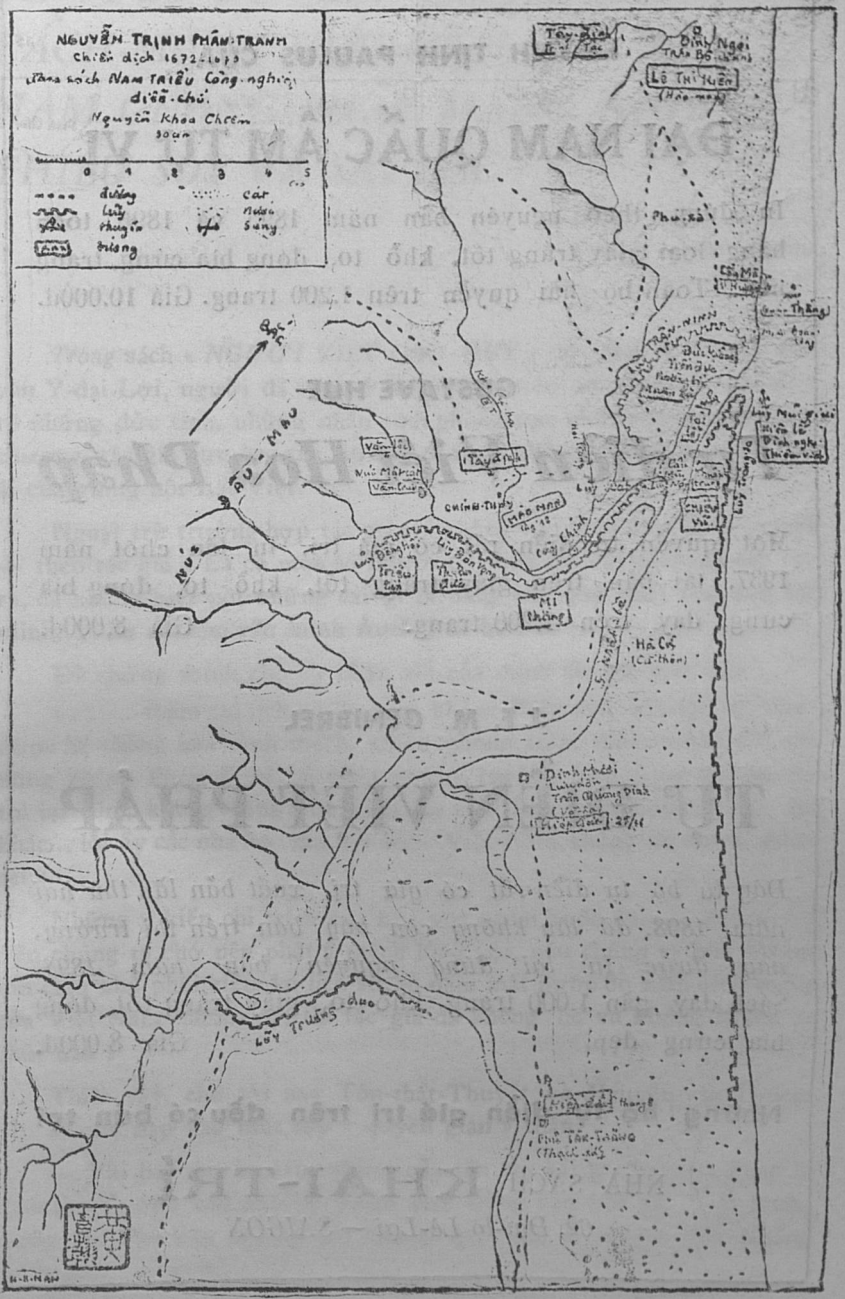

Library HoangSa.Org

ĐÃ TÁI BẢN

HUỲNH TỊNH PAULUS CỦA

ĐẠI NAM QUẤC ÂM TỰ VỊ

In đúng theo nguyên bản năm 1895 và 1896 toàn bằng loại giấy trắng tốt, khổ to, đóng bìa cứng, trang nhã. Toàn bộ hai quyển trên 1.200 trang. Giá 10.000đ.

GUSTAVE HUE

Tự điển Việt Hoa Pháp

Một quyển tự điển rất có giá trị, in lần chót năm 1937, tái bản trên giấy trắng tốt, khổ to, đóng bìa cứng, dày trên 1.200 trang. Giá 8.000đ.

J. F. M. GENIBREL

TỰ ĐIỂN VIỆT PHÁP

Đây là bộ tự điển rất có giá trị, xuất bản lần thứ hai năm 1898, đã lâu không còn bày bán trên thị trường, nay được in lại đúng nguyên bản năm 1898. Sách dày gần 1.000 trang khổ to, giấy trắng tốt, đóng bìa cứng đẹp. Giá 8.000đ.

Những bộ tự điển giá trị trên đều có bán tại

NHÀ SÁCH **KHAI-TRÍ**

62, Đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON

Library HoangSa.Org

ĐÃ VÌ LÝ DO NÀO MÀ LỊCH-SỬ CÁCH-MẠNG VIỆT-NAM QUA 80 NĂM CHỐNG PHÁP MANG NHIỀU THIẾU SÓT VÀ SAI LẠC ?

★ ĐÔNG - TÙNG viết
qua kinh nghiệm bản thân

Trong sách « *NGƯỜI VIỆT CAO QUÝ* » của ông A. Pazzi, nhà văn Ý-đại-Lợi, người đã từng ở Việt-Nam trên 20 năm, sau khi nêu rõ những đức tính, những nhân tình phong tục, những ngôn ngữ văn-chương, tác giả cực lực tán dương ca ngợi những điều khả kính, khả ái của giống nòi Lạc-Việt.

Ngoại trừ trường hợp tác giả chỉ không vừa lòng một hạng người — theo tác giả « Là có một số người trí thức do Tây phương đào tạo ra, đã không biết nổi những cái gì là đáng cao quý nhất của dân tộc mình, vì họ chỉ cho văn minh Âu-Mỹ là hơn cả ».

Để chứng minh cho sự nhận xét của mình! tác giả viết tiếp :

« . . . . thậm chí lịch-sử 80 năm kháng Pháp của dân-tộc họ, chưa được hệ thống hóa rành mạch, nhiều phong trào, nhiều nhân vật anh hùng kháng Pháp đã bị bỏ sót ; nhưng trường hợp được đề-cập tới thì lại cũng không thống nhất, sách nầy viết thế này, tài liệu kia viết thế khác... lỗi ấy các nhà học giả, trí thức Việt-Nam không đổ cho ai được hết ».

Những ý kiến chỉ trích của nhà văn ngoại quốc ông A. Pazzi như trên chúng ta chớ nên phật ý mếch lòng vội, nếu chúng ta biết khiêm tốn chịu khó phối kiểm lại lịch-sử 80 năm mất nước 80 năm cách-mạng của Việt-Nam chúng ta, thì tác giả đã không hề vu khống chúng ta chút nào ?

Thiệt vậy, cho tới nay Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường vẫn bị quy nạp vào một cặp « quyền gian » thần.

— Vài bài thơ ba lăng nhăng của tên tay sai lợi hại của Pháp là Tôn-thọ-Tường vẫn nghiệm nhiên nằm trong văn học sử Việt-Nam, trong khi Thi Văn nghiệp của nhà ái quốc chí sĩ Huỳnh-thúc-Kháng lại bị loại ra ngoài.

Tên phản bội Cao-Đạt vẫn nghiệm nhiên choán giữ các đại lộ các cơ sở công cộng ở Thủ đô và các tỉnh của miền Nam Việt Nam.

Library HoangSa.Org

Nhà cách-mạng cần-vương Nguyễn-đức-Quý, cánh tay phải của Cụ Phan-đình-Phùng đã bị mai một, vì không tài liệu sách vở nào nói tới cả. Ngoại trừ Quốc triều đăng khoa lục quyển Ba của Cao-xuân-Dục có được liệt kê cái tên vào bảng : « Sắc ban Đệ nhị Giáp tiến-sĩ xuất-thân » (Hoàng-Giáp) chứ không nói gì thêm nữa.

Quyển *danh nhân tự điển* độc nhất của ông Nguyễn-huyền-Anh lại bỏ sót Cụ Nguyễn-thăn-Hiến nhà lãnh tụ trong phong trào Đông-du (1904 - 1908) của miền Nam.

— Ông Cao-quang-Huệ, Võ-mẫn-Kiến, Trần-đình-Lý, ông Ba-Gốc (Một trong 200 sinh viên du học Nhật-bản) là một người hay bốn người ?

— Lê-văn-Phan, Võ-Tấn-Anh, Hồng-Sơn, Lê văn Phấn, người vâng lệnh Cụ Cường-Để bắn chết tên phản bội Phan-bá-Ngọc tại thị xã Hàng châu năm 1920, và hướng dẫn Phạm-hồng-Thái ném bom giết hụt Toàn quyền Merlin ở Sa-diện năm 1924 là một người hay bốn người ?

— Đúng hay không Đội-Cung người chủ động cuộc khởi nghĩa Đồ-Lương năm 1941 là cảm tình viên của Việt-Minh ?

Chỉ ngần ấy sự việc điển hình cũng đủ đáng cho chúng ta tiếp thu lời phê bình chỉ trích của ông A. Pazzi lắm rồi.

Chúng tôi không phải là một học giả hay sử gia chi trơn, lại càng không phải nữa là nhà cách-mạng, chính-trị chi ráo trọi. Nhưng vì những cơ duyên phức tạp của cuộc đời lắm chuyện nên trước đây 47 năm đã bắt đầu một cuộc đời trôi sông lạc chợ hết Tàu rồi Xiêm, Pá-Đẹc đất Lào, Bò-hóc Cao-Miện đã từng nấm trải. Trong thời gian ở Tàu và Xiêm được tiếp xúc với các vị Tiền-bối Cách mạng trong phong trào Cần-Vương như Cố Khôn ở Phi-Chịt, Cố-Thông ở Sakhonnakhon, Cố-Phương ở Nakhonphanom. Phong trào Đông-Du, Quang-Phục như Cụ Đặng-Tử-Kính, Võ-trọng-Đài, Đặng-thúc-Hứa, Lê-văn-Ban, v.v... được các Cụ khẩu truyền cho những sự việc, nếu là người ngoài cuộc thì không lắm sao hiểu được.

Rồi lại 9 năm trọng phòng chính trị sở Công-an Liên-Khu IV bao nhiêu tài liệu của sở mật thám Đông-dương trước đây đều được khui ra nghiên-cứu.

Nhất là các phong trào cách-mạng Việt-Nam từ phong trào đòi ân xá Phan-bội-Châu (1925) và truy điệu Phan-Tây-Hồ (1926) mãi cho tới tháng 8/1945 đối với chúng tôi là điều kiện dấn thân đương đầu, chứ không phải là việc nghe ai nói hay đọc trong sách vở tài liệu.

Library HoangSa.Org

Nay đọc lại các tài liệu Lịch-sử Cách-Mạng Việt-Nam nhận thấy nhiều sự việc, nhiều chi tiết vừa thiếu sót vừa sai lạc. Chúng tôi tự thấy có nhiệm vụ nên đính chính và bổ túc lại được phần nào hay phần ấy.

Trước khi làm công việc đính chính và bổ túc, chúng tôi xin nêu lên một tiêu đề là :

Những người viết Lịch-sử cách-mạng Việt-Nam, thường được căn cứ vào các loại tài liệu nào ?

1. Sử liệu của những người Pháp đều ghi chép những sự kiện trong khi họ tới xâm lược và cai trị Việt-Nam, bị nhân dân Việt-Nam kháng cự bằng mọi hình-thức, từ giờ đầu (1858) cho tới phút chót (1945).

Dù muốn dù không họ cũng không thể thoát khỏi sử quan của kẻ cướp nước và đáng cai-trị.

Ví-dụ, họ đã nhận-xét về Đề-Thám : Hoàng-hoa-Thám là một tên giặc cỏ hung-ác, ngoan-cố và lật-lõng... »

Để ta hình dung Nguyễn-thái-Học, một người Pháp đã viết :

« Mặt lầm-lì, trán gồ nhiều vết ngấn, đôi mắt cú vọ, biểu-tượng mẫu người cứng đầu và phạm thượng... »

Cuốn Việt-Nam sử-lược của Lệ-Thần Trần-trọng-Kim viết về đoạn Pháp cướp Việt-Nam hầu-hết cụ phải lấy tài-liệu của phòng chính-trị phủ toàn-quyền Đông-Dương, làm sao mà tránh khỏi những nhận-xét sai-lầm.

2. Những sử liệu do người Việt-Nam viết như loại « Việt-sử-cách » của Hoàng-cao-Khải hay sử ký Nguyễn triều, sau thời gian Đồng-Khánh, dù muốn dù không cũng phải viết đúng ý muốn của quan-thầy.

3. Những sử-liệu có tính-chất lịch-sử tiểu-thuyết như cuốn : « Phan-đình-Phùng » vua Hàm-Nghi, Đề-Thám, Bãi-Sậy khởi-nghĩa, của những ông Phan-trần-Chúc, Đào-trinh-Nhất hay nhiều bạn khác, một phần lớn họ dựa theo sử liệu của Pháp nên đã bị xuyên-tạc bóp méo đi một phần, lại còn bị tiểu-thuyết hóa đi nữa, nhiều khi đã đi quá xa sự thực.

4. Những sử liệu do mấy nhà cách-mạng Việt-Nam viết, như : các Cụ Phan-bội-Châu, Ngô-đức-Kế, Huỳnh-thúc-Kháng, tuy một phần lớn là chính xác, nhưng trong khi hoạt động cách-mạng thì tài liệu lịch-sử cũng là một công cụ tuyên truyền, do đó các Cụ phải đề-cao những phong trào, những tổ chức, những đảng phái, những vị anh hùng dân tộc kháng Pháp, vì vậy sự thật cũng có đôi phần bị tổn thương. Ví dụ trong Việt-Nam Vong quốc sử của Cụ Phan-bội-Châu đã nhận xét quá đáng về việc Cụ Phan-thanh-Giản thương thuyết với Pháp để ký hòa ước 1862 nhường mất 3 tỉnh, chép trang đầu của bộ sử Việt-Nam

Library HoangSa.Org

vong quốc. Cũng như Cụ Huỳnh-thúc-Kháng viết về cuộc kháng thuế Trung kỳ (1908) các Cụ không biết gì hết, mà cũng bị Pháp bắt đày đi Côn-lôn (?)

Ngoài những yếu tố chính kể trên, kèm theo đây là một số lý do hết sức phức tạp đã đem lịch-sử cách-mạng Việt-nam tới điều mà ông A. Pazzi gọi là không thống nhất, sách này viết thế nầy, sách kia viết thế khác. Đó là :

a) Những tổ chức, những đảng phái cách-mạng trong thời kỳ bí mật, nhất là những tổ chức cách-mạng ở ngoại quốc : Nhật, Pháp, Tàu, Xiêm... lẽ đương nhiên tụi mật thám Pháp phái người đi dò la, khi về cũng đặt chuyện vẽ vời thêm ; đấy cũng là nguyên do thứ hai làm cho sử liệu Pháp bị sai lạc (nguyên do thứ nhất đã nói ở đoạn trên).

Một khi một tổ chức cách mạng bị vỡ lở cán bộ bị bắt, trong lời cung khai trước mật thám Pháp, thường có hai phương pháp :

1. Đặt lời cung khai dối trá làm sao cho có lý để cho kẻ thù chấp nhận được, để bảo tồn cơ sở, đồng chí của đoàn thể. Những lời man khai này, thường khi trở thành tài liệu chính thức.

2. Cũng có kẻ bị bắt oan, nhiều khi chính mật thám Pháp cũng biết oan, nhưng muốn dâng công với cấp trên, nên chúng dùng cực hình mà tấn buộc can nhân phải thú nhận, để rồi chịu án tù đày. Trong khi đó ; cũng có những người làm thực, nhưng vì họ kiên gan quá thành ra được trả tự do. Cả hai trường hợp đều là sai sự thật cả.

b) Trường hợp đất nước bị chia đôi.

Qua 9 năm (1945-1954) kháng chiến chống Pháp ngày 20-7-1954 kết thúc bằng Hiệp định Gènève, đất nước bị chia đôi. Những sử gia ngoài đó: Đào-duy-Anh, Phạm-duy-Thông, Trần-huy-Liệu, Minh Tranh, tất nhiên bọn đó đều viết lịch sử theo đường lối Duy vật lịch sử, chúng ta miễn bàn ở đây.

Tại miền Nam Việt nam vì nhu cầu đấu tranh chính trị, nhất là đường lối chống cộng của anh em ông Diệm với những cán bút theo chủ nghĩa « *duy lợi* » đã cố tình sáng tác ra bao nhiêu sử liệu quá xa sự thực để bán lấy tiền hay mưu cầu địa vị.

Sự thực phũ phàng đó không ai không biết.

Trên đây là tất cả lý do đã đem lịch-sử cách-Mạng Việt-Nam tới chỗ thiếu sót và hỗ loạn.

Để chứng minh cho nhận xét trên của mình, chúng tôi xin nêu lại một số của điều kiện bản thân đã phải chứng kiến những điều sai lạc ấy, như sau đây :

Library HoangSa.Org

1.— *ĐI ĐỔ RÁC BAN ĐÊM TRỞ THÀNH NHÀ CÁCH-MẠNG*

Cuối năm 1945, tại vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh người ta mở một lớp huấn luyện chính-trị cho cán bộ 3 tỉnh (Thanh-Nghệ-Tĩnh) chúng tôi và Tôn-quang-Phiệt phụ trách soạn thảo tài liệu Lịch-sử cách-mạng Việt-Nam, lúc bấy giờ tài liệu đang khan hiếm. Hôm chúng tôi viết tới Tổ chức « Xô-Viết » Nghệ-Tĩnh, tôi và Phiệt đào bới hồ sơ của sở mật thám Nghệ-an bắt, gặp một tài liệu kèm theo một bản án Đinh-xuân-Tường, người huyện Thanh chương (Nghệ-an) là Ủy viên thư ký của Xô Viết Nghệ-Tĩnh, nên bị kết án 20 năm đày Ban-mê-Thuật. Sau ngày tháng 8/1945 Tường về giữ chức bí thư Liên-Hiệp-Công Đoàn Nghệ-An.

Khi bắt gặp tập hồ sơ này tôi và Phiệt mừng rú lên như bắt gặp của rơi.

Thế rồi Phiệt bảo tôi đi ngay tới trụ sở Liên-Hiệp Công đoàn tỉnh nơi Tường làm bí thư.

Tới gặp Tường, sau cái bắt tay xiết chặt, tôi cho ngay vào đề :

— Nhờ anh cho biết cụ thể tổ chức « *Xô-Viết Nghệ-Tĩnh* » ?

— Tôi không hề biết gì về tổ chức ấy cả !

— Ô hay ! tôi vừa nói vừa xuất trình hồ sơ cho Tường xem và tiếp :

— Anh là ủy viên thư ký cho nên đã bị Pháp kết án 20 năm kia mà ! sao anh lại bảo là anh không biết ?

Tường phá lên cười sặc sụa rồi tiếp :

— Trên mặt giấy tờ của sở mật thám Vinh và tòa án Nam-triều Nghệ-an là như thế đó, nhưng sự thực trăm phần trăm thì lại khác !

— Sao lại có chuyện như thế được ? tôi nói !

Tường vừa cười vừa nói :

— Thiệt ra tôi chỉ là một người « *Đi đổ rác ban đêm trở thành nhà cách mạng* » nói xong ông ta lại cười rồi tiếp : Năm đó tôi mới 17 tuổi, đang học lớp Nhứt ở trường huyện Thanh chương, nhân có ông chú làm cai thợ nguội tại nhà máy Trường-Thi ở Vinh, nhà chú tôi ở phố Đệ-Bát (8ème quartier) thuộc thị xã Vinh-Bến-Thủy. Nhân ngày chủ nhật, tôi tới chơi nhà chú, hôm ấy đúng vào ngày 1/5/1930 là ngày Kỷ-niệm Quốc-tế Lao-động, nửa đêm tôi bị đau bụng chạy ra đội thạ ma sau phố Đệ-bát đi ỉa, Chẳng dè tối hôm đó người ta rải truyền đơn treo cờ để Kỷ-niệm. Bọn mật thám và lính khố xanh đêm đi tuần dậm phải truyền đơn, trong khi họ đang lùng kiếm thủ phạm thì bắt gặp tôi đang đi giữa bãi tha-ma. Thế là tôi bị

Library HoangSa.Org

hốt về sở Mật-thám Vinh tra khảo. Đâu sợ tù tội đang còn cố chối cãi, chẳng dè khi bị dí điện vào, đau buốt quá chịu không nổi, đành phải nhắm mắt nhận bừa mình là Ủy-Viên Thư ký của tổ chức « *Xô-Viết Nghệ-Tĩnh* » thành lập tại huyện Thanh-chương, chính ở quê hương tôi.

Thế rồi sở mật thám Vinh lập thành hồ sơ đệ qua tòa Nam-án Nghệ-an, ở đây người ta làm án tôi 20 năm khổ sai đày đi Ban-mê-Thuật. Thiệt ra tôi mới giác ngộ cách-mạng Vô-sản ở trong nhà lao Ban-mê-Thuật nhờ những đàn anh bị đày tới đó trước dắt dìu, và được kết nạp vào đảng từ trong đó. Chứ sự hật trước ngày mang án 20 năm, tôi mới chỉ là một hội viên của Học-sinh hội trong trường huyện Thanh-Chương, chứ chưa biết Tổ-chức Xô-Viết Nghệ-Tĩnh là cái chi chi hết.

Các quý bạn thử nghĩ : Nếu như Đinh-xuân-Tường là một người hiếu danh, thiếu thành thực, vịn vào hồ sơ giấy trắng mực đen như thế mà cứ nhận bừa rồi tự bịa ra một số chi tiết để cho tôi ghi biên lấy đem về viết lịch-sử Xô-Viết Nghệ-Tĩnh thì tài-liệu lịch-sử ấy sai lạc biết bao nhiêu.

Trường hợp thứ hai là câu chuyện :

2.— « *CHẠY TRỐN CÁCH-MẠNG TRỞ THÀNH NHÀ CÁCH-MẠNG* »

Năm 1949, ở vùng Kháng-chiến Liên-khu IV, chúng tôi viết một tài liệu lịch-sử Cách-Mạng Việt-Nam. Phần viết về Việt-Nam quốc dân-đảng, tới chương III là cuộc khởi nghĩa Yên-Bái, vì điều kiện khan hiếm tài liệu, nên tới chương nầy viết không ra. Có người nói cho hay : Đồng-Chí Lê-Nam-Thắng hiện là Tư Lệnh trưởng liên khu IV, nguyên là một sĩ quan trong quân đội Pháp, vì tham gia cuộc khởi nghĩa Yên-Bái (10-2-1930) nên bị Pháp đày ra Côn-đảo nay muốn tường tận cuộc khởi nghĩa Yên-Bái, tốt hơn hết là tới hỏi ông ta.

Cũng như lần tới hỏi Đinh-xuân-Tường kể trên, khi tới văn-phòng bộ Tư-Lệnh đặt ở vùng Chu-Lệ thuộc huyện Hương-Khê, tỉnh Hà-Tĩnh, tôi xin vào gặp Thắng, sau cái bắt tay, tôi cho ngay vào đề, tôi nói :

— Xin Đồng-chí Tư-Lệnh cho biết tường tận về cuộc khởi-nghĩa Yên-Bái !

Thắng phá lên cười hô hố rồi nói :

— Tôi không biết đầu đuôi xuôi ngược gì hết !

— Ô hay ! chẳng phải là đồng-chí bị án 15 năm đày ra Côn-đảo chỉ vì tham gia cuộc khởi nghĩa Yên-Bái đó sao ?

Thắng cười sặc sụa rồi tiếp :

Library HoangSa.Org

— Tôi bị án 15 năm đày ra Côn-đảo là vì cuộc khởi nghĩa Yên-Bái, nhưng thực-tế thì tôi không biết gì hết.

— Sao lạ lùng thế nhỉ ?

— Thiệt ra tôi chỉ là người « *chạy trốn cách-mạng trở thành nhà cách-mạng* ». Nói xong Thắng lại cười rồi nói rõ chi tiết.

— Nguyên tôi chính tên là Nguyễn-Khánh, giữ chức chánh quản trong quân đội Pháp, tên thường gọi là Quản-Khiếng. Năm đó tôi đóng quân ở Yên-Bái, trước ngày cuộc khởi nghĩa bùng nổ không ai cho tôi biết gì hết, hôm nghĩa quân đánh thốc vào vị trí, tôi hoảng sợ bỏ chạy ra đàng sau, trốn vào một bụi lau rậm khi nghĩa quân bị lính Pháp bao vây bốn mặt, tôi bị chúng bắt gặp trong bụi lau rậm. Bắt được tôi chúng giải về sở mật thám Hanoi khai thác cung tiêu, tôi khai thiệt là tôi đi trốn khi đồn binh bị tấn công, chứ tôi không hề biết gì hết, nhưng chúng không tin, cứ đánh mãi, tôi đau quá chịu không thấu, thế là nhắm mắt nhận bừa. Thế rồi chúng đem ra hội đồng đề hình kết án tôi 15 năm và đày ra Côn-đảo, rồi tôi đã theo cách-mạng ngoài đó. Thiệt ra trước ngày 10-2-1930 tôi chỉ là một hạ sĩ quan lính khố đỏ của Tây, chứ chẳng phải cách-mạng cách mung chi hết.

Trường hợp thứ ba là :

3.— *ĐÃ CÓ LẦN TÔI CHIẾM ĐƯỢC CÁI « VÔ THỰC CHI DANH »*

Sách Hoài-Hải-Tập của ông Tần-Quan có câu : « Ninh vi vô danh chi thực, bất tác vô thực chi danh » câu này có nghĩa là thà chịu thiệt thòi vô danh mà có thực, chứ đừng làm chuyện vô thực mà hữu danh.

Trong đời sống chính trị của tôi đã có lần chiếm được cái « Vô thực chi danh » ấy, đầu đuôi câu chuyện như vầy :

Tháng 6-1928, lãnh-tụ Việt-Nam Quốc dân đảng ông Nguyễn-thái-Học phái qua Xiêm 3 cán bộ là ông Nguyễn-ngọc-Sơn, Hồ-văn-Mịch và Phạm-Tiềm qua tỉnh Oudord (khu đông bắc Thái-lan) để tiếp xúc với đại diện ông Nguyễn-ái-Quốc thảo luận về việc hiệp đồng hỗ tương hoạt động giữa 2 đảng Việt-Nam quốc dân đảng và Việt-Nam cách-mạng Thanh-niên đồng chí hội tại quốc nội. 3 ông có tên trên là đại diện cho ông Nguyễn-thái-Học, Hoàng-văn-Hoan (hiện là Trung-ương ủy-viên Hanoi, lúc đó mang tên là anh Thoong) và Nguyễn-Chấn lúc đó mang tên là anh Tăng là đại diện cho ông Nguyễn-ái-Quốc.

5 người họ gặp nhau tại bạn Noong-Bùa cách tỉnh lị Oudord 4 km, ngày 2 buổi họ họp nhau trong một buồng kín chả ai biết họ nói với nhau những gì.

Library HoangSa.Org

Chúng tôi lúc bấy giờ mạng tên là Lê-hy-Toản, chỉ là một cán bộ cấp dưới đâu có quyền được biết tới 5 người kia họ đã nói với nhau những gì trong một buồng kín suốt cả tuần lễ, vì đó là nguyên tắc bất dịch của các chính đảng cách mạng.

Suốt gần nửa tháng 3 ông Sơn, Tiềm và Mịch lưu lại tại Noóng-Bùa chúng tôi chỉ làm nhiệm vụ do cấp trên giao phó việc lo cơm nước cho khách, đem khách đi tắm hay đi giải trí vào những buổi chiều tối không làm việc.

Ấy vậy mà ở đây có nhiều tài liệu viết về Quốc-dân-Đảng kể cả bộ lịch-sử Quốc-dân-Đảng của ông Hoàng-văn-Đào một trong những lãnh-tụ V. N. Q. D. Đ. khi viết tới sự việc trên lại viết là « ... trong cuộc gặp nhau thảo luận ở Xiêm đại diện của ông Nguyễn-ái-Quốc là Lê-hy-Toản.... »

Chúng tôi rất thắc mắc và tự hỏi : Tại sao 2 người chính thức đại diện cho ông Nguyễn là Hoan và Chấn lại không có tên, mà Lê-hy-Toản là người ngoại cuộc chỉ làm nhiệm vụ tiếp tân mà trong tài liệu lịch sử lại có tên.

Như vậy là khi không tôi đã chiếm được cái « Vô danh chi thực ».

Nhưng đó là điều ngoài ý muốn của chúng tôi và cũng ngoài cả sự tưởng tượng nữa.

Các quý vị độc giả kính mến,

Nếu bảo rằng bộ lịch-sử cách-mạng Việt-Nam kháng Pháp lắ một đại dương thì chúng tôi chỉ là một gáo nước. Nếu bảo rằng bộ lịch-sử cách mạng Việt-Nam kháng Pháp là một khu rừng già rộng lớn, thì chúng tôi chỉ là một cây bé tẻo teo. Ấy vậy mà đã phải chứng kiến bao nhiêu việc ngộ mậu, sai thù như kia vừa kể, cho nên chúng ta cũng không nên vội bi quan khi thấy những tài liệu lịch-sử Cách-mạng Việt-Nam đang mang nhiều khuyết điểm sai lầm và thiếu sót, mà mọi người chúng ta ai nấy đều cố gắng đính chính và bổ túc vào, thì nhất định một ngày không xa các nhà viết Quốc sử của chúng ta sẽ đầy đủ tài liệu viết lên một bộ lịch-sử cách-mạng Việt-Nam kháng pháp đầy và chính xác.

Đ. T.

Library HoangSa.Org

VÀI TÀI LIỆU VỀ PHAN-ĐÌNH-PHÙNG

• NGUYỄN QUANG-TÔ

Cụ Phan-đình-Phùng là một nhà lãnh-tụ cách mạng cần-vương vùng Nghệ-Tĩnh, toàn thể quốc dân, già, trẻ, gái, trai không ai không biết. Tuy nhiên đối với cái chết và thi hài của Cụ có nhiều tài liệu viết khác nhau. Đại khái như sau đây :

— Có tài liệu viết rằng : Cụ bị bệnh chết, Nguyễn-Thân đào xác lên định đem đốt ra than lấy tro trộn với thuốc súng mà bắn đi, nhưng sau lại cho đem chôn.

— Một tài liệu khác lại nói : Cụ bị bệnh kiết lỵ mà chết, Nguyễn-Thân cho đào lên, đốt ra than đem đổ xuống sông.

Nhưng, ông Đào-trinh-Nhất trong sách Phan-đình Phùng thì lại viết về cái chết của Cụ Phan như sau :

« Lối 8 giờ sáng ngày 13 tháng 11 cụ mất. Tang Lễ cử hành cố nhiên là đơn sơ. Duy có việc tẩn liệm thi thể của Cụ, tướng sĩ đã làm hết mình. Thay vì phải dùng quan tài như thường, tướng-sĩ chặt cây gỗ vàng-tâm thật lớn ở trong rừng, đem về khoét lũng thân cây đặt di thể trong đó, trên đậy nắp gắn lại chắc chắn. Di thể mang áo mão tấn-sĩ.

« Đúng ngày an táng, tướng sĩ sắp hàng làm lễ cử-ai và lạy trước linh-cữu, rồi rước linh cữu xuống táng dưới chân núi Quạt. Lúc linh cữu hạ huyệt rồi, trên chỉ đắp đất bằng phẳng, chứ không đắp cao lên thành mồ. Tướng sĩ dụng tâm chôn cất như thế, là vì sợ mai sau có kẻ điềm-chỉ mộ cụ bị khai quật lên chăng.

« Quân Pháp không hay việc cụ Phan đã mất, vì tướng sĩ vẫn đóng ở trên núi Quạt như thường và giữ cách trầm tĩnh êm-đềm, không lộ ra một hình tích gì bày tỏ cho bên ngoài biết trong quân vừa có đại biến.

Library HoangSa.Org

Duy có quân thứ các nơi nghe tin chủ tướng mất rồi, sinh ra chán nản, lần hồi tản-tác, trở về quê hương, hoặc trốn qua Lào qua Xiêm cũng nhiều. Còn bổn-bộ tướng-sĩ của Phan, thì vẫn theo hầu phu nhân để chờ ngày ra thú.

« Cách mười mấy hôm sau, quân Tây đi tuần, bắt được một tên nghĩa binh ở trên sơn-trại lén xuống xóm làng tìm mua lương-thực. Trước còn dỗ dành, sau dọa bắn chết, nếu như không nói rõ binh-tình trên núi, thành ra tên lính nọ phải thú thiệt rằng cụ Phan đã qua đời trên mười bữa nay, và nó chỉ cả nơi chôn di thể nữa.

« Quan quân buộc nó đi dẫn đường, tới đào mộ lên lấy thi thể cụ Phan đem về.

« Lạ thay ! đêm bữa 29 ở trên sơn-trại, phu-nhân đang ngủ, nằm mộng thấy cụ Phan hiển-linh về, nói với phu-nhân như vầy :

« — Ngày mai ta thử ra trước mặt quân Tây, xem chúng làm gì ta ».

Phu nhân cho là điềm lạ, suy nghĩ phân-vân. Té ra chiều bữa sau là ngày 30, có tin báo lên sơn-trại rằng : Không hiểu tại sao quân lính Bảo hộ biết chỗ, đã đào mộ Cụ Phan lên đem về đồn Lịnh-cảm rồi. Trong mộng cụ nói « ta thử ra trước mặt quân Tây » là ám chỉ việc đào mả.

« Nói về quân Pháp biết được chỗ khai quật được mả Cụ Phan lên, đem di hài về đồn Lịnh-Cảm giao cho Nguyễn Thân xem xét có phải thiệt là di hài của Cụ Phan không.

« Nguyễn-Thân cho đem ra địa đầu tổng Việt Yên đem dầu chế vào đốt đem mun trộn vào thuốc súng thần công và bắn xuống bể » (1)

Trên đây là đoạn văn trong cuốn Phan-đình-Phùng của Đào-trinh-Nhất mô tả về cái chết của nhà chí sĩ họ Phan, nhưng Đào quân đã không nói rõ sự việc nầy ông đã lấy đâu ra ? biên khảo theo tài liệu nào ? mà trong đó cũng có nhiều điểm dị đồng so với các tài liệu khác.

Vả chăng, nhìn chung, những tài liệu viết về cái chết của nhà Tiên liệt Cách mạng Phan-đình-Phùng từ trước tới nay, thường có tính chất Dã-sử nghĩa là các sử liệu chỉ có tính chất truyền miệng nhiều hơn là các sử-liệu có căn cứ trên giấy trắng mực đen.

Để góp ý kiến hầu làm sáng tỏ vấn đề tồn nghi đó, gần đây chúng tôi đã cố tâm tìm được 3 văn kiện lịch-sử có tương quan, xin sưu dịch cống hiến độc giả sau đây :

(1) Đào Trinh Nhất, *Phan Đình Phùng*, in lần thứ 3, Sàigòn : Tân liệt, 1950, tr 232-233.

Library HoangSa.Org

1.— TỜ YẾT THỊ CỦA NGUYỄN-THÂN

Nguyên-văn bằng chữ Hán

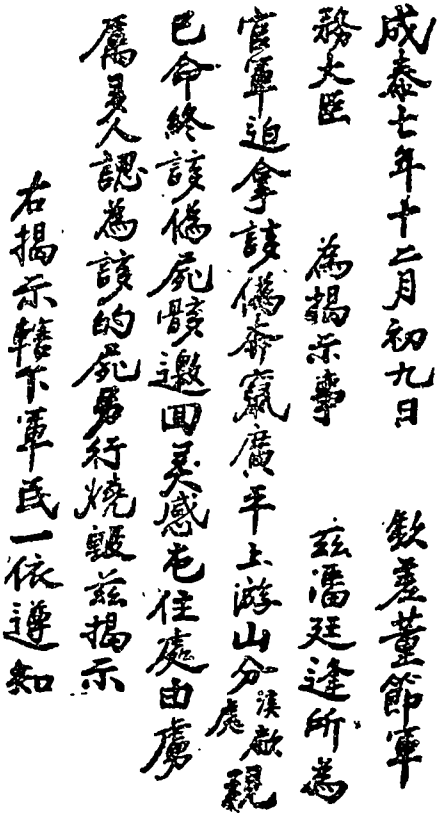

Phiên âm

« Thành-Thái Thất niên thập nhị nguyệt sơ cửu nhật : Khâm sai Đồng-tiết quân-vụ Đại thần vi yết thị sự : Tư Phan-đình-Phùng sở vi quan quân bức nã, cai ngụy bôn soán Quảng-bình thượng du sơn phận (khe Quạt xứ) hiện dĩ mệnh chung, thi hài yêu hồi Linh-Cảm đồn trú xứ do lỗ thuộc đa nhân nhận vi cai đích thi lánh hành thiêu hủy.

Tư yết thị

Hựu yết thị hạt hạ quân dân nhất y tuân tri ».

Library HoangSa.Org

Dịch nghĩa

«Ngày mùng 9 tháng 12 niên hiệu Thành-thái thứ 7, quan Khâm-Sai Đồng-tiết quân-vụ Đại-Thần (1) yết thị rằng :

Nay Phan-đình-Phùng bị quân quan bức nã, nên ngụy ấy [chỉ Cụ Phan] lẩn trốn lên miền thượng-du tỉnh Quảng-Bình (xứ khe Quạt), hiện đã chết rồi, thi hài ngụy ấy đã đưa về đồn Lịnh-cảm do nhiều tên cựu thuộc của tên giặc ấy [chỉ cụ Phan] nhận diện cho đúng là thi hài của ngụy ấy. Thi hài ấy sẽ đem thiêu hủy.

Nay yết thị

Vậy yết thị cho quân dân trong hạt biết.

Khi chúng tìm được xác chết Cụ Phan, ngoài tờ yết thị của Nguyễn-Thân kể trên, viên Phó-sứ Ủy-viên chính-phủ cũng ra một yết thị bằng chữ Pháp, nội dung cũng tương đồng với tờ yết thị của Nguyễn-Thân.

Nguyên văn tiếng Pháp :

2.— THÔNG TƯ SỐ 83 (COLONNE DE POLICE N : 83)

NOTE CIRCULAIRE

Phan-đình-Phùng pourchassé de toutes parts, obligé de se réfugier dans le haut Quảng-bình (Région de Quạt) est mort et son cadavre rapporté à Linh-cam, où il a été formellement reconnu par de nombreuses personnes, sera incinéré. Les cendres seront dispersées.

Cet important résultat est dû à la ténacité et au dévouement de tous. Le V. Résident Commissaire du Gouvernement se borne, pour l'instant, à adresser ses félicitations chaleureuses aux Inspecteurs et Gardes principaux ayant pris part aux expéditions du Laos et de Quạt, en signalant toutefois, que M.M. les Gardes Principaux Moutin notamment, et Génault ont eu l'initiative et l'heureuse chance de prendre une part directe et des plus intelligentes à la découverte du cadavre du chef de la rébellion.

Linh-Cảm le 29 Janvier 1890

Le V. Résident Commissaire du Gouvernement

Signature et Cachet

(1) Quan chức của Nguyễn-Thân được Pháp phong cho khi đàn áp phong trào Cần-Vương ở Trung Kỳ.

Library HoangSa.Org

Dịch nghĩa :

Thông-Tư số 83

Bị truy nã tập kích khắp nơi, Phan-đình-Phùng buộc phải lẩn tránh lên vùng thượng-du tỉnh Quảng Bình (vùng Quạt) và đã chết, thi hài đã được đưa về Linh-cảm và đã được nhiều người nhận diện. Thi hài ấy sẽ bị thiêu, và tro tàn sẽ bị phân tán. Kết quả quan trọng nầy là nhờ sự kiên nhẫn, cũng như sự tận tâm hy sinh của mọi người.

Hiện giờ vị phó công-sứ Ủy-viên chính-phủ chỉ mới ban lời khen nồng hậu đối với các viên Giám-binh đã từng tham dự hành quân ở Lào và Quạt, đặc biệt là viên Giám-binh Moutin và Génaul có sáng kiến cùng gặp được may mắn trực tiếp tham dự cuộc tìm thấy thi hài của lãnh tụ phản loạn.

Linh-cảm ngày 29. 1. 1896
Quan Phó-sứ Ủy-viên Chính-phủ
Ký tên và đóng dấu

(Theo Tài liệu của Trác-Ngọc, Nội-san trường Vinh, số Xuân, 1971)

Ngoài 2 tài liệu trên đây, chúng tôi xin cung cấp thêm 2 tài liệu lịch sử liên quan tới vấn đề cái chết của nhà Đại ái-quốc Chí-sĩ Phan-đình-Phùng như sau đây :

3.— *TỜ THÔNG TƯ CỦA NGUYỄN-THÂN*

Khi Thực dân Pháp tìm được xác chết Cụ Phan-đình-Phùng, Nguyễn-Thân mừng hí hửng, ngoài tờ yết thị kể trên, ông ta còn làm một tờ thông tư cho công bố khắp nơi, nhất là từ Nghệ-Tĩnh trở ra Bắc.

Thông-tư nầy nguyên tác bằng chữ Hán, chúng tôi tìm được trong hồ sơ chính trị của Nha Kinh Lược.

Phiên âm :

Hiệp Biện Đại học sĩ Khâm Mệnh Tiết chế quân-vụ Đại-Thần Diên Lộc Nam Nguyễn... vi luân phi tư sự : Chiếu-chỉ Nghệ-Tĩnh Nguỵ chính-tướng Phan-đình Phùng cập cừ mục dẫng quân dĩ đáo án. Lánh phụng phi chương tịnh hồng kỳ báo tiệp ngoại, triếp thử luân phi tư kỳ trí chiếu.

Library HoangSa.Org

Giá tư chiếu lệ sao lưu bị chiếu tồn nguyên tư đệ đáo Kinh-Lược nha trình nạp.

Tu chí luân tư giả.

Hựu luân phi tư... Nghệ An tĩnh dĩ bắc chư địa phương quan.

Thành-Thái thất niên thập nhị nguyệt sơ bát nhật.

Quyền chủ sự Võ-nhược-Phác phụng khảo. »

協辦大學士欽命節制軍務大臣延祿男阮

為輪飛咨

事炤之乂靜偽正將潘廷逢及渠目等均已到案另奏飛章

並紅旗報捷外輙此輪飛咨到知炤這咨炤例抄留備炤存

原咨遞到經畧衙呈納須至輪咨者

右輪飛咨

乂安省以北諸地方官

成泰柒年拾貳月初捌日

權主事武若橫奉致

Library HoangSa.Org

Dịch nghĩa

« Hiệp-biện Đại-học-sĩ Khâm-mệnh Tiết-chế-quân-vụ Đại-thần Diên-lộc-Nam, Nguyễn... ban hành tờ thông-tư khẩn như sau :

Chiếu chỉ Chính tướng của Ngụy-quân ở hai tỉnh Nghệ-Tĩnh là Phan-đình-Phùng cùng với bọn cừ mục đồ đảng đều đã chịu tội hết. Ngoài việc đón tiếp phi chương cùng cờ hồng báo tiệp, nay cho luân phi thông tư này cho các nơi đều được biết.

Các nơi nhận được phải sao thông tư này để phổ biến, đồng thời đệ nạp về nha Kinh-lược. Nay luân tư.

Tờ thông tư luân phi này được phổ biến cho các hạt quan từ tỉnh Nghệ-An trở ra Bắc.

Thành-Thái năm thứ bảy tháng chạp ngày mùng tám.
Quyền Chủ sự Võ-nhược-Phác phụng khảo. »

4.— *BIÊN BẢN KHÁM NGHIỆM QUAN-TÀI CỤ PHAN-ĐÌNH-PHÙNG*

Khi mấy viên sĩ quan người Pháp mang được quan tài của Cụ Phan-đình-Phùng từ núi Quạt về, chúng cho gọi viên Tuần-Vũ Hà-Tĩnh tới cậy quan tài ra khám và lập biên bản.

Đây là biên bản khám nghiệm quan tài và thi thể Cụ Phan người ta tìm được trong hồ sơ của Nha Kinh Lược Bắc Kỳ (xin xem bảng kẽm trang 237).

Nguyên tác bằng chữ Hán, xin phiên âm và dịch nghĩa như sau đây :

Phiên âm :

Quyền hộ Hà-Tĩnh Tuần-Vũ quan phòng hạ chức Phan-huy-Quán túc trình :

Phụ Đại-Thần Thái-tử Thiếu-bảo Võ-hiển điện Đại học-sĩ Khâm-sai Bắc-Kỳ Kinh-lược Đại-sứ Diên-mậu Tử, tôn tướng-công đài tiền hy chúc : Thừa chiếu Thiêm hạt hiện tình tiết phụng trình thầm hĩ tồn Phan-đình-Phùng cận nhất xuất đảng tiềm vãng thượng du. Thừa Khâm mệnh khâm sai liệt Đại nhân thương ủy viên binh truy nhiếp : Bản nguyệt sơ bát nhật, tiếp tam khuyên quan thư báo Quảng-bình tỉnh nhân đình ngụy Lĩnh Quê thú xưng Phan-đình-Phùng dĩ ư nguyệt tiền thập tam nhật bị đạn thống tử cai kinh dẫn đề táng xứ đẳng tình. Bản

Library HoangSa.Org

nhật tiếp Thiềm tỉnh quyền lãnh Niết-sứ Nguyễn... phi trình tự : khứ nhật tiếp Quý quan binh đệ tương ngụy Phùng quan cữu hồi đề Linh-cảm trú thứ thừa phái cai-viên dự Tán-lý Lê, hội đồng quý quan sức khai kiểm nghiệm.

(Khô mộc quan nhất, thượng phú minh tinh nhất đoạn, dụng hồng bạch ước thất phương, châu thư : Hoàng triều Bính-Tý khoa Cử-nhân, Đinh-Sửu khoa Đình-nguyên Tiến-sĩ, Cáo thụ Tư-thiện Đại phu, An-Tĩnh Tổng-đốc, sung kiêm đốc chư tỉnh quân-vụ đại thần, gia tứ Bình-trung tướng, tự Tôn cát, thụy Trang-lạng, hiệu Châu-Phong, Phan công chi cữu.

(Khai khám thi trường ước tứ xích, niên ước ngũ thập thượng hạ, đầu phát đoản, tu trường ước tứ thốn quân bán bạch, khẩu nhãn quân khai. Đại tiểu liệm quân dụng sinh quyến, đầu trước xích sắc sô sa cân nhất đoạn. Phú diện xích đoạn nhất phương, lượng thủ bao xích đoạn, lượng túc bao bạch đoạn, ngoại trước lục sắc Bắc đoạn, quang-tụ y nhất lĩnh, thứ trước thanh sắc sô sa, hiệp-tụ y nhất lĩnh, thứ trước xuyến bạch y nhất lĩnh, nội trước bạch y nhất lĩnh, hạ thường bạch quyến nhất bức. Hữu thủ mậu-chỉ phân tam chi, nội nhất chi liên cốt, nhất đoạn nhục sinh dĩ hủ, yêu đái thanh sô sa ước thập phương, Hựu bạch nhất đoạn ước thập phương).

Kính chất Đông-thái thôn hào cựu tộc thuộc quân nhận xác hệ ngụy Phùng đích thi. Tại thứ Khâm-mệnh Đại-thần kinh phụng phi chương nhập tấu hĩ.

Tự tiếp hội tự cai hệ ngụy cư nghĩ ứng hỏa táng dĩ thị phân biệt.

Tức sức Đức-thọ Phủ bị biện sài tân luyện cai quan cữu tương vụ khoáng địa phần hóa ; Cai viên nghiệp tuân ủy hành thứ phó lãnh-binh Nguyễn... bản tảo hội đồng quý tòa phái quan dữ cai phủ viên chiếu biện trình chiếu.

Đẳng nhận triếp cảm túc phục duy tư chiếu.

Tu chí túc trình giả

Thành-thái thất niên thập nhị nguyệt sơ cửu nhật.

Chánh Bát-phẩm Đoàn-thúc-Cảnh phụng khảo

Dịch nghĩa

Quyền hộ Hà-Tĩnh tỉnh Tuần-vũ quan phòng hạ chức là Phan-huy Quán, kính cẩn phúc trình.

Thái-tử Thiếu-bảo Võ-hiển điện Đại-học-sĩ Khâm-sai Bắc-kỳ Kinh-lược Đại-sứ Diên-mậu-Tử, tôn Tượng-công dài tiền hy chúc ;

Xin kính trình ngài hiện tình về tình hạt tôi :

權護河靜省巡撫關防下職潘輝璸肅呈

輔大臣太子少保武顯殿大學士欽差北圻經畧大使廷茂子寧相公

臺前

　　曦轎承炤柰轄現情節奉呈審矣存潘廷逢

近日率黨潛往上游承欽　命欽差列大人商參員兵

追躡本月初捌日接叁圖官書報據廣平省人昔丁

偽領主首稱潘廷逢已於月前拾叁日被碑病死該

經引抵埜處等情本日接柰省權領梟使阮䑣呈鼓

去日接貴官兵適將偽逢棺柩回抵靈感住次承派

該員與贊理黎會同貴官飭開撿驗木棺壹上覆銘旌壹段用紅色

約柒方硃書　皇朝丙子科舉人丁丑科庚元進士誥授資善大

夫安靜總督充兼督諸省軍務大臣加賜秉忠將字孫吉諡莊蹇

號硃峯潘公之柩開勘　約肆尺年約五拾上下頭髮鬚鬚長約

肆寸均半白口服均開大小歛均用生絹頭著赤色縐紗巾膏餞齊留

赤緞壹方兩手色赤緞兩足色白緞外著絳色北緞廣袖衣壹領次著

青色縐紗綾袖衣壹領次著剝白衣壹領次著帛衣壹領下裳白絹壹

幅右手拇指分叁支內壹支連骨壹段肉生

已腐腰帶青縐紗約拾方又帛壹段約拾方　經贊東泰村豪譆

族屬均認確係偽逢的屍在次欽　命大臣經奉擬章

奏矣嗣接督敍該係偽渠擬應大葬以示分別即飭德青

府備辦藥薪舉該棺柩將于曠地焚化該員棄達委行

次副領兵阮本早會同貴座派官與該府員炤辦呈炤

因輒敢肅伏惟

賜炤須至肅呈者

成泰柒年拾貳月初拾日

工捌品假叔敢奉政

Phóng ảnh nguyên bản hiện tàng trữ tại Văn Khố Quốc Gia, Saigòn, chưa đề số hiệu.

Library HoangSa.Org

Gần đây bọn Phan-đình-Phùng sai đồ đảng lén về vùng thượng-du. Sau khi thương thảo với quý vị Khâm-sai, đã cho binh lính đuổi theo. Ngày mùng tám tháng này. Tỉnh tôi có nhận được thư báo của quan Đại-úy; theo đó một tên dân tỉnh Quảng-bình. Lãnh-binh của Ngụy tên là Khuê, về đầu thú đã tiêu xưng rằng : ngày 13 tháng trước Phan-đình-Phùng đã bị đạn và chết. Y cũng đã dẫn tới xem xét tình-hình tại nơi chôn. Ngày hôm nay, lại tiếp Quyền lãnh Niết-sứ tỉnh tôi là Nguyễn... trình báo rằng : Hôm vừa rồi quý quan binh đã đem áo quan Phan-đình-Phùng về để tại đồn Linh-cảm, đồng thời sức cho y viên cùng với Tán-lý là Lê hội-đồng với quý quan tới kiểm nghiệm :

Áo quan này là một thân cây đục rỗng bên trong, trên có phủ một lá cờ bằng lụa đỏ chừng bảy vuông, với hàng chữ đỏ như sau : « Hoàng triều Bính-tý khoa Cử nhân, Đinh-Sửu khoa Đình-nguyên Tiến-sĩ, cáo thụ Tư-thiện đại-phu, An-Tĩnh Tổng-đốc, sung kiêm đốc chư tỉnh quân-vụ đại thần, gia tứ Bình-trung Tướng, tự Tôn-cát, thụy Trang-lạng, hiệu Châu-phong, Phan-công chi cữu ».

Mở hòm ra khám, thây dài ước 4 thước (1), tuổi ước trên dưới 50, đầu tóc ngắn, râu dài ước chừng 4 tấc, đầu một nửa đã bạc. Miệng và mắt đều mở. Tiểu liệm và đại liệm đều dùng lụa sống. Đầu chít khăn sa màu đỏ, mặt đậy một vuông đoạn đỏ. Hai tay đều bọc đoạn đỏ, hai chân bọc đoạn trắng. Ngoài mặc đoạn Tàu sắc lục ; một chiếc áo rộng ống ; lại tới một chiếc áo hẹp ống bằng sa mịn màu xanh, tiếp đó là áo bằng xuyến trắng. Bên trong là chiếc áo lụa, phần dưới vấn lụa trắng sống. Ngón cái tay mặt phân làm ba chi, chỉ trong cùng liền xương, một chi thịt đã rữa. Lưng vấn sa màu xanh, ước mười vuông, cùng với lụa cũng chừng mười vuông.

Sau khi chất vấn các hào cựu cùng tộc thuộc ở thôn Đông-thái, tất cả đều xác nhận rằng đây là thi thể của ngụy Phùng. Vâng lệnh của vị Đại thần qua phi chương, đối với các tên cừ mục Ngụy ; nghĩ nên đem hỏa táng cho có sự phân biệt.

Chúng tôi đã sức cho phủ Đức-thọ liệu biện đầy đủ củi lửa đem áo quan ra nơi đất trống hỏa phần. Sáng nay vâng lệnh, phó Lãnh-binh Nguyễn... đã hội đồng với các phái quan của quý tòa cùng với nhân viên phủ Đức-thọ đã tới để liệu biện việc hỏa phần này.

Nay kính trình

Thành-Thái năm thứ 7 tháng 12 ngày mùng 9

(1) Lối 1m60 vì một thước ta tương đương với 0m40 bây giờ.

Library HoangSa.Org

CHU AN (1292 - 1370)

★ LÊ HỮU MỤC

L. T. S.: Gần đây, không hiểu vì sơ-ý hay cố-tình, khi đặt tên trường học hay đường phố, người ta cả gan cải danh các vị danh-nhân, như Sương Nguyệt-anh thì đổi là Sương Ngayệt-ánh, Đỗ Thanh Nhân thì đổi là Đỗ Thành Nhân, Trương Quốc Dụng thì đổi là Trương Quốc Dung... và Chu An thì đổi là Chu Văn An.

Trong các tài-liệu cổ bằng chữ Hán như Đại-Việt Sử-ký toàn-thư của Ngô Sĩ Liên, Lịch-triều Hiến-Chương loại chí (Nhân-vật chí) của Phan Huy Chú, Công-Dư tiệp-ký của Vũ Phương Đề, Hoàng-Việt văn-tuyển của Bùi Huy Bích... hết thảy đều ghi-chép là Chu An. Chu An là người họ Chu, tên là An, tên hiệu là Tiều-ẩn. Sau khi mất, ông được vua Trần Nghệ-tông ban tên thụy là Văn-trinh. Người ta chỉ có thể gọi là Chu Văn-trinh hay Chu An, chứ không thể gọi là Chu Văn An. Các sử-liệu trên đã xác-nhận rõ-ràng như vậy. Thế mà, bây giờ, người ta lại đặt trường-học tên là Chu Văn An.

Nhân tiện Lê Quán viết về Chu An, chúng tôi yêu-cầu Bộ Văn Hóa Giáo Dục hãy xét-lại việc lầm-lẫn đáng tiếc này, nhứt là với tư-cách văn-hóa, giáo-dục, không cho phép bỏ qua những lầm-lẫn thiếu căn-cứ sách vở như thế.

Lời Trương Hán Siêu hô-hào trí-thức tham-gia vào sinh-hoạt chính-trị đã gây một tiếng vang lớn; năm 1341, Chu An rời bỏ trường Quang-liệt, nhận lời mời của thượng-hoàng Trần Minh-tông lên Thăng-long làm tư-nghiệp Quốc-tử giám, đồng thời để dạy học cho Thái-tử Trần Hạo. Vua Trần Hiến-tông đột-ngột thăng-hà, và người học trò bé nhỏ của Chu An lên ngôi, đó là vua Trần Dụ-tông. Ông vua hơn một lần bị thập tử nhất sinh này đã tìm mọi cách để chữa trị bệnh liệt-dương, đã không lùi bước trước một khó-khăn nào để chạy chữa, bất-chấp cả luân-lý, cả tội loạn-luân, (1) đã hoàn-toàn bịt tai trước mọi lời can-gián, chỉ biết nghe lời mách bảo của bọn thày thuốc Trâu Canh, Vương Định, Phạm Thế Thương, đưa xã-hội rơi dần vào một tình-trạng hỗn-loạn tối-tăm mà Trương Hán Siêu đã tiên-đoán từ năm 1339. Vào thời-gian này, những thái-học sinh khóa 1314 như Chu An, Phạm Ngộ, Phạm

(1) Khi nhà vua mới lên 4 tuổi, đêm tết Trung-thu, đi thuyền chơi hồ Tây, bị ngã xuống nước, người ta vớt được ở chỗ bờ dập chắn nước để đơm cá thì đã tắt hơi, Thượng-hoàng sai Trâu Canh chữa thuốc, Trâu Canh dùng lối châm-cứu chữa cho nhà vua sống lại, nhưng nhà vua bị liệt-dương, sau Trâu Canh dâng bài thuốc chữa liệt-dương là yêu-cầu nhà vua hủ-hóa với bà chị ruột là Thiên-ninh công-chúa, chứng liệt dương liền khỏi (CM, Chb, X, 2b).

Library HoangSa.Org

Tông Mại, khóa 1323 như Lê Quát, Phạm Sư Mạnh, thêm vào đấy những Nguyễn Tử Thành, Đỗ Tử Vi, Chu Đương Anh, tất cả đều đã hành-động như là những nho-sĩ tích-cực, nhận-định về thời-thế của họ một cách chân-thành, và có người đã từ-chức để biểu-lộ sự bất-đồng quan-điểm với chính-quyền một cách quyết-liệt. Còn người đã có can-đảm thực-hiện lời kêu gọi của Trương Hán Siêu, đó là Chu An (1292-1370), nhân-vật tiêu-biểu nhất của thế-hệ 1343-1370.

Chu An là người làng Quang-liệt, huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-đông, sinh ngày 15-8 năm nhâm-thìn (1292), mất ngày 26-11 năm canh-tuất (1370). Ông đỗ thái-học sinh năm 1314 nhưng không ra làm quan, thích ở nhà dạy học, học trò nghe tiếng đến học rất đông, trong đó có những nhân-vật nổi tiếng như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát, cả hai đều đã đỗ Thái-học sinh năm 1323 và đã giữ những chức-vụ lớn trong quan-trường. Chu An nhận lời mời của Trần Minh-tông ra làm tư-nghiệp Quốc-Tử giám năm 1341 và làm thầy dạy kinh sách Trần Dụ-tông. Qua bài thơ *Hạ Tiêu-ẩn tiên-sinh Quốc-tử giám tư-nghiệp*, bài số 13 trong *Băng-hồ ngọc-hác tập* của Trần Nguyên Đán, ta được biết Chu An trong thời gian này là thần-tượng của giới trẻ, những người thanh-niên hiếu-học, ưa hoạt-động, hăng say trong việc thực-hiện những quyết-lệnh đạo-đức của thánh-hiền, trong khi đó, có một thanh niên ngoài 20 tuổi, tuy là học-trò của ông, và đang nắm giữ chính-quyền, nhưng lại đi ngược lại những lời giáo-huấn của ông đã trình-bày trong *Tứ thư thuyết ước*, giáo-trình triết-học của ông, tại giảng-đường Quốc-tử giám. Người học trò nổi tiếng vô-đạo ấy là Trần Dụ-tông sinh năm 1336, cùng tuổi với Hồ Quý Ly, đã công khai đắm mình trong những cuộc truy-hoan kéo dài trong cung Trường-xuân, cung Vị-ương, thích xem những trò cổ-tích như « Tây Vương-mẫu dâng bàn đào », do Dương Khương và bà vợ trình-diễn tại kinh-đô năm 1362, thích chiêu-tập những người nhà giàu ở làng Đình bảng, làng Nga-đình vào cung đánh bạc, mỗi một tiếng bạc ăn thua đến 300 quan tiền, thích uống rượu thi với Bùi Khoan (1364), có khi lén bỏ kinh-đô vào ban đêm để ra ngoại-ô hành-lạc, như năm 1366, Trần Dụ-tông « đi chiếc thuyền nhỏ, đêm đến chơi nhà riêng của thiếu-úy Trần Ngô Lang ở Mê-sở, nửa đêm đi về, khi đến bãi Chữ-gia, bị kẻ trộm lấy mất cả ấn báu và gươm báu. Tự biết là điềm chẳng lành, nhà vua lại càng buông thả ăn chơi dâm-dật » (1). Những hành-động vô-luân này đã làm cho tư-nghiệp Chu An phẫn-nộ. Ông đã đệ-trình *Thất trảm sớ* để yêu-cầu nhà vua chém 7 người gian-thần có quyền-thế và được nhà vua sủng-ái chắc hẳn phải là bọn hoạn-quan Phạm Nghiêu

(1) CM, Chb. x, 20a.

Library HoangSa.Org

Từ, phú-nọ Nguyễn Chế, bọn thầy thuốc Trâu Canh, Vương Định, Phạm Thế Thương, bọn phường chèo Dương Khương và bà vợ mệnh-danh là Vương-mẫu, bọn Bùi Khoan, Trần Ngô Lang (1), bởi tất cả là một bọn vô-học nhưng có tài bợ-đỡ nên đã chinh-phục được lòng tin-yêu của nhà vua, khuynh-loát hoàn-toàn ảnh-hưởng của các nhà trí-thức đang lo-âu trước những biến-chuyển mau chóng của thời-thế. Bài sớ của Chu An dĩ-nhiên đã không được nhà vua nghe theo, và Chu An đã mạnh-bạo trao trả mũ áo, trở về vui thú điền-viên tại núi Chí-linh. Những tác-phẩm của Chu An như *Tứ thư thuyết ước*, *Thất-trảm sớ*, *Tiều-ẩn thi-tập*, *Tiều-ẩn quốc-ngữ thi-tập* đều đã bị nhà Minh tịch-thu đem về Kim-lăng và cho đến nay, đã hoàn-toàn bị thất-truyền; sự-kiện này chứng-thực tầm quan-trọng của những tác-thẩm nói trên về phương-diện phát-huy ý-thức dân-tộc, điều mà nhà Minh muốn hủy-diệt tận nguồn để tỏa-chiết tinh-thần quật-khởi của người Đại-Việt. Hiện nay, ta chỉ có thể căn-cứ trên cuốn *Chu Văn-trình công thi-tập*, gồm 10 bài thơ mà 7 bài đã được Bùi Bích chép lại trong *Hoàng-Việt thi-tuyển*, đó là những bài :

— Chí-linh sơn tạp hứng.
— Thanh-hương giang.
— Nhật tịch bộ Tiên-du sơn tùng kính.
— Giang-đình tác.
— Miết-trì.
— Sơ hạ.
— Xuân đán.

1) TƯ-TƯỞNG CỦA CHU AN

a) Những buổi chiều trên quê-hương.

Trong số 7 bài thơ còn sót lại của Chu An thì đã có 5 bài nói về buổi chiều, đó là những bài từ số 1 đến số 5. Tác-giả nói tới một buổi chiều vắng-vẻ ở núi Chí-linh, những cảnh núi rừng trải rộng trong cô-tịch, con đường ngập cỏ không có một bóng người qua, tiếng chim thước ở xa chìm đắm trong mây khói (chí-linh sơn tạp-hứng). Đấy cũng là hình-ảnh một buổi chiều trên sông Thanh-lương, tục gọi là sông Vạn ; bóng chiều vắt ngang lưng núi, thuyền đánh cá từng đôi một trở về dọc theo bờ sông, tác-giả một mình thui-thủi nghe gió lạnh thổi vi-vu và ngắm nước thủy-triều đang dâng lên từng gợn nhỏ (Thanh-

(1) Chưa thấy tài liệu nào ghi rõ danh tính 7 người trong Thất trảm sớ, nhưng qua các sách sử còn để lại, bọn người trên có thể xếp vào hàng đầu của bọn gian thần bợ đỡ thời bấy giờ. Chu An chắc hẳn đã đề-nghị chém những bọn người trên.

Library HoangSa.Org

lương giang). Có khi tác giả lững-thững đi bộ một mình trên núi Tiên-du, nhìn thôn Lạn-kha mịt-mù trong sương khói, xa-xa có tiếng sáo văng-vẳng giữa bầu trời bát-ngát mênh-mông, trong khi chim chiều bay vội trong sương mờ, con cá lạnh-lẽo nhảy vọt lên trên làn nước suối xanh biếc ; thế rồi tiếng sáo loãng dần cùng với thời-gian lặng-lẽ qua, làm cho núi Phật-tích phía tây đã điu-hiu lại càng thêm vắng-vẻ (nhật tịch bộ Tiên-du sơn tùng kính). Buổi chiều còn quạnh-quẽ hơn khi tác-giả đứng một mình trong chiếc quán nhỏ bên sông, vẫn-vơ đứng đếm những chiếc thuyền từ ngoài khơi trở về ; gió thổi mạnh từ đầu ghềnh đưa tiếng sáo của ai lên cao vút, bóng chiều đã trở về trên vẻ nhợt-nhạt của màu nắng hồng ; trời tối dần, nhìn ra xa, chỉ thấy dằng-dặc một màu xanh mênh-mông, như công-danh hoang-đường đã rơi rụng, như cuộc đời làm quan xưa kia chỉ là một cuộc phiếm-du, không như bây giờ, cuộc đời tự-do biết bao, tự đi tự lại không có gì có thể ngăn giữ được, chẳng khác gì con chim âu đang vùng-vẫy trong muôn trùng sóng biếc (Giang-đình tác). Buổi chiều với ánh trăng non cũng ấp-ủ một nỗi buồn dằng-dặc như vậy. Trăng nước bên cầu đùa giỡn với bóng chiều hôm, hoa sen và lá sen, nương-tựa vào nhau lặng-lẽ. Cá chơi ở ao xưa, rồng bây giờ ở đâu ? Mây đùn đầu núi trơ-trọi, hạc chửa bay về. Cây quế già theo gió đưa hương thơm trên đường đá, trong khi những lá rêu non đẫm nước che lấp cả cánh cửa thông. Lòng của tác-giả chưa lạnh-lẽo như tro nguội, bởi vậy mỗi lần nghe nói chuyện về thượng-hoàng Trần-Minh-tông là nước mắt của tác-giả lại lã-chã tuôn rơi giữa sự tịch-mịch của buổi chiều (Miết-trì). Bài thơ cuối cùng này nói về buổi chiều đã bắt đầu ngả sang một chủ-đề khác mạnh-mẽ hơn, sáng-sủa hơn, có ánh-sáng chiếu về làm nảy-nở những mầm hy-vọng mới.

b) Những mùa ánh-sáng :

Ngay trong những bài thơ trên tả cảnh buổi chiều, ánh-sáng không bao giờ vắng bóng ; ta chỉ thấy dâng lên qua khung cảnh của bài thơ một không-khí tịch-mịch êm-đềm, một thế-giới quạnh-quẽ xa-xôi trong đó tiếng sáo vút lên như đưa tâm-hồn vượt khỏi những kích-thước tầm-thường của trần-gian để bay đến những chân trời rộng lớn. Từ những thế-giới này, ánh-sáng rực-rỡ chiếu ra theo những luồng gió mát bắt đầu trỗi cùng tiếng nhạc ve vào hội. Ánh-sáng hắt ra từ màu hoa sen, từ màu trắng của măng tre bắt đầu chớm nở như một tâm-hồn trinh-bạch (Sơ hạ). Ánh sáng còn tỏa ra từ màu xanh biếc của cỏ làm cho trời đất chếnh-choáng như say rượu, màu đỏ hồng rực-rỡ thấm

Library HoangSa.Org

vào cánh hoa làm cho giọt sương rung-rinh chiếu sáng như từ một viên ngọc quý (Xuân đán).

c) Một ý-chí phục-vụ sắt son :

Từ-dịch khoảng năm 1366 để phản-đối sự lộng-hành của bảy tên quyền-thần, Chu An đã thực-hiện một cách ngoạn-mục tinh-thần phục-vụ của Hưng-ninh vương Trần Quốc Tảng, của Trương Hán Siêu, của các thi-sĩ trong thi-xã Bích-động. Bài *Thất-trảm sớ* đã không còn nữa để cho ta phân-tích đầy-đủ tư-tưởng của Chu An, nhưng căn-cứ trên 7 bài thơ còn lại, ta cũng có thể một phần nào hiểu được ý-chí phục-vụ của Chu An. Trước hết, việc từ-dịch của ông không phải là một thái-độ bất hợp-tác ; ông chỉ muốn phân-biệt nhiệm-vụ và quyền-lợi, bởi vì sự hiện-diện của ông ở triều-đình tuy bảo-vệ quyền-lợi của cá-nhân ông nhưng ông lại gây nguy hại cho đại-cuộc trong khi đó việc từ-dịch của ông không mảy-may xúc-phạm đến trọng-trách vệ-đạo của ông ; nếu tại-chức là một nhiệm-vụ thì từ-dịch cũng là một nhiệm-vụ, nếu thực-sự nhà nho biết khước-từ quyền-lợi cá-nhân. Bởi vậy, trong bài *Xuân-đán*, Chu An thành-thực bộc-lộ niềm tha-thiết của ông đối với sự trường-tồn của triều-đại nhà Trần ; cũng như những đám mây đang chờn-vờn trên đỉnh núi Chí-linh, ông vẫn ngày đêm quyến-luyến với tất cả những gì có liên-hệ tới triều-chính mặc dầu tuổi-tác đã cao :

Mây côi thân lão non còn vẫn,
Giếng cũ lòng già sóng hết lan.

Trong bài *Miết trì* nói về chiếc ao ba-ba ở núi Phụng-hoàng, trước kia ở ranh giới huyện Phụng-sơn, xứ Kinh-bắc, tác-giả đã có dịp so-sánh xã-hội đời Trần với một chiếc ao ba-ba, chỉ có cá chơi ở ao xưa, còn rồng thì đi vắng, chỉ có mây đùn trên đầu núi trơ-trọi, còn hạc thì chưa thấy bay về ; cây quế già theo gió đưa hương thơm trên đường đá, trong khi những tảng rêu non đẫm nước che lấp cả cánh cửa thông ; tác-giả kết-luận rằng trước cái cảnh trái ngược ấy, tấc lòng riêng của ông chưa lạnh-lùng như tro nguội cho nên khi liên-tưởng đến những chuyện tốt đẹp mà chế độ nhà Trần đã có vào thời thượng-hoàng Trần Minh-tông, những chuyện hoàn-toàn tương-phản với sự thực phũ-phàng đời Trần Dụ-tông, Chu An chỉ biết gạt thầm giọt lệ một cách đau-đớn. Bài thơ cho ta thấy rõ-ràng lòng gắn-bó của Chu An với triều đại nhà Trần, những lời phê-phán của ông hướng về những hành-động điên-cuồng của Trần Dụ-tông và của tập-đoàn bợ-đỡ chung quanh xuất-phát từ một lòng phục-vụ nhiệt-thành, từ một con người ý-thức được nhiệm-

Library HoangSa.Org

vụ của mình là phải hoạt-động bất cứ ở vào địa-vị nào để giúp vua cứu nước :

Tấc lòng chưa nguội như tro đất,
Nghe chuyện tiên-hoàng, gạt lệ sa.

Gạt lệ sa (Hán-văn : lệ ám huy), đó có phải là một hành-động tiêu-cực không ? Dĩ-nhiên, xét về phương-diện chính-trị, thì đó hiển-nhiên là một hành-động tiêu-cực, và chẳng những chỉ là tiêu-cực mà thôi, mà còn tỏ ra yếu-đuối nữa, nhưng ta cũng phải biết rằng Chu An là một nhà nho mà sự phục-tòng đối với nhà vua bao giờ cũng là tuyệt-đối. Ở vào một trường-hợp như Chu An, khi đã từ-dịch mà không bị bọn tham-nhũng trả thù thì uy tín có thể đã gọi được là to lớn, còn chuyện làm cách-mạng để lật đổ chính quyền thì chưa chắc lúc nào cũng là một biện-pháp hay, cho nên công-việc mà Chu An phải làm là phải cải-hóa Trần Dụ-tông trước đã, sau đấy, dùng hành động và văn-chương để tố-cáo trước dư-luận những ý-đồ xấu-xa của bọn tham-ô. Bài thơ *Miết-trì* là một bản cáo-trạng hùng-hồn lên án những sự lộng-hành của loài cá, của rong rêu, nghĩa là của bọn thầy thuốc Trâu Canh, bọn hoạn-quan Phạm Nghiêu Từ, bọn trụy-lạc Bùi Khoan và Trần Ngô Lang, bọn nhà giàu Nguyễn Chế. Nếu bài *Thất trảm sớ* đã không được nhà vua để mắt tới thì một bài thơ như bài *Miết-trì* bắt buộc nhà vua phải đọc, bắt buộc nhà vua phải suy-nghĩ về những hành-động xấu-xa của mình, và nếu nhà vua không đọc thì quần-chúng đọc, như những Cung-định vương Phủ, Cung-tuyên vương Kính, công-chúa Thiên-ninh, Băng-hồ Trần Nguyên Đán là những người đã lật đổ Dương Nhật Lễ năm 1370. Nói tóm tắt, dù đã từ-dịch và sống một cách âm-thầm trong đồi núi Chí-linh, Chu An đã không bao giờ ngừng hoạt-động để phục-hồi uy-tín của triều-đình ; ông đã sử-dụng những biện-pháp văn-hóa như giáo-dục và văn-chương để huấn-luyện và cảnh-giác ý-thức quật-khởi của quần-chúng, chứng-thực ý-chí phục-vụ của nhà nho Chu An lúc nào cũng một niềm son sắt.

d) Niềm tin vào thanh niên.

Để thực-hiện chương-trình giúp nước cứu dân ấy, Chu An mong-đợi vào lòng hăng-hái tham-gia của thanh-niên. Ông đã mô-tả kỳ-vọng của ông trong bài *Sơ-hạ* :

Vắng-vẻ nhà rừng tỉnh giấc trưa,
Sân hoè gió mát một luồng đưa.
Lũy xưa én kiếm bay sau trước,
Tiếng mới ve kêu đến nhặt thưa.

Library HoangSa.Org

Điểm nước sen khe không vẻ tục,
Vượt rào măng trúc chẳng tài vừa.
Ôm đàn ngồi lặng sinh lười biếng,
Sách nát trên bàn, gió giở tờ.

Bài thơ toát ra một sinh-khí khoẻ mạnh, sinh-khí của mùa hè ấm-áp vừa thay-thế cho mùa xuân lạnh-lẽo, của tuổi thanh-niên đang vươn dậy như măng trúc vượt rào, của tuổi trẻ tươi đẹp như đóa sen rừng rực-rỡ trong lòng suối xinh. Thanh-niên đây là những người lớp trẻ như Nguyễn Ứng Long, Trần Đình Thâm, Phạm Nhân Khanh, hoặc những người trưởng-thành hơn như những Trần Phủ, sinh năm 1321, sau 1370 là vua Trần Nghệ-tông, Trần Nguyên Đán, sinh năm 1326, sau 1370 là đại tư-đồ, Trần Kính sinh năm 1337, sau 1372, là vua Trần Duệ-tông. Họ đã được chứng-kiến thái-độ can-đảm của Chu An khi từ-dịch; họ đã được đọc những bài thơ hùng-hồn mạnh-mẽ kích-thích tinh-thần tranh-đấu của họ ; họ đã nhận định được tình-thế để thi-hành những việc phải thi-hành. Họ đã tham gia vào phong-trào văn-học phê-phán triều-đại Trần Dụ-tông mà những nhà văn tiêu-biểu là tam Phạm (Phạm Ngộ, Phạm Tông Mại, Phạm Sư Mạnh), Nguyễn Tử Thành, Lê Quát, Đỗ Tử Vi, Chu Đường Anh. Tháng 11 năm canh-tuất (1370), họ đã lật đổ Dương Nhật Lễ, và Chu An vội-vã chống gậy đến mừng đại-diện của họ là Cung-định vương Phủ vừa lên ngôi, miếu-hiệu là Trần Nghệ-tông. Họ đã làm đúng như lòng mơ-ước của Chu An.

2) *GIÁ-TRỊ CỦA CHU AN*

a) Một nhà giáo có giáo-trình : Giá-trị nổi bật của Chu An không phải là vì ông đã có bằng thái-học sinh, tức tiến-sĩ, và được chính-quyền mời làm Quốc-tử giám tư-nghiệp, mà chính là vì ông đã soạn-thảo một giáo-trình có giá-trị đối với các sinh-đồ đương-thời và nhất là đối với các giai-cấp nhân-dân, đó là cuốn *Tứ thư thuyết ước*. Tác phẩm đã thất-truyền vì mạnh-tâm phá-hoại văn-hóa của quân xâm-lược nhà Minh, nhưng căn-cứ trên nhan-đề của tác-phẩm cũng đủ thấy rằng tác-giả không muốn cùng-lý ở chỗ phồn-văn mà chỉ muốn chú-trọng về thực-hành, lấy điều minh-đạo hóa-dân làm gốc (1). Tinh-thần trọng thực-hành ấy chắc-chắn đã thúc-đẩy tác-giả quan-niệm và giải-quyết những vấn-đề mà Nho-giáo đã đặt ra trong thực-tế chính-trị và văn-hóa Việt-nam, hun-đúc tinh-thần độc-lập, tự-cường mà Nho-sĩ cần phải có trong sinh-

(1) Nguyễn Thiện Thuật, « Điều-đình cải án quốc-học », *Nam-phong*, XXIX, trang 361 trở đi.

Library HoangSa.Org

hoạt hằng ngày. Một môn-sinh của Chu An, Trần Phủ, sau này là vua Trần Nghệ-tông đã nói : « Trần-triều ta lập-quốc đã tự có pháp độ riêng, chứ không theo của nhà Tống. Bởi vì nam-bắc đều tự chủ lấy mình, không nên phỏng chép của nhau ». (1) Nhận-định của Trần Nghệ-tông cho ta kết-luận tinh-thần Nho-giáo chi-phối sự soạn-thuật *Tứ thư thuyết ước* là tinh-thần Chu Công Đán, thần-tượng của Hồ Quý Lý, chứ không phải là Khổng-tử, Mạnh-tử, hay các danh-nho đời Tống. Giáo-trình triết-học của Chu An đã gây một vùng ảnh-hưởng quan-trọng về chính-trị và văn-học.

b) Một nhà chính-trị nhiệt-thành.

Tham-gia chính-quyền vào lúc mà một người khác bắt đầu sửa-soạn để rút lui, Chu An hiểu rõ thế nào là chính-trị, và nhà làm chính-trị không phải là một người chạy theo chính-quyền để làm một tay sai ngoan-ngoãn, mà ngược lại, phải là người soi-sáng cho chính-quyền đi theo những nguyên-tắc chính-trị đã được tiên-nho chủ-trương ; khi chính-quyền không thi-hành những vấn-đề đã qui-định phải có can-đảm đứng lên để phản-kháng. Về điểm này, Chu An là một điểm son trong lịch-sử chính-trị Việt-nam ; ông đã tham-gia vào sinh-hoạt chính-trị để thiết-lập trật-tự và ổn-định tình-thế ; ông đã kêu gọi nhà cầm quyền triệt-hạ bọn tham-ô ; ông đã phản-kháng chính-quyền bằng đơn xin từ-dịch nhưng ngay trong đời sống ẩn-dật của một nhà chính-trị vì tình-thế đã trở thành đối-lập, Chu An vẫn theo dõi những biến-chuyển của thời-cuộc, vẫn chú-trọng đến những hoạt-động của triều-đình và sẵn-sàng tái-hợp-tác nếu Trần Dụ-tông trở lại chấp-nhận những đề-nghị của ông. Tư-tưởng và hành-động của Chu An về phương-diện chính-trị đã chỉ-minh những sáng-tác văn-học của ông và thế-hệ 1343-1370.

c) Một nhà văn nhập-cuộc.

Nhập-cuộc là một tính-chất căn-bản của văn-chương nói chung, nhưng trong những tác-phẩm của Chu An, phân-tích, ta sẽ thấy nó đã mang một thuộc-tính đấu-tranh quyết-liệt. Đối-tượng của Chu An là những người đồng thời ; ông viết để diễn-đạt những hy-vọng và những phẫn-nộ của chính ông và của họ, không phải với tính-cách là một thực-thể siêu-hình như trong quan-điểm văn-học của Lý Tế Xuyên, mà với tính-cách là một con người có tự-do đương-đầu với mọi hình-thức độc-tài, sa-đọa, bất-công, tham-nhũng. Nhờ ở những phát-giác của ông, con người có thể tự nhìn được thấy mình, nhận ra vị-trí của mình bên cạnh

(1) Nguyễn Đổng Chi, *Việt-Nam cổ-văn học sử*, Hà-nội, 1942, trang 11.

Library HoangSa.Org

người khác, và nhờ đấy, có thể tự vượt. Toàn bộ tác-phẩm văn-chương của Chu An là một tổng-hợp giữa phủ-định và dự-định, phủ-định hiện-tại với những dữ-kiện không mấy tốt đẹp và dự-định phác-họa một trật-tự trong tương lai. Có thể nói, với Chu An, văn-học đã tự ý thức được văn-học ; sự chủ-quan của Chu An đã diễn-dịch được một cách sâu-xa những nguyện-vọng và nhu-cầu tập-thể ; lời kêu gọi của ông đã kích thích tinh thần yêu tự-do của thanh-niên và đã làm cho nọ bật dậy để thực-hiện và duy-trì sự thống-trị của tự do. Chu An là một nhà văn nhập-cuộc đích-thực.

d) Vị-trí của Chu An trong văn học.

Những nhận xét trên khẳng-định vị-trí ưu-đãi của Chu-An trên diễn đàn văn-học ; ông là một tư-nghiệp có tinh-thần văn-hóa cao, một nhà trí-thức biết nhận-định về thời-đại mình và nhất là một nhà văn có tư-tưởng sâu-xa cô-đọng. Tư-tưởng của ông không nằm rời-rạc trong tác-phẩm ; hình-thức của 7 bài thơ còn lại chính là ý-tưởng của Chu An, nó phát triển theo những tiềm-năng u-trầm của nó và tự choàng vào mình một hình-thể ; Chu An đã sử dụng tất cả những tiềm-năng ấy về phương-diện nhạc-tính cũng như về nội-dung khái-niệm, nối-kết từ-ngữ bằng ẩn-dụ và hình-ảnh, trói buộc chúng bằng nhịp-điệu và sáng-chế ra những biểu-tượng chưa từng có trong những tác-phẩm văn-chương có trước ông. Những người đồng-thời với Chu An đã chịu ảnh-hưởng sâu đậm của ông về tư-tưởng cũng như về bút pháp ; ta có thể nói tới họ để hiểu rõ thế-hệ Chu An hơn.

Nhà xuất bản VĂN SỬ HỌC

đã ấn hành :

* *TRUNG QUỐC SỬ LƯỢC* của Phan-Khoang
* *PHẠM DUY CÒN ĐÓ NỖI BUỒN* của Tạ-Tỵ
* *ĐẠO CA* của Phạm-Duy
* *LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM* của Tạ chí Đại Trường

• Sách in đẹp và kỹ càng
• Nội dung giá trị

Library HoangSa.Org

TẠP CHÍ « KHOA HỌC » LÀ VẬT LIỆU ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO-DỤC HOÀNG-XUÂN-HÃN

★ ĐÔNG - TÙNG sưu khảo

Văn-học nghệ-thuật Việt-Nam trong hiện tại kể cả hai miền Nam-Bắc, tiếng Việt đã hoàn toàn làm chủ nhân ông.

Ai là người tiền đạo ; hay nói cách khác ai là chiến sĩ tiền phong trên mặt trận Văn-hóa Việt ngữ ?

Có lẽ mọi người đều đồng thanh trả lời : Đó là nhà học giả Hoàng-xuân-Hãn.

Lần ngược lại dòng lịch sử, đại chiến thứ hai bùng nổ, Pháp bị mất chính quốc, thời cuộc Việt-nam có mùi biến chuyển, giới trí thức Việt-Nam kẻ có ý hướng chính-trị thì xuất bản các tờ báo để phục vụ cho ý hướng mình. Người có ý hướng Khoa-học thì cùng nhau xuất bản báo Khoa-học cũng để làm chuyện đó. Tất cả đều để phục vụ văn-hóa dân-tộc cho thời gian sắp tới.

Tờ báo Khoa Học đầu tiên xuất bản ở Việt-Nam.

Ngày 7/10/1941 một số trí thức thuộc lãnh vực khoa học xin phép Toàn quyền Đông-dương xuất bản một tờ Tạp-chí, lấy tên là « KHOA-Học » Tòa soạn để số 48 phố Hằng Cót Hànội, người sáng lập là kỹ-sư Nguyễn Xiển, chủ nhiệm là kỹ-sư Nguyễn-đình-Thụ, chủ bút là kỹ-sư Nguyễn-duy-Thanh và bộ biên tập gồm có :

— G.S. Hoàng-xuân-Hãn
— G.S. Nguyễn-thúc-Hào
— G.S. Hoàng-đình-Nghị
— G.S. Nguyễn-dương-Đôn
— Kỹ-sư Hồ-đắc-Liên
— Kỹ-sư Hà-dương-Bưu
— Kỹ-sư Lê-văn-Căn
— Kỹ-sư Lê-Khác
— G.S. Phạm-đình-Ái
— G.S. Ngụy-như Kontum
— G.S. Bùi-phượng-Chi
— Kỹ-sư Đặng-phúc-Thông
— Kỹ-sư Hồ đắc Vỹ
— Kỹ-sư Hoàng-văn-Ngọc
— Kỹ-sư Nguyễn-hữu-Quán
— Bác-sĩ Hoàng-tích-Trí

Library HoangSa.Org

Ngoài bộ biên tập hùng hậu kể trên, Khoa-học còn thu hút được nhiều sự cộng tác của giới trí thức Khoa-học ba kỳ và du học sinh bên Pháp.

Tuy nhiên, nhà học giả Hoàng-xuân-Hãn vẫn giữ vai trò chủ lực của tòa soạn KHOA-HỌC. Chính cuốn « Danh-từ Khoa-Học » cũng được biên soạn và đăng tải lên tập chí KHOA-HỌC này, cho mãi tới năm 1942 ông mới cho in thành sách.

Việc gì phải đến đã đến :

Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, rồi cũng giả vờ giao chủ quyền cho người bản địa tức là Bảo-đại và triều đình Huế, chứ không phải là Bắc hay Nam như hồi Thực-dân.

Trong khi chưa thành lập xong nội các mới, Triều đình Huế tạm xử-lý thường vụ, rồi vị Thương-thơ chính phủ Nam-triều là Trần-thanh-Đạt cử Giáo-sư Phạm-đình-Ái giữ chức Hiệu trưởng trường Trung học Đệ-nhị cấp Khải-định (Huế). Thế là G.S. Ái bắt đầu áp dụng tại trường nầy một chương trình lấy Việt ngữ làm chuyển ngữ, Pháp văn trở thành sinh ngữ nhứt, Anh, Nhật làm sinh ngữ hai.

Ngày 17/4/1945 chính phủ Trần-trọng-Kim ra đời, gồm có :

— Trần-trọng-Kim	:	Thủ tướng chính-phủ
— Hoàng-xuân-Hãn	:	Giáo-dục và Mỹ-thuật
— Trần-đình-Nam	:	Nội vụ
— Hồ-tá-Khanh	:	Kinh-tế
— Vũ-đức-Hiền	:	Tài-chánh
— Nguyễn-hữu-Thi	:	Tiếp tế
— Trịnh-đình-Thảo	:	Tư-pháp
— Phan-Anh	:	Thanh niên
— Lưu-văn-Lang	:	Giao-thông công chánh
— Vũ-ngọc-Anh	:	Y tế

Khi nhà học-giả Hoàng-xuân-Hãn được giữ chức vụ bộ trưởng bộ quốc gia giáo-dục, ông liền hiệp đồng với nhóm giáo-sư trường Khải định (Huế) :

— Phạm-đình-Ái, Hiệu trưởng, dạy Lý-hóa
— Nguyễn-dương-Đôn, Nguyễn-thúc-Hào dạy toán
— Nguyễn-huy-Bảo dạy Triết lý
— Linh-Mục Simon Nguyễn-văn-Hiền dạy Triết lý

Library HoangSa.Org

— Tạ-quang-Bửu dạy Vật lý
— Ưng-Quả dạy Pháp văn
— Ngô-đình-Nhu dạy Sử địa
— Hoàn-Thanh dạy Việt Văn

Thế là cả ông bộ trưởng và nhóm Giáo-sư trường Khải-Định đã hiệp đồng mà xây dựng một chương trình giáo-dục bằng Việt-Ngữ đầu tiên ở Việt-Nam và cho áp-dụng ngay tại trường Khải-định (Huế) và các trường Tiểu Trung học khắp 18 tỉnh đạo xứ Trung-Kỳ — sau đó người ta quen gọi là « *Chương trình giáo dục Hoàng-xuân-Hãn.* »

Cũng cần nói rõ thêm ở đây, lúc bấy giờ tình thế chưa ổn định, nên chương trình nầy đến niên khóa sau mới thực hiện ở ngoài Bắc kỳ được.

Riêng ở Nam-kỳ nói chung, Saigon nói riêng thì chương trình Pháp ngữ vẫn được duy trì liên tục cho mãi tới năm 1954 khi có chính-phủ Ngô-đình-Diệm ra đời mới được chuyển ngữ dưới Trung và tiểu học, còn trên Đại-học thì cứ xúc tiến Việt ngữ hóa dần dần cho tới bây giờ mới được hoàn thiện.

Chương trình giáo-dục Hoàng-xuân-Hãn
Với nền Giáo dục Việt-Minh

Tháng 8/1945, Việt-Minh nổi dậy cướp chính quyền, mặc dù cơ cấu xã-hội, chính-trị quốc gia hầu hết bị họ thay đổi. Ấy vậy mà chương trình giáo-dục Việt-ngữ Hoàng-xuân-Hãn họ vẫn phải tiếp tục duy trì, sau đó mới cải tiến dần dần một số chi tiết, nhưng căn bản vẫn không sao thay đổi được.

Ví dụ G.S. Phạm-đình-Ái sau những ngày tháng 8/1645 được cử giữ chức Giám-đốc Học vụ Trung-bộ ông vẫn liên tục cho áp dụng chương trình giáo-dục Hoàng-xuân-Hãn khắp Trung-Kỳ. Khi Pháp trở lại chiếm Huế ông phải chạy tránh ra vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh. Ở đây, ông được giao công-tác Giám-đốc học chánh Liên-khu 4, ông Ái vẫn tiếp tục áp dụng chương trình Giáo-dục Hoàng-xuân-Hãn trong các trường Trung-học Đệ-nhị cấp : Trường Huỳnh-thúc-Kháng ở Nghệ-Tĩnh, trường Nguyễn-thượng-Hiền ở Thanh-Hóa (Khu III di tản vào) và các trường Trung-học đệ nhất cấp : Nguyễn-công-Trứ (Trường quốc học Vinh đổi tên), Trường Tân-dân, Hoàng-văn-Thụ, Đinh-bạt-Tụy, Đặng-thúc-Hứa, Nguyễn-xuân-Ôn v.v... ở Nghệ-an. Các trường : Nguyễn-Huệ, Phan-đình-Phùng, Phan-chu-Trinh, Đỗ-quang-Lịnh v.v... ở Hà-Tĩnh. Các trường : Lam-Sơn, Tống-duy-Tân, Hậu-Hiền v.v... ở Thanh-

Library HoangSa.Org

Hóa, ở dây, ông Ái đã triệt để áp dụng dạy Việt-ngữ từ Trung và Tiểu học.

Ngoài ra Giáo-sư Phạm-đình-Ái còn đem sở học (Khoa-học lý hóa) tìm tòi một số meo cây, vôi, đá — vật liệu địa phương — thí nghiệm, nghiên cứu chế tạo ra Acid Sulfuric (H_2SO_4) để cung ứng cho nhu cầu chế tạo, sản xuất vũ khí tại các binh công xưởng Đặng-Thái-Thân, Lê-viết- Thuật ở Thạnh-chương, lò đúc Cát-Văn ở Anh-Sơn, xưởng Vua-Mai ở Nam-dàn.

Đ.T.

Công Ty THỦY-TINH VIỆT-NAM

CÔNG TY NẶC DANH VỐN **170.000.000$** V.N.

CHUYÊN SẢN XUẤT VE, LỌ ĐỦ LOẠI VỚI KỸ THUẬT VÀ MÁY MÓC TỐI TÂN NHẤT VIỆT-NAM

TỐT VÀ RẺ HƠN SẢN PHẨM NGOẠI-QUỐC

* Trụ Sở Chánh : *76, Tôn-Thất-Thuyết — KHÁNH-HỘI*
SAIGON — Đ.T. : 93.149

* Trụ-Sở Thương-mãi : *16-18, Hai-Bà-Trưng (Lầu 1), SAIGON*
Đ.T. : 25.198

* Nhà Máy : *76, Tôn-Thất-Thuyết — KHÁNH-HỘI — SAIGON*
Đ.T. : 93.149

Library HoangSa.Org

CUỘC BIẾN-ĐỔI KỸ-THUẬT TRỒNG LÚA Ở VIỆT-NAM MỘT ĐỊA-PHƯƠNG ĐIỂN-HÌNH : TỈNH KIẾN-HÒA

* TRẦN THẾ ĐỨC

Kỹ thuật trồng lúa ở hầu hết các quốc gia Á châu, trong đó có Việt-nam, đơn sơ và trì trệ. Tuy nhiên, Nhật-Bản, theo sau là Đài-Loan và Nam Hàn, đã vượt xa các quốc gia khác về phương diện này. Nhờ tiến bộ về kỹ thuật, năng xuất lúa ở các quốc gia này cao nhất Á Châu (xin xem biểu đồ 01 — Sự liên hệ giữa năng suất và độ dẫn thủy).

Không kể các quốc gia cộng sản, Việt-Nam Cộng-Hòa có năng suất cao hơn nhiều nước khác ở Á châu : Mã-Lai, Miến-Điện, Hồi Quốc, Thái-Lan, Ấn-Độ, Phi-Luật-Tân, Campuchia. Mức độ đáng khích lệ của Việt-Nam Cộng-Hòa đạt được phần lớn nhờ ở sự tiến triển trong cách sử dụng phân bón (1). Trong thập niên 1960, sự lan tràn của phân bón, cùng với sự phổ biến giống lúa mới (Thần Nông), sự sử dụng máy bơm nước, thuốc sát trùng, máy cày là một cuộc biến đổi lớn về kỹ thuật canh tác lúa gạo ở Việt-Nam. Cuộc biến đổi này ảnh hưởng lớn lao tới sự sản xuất lúa gạo, hoạt động căn bản của nền kinh tế Việt-Nam từ xưa tới nay. Nguyên do nào đã gây nên cuộc biến đổi đó ? Cuộc biến đổi đã đạt đến mức độ nào ? đã ảnh hưởng thế nào đến sự sản xuất, năng suất, sản lượng ? Ảnh hưởng của cuộc biến đổi đối với tâm lý nông dân như thế nào ? Tất cả những vấn đề trên của cả một quốc gia đòi hỏi những cuộc nghiên cứu sâu rộng. Trong phạm vi bài này, tác giả chỉ đề cập tới một khu vực nhỏ, giới hạn trong phạm vi một tỉnh. Đó là tỉnh Kiến-Hòa. Trong địa-pnương này, chúng ta có thể nhìn thấy những nét chính của nước Việt-Nam thu nhỏ.

TỈNH KIẾN-HÒA

Nằm trong các vĩ tuyến 09°48'30" — 10°15'30" Bắc, các kinh tuyến 108° 08'30" — 106°48' Đông, tỉnh Kiến-Hòa có hình dáng đặc biệt nhất (một tam giác châu) (2), trong vùng châu thổ Cửu Long vốn dĩ đặc biệt

(1) Tài liệu ghi trên biểu đồ thâu thập trước khi lúa Thần Nông được phổ biến (1959 — 1961).

(2) Tam giác châu (delta) là chữ do sử gia Hérodote dùng đầu tiên chỉ vùng hình tam giác ở cửa sông Nile do các vật liệu của nước sông tích tụ thành (GILLULY, JAMES et WATERS, A.C. et WOOFORD; A.O., « *Principles of Geology* », 2nd edition, San Francisco, W.H. Freeman and Company, 1958, trang 209).

Library HoangSa.Org

(hình dáng đầu con chim, chứ không giống bàn chân vịt như những đồng bằng châu thổ khác).

Tam giác châu này bị chia làm ba cù lao : An-Hóa, Bảo và Minh do các sông Ba-Lai, Hàm-Luông.

Mặt tam giác châu gần như phẳng, cao độ hầu hết 2 mét. Gần biển có những đụn cát thấp (cao chừng 5 mét) như ở Tân-Thủy, An-Hòa Tây thuộc quận Ba-Tri, Giao-Thạnh, Thạnh-Phong thuộc quận Thạnh-Phú. Nhiều nơi trên mặt tam giác châu có đất giồng hơi cao hơn các vùng xung quanh (cao độ 2,5 — 3 mét).

Phía đông và đông nam giáp Đông-Hải, đông bắc ngăn cách với tỉnh Gò-Công do sông Cửa Đại, bắc và tây bắc ngăn cách với tỉnh Định-Tường do sông Mỹ-Tho, phía tây tiếp giáp với tỉnh Vĩnh-Long tây nam ngăn cách với tỉnh Vĩnh Bình do sông Cổ Chiên, tỉnh Kiến Hòa là một vị trí khuất nẻo và được thiên nhiên ưu đãi.

Khuất nẻo vì Kiến-Hòa nằm bên ngoài quốc lộ 4, con đường huyết mạch nối miền đông Nam phần và miền Hậu giang. Ngoài ra, hệ thống đườngthủy chính nối khu vực Sàigòn với miền Hậu giang cũng chỉ chạy bên bìa của địa phương này.

Được ưu đãi, vì Kiến-Hòa có một khí hậu điều hòa (ít thăng trầm), không bị những trận bão nhiệt đới chi phối, khác với vùng phía trên của hạ lưu sông Cửu Long, Kiến-Hòa không nằm trong vùng ngập lụt khi nước sông dâng cao. Đất đai không gặp bất lợi cho sự trồng lúa.

Cũng như các tỉnh duyên hải ở đồng bằng Nam Phần, Kiến-Hòa cũng bị nước mặn xâm nhập vào các tháng 3, 4, khi lưu lượng sông Cửu Long xuống thấp nhất trong năm (1). Tuy nhiên chỉ các khu vực ven biển (Bình-Đại, Ba-Tri, Thạnh-phú) chịu ảnh hưởng nhiều của nước mặn và đó không phải là một trở ngại lớn lao mà còn người không thể vượt qua. Sự xâm nhập của nước mặn giảm dần về phía tây. Phần cực tây của tỉnh (các quận Hàm-Long, Đôn-Nhơn, một phần nhỏ Trúc-Giang và Mỏ-Cày) không bị nước mặn chi phối. (2) Do đó tỉnh Kiến-Hòa có thể chia làm ba phần : vùng nước mặn, vùng nước lợ, vùng nước ngọt. Với diện tích 178.012 Ha (3), 629.409 (4) người

(1) Lưu lượng Tiền giang đo ở bến nhà Mỹ-Thuận thấp nhất trong các tháng 3 và 4 (tháng 3 : 1.915 m3/sec, tháng 4 : 1327 m3/sec), cao nhất vào tháng 9 và 10 (tháng 9 : 14.740 m3/sec, tháng 10 : 21.000 m3/sec).

(2) xin xem bản đồ số 02, ở cuối bài này. Độ mặn 4g/lit.

(3) Theo Bộ CẢI-CÁCH ĐIỀN-ĐỊA VÀ PHÁT-TRIỂN NÔNG NGƯ NGHIỆP, (« *Kế hoạch phát triển tỉnh Kiến-Hòa 1971-1972* », Saigon, BCCĐĐ và PTNNN, 1971, trang 4).

(4) Theo USAID — KIẾN HÒA, diện tích tỉnh này là 215 000Ha (USAID — KIENHOA, « *KienHoa Province* », USAID, 1969, trang 1).

Library HoangSa.Org

Kiến-Hòa sống về hai hoạt động canh tác chính là trồng lúa và trồng dừa. Một vài khu vực sống về trồng cây ăn trái, hoa màu phụ và chài lưới.

Bảng 01

DIỆN TÍCH CÁC LOẠI HOA MÀU Ở KIẾN-HÒA (1)

SỐ thứ tự	LOẠI HOA MÀU	DIỆN TÍCH (Ha)	Tỉ phần so với diện tích trồng trọt toàn tỉnh (/·)
1	Lúa	112.427 Ha 07 S 11a	81, 11
2	Dừa	20.000, 00, 00	14, 50 } 95,61
3	Cây ăn trái	3.384, 42, 55	2, 69
4	Hoa màu khác	2.348, 00, 00	1, 40

Môi trường có tính cách trầm đều khiến đời sống con người không biến đổi mạnh nếu không có sự biến đổi dân số, những khó khăn của kinh tế.

Cuộc biến đổi về kỹ thuật trồng lúa ở tỉnh này đã diễn ra dưới những hình thức nào ? Điều này sẽ được trình bày trong phần dưới đây.

NHỮNG HÌNH THỨC CỦA CUỘC BIẾN ĐỔI KỸ-THUẬT

Kỹ thuật canh-tác lúa gạo cổ truyền ở tỉnh Kiến-Hòa cũng như khắp vùng đồng bằng Cửu Long, hay rộng lớn hơn, vùng Á châu kém mở mang, có tính chất chung là :

1 — Sử dụng hoàn toàn sức người và sức vật, do đó công tác làm mùa tiến hành chậm chạp.

2 — Nông cụ thô sơ, trừ một vài phần nhỏ bằng kim loại, còn thì toàn bằng gỗ hay tre.

3 — Không hề sử dụng hóa chất.

4 — Chưa điều khiển được lượng nước cần thiết cho cây lúa.

5 — Công việc đồng áng dựa trên kinh nghiệm cá nhân hay những người thân thích, không hề dựa trên căn bản khoa học.

Kỹ thuật canh tác cổ truyền không hề biến đổi cho tới thập niên

(1) TY NÔNG NGHIỆP KIẾN-HÒA, « *Diện tích các loại nông sản* », 1962.

Library HoangSa.Org

1960. Đầu thập niên này, sự lan tràn của máy đuôi tôm và sự phổ biến cách dùng phân hóa học đã mở đầu cho sự canh tân kỹ thuật trồng lúa. Cuối thập niên, phân bón trở thành một nhu cầu thực sự. Đồng thời, sự phổ biến giống lúa Thần Nông và sự sử dụng máy cày, thuốc sát trùng đã đẩy mạnh thêm đà tiến hóa. Những điểm này sẽ lần lượt được phân tích.

I.— KỸ THUẬT CANH TÁC DƯỜNG NHƯ KHÔNG HỀ BIẾN ĐỔI

Dưới thời Pháp thuộc, nông dân không hề biết tới kỹ thuật tân tiến của Tây phương. Nông dân không được hấp thụ nền giáo dục mới nên không hề có những ý niệm về khoa học. Năm 1930, tổng số học sinh ở tỉnh Bến Tre (1) là 13.503, trong đó có 8.424 học sinh (2) bậc sơ học, tức 62% tổng số học sinh. Số còn lại là học sinh tiểu học.

Nhà cầm quyền không thúc đẩy cuộc tiến bộ, tuy có thực hiện những công tác nông thôn, nhưng nhà cầm quyền không quyết tâm khơi mào một cuộc biến chuyển. Thành lập Ủy-Ban Cải-Thiện Lúa Gạo Nam-Kỳ (Commission de l'Amérioration des riz de Cochinchine) (3) cho thấy ý định của người Pháp muốn gây một cuộc biến cải kỹ thuật canh tác ở xứ này. Nhưng sau đó, người Pháp không chú ý tới nữa nên không thực hiện những công trình rộng lớn nhằm phổ biến những kết quả đạt được, cũng không áp dụng những điều học hỏi được từ việc làm của Ủy-Ban. Ủy-Ban trên đây được thành lập ngày 27-5-1901, do đề nghị của giám đốc Nha Nông-Nghiệp và Thương-Mại Đông-Dương, có nhiệm vụ thiết lập những thí nghiệm về giống lúa và tìm kiếm những

(1) Bến Tre là tên cũ của tỉnh Kiến-Hòa. Tỉnh này được đổi tên thành Kiến-Hòa do sắc lệnh số 143 NV ngày 22-10-1956 của Tổng-thống Việt Nam Cộng-Hòa. Trước kia, tỉnh Bến Tre chỉ gồm hai cù lao: Bảo và Minh. Nghị định của tòa đại biểu chính phủ Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 9-9-1956 sáp nhập cù lao An-Hóa (trước đó thuộc tỉnh Mỹ-tho) vào tỉnh Bến Tre, nên tỉnh này có ba cù lao: Bảo, Minh và An-Hóa. Cho tới nay, diện tích tỉnh này vẫn không đổi. Tài liệu này do ông NGUYỄN DUY OANH (NGUYỄN DUY OANH bút hiệu NGUYỄN DUY, « *Tỉnh Bến Tre trong lịch sử Việt-Nam (từ năm 1757 đến 1945)* », Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971, trang 17).

(2) Theo một tài liệu của tòa hành chánh Kiến-Hòa, bằng tiếng Pháp, không đề tên và thời gian soạn thảo, đánh máy. Đây là một loại địa phương chí (monographie). Theo nội dung của tài liệu, chúng ta ước đoán được soạn vào khoảng 1949-1950.

(3) MORANGE, P., « *L'Amérioration des riz de Cochinchine* », *Bulletin Economique*, N° 22, Nouvelle Série, 6è année (Octobre 1903), Hànội, Imprimerie Typo - Lithographique F. — H. Schneider, trang 665 — 682.

Library HoangSa.Org

phương pháp tốt cho việc trồng lúa. Ủy-Ban đã thực hiện cuộc thí nghiệm phân hóa học ở Bình-Triệu, gần Bình-Lợi (tỉnh Gia-Định) và ở xã An-Hội (tỉnh Bến Tre), trong các mùa 1901-1902 và 1902-1903.

Kết quả thâu lượm được của Ủy-Ban có lợi cho ngành trồng lúa, nhưng nông dân không hề biết và chính quyền cũng không hề quyết tâm phổ biến hoặc gây cho nhà nông ý thức về sự cần thiết của phân bón.

Về phía nông dân, trên những mảnh ruộng mới được khai phá từ trước và sau khi người Pháp tới, đất còn nhiều dưỡng chất, nên năng suất không đến nỗi thấp lắm (1). Sự phân tích đất đai xã An-Hội do Ủy-Ban Cải-Thiện Lúa Gạo Nam-Kỳ cho thấy đất ở đây đủ pôtát và chất đạm (một dưỡng chất quan trọng đối với thảo mộc), chỉ thiếu phospho, vôi và magnésie (2).

Áp lực nhân khẩu chưa xảy tới, số lượng sản xuất dồi dào, số lượng lúa gạo xuất tỉnh còn nhiều nên nhà nông chưa cố gắng cải thiện phương pháp sản xuất.

Bảng 02

SẢN LƯỢNG LÚA VÀ DÂN SỐ CÁC NĂM 1929 và 1967

NĂM	SẢN LƯỢNG LÚA (Tấn)	DÂN SỐ (Người)
1929	130.000 (3)	315.000 (3)
1967	219.200 (4)	535.432 (3)

(3) Tòa hành-chánh Kiến-hòa.
(4) Ty nông nghiệp Kiến-hòa.

(1) Xin xem bảng 03 — Năng suất các loại ruộng ở Bến Tre thời Pháp thuộc.

(2) MORANGE, P., tài liệu đã dẫn, trang 668.

Library HoangSa.Org

Bảng 03

NĂNG SUẤT CÁC LOẠI RUỘNG Ở BẾN-TRE THỜI PHÁP THUỘC (1)

LOẠI RUỘNG	NĂNG XUẤT		DIỆN TÍCH (HA)		Tỉ phần so với diện tích ruộng toàn tỉnh (%)	
	GIẠ / HA	KG / HA				
Thượng hạng	100	2.300	37.438	75.659	33,8	68,3
Hạng nhất	60 - 100	1.380-2.300	38.221		34,5	
Hạng nhì	35 - 60	805-1.380	17.653		15,9	
Hạng ba	25 - 35	325-805	9.739		8,8	
Hạng tư	25	325	3.461		3,1	
Hạng năm (bỏ hoang)	0	0	7.003		3,9	
TỔNG CỘNG			110.515		100,00	

Thêm vào đó, nhu cầu ăn mặc còn rất giới hạn, nên nhà nông vẫn chưa cần gia tăng năng suất.

Vì những lý do trên, năng suất trung bình lúa gạo ở Bến Tre chỉ được 1,4 Tấn/Ha, thay đổi từ 1,2 Tấn/Ha đến 1,8 Tấn/Ha (2).

Tuy không thực hiện được những biến đổi sâu xa về kỹ thuật, nhưng nhà nông không hoàn toàn bảo thủ. Nhà nông chỉ thay đổi phương pháp làm việc khi chính mắt họ thấy những lợi ích của sự biến cải. Điều này thể hiện qua sự lựa chọn « giống » (3) lúa. Tỉnh Kiến-Hòa có rất nhiều giống lúa : 205 theo Ty Nông Nghiệp, 223 theo Trần Thế Đức (4), nhưng nhà nông loại bỏ dần các giống có năng suất thấp, chỉ trồng những giống năng suất cao, hoặc phẩm chất tốt. Theo sự điều tra của tác giả, nông dân Kiến-Hòa chỉ còn trồng một số loại lúa sau đây :

1 — Vùng nước ngọt :

— Lúa sớm : hòa bình, lúa vôi, cuống trầu, ba trăng.

— Lúa lỡ : lúa tiêu, nàng keo, nàng trích.

(1) Tài liệu : TÒA HÀNH-CHÁNH KIẾN-HÒA, tài liệu bằng tiếng Pháp, đã dẫn.

(2) Xin xem bảng 04 — Diện tích, sản lượng, năng suất lúa ở Bến Tre từ năm 1869 đến 1954.

(3) « Loại » thì đúng hơn.

(4) TRẦN THẾ ĐỨC. « *Các loại canh tác chính ở tỉnh Kiến-Hòa* », Tiểu luận cao học, Saigon; Đại-Học Văn-Khoa, 1973, trang 122.

Library HoangSa.Org

Bảng 04

DIỆN-TÍCH, SẢN LƯỢNG, NĂNG SUẤT LÚA Ở BẾN-TRE TỪ 1869 ĐẾN 1954 (1)

MÙA	DIỆN TÍCH LÚA (Ha)	Sản lượng hàng năm (Tấn)	NĂNG SUẤT (Tấn Ha)
1869	55.000	— (2)	— (2)
1879	60.000	—	—
1899	83.000	—	—
1901	83 762 (3)	—	—
1903	86.000 (4)	—	—
1914	92.000	—	—
1918	100.000	—	—
1919-1922	100.000	160.000	1,6
1925-1929	100.000	130.000	1,2
1929-1930	110.000	—	—
1931-1932	100.000	135.000	1,3
1935-1936	100.800	146.200	1,4
1939-1940	100.800	146.200	1,4
1942-1943	105.000	184 500	1,8
1943-1944	101.000	132 000	1,3
1944-1945	101.000	130.000	1,3
1945-1946	97.000	150 000	1,6
1946-1947	49.000	62.800	1,3
1947-1948	56.000	70.400	1,3
1948-1949	80.000	100.000	1,3
1949-1950	76.000	85.000	1,3
1950-1951	79.000	87.120	1,4
1951-1952	89.400	111.350	1,2
1952-1953	113.000	187.000	1,7
1953-1954	100.000	140.000	1,4

(1) Tổng hợp các tài liệu : Tòa Hành-Chánh Kiến-Hòa, Monographie de la province de Bentre, Annuaire Statistique de l'Indochine, Niên Giám Thống-Kê Việt-Nam.

(2) Không có tài liệu.

(3) SOCIÉTÉ DES ETUDES INDOCHINOISES, « *Monographie de la Province de BenTre* », 7e Fascicule, Saigon, Société des Etudes Indochinoises, 1903, trang 26 ; 70. 290Ha.

(4) SOCIÉTÉ DES ETUDES INDOCHINOISES, tài liệu trên, trang 5.

Library HoangSa.Org

Bảng 05

NĂNG SUẤT LÚA Ở KIẾN-HÒA TỪ 1954 ĐẾN 1971

MÙA	NĂNG SUẤT	
	A	B
	Đơn vị : Tấn /Ha	
1954-1955	1,4	—
1955-1956	1,3	—
1956-1957	1.6	—
195 -1958	1,0	—
1958-1959	1,659	1,4
1959-1960	2,849	1,8
1960-1961	1,970	1,8
1961-1962	1.868	1,9
1962-1963	1,822	1,8
1963-1964	1,854	1,8
1964-1965	1,754	1,6
1965-1966	1,698	1,8
1966-1967	1,993	1,8
1967-1968	2,500	1,9
1968-1969	2,050	1,6
1969-1970	2,400	2,1
1970-1971	2,447	2.6
1971-1972	—	2.456 (1)

— Lúa mùa : gié vàng, hủng hỉnh, lúa tép.

2 — Vùng nước lợ :

— Lúa sớm : lúa vôi, hòa bình, tiêu trắng, ba trăng, nàng meo, tàu hương sớm.

— Lúa lỡ : nàng keo, cuống trầu, sóc nâu, đốc phụng, lúa sậu, nàng chô, nàng trích, gãy xe.

A. Tài liệu của Niên-Giám Thống-Kê Việt-Nam, Viện Thống-Kê và khảo-cứu Kinh-Tế Việt-Nam (sau đổi thành Viện Quốc-Gia Thống-Kê).

B. Tài liệu của Ty Nông-Nghiệp (Ty Nông-Vụ) Kiến-Hòa và Tình-Hình Tiến-Triển Kinh-Tế Việt-Nam (sau đổi thành Tình-Hình Kinh-Tế Việt-Nam) do Viện Quốc-Gia Thống-Kê xuất bản.

— Không có tài liệu.

(1) Tài liệu của Sở Thống-Kê và Kinh-Tế Nông Nghiệp (Bộ Cải Cách Điền Địa và Phát-Triển Nông Ngư Nghiệp).

Library HoangSa.Org

— Lúa mùa : nanh chồn, nàng minh, nàng đìa, nàng cá, nàng thơm, nanh chồm, tàu hương móng chim vàng, hủng hỉnh.

3 — Vùng nước mặn :

— Lúa sớm : lúa tiêu, tàu bác.

— Lúa lỡ : cà đung, đốc phụng, đốc nhen (nhan), tiêu mắn, móng chim vàng, nàng keo, nàng út,

— Lúa mùa : huyết ròng, tàu bác.

Cũng trên lãnh vực biến cải kỹ thuật cổ truyền, chúng ta nhận thấy sự thay đổi dụng cụ cắt lúa : cái hái biến mất dần dần, nhường chỗ cho cái liềm. Sự thắng thế của cái liềm không xảy ra vì nhu cầu của lúa Thần Nông (thân quá ngắn, chỉ dùng liềm mới cắt được), mà từ trước khi loại lúa này xuất hiện. Lý do là sử dụng liềm dễ hơn hái, thời gian thực tập ngắn, ai cũng sử dụng được. Dùng hái, gặt được nhiều lúa hơn, nhưng phải quen tay, chỉ thợ gặt mới sử dụng được. Ngày nay, số thợ gặt rất hiếm, người phụ nữ nông thôn cắt lúa cũng được, đôi khi đập lúa cũng được.

Một sự biến đổi nhỏ khác trong kỹ thuật canh tác cổ truyền là cái bồ trong bộ bồ-cộ đôi khi được che bằng tấm ny lồng, chứ không che với tấm phên đan bằng tre.

Vài thay đổi nhỏ trong kỹ thuật canh tác cổ truyền cho thấy nếu cần thiết, nông dân vẫn chấp nhận sự thay đổi.

Những sự thay đổi nhỏ trên đây không có gì đáng kể trong trình độ kỹ thuật. Kỹ thuật cổ truyền chỉ biến chuyển với các nông cụ, hóa chất, giống lúa sẽ được lần lượt trình bày dưới đây.

II.— ĐẦU THẬP NIÊN 1960, MÁY ĐUỐI TÔM MỞ ĐẦU CUỘC BIẾN CHUYỂN KỸ THUẬT Ở NÔNG THÔN.

Về trình độ kỹ thuật ở vùng Á châu, trong đó có Việt-Nam, các học giả (1) đều có nhận xét chung là cần phải tiến hành một cuộc cơ giới hóa nông nghiệp và kỹ nghệ hóa xứ sở để giảm bớt gánh nặng nhân lực trong công tác sản xuất nông sản và chuyển bớt nhân lực sang khu vực kỹ nghệ. Khi còn nằm dưới sự chi phối của mẫu quốc Pháp, Việt-Nam không hề thụ nhận những tiến bộ của cơ giới trong địa hạt nông nghiệp lúa gạo, vì nhân lực còn quá rẻ. Hơn nữa, kỹ nghệ Pháp không sản xuất những nông cụ thích hợp với môi trường Việt-Nam : ruộng nhỏ hẹp, nông dân thường nghèo.

(1) P.GOUROU, C. ROBEQUAIN, Y. HENRY, LÊ THÀNH KHÔI, NGUYỄN VĂN HẢO,...

Library HoangSa.Org

Sau chiến tranh Việt — Pháp, hàng hóa Nhật-Bản, trong đó có máy đuôi tôm xâm nhập thị trường và độc chiếm thị trường trong một thời gian khá lâu. Máy đuôi tôm xâm nhập vào nông thôn vì sự hữu ích rất rõ rệt của nó: thay thế được sức người từ chiếc ghe tam bản loại nhỏ đến chiếc ghe chở hàng loại lớn. Giá máy lại vừa túi tiền của nông dân trung bình. Sự điều khiển máy và sửa chữa không cầu kỳ. Nhiên liệu dùng cho máy không khan hiếm, giá cả rất thấp. Máy đuôi tôm đã xuất hiện trên các sông, kinh rộng lớn, cũng như đã len lỏi vào các mương, rạch heo hút. Máy dùng để chạy ghe cũng được, mà để bơm nước cũng tốt.

Nông dân đã biến loại máy này thành một nông cụ dùng cho việc đồng áng bằng cách lắp thêm vào máy một ống bằng thiếc. Bộ phận dùng để đẩy nước biến thành bộ phận hút nước. Các loại gàu đòi hỏi nhiều sức lực đã biến mất dần dần trên đồng lúa, nhường chỗ cho máy bơm.

Năm 1962, theo ty Nông Vụ Kiến-Hòa, số máy bơm nước ở Kiến-Hòa chỉ có chừng 10 cái (1). Tới năm 1971, số nông cơ sử dụng ở tỉnh này là 510 cái (2), hầu hết là máy bơm.

Máy đuôi tôm đi tiên phong trong cuộc biến cải kỹ thuật vì cải thiện cách dẫn nước vào ruộng là trình độ kỹ thuật hữu hiệu nhất để cải thiện năng suất. Sự biến đổi kỹ thuật chỉ xảy đến khi sự hữu hiệu của kỹ thuật mới được thấy rõ.

Ngày nay máy đuôi tôm là nông cụ chính của công tác dẫn nước vào ruộng. Tuy nhiên, máy bị hạn chế tầm hoạt động trong vài trường hợp.

1— Máy không thể dẫn nước vào ruộng xa mương, rạch, vì dem ống lớn dẫn nước dài hàng chục thước là cả một vấn đề khó khăn.

2— Trên nương mạ, máy hút quá mạnh, hút luôn cả hột lúa đang nảy mầm. Vì thế ở đây, nông gia vẫn dùng gàu tát nước.

III.— SỰ SỬ DỤNG PHÂN BÓN LÀ MỘT BƯỚC TIẾN RẤT ĐÁNG KỂ VỀ KỸ THUẬT CANH TÁC

SỰ DU NHẬP CỦA PHÂN BÓN ĐÃ PHÁ VỠ KHUÔN MẪU CỔ TRUYỀN

Như đã trình bày, dưới thời Pháp thuộc, người Pháp đã thí nghiệm phân bón ở xã An-Hội. Kết quả phân tích đất của Ủy-Ban Cải-

(1) TY NÔNG VỤ KIẾN-HÒA, « *khóa hội thảo các trưởng ty nông vụ 1962*, Ronéo, trang 58, 59.

(2) USAID — KIENHOA, « *KIENHOA Province Brifing Folder* », Revised, Kienlloa, USAID — KIENHOA, 31 December 1971, trang 6.

Library HoangSa.Org

Thiện Lúa Gạo Nam-Kỳ không khác những kết quả phân tích đất đai gần đây của Phòng Hóa-Học Đất-Đai (Viện Khảo-Cứu thuộc Bộ Cải-Cách Điền-Địa và Phát-Triển Nông Ngư Nghiệp) (1) : đất ở đây đầy đủ về chất đạm và pôtát, còn thiếu các chất khác, đáng kể là phốt phát. (2)

Nông dân vẫn không dùng phân hóa học cho tới thời gian gần đây.

Đôi khi nông gia dùng phân chuồng. Loại phân nầy không được sử dụng thường xuyên vì :

1 — Số súc vật thiếu thốn. Nông gia thường mướn súc vật nên không có phân. Còn người cho mướn có lợi tức cao nên không cần những mối lợi nhỏ.

2 — Số phân chuồng không nhiều so với diện tích lúa rộng lớn nên sự gia tăng sản lượng không đáng kể.

3 — Sự bón phân đòi hỏi nhiều sức lực và cần cù để gánh phân, rải phân mà lợi tức gia tăng không rõ rệt.

4 — Đất đai ít khi cho năng suất quá thấp nên không cần chăm sóc nhiều.

Bảng 06

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH ĐẤT TRÊN MẶT VÀ DƯỚI SÂU Ở XÃ AN HỘI

(do Ủy-Ban Cải-Thiện Lúa Gạo Nam-Kỳ thực hiện)

PHÂN-TÍCH VẬT-LÝ

Đơn vị : Phân suất đất khô

THÀNH PHẦN	ĐẤT TRÊN MẶT		ĐẤT DƯỚI SÂU	
	Phân Suất	Nhận Xét	Phân Suất	Nhận Xét
Đất mịn	100.00	Đất nhiều sét, giàu chất hữu cơ	100.00	Đất nhiều sét
Sỏi	00.00		00.00	
Sét	44.73		45.48	
Cát	49.44		52.35	
Mùn	2.22		0.32	
Thải vật hữu cơ	3.61		1.85	
Chất vôi	không		không	
" Tổng cộng	100.00		100.00	
Tổng cộng chất hữu cơ	5.83		2.17	

(1) Các phiếu kết quả phân chất số 026 — KC/ĐH1 và 034 — KC/ĐH.1 phân tích các mẫu đất do Trần Thế Đức thâu thập.

(2) Xin xem bảng 06 — Kết quả phân tích đất trên mặt và dưới sâu ở xã An-Hội (do Ủy-Ban Cải-Thiện Lúa Gạo Nam-Kỳ thực hiện).

Library HoangSa.Org

PHÂN TÍCH HÓA-HỌC
(Kg đất khô)

THÀNH PHẦN	Đất trên mặt	Đất dưới sâu	NHẬN XÉT
Chất đạm. . . .	2.7744	0.8160	Đất trên mặt và đất
Acid Phosphoric	0.4173	0.3415	dưới sâu đủ chất
Chất vôi.	2.0440	1.8200	đạm và Pôtát, nhưng
Ma-nhê-si. . . .	2.7250	2.4500	nghèo các yếu tố
Pôtát.	3.4408	2.1350	khác.

Nông gia chỉ bón phân khi thiếu mưa, lúa bị tiêm, bị sâu, côn trùng phá hoại, để mong bù đắp số thiệt hại.

Với những ruộng thí điểm và trình diễn phân bón, cùng chương trình cấp phát phân bón, các năm đầu thập niên 1960 đã đánh dấu một sự chuyển mình lớn của kỹ thuật canh tác lúa gạo.

Lúc đầu, nông dân còn nghi kỵ vì những người ở thành không hề đụng tới cái cày, cái cuốc, mà nói về cách trồng lúa thì không thể tin được. Nông dân nghi kỵ chất hóa học làm độc hột gạo và làm «chai» đất. Đó là chưa kể sự tuyên truyền ngược lại của đối phương. Một giai thoại lý thú này về thời kỳ này ở vùng Ba-Tri được các nhân chứng kể lại như sau :

Số phân bón chính phủ cấp phát cho xã nọ với bao có cờ vàng ba sọc đỏ bị bỏ xó, vì nông dân nghe đồn rằng đó là chất độc, bỏ vào ruộng thì cá chết, gạo thấm chất độc ăn vào chết người, đất có phân thì chai lại, không trồng trọt được. Nông dân nọ xích mích với một người cùng làng, nên lấy « chất độc » đó lén bỏ vào những dây trầu của người kia. Ít lâu sau, những dây trầu đó không chết, mà còn tốt hơn trước gấp bội. Người ta không kể rõ những chi tiết khác như đã làm lén, mà tại sao câu chuyện lại được lan truyền ? Có lẽ vì thấy hiệu quả khác thường, có lợi, nên người bón phân (mà tưởng bỏ thuốc độc) đã kể lại cho bà con lối xóm.

Giai thoại này cho thấy sau những nghi kỵ ban đầu, nhà nông đã thấy ích lợi thực sự của phân bón hóa học và đã dùng nó.

Trước năm 1963, chính phủ phát không phân bón, nhưng ít người nhận. Trong những năm 1964, 1965, nông dân đã dùng phân vì đã nhận thức được sự ích lợi, phân được bán với giá chính thức tài trợ. Năm sau,

(1) MORANGE, P., tài liệu đã dẫn, trang 668.
Các nhận xét trong bảng này là của P. MORANGE, giám đốc Phòng Thí-Nghiệm Nghiên-Cứu, Phân-Tích Nông-Nghiệp và Kỹ Nghệ Nam-Kỳ.

Library HoangSa.Org

số cầu phân gia tăng mạnh nên đã có nạn chợ đen phân. Từ năm 1967, phân được bán trên thị trường tự do. Từ mùa lúa 1967-1968, năng suất trung bình lúa trong tỉnh gia tăng rõ rệt: luôn luôn trên 2 Tấn/Ha.

SỰ SỬ DỤNG PHÂN BÓN DO KINH NGHIỆM CỦA NÔNG DÂN

Năm 1962, số lượng phân bón hóa học dùng ở Kiến-Hòa là 1.200 Tấn, gồm:

Urée và Sulfate d'Ammoniaque	500 Tấn
Phosphate Tricalcique	700 Tấn
Cộng	1.200 Tấn (1)

Năm 1971, sau khi làm mùa chính, số lượng phân sử dụng tại Kiến-Hòa như sau:

Ammophosko	3.000 Tấn
Urée	1.500 Tấn
Cộng	4.500 Tấn (2)

Sau 9 năm, lượng phân dùng ở Kiến-Hòa đã tăng 275%.

Theo sự ước lượng của Ty Nông Nghiệp Kiến-Hòa năm 1970 ở tỉnh này chỉ có chừng 30.000Ha ruộng được rải phân khá đều đặn (27, 6% diện tích ruộng toàn tỉnh), với số lượng 3.000Tấn/Ha (3) trung bình 100 Kg/Ha (4) cho toàn tỉnh. Lượng phân bón này kém xa các tỉnh ở gần Saigon, và không đáng kể so với các quốc gia tiến bộ về nông nghiệp ở Á châu (Nhật Bản, Nam Hàn, Đài-Loan), nhưng vẫn cao hơn nhiều quốc gia khác: Mã-Lai, Miến-Điện, Hồi Quốc, v.v... (5) Số lượng phân trên chia đều cho diện tích lúa, mỗi mẫu chỉ được 27,7kg.

Theo các chuyên viên Viện Khảo-Cứu (BCCĐĐ và PTNNN) (6), ở Kiến-Hòa có 84.800Ha (80% diện tích) ruộng được rải phân.

---

(1) TY NÔNG VỤ KIẾN-HÒA, « *Khóa Hội-Thảo các trưởng ty Nông Vụ 1969* », trang 59.

(2) Phiếu gửi của Trưởng Ty Nông Nghiệp Kiến-Hòa về Nha Canh Nông ngày 24-9-1971.

(3) Số ước lượng không chính xác vì không có cuộc điều tra qui mô về phân bón. Các đại lý không cung cấp tài liệu chính xác và sự chuyên chở phân không được khai báo.

(4) Số phân này tương đương với số phân dùng trung bình của Việt Nam Cộng-Hòa là 0, 3 Tấn/Ha, theo TRẦN THỊ NGUYỆT và PHẠM HỮU ANH (« *The Estimation of Fertilizer requirements in Vietnam 1967* », Saigon, Directorate of Rerearch, December 1966, trang 22).

(5) Xin xem biểu đồ 01 — Sự liên hệ giữa năng suất lúa và độ dẫn thủy.

(6) T.T. NGUYỆT VÀ P.H. ANH, tài liệu đã dẫn, trang 9.

Library HoangSa.Org

Theo Kế Hoạch Phát-Triển tỉnh Kiến-Hòa 1971-1972 (1), Kiến-Hòa chỉ có 30% ruộng được rải phân.

Theo USAID — Kiến-Hòa, từ 20 đến 25% nông dân Kiến-Hòa dùng phân bón và thuốc sát trùng (2).

Theo Chương-Trình Phát-Triển Nông Ngư Nghiệp, số lượng phân sử dụng trong tỉnh về các mùa 1971, 1972 gia tăng rất nhiều so với các năm trước (xin xem bảng 07 — Nguyên liệu, Nông ngư cơ dự trù nhập tỉnh).

Bảng 07

NGUYÊN LIỆU, NÔNG NGƯ CƠ DỰ TRÙ NHẬP TỈNH (3)

LOẠI	1971		1972	
	trọng lượng (Tấn)	Trị-giá (Mỹ kim)	trọng lượng (Tấn)	Trị giá (Mỹ kim)
Ammophosko	8.365	1.045.600	8.807	1.110.800
Ureé và phân khác. .	4.183	376.500	4.400	396.000
Thuốc sát trùng. . .	1,328	531.200	2.040	816.000
Máy bơm, máy cày, thủy động cơ. . . .		10.289.400		10 589.400

SỰ SỬ DỤNG PHÂN BÓN KHÔNG ĐỒNG ĐỀU Ở MỖI KHU VỰC TRONG TỈNH

Mỗi khu vực trong tỉnh sử dụng một lượng phân khác nhau, thay đổi nhiều điều kiện.

Khu vực cực tây cù lao Bảo (quận Hàm-Long và một phần nhỏ Trúc-Giang) dùng nhiều phân bón hơn những khu khác vì :

1— Mua phân không khó khăn từ các đại lý ở tỉnh lỵ, (4) việc chuyển vận dễ dàng.

2— Khu vực trồng lúa nhiều mùa đòi hỏi khẩn thiết phân bón.

3— Nông dân ý thức được ích lợi của phân bón sớm hơn các khu vực khác.

---

(1) BCCĐĐ và PTNNN, tài liệu đã dẫn, trang 49.

(2) USAID — KienHoa, tài liệu đã dẫn, trang 7.

(3) Bộ CCĐĐ và PTNNM, « *Kế-Hoạch Phát-Triển Nông Ngư Nghiệp tỉnh Kiến-Hòa 1971 - 1972* », Saigon, BCĐĐ và PTNNM, 1971, trang 67.

(4) Tình trạng trước năm 1974, trước khi phân bị chi phối bởi tình trạng đầu cơ, rối loạn về thị trường phân quốc tế, nạn khủng hoảng nhiên liệu, và khan hiếm ngoại tệ của VNCH.

Library HoangSa.Org

Khu vực Bình-Đại, Giồng-Trôm, Ba-Tri dùng ít phân hơn vì sự chuyên chở khó khăn, giá phân cao hơn khu vực Hàm-Long — Trúc-Giang. Phương tiện chuyên chở tới Bình-Đại là đò máy, tới Giồng-Trôm, Ba-Tri do đường bộ, phải qua sông, qua phà.

Khu vực cù lao Minh (Mỏ-cày, Hương-Mỹ, Thạnh-Phú) dùng ít phân bón nhất vì chuyển vận khó khăn hơn, nông dân ít cấy lúa Thần Nông và nhận thức được ích lợi của phân bón chậm chạp hơn.

Khu vực ven biển thuộc các quận Bình-Đại, Ba-Tri, Thạnh-Phú, ruộng không có bờ mẫu, nước lên xuống tự do hàng ngày, nếu bón phân, phân trôi ra mương, rạch. Hơn nữa, các mảnh canh ở đây có diện tích lớn, đòi hỏi lượng phân lớn hơn vùng Hàm-Long — Trúc-Giang nên nông dân không đủ tiền mua.

CÁCH THỨC BÓN PHÂN

Ba phần tư (3/4) diện tích lúa Thần nông dùng công thức sau đây cho một mùa lúa trên 1 Ha ruộng :

Ammophosko ... :	200 kg
Urée ..... :	100 kg
Cộng ..... :	300 kg (1)

Đối với các loại lúa khác, nông gia dùng ít phân hơn. Lượng phân trung bình :

Ammophosko :	100 kg
Urée .... :	50 kg
Cộng .... :	150 kg (1)

Khi gặp hạn hán, lúa bị bệnh hay sâu, nông gia bón nhiều phân hơn bình thường. Nông gia không dùng nhiều phân vì « lúa tốt chưa chắc tốt mùa », (2) « lúa xanh nhưng hột không chắc ».

(1) Theo sự điều tra riêng của tác giả.

(2) Đây là hệ quả của sự thiếu sót của cơ quan nghiên cứu và cơ quan phổ biến tài liệu nông nghiệp. Nông gia muốn dùng nhiều phân để gia tăng năng suất, thì lại không biết dùng loại phân nào, và số lượng bao nhiêu. Tình trạng này cũng là hệ quả của nạn thất học : nông dân ít học không thể tìm hiểu cách thức sử dụng phân hợp lý ở các tài liệu nghiên cứu khoa học.

Sự tìm kiếm để tìm ra lượng phân thích hợp là cần thiết. Đó là công việc của các cơ quan hữu trách, mà từ trước tới nay chưa hề được thực hiện đúng mức. Sau khi khám phá ra những công thức phân bón thích hợp với từng địa phương, việc phổ biến cho nông gia phải được phát động sâu rộng như việc phổ biến lúa Thần Nông cách đây vài năm. Việc cải thiện dân trí cũng là một điều vô cùng cần thiết trong sự sử dụng phân bón, vì không hiểu được những khái niệm khoa học căn bản, nông gia không thể sử dụng phân hợp lý. Phát triển giáo dục cũng góp phần vào sự cải thiện phương thức sản xuất.

Library HoangSa.Org

Tùy theo kinh nghiệm, nông gia dùng phân nhiều hay ít hơn lượng phân trên, thường ít hơn để tiết kiệm phân và tiền bạc.

Trung bình mỗi mẫu ruộng Kiến-Hòa dùng 110 kg phân hóa học (theo các tài liệu của Ty Nông Nghiệp Kiến-Hòa). Con số này lớn gấp bội số trung-bình của Việt-Nam (8,01 kg mỗi mẫu ruộng) và còn kém xa nhiều nước Á châu cách đây 12 năm (1960) :

Nhật : 256,04 kg/Ha Nam Hàn : 145,04 kg/Ha

Đài-Loan : 191,80 kg/Ha (1)

Hiện nay trong vùng Á châu tự do, Việt-Nam vẫn hơn nhiều quốc gia khác về phương diện sử dụng phân bón (2).

Thường thường, sau khi sửa soạn đất (3), nông gia bón Ammophosko. Nửa tháng hay một tháng sau khi cấy, bón loại phân này một lần nữa. Khi lúa có đòng đòng, rải phân urée.

Đến nay những lời đồn xấu về phân không còn nữa, nhưng nhiều nông gia vẫn không dùng phân, vì sợ cá chết. Cá là một nguồn lợi đáng kể đối với một số ruộng.

Một vài loại ruộng đặc biệt ở Kiến-Hòa cũng không cần phân bón : ruộng rẫy và ruộng biển.

Ruộng rẫy là loại ruộng mới được bồi, còn ngập nước nên hàng tháng, lúc thủy triều lên cao trần ngập ruộng, đem phù sa vào ruộng. Thí dụ ở Tiên-Long, Tiên-Thủy, thuộc quận Hàm-Long.

Ruộng biển là loại ruộng mới được bồi ở các cồn (cù lao). Loại ruộng này cũng đầy đủ nước và nhiều phù sa. Thí dụ ở cù lao Nảy, cồn Dung, cồn Chén, cồn Lớn trên sông Cổ-Chiên.

THUỐC GIẾT CHUỘT.

Đồng thời với phân bón, thuốc giết chuột (5) cũng được nông gia dùng thử, nhưng kết quả không tốt đẹp như phân hóa học. Chuột chỉ chết vì thuốc trong đợt đầu. Sau đó chúng không ăn đồ ăn có thuốc nữa. Nông gia vẫn dùng những phương thức cổ truyền là dùng roi đập, đặt bẫy, đào hang bắt, hay đôi khi đổ dầu nhớt ra những ruộng có nhiều chuột phá hoại. Lớp nhớt này nổi trên mặt nước. Khi chuột lội, nhớt dính vào lông. Chuột liếm lông đó sẽ chết.

---

(1) BÙI-HỮU-TRÍ, « *Triển vọng dùng phân hóa học ở Việt Nam so sánh với các nước vùng Đông Nam Á* », Saigon, Nha Khảo-Cứu (Bộ Cải Cách Điền-Địa và Canh-Nông), 1964, trang 4.

(2) Xin xem biểu đồ : sự liên hệ giữa năng suất lúa và độ dẫn thủy.

(3) Cày, bừa, trục.

(4) Nhiều nông gia không bón vào lúc này, vì muốn tiết kiệm.

(5) Một loài vật cản trở rất nhiều trong việc cải thiện năng suất.

Library HoangSa.Org

IV.— SỰ DU-NHẬP CỦA LÚA THẦN NÔNG LÀ MỘT BIẾN CHUYỂN QUAN TRỌNG TRONG SỰ THAY ĐỔI GIỐNG LÚA VÀ GIA TĂNG NĂNG SUẤT

1. Sự du-nhập mau chóng của lúa Thần Nông.

Sự du-nhập của phân bón phải mất một thời gian khá lâu (5 năm). Lúa Thần Nông không cần thời gian lâu như vậy, một phần nhờ ở tác dụng tốt do sự xâm nhập của phân bón: sự dao động tâm lý của nông dân. Những yếu tố ngoài nông thôn đã có thể ảnh hưởng tới hoạt động nông thôn. Dao động đó làm sứt mẻ lòng tin tuyệt đối vào số mệnh do trời an bài, ban phát. Con người có thể làm tăng năng suất, chứ không hoàn toàn do trời. Lúa Thần Nông làm tăng thêm niềm tin đó.

Bảng 08

NĂNG SUẤT LÚA Ở RUỘNG ĐỒNG (1) VÙNG NƯỚC NGỌT (2)

LOẠI LÚA	THẤT		TRUNG BÌNH		TRÚNG	
	Giạ/Công(3)	Tấn / Ha	Giạ/công	Tấn / Ha	Giạ/công	Tấn / Ha
Lúa sớm Lúa lỡ	6-7	1,2-1,4	10-12	2,0-2,4	14-16	2,8-3,2
Thần nông 5,8	10-11	2,0-2,2	19-20	3,8-4,0	28-32	5,6-6,4

Vào khoảng các năm 1964-1965, trước khi lúa Thần Nông được phổ biến, một giống lúa mới có giạ cứng, thân thấp, năng suất cao hơn các giống lúa ta, được các chuyên viên nông nghiệp phổ biến xung quanh các nhờ thờ công giáo. Đó là lúa C4 — 63, một giống lúa lai cũng được thí nghiệm giữa lúa móng chim của VN các giống khác (4). Giống lúa này có năng suất cao hơn lúa ta không bao nhiêu, ngày càng kém, vì mất tích chất nguyên thủy, nên nông dân đã bỏ dần.

Còn lúa Thần Nông, cũng như phân bón, được nhà nông xung quanh tỉnh lỵ Trúc Giang và vùng Hàm-Long cấy đầu tiên, với diện tích ít oi (300 Ha), sản xuất được 840 Tấn, năng suất chưa cao lắm,

(1) Ruộng đồng là loại ruộng ở xa sông, chịu ảnh hưởng nhiều của nước mưa hay nước mương, rạch, nhưng không bị úng thủy.

(2) Do tác giả thâu thập.

(3) Giạ = 19 — 20kg.

Công là diện tích một nông thợ làm việc được trong một ngày với công việc như nhổ mạ, hoặc cấy, gặt. Một công cấy tương đương với một công gặt, chừng 1.000m2. Công dùng ở đây chỉ diện tích này.

(4) Tài liệu: Sở Lúa Gạo, BCCĐĐ và PTNNN.

Library HoangSa.Org

những cũng khá (2,8 Tấn/Ha). Mùa lúa đó (1967-1968), vẫn có năng suất cao hơn lúa sớm (1,8 Tấn/Ha) (1), chưa đạt được mức cao vì nông dân chưa có kinh nghiệm cấy loại lúa này, chưa đủ phân, đủ nước, làm cỏ đúng mức, trừ sâu và bệnh.

Diện-tích Thần Nông gia tăng mãnh liệt trong các mùa sau (1969-1970 và 1970-1971) :

Mùa	Diện tích Thần Nông	
1969-1970	8.800 Ha	Gia tăng 56.200Ha, tức 638%
1970-1971	65.000 Ha	
1971-1972	62.000 Ha	

Sản lượng lúa thần nông từ mùa 1969 — 1970 đã chiếm phần quan trọng trong tổng sản lượng lúa của tỉnh, nhờ năng suất cao (gần 4 Tấn/Ha).

Bảng 09

SẢN LƯỢNG LÚA KIẾN-HÒA TỪ MÙA 1969-1970 ĐẾN MÙA 1971-1972

MÙA	Tổng sản lượng (Tấn)	Lúa nội địa (Tấn)	LÚA THẦN NÔNG	
			Sản lượng (Tấn)	Tỉ phần (%)
1969-1970	244.000 (2)	208.800	35.200	14
1970-1971	298 000 (3)	158.000	140.000	53
1971-1972	288.000 (4)	170.000	118 000	41

Từ trụng tâm Hàm-Long — Trúc-Giang, lúa thần nông lan dọc theo rạch Giồng-Trôm, xâm nhập vào Mỏ-cày qua cửa ngõ là xã Thạnh Tân.

Với thời gian tăng trưởng ngắn của giống lúa Thần Nông, nông dân có thể cấy ba mùa mỗi năm. Mùa 1970-1971, diện tích Thần Nông mùa ba là 30.000Ha (theo Ty Nông Nghiệp Kiến-Hòa).

Mùa 1971-1972, một số nông dân trồng trở lại giống lúa nội địa để đổi giống lúa trên ruộng. Theo kinh nghiệm nông dân cho rằng đổi giống lúa thì lúa sẽ tốt hơn, tương tự như người : ăn hoài một thứ, thì ngán.

(1) TY NÔNG NGHIỆP KIẾN-HÒA

(2) Theo Niên-Giám Thống-Kê Việt-Nam 1971, mùa này sản xuất được 259. 200 Tấn.

(3) Theo Niên-Giám Thống Kê Việt Nam 1972, mùa này chỉ có 280.000 Tấn.

(4) SỞ THỐNG-KÊ và KINH-TẾ NÔNC-NCHIỆP, « *Dức lượng mùa lúa 1971-1972* », Saigon, Bộ CCDĐ và PTNNN, ngày 5-4-1972, bảng 4.

Library HoangSa.Org

Điều này có thể đúng vì trồng rặt một thứ cây trên cùng một mảnh đất thì vài dưỡng chất sẽ hao hụt nhiều. Tuy nhiên, với cây lúa, các dưỡng chất cần thiết không khác nhau nhiều giữa các giống lúa nên lập luận trên đây không hoàn toàn đúng. Lúa mùa này tốt hơn mùa khác do nhiều nguyên do: khí hậu thay đổi bất thường, chăm sóc không đồng đều giữa các mùa, phân bón khi nhiều khi ít, côn trùng, chuột, chim phá hoại thất thường.

2. Sự du nhập của lúa Thần Nông khiến các giống lúa có năng suất thấp bị loại bỏ dần.

Các loại lúa bị loại bỏ thường là lúa sớm, nhất là lúa lỡ và lúa mùa nhì (xin xem bảng 09 — Sản lượng lúa gạo ở Kiến-Hòa trong các mùa 1969-1970 và 1970-1971). Lúa Thần nông không thay thế các giống lúa mùa vì lúa này thường cấy ở đồng sâu, không thích hợp với Thần nông.

Nơi ruộng cao, thiếu nước (đất gò, (1) đất giồng, (2) con «lươn») (3) trồng lúa Thần Nông có lợi hơn lúa nội địa vì thần nông cần ít nước.

Bảng 10

DIỆN TÍCH LÚA GẠO Ở KIẾN-HÒA TRONG CÁC MÙA 1969-1970 VÀ 1970-1971 (4)

	Mùa 1969 - 1970		Mùa 1970 - 1971	
	Lúa nội địa	Lúa thần nông	Lúa nội địa	Lúa thần nông
	Đơn vị : Ha		(mẫu tây)	
Lúa sớm	3.300	6.700	3.000	7.000
Lúa lỡ	58.000	—	38.000	20.000
Lúa mùa	36.000	—	36.000	—
Lúa mùa nhì	7 900	2.100	2.000	8.000
CỘNG	105.200	8 800	79.000	35.000
Lúa mùa ba	—	—	—	30.000
Diện tích canh tác	114.000 Ha		114.000 Ha	
Diện tích ruộng	215.520 Ha		215.520 Ha	

3. Tuy lúa Thần Nông được trồng nhiều nhưng nhà nông vẫn không loại bỏ hẳn các giống lúa nội địa.

Theo một số nhà nông, đối giống lúa thì lợi hơn, như đã trình bày, nên nhà nông vẫn giữ một số giống lúa ta.

(1) Đất gò là nơi đất cao, nhưng sa cấu thiên về thịt, sét.
(2) Đất giồng là nơi đất cao, sa cấu thiên về cát.
(3) Con lươn là nơi đất gò, đất giồng, hẹp và dài.
(4) Tài liệu : TY NÔNG NGHIỆP KIẾN-HÒA.
— Không.

Library HoangSa.Org

Trồng Thần Nông cùng một lượt với các loại lúa nội địa còn có lợi về sự sắp xếp các công tác thu hoạch. Lúa Thần Nông có thời gian tăng trưởng ngắn hơn lúa nội địa nên chín trước. Nhà nông gặt xong Thần Nông thì lúa ta cũng vừa chín rộ, đủ thời giờ gặt hái. Cấy cùng một giống lúa trên diện tích rộng lớn thì sự thu hoạch khó khăn hơn, nhất là khi nhân công hiếm hoi, chỉ có tính cách gia đình.

Sau đây là thời biểu lúa cấy luân phiên Thần Nông và lúa ta hai hoặc ba mùa.

Bảng 11

THỜI BIỂU LÚA CẤY HAI MÙA

LOẠI LÚA	Mùa 1	Mùa 2
	Thần nông	Lúa sớm
	Lúa sớm	Thần nông
	Thần nông	Lúa lỡ
	Lúa lỡ	Thần nông
	Thần nông	Thần nông
	Thần nông 5 (1)	Thần nông 8 (1)

Bảng 12

THỜI BIỂU LÚA CẤY BA MÙA

LOẠI LÚA	Mùa 1	Mùa 2	Mùa 3
	Lúa sớm	Thần nông	Thần nông
	Lúa sớm	Lúa sớm	Thần nông
	Thần nông	Lúa sớm	Thần nông

(1) Theo kinh nghiệm của một số nông gia, mùa mưa Cấy Thần Nông 5, mùa nắng Cấy Thần Nông 8 thì lợi lúa.

Library HoangSa.Org

Mùa ba, nông dân thường cấy Thần Nông, rất ít khi cấy lúa ta, vì Thần Nông cần mực nước thấp, chỉ cần bơm nước vào ruộng ít hơn lúa ta. Lúa mùa ba có thể lấn sang năm sau 1, 2 tháng.

4. Sự lan tràn của lúa Thần Nông bị giới hạn.

Lý do : hệ thống thủy nông ở tỉnh này chưa được hoàn hảo. Về mùa khô (từ tháng 11 đến tháng 4), nước mặn tiến về phía tây, len lỏi vào mương rạch, thấm vào đất nên không thể trồng lúa được ở toàn vùng nước mặn, và phần phía đông vùng nước lợ. Vùng nước ngọt ở cực tây của tỉnh mỗi năm chỉ có vài ngày hay hai tuần độ mặn nước sông vượt quá 4 gram/lít (1), nên nước sông, mương, rạch dùng cho ruộng lúa được. Ngoài ra, vùng nước ngọt có hệ thống mương, rạch nhỏ đầy đủ hơn các vùng kia, cung cấp nước cho ruộng dễ dàng hơn trong mùa khô, lúc không có nước mưa.

Lúa Thần Nông còn bị chặn lại bên ngoài vùng trồng cây ăn trái (vùng cái Mơn và các cù lao trên sông Hàm Luông). Nơi đây hoạt động chính (cây ăn trái) đem lại lợi tức hàng năm rất cao (1 - 2 triệu đồng mỗi mẫu), nên đất đai phải dành cho cây ăn trái. Lúa chỉ trồng để thỏa mãn nhu cầu nhà vườn, không đem bán như các nơi khác, nên nhà vườn chỉ lựa những giống lúa nội địa có phẩm chất cao, tuy năng suất rất thấp (gié vàng, tàu hường, ...).

Nơi xa sông rạch, thiếu hệ thống dẫn và thoát thủy (thí dụ Phú-An Hòa ở Trúc-Giang, Lương-Quới và Bình-Hòa ở Giồng-Trôm, Hòa-Lộc và Thành-An ở Mỏ-Cày) mùa mưa thì nước quá nhiều, mùa khô thì thiếu nước, không thích hợp với lúa Thần Nông.

5. Vì những giới hạn trên, hiện nay vùng trồng lúa thần nông ở Kiến-Hòa gồm những khu vực sau đây :

a— Khu vực Hàm-Long và xung quanh tỉnh lị Trúc-Giang : khu vực phát triển nhất, thần nông trồng được hai, ba mùa, nhờ mương, rạch và nước ngọt đầy đủ.

---

(1) NGUYỄN QUANG CHUYÊN, « *Nước mặn và trồng lúa tại Nam phần* », Ronéo, Saigon, Sở Điền-thủy, tháng 7-1960, trang 21 : « Theo O. I. R., mức tiêu chuẩn cho cây lúa đối kháng với độ mặn :

— Nương mạ : 2g/lít
— Cấy : 4g/lít, sau đó có thể 5g/lít
— Trổ bông : 4g/lít, sau đó có thể lên 6-7 lít mà không trở ngại gì tới cây lúa ».

Như vậy độ mặn mà cây lúa chịu đựng được là 4g/lít, còn mạ thì 2g/lít.

Library HoangSa.Org

b— Khu vực ven rạch Giồng-Trôm (Mỹ-Thạnh, Lương-Quới) : lúa thần nông bị giới hạn vì thiếu hệ thống dẫn nước, và nước mặn xâm nhập.

c— Khu vực Mỏ-Cày (Thanh-Tân, Đa-Phước Hội) : lúa thần nông chỉ được trồng với diện tích hạn hẹp vì thiếu hệ thống thoát nước, và lúa chỉ là hoạt động phụ. Đây là khu vực thiếu nhân công hơn các nơi khác. Lý do : chiến tranh đe dọa nhiều hơn, dân cư bỏ đi nơi khác.

NĂNG SUẤT LÚA THẦN NÔNG KHÔNG ĐỀU VÀ CHƯA CAO LẮM

Vài trường hợp hy hữu, nông gia đã thâu hoạch được tới trên dưới 30 giạ/công. Khi thất, số thâu hoạch chỉ được chừng 10 giạ/công, hay có khi thấp hơn. Số thâu trung bình chừng 20 giạ/công mỗi mùa. Những nguyên do khiến năng suất lúa Thần Nông ở Kiến-Hòa chưa cao được là :

1— Chưa điều chỉnh được mực nước theo nhu cầu. Lượng nước mưa không đều. Những ngày không mưa có thể kéo dài trong tháng, nhất là trong kỳ tiểu hạn (tháng 8) làm ruộng khô. Số ngày mưa nhiều và gần nhau cũng làm lúa chết, hay hư, vì mực nước trong ruộng dâng cao. Hệ thống mương, rạch chưa hoàn hảo, nhà nông vẫn trông cậy nhiều vào nước mưa.

2— Phân bón chưa được sử dụng đúng mức. Nông dân chưa biết cách tìm ra lượng phân thích hợp cho ruộng. Giá phân bón lên cao cứ mỗi vài tháng nên nông gia có khuynh hướng tiết kiệm. Ngoài ra, phân bón không phải là yếu tố quyết định năng suất, nên nông gia có thể giảm thiểu lượng phân. Theo kinh nghiệm, nông gia nhận thấy bón nhiều phân, nhưng không giữ nước, trừ chuột, bị rầy, sâu nách, bịnh tiêm phá hoại, thì năng suất cũng vẫn kém.

3— Sự chăm sóc chưa đầy đủ : Nông gia chưa chăm sóc, sửa soạn cây lúa như tiêu chuẩn đòi hỏi. Nông gia không quen đọc tài liệu rườm rà, chỉ tin vào kinh nghiệm của chính mình hay người quen biết. Một vài cách săn sóc đặc biệt cho giống lúa này vẫn chưa được nông gia thực hiện đầy đủ như : không ngâm lúa với thuốc sát trùng, không ngăn ngừa trước khi sâu, rầy phá hoại, mà chỉ xịt thuốc khi phát hiện ra những sự phá hoại, nên hiệu quả không đáng kể. Cỏ là kẻ thù đáng sợ, thế mà nông dân vẫn không diệt trừ đúng mức được, nguyên do : thiếu nhân công, nhân công gia đình chỉ gồm có những người già, đàn bà và trẻ em. Mạ thần nông nhổ lên phải cấy ngay để khỏi bị yếu sức, nhưng nông dân vẫn coi như mạ lúa ta, để một thời gian lâu (1, 2 ngày) mới cấy. Nương mạ đôi khi vẫn để cỏ mọc hoặc thiếu nước.

Library HoangSa.Org

4— Sự phá hoại của chim, chuột, rầy, sâu : gia tăng mạnh vào mùa nắng. Mùa mưa, diện tích trồng lúa rộng lớn nên sự phá hoại của chúng rải ra. Mùa khô, chỉ có một vài khu vực trồng lúa Thần Nông nên sự phá hoại của chúng tập trung lại, gây nhiều thiệt hại.

5— Lúa thần nông bị pha trộn với các giống lúa ta : Sự pha trộn này nhiều nhất vào lúc ruộng cấy thần nông lần đầu. Sau mỗi vụ mùa, nông gia thường thay đổi giống khiến sự pha trộn không thể tránh được. Sự pha trộn gây ra giống lai, làm mất tính chất của Thần Nông nguyên thủy.

6— Những bệnh bất thường của cây lúa mà nông gia không biết cách chữa trị, thì dụ bệnh tiêm.

7— Thần Nông là *giống lúa lai*, nên sau nhiều thế hệ (génération) tính chất nguyên thủy bị mất dần. Cơ quan hữu trách chưa đủ lúa giống cho nông gia. Giống (thế hệ) bậc ba do ty nông nghiệp gây tại chỗ để phân phối chỉ có giới hạn. Nông dân cấy giống này cho giống bậc 4, bậc 5 mất nhiều tính chất của giống nguyên thủy.

V.— SỰ LAN TRÀN CỦA LÚA THẦN NÔNG KHIẾN NÔNG DÂN GIA TĂNG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÙA MÀNG

Bảng 13

THUỐC SÁT TRÙNG DÙNG TRONG TỈNH KIẾN-HÒA MÙA 1967 — 1968 (1)

LOẠI THUỐC	BÁN		CẤP PHÁT	
	Đơn vị : Kg	Đơn vị : Lít	Đơn vị : Kg	Đơn vị : Lít
DDT 75%	1.169,00	—	1.480,000	—
Malathion 50%	181,436	—	2,000	—
Savin	181,436	—	—	—
Haptachlon 25%	236,795	—	997,897	—
Malathion 57%	—	246,384	—	11
Malathion 30%	—	—	40,000	—
Phosphure de Zinc	—	—	30.00	—
TỔNG CỘNG	1.768,667	662,768	2.522,897	17,000

Lúa Thần Nông bị rầy, sâu nách, bịnh tiêm đe dọa nhiều hơn lúa ta. Lúa ta cấy một mùa, thời gian hưu canh khá dài, côn trùng bị loại

(1) Tài liệu : TY NÔNG-NGHIỆP KIẾN-HÒA.
— Không.

Library HoangSa.Org

trừ khá nhiều. Còn Thần Nông cấy nhiều mùa, côn trùng còn sót lại từ mùa trước. Nông dân phải bỏ nhiều công nhiều tiền để bảo vệ lúa. Nhu cầu thuốc sát trùng gia tăng mạnh mẽ : mùa lúa 1967 - 1968, tổng số thuốc sát trùng được cấp phát và bán ở Kiến-Hòa là 4.291, 564 kg và 17 lít, tới năm 1971 cần 1.328 kg, 1972 cần 2.040 kg (1).

Nông gia vẫn chưa biết dùng các loại thuốc này hữu hiệu : loại thuốc nào có tác dụng với giống côn trùng nào, lúc nào dùng thuốc thuận lợi.

VI.— SỰ SỬ DỤNG MÁY CÀY LÀ MỘT BIẾN CHUYỂN LỚN VỀ NĂNG LỰC TRONG HOẠT ĐỘNG NÔNG NGHIỆP.

a. Tiến trình của sự du nhập máy cày hơi chậm trễ hơn lúa thần nông.

Từ đầu thập niên 1960, máy bơm nước cùng với máy đuôi tôm, xe Lambretta ba bánh len lỏi vào nông thôn, làm giảm bớt gánh nặng nhân lực trong việc tưới nước vào ruộng và chuyển vận. Mọi hoạt động khác vẫn do sức người và súc vật đảm trách, cùng những nông cụ với các bộ phận hầu hết gốc thực vật. Từ năm 1968, máy cày xuất hiện trên những thửa ruộng quanh tỉnh lỵ Trúc-Giang và khu vực Hàm-Long, rồi lan trần xuống Giồng-Trôm, Ba-Tri, qua Mỏ-Cày. Lúc đầu chỉ có những máy cày nhỏ, với hai bánh vì tiện lợi trên những thửa ruộng nhỏ. Từ năm 1971, những máy cày lớn, 4 bánh xuất hiện ở Ba-Tri nơi có diện tích ruộng rộng lớn.

Ở khu vực ruộng lúa nhỏ hẹp, máy cày chỉ dùng cho việc phá đất. Ở Giồng-Trôm, nhất là ở Ba-Tri, máy cày được dùng với những mục đích khác nữa :

— Máy cày có thể « đạp lúa » thay cho trâu, mau hơn trâu rất nhiều. Máy cày tay hay máy lớn đều dùng được.

— Máy cày có thể thay cho sức bò trong việc chuyển vận : kéo xe chở lúa, rơm rạ từ ruộng về làng và từ làng ra thành thị.

b. Sự sử dụng máy cày bị hạn chế ở nhiều khu vực. Nguyên do :

1 — *Khu vực bị cô lập* (Bình-Đại), không thể chuyển vận máy cày tới được. Trước năm 1973, tỉnh lộ 17 Trúc-Giang — Bình-Đại bị gián đoạn chỉ di chuyển được bằng đò.

2 — *Tình trạng an ninh kém* (Thạnh-Phú), nên nông gia chưa dám sắm máy cày.

3 — *Tính chất đất đai không thích hợp* : ruộng bưng, ruộng rẫy, ruộng biển không thể dùng máy cày. Ruộng bưng có mực nước cao, ngập máy, chỉ dùng được trâu mà thôi. Ruộng rẫy, ruộng biển là loại

(1) Theo TY NÔNG-NGHIỆP KIẾN-HÒA và Kế-Hoạch Phát-Triển Nông Ngư Nghiệp tỉnh Kiến-Hòa 1971-1972 (Bộ CCĐĐ và PTNNM, 1971).

Library HoangSa.Org

đất mới, đất nhiều sét, còn nhão, máy không thích hợp vì lún, chỉ dùng sức người.

Hiện nay, máy cày được sử dụng nhiều nhất ở khu vực nước ngọt Hàm-Long — Trúc-Giang, nơi lúa cấy nhiều mùa, đất không có sa cấu nặng (phần lớn thuộc biểu loại Hàm-Long). Việc cấy lúa nhiều mùa đòi hỏi rút ngắn thời gian phá đất. Máy cày đã đáp ứng được nhu cầu này.

Ở các khu vực nước lợ Giồng-Trôm và Mỏ-cày, máy đáp ứng sự đòi hỏi rút ngắn thời gian phá đất trên các thửa ruộng cấy lúa hai mùa. Các thửa ruộng cấy lúa một mùa không đòi hỏi rút ngắn thời gian phá đất, nhưng máy cày vẫn được sử dụng vì sự cạnh tranh của máy móc và sức người, sức vật (1).

c. Lúc mới du nhập, máy cày đã từng bị nghi kỵ như các yếu tố kỹ thuật mới trước kia.

Năm 1964, khi hãng Kubota biểu diễn máy cày lần đầu tiên tại ấp Bình-Phú (xã An-Hội, quận Trúc-Giang), không ai chấp nhận sự hữu hiệu của máy. Nông dân cho rằng :

1 — *Máy cày cày quá cạn* nên không tốt, máy chỉ xới đất lên chứ không cày sâu được. Ở ruộng nhiều sét, máy kém cái cày cổ truyền. Hơn nữa, máy không lật lớp đất trên mặt xuống, nên cỏ không chết được, phải mất nhiều công làm cỏ.

2 — *Máy cày cỡ lớn không cày được góc ruộng*, nên nông gia lại phải dùng cuốc, mất nhiều nhân lực (2).

3 — *Máy không xuống ruộng sâu, ruộng sình được* vì lún (đối với máy cày bốn bánh cỡ lớn) hoặc ngập nước (đối với máy cày tay hai bánh cỡ nhỏ).

4 — *Di chuyển máy cày khó khăn* vì bờ mẫu quá nhỏ. Sự di chuyển còn khó hơn khi ruộng của nông gia được cày sau khi ruộng xung quanh đã được cấy (3).

5 — Khi máy hư, nông dân *mất công đưa máy tới thợ sửa máy móc ở tỉnh*. Nông dân không biết gì về máy móc.

Ngày nay, những khó khăn đã giải quyết được. Máy cày xuất hiện bên cạnh các đôi trâu, đôi bò. Tại sao máy móc thay thế được nhân lực và vật lực ? Câu trả lời nằm trong đoạn sau đây.

---

(1) Sẽ được trình bày trong đoạn đ. (Nhiều nguyên do khiến máy cày được sử dụng).

(2) Điều này sai lầm vì nhiều loại máy cày bốn bánh được điều khiển rất dễ dàng, lanh lẹ, khéo léo, không hề bỏ qua góc ruộng.

(3) Tình trạng này rất thường gặp ở vùng nước ngọt cấy lúa nhiều mùa.

Library HoangSa.Org

đ. Nhiều nguyên do khiến máy cày được sử dụng.

Nông dân ở bất cứ quốc gia nào cũng mang tinh thần bảo thủ. Nông dân chỉ chịu thay đổi cách thức làm việc khi nhận thấy rõ rệt sự thay đổi có ích lợi. Đầu thập niên 1960, máy đuôi tôm thay thế hầu hết các gầu vì sự hữu hiệu được thấy rõ. Cuối thập niên này, máy cày được sử dụng, cũng vì nguyên do này.

Bảng 14

SỐ TRÂU, BÒ Ở KIẾN-HÒA TỪ 1958 ĐẾN 1970 (1).

Đơn vị : con

	1958	1959	1960	1961	1962	1963	1964	1965	1966	1967	1968	1969	1970
Trâu	23.108	27.016	66.300	66.500	74.100	63.000	62.300	58.300	40.400	41.000	40.000	35.000	32.000
Bò	5.150	7.518	23.700	20.300	30.600	30.300	21.100	21.000	12.800	14.000	15.000	10.100	10.000

Bảng 15

GIÁ BÒ ĐỨNG TẠI LÒ THỊT TỈNH KIẾN-HÒA VÀ SỐ THÚ TỪ KIẾN-HÒA CHỞ ĐẾN SAIGON (2)

		1963	1964	1965	1966	1967	1968	1969	1970
GIÁ BÒ		Đơn vị : VN$ / 100 kgs							
		—	3.021	4.054	5.489	7.754	9.350	9.300 (3)	—
Số thú đến Saigon		Đơn vị : con							
	Trâu	154	—	—	487	557	263	881	1.29
	Bò	1	—	—	9	63	02	63	272

(1) Tài liệu : SỞ THỐNG-KÊ và KINH-TẾ NÔNG-NGHIỆP (BCCDD và PTNNM), « *Niên Giám Thống Kê Nông Nghiệp* », từ 1959 đến 1971.

(2) Tài liệu : THỐNG-KÊ và KINH TẾ NÔNG NGHIỆP (BCCĐĐ và PTNNM), tài liệu đã dẫn, từ 1964 đến 1971, không có tài liệu trước năm 1964.

(3) Số tháng 1/1969 theo Niên-Giám Thống-Kê Nông-Nghiệp 1970.

Library HoangSa.Org

Theo cơ quan có thẩm quyền về nông nghiệp, số trâu, bò ở Kiến-Hòa trong mấy năm gần đây giảm sút vì « nhịp độ cơ giới hóa tăng mạnh ». (1) Sự thực, máy móc được sử dụng là quả, còn nhân là số trâu, bò giảm sút ngày càng trầm trọng. Từ năm 1962 (lúc số trâu, bò cao nhất tỉnh) đến năm 1970, số trâu giảm 56, 8%, bò giảm 67, 3%(2).

Sự trâu, bò giảm trầm trọng cũng không phải bởi lý do thiếu đồng cỏ, (3) như cơ quan nông nghiệp đã quan niệm, vì trước kia, từ 1958 đến 1962, thiếu đồng cỏ mà số trâu, bò vẫn tăng. Sự thực là :

1 — Chiến tranh làm thiệt hại một số lớn trâu, bò, số sinh không bù đắp được số tử. Từ năm 1959 tới nay, nông thôn Kiến-Hòa là nơi xảy ra nhiều trận chiến lớn. Bom, đạn không ngớt làm thiệt hại nhà cửa, ruộng vườn, người và vật. Vì thiếu trâu, bò nông gia đã dùng máy cày.

2 — Sự gia tăng dân số ở thủ đô Saigon, sự thiếu hụt thực phẩm, nhất là thịt trong những năm trước, khiến giá trâu, bò lên cao (4). Một số trâu, bò được bán để giết thịt. Giá bò hạ thịt năm 1969 gấp ba lần năm 1964, trong lúc trị giá đồng bạc Việt-Nam giảm không tới mức đó.

Bảng 14 — Số trâu, bò ở tỉnh Kiến-Hòa từ 1958 đến 1970, cho thấy so với năm trước (1968), số trâu năm 1969 giảm 5.000 con, bò giảm 4.900 con. Trong số này, chỉ có 263 trâu, bò chở về Saigon, còn 4.637 trâu, 4.848 bò chở về Saigon, giết thịt lậu thuế và thiệt hại vì chiến tranh.

Số trâu, bò giảm nên giá cao, (5) nông gia thay thế bằng máy cày.

3— Sự cạnh tranh giữa nhân, vật lực, và cơ khí đã đem lại thắng lợi cho cơ khí. Nông gia vẫn thường mướn nhân công và vật lực phá đất vì không đủ tiền bạc để tạo những tư bản sản xuất này. Tình trạng chiến tranh khiến nông thôn chỉ còn lại các người già, phái nữ, trẻ em, thiếu thanh niên và đàn ông khoẻ mạnh để đảm nhận những công việc nặng nhọc như cày bừa. Do đó tình trạng cho mướn nhân lực vật lực để phá đất rất thông thường ở tỉnh này, cũng như mọi nơi khác của Việt-Nam Cộng-Hòa. Sự khan hiếm nhân, vật lực khiến một số người

(1) Bộ CCĐĐ và PTNNM, tài liệu đã dẫn trang 20, chú thích của bảng số 9: « Số trâu nuôi năm 1969 so với 1968 giảm 12,5%. và bò giảm 32,6%. vì các năm gần đây, nhịp độ cơ giới hóa tăng mạnh ».

(2) Xin xem bảng 14. Số trâu, bò ở Kiến-Hòa.

(3) BỘ CCĐĐ và PTNNM, tài liệu đã dẫn, trang 20, chú thích của bảng số 5: « Lý do thiếu đồng cỏ và cơ giới hóa nông nghiệp làm giảm sút số nông súc chăn nuôi ».

(4) Xin xem bảng 15 — Giá bò đứng tại lò thịt tỉnh Kiến-Hòa...

(5) Giá một cặp bò tốt trên 100.000đ. Giá một máy cày Kubota hai bánh, cỡ nhỏ trên chút đỉnh (thời giá năm 1971).

Library HoangSa.Org

có vốn thực hiện một lối kinh doanh mới : mua máy cày để cho mướn hoặc làm mướn. Máy cày tay chậm chạp, nhưng cũng nhanh hơn trâu, bò gấp 6, 7 lần nên người có máy có thể thu lại được vốn sau một vụ mùa.

Máy cày lớn chỉ hoạt động ở khu vực nước mặn Ba-Tri mỗi năm trong 6 tháng, chỉ sau một mùa lúa là thu lại đủ vốn vì năng suất của máy rất cao (một ngày cày được vài chục mẫu ruộng, một giờ « đạp » hết các bó lúa gặt được trên một mẫu ruộng). Máy lại còn thay thế bò về phương diện chuyên chở : kéo khoẻ hơn, nhiều hơn, nhanh hơn, không cần nghỉ ngơi như bò. Ngoài thời gian làm lúa, cày ruộng máy là phương tiện chuyên chở nhanh chóng.

Các người chuyên cày, bừa mướn và đập hay đạp lúa mất dần công ăn việc làm trước sự lan tràn của máy móc. Sự kiện này mới chớm bộc phát ở vài nơi trong khu vực Ba-Tri. Nếu đà phát triển của máy móc gia tăng mạnh, sự sử dụng nhân lực có ảnh hưởng không nhỏ.

4. Những tổ hợp máy cày thành hình với sự trợ giúp của Cơ-quan Bình-Định và Phát triển cũng góp phần vào sự phổ biến máy cày. Gần gũi với chiếc máy, thấy được những điều lợi của máy, nông gia chịu bỏ tiền ra mua.

5. Dùng máy còn nhiều điều lợi khác :

— Tuy trâu, bò thỉnh thoảng sinh lợi cho nông gia do sự sinh sản của chúng, sự chăm sóc là một tốn kém đáng kể : 100$ mỗi ngày (1) mướn một trẻ để chăn, trung bình 18.000$ một năm. Giá một máy cày cao hơn cặp trâu chừng 15.000 - 20.000$, tốn xăng nhớt, tiền bảo trì, nhưng lại đỡ được tiền mướn người chăn.

— Máy cày nhỏ giảm bớt sự cực nhọc của nông dân (giảm trung bình 4 ngày phá đất hay 18 giờ làm việc). Điều này thuận lợi cho nông dân vùng lúa cấy nhiều mùa.

— Sự mau lẹ của máy thuận lợi cho việc phá đất mau chóng, do đó việc làm mùa sớm hơn. Máy không rõ rút ngắn rệt thời gian làm mùa, nhưng cũng giúp nông gia làm kịp vụ mùa khi nước mưa rơi đầy đủ.

NHỮNG ẢNH-HƯỞNG CỦA CUỘC BIẾN ĐỔI KỸ-THUẬT

Đi tiên phong trong cuộc biến đổi kỹ thuật, máy đuôi tôm làm nhẹ bớt sức người trong các công tác nông nghiệp. Sự sử dụng phân bón gây nên sự gia tăng năng suất và lệ thuộc tiền tệ, khu vực thành thị, và rộng hơn nữa, nước ngoài. Giống lúa mới thay đổi năng suất mạnh hơn nữa, tâm lý nông dân dao động : tác nhân gây nên

(1) Thời giá năm 1970.

Library HoangSa.Org

biến đổi ở nông thôn xuất phát từ khu vực bên ngoài nông thôn. Sau đó, máy cày xuất hiện, nông dân đã công nhận sự hữu hiệu của cơ giới trong các công tác đòi hỏi nhiều lao lực.

Máy móc đã xen vào các hoạt động của nông dân, nhưng chưa thể nói rằng nông nghiệp đã được kỹ nghệ hóa, vì phạm vi hoạt động của máy móc còn thu hẹp trong không gian như thời gian, sức người còn được sử dụng trong hầu hết các giai đoạn của công tác sản xuất.

Phân bón, giống lúa mới, nông cơ đã có tác dụng với nông dân, nhưng vẫn chưa gây nổi « Cuộc cách mạng lá mạ », « cuộc cách mạng xanh » như ở nhiều quốc gia khác, vì những biến chuyển và hiệu quả chưa mãnh liệt.

Về phương diện tinh thần, những yếu tố của cuộc biến đổi đã gây những tác dụng đáng kể :

1 — *Sự tự hào, tự cao, bảo thủ cố hữu* của nông dân dựa trên kinh nghiệm quá lâu năm, *đã bị đánh đổ* trước luồng xâm nhập kỹ thuật mới từ thành thị. Nông gia đành chấp nhận những quan niệm mới, chuyên viên nông nghiệp từ thành thị tới, mà trước kia họ vẫn coi thường, chê bai.

2 — *Sức mạnh của người và vật* đã bị hạ giá trước sức mạnh của cơ giới.

3 — Sau buổi đầu nghi kỵ, *những yếu tố kỹ thuật mới*, nông dân đã làm quen và tin tưởng ở chúng. Đây là chiều hướng thuận lợi cho việc cải tiến kỹ thuật canh tác nếu được xúc tiến và hướng dẫn.

Một cuộc biến đổi tâm lý như trên không xảy đến trong giai đoạn ngắn và không dễ dàng.

Tuy đã gây nên những tác dụng tốt, kỹ thuật mới chưa hoàn toàn hữu hiệu trong các hoạt động nông thôn ; vì :

1 — *Nông dân chưa hiểu biết về nhiều kỹ thuật mới* (thuốc sát trùng, sát khuẩn, cách diệt trừ cỏ dại...). Lý do : sự thất học còn đè nặng và giá mua còn quá cao.

2 — *Nông dân chưa thoả mãn hoàn toàn về kỹ thuật mới*, vì thiếu những cuộc thí nghiệm đầy đủ. Nông dân biết chắc chắn rằng phân hóa học cho năng suất cao, nhưng không biết loại phân nào, số lượng nào cho năng suất cao nhất.

3 — *Kỹ thuật thủy nông chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu nước cho ruộng lúa*. Đây là một trong những tác tố quyết định năng suất, sản lượng và tận dụng khả năng của đất đai. (1) Kỹ thuật thủy nông phải tiến hành cùng với những kỹ thuật khác thì hiệu suất mới cao.

(1) Theo cơ quan Lương Nông Quốc Tế, hệ thống thủy nông có tác dụng làm gia tăng thì vụ, tang năng suất, và tang giá trị nông sản (F.A.O., →

Library HoangSa.Org

4 — Lúa Thần Nông có năng suất cao, nhưng phẩm chất còn kém.

5 — Kỹ thuật chưa thay thế được sức người trong nhiều công tác nông thôn, nhất là các công việc nặng nhọc, đòi hỏi nhiều lao lực như cấy, làm cỏ, gặt, đập... Kỹ thuật mới được sử dụng trong khuôn khổ giới hạn.

6 — Nông cơ không được sử dụng toàn thời gian, một phí phạm không thể tránh được.

7 — Sự gia tăng số máy cày khiến cho một số người bị thất nghiệp. Đây là một tác dụng lớn lao đối với sự sử dụng nhân công, tuy hiện nay chỉ chớm bộc phát ở một vài nơi. Đây là một vấn đề quan trọng. Trong thành phần nhân công, phái nam thiếu, nhưng phái nữ rất đông đảo. Những người này sẽ mất một số việc làm, giảm lợi tức. Nếu tình trạng này gia tăng, khối người bị máy móc cạnh tranh rất đáng kể. Đây là điều thuận lợi cho sự kỹ nghệ hóa xứ sở, vì có sẵn một số nhân công đông đảo và sẵn sàng rời quê hương. Tuy nhiên, nếu số người này bộc phát mạnh, cùng với đà gia tăng dân số mau lẹ, (1) sẽ đặt các nhà lãnh đạo trước những trách nhiệm lớn lao.

Một cuộc cách mạng kinh tế không thể mở màn và kết thúc đột ngột như một cuộc cách mạng chính trị. Sự biến đổi chậm chạp về kỹ

→

« *Plan indicatif mondial provisoire pour le développement de l'agriculture* » Suisse, Imprimé par les Arti Grafiche Gia/veladini et C., Lugano, trang 49).

Theo một số chuyên viên lúa gạo Nhật Bản (WATABE, TADAYO et KAWAGUCHI, KEIZABURO, « *Increasing the rice yield in South and South East Asia* », *Asian Servey*, Volume VIII, number 10 (October 1968), trang 824) thì « ... Sự tân tiến hóa ngành canh tác lúa gạo chỉ được khởi đầu bằng sự cải thiện những phương tiện thủy nông. Không cải thiện được thủy chế thì không thể đạt được một thăng tiến đáng kể nào về sự sản xuất lúa gạo trong vùng. Như thế, việc giải quyết vấn đề nước quan trọng nhất, khẩn thiết nhất. Việc này tùy thuộc vào thiên nhiên, nhưng cũng tùy thuộc vào ý chí con người.

Nguyên văn :

« ... The modernization of paddy cultivation can Start only with the improvement of irrigation facilities. Without improving water control, it is absolutely impossible to achieve a marked increase in the area 's rice production. Thus, the solution of the water problem is most urgent and serious, and it depends only on nature's mercy but on the human will as well ».

(1) Theo Bộ Y-tế, dân số Việt-Nam Cộng-Hòa tăng 21‰ mỗi năm. Theo giáo sư LÂM THANH LIÊM, trung suất nhân khẩu của VNCH là 22‰. (Ô. và Bà LÂM THANH LIÊM, « *Lược khảo dân số* », in lần thứ hai Saigon, Lửa Thiêng, 1972, trang 344).

Library HoangSa.Org

thuật sản xuất lúa gạo ở Kiến-Hòa vẫn chưa đạt được mức độ một cuộc cách mạng. (1) Sự biến đổi ấy tạo nên những tác dụng tâm lý thuận lợi cho sự tiến tới một cuộc tiến triển sâu rộng về kỹ thuật canh tác, một cuộc cách mang kỹ thuật nông nghiệp. Con đường đi tới cuộc cách mạng xanh, một sự kiện tất nhiên phải có để giải quyết nạn nghèo đói và nhu cầu thực phẩm của toàn tỉnh cũng như toàn thể Việt-Nam Cộng Hòa, còn xa vời vì còn gặp nhiều trở ngại :

1— Trở ngại lớn lao nhất là sự lệ thuộc vào *nguồn cung cấp từ ngoại quốc*. Phân bón, săng, máy cày, máy đuôi tôm đều nhập cảng. Trong tình trạng hiện tại, hối suất thay đổi liền liền khiến giá các vật dụng trên gia tăng, là điều bất hạnh cho nông dân. Giá một bao phân ba màu (50kg) ở khu vực nước ngọt (Hàm-Long — Trúc-Giang) như sau :

Thời gian	*Giá phân*
Năm 1969	400-450$
Năm 1971	900-950$
Tháng 1/1973	2.700-2.900$
Tháng 8/1973	3.800-4.000$
Tháng 4/1974	9.400-9.600$
Tháng 5/1974	12.000-13.000$

Giá phân trên thị trường quốc tế thay đổi luôn. Khi giá phân lên cao, nông dân bị thiệt thòi. Tình trạng hiện tại của thị trường này không lấy gì làm sáng sủa.

Trước kia, phân bón nhập cảng vào Việt-Nam Cộng-Hòa được cơ quan viện trợ yểm trợ. Hiện nay, quốc gia phải nhập cảng phân với

(1) Cuộc cách mạng kỹ thuật sản xuất lúa gạo phải được thực hiện dưới những khía cạnh sau đây :

1. Hoàn bị một hệ thống thủy nông tân tiến để ngăn nước mặn, giảm độ chua, dẫn nước đầy đủ vào ruộng. Nhờ đó khả năng đất đai được tận dụng, năng suất gia tăng.

2. Cải thiện nông cụ để tăng hiệu năng của nông cụ, giảm lao lực. Sự cải thiện này càng khẩn thiết khi đã đạt được mức độ thâm canh.

3. Cải thiện giống lúa để tăng năng suất lúa cũng như phẩm chất lúa.

4. Áp dụng khoa học vào nông nghiệp :

— Nghiên cứu lượng phân thích hợp để tăng khả năng của đất đai.

— Diệt trừ côn trùng, cỏ dại, bệnh của lúa.

5. Cải thiện phương tiện dự trữ lúa để khỏi hư hao.

6. Cải thiện hệ thống mua bán lúa gạo để gia tăng lợi tức của nông dân, điều kiện thuận lợi cho sự cải tiến kỹ thuật và nâng cao mức sống.

7. Mở mang dân trí, phổ biến những kiến thức nông học mới mẻ cho nông dân.

Library HoangSa.Org

ngoại tệ sở hữu. Tình hình xuất cảng hiện nay thật thấp kém, nên ngoại tệ thật ít oi. Do đó vấn đề nhập cảng phân sẽ không dồi dào như trước kia. Kế hoạnh thiết lập một nhà máy sản xuất phân mới chỉ nghe nói, chứ chưa được thực hiện. Khi nhà máy sản xuất phân bón được thành lập, giá phân chỉ giảm chút ít, chứ không xuống thật thấp, vì nguyên liệu vẫn còn phải nhập cảng. Tình trạng này giống sự sản xuất đường ở Việt-Nam : nguyên liệu phải nhập cảng, giá cả vẫn cao.

Ngoài ra, trong nước còn có những tổ chức lớn đầu cơ, tích trữ phân, làm giá cao, nông dân phải gánh chịu.

2 — *Nạn khủng hoảng nhiên liệu* khiến giá săng nhớt gia tăng nhiều lần, nông dân lại phải do dự : có nên tiếp tục dùng máy móc hay không ?

Khơi mào một cuộc cách mạng chính trị hay kinh tế đều gian nan và đòi hỏi nhiều nỗ lực. Đà tiến đã có trớn, mà lại bị cản lại là một điều đáng tiếc. Trở lại mức khởi hành lại còn đáng buồn hơn. Trớn đầu đã vuột qua mất, trớn sau bắt lại không phải là dễ.

TRẦN THẾ ĐỨC

THƯ - MỤC

I.— SÁCH, BÁO, TÀI-LIỆU XUẤT-BẢN.

1) TRẦN THẾ ĐỨC, « *các loại canh tác chính ở tỉnh Kiến-Hòa* », Tiểu luận cao học, Saigon, Đại-Học Văn Khoa, 1973, 367 trang.

2) F.A.O. « *Plan indicatif mondial provisoire pour le développement de l'agriculture* », Volume 1, Suisse, Les Arti Grafiche Gia/veladini et C., Lugano, 1970, 365 trang.

3) GILLULY, J. et WATERS, A.C. et WOODFORD, A.O., « *Principles of Geology* », 2nd Edition, San Francisco et London, W.H., Freeman and Company, 1959, 543 trang.

4) Ô. và Bà LÂM THANH LIÊM, « *Lược khảo dân số* », In lần thứ hai, Saigon, Lửa Thiêng, 394 trang.

5) MORANGE, P., « *L'Amélioration du riz de Cochinchine* », *Bulletin Economique*, No22, Nouvelle Série, 6è annéé (Octobre 1903), Hanoi, Imprimerie Typo — Lithographique F.H. Schneider, trang 665-682.

6) NGUYỄN DUY OANH, « *Tỉnh Bến Tre trong lịch sử Việt-Nam (từ năm 1757 đến 1945)* », Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971, 456 trang.

7) SOCIÉTÉ DES ETUDES INDOCHINOISES, « *Monographie de la province de Bentre* », 7è Fascicule, Saigon, S.E.I., 1903, 63 trang.

8) BÙI HỮU TRÍ, « *Triển Vọng dùng phân hóa học ở Việt-Nam so sánh với các nước vùng Đông Nam Á* », Saigon, Nha Khảo-Cứu (BCCĐĐ và CN), 1964, 46 trang.

Library HoangSa.Org

9) VIỆN QUỐC-GIA THỐNG-KÊ, « *Tình hình tiến triển kinh tế Việt-Nam* », Saigon, VQGTK, nhiều năm.

10) WATABE, TADAYO et KAWAGUCHI, KEIZABURO, « *Increasing the rice yield in South and South East Asia* », *Asian Survey*, Volume VIII, Number 10 (October 1968), trang 820-828.

II.— TÀI LIỆU THỐNG KÊ

1) DIRECTION DES AFFAIRES ECONOMIQUES (sau chuyển thành SERVICE DE LA STATISTIQUE GÉNÉRALE DE L'INDO-CHINE, rồi thành AFFAIRES ECONOMIQUES), « *Annuarie Statistique de l'Indochine* », từ 1913 đến 1948.

2) SỞ THỐNG-KÊ và KINH-TẾ NÔNG-NGHIỆP (BCCĐĐ và PTNNN), « *Niên Giám Thống-Kê Nông Nghiệp* », (từ 1959 đến 1971), Saigon, Sở Thống-Kê...

3) SỞ THỐNG-KÊ và KINH-TẾ NÔNG NGHIỆP (BCCĐĐ và PTNNN), « *Ước lượng mùa lúa 1971-1972* », Saigon, Sở Thống-Kê..., tháng 4/1972, 3 trang.

4) VIỆN QUỐC-GIA THỐNG-KÊ, « *Niên Giám Thống-Kê Việt-Nam* », (từ 1950 đến 1971), Saigon, V.Q.G.T.K.

III.— TÀI-LIỆU KHÔNG XUẤT-BẢN

1) BỘ CẢI-CÁCH ĐIỀN-ĐỊA và PHÁT-TRIỂN NÔNG NGƯ NGHIỆP, « *Kế-hoạch phát triển tỉnh Kiến-Hòa 1971-1972* », Saigon, BCCĐĐ và PTNNN, 1971, 67 trang.

2) NGUYỄN QUANG CHUYÊN, « *Nước mặn và trồng lúa tại Nam-Phần* », Saigon, Sở Điều Thủy (Nha Thủy Nông và Công-Tác Nông-Thôn, Bộ Công Chánh), 1969, 35 trang, 4 bản đồ.

3) P.A.E., Inc., « *KienHoa Project* », April 1970, 24 trang.

4) P.A.E., Inc., « *Master Plan of KienHoa Water Control for Agricultural Purpose* », 1970, 165 trang, 33 bản đồ.

5) TÒA HÀNH-CHÁNH KIẾN-HÒA, tài liệu không đề tên.

6) TY NÔNG NGHIỆP KIẾN-HÒA, Diện tích các loại hoa màu.

7) TY NÔNG VỤ KIẾN-HÒA, « *Khóa hội thảo các trưởng ty nông vụ 1962* », *59 trang.*

8) USAID — KIENHOA, « *KIENHOA PROVINCE* », 1969, 6 trang.

9) USAID — KIENHOA, « *KIENHOA Province Brifing Folder* » Revised, 31 Dec. 1971, 7 trang.

Library HoangSa.Org

Biểu đồ 01

Sự liên hệ giữa năng suất lúa và độ dẫn thủy

(trung bình năm mùa 1959/60 — 1965/66)

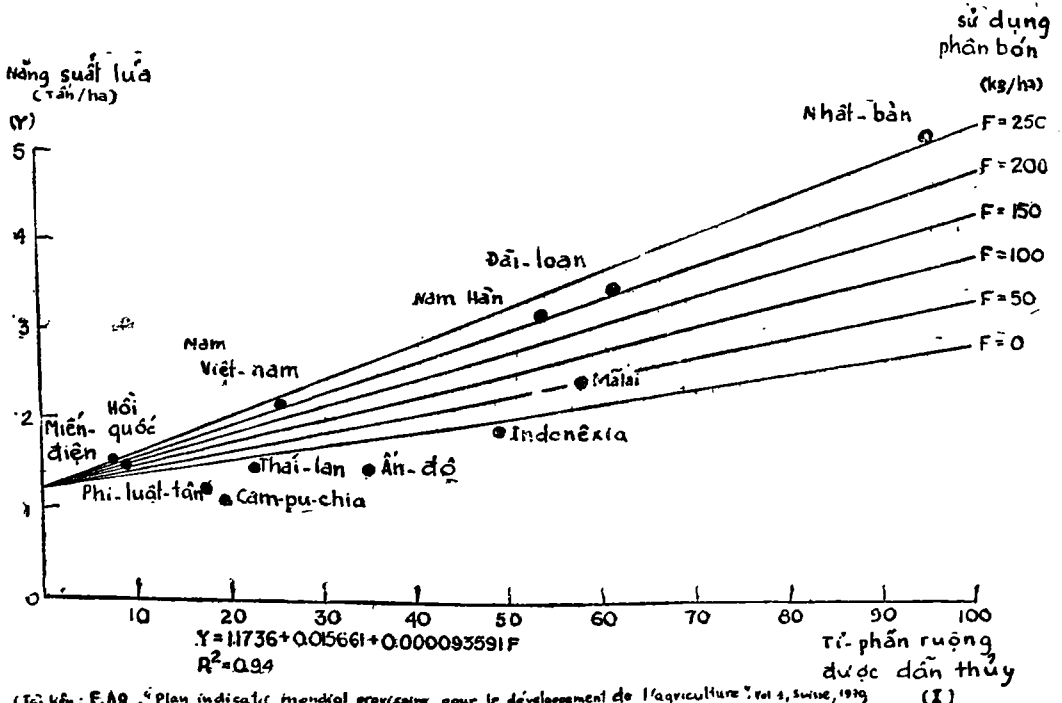

(Tài liệu: F.A.O, "Plan indicatif mondial provisoire pour le développement de l'agriculture", Vol 1, Suisse, 1970, trang 91)

Library HoangSa.Org

BIỂU

DIỄU-ĐỒ VŨ NHIỆT và

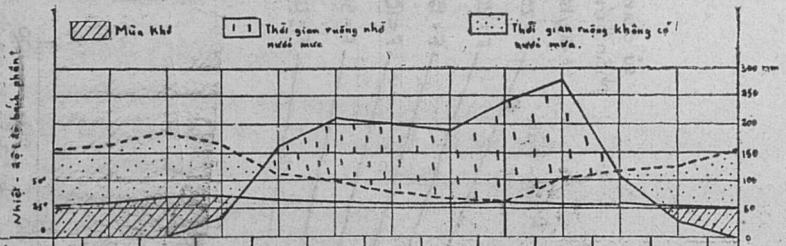

Mùa lúa	Số thứ tự	Loại lúa	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1
					T		H		Á		N		G		
2 MÙA	1	S_S					G_1	C_1		g_2	G_2	C_2		g_2	
	2	S_S					G_1	C_1			g_1	G_2		g_2	
	3	S_L	g_2				G_1	C_1		g_1	G_2	C_2			
	4	L_S					G_1	C_1			g_1	G_2	C_2		g_2
	5	L_S	g_2				G_1	C_1			g_1	G_2	C_2		
	6	S_M		g_2			G_1	C_1		g_1	G_2		C_2		
	7	S_M	g_2				G_1	C_1			g_1	G_2			
3 MÙA	8	3TN			g_3		G_1	C_1		g_1	G_2	C_2		g_2	G_3 C_3
	9	3TN		C_3			G_1	g_2 C_1		g_1	G_2	C_2		g_2	G_3
	10	3TN		g_3	G_3	C_3	G_1	C_1	g_3		g_1	G_2	C_2		
	11	S_2TN	G_3	C_3			g_3	G_1	C_1		g_1	G_2	C_2		g_2
1 MÙA	12	S_HMP		HMP					G_1	C_1				g_1	HMP
	13	L							G_1	C_1				g_1	
	14	L (cà-đung)							G_1	C_1			g_1		
	15	L (đốc-khen)							G_1	G_1				g_1	
	16	L (ô-tre)	g_1						G_1		C_1				
	17	M		g_1					G_1			C_1			
	18	M_2			g_1				G_1				C_1		
	19	HMP_L	g_1					HMP		G_1		C_1			
	20		g_1					G_1		C_1	C_1				

S Lúa sớm
L Lúa lỡ
M Lúa mùa
TN Thần nông
HMP Hoa màu phụ

G_1 Gieo mùa 1
G_2 Gieo mùa 2
C_1 Cấy mùa 1
g_1 Gặt mùa 1
M_2 mùa 2

C_1 Cấy lần thứ nhất
C_1 Cấy lần thứ nhì
Thời gian làm mùa

Library
HoangSa.Org

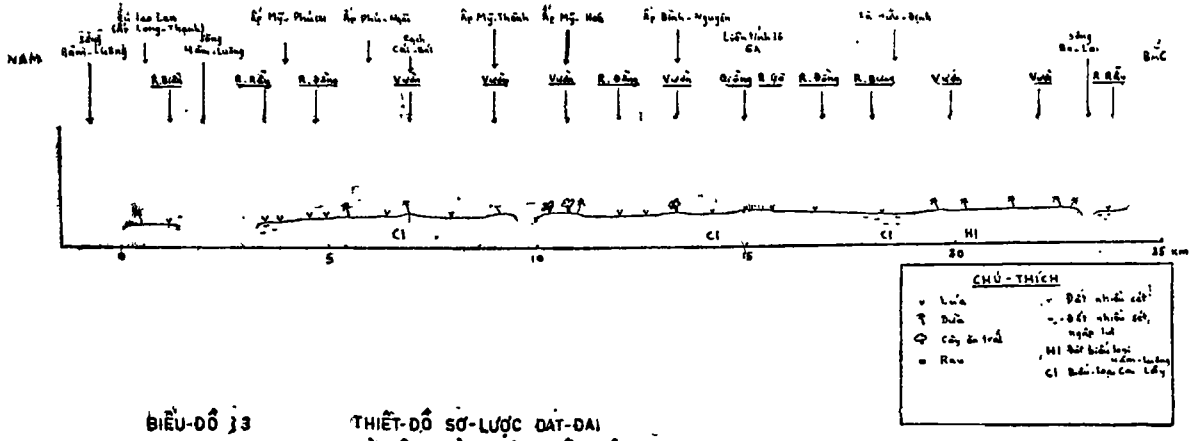

BIỂU-ĐỒ 13 THIẾT-ĐỒ SƠ-LƯỢC ĐẤT-ĐAI
TỪ SÔNG HÀM-LUÔNG ĐẾN SÔNG BA-LAI

Library
HoangSa.Org

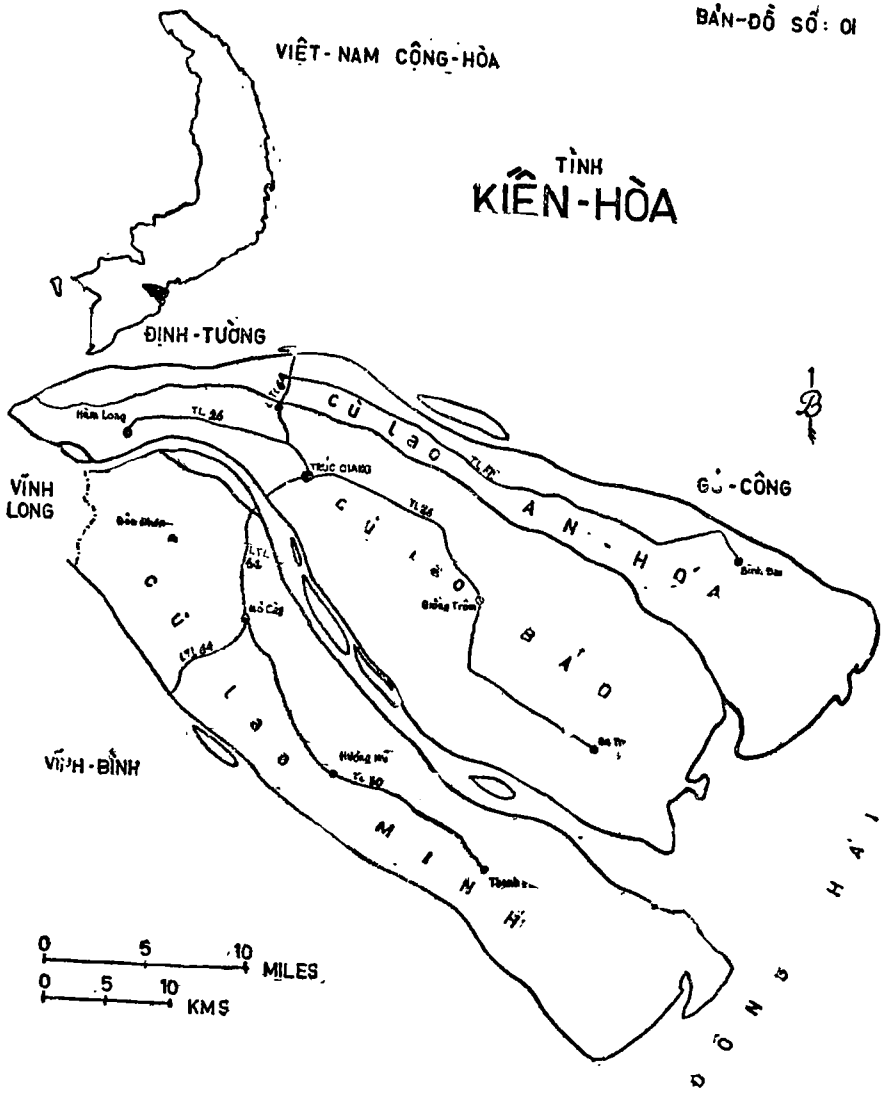

Library
HoangSa.Org

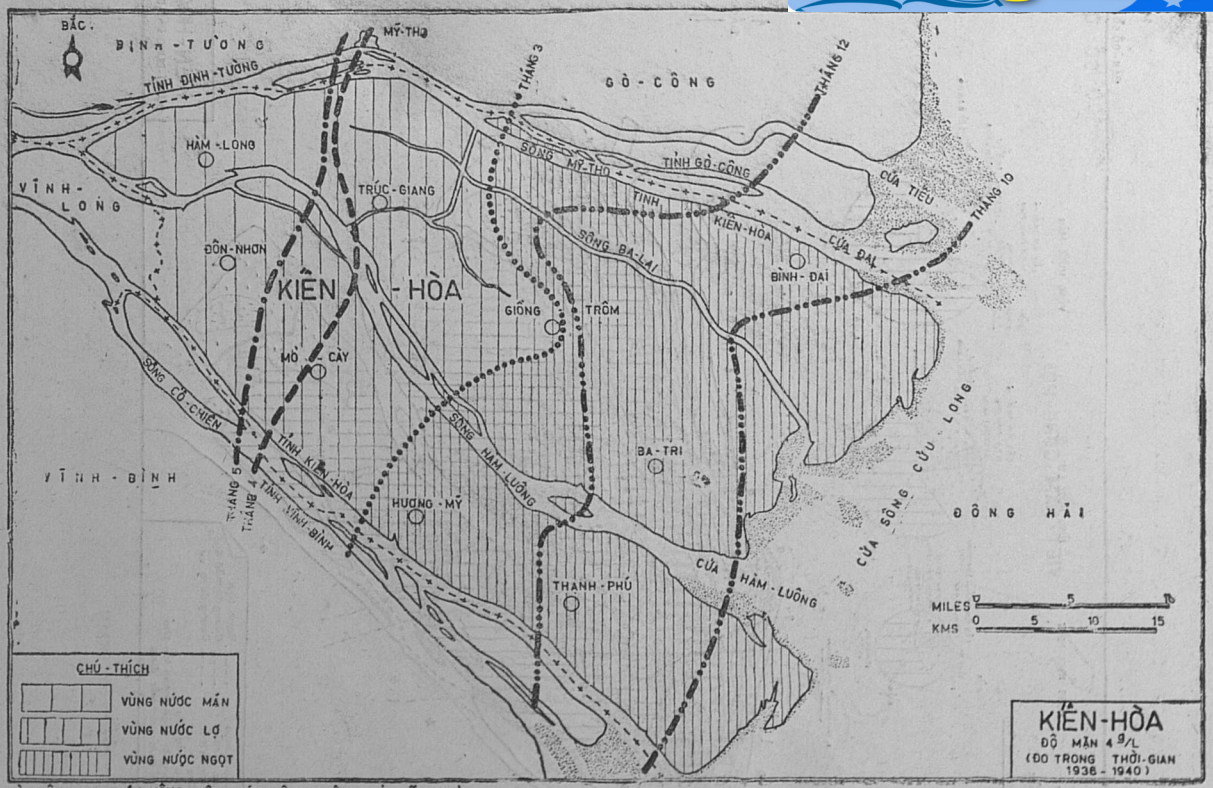

TÀI-LIỆU: NHA THỦY-NÔNG & CÔNG-TÁC NÔNG-THÔN _ SỞ ĐIỀU-THỦY

Library
HoangSa.Org

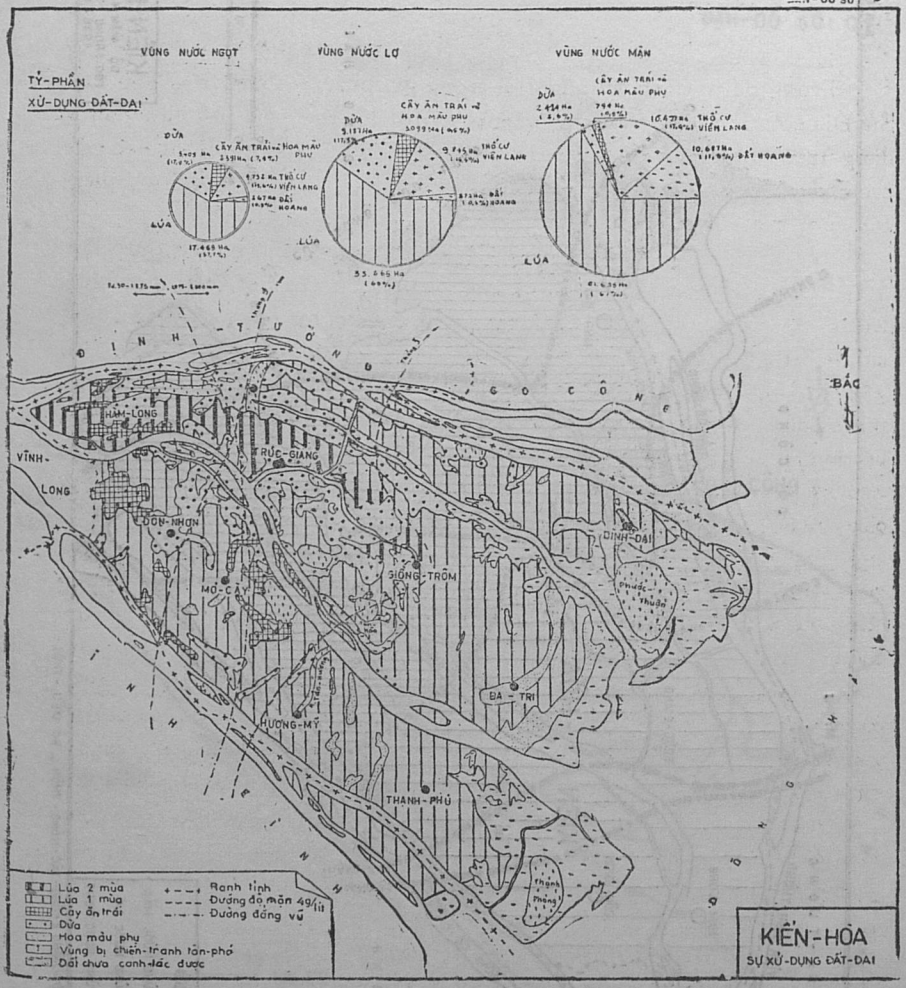

Library HoangSa.Org

CÁC TIẾT-MỤC CẦN-THIẾT CHO VIỆC TẠO-DỰNG MỘT CUỐN GIA-PHẢ MỚI

★ DÃ LAN NGUYỄN-ĐỨC-DỤ

Trong bài « Cách tính ngôi vị trong gia phả... » đăng trên Tập san Sử Địa số 26 (Tháng 01/1974) và bài « Một lối chép gia phả đơn giản » đăng trên Phương Đông số 22 (Tháng 4/1973), độc giả đã hiểu rõ cách đặt đúng ngôi vị của các ông Tổ ở trong gia phả và cách chép tên tuổi theo hệ thống ngang, hệ thống dọc...

Trong bài này, chúng tôi xin đưa ra chút ý kiến về cách thức lập một cuốn gia phả mới, tiện dụng và thích hợp với hết thảy mọi nhà. Riêng về cách chép tộc hệ (bài đăng trong Phương Đông) tác giả mới chỉ đề cập sơ qua, nay xin được nói rõ thêm.

Trước khi tạo dựng một bộ gia phả mới hợp với ý muốn của mình đồng thời để cho cuốn phả mới có những nét riêng biệt của dòng họ thì người lập phả cũng cần tham khảo dồi dào các tài liệu cùng nghiên cứu kỹ lưỡng những tiết mục ở trong các cuốn phả cũ và mới thì mới nắm vững được khâu mối chính của vấn đề.

Trong những cuốn gia phả mới xuất hiện gần đây của các họ Dương-đình, Bùi-Viện, Trần-đức v.v... tuy nội dung có đôi chút mới lạ song nhìn chung thì vẫn còn thấy thiếu nhiều tiết mục cần phải được bổ túc thêm.

Những tiết mục mà chúng tôi mang thảo luận dưới đây là do chúng tôi tham khảo và rút tỉa ở trong hai tập gia phả của họ Nguyễn-đức rồi nghiên cứu thêm bớt mà sắp đặt làm thành nội dung của cuốn gia phả mới. Mỗi tiết mục đều có một hai bài văn mẫu trích ở trong các gia phả cũ và mới của nhiều dòng họ. Nội dung đó chắc còn khiếm khuyết nhiều, song với thời gian và kinh nghiệm của các nhà soạn phả và của các dòng họ, cuốn gia phả mới chắc chắn sẽ lần lần được bồi bổ thêm với nhiều tiết mục mới lạ khác nữa.

Sau đây, để giúp các phả giả tương lai phân biệt dễ dàng được phần nào là phần chính, phần nào là phần phụ, để khỏi nhầm lẫn trong lúc soạn phả và nhất là để cho các phả giả ấy tránh được nỗi khó khăn lúng túng buổi đầu, chúng tôi tạm chia nội dung trong cuốn gia phả mới ra làm ba phần :

— Phần Chính Phả,
— Phần Ngoại Phả,
— Phần Phụ Khảo.

Library HoangSa.Org

Phần Chính phả gồm các mục Phả ký, Tộc hệ và Kỷ sự (nếu có). Phần Ngoại phả gồm chung các tiết mục linh tinh chỉ có tính cách phụ dẫn cho phần trên nhiều hơn thì gồm có kỵ điền, giỗ tết, từ đường, phần mộ, lăng, lập, văn khấn v.v... Còn phần Phụ khảo là phần dành để nói riêng về nhân văn địa lý làng mạc cùng phong tục tập quán.

Riêng ở phần Chính Phả, hai mục Phả Ký và Tộc Hệ sẽ được chú trọng nhiều hơn, vì hai mục này là những mục then chốt và quan trọng nhất của cuốn gia phả nên được kèm nhiều bản văn mẫu hơn với những dẫn giải và chú thích thật cặn kẽ.

PHẦN CHÍNH PHẢ

Phần Chính phả gồm có các tiết mục sau đây :

— Phả Ký,

— Tộc Hệ,

— Kỷ Sự.

Những tiết mục này được coi như là thành phần quan trọng nhất của cuốn gia phả. Nhưng về mùa Kỷ sự thì có thể có hay không cũng được. Sở dĩ mục Phả ký và Tộc hệ được kể là phần Chính phả vì nó là những mục tối quan hệ và chiếm gần trọn nội dung một cuốn gia phả. Bất kỳ một cuốn phả cũ hay mới nào cũng không thể thiếu hai tiết mục này, nó luôn luôn đi song song với nhau như hình với bóng. Nó chính là « linh hồn » của cuốn gia phả vậy.

Mục Phả ký cho người ta biết khởi thủy dòng họ phát tích từ đâu, còn mục Tộc hệ thì bao gồm hết thảy danh tính của những người trong họ. Trong gia phả, có thể không cần đến mục Kỷ sự, nhưng không thể bỏ được một trong hai mục Phả ký và Tộc hệ. Thật ra thì mục Kỷ sự cũng không cần thiết lắm, ngoại trừ các nhà đại gia muốn chép sự việc riêng của một nhà hay một ngành, còn trong dân gian thì ngoài tên tuổi giỗ tết cũng không có gì là quan trọng nên mục này ít người để ý tới. Gia phả của họ Nguyễn-đức thấy chép làm hai quyển : một quyển nói chung cả họ, gồm có tên tuổi, sự việc, gọi là « Nguyễn-Tộc Phả-Ký » và một quyển nhan đề là « Trung-Thừa Thế-Gia » thì nói riêng về tiểu sử gia đình của một ông tổ ở trong ngành, trong đó đời ông bà cha mẹ con cháu được trần thuật tỉ mỉ hơn quyển tộc phả của họ.

Trong gia phả cũng còn một mục khác nữa tuy nó không quan trọng cho lắm song lại thường đứng ở ngay trên đầu cuốn gia phả, nghĩa là ở ngay trước phần Chính phả. Đó là đoạn văn « Dẫn-Nhập ». Vậy trước khi đề cập tới phần Chính phả, ta hãy lướt sơ qua mục này.

Mở đầu một cuốn gia phả thường có một đoạn văn dài, ngắn không chừng và tùy theo cảm tưởng của người chép phả đối với tổ tiên dòng

Library HoangSa.Org

họ. Đoạn văn đó gọi là đoạn « Dẫn-nhập », tức là lời mở đầu của cuốn phả, chẳng hạn như gia phả ngày xưa thì có bài « Lệ-ngôn », còn các cuốn phả ngày nay thì có « Lời tựa » (bài 1). « Lời nói đầu » (bài 2)... Bài 1.

« *Lời tựa.*

« Nhà có Gia-phả cũng như nước có Sử-ký, Sử-ký ghi chép lịch-« sử của một nước, Gia-phả ghi chép thế hệ Tổ-Tôn của một Họ, nếu « họ không có gia-phả thì con cháu ngày một xa cách, thân thuộc ngày « một mơ hồ, không do đâu mà tra cứu được, nên Gia-phả không những « cần phải có, mà cũng cần phải ghi chép rõ ràng và liên-tục, thì các « con cháu đời sau mới hiểu rõ được nguồn gốc cũng như sự liên hệ « trong thân tộc của mình.

« Họ Trần Đức ta, nguyên trước kia Tổ-Tiên ở Bắc-Phần, tỉnh « Nam Định huyện Vụ-bản, tổng Đồng-đội, xã Tiên-Hương, đời đời nối « dõi, cầu tiến bằng sự học vấn, dựng nghiệp bằng nghề canh nông, « người thường thông minh, nhà thường giầu có, kể thế là một Họ lớn « nhất nhì ở trong làng.

« Gia-phả của Họ, xưa kia đã từng có, kịp đến khoảng đời Vua Tự-« Đức Triều Nguyễn, phong hội biến thiên, nên Gia-phả bị thất lạc. « Cụ Hưng-Tổ Tĩnh-Hiên Tiên-Công ta, vốn tính thông minh nhớ kỹ, « dõi ghi được từ đời Cụ Tổ năm đời, tức là Cụ Thái-Thiệu Phúc Khang « Tôn-Thần, thế thứ, thụy hiệu, kỵ, mộ, rõ ràng, lập thành Gia-phả « cho Họ, về sau Cụ Hiển-Khảo Tây-Viên Tiên-Công ta lại soạn lại, « càng minh bạch hơn, lấy chữ ĐỨC làm chữ lót, vì vậy Họ Trần-« Đức có tên từ đó.

« Đến năm Giáp-Ngọ âm lịch (tức là năm 1954 d.l.) ta phải di cư « vào Nam-Phần, quyển Gia-phả do cụ Hiển-Khảo sửa ngày trước « (chỉ có 1 quyển) ta đem lại ở Nhà thờ Đại-Tôn, nguyên quán tại xã « Tiên-Hương, không mang theo đi được. Nay ta thường lưu ý đến công « đức của Tổ-Tiên, thế hệ lâu dài, sợ con cháu không thể noi đâu mà xét, « nên ta phải tĩnh tâm dõi nghĩ, biên chép thành tập, chính ngành ta từ « Cụ Thái-Thiệu đến nay, ta nhớ được Thụy hiệu, mồ mả và ngày kỵ « tường tận, nên chép đủ cả. Còn các ngành khác, chỉ nhớ được Thụy « hiệu mấy đời trên, rồi đến những đời nối tiếp không nhớ, nên đành « bỏ cách quãng, tới đời thứ năm hoặc thứ sáu mới lại nhớ, nên lại « chép tiếp để thành lập Gia-phả của Họ, khiến con cháu sau này đời « đời chép nối, Nhan đề là cuốn Gia-phả Họ Trần-Đức (Nam-Phần).

Thị-Nghè, ngày 15-2 Canh-Tý
(tức tháng 3-1960)
Trần-Nghi-Trung
(Gia-phả Họ Trần-đức — 1960 — Trang đầu).

Library HoangSa.Org

Bài 2.

« *Lời nói đầu.*

« Tôi cạn nghĩ

« Nhiều nhà nhóm thành họ, nhiều họ nhóm thành nước. Mà muốn « hiểu biết việc đời dĩ vãng, thì nước phải có quốc sử, họ phải có thế « phổ, nhà phải có gia phổ, đặng biên chép những việc cố vãng và kiêm « lại. Biên chép đặng biết mà chi ? Có hai lẽ :

« 1) nước cho biết loài dân mà ái quần ái chủng, họ và nhà cho « biết tông chi liên lạc mà thương yêu giòng họ, cũng như cây có nhánh « phải biết có gốc, nước có giòng chảy phải biết có nguồn. Một mai « mà rễ của gốc mục thì nhánh phải héo, nguồn ruỗi cạn thì giòng chảy « phải khô.

« 2) nước biết những lịch triều vương đế, họ biết những thế-hệ « tổ tiên, lớp trước làm bởi thế nào, mà ra đời phải thạnh suy, tồn « vong, bĩ thới. Biết mà chi ? Nước phải biết lớp trước để làm gương « đặng sửa sang chánh trị cho bền vững giang san, họ và nhà cho biết « lớp trước làm gương mà cư xử cho tấn hóa gia đình. Nếu người đáng « gương tốt thì chúng ta học đòi bắt chước, nếu người cho là gương « xấu thì ta giữ lòng chừa cải. Nếu không quốc sử, không thế phổ thì « sao ? Nếu nước không quốc sử thì lần lượt đến tuyệt chủng, nhà « không thế phổ thì thân thích phải chia lìa. Rồi ra, loài dân thì giết « lẫn nhau, thân thích thì kiện cáo nhau không biết nguồn biết gốc. Bởi « cớ, nhà phải có thế phổ, cho biết mà thương yêu nhau, giữ gìn nhau, « đời đời cho ra dòng hiếu tử, rồi hiệp lại thành nước thì ra giúp nước « mới có mặt trung thần, vậy có đáng lập gia phổ chăng ? Tôi xin trả « lời đáng lắm.

« Mà sự lập quốc sử hay là thế phổ là chỉ muốn trải trên mặt tờ « giấy những sự thiệt, mà làm một bức ảnh cho đời sau soi chung. Nên « chi dòng Thái sử gặp Vua hôn dầu chém giết cũng cứ cầm viết biên « ngay, như là việc Tùy Vương đế thí phụ tự lập, Kiệt, Trụ, U, Lệ, « gương xấu ; Võ, Thang, Văn, Võ, gương tốt, cũng phô lên.

« Nay tôi muốn học đòi, xin cáo lỗi cùng người trên kẻ dưới dầu « ai có hẹp lòng buộc lỗi thì tôi cam chịu tội.

« Tôi nghĩ một cái thần ta có tứ chi mà không trọn, huống chi « họ ta cả trăm ngàn mà không người tốt kẻ xấu, nếu đồng nhau thì « tạo hóa bất công. Vì tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác, thiện « ác chi báo như ảnh tùy hình, cái bánh xe luân hồi phải vậy.

« Bởi từ ông Thỉ Tổ của chúng ta đến nay đã 6 đời, nên chi tôi « phải chia tông chi làm hai đoạn.

Library HoangSa.Org

« Từng thứ 1 từ Thỉ Tổ xuống ba đời làm căn bản, từng thứ 2 đời thứ 3 làm gốc sanh ra đời thứ 4, thứ 5 và thứ 6. Từng này chia « ra 9 cái tông chi cho dễ xem.

« Rồi lần lượt kể sự tích của mỗi đời, mỗi người, kể tới đời thứ « năm.

« Sự lập tông chi tới năm đời phải dứt ra một đoạn. Tôi lấy làm « ước ao đời sau mỗi chi (trong 9 chi này) cứ gốc ông Thỉ tổ « biên « đại khái theo nhánh của mình mà đi rọi xuống đời đời đừng cho dứt, thì lấy làm thỏa cái sở nguyện của tôi vô cùng.

Kính bái,
Nguyễn-Trinh-Tường
Đời thứ năm

(Trích « Lịch-Sử Gia-Đình » của họ Nguyễn-Trinh-Tường ở Long-Xuyên 1945. Các trang 2 và 3).

I. PHẢ KÝ

Phả ký là lời trần thuật tiểu sử của ông Thủy-Tổ (cũng thường gọi là Sơ tiên tổ hoặc Khởi tổ) đã có công gây dựng nên dòng họ. Trong bài phả ký thường thường là người ta nhấn mạnh đến công nghiệp công đức của ông Thủy tổ đối với làng nước họ mạc. Về tiểu sử thì người ta kể rõ tông tích lai lịch ông bà tổ trước kia ở đâu thiên cư đến đây, thiên cư từ năm nào hoặc từ đời nào (đời ông tổ thứ mấy...), ông bà tổ sinh được mấy ngành (con), là những ngành nào, với phần mộ giỗ tết v.v... Nói tóm lại phả ký thường là một bài văn thuật tóm tắt (bài 1) hoặc tỉ mỉ (bài 2) tông tích và công cuộc dựng nghiệp của ông tổ đầu tiên của một dòng họ.

Bài 1.

«... Ông Thủy tổ họ Bùi Trình-phố nguyên gốc ở huyện Giao-« thủy tỉnh Thanh-hóa đã cùng với người cháu ruột di cư ra Bắc từ « triều Lê, như thể theo Tộc thư của họ đối chiếu vào Việt sử thì « chỉ trong khoảng 3 đời Vua Lê : Thần-Tông, Huyền-Tông và Giụ-« Tông (1617-1627), trong lúc nước nhà ly loạn vua không quyền, « Trịnh, Nguyễn phân tranh (...). Nếu tính theo các Đời trong họ ta « ngược lên (năm 1965 này đã 11, 12 Đời, trung bình 30 năm 1 Đời) « cũng quanh quẩn trong những năm trên vậy. Ông Thủy tổ lập nghiệp « tại Thôn Trung, phát khởi ra họ Bùi ở đó. Còn người cháu sang « định cư bên Thôn Nhất (cùng làng) và là Tổ họ Bùi về giải bên ấy.

« Ông chú ở Thôn Trung kết-thân với họ Trần cùng Thôn sinh « được một trai là ông Tổ đời thứ 11. Họ ta với họ Trần cùng làng

Library HoangSa.Org

« làng từ hàng Tiên-tổ trở xuống, nhiều đời kết thân với nhau nên « các ngày Xuân, Thu tế tự, hai họ vẫn thường giao-hiếu.

« Ông Nhị Đại Tổ-khảo kế nghiệp của cha sinh sống về nông-« nghiệp trong làng và sinh-hạ được một trai tức là ông Tổ đời thứ « III.

« Ông Tam Đại Tổ-khảo khá Hán-văn đi dạy học (ông Đồ) và sinh « hạ được hai Ngành, tức là hàng các ông Tổ đời thứ IV...» (1).

(Trích Gia-Phả họ Bùi — Trang 1).

Bài 2.

« *Bài Phả Ký Thứ Hai.*

« Ôi nhà có Phả để chép sự tích Tổ-Tông. Xét họ nhà ta từ Cụ « Thủy-Tổ sinh ở Do-Nha, vốn theo dòng họ Nguyễn gia tư giàu có, « gia đạo trung hậu, đời đời nối đức chăm lo làm ăn, mưu cầu đại « đức, chỉ vì thời buổi nhố nhăng, quốc gia đa sự, trước thì Trịnh-Nguyễn « tranh nhau, sau thì Tây-Sơn dấy loạn, nhân dân đói khát lầm than « kẻ lưu Đông hải người ngàn Tây lâm.

« Vào thời đó Tổ chúng ta ôm một mối bất bình những mong mưu « tính vì nước xông pha, vì nhà gây dựng. Nhưng than ôi chí chẳng « thành công chẳng toại !

« Tự biết mình lòng dài tài ngắn, thôi thì yên phận qua buổi loạn « ly, chẳng vẹn đường « Trung » thì giẳng lấy « Hiếu », hai ông bà bèn « tính cùng nhau tìm nơi lấn gót.

« Lúc đó thấy gần làng mình chỉ còn có xã Lạt-Sơn núi non « tốt đẹp, đồng ruộng phì nhiêu dù rằng nước đục hang cùng có thể « đem thân mình gửi nơi non cao đồng ruộng, đem sức mình vào chốn « ao bùn, quản gì cay đắng, xá kể gian nan.

« Không bao lâu đã nổi lên một cơ nghiệp năm, sáu mẫu hương « điền cùng với con cái trong nhà năm sáu người cùng lòng góp sức « gây thành nền nếp, tha hương lâu mãi cũng ra quê nhà, bao năm khó « nhọc gây dựng gia thanh, cơn đen đỏi ra vận tốt, bĩ cực biến thành « thái lai, giang sơn một ngày một đẹp, phong cảnh một ngày một « tươi.

« Cái thành danh của Cụ không kém gì họ Đậu xưa kia, con cháu « đều nên hiền thảo, quy củ thực bằng ông Trương thuở trước cùng « đau cùng khổ, cùng vui chỉ một lòng dốc tâm dốc chí dạy dỗ con cháu

(1) — Bài này thấy chép cùng với hai ông Tổ nữa thuộc đời thứ I thứ II (khuyết danh) ở bên trên và được họ Bùi sắp chung vào loại « Tiểu-Sử » các ông Tổ, nhưng xét ra thì đây chính là một bài « Phả-Ký » lược thuật sự tích ông Tổ đầu tiên của dòng họ Bùi-Viện.

Library HoangSa.Org

« tu thân lập đức, chăm chỉ làm ăn, một phần lo thực tế một phần lo « tinh thần khiến cho đời nối tiếp, dòng dõi tốt tươi, cùng với trời « đất cùng còn, đó thực là cái công của Cụ Tổ ta gây dựng, chẳng « phải là nhỏ vậy.

« Lại xét từ Tổ đến nay ngày tháng dần qua thay đổi tiếp tục « việc gì cũng chép phả ký cả.

« Phả là châm ngôn đời nọ truyền đời kia, là lời dạy dỗ quý báu « sáng suốt lâu dài.

« Vậy nối chí của Tổ, chúng tôi biên chép đến đây là hết, hay dở « thế nào mong con cháu sau này nối chí ấy mà làm sáng sủa thêm « ra. Vì rằng cây còn có Gốc, nước còn có Nguồn, người phải có Tổ, « mong làm sao cái Đức của họ ta như cây tùng cây bách cùng với trời « đất cùng thọ, chớ để cho qua xuôi nước chảy, một ngày một xao lãng, « quên mất gốc nguồn, đó là bổn phận chúng tôi chỉ biết khuyên con « cháu.

« Ngày 28 tháng Giêng năm Quý Dậu, (1932)
« Dương-Đình-Nhẫn soạn.

(Dương-Tộc Thế-Phả — 1968 — Trang 5)

Đôi khi phả ký lại chỉ thuật riêng tiểu sử một Ông Tổ Đầu Ngành, tức là ông tổ của một tiểu chi nào đó ở trong họ, với những công trạng, văn nghiệp hoặc võ nghiệp (nếu có) :

« Ông Tổ tám đời họ Nguyễn tên chữ là Tú hiệu Hy-Chân thụy « Trang-Khải là trưởng-nam ông Thất đại tổ Nguyễn-Đức-Khang và « là cháu đích-tôn Cụ Cao-Tổ Duy Hoằng. Cụ Cao-Tổ là con thứ ba « ông Tôn-Thuật thuộc ngành thứ chi Đinh. Cụ Nguyễn-Đức-Tú được « phong tặng Thị-Lang làm đến chức Tuần-Phủ Hải-Phòng, thọ tám « mươi hai tuổi, giỗ ngày mùng mười tháng chín âm lịch.

« Bà Tổ tòng tứ phẩm cung nhân họ Bùi húy An, thọ ngoài chín « mươi tuổi, giỗ ngày mười chín tháng sáu âm-lịch.

« Cụ Tuần-Phủ Nguyễn-Đức-Tú sinh-hạ được 8 trai là Đức-Nột, « Đức-Đản, Đức-Soạn, Đức-Đàm, Đức-Cường, Như-Sơn, Văn-Cù, « Bằng-Đoàn, và 6 gái là Thị-Đoan, Thị-Cúc, Thị-Bách, Thị-Vĩnh, Thị-« Yến, Thị-Nhị.

(Nguyễn-Tộc Thế-Phả — 1961 — Trang 138).

Bài phả ký cũng có lúc được chép khá dài, chẳng hạn như bài « Nguyễn-Tộc Phả-Ký » của họ Nguyễn (ngót 70 trang). Nhưng cũng có khi lại không hẳn là thế phả ký, cũng không hẳn là thế kỷ sự (xin coi ở dưới), cũng không giống hẳn lối chép tộc hệ (tức là chép

Library HoangSa.Org

toàn tên tuổi họ hàng con cháu...) tóm lại là một bài văn sách gồm cả các thể phả ký, kỷ sự và tộc hệ lẫn lộn với nhau, trong đó vừa trần thuật tiểu sử, công nghiệp của ông Thủy tổ hoặc ông tổ đầu ngành, vừa kể luôn cả con cháu ra một lượt với những đoạn tiểu sử tiểu ký ngắn như lối chép phả của họ Trịnh-Kiểm ở dưới đây :

« *Đời Thứ Mười : Tiên-Thánh Nghị-Tổ Ân-Vương.*

« Vương húy Doanh, con thứ tư của Nhân-Vương, em ruột Thuận-« Vương, sinh ngày mùng 5 tháng 11 năm canh tý, niên hiệu Giản-« tôn Long-đức thứ 2 ( ). Trước kia Tiên-vương được phong Quận-« công. Năm Kỷ vị, Vương 21 tuổi, lên nhiếp-chính, trù-định việc « quân-sự và những việc quan trọng trong nước. Năm canh thân, Thuận-« Vương tức giận, Vương sai các tướng suy-tôn, nối-nghiệp làm Vua, « tấn-phong Đại Nguyên-Súy Tổng Quốc Chính Thượng Sư Thượng « Phụ Anh Đoạn Văn Trị Võ Công Minh Vương. Vương phò Lê-Hiển-« Tông Vĩnh-Hoàng-Đế, phía Nam dẹp giặc Ngân-già, phía tây lần « lượt đánh yên 50 toán giặc lớn, phá Chiêm Chất, tảo-trừ họa loạn, « tự mình đem lại thái-bình. Vương mất ngày mùng 8 tháng giêng năm « Đinh hợi, niên hiệu Cảnh-hưng thứ 28 ( ), thọ 48 tuổi, tôn-phong « Thần Mưu Duệ Toán Thanh Đức Phóng Huân Hồng Từ Đạt Hiếu « Hoàng Mô Đại Liệt Siển Hiến Cơ Tích Định Võ Khai Bình Địch « Văn Phu Huấn Viễn Mô Hậu Trạch Ân-Vương, miếu-hiệu Nghị-« Tổ. Trước Tiên-lăng ở xã Trịnh-điện, huyện An-định. Năm quí-mão, « Đoan Nam Vương dời đến xã Kim-thành (còn gọi là Kim-vực).

« Thái-phi tôn-phong Long Đức Chí Công Ý Phạm Gia Mô Tự « Huy Dục Triết Đốc Khánh Tuyên Hòa Bảo Dực Cơ Phúc Hoằng « Di Mưu Miên Tự Đại Tông Quốc Thánh Mẫu Nguyễn quí thị, thụy « Từ-Trạch, tôn húy Ngọc-Diêm. Bà sinh ngày 21 tháng 2 năm canh « tý, người xã Cần-đường, huyện Thanh-trì, con gái Triệu-Khánh-« Công. Bà sinh Trịnh-Vương, phò lập Đoan Nam Vương. Bà mất « ngày 28 tháng 7 năm giáp thìn, thọ 65 tuổi, lăng ở xã Đa-bút, huyện « Vĩnh-lộc. (Tẩm-miếu ở dưới Mộ-sơn. Bên mé trái phía trước miếu « bị Tây-sơn phá để làm Dương-xá phiến-vọng-đường. Nay chỉ còn « lại những tượng bằng đá).

« Chính-phi tôn-phong Trang Từ Thục Hạnh Khiêm Nhu Cung « Ý Bảo Dục Sùng Đức Địch Triết Hoằng Hưu Nguyễn quí thị, tôn « húy Ngọc-Vinh. Bà sinh ngày mùng 3 tháng giêng, người xã Thạnh-« mỹ huyện Lôi-dương, con của Luân-Trung-Công Nguyễn-Luân. Bà « mất ngày 11 tháng 12 năm qui vị, niên-hiệu Cảnh-hưng thứ 24 ( ).

Library HoangSa.Org

« Trước chôn Bà ở xã Trịnh-điện, sau đời đến xã Kim-thành. Trước « sau lăng bà cùng ở một chỗ với lăng Ân-Vương.

« Ân-Vương sinh 3 trai 4 gái : Mẫn-Tuệ-Công, Thánh-Tổ Thịnh-« Vương (Trịnh-Sâm), Thụy-Quận-Công, Công-chúa Ngọc-Gia (còn gọi « là Ngọc-Lan), Quận-chúa Ngọc-Liễm, Ngọc-Kính, Ngọc-Diễm.

« Mẫn-Tuệ-Công húy Nhuận (còn gọi là SĨ), con trưởng của « Ân-Vương và bà Chính-phi họ Nguyễn, anh của Thịnh-Vương. Ông « mất sớm, chôn ở phường Hồng-mai, huyện Thọ-xương, sau là « phúc-thần của phường này. Người trong phường tên là Chiêm-Trạc « phá nhà thờ và mộ, ông Giám-thủ Trịnh-Tư tố cáo. Chiêm-Trạc xin « làm lễ tạ và sửa lại như trước.

« Thái-Phó Thụy-Quận-Công, húy Lệ bị quân Tây-sơn làm hại. « Con trưởng là Trịnh-Lan, thuộc Quang-hưng-phủ đồng Tri-phủ thờ « phụng.

« Trưởng-Thượng Tiên-Hoa Công-Chúa, húy Ngọc-Lan (quốc-« sử viết là Nhuận), chính-phi họ Nguyễn sinh ra bà. Bà là vợ Hoàng « Thái-Tử Lê-Duy-Huy, hiệu Hoàng-Trừ. Bà mất sớm, hiệu Bà Chúa « Đò. Bấy giờ là ngày 23 tháng 7 niên-hiệu Cảnh-hưng thứ 21 ( ).

« Quận-Chúa húy Ngọc-Liễm, lấy Tham-Đốc Minh-Võ-Hầu Võ-« Đình-Minh.

« Quận-Chúa húy Ngọc-Kính, lấy Tạo-sĩ Điển-Quận-Công Hoàng-« Đình-Bửu (lại cải là Huy-Quận-Công). Sau ông này bị kiêu-binh hại.

« Quận-Chúa húy Ngọc-Diễm, lấy Tạo-sĩ Cung-Võ-Hầu Nguyễn-« Đình-Cung.

(Trích Thế-Gia Họ Trịnh trong bản thực lục của Sở-Cuồng LÊ-DƯ (1920 ? 1924 ?) — Dịch giả : Cô Thương-Lãng (Viện Khảo-Cổ Saigon).

Phả ký còn có khi không đề cập tới tông chi nguồn gốc mà chỉ bày tỏ cảm khái riêng tư của người viết đối với tổ tiên dòng họ như bài phả ký thứ tư của họ Dương mà chúng tôi trích một vài đoạn dưới đây làm dẫn chứng.

Trong bài phả ký ấy, thoạt tiên tác giả nhận xét về biến chuyển trong vũ trụ, tiếp theo là phần nhận định của tác giả về tam giáo (Đạo, Lão, Phật) rồi so sánh các đạo ấy với chủ thuyết của Karl Max để sau cùng kết luận khuyên con cháu trong họ nên dung hòa cái cũ và mới mà duy trì cái « Đức » cái « Thiện » của tổ tiên, chẳng hạn với những đoạn như :

« ... Theo quan niệm Duy-Tâm thì vũ trụ là một trường ba động « của tiềm thức : tiềm thức gây nhân, gây nghiệp, gây nên bao mối nhân

Library HoangSa.Org

« duyên, nhân quả ngang dọc dằng dịt quấn quýt hỗn độn rồi gây nên « giời đất, giời đất gây nên vạn vật, vạn vật chung đúc nên người... »

« Trái lại ông Khổng đứng ở lập trường « Có-Không hợp-nhất » « muốn ý thức được cả cái có-không của tâm-vật biến-ảo mà duy-nhất « tinh-thần cao siêu và thực-tiễn mong vạch cho người ta con đường « hòa-đồng cùng vũ-trụ mà biến-hóa sao cho hợp với điệu Thái-Hòa « gây nên Thế-giới Đại-Đồng... »

« ... Xét cùng chỉ còn một đường là theo di-huấn của Tổ-Tiên tìm « cái hay cái phải của người xưa đem lọc lõi đắp bồi theo hình thức « mới, có được vậy thì cuộc cách mạng của ta mới có quả hay là sự « kiến thiết... »

(Trích bài Phả-Ký Thứ Tư — Dương-Tộc Thế-Phả — 1968, các trang 8, 9 và 10).

II.— TỘC-HỆ

Tộc hệ là mục chép về tên tuổi. Trong các tiết mục của gia phả thì có mục tộc hệ tương đối đơn giản hơn cả, vì nó chỉ làm cái công việc chép tên tuổi các người trong họ. Đơn giản vì không phải văn chương gọt giũa như khi tả về một vài tiết mục khác (phả ký, kỷ sự, phong thổ làng mạc v.v...). Thế nhưng nó lại là phần chủ chốt trong cuốn gia phả, còn quan hệ hơn cả mục phả ký, kỷ sự, vì nó bao gồm hết thảy tên tuổi danh tính các người trong họ từ ông thủy tổ trở xuống cho đến hàng con cháu. Khi xem phần tộc hệ, người ta có thể biết rõ các đời, hiểu hết được giềng mối tông chi của một dòng họ cùng với sự liên hệ trên dưới, ngang dọc, xa gần giữa các ngành và con cháu của họ ấy.

Tuy mục tộc hệ không bị bó buộc bởi những tình tiết quá tỉ mỉ như những tiết mục khác, song không phải vì thế mà ta được tự do buông thả muốn chép sao thì chép, mà trái lại văn thể cũng phải theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn như khi ta chép về tông tộc thì ta phải chép ngành trưởng trước ngành thứ sau, con trai (nội) trước, con gái (ngoại) sau hoặc chép về thứ bậc của thê thiếp thì cũng phải chép bà chánh thất trước bà thứ thất sau v.v... Ví dụ : « Ông Tổ sáu « đời Nguyễn công tự Duy-Nghĩa, tỷ Nguyễn-thị hiệu Thục-Tư, bà « thứ thất Nguyễn-thị hiệu Thục-Nhàn sinh được ba trai bốn gái... ».

Nguyên tắc ấy không những chỉ áp dụng riêng cho mục tộc hệ mà còn được áp dụng luôn cả ở trong phần kỷ sự nữa. Sau đây là một thí dụ :

« ... bà mạnh phụ đoan nhân (chức của Vua ban) sanh hạ ba trai « hai gái : trai trưởng là Nguyễn-Đức-Nột, sinh ngày 13 tháng 10 năm « Kỷ mùi, giờ tỵ (1859), đậu tú tài khoa Kỷ mão, lấy con gái quan Lang

Library HoangSa.Org

« trung ở trong làng, con thứ là Nguyễn-Đức-Đản, sinh ngày 21 tháng « 5 năm Mậu dần, giờ dần (1878), đậu cử nhân khoa Canh tý, lấy con « gái quan Đốc học ở trong làng, con thứ nữa là Nguyễn-Đức-Soạn, « sinh ngày 21 tháng 3 năm Nhâm ngọ, giờ dần (1882), không chịu học, « dạy trông coi ruộng vườn, lấy con gái quan Ngự sử ở xã Mỹ hào Bạch « Sam, gái trưởng là Thị-Đoan, sinh ngày 28 tháng 6 năm Kỷ tỵ, giờ « hợi (1869), lấy con trai quan Lang trung trong làng là Nguyễn- « Khắc-Huynh, gái thứ là Thị-Cúc, sinh ngày 13 tháng 7 năm Nhâm « thân, giờ tuất (1872), lấy con trai quan Đốc học ở Hội xuyên là « Bùi-Khắc-Nhưng... ».

(Trích Nguyễn-Tộc Thế-Phả — 1961 — Tập Thượng, Phần « Trung-Thừa Thế-Gia », trang 115 và Phần Phụ Lục, trang LX).

Nguyên tắc chép tộc hệ

Khi chép về tộc hệ, người cổ thời luôn luôn áp dụng theo một nguyên tắc nhất định là lấy Trên Dưới — Đích Thứ — Nội Ngoại làm tiêu chuẩn. Cho nên nếu chép về nội, ngoại thì bao giờ các cụ cũng phải kể con trai trước, con gái sau, kể hàng dâu trước, hàng rể sau, vì vậy ta mới có câu : « Con gái là con người ta », hoặc « Dâu là con, rể là khách »... Thật ra nguyên tắc trên dưới, đích thứ, nội ngoại là nhằm để chỉ rõ vai trò cùng thứ bực riêng biệt của mỗi cá nhân trong một tập thể gia tộc quá rộng lớn và quá phức tạp mà thôi chứ không phải là cổ nhân có ý phân biệt khinh trọng gì. Chính nhờ sự sắp đặt rõ ràng phân minh như thế nên con cháu các đời sau mới biết rành rọt được mối dây thân tộc từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, hiểu rõ sự liên hệ trực tiếp (Nội) hay gián tiếp (Ngoại) giữa ngành của mình với các ngành khác ở trong họ.

Bởi vậy, để áp dụng cho đúng với cái nguyên tắc gia hệ mà cổ nhân đã lập ra, thì ta cần phải biết rõ thế nào là đích, thứ, trên, dưới, thế nào là nội, ngoại, xa, gần, người nào đáng kể là gần, người nào coi như là xa để khỏi có sự lầm lộn đáng tiếc trong việc lập phả cũng như trong việc chép tộc hệ.

Ví như ông Thủy-Tổ của một Họ sinh được 4 người con trai thì tức là Họ ấy có 4 ngành, gồm một ngành Trưởng với ba ngành Thứ, đứng đầu mỗi ngành là một người con trai.

Trừ Ngành Trưởng (Đích), còn các Ngành khác (Thứ) đều gọi chung là Tiểu-Chi hay Phân-Chi. Trong 4 ngành ấy lại chia ra làm Đại-Tôn với Tiểu-Tôn. Người con trưởng thì đứng đầu Ngành Đại tôn đồng thời là Trưởng của cả Họ (4 Ngành), tức là Trưởng Họ hay Trưởng Đại-Tôn. Còn 3 người em cũng đứng đầu mỗi người một

Library HoangSa.Org

Ngành Thứ, thường gọi là Tiểu-Tôn. Mỗi người em thứ ấy là Trưởng Tiểu-Tôn hay Trưởng Tiểu-chi, tức là Trưởng của một chi nhỏ đối với chi lớn là Đại-tôn và gồm nhiều con cháu. Những con cháu cùng chung một ông Tổ của một Ngành (Tiểu-tôn) đối với nhau gọi là họ Đồng Chi, nhưng nếu là con cháu của bốn ngành thì đối với nhau lại là họ Đồng Tông, nghĩa là tuy cùng chung một gốc là ông Thủy-Tổ song so sánh về hệ tộc thì con cháu bốn ngành đối với nhau xa hơn là con cháu của cùng một Chi (Tiểu chi).

Đó là nói về Đại tộc. Còn trong gia đình thì cùng chung một cha mẹ xuống mãi cho đến 5 đời vẫn còn là gần. Từ đời thứ 6 giở đi thì coi là anh em họ hay chú bác họ lúc ấy mới tạm kể là xa. Lấy một thí dụ: Một người sinh được hai người con trai. Bây giờ ta hãy tạm đặt người anh là A, người em là B. Con của A là A', cháu của A là AA, chắt của A là AA', chút của A là AAA, và con của B là B', cháu của B là BB, chắt của B là BB' và chút của B là BBB, thì ta sẽ có một sự liên hệ về thân tộc giữa anh em con cháu của A và B như sau:

1 đời: A	và B	là huynh đệ đồng bào	(anh em ruột)
2 đời: A'	và B'	là anh em thúc bá chi tử	(con chú con bác ruột)
3 đời: AA	và BB	là a.e. thúc bá chi tôn	(cháu chú cháu bác ruột)
4 đời: AA'	và BB'	là a.e. thúc bá chi tằng tôn	(chắt chú chắt bác ruột)
5 đời: AAA	và BBB	là a.e. thúc bá chi huyền tôn	(chút chú chút bác ruột)

Vẫn theo nguyên tắc gia hệ nói trên, con trai thuộc về Ngành Nội, kể là Gần. Con gái thuộc Ngành Ngoại, lớn lên đi lấy chồng thuộc họ khác, coi như là Xa. Ta nên để ý chữ « Ngoại » dùng ở đây vừa chỉ con gái, vừa chỉ họ hàng nhà vợ hay họ hàng của mẹ. Đại khái là như vậy. Cứ theo nguyên tắc ấy mà suy luận mãi ra thì không bao giờ nhầm lẫn được.

Khi chép tộc hệ, ta nên kiểm điểm kỹ càng từ gốc là ông Thủy Tổ cho tới ngọn là Con cháu. Thoạt tiên là ông thủy tổ, tiếp đến là các ông tổ của các Chi, rồi tới con cháu của các Chi, từ Chi trong là chú bác ruột đến Chi ngoài là chú bác họ, hết Chi gần đến Chi xa., cứ thế đi lần mãi xuống tới người con cháu chót. Nói tóm lại là muốn chép tộc hệ cho đúng với ngôi vị thứ bực trong gia đình gia tộc thì

Tiểu chú: Khởi thủy họ nào lúc mới đầu cũng chỉ là một Tiểu gia đình, sau nhiều gia đình họp lại thành một Chi, rồi nhiều chi họp lại thành một Phái, lúc ấy thì họ đã kể là to vừa, nhưng càng về sau con cháu càng đông mãi ra thì lại phải lập thành một Hệ (gồm nhiều Chi), lúc ấy thì họ đã lớn lắm.

Ngoài ra, trong họ đã gọi là đồng tông thì là anh em họ hay là chú bác họ hết. (Tông là Đại tộc nhưng đã chia thành những Phân chi rồi; còn Tộc thì nhỏ hơn Tông).

Library HoangSa.Org

người làm phả phải hiểu rõ nguyên tắc trên dưới, đích thứ, nội ngoại của cổ nhân như sau : Trước chép tổ tiên cụ kỵ, thứ đến ông bà rồi tới cha mẹ chú bác và cô chú (rể), sau cùng mới đến ngành khác. Về hàng chú bác thì trước hết là chú bác ruột (gần), sau đến chú bác họ (xa). Về hàng con, chép dòng trưởng trước, chép dòng thứ sau (tùy theo thứ bực anh thứ hai, anh thứ ba, thứ tư, thứ năm...), con bà chính thất chép trước, tiếp là con bà kế thất, con các thê thiếp chép sau. Bao giờ cũng chép nội trước, chép ngoại sau với đầy đủ những người liên hệ của con trai (vợ con và cha mẹ) và của con gái (chồng con và cha mẹ chồng). Riêng về hàng cậu, dì hay con của cậu, dì, thì theo nguyên tắc thì không chép, vì những người đó thuộc họ của mẹ hoặc họ của vợ không liên quan đến gia phả.

Với lối sắp đặt trên dưới, đích thứ, nội ngoại kể trên, ta thấy rõ ràng là người xưa rất quan tâm đến giềng mối kỷ cương, không những là chỉ chú trọng đến cách đối xử hàng ngày ở trong gia đình gia tộc mà ngay trong việc lập gia phả cho dòng họ cũng hết sức thận trọng, quan tâm cả đến từ việc chép tên tuổi trở đi. Cho nên khi chép tộc hệ ta cũng nên triệt để tôn trọng nguyên tắc đó để làm mẫu mực cho các con cháu đời sau. Trong gia phả cũng như trong gia đình gia tộc người nào cũng đều có ngôi vị chức phận rõ ràng, vậy ta phải đặt cho đúng chỗ chớ khinh suất mà chép xô bồ hàm hỗn rất có hại cho con cho cháu.

Ta thường thấy những cáo phó đăng tải trên các nhật báo phần nhiều đã đi ra ngoài nguyên tắc ấy. Khi kể tới các người thân quyến của người chết, đáng lẽ nên đặt đúng cương vị như trong gia phả thì người ta lại đảo lộn hết cả ngôi thứ của những người liên hệ với người chết : ngành ngoại (gái) đặt lên trên, ngành nội cho xuống dưới, người có danh phận ở trên, người kém địa vị ở dưới, cũng có khi là nội ngoại lẫn lộn không cần phân biệt trên dưới xa gần thân sơ... (xin coi các bản văn ở dưới).

Việc đi ngược lại nguyên tắc cổ xưa trên các cáo phó có thể là do sự sơ xuất trong lúc vội vã hoặc do ở thói quen mà ra, cũng tỉ như là theo thường tình ở trong gia đình thì người chị gái và người anh rể vai vế ở trên và cũng lớn tuổi hơn người em trai tất nhiên phải đứng ở hàng trên, mặc dầu người em là trưởng một gia đình. Nhưng nguyên tắc áp dụng trong gia phả thì lại khác hẳn. Gia phả không chú trọng tới tuổi tác lớn nhỏ mà chỉ căn cứ vào vấn đề *Nội — Ngoại* : Người em trai là ngành Nội đương nhiên phải gần dòng họ hơn chị gái là ngành Ngoại. Hơn nữa, trên cương vị tộc hệ, người em trai còn có bổn phận đối với Tổ tiên. Không những thế, đối với

Library HoangSa.Org

dòng họ và Tổ tiên, người em trai cũng liên quan mật thiết hơn người chị gái và anh rể, nghĩa là gia phả căn cứ vào yếu tố tông tộc trước nhất. Ngoài ra, về mặt pháp lý, khi phải xử về những việc kế thừa, hương hỏa v.v... pháp luật cũng thường căn cứ vào dòng con chính, tức là dòng Nội.

Nguyên tắc cổ nhân đề ra trong gia phả xét ta rất hay, nó khiến người cùng một Họ nhận thức được bổn phận và cương vị của mình, song công bằng mà xét thì có những điều không thể áp dụng vào đời sống thực tế được vì nó có nhiều cái rất phức tạp, vả lại thói quen đôi khi thường phù hợp với đời sống ngoài xã hội nhiều hơn.

Tuy nhiên, ở vào một xã hội mà mọi giá trị tinh thần bị suy xụp và giáo lý Khổng-Mạnh chỉ còn là một lớp sơn hào nhoáng bên ngoài thì dầu sao ta cũng nên cố gắng mang những cái hay cái đẹp của người xưa còn sót lại mà sử dụng trong đời sống hàng ngày của ta, nhất là trong việc ma chay hôn phối là những việc được coi là tối quan trọng và thiêng liêng nhất trong đời người thì ta lại càng phải hết sức tránh những điều sái quấy hầu gây cho con cháu chúng ta một niềm tin ở giữa cái thời đại vô kỷ vô cương này.

Bài cáo phó thứ nhất (1)

(Thuận với nguyên tắc trong gia phả)

Cáo phó :

Chúng tôi lấy làm đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc : Thân phụ, Nhạc phụ, Nội tổ, Ngoại tổ chúng tôi là :

Cụ TRẦN-BÁ-THỤC

đã thất lộc ngày 31 tháng 7 năm 1969, tại Bệnh-viện Đồn-đất, hưởng thọ 67 tuổi.

Lễ di cữu sẽ cử hành lúc 8 giờ sáng ngày mùng 02-8-1969 tại tư gia và an táng tại Nghĩa địa Mạc-Đĩnh-Chi Saigon.

Bà quả phụ Trần-Bá-Thục, nhũ danh Hoàng-Thị-Sơn.

— Trưởng nam : Trần-Bá-Thuần, Thương gia, vợ và các con.

— Thứ nam : Trần-Vĩnh-Lạc, Đại tá Quân y, vợ và các con.

— Trưởng nữ : Trần-Thị-Cúc, chồng Phạm-Mạnh-Bật và các con.

— Thứ nữ : Trần-Thị-Ngàn, chồng Bác sĩ Lê-Hồng và các con.

Tang gia đồng khấp báo. (Xin miễn đồ phúng điếu)

(1) Những danh tính nêu trên đây đều là giả tưởng và chỉ nhằm vào mục đích dẫn chứng mà thôi. Vậy nếu chẳng may có sự trùng hợp với một người nào ở ngoài đời, thì đó cũng chỉ là một sự ngẫu nhiên, ngoài ý muốn của tác giả.

Library HoangSa.Org

Bài cáo phó thứ nhì (1)

(Nghịch với nguyên tắc trong gia phả)

Cáo phó :

Chúng tôi lấy làm đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc hay là Thân mẫu, Nhạc mẫu, Tổ mẫu, Ngoại tổ mẫu của chúng tôi :

Cụ Cố HOÀNG-THÁI-TUẤN

nhũ danh Nguyễn-Thị-Gấm

đã mệnh chung tại Đà-nẵng ngày 7-4-69 (tức ngày 21 tháng 2 âm lịch năm kỷ dậu), hưởng thọ 82 tuổi.

Lễ an táng sẽ cử hành hồi 12 giờ trưa ngày 10-4-69 (nhằm ngày 24 tháng 2 âm lịch).

— Trưởng nữ : Bà quả phụ Thái-Văn-Mãn, Bác sĩ, nhũ danh Hoàng-Thị-Hạnh và các con, dâu, rể, cháu.
— Thứ nữ : Hoàng-Thị-Liễn, chồng Kỹ sư Lê-Ruật và các con.
— Trưởng nam : Ông Bà Hoàng-Thái-Phu và các con.
— Thứ nữ : Hoàng-Thị-Thể, chồng Thú y sĩ Phạm-Hà và các con, cháu, dâu, rể.
— Thứ nam : Ông Bà Hoàng-Thái-Gia, Thương gia và các con.
— Cháu ngoại : Phan-Thị-Tố-Nga, Phan-Thị Tuyết-Nga, Lê-Trừng.
— Đích-Tôn : Hoành-Thái-Phương.
— Cháu nội : Hoàng-Thái-Giang, Hoàng-Thái-Xuyên, Hoàng-Lập.

Cáo phó này thay thế thiệp tang.

Cách thức coi tộc hệ

Khi chép tộc hệ, ngoài nguyên tắc trên dưới đích thứ ra, ta cũng đừng quên là chép tộc hệ cũng có nhiều cách mà sau đây là 2 cách có thể nói là thông dụng hơn cả :

— Lập dòng họ theo Hệ thống ngang
— Lập dòng họ theo Hệ thống dọc.

Vậy thế nào là hệ thống ngang ? Và thế nào là hệ thống dọc ? Hai hệ thống đó khác nhau như thế nào ?

Hệ thống ngang

Hệ thống ngang thì cho ta biết những người Ngang vai với nhau. Tỉ dụ như Cụ Thủy tổ sinh được hai người con trai. Tính theo can chi thì người con trưởng đứng đầu chi Giáp, người con thứ đứng đầu chi Ất, mỗi người là ông Tổ đứng đầu một Ngành. Theo hệ thống này, thoạt tiên người ta chép chi Giáp là chi Trưởng trước rồi chép tới chi Ất là chi Thứ sau. Sau ông Tổ thì chép đến con Trưởng rồi chép đến các con thứ. Chép xong các ông tổ cùng các con của chi Giáp và chi Ất

(1) Xem chú thích trang 304.

Library HoangSa.Org

rồi người ta mới chép tiếp tới các cháu, chắt của hai chi đó. Theo cách này thì người ta phải chép theo sự liên hệ gián tiếp và phải luôn luôn giữ theo hàng ngang, tức là cứ kể hết một đời của chi Giáp thì lại kể tiếp một đời của chi Ất, với nguyên tắc cố định là Trưởng của chi Giáp thì đi với Trưởng của chi Ất (gia phả họ Dương) hoặc ông tổ đời nào thì đi cùng với ông tổ thuộc đời ấy (gia phả họ Bùi), theo thể thức hàng ông đi với hàng ông, hàng cha đi với hàng cha, hàng con đi với hàng con, v.v... nhưng vẫn luôn luôn phải giữ ngang hàng với nhau, đúng với lối chép tộc hệ đã nói ở trên, và cứ thế tuần tự chép cho đến hết dòng họ. Cũng vì vậy cho nên ta mới gọi lối chép tên tuổi đó là hệ thống ngang. Sau đây là một vài thí dụ điển hình nhất :

« *Đời thứ ba*

« *Giáp chi*

« 111 Cụ Ông Dương-Đình-Thức húy Khảng, con Trưởng Cụ Đình-Chấn
« và Đinh-Thị Tử-Thuận, mất ngày Mồng Mười (10), tháng Một
« âm lịch, táng tại Vườn Thần Trên,
« Cụ bà Đinh-Thị-Nhu húy Mễ, mất ngày... táng tại...
Sinh hạ 4 trai...

« *Đời thứ ba*

« *Ất chi*

« 121 Cụ ông Nguyễn-Đình-Riệu tức Đình-Sảnh, sau đặt là Dương-Tiến Kiểm (xem bài Phả ký thứ Ba) . . . . .
(*Sinh hạ 9 người con . . .*
(Dương-Tộc Thế-Phả — 1968 — Từ trang 18 tới trang 21).

Lập dòng họ theo hệ thống ngang có điều lợi là dễ nhận được những ông tổ ngang vai với nhau ở các đời trên, nhưng lại gây rắc rối cho con cháu, vì càng đi xuống dưới thì những người cùng một ngành như ông cháu, cha con, anh em lại càng cách nhau xa quá, chẳng hạn như gia phả họ Bùi-Viện : Ông Bùi-Văn-Quyện thuộc đời thứ IX nằm ở trang 92 mà con trưởng của ông là Ông Bùi-Như-Ry thuộc đời thứ X thì ở mãi trang 162, như vậy hai cha con cách nhau có tới 70 trang. Hoặc như gia phả họ Dương : Muốn biết Ông Dương-Danh-Hiền là con Cụ Dương-Đình-Nhẫn thuộc tổ 6 đời chi Ất : Ông Hiền ở trang 50,. Nay con Ông Hiền muốn tìm ông bà nội là Cụ Nhẫn thì phải giở ngược lên 16 trang nữa mới tìm thấy Cụ Nhẫn nằm ở trang 34, tức là Ông Hiền cách ông bà nội tới 15 trang. Không những thế, trong cả hai trường hợp lại còn có một trở ngại khác nữa là sự liên hệ trực tiếp của một gia đình thường luôn luôn bị cắt rời ra từng quãng và ngay ở giữa những quãng đó lại còn xen kẽ lẫn lộn nhiều con cháu của các ngành khác.

Library HoangSa.Org

Tuy vậy, việc tìm kiếm các ngành liên hệ trực tiếp (cha con, anh em...) vẫn có thể dễ dàng nếu ta vẽ phả đồ kèm theo mỗi Chi hay mỗi Đời hoặc đánh số trang các con cháu như dưới đây :

« 121112 *Cụ Dương-Đình-Nhẫn, thường gọi Ông Chi Hai*, con trai thứ
« Hai Cụ Đình-Dũng và Bùi-Thị-Tiên, Phó-Lý, Lý-Trưởng,
« Tiến-Chỉ. Chánh-Tổng Văn-Từ, sinh năm Quý Dậu (1873),
« thọ 61 tuổi, mất ngày Hai Mươi Tám (28), tháng Chạp năm
« Quý Dậu, (1934), táng tại xứ Đồng-Lê, xã Mai-Hương, huyện
« Ý-Yên, tỉnh Nam-Định (gò Con Phượng hàm thư hình kiềm)
« tọa Kiền hướng Tốn.
« *Cụ bà Đinh-Thị-Nguyên*...
« Bà Kế *Hoàng-Thị-Ngọc*, con Cụ Hoàng-Xuân-Đính người xã
« Võ-Vọng, huyện Ý-Yên, tỉnh Nam-Định. Năm 1954 di cư
« vào Nam ở Biên-Hòa, quốc-lộ số 1, Khu nhà Dù vườn Mít...
« *Sinh-hạ 7 người con* : 4 trai : — Quốc-Chung (48) : số trang
— Minh-Châu (49) :
— Quốc-Bảo (49) :
— Danh-Hiền (50) :

Hoặc :

« 121112 8 Ông Dương-Danh-Hiền, con trai thứ tám Cụ Đình-Nhẫn và
« Hoàng-Thị-Ngọc, sinh ngày 29/3/Kỷ Tỵ (1929), Hạ sĩ quan
« quân đội Việt-nam Cộng-Hòa.
« Bà Hoàng-Thị-An con Cụ Hoàng-Minh-Châu và Nguyễn-Thị-
« Dần làng Phạm-Xá, huyện Thanh-Liêm, tỉnh Hà-Nam, sinh
« ngày 27/9/Kỷ Tỵ (1929)...
« *Sinh hạ con*...
(Về Cụ Nhẫn : xin coi trang 34, đời 6 Ất chi) v.v...
(Dương-Tộc Thế-Phả — 1968, các trang 34 và 50),

Hệ thống dọc

Trái hẳn với hệ thống ngang, hệ thống dọc không chú trọng tới sự ngang vai giữa các đời trong họ mà lại chú trọng tới *sự liên hệ trực tiếp của những đời ngang vai ấy và chép ngành nào dứt ngành nấy*, ngược hẳn lại với hệ thống ngang là thường để ý tới *sự liên hệ gián tiếp* nhiều hơn, nghĩa là hệ thống dọc không bỏ cách quãng như là hệ thống ngang.

Theo hệ thống dọc, người ta kể trọn ngành của chi Giáp xong rồi mới kể tới chi Ất và cũng kể trọn ngành của chi Ất, và cứ chép tới ngành nào là người ta chép luôn con cháu dâu rể nội ngoại của ngành ấy. Gia phả họ Nguyễn đức chép theo lối này. Chẳng hạn như có một ông

Library HoangSa.Org

Tổ tám đời thuộc ngành thứ sinh được hai người con trai thuộc tổ chín đời là ông Vi và ông Nhỡ. Thoạt tiên người ta chép ngành Trưởng là Ông Vi trước với hết thảy con cháu nội ngoại của chi ấy, sau thì chép đến ngành Thứ là Ông Nhỡ và cũng chép đầy đủ con cháu của Ông Nhỡ như là khi chép ngành của Ông Vi :

« *Bút...* 3) *Ông Tổ tám đời :*

« Nguyễn quý công húy Di (Nhiêu Di), giỗ ngày 11 tháng 8
« âm lịch.

« *Bà Tổ :* họ Bùi húy Miến con Cụ Năm người làng, giỗ ngày
« 12 tháng 3 âm lịch.

« Sinh hạ 2 trai Vi, Nhỡ và 3 gái (4).

« *Cửu...* 1) *Ông Tổ chín đời :*

« Nguyễn quý công húy Vi, giỗ ngày mùng 9 tháng 8 â.l.

« *Bà Tổ :* húy Tỉm con Cụ Khóa Phương ở Cao-lý giỗ ngày
« mùng 7 tháng 11 âm lịch.

« Sinh hạ 5 trai 5 gái (5).

« I — Phi lấy Bà Nhỡ con Cụ Khóa Cơ người làng.

« II — Ty lấy người Cao-lý.

« III — Tuyết lấy con Cụ Ký Nhưỡng (nguyên tên là Nhặng).
người làng.

« IV — Vẽ Nhớn.

« V — Vẽ Con.

Tiểu chú : Cũng xin nói thêm về những danh từ « Giáp », « Ất »... ở trong gia phả, nhất là trong các cuốn gia phả xưa. Nguyên do là người cổ thời thường hay dùng Can, Chi để đặt tên cho các Ngành (con). Vì thế nên có bao nhiêu con trai là các Cụ đặt cho bấy nhiêu Can theo đúng ngôi vị Trưởng, Thứ với thứ tự của các Can : Chi Giáp là danh hiệu đặt cho người con trưởng, Chi Ất là danh hiệu đặt cho người con thứ hai, Chi Bính con thứ ba, Chi Đinh con thứ tư, Chi Mậu con thứ năm... Các Can, Chi nói trên đây là một phép tính theo Nông lịch, một thứ lịch phổ thông của Trung hoa mà dân ta thường quen gọi là « Lịch Tàu », tức là âm lịch trái với « Lịch Tây » là dương lịch. Chữ « Nông » đây là chỉ tên Vua « Thần-Nông », một vị Hoàng đế thời Thái cổ bên Tàu đã làm ra lịch để quy định can chi mùa tiết cho dân chúng biết mà cầy bừa trồng trọt.

Theo phép tính của Nông lịch thì tất cả có 10 Can là Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý hợp với 12 Chi mà ta quen gọi là 12 con Giáp : Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi là giáp vòng gọi là « Lục Thập Hoa Giáp », hết một vòng rồi lại trở lại Giáp Tý. Quyển Nông lịch cũng vậy mà tuổi của người ta cũng tính theo như vậy. Bởi vì người ta sinh năm nào thì lấy năm đó làm tuổi. Đến 61 tuổi thì lại năm mới sinh.

Library HoangSa.Org

2) Ông Tổ chín đời :

« Nguyễn quý công húy Nhỡ (Hai Nhỡ) tục danh Lưu, 75
« tuổi.
« *Bà Tổ :* húy Tý con Cụ Vệ Tuế người làng.
« Sinh hạ 3 trai và 1 gái Thị-Mịch lấy con Cụ Nhiêu Vốn.
« I — Ngự. Chết.
« II — Sắc.
« III — Sảo.

« *Bát... 4) Ông Tổ tám đời :*

v... v...

(Nguyễn-Tộc Thế-Phả — Tập Thượng)

Mấy cách chép tên tuổi trong gia phả.

1.— GIA PHẢ PHẠM-NGŨ-LÃO :

1.— Phạm tộc thế thứ chi đệ nhất phổ.

« Trần Lý Nam Đế Thiên Đức Giáp tý nguyên niên.
« Đường Bắc triều Lương Vũ Đế Đại Đồng thập niên.
« Tây lịch 521
« Thủy Tổ họ PHẠM
« Húy Tu Công Tả Tướng giúp Vua đánh Lương, phá Bắc Khâm
« Châu, lấy lại được Tượng quận, làm Thủ-lĩnh.

« ĐỆ NHỊ THẾ

« Trần Hậu chúa Vĩnh Định nguyên niên Nhâm dần
« Tây lịch 539
« Phạm Tĩnh Công giúp Vua Hậu Lý Nam Đế phá Lương, khôi
« phục Thành đô, khuyên Vua ra Phong Châu, (Sơn Tây, Hạc Trì
« huyện), có công được làm Tướng Quốc.

« ĐẠI TAM THẾ TỔ

« Tùy Đại Đế Đại nghiệp Ất sửu bát niên
« Tây lịch 593
« Phạm Hiền Công, người Tàu tham tàn, chiêu mộ nhân dân dề
« rửa hận cho vua cha, kháng Tùy được 3 năm
« Đường Cao Tổ khiến sứ cho làm Đại Tổng Quản Giao Châu.

« ĐỆ TỨ THẾ TỔ

« Đường Trung Tôn Mậu thân thập bát niên
« Tây lịch 636
« Phạm Hữu Công, tập ẩm giúp Vua Thái Tôn, Trung Tôn làm
« Phủ trị hạt Đông kinh gồm 14 năm, gặp kẻ dòng sự tàn khốc, từ
« chức ẩn trong núi.

« ĐỆ NGŨ V.V...

(Trích « Phạm-Tộc Thế-Phổ ». Trang 2. Tài liệu của GS. Nguyễn-Nhã).

Library HoangSa.Org

2) GIA PHẢ HỌ ĐƯỜNG (HÀ-NAM):

« *Đời thứ hai*

« *Giáp chi*

« Cụ Ông Nguyễn-Đình-Chấn tự Đình-Chi, con Trưởng Cụ
« Nguyễn-An-Tính và Bùi-Thị-Đoan, thọ 58 tuổi,
« mất ngày Hai mươi lăm (25), tháng Năm, năm Đinh Hợi, táng
« tại Đường Cây Si.

« Cụ Bà Chánh Thất Dương-Thị Từ Thuận húy Dĩnh, con gái
« Cụ Chủ, sinh năm Bính-Tý (...), thọ 36 tuổi,
« mất ngày Rằm (15), tháng Bầy, năm Ất Mùi.

« Sinh hạ 6 người con :

« — 1 trai :

« — Đình-Thức,

« — 5 gái :

« — Thị-Giám gả cho Đinh-Tiến-Hiệu,
« — Thị-Trãi gả cho Đinh-Tuấn-Hào,
« — Thị-Lũ gả cho Bùi-Đình-Dụ,
« — Thị-Cù gả cho Đinh-Đình-Cầm,
« — Thị-Huấn gả cho Trần-Đức-Mỹ.

« Cụ Bà Kế Thất Đinh-Thị-Cửu, không rõ ngày mất và phần
« mộ.

« *Sinh hạ 1 trai :*

« Đình-Tú.

« *Đời thứ hai*

« *Ất chi*

« Cụ Ông Dương-Đình-Huy húy Bì, con trai thứ Hai Cụ
« Nguyễn-An-Tính và Bùi-Thị-Đoan,
« mất ngày Mồng Bốn, (4), tháng Tư Â.L.,
« táng tại Ruộng Chùa, tọa Cấn hướng Khôn,

« Cụ Bà Đinh-Thị Từ-Ngân, con Cụ Đinh-Đình-Tốn
« mất ngày Mồng Bầy (7), tháng Sáu Â.L.
« táng tại Cống Kênh (có đá tảng cháy vỡ thay làm bia).

« *Sanh hạ 6 người con :*

« 1 trai :

« — Đình-Sảnh (sau đổi là Dương-Tiến-Kiểm),

« 5 gái :

« — Thị-Thay gả cho Đinh-Hữu-Đài,
« — Thị-Thiếp mất sớm (24 tháng 5 Â.L.),
« — Thị-Sua gả cho Đinh-Huy-Dụ,

Library HoangSa.Org

« — Thị-Sáy gả cho Đinh-Hữu-An,
« — Thị-Túy mất sớm (10 tháng Sáu Â.L.).
v.v....

(Dương-Tộc Thế-Phả — 1968 — Trang 16 tới trang 19).

Qua cách chép tên tuổi của họ Phạm và họ Dương trên đây, ta đã thấy chép tên tuổi cụ kỵ ông bà ở trong gia phả không có gì là khó khăn, hoặc ta chép tuần tự từng đời ngang vai (theo hệ thống ngang), như họ Dương, hoặc là chép từng ngành (theo hệ thống dọc) như họ Phạm.

Chép tên tuổi kèm với tiểu sử

1) HỌ NGUYỄN-VĂN-VẠNG

« QUYỂN GIA PHẢ NHÀ HỌ NGUYỄN

« TIỂU SỬ

« Ông thỉ tổ của chúng ta quí danh Nguyễn-Văn-Vạng, sanh năm « 1790 ở Chợ Gạo tỉnh Định-Tường (Mỹ-Tho). Thời kỳ ấy giặc Tây-« Sơn vừa bị đánh tan, qui hàng Chúa Nguyễn, đến năm 1802, Đức « Nguyễn Ánh phục được nghiệp cả, tức vị Hoàng đế, lấy niên hiệu là « Gia Long.

« Ông có cưới bà Lê-Thị-Khẩn, sanh năm 1791, lập gia cư ở chợ « Ông Văn, tục kêu là Chợ Gạo (tỉnh Định-Tường) cách châu thành « Mỹ-Tho độ 5 cây số. Ở trong lòng quê cha đất tổ, ông có chút ít « ruộng vườn, vui thú điền viên trong lòng êm ấm của họ hàng, thuộc « thân tộc với ông Cả Hòa ở chợ Ông Văn.

« Trải qua biến cố của đất nước khói lửa mịt mù, lại thêm cướp « trộm nổi lên, tứ phương, xáo trộn nếp sống sau lũy tre thân yêu « của làng mạc, loạn lạc giằng co, xóm làng quạnh quẽ đìu hiu, nhân « dân đồ thán, tinh thần của lương dân chịu cảnh đảo điên, vì vậy ông « bà mới lìa bỏ quê hương thân yêu, đùm bọc nhau tản cư, lần hồi « định mạng đưa đẩy gia đình ông xây tạm một tổ ấm tại xã Mỹ-ngải « thuộc Tổng Phong Thạnh quận Cao Lãnh rồi ngày tháng trôi qua, hòa « bình vãn hồi với lề thứ tình hình đã lần hồi ổn định an ninh ngự trị « khắp nơi, cuộc sống của ông bà có cơ phát triển thạnh vượng nhờ chí cần « lao về nông nghiệp mà ông bà quyết định chọn nơi này làm gia cư « vĩnh viễn. Năm tháng đeo đuổi việc khai khẩn ruộng hoang, cày sâu « cuốc bẫm vạch những khóm lau già sầy rắn, đặt lên những liếp vườn, « hoa màu sung mãn, chẳng bao lâu nhờ đôi bắp tay cứng rắn của ông, « và đức kiên nhẫn, chuyên cần, tiết kiệm của bà, ông bà đã hoán được « cuộc đất từ Vàm Ba Xuyên xuống đến Vàm Bà Dạy, phía sau ranh « Bà Xuyên xây bọc vành nông, trở nên cuộc diện phồn thịnh và đông

Library HoangSa.Org

« đức, diện tích ước lượng : 5 mẫu, chính trên số đất phì nhiêu này, « Ông Bà đã đạt được mưu sống, hạ sanh con cháu và an nghỉ ngàn thu.

« Ông Bà có hạ sanh hai người con : một trai là Nguyễn văn Đậu « sanh năm 1814, và gái là bà Nguyễn Thị Triệt sanh năm 1812, Bà có « đôi bạn và sanh ra ông Nguyễn-Văn-Kiểu, gọi ông Tư Kiểu.

« Ông Nguyễn Văn Đậu tánh tình thuần hậu, vốn sẵn thông minh « mẫn đạt học ít hiểu nhiều, nhờ chuyên cần mà ông đã xây dựng tinh « thần ông nền văn hóa khả dĩ tiến bộ kịp thời, trong gia đình ông đã « tỏ ra một người con chí hiếu, một lòng lập chí nối nghiệp ông cha, « trưởng thành ông có cưới một bà hạ sanh một người con gái tên « Nguyễn thị Hiêng, kế bà từ trần, sau ông mới cưới người thứ nhì nhủ « danh là Nguyễn thị Huệ, trước có chồng sanh đặng một trai tên Trần « văn Cấm.

« Ông Nguyễn văn Đậu ở với bà Nguyễn thị Huệ có sanh đặng hai « người con : Trai tên Nguyễn Văn Kiến gái là Nguyễn thị Hằng con « chồng là Tám có hạ sanh một gái gọi là Bà Sáu Linh. Thời thanh niên « ông Nguyễn văn Đậu có giúp việc cho ban Hội tề Hương thôn 6 năm, « sau ông được thăng chức Chánh Tổng Phong Thạnh đảm nhiệm chức « vụ 3 năm quốc chánh hưng thạnh. Ông mở mang văn hóa khắp nơi « trong Tổng của Ông, nhân dân an cư lạc nghiệp. Về sau ông xin từ « chức, trở về với gia đình, ngày tháng vui cùng mấy thửa ruộng, liếp « rau, hồ cá. Ông thọ đặng 82 tuổi, thất lộc ngày 12 tháng 10. Bà Nguyễn « thị Huệ hưởng thọ 79 tuổi, thất lộc ngày 14 tháng giêng.

« Ông Nguyễn văn Kiến sanh năm 1834, lớn lên nối chí cha, lấy nghề « nông làm nghiệp cả. Đến tuổi trưởng thành ông cưới bà Dương Thị « Thị sanh năm 1839, lúc nào ông cũng tỏ ra người nông dân can đảm, « nắng mưa không sờn, dốc tất cả sinh lực của tuổi trẻ để phụng sự « cho gia đình, đắc chí hy sinh cho nghề nghiệp quyết tâm xây dựng cảnh « điền viên sung túc, ông cũng đặt mình phụng sự cho chánh quyền « hương thôn 4 năm, về sau ông được bổ nhậm chức Phó Tổng, mãn « nhiệm kỳ hai năm ông xin nghỉ việc về sau được các vị bô lão yêu « cầu ông nhậm chức Hương cả để hướng việc chỉnh tu chùa, miếu.

« . . . . . .

« Ông và Bà hạ sanh 5 người con : Nguyễn Ngọc Khánh, Nguyễn « Thị Nữ, Nguyễn Thị Xuyên, Nguyễn Văn Nhi và Nguyễn Thị Bền.

« Tông chi từ ông nội chúng tôi trở xuống.

« Ông Nguyễn văn Kiến — Bà Dương Thị Chi

« Nguyễn ngọc Khánh — Nguyễn thị Diệp

« Nguyễn ngọc Bền — Lê thị Phi : Xa, Lút, Lê ngọc Được

Library HoangSa.Org

« Nguyễn thị Nử — Nguyễn văn Chần
« Nguyễn thị Xuyến — Nguyễn văn Thê : Mâu, Hảo, Được
Nguyễn văn Nho (?)

« *Có hai vợ :*

« 1 — Chánh Lê thị Dung : Nguyễn thị Rớt, Nguyễn văn Trí

« 2.— Vợ kế Đỗ thị Biểu : Nguyễn văn Khoái, Nguyễn văn Khái, cất cái nhà năm 1900.

V.V...

(Trích « Quyển Gia Phả Nhà họ Nguyễn » - 1961 — Từ trang 1 tới trang 4 (Tài liệu đánh máy của Ông Lê-Hương).

2) HỌ TRẦN-ĐỨC (DI CƯ):

« *III) Hưng tổ Thụy Đức Thuần hiệu Tĩnh Hiên Tiên Công.*

« Cụ sinh giờ Mùi ngày 17 tháng 9 năm Đinh-Sửu, húy là Tư, thụy « là Đức-Thuần hiệu là Tĩnh Hiên Tiên Công. Cụ là con trai thứ hai « Cụ Trực Định, vốn người thông minh nhớ kỹ, soạn lại Gia-phả, dựng « họ Đại-Tôn, tạm lập nhà Cụ Đội Năm, sửa sang đồ thờ, Cụ thọ 78 « tuổi, khi sắp mất dặn lại Cụ Bà hiệu Diệu Minh và hai con trai là « Cụ Lạc Trai và Cụ Tây Viên nên nối chí Cụ, dựng Nhà Thờ Tổ, « vì vậy tôn Cụ là Hưng Tổ, nghĩa là có công với Tổ-Tiên, Cụ mất « ngày 19 tháng 5 âm lịch năm Giáp-Ngọ, mộ táng tại Gò con Thổ Xứ « Vườn-Chỉnh Tiên-Hương, xây bằng gạch ngay phía trước Phủ-Chính, « Cụ có hai Bà :

a) Hưng tổ tỷ hiệu Diệu Thanh Tiên Từ.

« Cụ là con gái họ Trần cùng làng, chị ông Cụ Điều ở thôn Giáp « Ba. Cụ sinh hạ được một con trai là Cụ Trần Công Tự Tảo Thám, mất « sớm không con, Cụ có nuôi một Bà con gái nuôi là Bà Bịch, gả chồng « ở thôn Phái Tiền Tiên Hương nhưng không còn, Cụ bà Diệu Thanh « mất sớm (ngày 7 tháng 3 âm lịch) mộ để tại xứ Gò Xiêu Tiên Hương.

b) Hưng tổ tỷ hiệu Diệu Minh Tiên Từ.

« Cụ sinh năm Giáp-Ngọ, là Cô Ông Trần-Trịnh-Viết và Bà cô Thủ « bạ Đới ở thôn Giáp Ba, Cụ là kế thất Cụ Hưng Tổ, Cụ sinh hạ được « ba con trai và hai con gái, nuôi 5 con trai và 1 con gái nuôi :

« — Con trai trưởng là Cụ Lạc Trai Tiên Công.

« — Con trai thứ hai là Cụ Tây Viên Tiên Công.

« — Con trai thứ ba là Cụ Thần Công Tự Tảo Nhã (mất sớm « chưa vợ con).

« — Con gái trưởng là Bà Trần Thị Hiệu Xuân Lạc (mất sớm).

Library HoangSa.Org

« — Con gái thứ là Bà Trần Thị Hiệu Xuân Ngư (mất khi lên « 6 tuổi, ngày 10 tháng 5 âm lịch).

« *Con trai nuôi :*

1) Trần Đức Dương (tức là Cụ Binh sinh ra Ông Trần Đức « Trác và Ông Trần Đức Lung).

v.v...

(Gia phả họ Trần-đức — 1960 — Trang 6).

CÔNG-TY GIẤY VÀ HÓA-PHẨM ĐỒNG-NAI

(Société de Papeterie et de Produits Chimiques du DONNAI)

COGIDO

CÔNG-TY NẶC-DANH VỐN **976.080.000$00**

Văn Phòng Hành Chánh : *2, Nguyễn-Huy-Tự, — DAKAO*

Điện thoại : 92.466 — 66.292

Nhà Máy *An-Hảo — Biên-Hoà*

Văn Phòng Thương Mại : *63-65, Đại Lộ Hàm Nghi, SAIGON*

Điện-thoại : 25.659 — 20.481 — 24.849

CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI

Giấy viết	Bìa mềm
Giấy in	Bìa xám
Giấy RONÉO	Bìa rơm
Giấy gói	Bìa DUPLEX
Giấy BRISTOL	Bìa TRIPLEX

và CÁC LOẠI TẬP HỌC SINH

NGANG HÀNG VỚI SẢN-PHẨM NGOẠI-QUỐC

Library HoangSa.Org

Giới thiệu Sách Báo

★ Tạ Chí Đại Trường, *Lịch Sử Nội Chiến ở Việt Nam (từ 1771 đến 1802)*. Sàigòn : Văn Sử Học, 1973. 413trang. Giá 700$.

Lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ 18 đã bắt đầu có nhiều tài liệu để người ta đối chiếu, tra xét khá đầy đủ khiến cho một sử gia tài tử có nhiều máu liều, ông Tavernier (1) đã đề nghị bộ lịch sử toàn biên cho VN phải bắt đầu từ giai đoạn này. Đối với người Việt, giai đoạn chấm dứt phân tranh Trịnh Nguyễn với sự nổi dậy của nhà Tây Sơn còn mang thêm ý nghĩa thời sự, dễ cho những người - kể cả sử gia, còn bận bịu với « những bài học lịch sử » đem ra bàn bạc với những lời lẽ thấp thoáng ý nghĩa chính trị thời nay. Hãy coi cái gầm gừ giữa ông Văn Tân tác giả « Cách Mạng Tây Sơn » ở Miền Bắc và ông Nguyễn Phương tác giả « VN thời bành trướng : Tây Sơn » của Miền Nam qua cuộc tranh luận « Ai thống nhất VN : Nguyễn Huệ hay Nguyễn Ánh ? » thì đủ rõ. Cho nên trong mùa tàn tạ văn hóa cuối 1973, khi nhà xuất bản Văn Sử Học cho ra đời quyển « Lịch sử Nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802 » của Tạ Chí Đại Trường, có người cũng muốn tò mò xem thử cái giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật 1970 (môn Việt sử) ấy có gì phù hợp với lời Quốc Vụ Khanh Mai Thọ Truyền được trích làm « băng » quảng cáo bao cuốn sách.

Trước hết cũng nên khen chút ít về hình thức quyển sách : 2 màu tím, đỏ dùng nền trắng của giấy làm nổi bật tựa đề lên để sách có thể nằm ngoài kệ không lấp sau các loại tiểu thuyết, truyện dịch... khác. Phải hiểu tâm lý khách hàng theo một tay in sách sành sỏi : « Người giàu bỏ tiền ra mua sách không phải để đọc, nhưng để chưng, nên phải ráng có một hình thức thế nào cho khách tới nhà có thể hài lòng nhìn qua tủ kính của chủ nhân... ». Các phần trình bày bên trong nét in rõ ràng, chữ ít lỗi, là ưu điểm thông thường của nhà Việt Hương. Chỉ tiếc rằng ngoài mấy bản đồ, không có một số hình ảnh về sinh hoạt

(1) Phát biểu ý kiến trong số 4 thư tịch của «*Lịch sử nội chiến...*» Gọi ông là sử gia « liều » vì ông đã cả gan lấy tiền trợ cấp của Chính phủ thuộc địa, hứa viết quyển sử về VN, rồi đến hẹn không có sách, tiền cũng không chịu trả đến nỗi bị đưa ra Tòa!

Library HoangSa.Org

đương thời, về các nhân vật, các bằng sắc thư từ (như 14 bức thư ở Phụ lục)... để đỡ nặng nề những hàng chữ, để giá trị minh chứng được tăng thêm. Nhưng thiếu sót này không phải do nhà xuất bản chịu. Hàng triệu bạc cho trên 400 trang giấy không biết đến ngày nào lấy lại vốn, người ta đâu có thể đòi hỏi hơn ?

Giai đoạn 1771-1802 được tác giả chia theo những biến chuyển lấy từ sức mạnh tàn phá của Tây Sơn : sự tan rã ở Nam hà, tan rã ở Bắc hà, giai đoạn thanh toán Nguyễn — Tây Sơn. Các sự kiện nêu ra để giải thích có phần phong phú hơn các sách cùng bàn một vấn đề đã xuất bản vì đã có sự đối chiếu nhiều tài liệu xuất xứ khác nhau. Từ vấn đề lớn như phồ hệ, sự xuất thân của anh em Tây Sơn đến chi tiết nhỏ như chuyện Phó Tín phao tin phản tuyên truyền chống Nguyễn Ánh (trang 291)..., tất cả chứng minh được rằng nếu khéo lợi dụng được tài liệu (nhiều lúc rất có sẵn đối với sử gia), thì chúng ta cũng có thể đem lại khám phá mới và quá khứ cũng có thể hiện lên đồi dào hơn để sử học VN khỏi trở thành trò chơi gậm nhấm chiên xào qua lại lấy danh của mấy chức việc có uỷ quyền và để lý luận đỡ sai lầm hơn cho những lý thuyết gia chính trị, những người nói chuyện văn hóa triết học dân tộc quanh quẩn ở mấy tài liệu cũ.

Sự hiểu biết sâu xa về địa phương thật là cần — không những cho cách giải thích những địa danh mà nhiều sử gia trước đã thất bại trong việc làm cho lịch sử cụ thể hơn. Đi sâu vào sinh hoạt địa phương còn giúp ích cho tác giả đem kiến giải mới ví dụ cho vai trò sinh hoạt *nguồn* trong biến động Tây Sơn từ buổi đầu đeo đẳng vận mệnh anh em Tây Sơn đến lúc cuối. Bắt đầu như vậy, giải thích được mở rộng ra theo quan điểm thích nghi văn hóa, đặt biến động ở hậu bán thế kỷ 18 của VN vào trong trào lưu giao thương thế giới, trong cuộc tiếp xúc Âu Á ở một khu vực tranh chấp dẫn đến những giao động nổ bùng ra bằng những xung đột gươm giáo đã dành mà còn bằng những âm mưu khuynh loát chính trị, ý thức hệ nữa. Giải thích, giả thuyết ấy còn chờ tranh luận để được chấp nhận, nhưng thiết tưởng cũng là một điểm khiến ta suy nghĩ.

Tập sách vốn là một tiểu luận Cao học đệ trình Trường Đại Học Văn Khoa Sàigòn được sửa chữa lại và in trong những ngày tác giả đi lính, nên thêm vào những khuyết điểm buổi đầu của một bài làm cho-song còn có những sơ sót cần phải nói để những lời khen ở trên được đặt đúng vị trí của nó. Khả năng hiểu biết chữ Hán của tác giả hình như không nhiều. Sách tham khảo hầu hết đều là của Quốc sử Quán. Viện Khảo Cổ VN còn chứa nhiều sách dã sử liên quan xa gần

Library HoangSa.Org

tới vấn đề để tác giả có thể bỏ công tới sưu tầm hơn một chút. Bị lôi cuốn theo với tài liệu độc nhất của sử quan, tác giả đã cho Đô đốc Gia chết ở Khánh hòa năm 1795 rồi lại lồm cồm bò dậy đánh nữa ở Quảng ngãi năm 1797 (các trang 283, 304). Một số lỗi khác phải chú ý tới : « hải lệ » (trang 26) được giải theo với một số tác giả văn học là « nước mắt biển », nên sửa lại là « hải lễ : nước ngọt (sông Lễ) ở biển », 100.000 cân ta tương đương với khoảng 60.000 kg chứ không phải 6.000 kg (trang 226, đã tính tương đương đúng ở trang 228)...

Trên đầu sách có một đoạn nhập đề trình bày lề lối làm việc, quan niệm sử học áp dụng vào một trường hợp cụ thể là vấn đề tác giả đang khảo sát ; cuối sách có bảng sách-dẫn khá tiện cho người khảo cứu (nhờ đó mà chúng tôi dùng gậy ông đập lưng ông khám phá ra trường hợp Đô đốc Gia ở trên !). Học giả khó tính chắc không bằng lòng sự trình bày có vẻ nhà trường của phần mở đầu đó do vết tích của một Tiểu luận để lại. Người muốn trí óc nhẹ nhõm hơn có thể không bằng lòng với những chú thích « tờ a, tờ b, những sự kiện chi tiết làm nhức đầu, với cách hành văn cầu kỳ nhất là những đoạn suy luận tổng quát đá chút văn chương, triết sử... Nhưng chúng ta dễ thông cảm hơn khi nhìn vào một số sách sử đã xuất bản với các cách sử dụng tài liệu quá dễ dãi, không chừa chỗ cho người sau kiểm chứng, phê phán, thường chú ý đến những chi liết với ý thức thành khẩn tội nghiệp là kể lại quá khứ chứ không lưu tâm cho sử học thành một khoa học (nhân văn), nghĩa là một kiến thức hóa, trừu tượng hóa... Tóm lại, với quyển sách đã xuất bản, cho dù không có dụng ý, Trường Đại Học Văn Khoa Sàigòn cũng có thể hãnh diện vì tác giả, một người xuất thân ở đó, từ lúc các chứng chỉ Sử Địa còn lêu bêu ở các Cử nhân Pháp, Việt, Triết.

Tuy nhiên lời cầu mong cho các sinh viên sử bỏ xa người cựu sinh viên Tạ Chí Đại Trường vẫn không thốt ra nổi vì một chút sự thật chỉ mới nói riêng cho ở đây : quyển « Lịch sử Nội chiến... » viết xong năm 1964, sửa lại năm 1969, được giải thưởng năm 1970 mà mãi đến cuối năm 1973 mới ra đời trong hoàn cảnh mọi người chạy gạo ngặt nghèo, đem gộp với những điều người ta biết về thân thế tác giả trong hơn 10 năm nay, tất cả đều khiến người ta khó dám lạc quan nói chuyện thiện chí. Mà thiện chí, nhất là thiện chí cá nhân đâu phải là một câu « úm-ba-la » để có những thành quả vững vàng không xấu hổ với mình, đương cự với người, thay đổi được một « truyền thống » nhập nhèm, bết bát ?

28-8-1974

Thạch Sanh.

Library HoangSa.Org

● Võ Long Tê. *Les Archipels de Hoàng Sa et de Trường Sa selon les Anciens ouvrages Vietnamiens d'Histoire et de Géographie* Sàigòn: Ministère de la Culture de l'Education et de la Jeunesse, 1974 (Collection Publications en Langues Etrangères de la Commission de traduction), 288 pages (y compris 41 planches hors-texte).

Đây là một tác phẩm bằng Pháp ngữ, ra đời đúng lúc và thiết tưởng người ta phải ngợi-khen tác-giả Võ Long-Tê mà giới văn-hoa Sài-gòn đều biết tiếng.

Kể từ cuộc tấn-công nhân danh một đế quốc rộng lớn gồm 800 triệu dân, võ trang đầy đủ bom nguyên-tử và hỏa-tiễn, chống lãnh-thổ quốc-gia của nước Việt-Nam nhỏ bé, đang bị chia đôi phân hóa, tan-nát và kiệt-quệ vì 30 năm chiến-tranh, các hòn đảo nhỏ mang tên quần-đảo Hoàng-sa trở nên vấn-đề thời-sự. Tại-sao Trung-Cộng phải đợi hơn 30 thế-kỷ mới sực nhớ những hải-đảo kia chìm lẫn giữa Thái-bình dương như cát bụi và hung-hãn xác-định tham-vọng bằng cách huy-động cả hải-lực chống vài hải-thuyền canh-phòng cận duyên nhỏ bé của Việt-Nam ?

Dù sao, biến-cố xảy xa tại Quần-đảo Hoàng-sa đã động-cập trực-tiếp Việt-Nam, nhưng cũng động cập gián-tiếp Phi-luật-tân, Indonêxia, Thái-lan và xa hơn chút nữa Ấn-Độ, Úc-đại-lợi. Nhìn kỹ bản đồ Thái-bình-dương và Đông-Nam Á-châu, ta sẽ thấy ngay rằng một căn-cứ hải-thuyền và tiềm-thủy-đỉnh của Trung-Cộng thiết-lập giữa Việt-Nam, Phi-luật-tân và Bornéo sẽ là mối hăm-dọa đè nặng trên sự giao-thông quốc-tế giữa Đông-phương và Tây-phương, giữa miền Bắc và miền Nam, sẽ là một lợi-điểm chiến-lược trong tay Trung-Cộng đối với đường liên-lạc từ Ấn-độ-dương đến Thái-bình-dương và từ miền Bắc-hải đến Đại-dương-châu, sẽ tạo ưu-thế cho chính Trung-Cộng về sự tiếp-tế dầu hỏa và cao-su trên hải-trình đầy dẫy những mạch dầu hỏa đã khai-dụng hay đang khảo-tầm. Các nhà lãnh-đạo Bắc-kinh đã đánh hơi lưu ý đến mùi nhiên-liệu hay tính-toán chuyện gì đây ?

Dầu thế nào đi nữa, thế-giới đã mặc cho nước Việt-Nam đơn-độc trước những hăm-dọa của một cường quốc nguyên-tử Trung Cộng. Phải chăng xã-hội tiêu thụ này đã hưởng-lạc no say đến độ không có thể có phản-ứng trước sự bất-công và áp-bức ? Hay là xã-hội ấy còn đang mong đợi thấy rõ những bằng chứng có đủ tín-lực hơn nữa về sở-hữu quyền đối với các hòn đảo ấy, đối-tượng của tham-vọng Trung-Cộng ? Nếu là thế thì đây là những bằng-chứng ấy, nêu ra trong tác-phẩm của ông Võ Long-Tê, với những luận-cứ xây-dựng vững-vàng trên nền-tảng những tài-liệu đích-thực :

Library HoangSa.Org

1) *Toàn-tập Thiên-Nam tứ chí lộ đồ thư*, gồm bản đồ của Đỗ-bá thiết-lập trong khoảng thời-gian từ 1630 đến 1653 và có ghi rõ rằng hai quần-đảo Hoàng-sa và Trường-sa thuộc quyền cai-trị của chúa Nguyễn nhưng xét ra đã thông-thuộc lãnh-thổ Việt-Nam từ thế-kỷ XV, thời Lê sơ.

2) *Phủ-biên tạp lục* do Lê Quý Đôn soạn-thảo trong các năm 1776-1777, tiết-lộ rằng *Đội Hoàng-sa* đã được thành-lập để hàng nam đến Hoàng-sa thu góp hải-sản và hàng-hóa trôi giạt ở đấy xuất xứ từ các thuyền-bè lâm nạn. *Đội Bắc-hải*, thống-thuộc Đội Hoàng-sa, cũng nhằm mục-tiêu ấy. Công-văn trao đổi giữa các nhà đương quyền Trung-quốc và Việt-Nam thời trước có đề-cập đến hải thuyền Việt-Nam thuộc các Đội Hoàng-sa và Bắc-hải bị đắm. Không có thư nào phủ-nhận chủ-quyền Việt-Nam đối với *Hoàng-sa* và *Vạn lý Trường-sa*.

3) Các tác-phẩm *Dư-địa-chí* (soạn-thảo trước 1821) và *Hoàng-Việt Địa-dư chí* (in năm 1833) của Phan-Huy Chú viết về *Hoàng-sa* như là thuộc lãnh-thổ phủ Quảng-nghĩa, cựu danh là Tư-nghĩa. Chúa Nguyễn đã góp phần củng-cố chủ-quyền Việt-Nam trên các hải-đảo ấy. Triều Nguyễn, kế-tục Chúa Nguyễn sẽ ban-hành những biện-pháp thích-nghi để hoàn thành sự hội nhập của các hải-đảo ấy trong cộng-đồng quốc gia.

4) Biện-pháp hành-chánh, quân-sự và Khoa-học của vua Gia-long (1802-1819) và vua Minh-mệnh (1820-1840).

Trong những ấn-phẩm công như : *Đại-Nam Thực-lục Chính-biên*, *Khâm-định Đại-Nam Hội-điển sự lệ* và *Đại-Nam Nhất-thống chí*, chúng ta có những đoạn văn trình bày chính sách của triều Nguyễn đối với Trường-sa và Hoàng-sa :

— Năm 1816, vua Gia-long ra lệnh cho quan-thuyền đến Hoàng sa để thám-sát và ước-lượng hải-trình.

— Năm 1833, vua Minh-mệnh ra lệnh xây ở Hoàng-sa một ngôi miếu và bia, trồng cây trên các đảo để thuyền bè dễ nhận ra và tránh nạn mắc cạn trong khoảng hải-trình này.

— Năm 1834, vua Minh-mệnh phái Đội-trưởng Trương Phúc-sĩ đến tận nơi lập họa-đồ và phúc trình về địa-thế Hoàng-sa.

— Năm 1835, đội-trưởng Phạm văn Nguyên thực-hiện lệnh vua Minh-mệnh, xây trên đảo *Bàn-than-thạch* một thần từ trước có bình-phong.

— Năm 1836, vua Minh-mệnh phái đội trưởng Phạm Hữu Nhật thám-sát Hoàng-sa (danh xưng này bao gồm Trường-sa như Ông Võ Long-Tê đã minh-chứng với luận-cứ xác-đáng khi bình giải *Đại-Nam Nhất-thống chí*), hễ đến đảo nào thì ghi rõ địa thế, vị-trí, bề dài, bề

Library HoangSa.Org

rộng, độ cao, độ sâu của biển và trồng móc-giới ghi rõ thời-gian đổ bộ lên đảo.

5) Ngoài những tài-liệu nêu trên, còn có một bản đồ mang tên *Đại-Nam Nhất thống toàn đồ* có vẽ và ghi rõ thành hai nhóm riêng biệt hai quần đảo *Hoàng sa* và *Vạn lý Trường-sa*. Như danh-xưng đã nêu rõ, bản đồ này hình dung trọn quốc thổ Việt-Nam trong tình-trạng kể từ năm 1838 đổi quốc-hiệu là Đại-Nam và trước năm 1862 nhượng ba tỉnh miền đông Nam-kỳ cho Pháp, khoảng thời-gian từ năm 1838 đến năm 1862 là thời-gian thiết-lập bản đồ này.

Những tác-phẩm xưa của Việt-Nam, do ông Võ Long-Tê viện dẫn chứng tỏ đầy-đủ rằng các quần-đảo Hoàng-sa và Trường-sa thuộc lãnh-thổ quốc-gia Việt-Nam. Những biện-pháp hành-chánh thời Pháp-thuộc chỉ làm cho vững mạnh thêm các dữ-kiện trong các tài-liệu Việt-Nam, tái-xác-nhận biên-cương của quốc thổ Việt-Nam bao trùm quần-đảo Hoàng-sa và tất cả những hải-đảo tiếp cận bờ biển Việt-Nam. Dụ số 10 ngày 30-3-1938 đặt quần-đảo Hoàng-sa, thuộc quyền tỉnh Thừa-thiên. Còn quần-đảo Trường-sa thì Chính-phủ Pháp đã chính-thức chiếm đóng năm 1930 và năm 1933. Sau khi thu-hồi độc tập, Tổng-thống Việt-Nam Cộng-hòa ban-hành một sắc-lệnh năm 1961 đặt Hoàng-sa thuộc quyền tỉnh Quảng-Nam (quận Hòa-vang), còn quần-đảo Trường-sa thị thuộc quyền tỉnh Phước-tuy, do sắc-lệnh số 143 năm 1956.

Đằng khác, « nhiều tài-liệu ngoại quốc chứng minh tầm quan-trọng của hải-lực Việt-Nam thời Chúa Nguyễn và triều Nguyễn, khả dĩ giúp cho chính quyền bấy giờ làm chủ các quần-đảo ở ngoài khơi bờ biển Việt-Nam » đặc-biệt các tài-liệu của đô-đốc Estaing).

Tác-phẩm của Ông Võ Long-Tê vượt quá tầm mức một tác-phẩm đáp-ứng một biến-cố thời-sự. Đấy là một công-trình khoa-học, xây-dựng trên những bản văn đích-thực, được phiên dịch, phân-tích bình-luận một cách nghiêm-chỉnh và không chút thiên-kiến vì tình riêng, mặc dầu biến-cố Hoàng-sa gây xúc-động cho mọi con tim người Việt. Đàng khác, tác-giả có công đối-chiếu tài-liệu Việt-Nam với tài-liệu ngoại-quốc vốn không có tài-liệu nào tỏ ra bất-cứ hòn đảo nào ở Hoàng-sa và Trường sa thuộc Trung-quốc.

Chớ gì các nhà đương-quyền ở Bắc-kinh vẫn tự cho là chống thực-dân và chống đế-quốc hãy tỏ rằng họ không có tham-vọng đế quốc hơn các vị Hoàng-đế Trung-quốc đời xưa, và hãy nhìn-nhận rằng họ đã lầm-lạc khi chiếm cứ các hải-đảo thuộc quốc-thổ Việt-Nam.

ĐÀO-ĐĂNG-VỸ

Library HoangSa.Org

Trong ít tháng gần đây, ban biên tập Tập san Sử Địa với sự hợp tác của nhiều học giả danh tiếng đang ráo riết thực hiện số đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa. Nhiều tài liệu mới lạ cùng những công trình khảo cứu khách quan được công bố. Số Sử Địa đặc khảo trên sẽ gạt bỏ những khai thác chính trị nhất thời, không ích chi cho việc bảo vệ chủ quyền trường cửu của lãnh thổ Việt Nam.

Tập san Sử Địa đã nhận được các sách tặng sau đây :

Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*. Sàigòn : Lá Bối, 1974. 466 trang. Giá 800$ tại Sàigòn (850$ tại các tỉnh).

Tác giả đã tham khảo hàng trăm tác phẩm chữ Hán, chữ Nhật, chữ Anh, Pháp và Quốc ngữ để đào sâu những diễn trình lịch sử Phật giáo Việt từ khởi nguyên đến thời cực thịnh Lý, Trần. Tác giả đã khảo cứu các thiền phái như Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường Trúc Lâm... cùng các thiền sư như thiền sư Pháp Loa, Huyền Quang, Trí Viễn, Pháp Cổ, Huệ Nghiêm, Bảo Sát, Trí Thông... cùng các nhà vua tôn sùng đạo Phật như Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông. Tác giả đã phân tích và nhận định những tư tưởng cùng những hệ thống tư tưởng Phật Giáo Việt Nam.

Nguyễn Duy Oanh. *Chân Dung Phan Thanh Giản*. Sàigòn : Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên, 1974. 474 trang.

Tác giả khảo sát thân thế, sự nghiệp của Phan Thanh Giản, với dòng dõi, quê quán, luyết thông cùng con đường hoạn lộ đến cái chết của Phan Thanh Giản. Tác giả cũng trình bày thái độ của triều đình Huế, công luận phẩm bình đối với cái chết và con người Phan-Thanh Giản. Ngoài ra có phần trích dịch thơ văn của Lương Thê Thi Thảo.

Đỗ Quang Giao. *Nông Lịch Miền Nam*. Sàigòn : Cơ sở xuất bản Trương Vĩnh Ký, 1974, 198 trang. Giá 600$.

Tác giả trình bày bảng chỉ dẫn đầy đủ về nông nghiệp từng vùng địa lý tại Miền Nam. Mỗi tỉnh đều có phần đất đai, khí hậu, lịch trồng các loại nông sản như lúa, bắp, khoai đậu, bầu, các loại rau, trái cây... Phần cuối cùng, tác giả còn trình bày về những mùa nông sản như lúa, bắp, đậu phụng, trái cây.

Đỗ Quang Giao. *Đất Đai và Nông Nghiệp tại Việt Nam Cộng Hòa*. Sàigòn : Cơ sở xuất bản Trương Vĩnh Ký. 223 trang. Giá 500$.

Tác giả trình bày sơ lược đất đai tại Việt Nam Cộng Hòa, trong khi ấy dành phần lớn cuốn sách nói về nông lâm ngư nghiệp, từ rừng Việt Nam, đến việc đánh cá, nuôi cá, việc trồng lúa, trồng cây trái, công kỹ nghệ...

Library HoangSa.Org

● Nguyễn Huy và Huỳnh Tư. Les Marais Salant de la Province de Bac Liêu (extrait du Bulletin de la Société des Études Indochinoises, tome XLIX-2, 1974). 19 pages.

Tập khảo cứu về ruộng muối Bạc Liêu với những đặc điểm về kỹ thuật lấy nước biển, về tính chất và cách sử dụng muối. Một số hình ảnh.

Ngoài ra Tập San Sử Địa cũng nhận được một số sách gửi tặng của Nha Văn Hóa thuộc Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên.

Khối Văn Hóa, trước kia là Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, bắt đầu trực thuộc vào Bộ Giáo Dục từ khi ông Mai Thọ Truyền từ trần. Vào năm 1971 trở về trước cơ quan này ấn hành nhiều sách dịch từ Hán văn thuộc loại tuồng tích, rất ít giá trị về văn hóa. Tuy nhiên, từ năm 1972 trở đi, nhiều bộ sách cổ bằng chữ Hán rất giá trị đã được phiên dịch. Điểm son rất đáng tán dương là tất cả các sách dịch đều in phần nguyên văn chữ Hán. Đây là công trình đáng kể nhất bởi nhờ vậy, ít ra những di sản, các sách cổ quý được bảo vệ, nếu không chẳng còn bao lâu, các bộ sách đó sẽ bị mục nát hay bị thất lạc có khi chỉ còn 1 bản duy nhất, có thể mất đi luôn. Chưa đề cập đến phần nội dung dịch xét qua hình thức các bộ sách dịch chữ Hán của Thư « Văn Hóa » có một số những khuyết điểm như cách sắp xếp chữ quá thưa, vừa thiếu mỹ thuật vừa tốn giấy ; phần lớn các bộ sách đều in trên giấy trắng vừa nặng, vừa tốn ; Giá cả rất cao, hiện nay trên một ngàn đồng mỗi cuốn ; trong hoàn cảnh chật vật hiện nay, không hợp với túi tiền những người muốn đọc sách, việc quảng bá cũng gặp khó khăn không ít. Phần Chú giải của các dịch giả tuy có nhưng chưa được công phu, tinh tường cho lắm. Dù sao riêng về số lượng các tác phẩm chữ Hán thật là công trình đáng kể. Nếu đương sự phối hợp giữa người tinh thông chữ Hán với các nhà chuyên môn sử học như các công trình dịch thuật của Viện Khảo Cổ vào đầu thập niên 60, thời ông Giám Đốc Kiểm sử học Trương Bửu Lâm thì hay biết bao ! Chúng tôi xin ân cần giới thiệu các sách dịch từ chữ Hán sau đây :

● Lê Quí Đôn. *Phủ Biên Tạp Lục*, Tập I (quyển 1,2,3). Lê xuân Giáo dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1972, 312 trang 750$.

● Lê Quí Đôn. *Phủ Biên Tạp Lục*, Tập II (quyển 4, 5, 6). Lê xuân Giáo dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1973, 449 trang. 1100$

● Lê Quí Đôn. *Đại Việt Thông Sử*. Lê Mạnh Liêu dịch. Sàigòn : Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên, 1973, 308 trang 1200$.

● Lê Quí Đôn. *Vân Đài Loại Ngữ* Tập I (quyển 1, 2,3) Tạ Quang Phát dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1972, 288 trang. 750$

Library HoangSa.Org

Lê Quí Đôn. *Vân Đài Loại Ngữ*, Tập II (quyển 4,5,6,7), Tạ Quang Phát dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1972, 276 trang. 740$.

Lê Quí Đôn *Vân Đài Loại Ngữ*, Tập III (quyển 8,9) Tạ Quang Phát dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1973, 329tg. 1200$

Trịnh Hoài Đức. *Gia Định Thành Thông Chí*, Tập Thượng (quyển I và II) Tu Trai Nguyễn Tạo dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1972, 118 trang. 700$.

Trịnh Hoài Đức. *Gia Định Thành Thông Chí*, Tập Trung (Quyển III). Tu Trai Nguyễn Tạo dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1972, 111 trang. Giá 700$.

Trịnh Hoài Đức. *Gia Định Thành Thông Chí*, Tập Hạ (quyển IV,V,VI). Tu Trai Nguyễn Tạo dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1972, 130 trang. Giá 700$.

Hoàng Cao Khải. *Việt Sử Yếu*, Lê xuân Giáo dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1971, 475 trang. Giá 800$.

Quốc Sử Quán. *Minh Mệnh Chính Yếu*, Tập I (quyển 1,2,3,4). Hoàng Du Đồng Hà Ngọc Xuyền dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1972, 224 trang. Giá 750$.

Quốc Sử Quán. *Minh Mệnh Chính Yếu*, tập II (quyển 5,6,7). Vũ Quang Khanh, Võ Khắc Văn dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1972. 146 trang. Giá 600$.

Tự Đức Thánh Chế Văn Tam Tập (quyển mục lục, I đến VIII). Tây Hồ Bùi Tấn Niên dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1971, 276 trang. Giá 740$.

Tự Đức Thánh Chế Văn Tam Tập (quyển IX đến XIV), Tây Hồ Bùi Tấn Niên và Á Nam Trần Tuấn Khải dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1973, 282 trang. Giá 800$.

Tự Đức Thánh Chế Tự Học Giải Nghĩa Ca, Tập I. Nguyễn Hữu Quỳ dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1971, 141 trang. Giá 400$.

Dực Tông Anh Hoàng Đế. *Ngự Chế Việt Sử Tổng Vịnh*, Tập Thượng (quyển thủ, 1,2,3,4). Lê xuân Giáo, Nguyễn Quang Tô dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1970, 308 trang. Giá 800$.

Dực Tông Anh Hoàng Đế. *Ngự Chế Việt Sử Tổng Vịnh*, Tập Trung (quyển 5,6,7). Thiện Trai Hồ Tánh, Nguyễn Duy Tiếu dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1970, 225 trang. Giá 650$.

Dực Tông Anh Hoàng Đế. *Ngự Chế Việt Sử Tổng Vịnh*, Tập Hạ (quyển 8,9,10). Hoàng Khôi dịch. Saigon PQVKĐTVH, 1970, 201 trang. Giá 550$.

Library HoangSa.Org

Phan Huy Chú. *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, Tập I (quyển thủ, quyển I, II, III, IV, V : Dư địa chí). Tố Nguyên Nguyễn Thọ Dực dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1972, 370 trang. Giá 970$.

Phan Huy Chú. *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, Tập II (Thượng) : quyển VI, VII, VIII : Nhân vật Chí. Tố Nguyên Nguyễn Thọ Dực dịch. Sàigòn : Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên, 1973, 285 trang. Giá 1000$.

Phan Huy Chú. *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, Tập II (Hạ) : quyển IX, X, XI và XII : Nhân Vật Chí. Tố Nguyên Nguyễn Thọ Dực dịch. Sàigòn : Phủ QVKĐTVH, 1973, 238 trang. Giá 800$.

Vô Danh Thị. *Tây Sơn Thuật Lược*. Tạ Quang Phát dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1971, 22 trang. Giá 160$.

Huấn Dịch Thập Điều. Thánh Dụ của vua Thánh Tổ, diễn nghĩa của vua Dực Tông. Lê Hữu Mục dịch. Saigòn : PQVKĐTVH, 1971, 253 trang. Giá 460$.

Nguyễn Văn Mai. *Việt Nam Phong Sử*. Tạ Quang Phát dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1972, 303 trang. Giá 750$.

Nguyễn Trãi. *Ức Trai Tập*, Tập Thượng (quyển 1,2,3). Hoàng Khôi dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1971, 418 trang. Giá 800$

Nguyễn Trãi : Ức-Trai Tập, Tập Hạ (quyển 4,5,6). Hoàng Khôi dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH 1972, 429 trang. Giá 800$

Vô Danh Thị. *Hoàng Việt Xuân Thu*. Phương Thủ Nguyễn Hữu Quỳ dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1971, 256 trang. Giá 750$.

Vỹ Khiêm, Đức Đạt, Song Quỳnh Mai Am. *Nhân Trung Vịnh Cổ Vịnh Sử Giáp Ất Tập*. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1971, 671 trang. Giá 1000$.

Vô Danh Thị. *Hàm Hòa Diễn Truyện. Tuồng Hát Bội Tập I*, Đỗ Nhật Tân dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1971, 197 trang. Giá 330$.

Sơn Hậu Diễn Truyện (Tuồng Hát Bội). Đinh Thụ Hoàng Văn Hoè. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1971, 223 trang. Giá 580$.

Trần Bá Hôn diễn ca. Phan Vọng Húc dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1971, 186 trang. Giá 380$.

Vô Danh Thị. *Lưu Bình Diễn Ca*. Hoàng Văn Suất dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1971, 29 trang. Giá 160$.

Vô Danh Thị. *Đinh Lưu Trí Diễn Ca*. (Tuồng Hát Bội) Đỗ Nhật Tân dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1971, 276 trang. Giá 400$.

Thạch Am Trương Cam Lưu. *Tây Nam Nhị Thập Bát Hiếu Diễn Ca* ; Thanh Yên Vũ Văn Kinh dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1971, 110 trang. Giá 250$.

Library HoangSa.Org

● *Tạm Tổ Hành Trạng*. Á Nam Trần Tuấn Khải dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1971, 142 trang. Giá 580$.

● *Nguyệt Hoa Vấn Đáp*, Đầu Nam Hoàng Văn Suất dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1971, 80 trang. Giá 260$.

● Nguyễn Du. *Kim Túy Tình Từ*. Phan Kim Chi dịch, tái bản bản dịch năm 1917. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1972, 152 trang (không có phần Hán Văn. Giá 320$.

● *Kim Vân Kiều Thanh Tâm Tài Tử*. Quyển 1 : Tô Nam Nguyễn Đình Diệm dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1971,203 trang. Không đề giá.

● *Kim Vân Kiều Thanh Tâm Tài Tử*. Quyển 2 : Tô Nam Nguyên Đình Diệm dịch. Sàigòn : PQVKĐTVH, 1971, 443 trang. Không đề giá.

● *Thúy Triều Truyện Tường Chú. Chiêm Vân Thi chú đính*. Quyển Thượng Trúc Viên Lê Mạnh Liêu dịch. Sàigòn : Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên, 1973, 316 trang. Giá 800$.

● Các tác phẩm thi ca của Phạm Thiên Thư do Cơ Sở Văn Chương xuất bản.

* Thơ Phạm Thiên Thư (1968) * Qua Suối Mây Hồng, Kinh Ngọc (1971) * Đạo Ca (1971) * Gương Nhiệm Mầu, Kinh Hiếu (1971) * Động Hoa Vàng (1971, tái bản 1973, 1974) * Đoạn Trường Vô Thanh (truyện thơ 1972) từng trúng giải nhất Văn Học Nghệ Thuật 1973 * Suối Nguồn Vi Diệu, Kinh Thơ (1973) * Hội Hoa Đàm, Kinh Hiền (1974) * Người Xưa Người Tình (1974) * Quyên Từ Độ Bỏ Thôn Đoài (1974).

Tất cả gần 40.000 câu thơ, trong đó tới 16.000 câu lục bát. Ngoài công trình thi hóa các kinh Phật, tác giả còn có ý định sẽ thi hóa tất cả các thánh kinh của các tôn giáo lớn. Không những tác giả đã sử dụng tài tình các ngôn từ Việt-Nam mà tác giả còn cố gắng Việt-hóa về mọi mặt, đặc biệt cuốn Đoạn Trường Vô Thanh, một bản tục Kiều rất có giá trị. Tác giả đang nỗ lực phát huy khuynh hướng dân-tộc trong thi ca.

Tập san Sử Địa ân cần giới thiện cùng bạn đọc.

Library HoangSa.Org

Sách Sử-Địa

Bán tại Nhà sách KHAI-TRÍ 62, Đại lộ Lê-Lợi, SAIGON

Việt-sử toàn thư	*Phạm-văn-Sơn*
Việt-sử tân biên	—
— I. Thượng và Trung cổ thời đại	—
— II. Trần-Lê thời đại	—
— III. Nam Bắc phân tranh	—
— IV. Tây-Sơn và Nguyễn Sơ	—
— V. Việt-Nam kháng Pháp sử	—
— VI. Việt-Nam cách mạng cận sử	—
— VII. Chế độ Pháp thuộc ở V. N.	—
Việt-Nam sử lược	*Trần-trọng-Kim*
Quốc sử tạp lục	*Nguyễn-thiệu-Lâu*
Việt-Nam Quốc dân đảng	*Hoàng-văn-Đào*
Việt-sử tiêu án	*Ngô-thời-Sỹ*
Việt-Nam thời bành trướng : Tây-Sơn	*Nguyễn-Phương*
Việt-Nam Pháp thuộc sử	*Phan-Khoang*
Việt sử : Xứ Đàng Trong	—
Trung-quốc sử lược	—
Hải ngoại ký sự	*Thích-đại-Sán*
Việt Nam sứ ký toàn thư	*Ngô sĩ Liên*
Việt sử kinh nghiệm	*Nguyễn-văn-Hầu*
Hoa cành nam : Hồi ký cách mạng	*Nhượng Tống*
Lịch sử nội chiến ở V.N.	*Tạ chí Đại Trường*
Thực trạng nông dân thời Pháp thuộc	*Phạm-cao-Dương*
Việt sử yếu	*Hoàng cao Khải*
Đại Việt thông sử	*Lê quý Đôn*
Quốc sử di biên	*Phan thúc Trực*
Minh Mệnh chính yếu	*Quốc sử Quan*
Sử ký Tư mã Thiên	*Nhượng-Tống*
Việt Nam giáo sử	*Phan phát Huồn*
Sử Cao Miên	*Lê Hương*
Chân Lạp phong thổ ký	—
Sử liệu Phù Nam	—
Nhật Bản sử lược	*Châm Vũ*
Chính trị Nhật Bản từ 1854 đến 1954	*Quang Chính*
Đề Thám, con hùm Yên Thế	*Nguyễn duy Hinh*
Cuộc đời cách mạng Cường-Để	*Tráng-Liệt*
Chí sĩ Nguyễn quang Diệu	*Nguyễn văn Hầu*
Đức Cố Quản	—
Nhà cách mạng Tạ thu Thâu	*Phương Lan*
Nhà cách mạng Nguyễn an Ninh	—
Anh thư nước Việt	—
Cụ Trần Cao Vân	*Hành Sơn*
Việt Nam phong tục	*Phan Kế Bính*
Phong tục Việt Nam	*Toan Ánh*
Xã hội nhà Lý	*Nguyễn hữu Châu Phan*
Nghiên cứu Việt Nam	—
Sài gòn năm xưa	*Vương hồng Sển*
Non nước xứ Quảng	*Phạm trung Việt*
Cao Nguyên miền Thượng	*Toan Ánh*
Khí hậu Việt Nam	*Đỗ đình Cương*

Library HoangSa.Org

PHẦN

SINH HOẠT VĂN HÓA

TẬP SAN SỬ ĐỊA SỐ 27 & 28, đệ tam và đệ tứ tam cá nguyệt
1974

Library HoangSa.Org

PHẢI LÀM MỘT CÁI GÌ CHO VĂN HÓA DÂN TỘC

★ NGUYỄN NHÃ

Gần nửa thế-kỷ nay, nhiều người đã đặt vấn-đề nước ta có quốc-học hoặc văn-hóa dân-tộc hay không. Đến nay, tranh-luận không còn thành vấn-đề nữa. Quả thật, nước ta đã có quốc học. Quốc học ở trình độ « bác-học » thì còn quá nghèo-nàn, quốc-học ở trình-độ « dân-gian » thì quả vô-vàn phong-phú. Thật sự mà nói thì dân-tộc tính hay bản-sắc dân-tộc đã bàng-bạc trong văn-học, nghệ-thuật dân-gian, trong nếp-sống, sinh-hoạt dân-gian Việt Nam. Đành rằng, hoàn-cảnh ngặt-nghèo về địa-lý, hoàn-cảnh oan trái về lịch sử, dân-tộc luôn bị ngoại-xâm thống-trị, tất-cả đã không thuận-lợi cho việc vun-trồng quốc-học, nhưng với hàng ngàn năm từng được tự chủ về chánh-trị, quả thật giới trí-thức và chính-quyền Việt-Nam qua các triều-đại đã chịu trách-nhiệm nặng-nề, thiếu sự khuyến-khích tinh-thần sáng-tạo, tự-lập để vun-trồng quốc-học, vay mượn quá nhiều văn hóa ngoại lai, hết Tàu đến Tây...

Cho đến nay, mọi người đều công-nhận giá-trị vô-song của kho-tàng văn-học dân-gian như ca dao, tục ngữ, truyện đời xưa, truyện vui cười...cùng giá trị vô biên của kho tàng nghệ thuật dân gian như dân nhạc, tranh dân gian... ở đó, không những chứa đựng những tư-tưởng, chính sách, đường lối,nếp-sống dân-tộc mà thật sự là những thành-trì vững chắc chống-chọi với văn-hóa ngoại-lai, mang nhiều tình-tự dân-tộc, màu-sắc dân-tộc hơn cả. Nhưng cho đến nay, vẫn chưa thấy những công-trình nghiên-cứu thật đáng kể về những chất-liệu dân-tộc trên. Những gì mà người Việt-Nam cho là tầm-thường, « nôm-na mách-quê », có khi lại trở thành độc-đáo dưới con mắt của một nhà nghiên-cứu đối-chiếu giữa các dân-tộc quốc-gia trên thế-giới. Có nhiều cái bị coi là tầm-thường, có thể đã bị mai-một đi.

Đã đến lúc, chúng ta cần phải có thái-độ dứt-khoát tích-cực. Không phải dứt-khoát trở về nguồn để rồi chỉ theo cũ, vốn bản chất ngoại-lai. Cũng không phải dứt-khoát theo mới, hoàn toàn theo mới để canh-tân, cải-tiến, nhưng rồi cũng chỉ hoàn toàn ngoại-lai. Nhưng chúng ta phải dứt-khoát đả phá sự quá nô-lệ văn-hóa ngoại-lai từ hàng ngàn năm tới nay. Chính thái-độ dứt khoát này sẽ khuyến-khích tinh thần sáng-tạo, để từ đó phát-huy hay tạo-thành những gì Việt-Nam vĩ

Library HoangSa.Org

đại trong tương lai về mọi lãnh-vực tư-tưởng, văn học, nghệ-thuật, chính trị... để đóng góp với thế-giới.

Từ nhiều năm qua, lòng người rã-rời, mệt-mỏi, nguội lạnh lòng tin-yêu, anh em trong nhà chỉ biết nghi-kỵ, lọc-lường, thù-hận vì những lý tưởng cuồng-tín hay vì những quyền-lợi riêng-tư, hay vì những tham vọng, thế-lực ngoại nhân... để rồi nhà tan cửa nát, phân-ly, không biết bao giờ mới chấm dứt. Các thế-lực văn-hóa, chính-trị, quân-sự, kinh-tế ngoại lai cứ bao vây, xô đẩy anh em một nhà thù-hận không nguôi. Càng xa nhau, càng khó hợp-nhất, mà văn hóa không thuần-nhất sẽ tạo hố sâu cách-biệt tai-hại cho sức-mạnh dân tộc, nếu một mai nước nhà thống nhất trở lại.

Đã đến lúc, chúng ta phải góp gió thành bão, tạo sức-mạnh văn hóa dân-tộc vô-biên, đem tình-thương hàn-gắn mọi khổ-đau dân-tộc, đem tình tự dân-tộc để nhen-nhúm lại ngọn lửa tin-yêu, « lửa sẽ xua đuổi bóng tối để tất cả chúng ta sống những ngày đáng sống ». Lửa tin yêu này sẽ đốt sạch những nghi-kỵ, những lọc-lường, những lý-tưởng cuồng-tín, những ích-kỷ hại-nhân, những vong-bản...

Đã đến lúc, chúng ta phải chuẩn-bị một thế kết-hợp văn-hóa dân-tộc, để chúng ta làm một cái gì cho văn-hóa dân-tộc..

« Phải làm một cái gì cho văn-hóa dân-tộc », là một câu hỏi đã được chúng tôi, kẻ hèn này, đặt ra trong một buổi họp mặt trưa ngày 28-8-74 do Tập San Sử-Địa tổ-chức tại tư thất cụ Nhất Thanh (tác giả cuốn Đất Lề Quê Thói), để tiếp Gs. Trần văn Khê, từ Pháp trở về nước, thăm quê hương ít ngày. Trong buổi họp mặt tuy ít người nhưng có mặt gần đầy đủ những người tiêu biểu cho các lãnh vực văn hóa như nhạc-sĩ Phạm-Duy (dân nhạc), nhà thơ Phạm Thiên Thư (thi ca dân tộc), tiến sĩ Trần Quang Huy (nghiên cứu văn học), cụ Lãng Nhân nghiên cứu (văn học), kiến trúc-sư Nguyễn Bá Lăng (kiến trúc, khảo cổ học), võ sư Trần Huy Phong (việt võ đạo), giáo sư Nguyễn Ngọc Trác (sử địa),... Tất cả mọi người đều đồng ý phải làm một cái gì cho văn hóa dân-tộc. Nhà thơ Phạm Thiên Thư nói rằng không nên e dè gì nữa, bởi việc làm văn hóa dân tộc là chính đáng và đúng lúc. Nhạc sĩ Phạm Duy thì dè dặt hơn, bởi theo kinh-nghiệm của ông đã bao lần nhiều người đã nói đến tình-tự dân tộc, cuối cùng cũng chỉ nói suông, không đi đến đâu, một phần cũng bởi thiếu thực-tế, không lo phương-tiện để thực hành, một phần. Có khi bị người ta phá. Ông đã có những chứng cớ rất cụ thể. Nhạc sỹ Phạm Duy cho rằng phải thực tế, cần nhất phải có một tấm lòng, rồi mình chỉ cốt sao đạt đến những mục tiêu tốt đẹp cho dân tộc, thì mình chấp nhận mọi sự dị-nghị, mặc cảm không đâu. Sẵn sàng đón nhận

Library HoangSa.Org

mọi sự trợ giúp bất cứ đâu ; có khi phải cố gắng tự tạo ra phương tiện để việc làm hữu hiệu, có lợi cho dân tộc, quê hương là đủ rồi. Võ sư việt võ đạo Trần Huy Phong cũng cho biết những kinh nghiệm của Ông. Người Việt Nam bị đau khổ quá nhiều, chịu nhiều thế lực ngoại lai, nên bây giờ luôn luôn nghi ngờ, trở thành mặc-cảm đặc biệt đối với tất cả những gì liên hệ đến ngoại nhân, đã làm tiêu ma những thiện chí những người cần tới những phương tiện dồi dào, nhưng cũng nhờ đó mà tổ quốc mới còn tồn tại đến ngày nay. Võ sư Phong còn nhận định rằng hiện nay, người Việt Nam hai bên đều nổi tiếng bộ binh đánh nhau giỏi nhất thế giới, nhưng các lãnh vực khác còn thua kém nhiều, nên người Việt cần phải nỗ lực phát-triển trên mọi lãnh-vực để làm bớt sự thống khổ và sức mạnh văn-hóa cũng là sức-mạnh đáng kể. Võ sư Phong cũng rất tán đồng quan niệm thực-tế của nhạc sỹ Phạm Duy, nhưng cũng phải để ý đến những dị nghị cố hữu của người mình để dễ làm việc. Tiến-sĩ Trần Quang Huy cũng cho biết những kinh nghiệm của Ông khi Ông du học tại Đài Bắc. Ông rất thiết tha đến việc tìm hiểu bản-sắc Việt Nam, có những gì khác Tàu. Theo Ông, muốn phát-huy văn hóa dân tộc, thì việc đầu tiên phải nghiên cứu, nhận diện xem cái gì là « cái Việt Nam ». Nếu muốn có phương-tiện làm việc, theo ông, việc xin tài trợ các cơ quan văn hóa ngoại quốc không khó, nhưng ta nên coi chừng, kẻo sẽ bị người ta ngộ nhận mình làm tay sai. Cụ Nhất Thanh, Lãng Nhân cũng đã lần-lượt lên tiếng tán-thành ý-kiến « phải làm một cái gì ». Cụ Lãng Nhân đề cập đến những khó khăn kinh tế hiện nay, khiến việc làm văn hóa cũng trở ngại. Cụ Nhất Thanh, một nhà phong tục học, khảo sử thì cho rằng không nên e sợ gì, cứ bắt tay vào việc khắc phục những khó khăn. Giáo sư Trần văn Khê góp ý kiến rằng tại ngoại-quốc, công việc nghiên cứu cũng phải được chính quyền giúp mới làm nổi, vì công việc nghiên cứu rất cần phương tiện nhiều mà lại ít đem lợi lộc vật chất, ít tạo sự lôi cuốn mọi người. Tại nhiều quốc gia, ngay tại Hoa Kỳ, các hoạt động văn hóa, đã nhận sự tài trợ các cơ quan tài trợ như « Ford Foundation »... Nhưng sự tài trợ này, nếu có, cũng rất mỏng-manh, không lâu dài, vì thực ra chỉ khi nào thấy lợi, cần thiết họ mới giúp, và sự giúp hay sự bỏ có thể xảy ra đầu hôm sớm mai. Không ai cho tiền mà để chỉ cho không làm nghĩa đâu, tất-nhiên đều có nhằm tơi lợi-lộc, không phải là lợi-lộc tiền tài, mà lợi về ảnh-hưởng văn hóa, chính trị... Ta phải xét xem lợi-lộc đó có làm mất nhân cách, khiến ta quên đi công việc chánh, là phục vụ dân tộc, phục vụ văn-hóa để rồi ta sẽ nhận hay không nhận. Nhưng dù sao, muốn lâu dài, mình phải lo tự-lực cánh sinh. Giáo sư Trần Văn Khê cũng rất tán

Library HoangSa.Org

thành đường lối nghiên cứu đối chiếu của chúng tôi, khi muốn nhận diện những bản-sắc dân-tộc, vì trên thế giới hiện nay, không chỉ còn những nghiên cứu đơn độc, chỉ cho một dân tộc mình, mà việc nghiên cứu đối chiếu rất bổ ích; nhờ đó dễ liên-lạc được với nhiều cơ quan nghiên cứu quốc tế, đóng góp cho cả thế giới thưởng-thức, nhứt là khi đạt được mức độ nghiên cứu cao, giá-trị, ta có thể kiếm tiền thù lao cho các cơ quan quốc tế, cơ thể một phần nào gây tài chính, bù lại các chi phí tốn kém, để tiếp-tục công việc nghiên cứu lâu dài. Giáo sư Trần Văn Khê cũng nhấn mạnh đến việc quảng bá, phổ biến tin tức, không chỉ trong nội bộ những người nghiên cứu biết mà còn phải quảng bá sâu rộng cho quần-chúng đều biết, nhờ thế các nhà nghiên cứu được phấn-khởi, được chính quyền hay các cơ quan tư-nhân biết trợ giúp, để càng ngày càng đi đến kết quả tốt. Giáo sư Khê cũng nhận định, tại Miền Nam, trái với miền Bắc, chỉ có những công trình sưu tập tư nhân, như Phạm Duy đã từng sưu tầm về các thể điệu dân ca...

Cuối cùng, chúng tôi đã đúc kết các ý kiến rằng tất cả mọi người đều đồng ý « phải làm một cái gì cho văn hóa dân tộc, văn hóa thuần túy », còn phương thức áp dụng thì sẽ linh động, làm được tới đâu hay tới đó, đồng ý phải thực tế, phải có phương tiện, nhứt là tài chánh thì mới thực hiện những công trình nghiên-cứu giá trị, nhưng ta không ngại khó khăn, ta phải dấn thân, từ những việc nhỏ-nhặt, gạt bỏ mọi nghi-kị, tị-hiềm, coi chừng những ngộ nhận về thiện-chí của mình, nên đi tìm những nguồn tài trợ, nếu có, trước tiên ở những nhà mạnh-thường-quân Việt Nam, tránh bớt mọi sự trợ giúp chính quyền hay ngoại nhân. Khi quốc-dân đã biết rõ công việc làm hữu ích cho dân tộc, thì bấy giờ không còn lo gì nữa. Chúng tôi cũng đã đề nghị một phương thức, chương trình ngắn hạn, lấy Tập San Sử Địa làm diễn đàn, và cố gắng tiến tới trong tương lai thành lập TRUNG TÂM QUỐC HỌC (Trung tâm nghiên cứu VietNam).

Sau buổi họp mặt trên, cũng còn tổ chức một buổi họp mặt khác vào tối chủ nhật, ngày 22-9-74, giữa một số các nhà báo, trong đó có mặt ký giả Phạm Kim Vinh, Đỗ Quí Toàn, Lý Đại Nguyên... Trong buổi họp mặt này, các nhà báo trên cũng đồng ý « phải làm gì cho văn hóa dân tộc » nhứt là việc nhận-diện những gì là văn-hóa dân-tộc, hay những bản-sắc Việt Nam để từ đó ta tìm cách phát-huy. Ký giả Đỗ Quí Toàn cho biết qua những kinh nghiệm đi sâu vào làng mạc của các đoàn thanh-niên phụng-sự công-tác xã-hội, ông đã có dịp sưu tầm, biết tới những gì qui báu dân tộc như ca dao, phong

Library HoangSa.Org

tục tại địa phương. Ký giả Lý Đại Nguyên cũng trình bày quan niệm phát huy và đề nghị nên gặp gỡ thường xuyên, thảo luận rồi nên ghi chép những ý kiến thảo luận, phổ biến qua báo chí. Trong khi ký giả Phạm Kim Vinh xác nhận tầm quan trọng của vai trò phổ biến thông tin qua báo chí nhất là nhựt báo và ông sẽ làm hết sức mình trong việc phổ biến tin tức nghiên cứu, phát huy văn hóa dân tộc.

Ngoài ra, nhiều cuộc tiếp xúc riêng rẽ nhiều người như Họa sĩ Tú Duyên, một họa sĩ lão thành thiết tha đến việc phát huy bản sắc dân tộc; cụ Phạm Văn Mùi, một nhiếp ảnh gia lão thành từ nhiều chục năm nay cố gắng gây dựng bản sắc Việt Nam trong ngành nhiếp ảnh nghệ thuật; kỹ sư Nguyễn Thanh, người đã từng hăng say việc sưu tầm dân ca; nhà văn Lê Tất Điều, người đang say mê làm phim, tài liệu về Việt Nam... Tất cả đều khuyến khích nên làm một cái gì cho nền văn hóa dân tộc.

Và từ đó, mọi người đã tiếp tay thành hình một nhóm văn hóa, « Nhóm Nghiên Cứu và Phát Huy Truyền Thống Việt Nam », khởi đầu bằng dự thảo chủ trương chín điểm và các buổi sinh hoạt Truyền Thống Hát Trống Quân, buổi viếng thăm vấn an nhà thơ Á Nam Trần Tuấn Khải. Từ đó, khởi sự bắt tay vào việc, và nhóm văn hóa này chỉ thành thành hình và trưởng thành qua các sinh hoạt và các công trình nghiên cứu văn hóa dân tộc. Chúng tôi đang chờ-đợi sự tiếp tay của mọi người.

CHÚC MỪNG

* *Cháu PHẠM KIM PHƯỢNG đẹp duyên cùng dược sĩ NGUYỄN NGỌC PHÁCH vào ngày 21-9-1974 tại Sàigòn.*

* *Giáo sư TRẦN MINH CHÍNH kết duyên cùng Cô NGUYỄN TUYẾT MAI vào ngày 6-10-1974 tại Sàigòn.*

Thành thật chúc mừng các cô dâu chú rễ trăm năm hạnh phúc

Ông Bà NGUYỄN NHÃ

Library HoangSa.Org

SINH HOẠT TRUYỀN THỐNG HÁT TRỐNG QUÂN

★ TRẦN - QUANG - HUY

Trong chiều hướng phát huy các giá trị truyền thống, ngày 29/9/1974, « Nhóm Nghiên Cứu và Phát Huy Truyền Thống Việt-Nam » đã tổ chức một buổi hát trống quân tại tư thất của nhạc sĩ Phạm Duy.

Hát trống quân không những là một hình thức ca nhạc mang nhiều màu sắc dân tộc mà còn là một lối tiêu khiển, một sinh hoạt biểu hiện những đặc trưng của văn hóa Việt-Nam. Trước kia, trong khi lớp trí thức và quí tộc chịu ảnh hưởng sâu đậm văn hóa Trung-Hoa, chủ trương tiết chế tình cảm, ngăn cấm các giao tiếp giữa thanh niên nam nữ, thì đại đa số quần chúng Việt-Nam ở thôn quê vẫn tiếp tục duy trì lối sống phóng khoáng, tự nhiên. Vào dịp Trung thu, thời tiết mát mẻ, giữa đêm trăng sáng, thanh niên nam nữ tụ họp chia phe đối đáp những câu thơ, lời ca trữ tình. Bên này cất lên, bên kia họa lại, cứ như thế tiếp nối nhau và qua những câu ca tiếng hát này mỗi người đều cảm thấy được, sống được cái hòa điệu trong lòng người cũng như cái hòa điệu giữa lòng người và vũ trụ vạn vật. Chính bởi cái ý nghĩa đặc thù đó mà hát trống quân đã được chọn làm sinh hoạt mở đầu của nhóm.

Bởi vì đấy chỉ là một trong những hoạt động sơ khởi, nên buổi sinh hoạt chỉ được tổ chức thu hẹp. Số văn nghệ sĩ và những người làm văn hóa được mời chỉ ước chừng trên 20 người. Tuy vậy, buổi sinh hoạt cũng đã qui tụ được khá đủ thành phần tuổi tác và bộ môn. Về phía cao niên có cụ Nhất Thanh, nhà phong tục học, cụ ông và cụ bà Phạm văn Mùi, một nhiếp ảnh gia lão thành. Ngoài ra, trừ chủ nhân, anh chị Phạm Duy, còn có anh chị Nguyễn Nhã chủ nhiệm Tập San Sử Địa, Lê Ngộ Châu, chủ nhiệm Tập chí Bách Khoa, kiến trúc sư Nguyễn Bá Lăng, Giám đốc Viện Khảo Cổ, ông Giám đốc nhà sách Khai Trí, nhà thơ Phạm Thiên Thư, nhà thơ Trụ Vũ, nữ sĩ Tuệ Mai, nhà văn Lê Tràng Kiều, nhà văn Võ Phiến, võ sư Việt võ đạo Phan Quỳnh, kỹ sư Nguyễn Thanh, 1 du ca viên lão luyện, một số nghệ sĩ như Cô

Library HoangSa.Org

Hồng Vân, Hồ Điệp, Bạch Yến, một số nhà báo như Đỗ Quý Toàn, Lê Phương Chi, Ngô Đình Vận, Hạ Quyên, một số giáo sư đại học Đại Học Sư Phạm, Văn Khoa, Vạn Hạnh như gs Trần Trung Lương, gs Phạm Văn Quảng, gs Nguyễn Huy, gs Trần Quang Huy, gs Tạ chí Đại Trường cùng một số thân hữu khác nữa...

Buổi sinh hoạt bắt đầu lúc 7 giờ chiều. Trước hết mọi người được mời dự cỗ trung thu. Trên sân cỏ xanh mát một mâm cỗ trung thu khéo léo — công trình xuất sắc của chị Nguyễn Nhã — đã được bày sẵn với những món ăn thật giản dị nhưng mang nhiều màu sắc trung thu: bánh đúc, xôi gấc, mía xếp và thú nhồi bông. Tất cả những món đo đã gợi lên trong lòng thực khách những hình ảnh khó quên về trung thu.

Sang phần trình diễn hát trống quân, nhạc sĩ Phạm Duy mở đầu bằng cách dẫn giải đại cương về hát trống quân dựa trên tài liệu của các giáo sư Lê văn Hảo và Trần văn Khê. Sau đó, một cái trống quân làm bằng chiếc thùng sắt tây và một sợi dây kẽm được thiết trí ngay giữa sân cỏ, rồi một số văn nghệ sĩ được mời chia làm hai phe nam nữ để trình diễn. Phe nữ có các nghệ sĩ Hồng Vân, Hồ Điệp, Thái Hằng, Bạch Yến và nữ sĩ Tuệ Mai. Phe nam có Thanh Hùng, Đỗ Quý Toàn và nhà thơ Phạm Thiên Thư, Trụ Vũ. Nhạc sĩ Phạm Duy đảm nhiệm vai trò cầm trống. Do sự góp mặt của các văn nghệ sĩ sáng giá này buổi hát đã diễn ra rất hào hứng mặc dù ít người có kinh nghiệm về hát trống quân. Chính vì vậy mà sau khi phần trình diễn đã hết, cảm hứng vẫn chưa cạn, các nghệ sĩ Hồ Điệp, Thanh Hùng còn hăng hái ngâm nhiều bài thơ chứa chan tình tự dân tộc nữa.

Qua phần thảo luận, anh Nguyễn Nhã, người chủ xướng của nhóm đã trình bày mục tiêu, phạm vi hoạt động cùng chương trình hoạt động ngắn và dài hạn của nhóm. Theo anh, nhóm nhằm qui tụ một cách rộng rãi các văn nghệ sĩ và các nhà làm văn hóa tha thiết với việc nghiên cứu và phát huy những giá trị truyền thống dân tộc. Nhóm sẽ không đặt nặng hình thức tổ chức, cơ cấu nhóm mà rất uyển chuyển linh động. Mỗi người, mỗi nhóm vẫn có thể có những hoạt động, tổ chức nội bộ riêng nhưng sẽ hợp tác, phối hợp với nhau trong một đường hướng chung. Về phần chương trình hoạt động, anh Nguyễn Nhã đặc biệt nhấn mạnh tới một chương trình hoạt động sắp tới là việc đi thăm vấn an các nhà văn hóa lão thành để bày tỏ sự liên kết, tương thân tương ái giữa những người làm văn hóa, đồng thời cũng để thể hiện truyền thống trọng tài năng, kính lão của dân tộc. Mở đầu chương trình này, nhóm sẽ tổ chức đi vấn an nhà thơ lão thành Á-Nam Trần Tuấn Khải vào

Library HoangSa.Org

ngày 6-10-1974 tới. Tiếp theo phần trình bày của anh Nguyễn Nhã, cụ Nhất Thanh, ông giám-đốc nhà sách Khai Trí và các anh Thanh Hùng, Quản Hùng, Trần Trung Lương. Lê Phương Chi đã hăng hái góp nhiều ý kiến. Tất cả đều nồng nhiệt hưởng ứng đường lối và chương trình hoạt động của nhóm. Qua những ý kiến phát biểu người ta có thể thấy được dù trong hoàn cảnh khó khăn nào, những người tha thiết với tiền đồ của dân tộc và muốn đóng góp vào trong một cố gắng chung để xây dựng một niềm tin, một niềm hãnh diện về cái giá trị dân tộc không phải là ít. Buổi sinh hoạt kết thúc lúc 10g30 trong niềm tin tưởng và phấn khởi đó.

BÀI HÁT TRỐNG QUÂN ĐÊM TRUNG THU GIÁP DẦN

PHẠM THIÊN THƯ

L.T.S : Trong đêm sinh hoạt Truyền Thống Hát Trống Quân ngày 29.9.74 tại nhà nhạc sĩ Phạm Duy, ngoài phần đối đáp ứng khẩu, các nghệ sĩ còn hát những vần thơ này của Phạm Thiên Thư, được soạn sẵn, nói lên chí hướng phất cao ngọn cờ văn hóa của Nhóm.

Nữ

Hỡi anh dự hội đêm nay
« Trông Trăng » xin hỏi lý này từ đâu ?
Ơn ai mưa nắng giãi dầu
Mở nên giải đất nhiệm mầu quê hương ?

Nam

Khen ai miệng hỏi dễ thương
Chúng anh xin đáp tỏ tường em nghe
Dân ta nông nghiệp là nghề
Mặt trăng như thể bạn bè thiêng liêng
Hòa cùng tạo vật thiêng liêng
Trông Trăng kết mối nhiệm huyền dài lâu

Library HoangSa.Org

Đất này ơn Tổ cao sâu
Hết bình Chiêm lại đánh Tàu mới nên
Anh hùng hỏi lại thuyền quyên
Cái chi là Nếp là Nền Việt Nam ?

Nữ

Em xin tạm đáp hầu chàng
Gia Đình là Nếp Dân Nam bấy ngày
Khiến lên muôn loại cõi này
Cũng là chung nghĩa sâu dày anh em
Giờ anh cắt nghĩa dùm em
Rồng Tiên có nghĩa gì, đem giải bày ?

Nam

Anh xin thưa tạm lời này
Mẹ Tiên có nghĩa sâu dày tâm linh
Tượng trưng cho lẽ hóa sinh
Cha Rồng là nghĩa trí mình tuyệt vời
Giờ xin hỏi lại, em thời
Đáp dùm Cha, Mẹ đôi nơi nghĩa gì ?

Nữ

Thủa xưa Cha Mẹ từ ly
Phải chăng Tâm, Trí tới kỳ lìa nhau
Tạo vòng tiến hóa hoàn cầu
Mẹ lên núi đẻ mở đầu Phương Đông
Cha thời vượt biển bềnh bồng
Ngài mang trí não ươm trồng cõi Tây
Giờ em lại hỏi mình đây
Làm sao để khắp cõi này sống chung ?

Nam

Tổ tiên ta đã suy cùng
Đó là « bầu bí cùng chung một giàn »
Nếu nhân loại mãi tương tàn
Khiến cho « giàn đất » nghèo nàn mãi ai
Hỏi em ta phải làm chi
Tìm ra giải pháp thiết thi bây giờ ?

Nữ

Theo em nhân loại đang chờ
Người nào lấp hết vực bờ cách ngăn

Library HoangSa.Org

Giờ mình phất ngọn cờ văn
Hóa đi hết nỗi thù hằn bấy nay
Anh em tay lại cầm tay
Trái tim khối óc tràn đầy luyến thương
Trần gian thành cõi Thiên Đường
Thu vào một mối yêu đương thuận hòa
Chúng ta hưng thịnh Nếp Nhà
Lên cho thế giới dễ mà hướng trông
Hỏi anh lần nữa được không
Lấy đâu chất liệu vun trồng nếp xưa ?

Nam

Giờ anh xin tiếp lời thưa
Phát Huy Truyền Thống cho vừa hôm nay
Sưu tầm nếp tốt nề hay
Đem vào sáng tạo đặt bầy đẹp hơn
Tô bồi Dân tộc Giang sơn
Gây nền tự chủ tự cường Quốc gia
Năm châu kết lại một nhà
Góp bao tim óc đơm hoa xum vầy
Hỏi cô mình dự đêm nay
Có vui xin góp bàn tay gây dừng ?

Nữ

Việc chung ai chẳng vui mừng
Để em xin rủ chồng cưng em vào
Hỏi nhỏ « Ông Xã » nghĩ sao
Lắng nghe chàng nhủ lẽ nào, thiếp vâng.

Thùng... Thì... Thùng

Library HoangSa.Org

DỰ THẢO
CHỦ TRƯƠNG CHÍN ĐIỂM
của
NHÓM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM
tại SÀIGÒN và
CÁC NHÓM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG ĐỊA PHƯƠNG

I. MỤC TIÊU :

1. Nhóm nhằm qui tụ những người làm văn hóa dân tộc thuộc nhiều lãnh vực từ tư tưởng dân tộc, dân ngữ, văn thi ca dân tộc, dân nhạc, dân vũ, dân họa, nhiếp ảnh dân tộc, kiến trúc dân tộc, điêu khắc dân tộc, phong tục dân tộc, sử địa đến việt võ học,... nhằm mục đích khuyến khích, hỗ trợ lẫn nhau trong việc làm sưu tầm, khảo cứu, phát huy cùng thể hiện những bản sắc dân tộc, truyền thống V.N.

II. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC :

2. Nhóm không đặt nặng hình thức tổ chức, cơ cấu nhóm, mà rất uyển chuyển linh động, chỉ cần những *tấm lòng, sự say mê chân thành về văn hóa dân tộc*, mỗi người có thể tùy lúc, tùy hoàn cảnh, đứng ra xướng xuất, điều động từng việc làm, từng dự án... để rồi những người khác sẵn sàng hưởng ứng, trợ giúp, tham dự, cốt ở mỗi người sẽ cố gắng thực hiện những công trình giá trị trong tình tự dân tộc. Sự phân công ở mỗi công việc, mỗi dự án. Mỗi người, mỗi nhóm vẫn có thể có những hoạt động, tổ chức nội bộ riêng rẽ nhưng cùng chung một ý hướng « tình tự dân tộc », hỗ trợ, hợp tác với nhau trong tình anh em...

III. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG :

3. Nhóm thường xuyên theo đuổi các công việc như sưu tầm, khảo cứu về ca dao, phong dao, tục ngữ, ngạn ngữ, dân ca, dân vũ, truyện đời xưa (cổ tích), truyện vui cười (tiếu lâm), phong tục tập quán, các nếp sống thường nhật, thổ sản, tiểu sử danh nhân, thần tích, thần phổ, bia ký cùng tất cả các di tích sử, văn hóa dân tộc khác ở từng xã ấp, quận, tỉnh, vùng, miền... Sự sưu tầm này sẽ chú trọng vào việc khai thác kho tàng quí giá trong dân gian.

4. Nhóm thường xuyên thực hiện các công việc phát huy, thể hiện trong tinh thần sáng tạo các truyền thống trong mọi địa hạt văn hóa dân tộc, đời sống dân gian.

Library HoangSa.Org

5. Nhóm thường xuyên thực hiện công việc quảng bá, phổ biến bằng phương tiện xuất bản sách, tạp chí, diễn thuyết, hội thảo, trình diễn, triển lãm, sinh hoạt hoặc qua hệ thống báo chí, truyền thanh, truyền hình, Tập San Sử Địa được coi là diễn đàn chính thức của nhóm. Trong tương lai Nhóm sẽ có một nguyệt san phụ lực với Tập San Sử Địa làm diễn đàn chính thức.

IV. CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG

6. Nhóm thực hiện chương trình ngắn hạn bằng những sinh hoạt nhỏ hẹp tại Thủ Đô :

— Tổ chức sinh hoạt truyền thống như các hội mùa, hội tết...

— Tổ chức thăm viếng vấn an, lễ thượng thọ sinh nhật, tôn vinh các nhà văn hóa lão thành, chúc tết thày...

— Tổ chức thuyết trình, hội thảo về việc sưu tập các điệu dân ca như điệu lý, hát trống quân, hát quan họ, hát ví, hò... cùng các nghi thức cổ truyền như đám cưới, đám ma, tế lễ anh hùng dân tộc, tranh tết, những bản sắc Việt Nam qua hội họa, nhiếp ảnh...

— Tổ chức, giới thiệu các công trình sáng tác dân tộc (ảnh nghệ thuật, hội họa dân tộc, thi ca dân tộc).

— Tổ chức xuất bản các sách về âm nhạc cổ truyền Việt Nam, các điệu lý ba miền...

7. Nhóm sẽ sinh hoạt dài hạn và qui mô khắp nơi :

— Tiếp tục chương trình ngắn hạn trên.

— Khuyến khích thiết lập các nhóm nghiên cứu và phát huy truyền thống tại địa phương (có thể từ xã, quận, hay tỉnh), nhân sự nòng cốt nhắm vào thành phần say mê văn hóa dân tộc trong giáo chức, quản thủ thư viện nơi trường học, du ca viên, võ sinh Việt Võ Đạo, các đoàn viên các đoàn công tác thiện chí xã hội, hướng đạo sinh... Các Nhóm xã, quận, tỉnh... sẽ thực hiện dần dần tùy theo khả năng nhân sự và hoàn cảnh, đặt nặng vấn đề *sưu tầm* và *thể hiện các truyền thống* địa phương hay dân tộc.

— Thúc đẩy việc thành lập TRUNG TÂM NẾP SỐNG VIỆT NAM nằm trong một khu đất rộng có đầy đủ các gian hàng như các món ăn Việt Nam, các sản phẩm tiểu công nghệ, nghệ thuật Việt Nam. Tất cả đều được nghiên cứu chứa đựng màu sắc dân tộc và có một ban quản trị tự trị. Trung tâm sẽ tiếp đón các du khách cùng những người Việt có tinh thần dân tộc.

— Thành lập Trung Tâm Quốc Học với các bộ phận nghiên cứu, huấn luyện và sinh hoạt.

— Tổ chức những hệ thống quảng bá riêng nhứt là về các ấn phẩm.

Library HoangSa.Org

— Tổ chức giải thưởng TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM.

— Tán trợ các nỗ lực thể hiện và phát huy truyền thống Việt Nam của các tổ chức văn hóa, tôn giáo...

. . . . . .

V. HỆ THỐNG TỔ CHỨC :

8. Các hệ thống Nhóm bao gồm các Nhóm từ Thủ Đô đến các Địa Phương (Tỉnh, Quận, Xã nếu có).

Tại Thủ Đô, thành lập Nhóm *Nghiên Cứu Và Phát Huy Truyền Thống Việt Nam*, định đường lối, chủ trương, nuôi dưỡng sinh hoạt, phối hợp các phương tiện thông tin, quảng bá, hướng dẫn phương pháp điều tra, sưu tầm tài liệu và đặt trọng tâm vào việc *nghiên cứu sáng tạo*.

Các Nhóm Nghiên Cứu và Phát Huy Truyền Thống địa phương có thể sẽ được thành lập.

Sự thành lập các nhóm rất uyển chuyển, tùy theo khả năng nhân sự và truyền thống văn hóa của từng địa phương.

Sự liên lạc giữa các Nhóm với nhau rất linh động, tất cả có thể qua hệ thống báo chí, Tập San Sử Địa, các tạp chí, nhật báo thân hữu...

Sự liên lạc chỉ nằm trong vấn đề :

— Cung cấp các công trình điều tra sưu tầm tài liệu ở địa phương. Từ địa phương có thể gửi lên thủ đô ba bản (chép tay hay đánh máy) để tàng trữ Thư Viện Đại Học Sư Phạm Saigon và Trung Tâm của Nhóm.

— Phổ biến chương trình nhất trí thực hiện các truyền thống.

— Hướng dẫn phương pháp điều tra sưu tầm tài liệu ở địa phương.

— Nuôi dưỡng sinh hoạt, khuyến khích hỗ trợ lẫn nhau.

— Phối hợp thực hiện đại hội đúc kết, sưu tầm, triển lãm tại Thủ Đô hay ngoại quốc.

Mọi vấn đề tổ chức sinh hoạt của mỗi Nhóm, hoàn toàn do nội bộ mỗi Nhóm chủ động, *liên lạc trên căn bản thân hữu mà thôi*.

9. Truyền thống thành hình và sinh hoạt nhóm được thực hiện như sau :

Nhóm không thành hình bắt đầu từ việc soạn thảo điều lệ, bầu bán các chức vị, mà Nhóm thành hình bắt đầu bằng những sinh hoạt như họp mặt, mạn đàm về văn hóa dân tộc, thực hiện truyền thống địa phương, tổ chức sinh hoạt như viếng thăm vấn an các nhà văn học, giáo dục lão thành, tổ chức tưởng niệm các danh nhân anh hùng dân tộc, địa phương; các buổi sinh hoạt thể hiện truyền thống dân tộc hay địa phương như hội hè, đình đám, hội tết, chúc tết thày, sinh hoạt dân ca, dân vũ, thuyết trình, hội thảo, trình diễn triển lãm, hay thực hiện các công trình sáng

Library HoangSa.Org

tạo, sưu tầm, khảo cứu tài liệu về ca dao, phong dao, đồng dao, dân ca (các điệu lý, hò..,) dân vũ, truyện đời xưa, truyện vui cười, phong tục tập quán, thổ sản, tiểu sử danh nhân, gia phả, thần tích, thần phổ, bia ký, cùng tất cả các di tích lịch sử...

Nhóm khởi sự bởi một số ít người uy tín, già có, trẻ có, tạo thành một cái nhân gồm ba loại thành viên.

Thành viên loại 1 (thành viên công tác) gồm 3,4 người hoặc nhiều hơn tùy theo hoàn cảnh nhân sự, gồm những người say mê tình tự dân tộc có rảnh rang thời giờ. Những người này có thể là những nhân vật văn hóa nổi tiếng ở địa phương, hoặc giáo chức hoặc du ca viên, hoặc các môn sinh Việt Võ Đạo hoặc Hướng đạo sinh.., hoặc bất cứ một hội đoàn văn hóa xã hội giáo dục nào ở địa phương. Thành viên loại 1 có nhiệm vụ chủ động, chủ trương các sinh hoạt.

Thành viên loại 2 (thành viên cố vấn) bao gồm số lượng nhiều hơn (5,6 hoặc trên dưới 10 người). Họ là những người tiêu biểu cho mọi ngành hoạt động tư tưởng, ngôn ngữ, văn học nghệ thuật, sử địa, giáo dục, việt võ đạo, du ca... Thành viên loại 2 có nhiệm vụ hỗ trợ trong việc thành hình đường lối, chủ trương, sinh hoạt, nhất là hỗ trợ sinh hoạt mỗi khi cần thiết.

Thành viên loại 3 (thành viên tham dự) bao gồm số lượng nhiều hơn, từ trên dưới 10 người đến trên dưới vài chục người, tùy theo địa phương, hoàn cảnh, nhân sự. Tại Thủ Đô bao giờ cũng nhiều hơn. Thành viên loại 3 có nhiệm vụ tán đồng, tham dự, hỗ trợ mọi sinh hoạt của nhóm hay giữa các nhóm từ địa phương lên thủ đô qua diễn đàn của tạp chí, nhật báo thân hữu của Nhóm.

Các hệ thống Nhóm từ địa phương lên thủ đô liên lạc với nhau, tựa vào nhau, có thể kết hợp tạo thành sức mạnh văn hóa.

Sinh hoạt nhóm rất uyển chuyển linh động.

— Từ việc họp mặt liên miên tùy theo mỗi hoạt động, sinh hoạt ít nếu chưa có sinh hoạt, công việc tổ chức gì.

— Không một chức vụ, không một ràng buộc về cơ chế, hình thức, chỉ có một ràng buộc về tình tự dân tộc, tình thân hữu, anh em, hiểu nhau giữa nhiều thế hệ già, trẻ, cùng chí hướng về văn hóa dân tộc.

— Vui thì cùng nhau làm, thấy hay thì xả thân mà làm, tùy theo hoàn cảnh, phương tiện tự đảm nhận hay tán trợ xoay quanh ba loại thành viên trên.

— Nhóm sẽ hoạch định chương trình ngắn hạn, dài hạn. Ngắn thì 3,6 tháng tới 1 năm. Dài thì trên một năm hoặc trường kỳ.

— Giá trị ở mỗi cá nhân sẽ căn cứ ở công trình tổ chức hay các công trình sưu tầm, nghiên cứu, sáng tạo.

Library HoangSa.Org

— Mỗi Nhóm sẽ có một sổ nhật ký (loại sử ký thực lực) ghi mọi hoạt động tích cực của mỗi người trong mỗi nhóm để làm tài liệu lưu trữ.

— Mỗi Nhóm từ Thủ Đô đến địa phương đều tự túc về phương tiện, tùy theo phương tiện nhiều ít mà hoạt động, có thể tìm các Mạnh Thường Quân Việt Nam hơn là những tài trợ của các cơ quan văn hóa ngoại nhân hay của chính quyền.

— Nếu cần đến sự tài trợ, thì chỉ nên tìm sự tài trợ cho từng dự án, từng hoạt động, sinh hoạt, hoặc giúp cho từng cá nhân hay một tập thể sưu tầm, khảo cứu, sáng tạo... chứ không nên xin tài trợ tổng quát cho Nhóm. Mọi sự tài trợ đều được công bố minh bạch và việc xin tài trợ cũng thế.

— Cần cương quyết xa cách các phần tử ham danh, trục lợi, thiếu tư cách, thiếu khả năng, ngay từ lúc đầu gây dựng nhóm.

— Sự phát triển phải chậm mà chắc.

— Tránh mọi sự tạo ảnh hưởng uy thế chính trị, kinh tế...

— Mỗi Nhóm sẽ có một Hội Quán, một địa điểm liên lạc tại trường học, nếu có thể hay các cơ sở Việt Võ Đạo (nếu có thể).

Tại Thủ Đô, địa điểm liên lạc là Đại Học Sư Phạm Saigon, 221 Đại Lộ Cộng Hòa và Việt Võ Đạo 2 ter Đinh Tiên Hoàng SG 1.

Tập San Sử Địa được coi là diễn đàn chính thức của Nhóm.

Trên đây là bản dự thảo chủ trương của nhóm, có thể được sửa chữa nhờ sự đóng góp ý kiến sau này. Cho tới nay, các chủ trương này sẽ được Nhóm lần lượt thực hiện. Rất mong được quí vị thiết tha đến văn hóa dân tộc tiếp tay thực hiện.

ĐÓN ĐỌC

TẬP SAN SỬ ĐỊA XUÂN ẤT MÃO

ĐẶC KHẢO VỀ HOÀNG SA

- Nội dung vô cùng phong phú với sự đóng góp của nhiều học giả tên tuổi trong và ngoài nước.
- Một nỗ lực khảo cứu công phu, khoa học.
- Một nỗ lực cung cấp tài liệu mới lạ.

Library HoangSa.Org

HỌP MẶT VĂN HÓA TẠI NHÀ THƠ LÃO THÀNH Á NAM TRẦN TUẤN KHẢI

★ HÃN NGUYÊN

Trong chiều-hướng phát-huy « truyền-thống kính-lão, trọng tài-năng » của dân-tộc, cũng như chiều hướng « trọng người làm văn-hóa để văn-hóa được trọng» và «sự phát-triển văn-hóa dân-tộc sẽ giải quyết những đau khổ dân-tộc», Nhóm Nghiên Cứu và Phát Huy Truyền Thống Việt-Nam đã tổ-chức một phái-đoàn văn-hóa đến viếng thăm vấn an nhà thơ lão-thành Á Nam Trần Tuấn-Khải vào sáng chủ-nhật ngày 6-10-1774 tại 133/K8 Trần Hoàng Quân Saigon. Lẽ ra, cuộc viếng thăm đã được tổ-chức vào sáng chủ nhật ngày 29-9-74, cùng ngày tổ chức sinh-hoạt « Truyền Thống Hát Trống Quân ». Nhưng theo lời yêu cầu của Cụ Á Nam, vào giờ chót đã được hoãn lại 1 tuần để Cụ hoàn-toàn bình-phục, có thể dễ-dàng chuyện vãn với các văn hữu.

Từ nhiều ngày trước, các nhật báo như Chính Luận, Điện Tín, Sóng Thần, Đại Dân Tộc, Dân Chủ... đã loan tin cuộc viếng thăm, đặc biệt là Sóng Thần, Điện Tín đã loan báo cả chương trình cuộc viếng thăm vấn an.

Sáng chủ nhật hôm ấy, trận mưa cuối mùa ào ạt đổ xuống, đã làm nản lòng ban tổ chức. Nhưng rồi, cơn mưa ngớt dần. Mọi người lục tục đến địa-điểm tập trung ở kế cận nhà cụ Á Nam, cuộc viếng thăm khởi sự hồi 9 giờ 30 chậm hơn giờ dự trù 1 tiếng đồng hồ.

Cụ Á Nam đã trọng tuổi, khoảng tám mươi, đã cùng một số văn hữu đang chờ sẵn tại một căn gác hẹp, nhưng được bày biện ấm cúng. Phái đoàn tới. Nét mặt cụ tươi vui. Cụ mừng rỡ khi thấy Cụ Nhất Thanh, tác giả cuốn Đất Lề Quê Thói, làm trưởng phái đoàn. Giáo sư Nguyễn Nhã đã lần lượt giới thiệu với Cụ Á Nam thành phần phái đoàn, phái đoàn ước khoảng 30 người thuộc đủ mọi ngành biên khảo quốc sử, phong tục học, văn thi ca, nghiên cứu văn học, nghệ thuật như dân nhạc, nhiếp ảnh cùng giáo dục, báo chí, xuất bản, các đại diện Hội Bút Việt, các môn sinh Cụ Á Nam, đặc biệt có cả một số Việt Kiều tại Cao Miên.

Cụ Nhất Thanh, trưởng phái đoàn đã đại diện phái đoàn ngỏ lời vấn an Cụ Á Nam. Cụ Nhất Thanh nói :

« Chúng tôi nhân danh toàn thể « Nhóm Nghiên Cứu và Phát Huy Thuyền Thống Việt Nam », hôm nay đến, trước hết chào mừng Tiên Sinh được trời cho tuổi trường thọ. Truyền thống của dân tộc Việt

Library
HoangSa.Org

Nam thường trọng sĩ hơn tước; ở thôn quê, hai tiếng kỳ lão vẫn đi đôi với mọi việc làng xóm. Triều Trần có hội-nghị Diên Hồng là do nhà vua ngưỡng-mộ kỳ lão [illegible] kinh-nghiệm. Tuổi thọ không dễ gì mà có, chẳng thế mà thi nhân đã có câu :

Đầu râu tóc bạc như mua được
Thầy bá nhà quê chán vạn tiền

Chúng tôi đến hôm nay, cũng để tỏ lòng kính trọng lão trượng đã có công đóng góp văn hóa nước nhà bằng những tác-phẩm sáng tác và dịch thuật mà quốc dân đồng bào từ thanh thiếu niên đến lão đại đều tán thưởng và truyền-tụng.

Chúng tôi đến để bắc lại nhịp cầu thông cảm giữa những bậc huynh trưởng với lớp người hậu-tiến. Nhịp cầu quá ọp ẹp, suy sụp từ nhiều năm qua đồng thời đây cũng là dịp nhắc-nhở và thắt-chặt tình thân ái giữa người làm văn-hóa dân-tộc.

Chúng tôi đến để thỉnh-giáo Tiên-Sinh chỉ dẫn cho việc phát-huy Truyền Thống dân-tộc, là tôn-chỉ mục-đích chúng tôi đã đề ra cùng nhau cố-gắng những mong góp-phần trong công-việc bồi đắp nền văn học dân tộc.

Chúng tôi đến tỏ lòng ngưỡng mộ sự-nghiệp của Tiên Sinh, khỏi nói dài dòng nơi đây, quốc dân đồng bào, những người quan tâm đến

Gs. Nguyễn-Nhã, bồn bảo Chủ-Nhiệm đang trao tặng Cụ Á Nam bức chân dung do Cụ Phạm văn Mùi vẽ

Library HoangSa.Org

văn-hóa đều hiểu biết cả. Nói về thân-thế, con người Tiên Sinh chính là tiêu biểu cho nền nếp cũ với học phong sĩ khí mà có lẽ ngày nay mất dần mãi đi. Chúng tôi đến để chúc Cụ tăng thêm tuổi thọ, sức khoẻ dồi dào để mai này có thể dìu-dắt, chỉ dẫn chúng tôi trên con đường phát-huy văn-hóa dân-tộc ».

Tiếp theo đó, Gs. Nguyễn Nhã, trưởng ban tổ chức, đại diện phái đoàn trao tặng một vài món quà, đặc biệt là bức chân dung của cụ Á Nam do cụ Phạm văn Mùi vẽ tặng. Mọi người đều tấm tắc khen ngợi bức chân dung với nét vẽ xuất thần, lột được hết tinh thần con người Cụ Á Nam. Với sự sử dụng bút pháp, màu sắc sống động, có người đã lầm tưởng đó là bức hình chụp, không phải bức họa. Một bó hoa hồng cũng đã được một em bé gái kính cẩn trao cho Cụ Á Nam.

Nhà thơ Trụ Vũ tặng Cụ câu đối :

« Ba chục thu dư, anh khóa hỏi còn tuôn suối lệ
Bốn nghìn xuân lẻ, ông đồ thưa vẫn nhả nguồn châu »

« Sương gió mang mang trời đất cảm thông lòng chí sĩ
Nước mây vời vợi, trăng sao chiếu diệu mặt anh hùng »

Cụ Phạm Văn Mùi tặng cụ Á Nam một bức ảnh « Thủy tiên khay trà ». Ông Giám Đốc Khai Trí tặng cụ một số hiện kim (100.000$) để xin Cụ dùng vào việc thuốc thang, bồi bổ sức khoẻ Cụ được dồi-dào, tiếp-tục hướng-dẫn đàn hậu sinh. Anh Trần Nguyên Vũ, một môn sinh của cụ Á Nam, thấy không khí đầy cảm kích, rất cảm động, cũng đọc 2 bài thơ tặng phái đoàn và Cụ :

bài 1 :

VỊNH MỘT DANH NHÂN

Nghe quê hương rên-xiết dưới gông cùm
Trai tuấn-kiệt khôn nguôi niềm quốc-hận
Không khuất phục dưới gót giày xâm lấn
Nên mài nghiên, chuốt bút xóa căm-hờn
Với Sơn Hà, gươm bén giữ non sông
Mặc Duyên Nợ Phù Sinh dù ngắn ngủi
Bút Quan Hoài thắm mãi nét tinh anh
Sông còn, núi vẫn còn xanh
Thì Người Sông Núi, phương danh vẫn còn.

bài 2 :

NỐI GÓT NGƯỜI XƯA

Thày chính trung con giữ chính trung
Quyết tâm nối gót những anh hùng

Library HoangSa.Org

Thày đêm thơ phú thay tù ngục
Con lấy văn chương phá xích-cùm
Thày góp tài-năng xua bạo nghịch
Con rèn trí-dũng quét tàn-hung
Phải dành độc-lập cho sông núi,
Mới có yên-vui giống Lạc-Hồng.

Ký giả Nguyễn Vạn An, trong Hội Bút Việt, cũng ngỏ ý rất cảm-động, ông đã xin đọc một bài thơ của một bà cụ vốn rất hâm mộ thơ văn Cụ, tự nhận là người tình không quen biết của Cụ. Bài thơ này là do bà đọc ở bài thơ chữ Pháp « Chanson Eternelle » của bà Rosemonde Gérard, bà nhờ ông Vạn An dịch sang thành thơ Việt rồi đem đến tặng Cụ trong dịp thăm viếng này.

BẢN TÌNH CA MUÔN THUỞ

Khi anh xuân trở về già
Thì em tóc cũng sương pha mái đầu
Vườn lam nắng hạ dãi mầu
Thân gầy sưởi dưới ánh đào, run run
Lòng ta bừng nở mộng xuân
Tưởng như đôi lứa tình nhân thuở nào
Mỉm cười tâm sự nao nao
Tình già xuân trẻ xiết bao mặn nồng
Nhìn nhau dưới bóng nho hồng
Tình trong ánh mắt soi lòng đôi ta
Khi anh xuân trở về già
Thì em tóc cũng sương pha mái đầu
Ghế xưa, rêu đã phủ mầu
Kể vai tâm sự bao câu chuyện trò
Còn nhiều ân ái nên thơ
Nụ hôn bỏng nóng thường chờ... chấm câu
Ngày xưa, thủ thỉ bên nhau :
« Em yêu anh » nhắc ngàn câu ngàn lần
Bao nhiêu chuyện vẹn ý thầm
Là bao kỷ niệm, là ngần ấy thơ...
Ánh hồng vờn suối tóc mơ
Sương pha tuyết trắng bạc phơ mái đầu
Ghế xưa, rêu đã phủ mầu
Kể vai tâm sự bao câu chuyện trò
Tình em muôn thuở không mờ
Bữa qua còn kém bây giờ, ngày mai

Library HoangSa.Org

Dẫu cho sương gió dạn dầy.
Tình em càng thắm càng đầy hơn xưa
Nhớ bao kỷ niệm cho vừa
Bao nhiêu chuyện ấy là thơ chúng mình
Tơ vương vấn vít mối tình
Dệt thành những sợi tơ mành buộc nhau
Tuổi đời, dù bạc mái đầu
Vòng tay siết chặt, càng sâu mối giờ
Tình em muôn thuở không mờ
Bữa qua còn kém bây giờ, ngày mai
Tình nồng giấc mộng ngàn mây
Đáy lòng em ủ tràn đầy tim mơ
Chắt chiu nghĩa cũ không mờ
Để vui tận hưởng duyên xưa lâu dài
Em chôn em giấu những ngày
Sống bên nhau, sống miệt mài bên nhau
Kho vàng ân ái thâm sâu
Đó là sự nghiệp sang giầu tình xưa...
Thuở nào hạnh phúc như thơ
Ghi vào ký ức những giờ mơ say
Tình nồng giấc mộng ngàn mây
Đáy lòng em ủ tràn đầy tim mơ
Khi anh xuân trở về già
Thì em tóc cũng sương pha mái đầu
Vườn lam nắng hạ dãi màu
Thân gầy sưởi dưới anh đào, run run
Lòng ta bừng nở mộng xuân
Tưởng như đôi lứa tình nhân thuở nào
Mỉm cười tâm sự nao nao
Và nghe anh kể biết bao chuyện lòng !
Nhìn nhau dưới bóng nho hồng
Tình trong ánh mắt soi lòng đôi ta
Khi anh xuân trở về già
Thì em tóc cũng sương pha mái đầu...

Cụ Á Nam rất cảm động. Cụ đã tặng lại mỗi người trong phái đoàn một tấm hình của Cụ ; mặt sau hình có đề 4 câu thơ tặng :

« *Tám chục năm trường những ngóng trông*
Mong cho ước nguyện được như lòng
Tiên Long chủng tộc mau vùng dậy
Cùng hưởng vui chung cuộc đại đồng »

Library HoangSa.Org

Chính Cụ đã ngâm bốn câu thơ trên tặng phái đoàn.

Cụ cũng đã ngỏ lời cám ơn mọi người không quản trời mưa gió đến thăm, cũng mong mọi người cùng nhau hiệp sức chấn hưng văn hóa dân tộc trong giai đoạn khó khăn này của đất nước.

Trong phần thắc mắc về việc sáng-tác thơ văn của Cụ, tiến sĩ Trần Quang Huy đặt câu hỏi : « Cách đây 60 năm, Cụ có viết một loạt bài thơ tả tâm trạng một thiếu nữ nghèo tiễn chân người tình đi ứng thi. Đầu tiên là bài « Tiễn Chân Anh Khóa », năm sau bài « Mong Anh Khóa » và sau đó là bài « Gửi thư cho Anh Khóa », xin Cụ cho biết trong trường hợp nào đã gợi hứng cụ sáng tác ba bài thơ anh khóa ». Cụ Á Nam đã trả lời rằng vào năm 1915, khi phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục đã bị người Pháp phá vỡ, anh em bạn bè cùng lứa tuổi Cụ thuộc lớp đàn em, nhưng nhiều người cũng có tham gia phong trào, có người phải trốn ra ngoại quốc. Nhân tiễn chân một người bạn học đi ngoại quốc, khi tiễn ra bến Tàu Hải Phòng, cụ nghĩ đến câu : « Anh Khoá ơi, em tiễn chân anh ra tận bến tàu », cụ làm bài Tiễn chân anh khoá, chính bấy giờ Cụ nghiện trầu, Cụ đã cầm khăn gói trầu, mở ra tặng anh bạn. Trong lúc hành khách sung sướng vui vẻ, riêng chúng bạn cụ ngậm ngùi, không nói nên lời, bắt đầu cảm xúc, hẹn nhau, sau một năm có thể nào, bạn sẽ trở về, nhưng rồi 1 năm trôi qua, cũng không thấy về, nên Cụ có làm bài « Mong anh Khóa » ; Rồi đến một năm nữa cũng không thấy về, cụ lại có bài « gửi thư anh Khóa ». Bấy giờ được tất cả các anh em xuất dương gửi thư về xin các bài thơ. Có người chỉ đề « Trần Tuấn Khải, Hànội », không ghi rõ địa chỉ, thư vẫn đến tay Cụ. Chính điều này Cụ làm Cụ rất cảm động. Riêng bài « Gánh nước đêm » là nguyên do thấy cảnh gánh nước đêm ở Yên Bái đã gây cảm xúc. Nguyên Cụ có 1 người bạn rất thông minh, đậu tú tài năm 16 tuổi đến năm 19 tuổi lại đi thi Hương cũng đậu tú tài lần nữa. Đến năm 20 tuổi, bất đắc chí vì vụ Đông Kinh Nghĩa Thục bị dẹp. Cụ với người bạn này rủ nhau trốn qua Tàu qua ngả Yên Bái ngược lên. Một đêm, cụ cùng người bạn rủ nhau ra bãi cát, bờ sông ở Yên Bái, để tâm sự, bàn kế thoát thân, cụ thấy mấy người gánh nước ở bãi sông cách đây ngót 1 cây số. Cụ nghĩ thấy cảm động thân phận mình cũng y như người gánh nước, lo việc nước non, nên Cụ đã cảm hứng làm bài « Gánh nước đêm » với những câu : « Em bước chân ra con đường xa tít, con sông mù-mịt, bên vai kĩu kịt nặng gánh em trở ra về, ngoảnh cổ trông sông rộng trời khuya vì chưng nước cạn nặng nề em dám kêu ai... »

Gs Nhã cũng hỏi Cụ rằng hoàn cảnh nào, hứng khởi nào khiến Cụ sáng-tác bài thơ hai chữ nước nhà và phản ứng của quần chúng

Library HoangSa.Org

khi ấy ra sao. Cụ Á Nam cho biết Cụ đã sáng tác vào năm 1924-25, khi Cụ Phan Bội Châu bị bắt về nước, Cụ muốn gửi gấm lời thơ kêu gọi anh em thanh thiếu-niên vùng-dậy theo trào lưu cách-mạng. Do đấy Cụ mượn lời cố nhân nói với một người con anh hùng để dễ tha thiết hơn và cũng muốn ám chỉ quốc dân cùng là người anh hùng theo gương người xưa. Sau đó, sách in khoảng 5000 cuốn, chỉ vài tháng sau đã bán hết ngay, khi tái bản, người Pháp tịch thu và cầm thơ cụ, luôn cả tập Duyên Nợ Phù Sinh...

Hồi ấy tập thơ Bút Quan Hoài đã gây phản ứng đáng kể trong giới thanh thiếu niên cũng như sự giận dữ cấm đoán của chính quyền thực dân.

Khi Gs Nguyễn Nhã hỏi đến khuynh hướng dân tộc, thích dùng ngôn từ, nội dung Việt Nam trong thi ca, mà những người trong Nhóm, như nhà thơ Phạm Thiên Thư... hiện đang theo đuổi phát huy. Cụ đáp rất tán thành và Cụ cho biết: « Từ 8,9 tuổi, Cụ đã biết làm thơ văn chữ Hán, đã có tiếng với bạn học, nhưng cụ không thích đem các điển tích ngoại quốc dùng vào thi ca, dùng điển tích như thế không thể phổ cập trong quần chúng, mà việc dùng điển tích như các cụ nhà nho hay dùng chẳng khác nào chỉ để nói lòng với nhau, chứ quần chúng không thể hiểu được. Chủ trương của Cụ thủy chung là hai chữ nước, nhà, cái gì cũng lấy ở nước mình, cố hữu, đem ra phát triển để đóng góp cho thế giới chứ không phải nhặt-nhạnh thành ra chỉ mượn chỗ này, vá víu chỗ kia...

Nhà văn Doãn Quốc Sĩ được mời phát biểu ý kiến, cho biết lời cụ nói « dùng điển cố y như là nói lóng với nhau », thật là thấm thía, chính như vậy thơ văn Cụ đã đi sâu vào quần-chúng. Khi Bút Quan Hoài mà ông được nghe, thì ông mới chỉ là đứa bé nhỏ chừng 7, 8 tuổi mà cái âm thanh quen thuộc với quần chúng lúc bây giờ như « tiếng còi tu tu tàu đã kéo cầu », mà xưa ông thường nghe thấy vào khoảng 5, 6 giờ sáng, nghe thật thê thảm, nhứt vào lúc trời rét, thật sự đã chứa đựng một sinh hoạt cuộc sống người Việt lúc bấy giờ, đến nay vẫn còn mang mang trong lòng ông. Cái bối cảnh, từ ngữ, âm thanh Việt Nam ấy mà cụ đã sử-dụng quả thật đã đi sâu vào quần chúng như cụ hằng chủ trương khi sáng tác.

Nhà tư tưởng Hồ Hữu Tường cho biết ông đã đọc vào năm 1926, trong tờ « Việt Nam Hồn » có đăng bài thơ « Hai Chữ Nước Nhà » của cụ Á Nam, tờ báo này do người bồi tàu bán lén cho ông. Thơ cụ đã thật sự gây nhiều xúc cảm cho ông, tư tưởng hai chữ nước nhà đã gieo vào đầu óc ông, đến khi sau 10 năm du học ở Pháp về vẫn còn

Library HoangSa.Org

mạnh mẽ. Chính Cụ là người tiên phong vào đầu thế kỷ 20, phát huy tư tưởng dân tộc, tư tưởng nước nhà, mà từ 16 tuổi, ông cùng các bạn cùng trang lứa đã chịu ảnh hưởng.

Nhạc sĩ Phạm Duy cho biết dưới con mắt của một nhà dân tộc nhạc học, chính cụ Á Nam, hồi đầu thế kỷ 20 đã là người đầu tiên tạo ra thể điệu « anh Khóa » cũng giống như thể điệu ngâm Kiều, điệu « nói thơ Vân Tiên » ở thế-kỷ trước. Chính vì bài Tiễn Chân Anh Khóa.... được giới bình-dân thích quá, ngâm lên thành ra điệu « anh Khóa ». Nhạc sĩ Phạm Duy mang ơn Cụ đã đem lại thể điệu mới này, cũng mang ơn Cụ đã nuôi dưỡng lòng yêu nước của nhạc sĩ cũng như những người thành nhân thuộc thế hệ 1945. Chính nhạc sĩ đã được nghe những bài thơ yêu nước qua lời ru của mẹ vào tuổi ông còn măng non, mới 10 tuổi đời.

Giáo sư Tạ Chí Đại Trường, hiện dạy tại Đại Học Vạn Hạnh, đề nghị xin Cụ cho phép sưu tập và in lại những tác phẩm của Cụ, cũng xin Cụ nhìn lại toàn thể các tác phẩm, tư tưởng của Cụ cho biết những chủ trương, tự ý phán xét tác phẩm của Cụ để giúp cho các nhà nghiên cứu văn học sẽ có thêm tài liệu. Đề nghị những ai quen biết bộ Văn Hóa Giáo Dục yêu cầu lo in những tài liệu ấy. Ông Giám Đốc nhà sách Khai Trí đã ngỏ lời nhận phụ trách ấn hành tác phẩm con người và sự nghiệp văn chương của Cụ Á Nam.

Cụ Phan Văn Mùi hiện dạy nhiếp ảnh Đại Học Vạn Hạnh cho biết đã hoạt động nhiều cho bộ môn nhiếp ảnh nghệ thuật từ nhiều chục năm qua, cũng từng quan niệm « thi trung hữu nhạc, thi trung hữu họa », nên đã cố gắng đem chất thơ văn tộc vào các tác phẩm nhiếp ảnh. Chính theo chiều hướng này, mà bộ môn nhiếp ảnh V.N. trở nên sáng chói trên trường quốc tế. Cụ cũng cám ơn tấm gương sáng về thi ca yêu nước của Cụ Á Nam.

Ký giả Giang Kim, một Kiều bào tại Miên, chủ trương tờ báo Hữu Nghị cho biết thơ văn Cụ Á Nam rất ảnh hưởng tại Việt Kiều, tại Cao Miên. Hầu như Việt Kiều nào cũng thuộc thơ cụ. Ông kể giai thoại hồi 1950, khi ông thủ hiến Bắc Việt Nguyễn Hữu Chí muốn kêu gọi thanh niên tòng quân, Cụ Tú Lê Dụ hồi ấy có phỏng theo bài Tiễn Chân Anh Khóa, viết thành bài ru con nói đến việc tòng quân, nhưng bài này sau bị chính quyền cấm. Năm 1959, khi ở Cam bốt tờ báo xuân của ông có đăng bài Tiễn Chân Anh Khóa, ông Tổng Trưởng Thông Tin (ông Châu Sen) và nghị sĩ Sơn Phước Thọ, vốn gốc Trà Vinh, biết tiếng Việt, tuy chưa tinh tường lắm, cũng hâm mộ thơ Cụ, và yêu cầu một ông chủ báo Liberté, một người Miên dịch sang tiếng

Library HoangSa.Org

Miên, phổ biến cho người Miên. Đến năm 1964, khi ông Giang Kim bị bắt tù, vào khám đường lớn, ông đã nghe thấy phụ nữ ở một trại gần hát ầm bài Tiễn Chân Anh Khóa, khiến bọn cai ngục ngạc nhiên.

Tiến sĩ Trần Quang Huy cho biết từ thời ấu thời, ông đã hâm mộ thơ văn yêu nước của Cụ và cho biết Cụ không những là một nhà thơ đặc biệt dân tộc, mà còn là một học-giả một nhà nho uyên thâm qua kinh-nghiệm bản thân, đã được Cụ giải đáp nhiều thắc mắc một cách thỏa đáng hơn là các Cụ tinh thông Hán Học khác. Theo ông, những lớp người trẻ cũng cảm được với Cụ những âm thanh, từ ngữ Việt-Nam mà Cụ chủ trương, không quên tinh-tự dân tộc. Dù đi Tàu, đi Tây du học, giới trẻ cũng không bao giờ quên tiếp nối chiều hướng dân tộc của Cụ.

Được hỏi ý kiến về chủ trương nghiên cứu, phát huy truyền thống Việt Nam của nhóm, Cụ Á Nam cho biết rất tán thành, Cụ cho biết đó là ước vọng từ tấm bé, nếu văn hóa phát triển, dân tộc mới quật cường lên được, văn hóa chìm, dân tộc không thể phát huy. Theo ý Cụ, bao nhiêu phương ngôn, tục ngữ, ca dao sẽ là căn bản, khiến dân tộc này còn tồn tại. Ta vì bị Tàu, Tây thống trị, ta vẫn giữ tinh thần dân Việt, tất cả những phương ngôn, tục ngữ, ca dao bị bỏ, ta sẽ không còn gì nữa. Chính Cụ cũng đã để sưu tầm đến nay được vài chục vạn câu. Theo cụ, chính kho tàng đặc biệt Việt Nam này mà ta không sợ bị đồng hóa. Nếu có học hỏi của người, thì phải tiêu hóa đi, phải việt hóa, mình mới làm giầu, phong phú thêm. Cụ đề nghị nên lo sưu tầm, tập trung rồi giải thích, ấn hành kho tàng quí báu ca dao tục ngữ và nếu bộ quốc gia giáo dục chân chính phải cho giới trẻ, từ tiểu học lên đại học, học kho tàng văn hóa quí giá đó, ở đó có đầy đủ tư tưởng, chính sách đối ngoại, đối nội... của dân tộc.

Gs Nguyễn Nhã, đại diện nhóm xin lĩnh ý Cụ và cho biết chính trong « Chín điểm chủ trương » của Nhóm cũng đã đặt nặng vấn đề trên, nếu chưa tổ chức tập thể, các nhóm nhỏ ở từng địa phương sưu tầm văn học dân gian thì sơ khởi có thể tổ chức một « đại hội sơ khởi sưu tầm ca dao tục ngữ»... với sự tham dự của một số người đã từng để tâm sưu tầm như Cụ chẳng hạn để sau đó lo san định, giải thích sắp xếp có hệ thống tạm thời ấn hành như một bộ quốc thư sơ khởi. Cũng mong sự chỉ giáo của Cụ và sự tiếp tay của mọi người bắt tay vào việc.

Sau buổi sinh hoạt này, nhóm dự tính tổ chức nhiều cuộc viếng thăm với tình tự như thế đến nhà nghệ sĩ lão thành Năm Châu, nhà báo lão thành Trần Tấn Quốc... Ở mỗi người, đều có tổ chức quay

Library
HoangSa.Org

phim, chụp hình « Slide, » hình đen trắng, thu âm, và cuối cùng 1 ban phỏng vấn mà ký giả Lê Phương Chi làm trưởng ban sẽ phụ trách phỏng vấn, thu thập tài liệu viết thành sách, lo ấn hành, cũng như lo dựng thành phim tài liệu để lại cho hậu thế. Rất mong được trợ giúp phương tiện thực hiện.

Cụ Á Nam Trần Tuấn Khải (ngồi chính giữa)
và Phái Đoàn Văn Hóa chụp ảnh lưu niệm
(Ảnh của Phạm văn Quảng)

Hơn hai tiếng đồng hồ mạn đàm trong bầu không khí thân mật, chân thật, cảm động chưa từng thấy, Cụ Á Nam tiễn biệt mọi người ra về với lòng vui sướng khôn tả, Cụ cho biết rằng từ xưa đến nay Cụ hằng mong có được một bầu không khí thuần túy văn hóa chân thành như thế này, mà nay Cụ mới thấy được. Những người thân trong gia đình của Cụ rất xúc động. Những giọng ngâm thơ của Trụ vũ, Tôn Nữ Hỉ Khương cùng các giọng ngâm của các người con của Cụ Á Nam qua các bài thơ hùng tráng đầy tự tình dân tộc của Cụ, đã làm mọi người xúc động.

Mọi người ra về với một cảm giác vui vui chưa từng thấy.

Vài ngày sau đó, Cụ Á Nam đã gửi cho các văn hữu một bức thư như sau :

« Vừa đây, buổi sáng, sau tiết Trung-thu Giáp-dần (6/10/1974) được hân hạnh Chư Quí-Vị Văn-Hữu quang lâm thăm hỏi tại nơi

Library HoangSa.Org

tệ-xá, thật là một nghĩa-cử vô cùng tốt đẹp đối với kẻ bất-tài này.

Nhất là, đương khi thời buổi nhiễu-nhương, lại thêm tiết trời mưa gió, vậy mà Chư-vị Quí-hữu không ngại vất vả gian lao lặn lội tới nơi đề thăm hỏi một kẻ bất-tải chỉ có tấm lòng hoài-bão ái-quốc ái-quần mà chưa từng lập một công lao gì ích-quốc lợi-dân, đề ân cần thăm hỏi và đưa những tặng-phẩm quí-giá vô cùng, thực khiến cho kẻ bất-tài lại càng tăng thêm cảm động trong tâm. Một nghĩa-cử này không những có phần khích-lệ cho kẻ bất-tài, mà hơn nữa lại là mở thêm một con đường phát-triển cho tinh-thần dân-tộc tương-lai, đó lại càng khiến kẻ bất-tài ngưỡng mộ và mong ước vô cùng.

Duy một điều đáng tiếc, sau cơn bị bệnh triền miên ngót một tháng dòng, nên trong khi đón tiếp chư Quí-vị tránh sao không có những điều thất-thố không được như lòng, dám mong chư Quí-vị cũng lượng tình mà tha thứ lỗi cho.

Một lần nữa, xin gửi lời chân thành cảm tạ chư Quí-Vị và xin kính chúc chư Quí-vị cùng Chư Tôn-quyến đều được vạn phúc khang an để gia công phụng sự dân-tộc tương lai.

Đề đáp lại tấm thịnh-tình của Chư vị Văn-Hữu, xin có mấy câu thô-thiển lưu-niệm sau đây :

Một buổi thanh-đàm với bạn văn
Khác chi nắng hạn gặp mưa nhuần
Chút lòng xúc cảm khôn bầy tỏ
Thề quyết đền bồi nghĩa Quốc-dân...

Á-Nam Trần-Tuấn-Khải đốn thư

SƠ LƯỢC TIỂU SỬ CỦA THI SĨ LÃO THÀNH Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI

(tài liệu Ban Tổ chức phổ biến ngày 6-10-74)

THÂN THẾ :

Thi sĩ Á-Nam Trần-Tuấn-Khải sinh năm Ất-mùi (1895) tại quê làng Quang-Xán, huyện Mỹ-Lộc tỉnh Nam-Định. Vị thầy duy nhất dạy thi sĩ học chữ nho từ ấu-thơ cho tới trưởng thành chính là vị thân sinh của thi sĩ : cụ cử-nhân Trần-Thụy-Giáp. Á-Nam tiên sinh lấu thông kinh sử trong khi khoa cử Trường Nam còn mở. Nhiều người khuyên tiên sinh nên lều chõng một phen, nhưng tiên sinh nhất định không dự thi lần nào.

Tiên sinh thành gia thất năm 19 tuổi, chừng năm sau thì cụ cử Trần-Thụy-Giáp tạ thế tại huyện Cẩm-Giàng, là nơi cụ đang nhậm chức huấn-đạo. Xong đám tang cụ Cử, tiên sinh có trở về làng Quang-

Library HoangSa.Org

Xán. Nhưng chỉ ít tháng, rồi tiên sinh đi xuôi ngược khắp vùng Bắc-Việt, thỉnh thoảng, mới về thăm nhà vài buổi. Á-Nam phu-nhân thì vẫn ở làng phụng dưỡng mẹ chồng nuôi con thơ... Được vài năm, cụ thân mẫu thấy con trai có chí khác thường nên cụ khuyên con và dâu ra thành thị ở để tiện đường bay nhảy. Á-Nam tiên sinh lên Hà-nội, ở tại một ngôi nhà ngay trong thành phố, của nhạc phụ cấp cho. Nhưng chỉ ít lâu, vì thấy tiên sinh ghét cảnh phố phường, bà Á-Nam liền bán ngôi nhà đó, mua một trang trại tại Thái-Hà ấp, ven đô Hà-nội. Bà đã tập buôn bán, Bà đi cân từng chuyến thóc gạo ở các tỉnh đem về Hà-nội bán.

Thời gian này, Á-Nam tiên sinh rất hoạt-động. Cả tháng hầu như không có bữa nào tiên sinh ăn cơm với vợ con, vì nếu không đi ăn với bằng hữu thì lại có bằng hữu đến hội họp. Á-Nam phu nhân biết chồng chọn văn nghiệp làm con đường phục vụ dân-tộc, nên Bà rất kính trọng, chiều chuộng chồng. Bà dành riêng một căn phòng cho bạn hữu, bất cứ là người giàu, nghèo, xa hay gần, khi cần đều có thể đến ở tự nhiên hàng tuần hàng tháng. Trong số bạn hữu đông đảo ấy, có nhiều người hoạt-động chống Pháp, nên trang trại hay bị khám xét, các gia nhân hay bị mua chuộc, đe dọa. Cũng may, bà Á-Nam có được những người giúp việc trung thành, nên chưa hề xảy ra vụ tố cáo, phản phúc nào. Khi danh tiếng thi sĩ Á-Nam càng lên cao, lan rộng khắp Bắc-Trung-Nam thì sức khoẻ Bà Trần-Tuấn-Khải càng suy nhược! Bà bị bệnh mất ngủ và chết năm 39 tuổi, để lại 3 con trai và 1 con gái, vào ngày mà Á-Nam tiên sinh ở ngục thất ra, sau mấy tháng bị Chính quyền Pháp bắt giam vì tội dùng văn thơ khích động lòng yêu nước V.N.

Bảy năm sau, tiên sinh tục huyền. Và bắt đầu dạy học tại mấy trường trung học Hà-nội, đồng thời nhận lời làm cho Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, với công việc khảo cứu Hán văn, cho tới giờ tiên sinh đã tám chục tuổi, tuy đau yếu luôn nhưng tiên sinh vẫn chưa nghỉ việc, vì Bà kế thất của tiên sinh có gần 10 người con, mà phần nửa hiện còn đang ăn học.

VĂN NGHIỆP

Qua những tác phẩm sáng tác, biên khảo, dịch thuật... của tiên sinh ta thấy hầu hết ẩn chứa một nội dung đề cao lòng ái quốc và tư tưởng đánh đuổi ngoại xâm. Sau đây là sơ lược những sáng tác của Cụ:

Duyên Nợ Phù Sinh I: In khoảng gần 1920. Khi in ra được hoan nghênh ngay nhất là hai bài « Gánh nước đêm » và « Tiễn chân Anh Khóa » trong tập này, đã được phổ biến nhanh chóng khắp nước.

Library HoangSa.Org

Duyên Nợ Phù Sinh II : In 1923 tại Hà-nội.

Thủy Hử : Dịch và in năm 1924 với dụng ý truyền bá tư tưởng cách mạng qua cuốn tiểu thuyết Trung Hoa đó.

Mảnh Gương Đời : Kịch bản soạn và trình diễn năm 1925 sau trận lụt lớn mấy tỉnh Miền Đông Bắc-Việt, các bạn thanh niên đem trình-diễn để lấy tiền cứu trợ. Nhà văn Tú Mỡ cũng đóng một vai trong kịch bản và Paul Moné đảng viên Đảng Xã-hội Pháp đã dịch vở kịch này ra Pháp văn.

Tam Tự Kinh diễn nghĩa, Mạnh Tử diễn nghĩa, Hồng Lâu Mộng, Hồn Hoa... Dịch và in trong thời gian này cùng với cuốn « *Ngụ Ngôn Tập Đọc* » của tiên sinh góp các truyện cổ Việt-Nam.

Bút Quan Hoài : Thi tập in khoảng 1926 - 1927, thời gian Cụ Phan-Bội-Châu bị Pháp giam tại Hànội. Trong tập có bài « Hai Chữ Nước Nhà » gây xúc động mãnh liệt cho giới thanh niên trước hồi đó (Chính Quyền Pháp tịch thu và cấm lưu trữ trên toàn quốc).

Hồn Tự Lập : Xuất bản tại Hà-nội trong thời gian này. Tiên sinh viết cuốn này để tuyên dương và bình luận nghĩa chữ « Bất Bạo Động » và « Bất Hợp Tác » của nhà Cách-Mạng Ấn-Độ Gandhi.

Bút Quan Hoài II: Xuất bản tại Hà-nội.

Hồn Tự Lập II: Nói về ba nhà Nữ Cách Mạng Nga thế kỷ 18, cuốn này cũng bị tịch thu ngay khi mới in ra.

Sách Chơi Xuân Nhâm Thân : In đầu năm 1932, giai phẩm này đã gây xúc động lớn cho mọi từng lớp độc giả. Phát hành chưa đầy nữa tháng đã hết 3000 cuốn. Liền đó tác giả và người xuất bản đều bị bắt vì trong giai phẩm này có bài thơ của tiên sinh diễn tả lời Bà Trưng khuyên em và hô hào dân chúng nổi lên đuổi xâm lăng, và bài văn xuôi của tiên sinh viết về vụ khởi nghĩa Yên Bái vừa qua, bài này tiên sinh tường thuật rõ từ lúc Quốc Dân Đảng khởi nghĩa cho đến khi bị người Pháp đàn áp và bắt giết như thế nào.

Thiên Thai Lão Hiệp : Bộ Kiếm Hiệp dài khoảng 40 hồi do tiên-sinh soạn.

Ngoài ra tiên sinh đã từng cộng tác với các báo. Nhật Báo Khai Hóa (của Bạch thái-Bưởi). Thực Nghiệp Dân Báo. Hà Thành Ngọ Báo. Tạp Chí Hữu Thanh. Văn Học Tạp Chí (của Dương-quảng-Hàm). Đông-Tây Tuần Báo (của Hoàng-Bích-Chu). Vệ Nông Tuần Báo (Nguyễn-công-Tiểu). Bắc Kỳ thể Thao v.v... và cùng Phụ Nữ Tân Văn, Phụ Nữ Thời Đàm, Đuốc Nhà Nam tại Nam Phần... Ngoài bút hiệu Á-Nam tiên sinh còn các bút hiệu khác như Lâm Tuyền Khách, Côi Hoàng Cư Sĩ, Tiều Hoa Nhân, Giang Hồ Khách, Đông A Thị...

Library HoangSa.Org

Di cư vào Nam 1955. Trong thời chính Phủ Phan-Khắc-Sửu tiên sinh có ký vào bản kiến-nghị của Phong Trào Hòa Bình yêu cầu, Nam Bắc ngưng chiến.

Ngoài ra tiên sinh có tham dự các chức vụ sau đây :

— Chủ-Tịch Đoàn Văn-Nghệ Lao-Công của Tổng-Liên-Đoàn Lao-Công VN.

— Chủ Khảo Cuộc thi thơ toàn quốc, thời chính phủ Ngô-Đình-Diệm (trước 1960).

— Trong ban Giám khảo các cuộc thi dịch thuật ban Hán Văn của Phủ-Quốc Vụ-Khanh Đặc Trách Văn Hóa Ủy-Ban Dịch Thuật (nay thuộc bộ Văn Hóa Giáo-Dục và Thanh-Niên).

— Trong ban Giám-khảo Bộ Môn Thơ, giải thưởng Văn Học Nghệ-Thuật toàn quốc 1973.

BUỔI HỌP MẶT HOẠCH ĐỊNH LỊCH TRÌNH HOẠT ĐỘNG NGẮN VÀ DÀI HẠN

Nhóm Nghiên Cứu và Phát Huy Truyền Thống Việt Nam vừa tổ chức buổi họp mặt nội bộ tại Câu Lạc Bộ Việt Võ Đạo, 2B Đinh Tiên Hoàng hồi 18 giờ ngày 27-10-74 với sự tham dự khoảng 30 người làm văn hóa dân tộc thuộc đầy đủ các ngành biên khảo quốc sử, địa lý, biên khảo quốc văn, sưu tầm dân nhạc, sáng tác văn thi ca, dân nhạc, nhiếp ảnh, hội họa, kiến trúc, các nhà giáo dục, việt võ học... để hoạch định chương trình ngắn hạn 8 tháng (2 tháng 1974 và 6 tháng 1975). Mỗi tháng đều có từ 1 đến 3,4 sinh hoạt. Nhóm sẽ tổ chức nhiều cuộc viếng thăm nhà nghệ sĩ lão thành Năm Châu, nhà báo lão thành Trần Tấn Quốc, nhà văn lão thành Tam Lang, nhà thơ Vũ Hoàng Chương, kịch tác gia Vi Huyền Đắc... Nhiều buổi diễn thuyết (cơ thảo luận và dẫn chứng...) về những bản sắc dân tộc trong thi ca, tranh tết, hội họa, nhiếp ảnh, việt võ đạo, đặc biệt sẽ tổ chức triển lãm nghệ thuật dân tộc (nhiếp ảnh, hội họa), Hội Tết vào ngày 25 tháng chạp âm lịch, ngày đăng quang của vua Quang Trung và Hội Mùa Xuân, ngày kỷ niệm Đống Đa, mùng 5 tết, cùng 1 Đại Hội Sưu Tầm Ca Dao, Tục Ngữ vào cuối tháng 6-1975. Một số công trình biên khảo, sáng tác sẽ được xuất bản.

Nhiều dự án dài hạn trong 5 năm cũng được đề cập, đặc biệt Nhóm sẽ hỗ trợ cho việc thành hình VIỆT NHẠC HỌC HỘI PHẠM DUY.

Library HoangSa.Org

CỤ NGHÈ NGUYỄN SĨ GIÁC VỊ TIẾN SĨ HÁN HỌC CUỐI CÙNG CỦA VIỆTNAM KHÔNG CÒN NỮA

★ NHẤT - THANH

Cụ nghè Nguyễn Sỹ Giác, tự Trọng Ngọc, hiệu Tấn Thần, cháu nội cụ đại thần Nguyễn Trọng Hợp, Cụ sinh năm mậu tý (1880) đậu tiến sĩ từ đời Duy Tân thứ 4 (1910) nhứt định không ra làm quan. Cụ tinh thông chữ Hán, chữ Nhật, chữ Pháp.

Cụ với cụ Hoàng Tăng Bí là anh em con Cô con Cậu ; hai người cùng hoạt động trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục và Cách mạng. Cụ có người con trai là cựu đại sứ Nguyễn Duy Liễn, hiện đang sống ở Hoa Kỳ.

Cách đây hơn 10 năm, Cụ đã từng dạy học tại Đại Học Văn Khoa, Đại Học Sư Phạm Saigòn cùng nhuận sắc sách dịch chữ Hán của Đại Học Luật Khoa Saigòn.

Cụ mất chiều ngày 30-9-1974 và được an táng vào ngày 3-10-1974 tại nghĩa-trang Mạc Đĩnh Chi. Đám táng được cử hành thật giản-dị, có đầy đủ thân bằng quyến thuộc, nhưng thấy vắng bóng đại diện các cơ quan mà Cụ từng hợp tác. Có 5,6 môn sinh Cụ, thật cảm động, đã đồng loạt quì lạy trước huyệt Cụ để vĩnh biệt người thày khả kính.

Theo chương trình dự liệu, Nhóm Nghiên Cứu và Phát Huy Truyền Thống Việt-Nam sẽ tổ chức cuộc thăm viếng vấn an Cụ Nghè, cũng như một số các nhà giáo dục, nhà văn hóa lão thành. Nhưng chưa kịp đến thăm, thì Cụ nghè đã hóa ra người thiên cổ. Nhóm đã cử một số người đại diện đến phúng điếu và tham dự đám táng và chúng tôi đã đại diện nhóm đọc bài điếu văn trên, cũng là bài điếu văn duy nhất trong đám tẳng.

Theo lời yêu cầu một số bạn đọc, chúng tôi xin đăng tải nguyên văn bài điếu văn do chúng tôi soạn thảo và đặt trước huyệt Cụ Nghè cuối cùng của ViệtNam.

Library HoangSa.Org

« Ô hô ! Trọng-Ngọc tiên-sinh.

Trời Nam ảm đạm, Bến Nghé đìu hiu... Tiên-sinh ra đi, nghe tin xiết nỗi bàng hoàng ; lòng chúng tôi se lại.

Gió vàng heo hắt, Lá thu rơi... Nắng mưa thêm ê ẩm nỗi u hoài.

Sinh đất Kim-lũ Hà-đông vốn tiếng địa linh, lại dòng phiệt duyệt, kinh thuật đủ tài, tiên-sinh đỗ tiến-sĩ khoa canh-tuất, năm còn trẻ mới 23 tuổi (tây lịch 1910),

Như ai thì có thể đã « Dõi đời khoa bảng xuất thân » (1). Nhưng không, tiên-sinh đã nghe tiếng gọi của hồn thiêng sông núi, cũng sát cánh các bạn Đông Kinh Nghĩa Thục, âm thầm hoạt động, và bị bắt giam cầm (án năm 1913).

Sau khi được trả tự do, vốn nhà thanh bạch, Tiên-sinh đã có lúc phải một mình nay Bắc lại mai Nam, cho khuấy khỏa nỗi lòng, đồng thời thời lo việc nhật dụng, kiểu như ai.

« Hây hẩy một đôi trò, ba năm sách,
Nhắc truyện đời cho trẻ nhỏ nói nghe chơi ». (2)

Lên đường buổi ấy, tiên-sinh có ghi lại nỗi lòng hận cảm trong một bài thơ có những câu

« Gươm đàn nửa gánh muốn sang sông
Hỏi bến thuyền không lái cũng không

. . . . . .

Lần lửa nắng mưa trong cuộc thế
Cắm sào đợi nước thuở nào trong » (3)

« Thuở nào trong » là mong mỏi có chớm pha thất vọng băn khoăn về nỗi « Cuộc thế mong gì nợ bốn phương ». (4)

Nhớ lại hồi Tiên-sinh tiễn mấy bạn đồng chí ra đi không hẹn ngày về (đày Côn-đảo) đã gởi gấm tâm tình trong câu

« Anh em tan tác đôi hàng lệ
Trời bể mênh mông một tấm lòng » (5)

Một tấm lòng đây là Cố-quốc tâm của nhà nho, mà Tiên-sinh hằng ấp ủ mãi, cách nay gần hai chục năm Tiên-sinh còn nhắc nhở trong một vế câu đối tặng bạn thân : « Cực vọng quan hà cố quốc tâm ». (6) Ngay từ tuổi trẻ, Tiên-sinh đã sớm lo học ngoại ngữ Pháp và Nhật, rất tinh tường, phải chăng để hòng ứng dụng trong một chuyến xuất dương hằng mưu toan xếp đặt thầm kín cho công cuộc cách mạng. Việc đã qua, nhưng về sau, khi hỏi lại về ý đồ ấy, Tiên-sinh vẫn không chịu nói, chỉ thoái thác mà rằng học để cho biết vậy thôi.

Nhà nho « Xưa nay Xuất Xử thường hai lối », mà cái lối Xử của Tiên-sinh thực cũng là bất như ý vậy.

Library HoangSa.Org

Sau khi di cư vào Nam năm 1954, được mời làm giáo-sư Đại-học Văn-khoa, Đại-học Sư-phạm Sàigòn, và dịch cùng nhuận chính sách dịch chữ Hán cho Đại-học Luật-khoa, Tiên-sinh vẫn khắc khoải ưu tư với bất như ý kia, như trong câu thơ cảm hoài

« *Mưa gió đèn khuya vui có bạn*
Sử kinh nghề cũ thẹn làm thày » (7)

Thẹn làm thày... Than ôi ! Thực là u uất...

Việc đời man mác... Trong buổi vãn niên tiên-sinh cũng đã kịp thấy nước độc lập, dân hết bị trị, nhưng trớ trêu thay ! Thái-bình, Hạnh-phúc tìm đâu cho thấy ! Khói lửa vẫn ngút trời Nam. Từ nay Hác nội Mây ngàn, Tiên-sinh khỏi phải chứng kiến những cảnh đổ nát đau thương còn đang tiếp diễn trên mảnh đất thân yêu. Chúng tôi bùi ngùi mất đi vị tiến-sĩ sau cùng của khoa giáp thời xưa, mất đi một vị lão thành thạc vọng điển hình nếp cũ, với học-phong sĩ-khí ngày nay khó tìm đâu cho thấy ; chúng tôi mất đi một ông Thày, một pho Kinh truyện từ nay biết tìm hỏi nơi nao ? Bốn chữ Quỳnh Uyển Danh Lưu 瓊苑名流 (8), chúng tôi, Nhóm Nghiên Cứu và Phát Huy Truyền Thống Việt-Nam, viết trướng thờ bên linh-vị, không đủ diễn tả lòng kính mến ngưỡng mộ của chúng tôi...

Bóng người đã khuất, nhưng văn chương còn đó vẫn là duyên bất tử.

Ô Hô !

○

Chú dẫn của Tòa Soạn :

(1) Cao-bá-Nhạ, Tự tình khúc.

(2) Nguyễn-bá-Trác, Hạn mạn du ký.

(3) Trọng-Ngọc Thơ, Cảm hoài.

(4) Thượng-Tân thị, Lời bà Thái-hậu than tiếc chồng con là hai Vua Thành Thái và Duy Tân.

(5) Tiễn bạn đi đày Côn-đảo của Trọng-Ngọc.

(6) Đối liễn Trọng-Ngọc tặng Nhất-Thanh.

(7) Trọng-Ngọc, Đêm mưa thuật hoài.

(8) Nổi tiếng rừng Quỳnh. Quỳnh Uyển chỉ tên cái vườn nhà Vua đãi yến các ông tân khoa tiến sĩ. Danh lưu là hàng văn sĩ có danh tiếng.

Library HoangSa.Org

ĐƯỜNG HƯỚNG VIỆT VÕ ĐẠO

★ Võ Sư TRẦN-HUY-PHONG

L.T.S. — Đây là tài liệu được phổ-biến trong khóa Huấn Luyện Cấp Trưởng vào ngày 13-10-1974 tại trụ sở Việt Võ Đạo, Saigon. Võ sư Trần Huy Phong hiện là Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Việt Võ Đạo, một phong trào võ học có đường hướng phát huy truyền thống dân tộc. Phong trào này ra đời từ năm 1938, do cố võ sư Nguyễn Lộc sáng lập, thăng trầm theo vận nước nổi trôi, từng tham gia kháng chiến, tới năm 1948 về Hà nội gây lại phong trào. Từ năm 1954-1964, tại miền Nam, phong trào tái tạo các võ sư để sau đó đẩy mạnh việc quảng bá, đến nay có tới hàng trăm ngàn môn sinh trong các chủng viện, các trường học, trong quân đội, cán bộ phát triển nông thôn và gần đây đã phát triển tại Quốc ngoại trong đó có Pháp, Maroc, được hàng ngàn môn sinh.

LÝ-TƯỞNG.

Mục tiêu tối hậu của Việt-Võ-Đạo là xây-dựng con người, đào tạo Thanh-niên, sản xuất những thế-hệ hùng mạnh cho Quốc-gia Dân-tộc.

Muốn đạt được mục-tiêu đó, VVĐ cương-quyết thực-hiện cuộc cách mạng tâm thân nhằm giải-phóng toàn diện con người: *Giải-phóng con người khỏi sự ngu tối của óc não, sự sa-đọa của Tâm Hồn và sự hèn yếu của Thân-Thể...*

Khi đã có một thế-hệ thực sự Ưu-tú: Trong sạch khỏe mạnh, giàu kiến thức, nhiều tự-tin, có óc sáng tạo và có ý-thức đúng-đắn về Vũ-trụ và Nhân-sinh thì chắc chắn xã-hội sẽ được cải thiện. Có thể nói CÁCH MẠNG TÂM THÂN chính là đáy-tầng của CÁCH MẠNG XÃ-HỘI.

ĐƯỜNG HƯỚNG.

1) Việt-Võ-Đạo không phải là một đoàn thể chính trị nên không tranh đấu chính-trị như các Đảng-phái hay các Lực-lượng, Phong-trào đấu tranh.

Nhưng, một Thanh-niên, một Môn-sinh VVĐ cần thiết phải học tập và tìm hiểu các vấn đề chính-trị cũng như các vấn đề kinh-tế, văn-hóa, giáo-dục, khoa học... nhất là phải nhận định rõ chiều đi của Lịch-sử Thế-giới và hướng tiến của Lịch-sử Dân-tộc.

Là một đoàn thể trong một chế độ Tự-do, đôi khi VVĐ cũng cần phải có những thái-độ chính-trị hoặc những hành vi mang « tính cách » chính-trị theo cái nghĩa rộng rãi của danh từ này.

Library HoangSa.Org

Và tất nhiên, với tư-cách công-dân, một Môn-sinh một Thanh-niên VVĐ có quyền hoạt-động chính-trị tùy theo ý thức và khuynh-hướng của mỗi người, nhưng không ai được phép nhân danh VVĐ để mưu cầu những mục-đích riêng tư.

2) Việt-Võ-Đạo chủ trương một nền Giáo-dục dựa trên các tiêu-hướng: Dân-tộc, Nhân Bản, Khai Phóng và Thực Dụng. Do đó, VVĐ thể hiện một tinh-thần HÒA ĐỒNG và HỢP-TÁC cao rộng. Nói cách khác, VVĐ triệt-để chống lại mọi sự kỳ thị phân ly, áp bức và nô-lệ hóa CON NGƯỜI dưới bất cứ hình thức nào.

Trong tổ-chức VVĐ tuyệt đối không phân biệt đảng phái, tôn giáo, chủng tộc địa-phương và cấp độ xã-hội. Tuy được hình thành bằng các kỹ-thuật và tinh-thần Võ-đạo Truyền Thống Việt-Nam, nhưng VVĐ không có biên giới, vì VVĐ là một công trình sáng tạo của Dân-tộc Việt-Nam để đóng góp vào tiến trình văn minh của nhân loại. Vì vậy trong VVĐ chỉ có một thứ tình cao cả, đó là TÌNH VÕ ĐẠO thoát sinh từ sự hiểu biết và ý-thức của những CON NGƯỜI đã thực sự được giải-phóng toàn diện.

3) Việt-Võ-Đạo là một ĐƯỜNG SINH ĐỘNG phải đi thật xa dài và thật sâu rộng vào tận đáy tầng của mọi xã-hội để làm một chất xúc tác, hòa diệu và thăng hoa thành cái Uyên-Nguyên, cốt tủy của sự sống, lưu hành mãi mãi trong dòng nhân sinh miên trường của nhân-loại.

Công thức cụ thể mà các Môn-sinh, các Thanh-niên VVĐ phải triệt để áp dụng là: Sống — để người khác sống và Sống cho người khác. Vì thế, chúng ta phải dang rộng vòng tay để đón nhận mọi người, đón nhận ngay cả những người xa lạ — nhất là những người không mang cùng một màu áo như chúng ta, bằng một thứ tình Võ-Đạo cao cả và bằng sự say sưa trìu mến.

4) Mẫu người lý tưởng của Thanh-niên VVĐ, dĩ nhiên phải là con người toàn diện. Nhưng trong đời sống thực tế — con người đó, trước hết phải là con người có một khả năng đa dụng, có ý-thức và óc sáng tạo, có lòng khoan dung, từ ái, có tinh thần yêu việc và dấn thân. Con người đó phải làm được — tất cả mọi việc bằng chân tay và bằng tim óc mà không nề hà kênh kiệu không mặc cảm và kiêu sa. Sau chót, CON NGƯỜI đó — phải là một con người dũng cảm và quyết tâm, dám hy sinh cho đại nghĩa và cho lý tưởng của mình.

— Thanh-niên VVĐ phải là lớp người Tiền phong trong công cuộc Cách Mạng CON NGƯỜI, xây dựng đất nước.

— Thanh-niên VVĐ phải là những Cán bộ nòng cốt của xã-hội, nguyện dấn thân và hiến mình cho xã-hội.

Library HoangSa.Org

NHỮNG BUỔI DIỄN THUYẾT VỀ ÂM NHẠC CỔ TRUYỀN VIỆT-NAM của Giáo-Sư TRẦN VĂN KHÊ

★ HOÀNG VIỆT TỬ

Sau 25 năm xa cách, G.S. Trần văn Khê vừa mới về thăm quê nhà từ ngày 15-8-74, nhân chuyến đi công tác từ Úc Châu trở về Pháp. Trong dịp ở lại Sàigòn, Ông đã thuyết trình về âm nhạc Cổ truyền Việt Nam tại nhiều nơi : hai lần ở trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ, một lần ở Hội « Ái Hữu Nghệ Sĩ V.N. », một lần ở Đại Học Vạn Hạnh, một lần ở Trung Tâm Văn Hóa Pháp, một lần ở Hội Việt Mỹ, một lần ở trường Taberd. Ở tất cả mọi nơi, giáo sư Trần văn Khê cũng đều ứng khẩu rất lưu loát bằng tiếng Việt hay tiếng Anh (Hội Việt Mỹ), tiếng Pháp (Trung Tâm Văn Hóa Pháp). Với giọng nói trầm ấm, truyền cảm, với khả năng ăn nói thật lưu loát dí dỏm, với tài năng thiên phú bắt chước dễ dàng các giọng hát đủ loại (dân ca các miền, ngoại quốc), các tiếng đàn, tiếng nhịp trống rất tự nhiên, những buổi nói chuyện của Ông thật vui, thật lôi cuốn người nghe. Có thể nói từ xưa đến nay, ít có người có tài diễn thuyết về âm nhạc như thế. Về nội dung các bài diễn thuyết, tuy ít có gì mới mẻ so với những gì Ông đã từng biên khảo, phổ biến, nhưng nhờ tài lôi cuốn trên, nhất là Ông biết triệt để sử dụng những thứ dụ cụ thể, các dẫn chứng về ca nhạc, cũng như nhờ kiến thức thật phong phú về sự đối chiếu nhạc học của nhiều dân tộc, nên Ông rất thành công trong các buổi diễn thuyết, nhứt là trong phần thảo luận, đối đáp với các thính giả.

Cũng xin nói thêm : giáo sư Trần văn Khê sinh trưởng ở Mỹ Tho năm 1921 trong một gia đình trung lưu, sành về ca nhạc. Khi lên 6 tuổi, ông đã sành về đàn kìm, đàn cò, Ông đã học Y khoa Hànội còn dở dang, từng tham gia kháng chiến, rồi trở về thành, sang Pháp du học chính trị học rồi văn chương, Ông đã đậu bằng tiến sĩ văn chương ban âm nhạc tại Pháp với đề tài : « Âm Nhạc Truyền Thống Việt Nam » (La Musique Vietnamienne Traditionnelle). Hiện ông giữ chức vụ Giám Đốc Trung Tâm Nhạc Học Đông Phương, giáo sư về dân tộc nhạc học tại đại học Sorbonne, một chuyên viên cao cấp tại Trung Tâm Quốc Gia Nghiên Cứu Khoa Học Pháp Quốc (CNRS) và là hội viên Hội Đồng Quốc Tế Âm Nhạc thuộc Unesco. Chính nhờ vậy, hiện Ông có phương tiện nghiên cứu cũng như có dịp tham dự nhiều hội nghị âm nhạc quốc tế, nhiều dịp đi diễn thuyết về âm nhạc đông phương và Việt Nam. Ở mọi nơi ông cũng đều thành công và đã làm vẻ vang cho ca nhạc cổ truyền Việt Nam.

Library HoangSa.Org

Tại trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ Sài-gòn, Gs Khê đã diễn thuyết 2 đề tài : « Vài Đặc Điểm Trong Nền Cổ Nhạc Việt-Nam » vào thứ bảy ngày 24-8-74 và « Vài Ý Kiến Về Vấn Đề Bảo Vệ và Phát Triển Vốn Cổ Trong Truyền Thống Âm Nhạc Việt Nam » do Khối Văn Hóa thuộc Bộ VHGD tổ chức.

VÀI ĐẶC ĐIỂM TRONG NỀN CỔ NHẠC VIỆT-NAM

Dùng phương pháp đối chiếu, G.s. Trần văn Khê đã làm nổi bật nhiều nét độc đáo của âm nhạc Việt Nam về phương diện nhạc khí, nhạc ngữ, cách diễn tấu.

Âm nhạc Việt Nam ngoài sự ảnh hưởng khá sâu đậm âm nhạc Tàu như việc bắt chước nhạc khí (các cây đàn tranh, ống tiêu, ống địch, đàn tam huyền...) ảnh hưởng chép nhạc hò xự xang xê công, ảnh hưởng các bài bản như Lưu Thủy... ảnh hưởng những yếu tố nghệ thuật kịch nghệ Tàu, âm nhạc Việt Nam còn ảnh hưởng nhạc Chàm như trống cơm từ Ấn Độ qua...

Tuy vậy Gs Trần văn Khê đã trình bày những vốn riêng của Việt Nam, về nhạc khí đặc biệt như đàn bầu (độc huyền cầm), đàn đáy, đàn kìm (khác với đàn nguyệt Tàu), đàn gáo, đàn tranh « Vĩnh Bảo », cây sênh tiền, cây song lang... Những nhạc khí trên có nhiều đặc điểm độc đáo như dáng vẻ đẹp của cây đàn kìm. Chính ông đã giựt mình khi nghiên cứu thấy một con số tỷ lệ rất có hệ thống khoa học chặt chẽ, như đường kính của các thùng đàn là 36 phân, thì bề đáy của sợi dây từ con dơi tới con cóc là 72 phân (36 × 2), trục đàn 12 phân (36/3), đầu đàn dài 12 phân (36/3), con dơi, chỗ mắc dây 12 phân (36/3), con dơi để cách phía dưới thùng đàn 4 phân (36/9). Như thế, người đóng đàn đã lấy số 36 phân làm căn bản. Không hề theo phương pháp khoa học nào mà phần lớn nhạc khí Việt Nam khi phân tích bằng máy sonograph như cây đàn cò, cây song lang, ba động đều đo vào khoảng 3000 hertz mà tất cả những tiếng đo được từ 2800 — 3500 hertz đều nghe được 1 cách rõ ràng. Thế nên, ta không lấy làm lạ cây đàn cò VN. chỉ cần kéo nhẹ cũng khiến ở ngồi xa cũng nghe thấy được. Cây song lang chỉ cần đánh lên 1 tiếng cóc, thì ai cùng phải giựt mình, điếc cả lỗ tai rồi. Có thể nói người Viet Nam đã có 1 cái máy điện tử đo âm thanh ở lỗ tai. Chính ông Giám Đốc Viện Nghiên Cứu Thanh Học ở Paris đã có xin gs Khê 1 cái song lang để dùng làm chuẩn đo âm thanh. Gần đây, những người bạn của gs Khê như Ông Vĩnh Bảo đã làm một loại đàn tranh kêu to hơn đàn cổ truyền ; Ông Bùi Văn Nhu đã làm đàn

Library HoangSa.Org

gáo, dùng phương pháp mới. Để 1 cái lò xo vào trong mặt đờn để đánh kêu to hơn, khi gs Khê đưa cây đàn gáo này cho các nhà thanh học ở ngoại quốc thì họ rất ngạc nhiên, tưởng người chế đàn phải từng tốt nghiệp trường Kỹ sư thanh học nào đó, chứ biết đâu những người bạn ấy chẳng tốt nghiệp trường Kỹ sư nào cả, chỉ tự học rồi sáng chế ra.

Về nhạc ngữ Việt Nam cũng có nhiều điểm độc đáo, về âm giai thì có nhiều loại như âm giai 2 cung như trong điệu hát đúm Hải Dương, 3 cung như các điệu hát trẻ em như bài Cùng Đụng Cùng Nịu, âm giai bốn cung như điệu hát ru Huế, âm giai 5 cung dưới nhiều điệu hát dân ca các miền, cùng nhiều âm giai đặc biệt khác ở điệu hát Nam Miền Trung, vùng Tây Nguyên. Về cung điệu thì rất phong phú, chẳng hạn cùng 1 chữ sang mà đánh theo hơi xuân, hơi ai thì khác hẳn nhau.

Về nhạc khúc dầu phải tùy theo tiếng trầm của tiếng nói, nhưng nhạc khúc cũng có những nốt mới lạ, chẳng hạn như câu :

Yêu nhau cởi áo cho nhau
Về nhà dối mẹ qua cầu gió bay

Mà có thể hát ra thành nhiều điệu như điệu ru em, trống quân, cò lả, chèo, tuồng, ngâm thơ, quan họ...

Về tiết tấu cũng rất phong phú không kém, như có nhiều cách đánh nhịp, đánh trống rất độc đáo. Về cách diễn tấu có thêm cái luyến, cái láy, có những biến khúc rất đặc biệt.

VÀI Ý KIẾN VỀ VẤN ĐỀ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN VỐN CỔ TRONG TRUYỀN THỐNG ÂM NHẠC VIỆT NAM

Theo giáo sư Trần Văn Khê, ta cần bảo vệ cái vốn cũ bởi nền âm nhạc cổ truyền càng ngày càng xuống dốc. Bởi cái vốn cũ đã được xây dựng quá lâu đời. Nếu với 25 năm ta có thể đào tạo được 1 thế hệ kỹ sư, thì phải 1000 năm mới có 1 nền văn hóa. Bởi sự tiếp xúc Âu Á đã gây ra cảnh văn minh Âu đè ép văn hóa Á, chính do vì chính trị, lịch sử. Người Âu đã từng thống trị người Á. Thường thì người bị trị cho rằng người thống trị mạnh về kỹ thuật cũng cao về văn hóa. Bị trị thì tự ti mặc cảm và thống trị thì ngược lại tự tôn mặc cảm.

Nếu Á Châu cứ chạy theo Âu thì giỏi đến đâu cũng chỉ là học trò của họ. Trong khi, nếu mình nắm vững truyền thống của mình thì không những mình làm thày của mình mà còn làm thày của người ngoại quốc.

Library HoangSa.Org

Trong tình trạng bi đát, trầm trọng hiện nay chẳng khác nào như nhà đang cháy, như người đang trọng bệnh, thì việc đầu tiên phải lo bảo vệ đã. Nhưng bảo vệ chưa đủ, cần phải phát triển theo trào lưu tiến hóa chung của thế giới. Sự phát triển theo đường hướng thế nào mà vẫn giữ được những đặc điểm trong truyền thống của mình, đồng thời phải biết những truyền thống của nước ngoài để có thể mượn một vài yếu tố của nước đó để làm truyền thống của mình để phong phú thêm. Chẳng khác nào ta chắp cây, khi chắp cây cùng 1 loại thì sẽ sinh ra 1 cây có hoa trái đẹp, nếu không cùng loại thì cả hai đều chết. Nhưng truyền thống Á Châu như Ấn, Nhật, Tàu, Nam Dương cũng có nhiều điều chúng ta học hỏi chứ không phải chỉ ở Tây phương. Bảo vệ vốn cổ mà không nệ cổ và phát triển vốn cổ không có nghĩa âu hóa nối cổ.

Phần thảo luận đã kéo dài tới nhiều giờ trong bầu không khí sôi nổi, thân ái.

CHỮ QUỐC NGỮ VÀ NHỮNG NGƯỜI TIỀN ĐẠO

Hồi 17 giờ ngày 29-9-74, Tinh Việt Văn Đoàn và Hội Văn Hóa Duy Linh, đã tổ chức một buổi thuyết trình tại chính trụ sở Hội Văn Hóa Duy Linh 43 bis, Nguyễn Thông Sàigòn. Đề tài thuyết trình : «chữ quốc ngữ và những người tiền đạo». Diễn giả là linh mục Đỗ Quang Chính, giáo sư Đại học Văn Khoa Sàigòn và Huế.

Qua cuộc thuyết trình và có thảo luận, diễn giả đã căn cứ vào những tài liệu viết tay liên quan tới chữ quốc ngữ thời kỳ đầu tiên từ 1620-1637, hiện được lưu trữ tại một số Văn khố ở La mã, Lisbonne và Madrid.

Diễn giả đã cho thấy sự hình thành chữ quốc ngữ từ năm 1620 với những nhân danh và địa danh, ký âm theo lối Bồ Đào Nha, Ý, La Tinh, Hy Lạp, như : *Quinhin, nhà, Oũ, Cacciam, Phiên,* v.v... Đặc biệt, diễn giả đã khám phá ra : *từ đầu đến năm 1637, giáo sĩ Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes) còn kém chữ quốc ngữ hơn giáo sĩ Gaspar D'Amaral nhiều.* Như vậy, không thể nói được Đắc Lộ là thủy tổ chữ quốc ngữ, tuy Đắc Lộ là người có công nhất trong việc cho xuất bản hai sách quốc ngữ đầu tiên tại La mã năm 1651. Ngoài ra, diễn giả cũng cho biết : có một số người Việt Nam ngay từ buổi đầu đã góp công vào việc

Library HoangSa.Org

hình thành chữ quốc ngữ, như các ông Đức, Nhuận, Tri, Thiện, Văn Tín.

Diễn giả đã hoàn toàn dựa vào những tài liệu viết tay, mà chính ông đã tìm kiếm được tại Văn khố ở Âu châu.

Sau phần thuyết trình, nhiều người đã đặt câu hỏi đã được diễn giả giải đáp minh bạch.

Buổi diễn thuyết được đặt dưới sự chủ tọa của ông Phụ tá Tổng trưởng Văn hóa, giáo dục và thanh niên, đặc trách Văn hóa và quy tụ đông đảo giới giáo sư, học giả.

Tập san Sử Địa sẽ có dịp đăng tải toàn bản văn thuyết trình hầu giúp thêm một tài liệu cho giới chuyên nghiên cứu về chữ quốc ngữ, và nếu có thể sẽ ra một số đặc khảo về lịch sử chữ quốc ngữ.

CÔNG TRÌNH SƯU TẬP PHỔ TRẠNG CỦA « NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA »

Hiện nay, ông Dã Lan Nguyễn Đức Dụ, tác giả cuốn «Gia Phả Khảo Luận và Thực Hành» đã nỗ lực sưu tầm phổ trạng của những văn thi gia tên tuổi đã chết cũng như những người hoạt động văn hóa hiện đang sống tại miền Nam. Trong bức tâm thư gửi cho các văn thi hữu trong và ngoài nước, ông nhận định về sự khiếm khuyết về tài liệu gốc gác tông tích của các tác giả văn thi ca, ông kêu gọi hợp tác soạn cuốn « VĂN THI GIA CẬN ĐẠI PHỔ TRẠNG LƯỢC KHẢO », yêu cầu mọi người cung cấp cho ông các chi tiết về tông tích ông Thủy Tổ : tên họ, tên tự, miếu hiệu, chức tước, nơi ông Thủy Tổ bắt đầu lập nghiệp, thời gian đến lập nghiệp của Thủy Tổ, các ngành do ông Thủy Tổ sanh, ngành chi của ông nội tác giả — đồng thời các chi tiết về thân thế tác giả, như bút hiệu, sở thích, sở hiếu, cuộc đời từ nhỏ tới lớn, một vài biến chuyển đột ngột trong đời, nguyên nhân dẫn tác giả tới con đường văn nghiệp một vài mẩu giai thoại, gia cảnh, vợ và con, các công trình...

Cho tới nay đã có hàng trăm người đã cung cấp tài liệu, những người đã khuất như Phan Huy Ích, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Bùi Viện, Nguyễn Công Trứ, Dương Khuê, Nguyễn Khuyến, Hàn Mặc Tử, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Thanh Giản, Hồ Biểu Chánh, Phan Khôi, Nhất Linh — những người còn sống như cụ Á Nam, cụ Nhất Thanh, Nguyễn văn Hầu, Đông Tùng, Lê Ngọc Trụ, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Đăng Thục, Phạm Duy, Doãn Quốc Sĩ...

Rất mong việc làm lớn lao của ông Dã Lan trên sẽ sớm hoàn tất ; nhờ đó sau này, các nhà khảo sử có tài liệu quí giá để tham bác.

Library HoangSa.Org

THUỐC BÁC-SỸ TÍN VÌ SAO RA ĐỜI ?

Gần một trăm năm tiếp-xúc với văn-minh Âu-Mỹ, người mình ít ai chịu khó áp-dụng khoa-học để khảo-cứu dược-phẩm trong nước và kiến-tạo một nền dược-học y-học hoàn-toàn Việt-Nam.

Trông thấy khuyết-điểm ấy, Bác-Sỹ Tín lại nhận định rằng một nước độc-lập mà nền khoa-học cũng phải đứng trên những căn-bản độc-lập. Nhiều ngành khoa-học phải khảo-cứu riêng về thổ-sản thổ-nghi và dân-sanh trong nước để áp-dụng vào các ngành nông, công, thương thì mới mong phát-triển kịp người.

Vì vậy cho nên Bác-Sỹ Tín đã sang Âu-châu du-học, tìm hiểu y-lý Tây-phương tận gốc. Trong những năm tòng-sự tại các bịnh viện và các khảo-cứu-viện ở Ba-lê, Bác-Sỹ Tín đã có công xem-xét các phương-pháp chế thuốc của Âu-Mỹ, lại có cơ-hội thí-nghiệm những thảo-mộc ở nước nhà gởi sang, lọc những nguyên chất dùng vào việc chế thuốc thâu thập cái hay của người đặng nâng cao giá-trị những dược-phẩm dồi-dào của xứ mình.

Kịp khi về nước vào đầu năm 1941 ngay trong thời kỳ chiến-tranh, Bác-Sỹ Tín liền tổ-chức một sở bào-chế, tìm góp những Nam-dược giống như dược-vật Âu-Mỹ chế ra khoa thuốc Bác-Sỹ Tín, thích-hợp với cơ-thể người mình và khí hậu nhiệt đới. Toa nhẫn đều dùng chữ quốc-ngữ và phát-hành khắp tiệm thuốc các nơi, mục-đích là để phổ-thông trong dân chúng, tận xóm làng, thôn lâm, cống hiến cho đồng-bào môn thuốc khoa-học, công hiệu, rẻ tiền và dễ dùng.

Khi thái bình vãn hồi, giấy rẻ, in rẻ, Bác-Sỹ Tín sẽ ấn-hành những sách báo dạy về vệ-sinh cần yếu để tránh những bệnh hiểm nghèo suy-nhược, mong đồng-bào giữ vững sức khỏe và bồi bổ sinh-lực của nòi giống.

NHÀ THUỐC BÁC-SỸ TÍN

lại còn có tham-vọng :

1.— Trồng cây thuốc Việt-Nam và cây thuốc nhập-cảng như Ipéca, Quinquina, v.v...

2.— Xuất cảng những dược-phẩm Việt-Nam,

3.— Đào-tạo những Kỹ-thuật-gia để sản-xuất thuốc hóa-học theo quan-niệm kỹ-nghệ-hóa quốc-gia.

(Viết tại Cholon, tháng 3 năm 1945)

Library HoangSa.Org

ĐÃ ẤN HÀNH SỐ ĐẶC KHẢO VỀ:

- TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH
  (Sử Địa số 3, 1966, 172 trang)
- PHONG TỤC TẾT VIỆT NAM VÀ CÁC LÂN BANG
  (Sử Địa số 5, 1967, 240 trang)
- PHAN THANH GIẢN
  (Sử Địa số 7 và 8, 1967, 268)
- QUANG TRUNG
  (Sử Địa số 9 và 10, 1968, 268 trang)
- NGUYỄN TRUNG TRỰC
  (Sử Địa số 12, 1968, 176 trang)
- KỶ NIỆM CHIẾN THẮNG XUÂN KỶ DẬU
  (Sử Địa số 13, 1969, 232 trang)
- VIỆT KIỀU TẠI CÁC LÂN BANG
  (Sử Địa số 16, 1969, 222 trang)
- NAM TIẾN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM
  (Sử Địa số 19, và 20, 1970, 312 trang)
- 200 NĂM PHONG TRÀO TÂY SƠN
  (Sử Địa số 21, 1971, 232 trang)
- ĐÀ-LẠT
  (Sử Địa số 23 và 24, 1971, 332 trang, 29 phụ bản và 2 bản đồ do Nha Địa Dư Quốc Gia ấn loát).

* Chủ nhiệm : NGUYỄN NHÃ
* Quản lý : NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN
Giấy phép xuất bản số 6679 BTLC/BCI ngày 23-11-1965 và biên lai chính thức số 291 BTT/NBC/HCBC ngày 12 tháng 3 năm 1970 và văn thư số 1437/BTT/PTTT/BC ngày 15-9-1972 xác nhận tình trạng pháp lý hiện hành. In tại nhà in Văn-Hữu, 43/1 Chi-Lăng — Gia-Định.

Library HoangSa.Org

sử địa

NĂM THỨ IX ★ tam cá nguyệt san — Số 27-28, tháng 7 đến 12-1974

- *Lá thư tòa-soạn* — HOÀNG XUÂN-HÃN — 1
- *Đúng ba trăm năm trước* — LÃN-ÔNG ỨNG-NHẠC dịch — 3
- *Thượng Kinh Ký Sự* — ĐỒNG-TÙNG — 49
- *Đã vì lý do nào mà lịch sử cách mạng Việt-Nam qua 80 năm chống Pháp mang nhiều thiếu sót và sai lạc* — NGUYỄN QUANG-TÔ — 221
- *Vài tài liệu về Phan-đình-Phùng* — LÊ HỮU-MỤC — 229
- *Chu An (1292-1370)* — ĐỒNG-TÙNG — 239
- *Tạp chí Khoa Học là vật liệu để xây dựng chương trình giáo dục Hoàng xuân-Hãn* — TRẦN THẾ-ĐỨC — 248
- *Cuộc biến đổi kỹ thuật trồng lúa ở Việt-Nam—Một Địa phương điển hình: Tỉnh Kiến-Hòa* — DÃ-LAN NGUYỄN ĐỨC-DỤ — 252
- *Các tiết mục cần thiết cho việc tạo dựng một cuốn gia phả mới* — 291
- *Giới thiệu sách báo* — 315
- *Sinh hoạt văn hóa:*
  - * *NGUYỄN-NHÃ phải làm một cái gì cho văn hóa dân tộc* 329
  - * *TRẦN-QUANG-HUY sinh hoạt truyền thống hát PHẠM-THIÊN-THƯ trống quân* 334
  - * *Dự thảo chủ trương chín điểm của NHÓM NGHIÊN CỨU và PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VIỆT-NAM* 339
  - * *HÃN NGUYÊN họp mặt văn hóa tại tư thất nhà thơ lão thành Á Nam Trần tuấn-Khải* 344
  - * *NHẤT-THANH Cụ nghè Nguyễn-sĩ-Giác, vị tiến sĩ Hán học cuối cùng của Việt-Nam không còn nữa* 358
  - * *TRẦN HUY-PHONG đường hướng Việt Võ Đạo* 361
  - * *HOÀNG-VIỆT-TỬ những buổi diễn thuyết về âm nhạc cổ truyền Việt-Nam của giáo sư Trần-văn-Khê* 363

Hình bìa: *Tháp Chàm « Pô romé » và người Chàm tại Ninh.Thuận*
(Ảnh Phạm-văn-Mùi 1974)

Giá: 800đ.